PHẦN IV

NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

(111) **4-0096401**
(210) 4-2006-03629
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

THUÝ NGA

(151) 25.02.2008
(220) 15.03.2006

(731) MARIE TO (US)
9295 Bolsa Avenue, Westminster, California 92683, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Đĩa CD, băng cassette và bản ghi âm có nội dung chính là âm nhạc; đĩa DVD, đĩa VCD, băng hình và bản ghi âm và hình có nội dung chính là âm nhạc và các cuộc biểu diễn âm nhạc, văn nghệ tạp kỹ, múa, hài và kịch.

---

(111) **4-0096402**
(210) 4-2005-17659
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 27.12.2005

(531) 26.4.2; 5.3.1; 24.17.25
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)
Số 08A, quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu.

(111) **4-0096403**
(210) 4-2005-14461
(181) 28.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

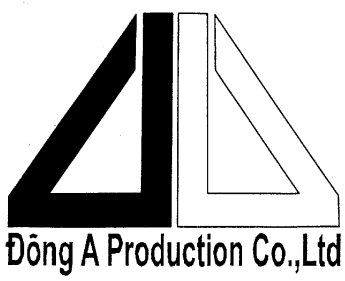

(151) 25.02.2008
(220) 28.10.2005

(531) 26.3.4; A26.3.7; 26.4.4
(731) CÔNG TY TNHH PHIM ĐÔNG A (VN)
Phòng 207, nhà B1, tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; giới thiệu các loại sản phẩm (không kể vận chuyển) vì lợi ích của khách hàng để họ dễ xem và mua các sản phẩm này.

Nhóm 41: Sản xuất phim; tổ chức họp báo; tổ chức hội thảo; tổ chức hội nghị; tư vấn và tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật; trò chơi giải trí bằng truyền hình; xuất bản sách và tài liệu (ngoài loại quảng cáo).

---

(111) **4-0096404**
(210) 4-2006-00622
(181) 12.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FREEJEX

(151) 25.02.2008
(220) 12.01.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ PHÚ YÊN - PYMEPHARCO (VN)
166 - 170 Nguyễn Huệ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096405**
(210) 4-2006-00805
(181) 16.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MINH LIÊN

(151) 25.02.2008
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH LIÊN (VN)
54 Nguyễn Trãi, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
(740) Trung tâm Tư vấn đầu tư và Công nghệ (VIETBID)

(511) Nhóm 19: Kính dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0096406**
(210) 4-2006-01104
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TOÀN LỢI (VN)
217/47 Lãnh Binh Thăng, phường 12, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Chén cổ (ổ lái, là vòng đựng bi gắn ở cổ xe để cổ xe có thể xoay được) xe đạp; chén cổ (ổ lái) xe máy; cốt đùm (trục moay - ơ) xe đạp và xe máy; thanh gác chân của xe đạp và xe máy.

---

(111) **4-0096407**
(210) 4-2005-14464
(181) 28.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DAICHIN

(151) 25.02.2008
(220) 28.10.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT CƠ KHÍ VÀ THƯƠNG MẠI HẢI HÀ (VN)
2721/3B, khu phố 3, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy, vành xe máy, hộp xích xe máy, má phanh xe máy, ống xả khói xe máy.

---

(111) **4-0096408**
(210) 4-2005-17468
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

JOMATAB

(151) 25.02.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0096409**
(210) 4-2005-17470
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GUTASMO

(151) 25.02.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0096410**
(210) 4-2005-17472
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GUTINAC

(151) 25.02.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0096411**
(210) 4-2005-17473
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ENCILOR

(151) 25.02.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0096412**
(210) 4-2006-01077
(181) 19.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 19.01.2006

(531) A24.1.15; 3.7.17; A25.1.10
(591) Vàng, xanh lá cây, trắng
(731) CƠ SỞ VẠN PHÁT (VN)
168/6 Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Nước rửa chén.

---

(111) **4-0096413**
(210) 4-2006-01235
(181) 23.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

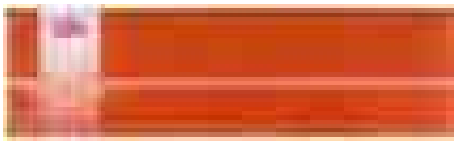

(151) 25.02.2008
(220) 23.01.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; 26.11.1; A26.11.12
(591) Trắng, hồng, da cam, xám
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182- 182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0096414**
(210) 4-2005-15250
(181) 11.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 11.11.2005

(531) 2.9.4
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG THỜI ĐẠI (VN)
2A Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ sản xuất: phim nhựa, phim truyền hình, phim tài liệu, chương trình video, đĩa CD, VCD, DVD có chương trình; hoạt động kinh doanh bổ trợ cho công nghệ

phim ảnh và video như: biên tập, lồng tiếng, gắn phụ đề, đồ họa, dịch vụ ghi hình (video clip); tổ chức biểu diễn, tổ chức sự kiện về văn hoá, giáo dục, giải trí, nghệ thuật, thể thao.

---

(111) **4-0096415**
(210) 4-2005-15251
(181) 11.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 11.11.2005

(531) 2.9.4
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TRUYỀN THÔNG THỜI ĐẠI (VN)
2A Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ sản xuất: phim nhựa, phim truyền hình, phim tài liệu, chương trình video, đĩa CD, VCD, DVD có chương trình; hoạt động kinh doanh bổ trợ cho công nghệ phim ảnh và video như: biên tập, lồng tiếng, gắn phụ đề, đồ hoạ, dịch vụ ghi hình (video clip); tổ chức biểu diễn, tổ chức sự kiện về văn hoá, giáo dục, giải trí, nghệ thuật, thể thao.

---

(111) **4-0096416**
(210) 4-2005-15253
(181) 11.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 11.11.2005

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHAN GIA HƯNG (VN)
35/30 Nguyễn Văn Săng, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hạt giống; mua bán dụng cụ chăn nuôi, nông nghiệp.

---

(111) **4-0096417**
(210) 4-2006-01086
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SƠN LÂM

(151) 25.02.2008
(220) 20.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LÂM SƠN (VN)
Số 177, đường Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại; ván sàn; ván ốp; vách ngăn không bằng kim loại; lan can không bằng kim loại; gỗ xẻ.

---

(111) **4-0096418**
(210) 4-2006-01204
(181) 23.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BẢO LONG

(151) 25.02.2008
(220) 23.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM THẢO DƯỢC BẢO LONG (VN)
Thôn La Gián, xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; sữa tắm; sữa rửa mặt; dầu gội đầu.

---

(111) **4-0096419**
(210) 4-2005-16090
(181) 29.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

H2OH!

(151) 25.02.2008
(220) 29.11.2005

(591) Xanh nước biển, xanh dương, xanh lá cây
(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng và nước có ga và các loại đồ uống không cồn khác; đồ uống làm từ trái cây và nước trái cây ép; xi rô, chất cô đặc để pha đồ uống và các chế phẩm khác để pha đồ uống.

---

(111) **4-0096420**
(210) 4-2005-16359
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

LOTTE

(151) 25.02.2008
(220) 02.12.2005

(731) HONAM PETROCHEMICAL CORP. (KR)
Lotte Kwanak Tower B/D., Shindaebang-dong, Dongjak-gu, Seoul, 156-012, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Nhựa nhân tạo dạng thô polyetylen; nhựa nhân tạo dạng thô polypropylen; nhựa nhân tạo dạng thô axetat vinyl etylen; polyetylen terephtalat; polycacbonat; nhựa nhân tạo dạng thô polyeste; rượu etyle glycol (hợp chất hoá học dùng trong công nghiệp); oxit etylen; sản phẩm cộng của oxit etylen; monome styren; metyl metacrylat; axit tereptalic; axit isoptalic.

---

(111) **4-0096421**
(210) 4-2006-20046
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CHEEXY

(151) 25.02.2008
(220) 20.11.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096422**
(210) 4-2006-20047
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NATALY

(151) 25.02.2008
(220) 20.11.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096423**
(210) 4-2006-20048
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RAPIFOS

(151) 25.02.2008
(220) 20.11.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096424**
(210) 4-2006-20049
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ULTRAFOS

(151) 25.02.2008
(220) 20.11.2006

(731) EURO HEALTHCARE PTE LTD (SG)
1 North Bridge Road, # 19-04/05, High Street Centre, Singapore-179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096425**
(210) 4-2006-18924
(181) 03.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CUM-PIRIN

(151) 25.02.2008
(220) 03.11.2006

(731) NATUR PRODUKT ZDROVIT SP.Z.O.O (PL)
NOcznickiego 31 01 - 918 Warszawa, Poland
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096426**
(210) 4-2006-18961
(181) 06.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 06.11.2006

(531) 26.3.1; 21.3.21; 25.5.5; 26.1.1
(591) Đỏ, xanh lá
(731) CÔNG TY TNHH CÁT (VN)
159/37 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Quảng cáo, cho thuê khoảng không gian quảng cáo; giới thiệu sản phẩm; phát hành các tài liệu quảng cáo; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; quảng cáo ngoài trời.

Nhóm 41: Tổ chức và hướng dẫn hội thảo chuyên đề; tổ chức và điều khiển hội nghị; tổ chức và điều khiển đại hội; tổ chức và điều khiển thảo luận chuyên đề; tổ chức và điều khiển hội nghị chuyên đề; tổ chức và điều khiển hội nghị tập huấn.

---

(111) **4-0096427**
(210) 4-2003-07578
(181) 01.09.2013
(450) 25.04.2008 241
(540)

TANIVIL

(151) 25.02.2008
(220) 01.09.2003

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HOÀ BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật.

---

(111) **4-0096428**
(210) 4-2005-17474
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

XIMEPROX

(151) 25.02.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0096429**
(210) 4-2005-17475
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 22.12.2005

(531) 26.4.2; A24.9.7
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT HOÀNG QUAN (VN)
2967 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Keo dán tổng hợp dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0096430**
(210) 4-2005-17476
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 22.12.2005

(531) 26.4.2; A24.9.7; 26.1.1; A25.7.3; 11.3.1
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, da cam, xanh tím, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT HOÀNG QUAN (VN)
2967 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 01: Keo dán tổng hợp dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0096431**
(210) 4-2005-17477
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 22.12.2005

(531) 26.4.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÁ CHẤT ĐẠI VIỆT (VN)
373/152/41/16 Lý Thường Kiệt, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán hoá chất; mua bán dụng cụ thí nghiệm.

---

(111) **4-0096432**
(210) 4-2006-20572
(181) 24.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OP.CALIFE

(151) 25.02.2008
(220) 24.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096433**
(210) 4-2007-01897
(181) 26.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 26.01.2007

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH XI MĂNG VIỆT HOA (VN)
Quốc lộ 1A, xã Tân Ngãi, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Xi măng.

---

(111) **4-0096434**
(210) 4-2007-01898
(181) 26.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

PA ®
PHUONG ANH
ELECTRONICS

(151) 25.02.2008
(220) 26.01.2007

(531) 26.4.2; 26.1.2
(731) CƠ SỞ PHƯƠNG ANH (VN)
20/D75 đường 3/2, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Loa; âm li; đầu máy karaoke; đầu máy DVD.

(111) **4-0096435**
(210) 4-2001-03437
(181) 31.07.2011
(450) 25.04.2008 241
(540)

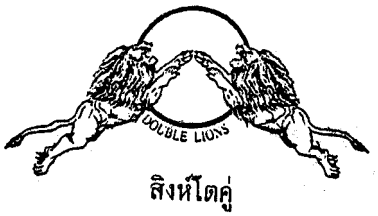

(151) 25.02.2008
(220) 31.07.2001

(531) 3.1.1; A3.1.23
(731) T.C. PHARMACEUTICAL INDUSTRIES CO., LTD. (TH)
39 Mu 8, Ekachai Road, Bangbon Sub-District, Bangbon District, Bangkok 10150, Thailand
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 32: Các loại đồ uống không có cồn, nước uống tăng lực, nước uống có ga, nước ép hoa quả, nước hoa quả, nước khoáng, nước uống, nước ép rau quả.

---

(111) **4-0096436**
(210) 4-2003-03248
(181) 07.05.2013
(450) 25.04.2008 241
(540)

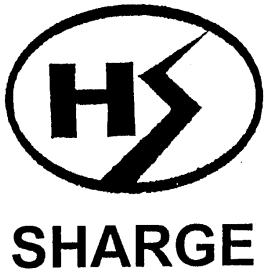

(151) 25.02.2008
(220) 07.05.2003

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HASA (VN)
344 phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 07: Máy giặt.

Nhóm 11: Tủ lạnh, tủ đá, tủ bảo quản thực phẩm, bình nước nóng, bếp ga.

---

(111) **4-0096437**
(210) 4-2006-18848
(181) 03.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FEZOCET

(151) 25.02.2008
(220) 03.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0096438**
(210) 4-2006-18849
(181) 03.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHORXY

(151) 25.02.2008
(220) 03.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0096439**
(210) 4-2006-21608
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PIZA

(151) 25.02.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06- 1, khu công nghiệp Đức Hoà I - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0096440**
(210) 4-2007-04620
(181) 20.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 20.03.2007

(531) A11.3.7; 26.4.3
(591) Đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÀ HÀNG MÓN HUẾ (VN)
7 Cao Thắng, phường 2, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH một thành viên Trường Luật (CÔNG TY TRUONG LUAT)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0096441**
(210) 4-2006-01447
(181) 26.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 26.01.2006

(531) A1.1.10; A26.4.5
(731) STARHUB LTD (SG)
51 Cuppage Road #07-00 Starhub Centre, Singapore 229469
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 09: Các máy móc truyền thông dữ liệu, phần cứng của các thiết bị truyền thông dữ liệu, các dụng cụ truyền thông dữ liệu, phần mềm của thiết bị liên lạc dữ liệu, các thiết bị viễn thông xách tay, các thiết bị viễn thông và truyền hình (bao gồm bộ điều giải (modem) cáp, hộp đầu cáp và đầu máy vi đê ô kỹ thuật số), các thiết bị viễn thông, các trang bị truyền thông, máy móc truyền thông, điện thoại di động, các thiết bị viễn thông di động, các thiết bị điện thoại; thẻ đã được mã hoá dùng cho các sản phẩm và dịch vụ viễn thông bao gồm thẻ gọi trả trước và thẻ gọi trả sau; chương trình đã được mã hoá dùng cho máy vi tính, cho các phương tiện truyền thông dữ liệu và xử lý dữ liệu; phần cứng và phần mềm dùng cho mạng lưới viễn thông không dây, cho mạng lưới truyền thông dữ liệu, cho mạng lưới viễn thông hình ảnh và cho mạng lưới viễn thông giọng nói và cho các dịch vụ chuyên nghiệp; tất cả đều nằm trong nhóm này.

Nhóm 35: Tổ chức, quản trị, giám sát và điều hành các chương trình trao giải thưởng và các chương trình khách hàng trung thành, các chương trình tiền thưởng và khuyến mãi và các chương trình quảng cáo, xúc tiến bán hàng; các dịch vụ tiếp thị, quảng cáo và xúc tiến bán hàng; dịch vụ tư vấn và cố vấn cho các dịch vụ kể trên; tất cả đều nằm trong nhóm này.

Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông; dịch vụ truyền hình bao gồm truyền hình cáp, dịch vụ băng thông rộng, dịch vụ đa phương tiện và những tiện ích; truy cập mạng lưới (bao gồm truy cập mạng lưới thông tin liên lạc toàn cầu); dịch vụ viễn thông, dịch vụ viễn thông và điện thoại di động và cố định, dịch vụ viễn thông qua vệ tinh, dịch vụ viễn thông di động, dịch vụ điện thoại di động và điện thoại dùng sóng vô tuyến, dịch vụ sao chép (fax) qua sóng vô tuyến, dịch vụ liên lạc bằng rađiô và sóng rađiô; vận hành mạng lưới viễn thông cụ thể cho việc liên lạc trong mạng di động bằng cách chuyển và truyền dữ liệu và một số thông tin khác giữa các điện thoại di động hoặc với điện thoại trong mạng lưới trên mặt đất; cung cấp truyền không dây việc tải lên và tải xuống: nhạc chuông, giọng nói, âm nhạc có thể tải được, hình ảnh động tầng 3 của âm thanh (định dạng file âm thanh) (MP3), đồ hoạ, trò chơi, trò chơi viđêô, các thông tin và tin tức thông qua mạng máy tính toàn cầu đến các thiết bị viễn thông di động không dây; gửi tin nhắn, nhận và gửi lại tin nhắn; cung cấp các truy cập viễn thông vào các dịch vụ cơ sở dữ liệu để cung cấp dịch vụ gia tăng cho những người sử dụng mạng; dịch vụ viễn thông với các dữ liệu bằng rađiô, bằng các thiết bị viễn thông và bằng vệ tinh; dịch vụ trả lời điện thoại tự động; dịch vụ chọn số đẹp (cho phép khách hàng lựa chọn số điện thoại, thường là các số đẹp và hiếm, trong danh sách các số có sẵn và trả phí tuỳ theo từng số), cung cấp dịch vụ internet, cụ thể là dịch vụ truy cập internet; dịch vụ viễn thông bằng các thông tin (bao gồm cả trang web), bằng các chương trình máy vi tính và bằng các dữ liệu khác; dịch vụ thư điện tử, cung cấp dịch vụ giao thức không dây bao gồm sử dụng kênh viễn thông đảm bảo; dịch vụ trao đổi dữ liệu;

chuyển các dữ liệu bằng các phương tiện viễn thông; hệ thống các thông tin điện tử đặc biệt telex (hoặc hệ hiển thị dữ liệu), dịch vụ điện toán cung cấp tin tức và thông tin trên màn hình ti vi cho những người đặt thuê và dịch vụ xem dữ liệu, dịch vụ tin nhắn cụ thể là gửi, nhận và chuyển lại các tin nhắn dưới dạng văn bản, dạng âm thanh, dạng hình ảnh đồ hoạ hoặc dạng viđêô hoặc dạng kết hợp các dạng nói trên; dịch vụ tin nhắn thống nhất; dịch vụ thư tiếng nói; dịch vụ cung cấp đường truyền dữ liệu; dịch vụ thảo luận qua viđêô; dịch vụ điện thoại qua viđêô; cung cấp việc kết nối viễn thông đến Internet hoặc cơ sở dữ liệu; gửi (truyền) tin tức; cung cấp thông tin danh bạ điện thoại; cung cấp kết nối đến cơ sở dữ liệu của máy tính hoặc mạng máy tính toàn cầu; các dịch vụ về thông tin, dịch vụ tư vấn và cố vấn cho các dịch vụ kể trên; tất cả đều nằm trong nhóm này.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và vui chơi giải trí; cung cấp các trò chơi bằng các hệ thống làm việc dựa vào máy vi tính; cung cấp tin tức (tin tức giải trí); cung cấp tin tức trực tuyến (tin tức giải trí); các dịch vụ giáo dục và giải trí liên quan đến thể thao, xuất bản các thông tin dưới dạng điện tử.

Nhóm 42: Nghiên cứu và phát triển: các thiết bị viễn thông, các thiết bị truyền hình, các tiện nghi của băng thông rộng và các tiện nghi của đa phương tiện (phương pháp giới thiệu thông tin bằng máy tính sử dụng nhiều phương tiện truyền thông tin), trình ứng dụng tin học và các dịch vụ; dịch vụ tư vấn, dịch vụ cố vấn và tư vấn cho các dịch vụ trên, dịch vụ thông tin có liên quan đến các dịch vụ nói trên; thiết kế, vẽ và viết văn bản theo sự uỷ thác, tất cả để thiết kế các trang web trên mạng máy tính toàn cầu; khởi tạo và duy trì các trang Web và các dịch vụ thông tin nhanh các văn bản, hình ảnh và giọng nói đã tích hợp giữa những người sử dụng điện thoại di động với những người sử dụng máy tính cá nhân, và những người sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc khác; lưu trữ trang Web của người khác; cài và duy trì phần mềm máy vi tính; cho thuê theo hợp đồng truy cập theo thời gian vào cơ sở dữ liệu trên máy vi tính, trên trang web, trên các trang chủ và các bảng thông báo của người khác (không phải bởi các nhà cung cấp dịch vụ mạng máy tính toàn cầu); thiết kế và phát triển chương trình máy tính, thiết bị đầu cuối máy vi tính, màn hình, bàn phím, máy tính xách tay, mô đem, thiết bị ngoại vi của máy tính, bất cứ các thiết bị, bộ phận, linh kiện của mạng máy tính toàn cầu; các dịch vụ máy tính nằm trong nhóm này; dịch vụ máy tính bao gồm trong nhóm này được cung cấp trực tuyến từ mạng máy tính toàn cầu; dịch vụ tư vấn liên quan đến ngành máy tính; khởi tạo và duy trì trang Web cho người khác; cung cấp dịch vụ cài đặt, lưu trữ trang web, cài đặt, lưu trữ mạng máy tính; cung cấp các thông tin liên quan đến các dịch vụ nói trên, bao gồm cả các thông tin được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu hoặc từ mạng máy tính toàn cầu; tất cả đều nằm trong nhóm này.

---

(111) **4-0096442**
(210) 4-2005-16464
(181) 06.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NEONPRO

(151) 25.02.2008
(220) 06.12.2005

(731) NEONPRO NEON LTD. (CA)
1150 W. 55th Avenue, Vancouver, BC, Canada V6P 1R1
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Thiết bị uốn đèn nê-ông.

Nhóm 09: Bộ biến áp đèn nê-ông; điện cực dùng cho đèn nê-ông; các bộ phận của biển báo nê-ông, cụ thể là vỏ bọc điện cực và giá đỡ ống đèn; thiết bị thử ống phóng điện; dây dẫn điện cao thế của bộ biến áp nê-ông dùng cho biển báo nê-ông; cáp dẫn điện cao thế của bộ biến áp nê-ông dùng cho biển báo nê-ông; chấn lưu điện tử; thiết bị bắn phá nê-ông; biển báo phản quang; biển báo nê-ông; biển hiệu diot phát quang; bảng thông báo diot phát quang; mođun chiếu sáng bằng diot phát quang; hệ thống màn hình hiển thị bằng diot phát quang, bộ biến áp điện tử; bộ biến thế điện; bộ đổi điện; bộ điều chỉnh độ sáng của đèn điện; ống cách điện bọc ngoài mối nối dùng cho cáp điện; bộ chấn lưu đèn; bộ chống tăng vọt điện áp; bộ điều chỉnh chiếu sáng sân khấu.

Nhóm 11: Mỏ đốt của đèn, ống phát quang để chiếu sáng; mỏ đốt axêtylen; đèn điện dùng cho cây Noel; biển số nhà phát quang; đèn nháy (đèn flát); ống đèn nê-ông thuỷ tinh, đèn nê-ông, hộp đèn, ống thuỷ tinh dùng cho đèn nê-ông.

---

(111) **4-0096443**
(210) 4-2006-18683
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.4.2; A26.11.12
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) COSTCO WHOLESALE CORPORATION (US)
999 Lake Drive, Issaquah, Washington 98027, U.S.A
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm làm trắng và chế phẩm khác để giặt; chất tẩy nhờn dùng để giặt, chất để tẩy trắng, nước làm mềm vải dùng cho gia đình; chất để tẩy rửa, đánh bóng, tẩy dầu mỡ và mài mòn; chế phẩm làm sạch; xà phòng dạng lỏng dùng cho gia đình; nước rửa chén bát và phòng tắm; chế phẩm làm bóng và lau sàn, chế phẩm làm sạch sàn tàu thuyền; chế phẩm đánh bóng đồ gỗ; chất tẩy vết bẩn trên bát đĩa dưới dạng lỏng dạng bột và dạng gel; chất tẩy vết bẩn trên bát đĩa; xà phòng rửa bát đĩa dạng lỏng; xà phòng diệt khuẩn dạng lỏng; xà phòng dạng thanh và dạng lỏng dùng cho tay, mặt và cơ thể; chất gel dùng để tắm; chất gel dùng để tắm vòi hoa sen; chế phẩm để tắm rửa dùng cho cơ thể; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm; chế phẩm chăm sóc da không tẩm thuốc; son thơm; chế phẩm chăm sóc tóc; dầu gội đầu; dầu xả; keo xịt tóc; nước thơm, thuốc mỡ (mỹ phẩm) và kem mỹ phẩm dùng cho tay, mặt và cơ thể; kem đánh răng; chất gel dùng cho răng; nước súc miệng không tẩm thuốc; chất khử mùi dùng cho cá nhân (không dùng cho y tế); chất chống đổ mồ hôi dùng cho cá nhân (không dùng cho y tế); dung dịch làm sạch kính mắt, khăn dùng một lần có tẩm mỹ phẩm làm ẩm dùng cho trẻ em và cá nhân; khăn dùng một lần được tẩm chế phẩm làm sạch dùng cho gia đình; khăn dùng một lần có tẩm chất tẩy uế dùng để làm sạch (không dùng cho y tế).

Nhóm 05: Chế phẩm dược; thuốc giảm đau (bao gồm cả aspirin); thuốc ho; xi rô trị ho; chế phẩm trị bệnh cảm lạnh; thuốc làm thông mũi; thuốc chống dị ứng; thuốc ngủ; thuốc làm cho tỉnh táo (thuốc cafêin); thuốc làm mềm phân; chế phẩm chữa bệnh trĩ; thuốc nhuận tràng; viên thuốc hình đạn; thuốc trị bệnh tiêu chảy; thuốc làm giảm sự thèm ăn; thuốc làm giảm độ a xít trong dạ dầy; chế phẩm trị chứng ợ nóng; chất bổ sung lactase enzyme (chế phẩm chống lactose intolerance); nước thơm có tẩm thuốc; kem và thuốc mỡ dùng làm thuốc; chế phẩm dùng cho da có tẩm thuốc; son thơm có tẩm thuốc (dùng cho mục đích y tế); nước súc miệng có tẩm thuốc; thuốc mỡ diệt khuẩn; thuốc kích thích mọc tóc (thuốc trị bệnh ngoài da); chế phẩm chẩn đoán sự có thai; chất ăn kiêng dùng cho ngành y; chất bổ sung khoáng và vi ta min; chất bổ sung dinh dưỡng và vi ta min; dược thảo; chất bổ sung ăn kiêng; thuốc bột và thuốc uống thay thế thức ăn (dùng cho mục đích y tế); dầu cá; sụn cá (dùng cho mục đích y tế); đường glucozamin chondriotin dùng trong ngành y; phấn ong (dùng cho mục đích y tế); chế phẩm vệ sinh dùng cho ngành y; khăn có tẩm chế phẩm làm ẩm dùng cho mục đích tế; dầu gội đầu có tẩm thuốc (dùng cho mục đích y tế); dung dịch làm sạch kính mắt có tẩm thuốc; khăn dùng một lần có tẩm thuốc làm ẩm dùng cho trẻ em và cá nhân, băng y tế, hộp thuốc y tế (có chứa thuốc ở trong); thực phẩm cho trẻ em; thuốc dùng cho người bệnh không kiềm chế được vệ sinh cá nhân; băng vệ sinh và nút bông vệ sinh dùng cho phụ nữ; dung dịch rửa kính áp tròng; chất tẩy uế dùng trong ngành y; thuốc diệt nấm; thuốc diệt cỏ; thuốc diệt động vật gây hại; thuốc trừ sâu.

Nhóm 30: Cà phê; chất thay thế cà phê; chè; chè ủ; chè thảo dược không dùng trong y tế, chè được làm lạnh; đồ uống trên cơ sở chè; đường; gạo; bột mỳ; chế phẩm được làm từ ngũ cốc hoặc hạt ngũ cốc; bỏng ngô; mỳ sợi khô; bánh ngô; bánh quy giòn; khoai tây rán với bánh ngô; thực phẩm dạng thanh từ ngũ cốc hoặc hạt ngũ cốc; ngũ cốc cho bữa ăn sáng; bánh dạng viên chủ yếu làm từ yến mạch, mầm lúa mỳ, quả hồ đào, quả hạnh (đồ ăn sáng); đồ ăn nhanh làm từ ngũ cốc hay hạt ngũ cốc; bánh ngọt và bánh nướng; ngũ cốc để làm bánh ngọt; bánh mứt kẹo, mứt kẹo dùng để làm bánh (bao gồm cả thỏi sôcôla); kem lạnh; kem lạnh có sữa chua; mứt kẹo lạnh; sôcôla nóng; đồ uống nóng có thành phần sôcôla là chủ yếu; nước chấm (gia vị), gia vị và nước xốt; mật ong; si rô làm từ cây thích; đồ gia vị (nước sốt) làm sa lát; xốt ma-don-ne; giấm; đồ gia vị; chiết xuất từ cây vani (gia vị); hỗn hợp thành phần đồ ăn nhanh gồm: bánh quy giòn, bánh quy xoắn, quả hạch có tẩm đường và/hoặc bỏng ngô; thực phẩm được chế biến trước hoặc được làm lạnh chủ yếu làm từ mỳ sợi, lúa gạo hoặc thịt; bánh pi za; bánh flăng (phết mứt) chủ yếu làm từ trứng và kem; bánh xăng - uých.

Nhóm 32: Bia và rượu bia; nước khoáng; nước uống có ga và không có ga; nước uống đóng chai; nước ngọt; đồ uống hương vị trà; nước trái cây; đồ uống từ trái cây có ga và không có ga; nước chanh; nước ép và đồ uống từ rau xanh; đồ uống dùng cho thể thao (không dùng trong y tế); bột để pha chế đồ uống và đồ uống dùng thay thế thức ăn (không dùng trong y tế); đồ uống không chứa cồn; dung dịch cô đặc, si rô, bột sử dụng để pha chế đồ uống.

(111) **4-0096444**
(210) 4-2006-17381
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HIPAKIT

(151) 25.02.2008
(220) 17.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIẾN VIỆT (VN)
2/1 Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096445**
(210) 4-2006-17487
(181) 18.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 18.10.2006

(531) 4.1.2; 1.7.6; 26.1.1; 2.3.4
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THIÊN AN PHONG (VN)
7 Thái Văn Lung, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; váy đầm; bộ quần áo; quần soóc; quần áo lót.

---

(111) **4-0096446**
(210) 4-2006-18181
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CLORADEX SOLUTION 5ML

(151) 25.02.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG LONG (VN)
2H, Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096447**
(210) 4-2006-18182
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OXYAL

(151) 25.02.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG LONG (VN)
2H, Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096448**
(210) 4-2006-18183
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CROMOLUX 2% SOLUTION EYE DROP 10ML

(151) 25.02.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG LONG (VN)
2H, Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096449**
(210) 4-2006-18165
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CEFXEEM

(151) 25.02.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096450**
(210) 4-2006-17167
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 12.10.2006

(591) Đỏ, xanh lam, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO KHANG (VN)
286/4 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, quảng cáo, tiếp thị sản phẩm: silicôn, chất trám trét dùng trong xây dựng, keo dán dùng trong công nghiệp, keo dán gạch.

---

(111) **4-0096451**
(210) 4-2006-17189
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOMAGE

(151) 25.02.2008
(220) 12.10.2006

(731) DIAGEO BRANDS B.V. (NL)
Molenwerf 10-12, 1014 BG Amsterdam, The Netherlands
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia).

---

(111) **4-0096452**
(210) 4-2006-17240
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 13.10.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SAN HÀ (VN)
Số 10 Dương Văn Dương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Van bằng kim loại (ngoài loại van là bộ phận của máy móc); van ống dẫn nước bằng kim loại; ống dẫn nước bằng kim loại.

Nhóm 07: Máy bơm; máy bơm chân không, van (bộ phận của máy móc); van áp lực (bộ phận của máy móc); nắp van (bộ phận của máy móc).

---

(111) **4-0096453**
(210) 4-2006-17626
(181) 19.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FREEMOVE GC

(151) 25.02.2008
(220) 19.10.2006

(731) PRAYASH HEALTHCARE PVT LTD (IN)
Prime Apartments, 4-77/1, Street No. 8, Habsiguda, Hyderabad, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0096454**
(210) 4-2006-17653
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MANLY

(151) 25.02.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9, ngõ 189/2 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm, chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0096455**
(210) 4-2006-17654
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TONY 920

(151) 25.02.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm, chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0096456**
(210) 4-2006-17709
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

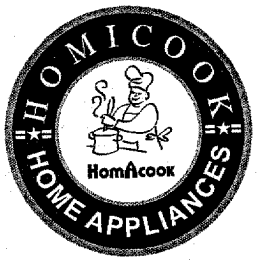

(151) 25.02.2008
(220) 20.10.2006

(531) 2.1.11; 26.1.1; A1.1.10
(731) CÔNG TY TNHH HOÀNG MINH COOK (VN)
301 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố chạy bằng điện; máy ép trái cây dùng điện; máy giặt; máy hút bụi; máy rửa và sấy khô bát đĩa; máy và thiết bị làm sạch dùng điện; máy phát điện.

Nhóm 11: Dụng cụ nấu nướng dùng bằng điện; bếp ga; bếp từ; lò sưởi; dụng cụ và thiết bị làm lạnh; thiết bị lọc nước gia dụng bình nước nóng dùng điện; vòi tắm; bồn tắm; chậu rửa (thiết bị vệ sinh).

Nhóm 21: Đồ đựng giữ nhiệt dùng cho đồ uống; đồ chứa đựng dùng cho gia dụng và nhà bếp (không bằng kim loại quý); bộ nồi niêu xoong chảo dùng cho nhà bếp (không dùng điện); đồ thuỷ tinh, pha lê dùng cho mục đích gia dụng; dụng cụ nhà bếp; ấm đun nước (không dùng điện).

Nhóm 35: Mua bán, ký gửi: thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị sưởi ấm, thiết bị nấu nướng, thiết bị làm lạnh, thiết bị sấy khô, thiết bị thông gió, thiết bị vệ sinh, máy xay sinh tố, máy ép trái cây máy giặt, máy hút bụi, máy rửa và sấy khô bát đĩa, máy phát điện; dịch vụ bán hàng với mục đích thương mại và quảng cáo; quảng cáo thương mại; mua bán, ký gửi thiết bị quảng cáo.

---

(111) **4-0096457**
(210) 4-2006-18365
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CITIUSA

(151) 25.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH HÓA NÔNG MÊ KÔNG (VN)
93/30 Luỹ Bán Bích, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0096458**
(210) 4-2006-18669
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) A1.1.2; A1.1.10; 26.1.1; 26.7.25
(591) Xanh lá cây, xanh dương, nâu, vàng, hồng, trắng
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH LEVER VIETNAM (LEVER VIETNAM JOINT VENTURE) (VN)
Lô A2-3, khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)

(511) Nhóm 03: Các chế phẩm dạng lỏng dùng để giặt rửa trong gia đình; các chế phẩm chăm sóc răng miệng; mỹ phẩm chăm sóc da và tóc; mỹ phẩm chăm sóc cá nhân; các loại mỹ phẩm.

Nhóm 35: Dịch vụ bán buôn và bán lẻ các chế phẩm dùng để giặt, rửa trong gia đình, các chế phẩm chăm sóc răng miệng, mỹ phẩm chăm sóc da và tóc, mỹ phẩm chăm sóc cá nhân, các loại mỹ phẩm, thực phẩm và đồ uống.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.

---

(111) **4-0096459**
(210) 4-2006-18685
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

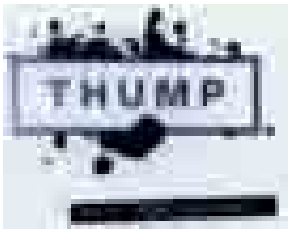

(151) 25.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.4.2; 26.13.1
(731) MARK GANLEY (GB)
24 Saltmead, Portswood, Southampton, Hampshire, SO17 2 FJ, England
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép, mũ nón thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Mua bán túi xách, quần áo, mũ nón, giày dép.

Nhóm 42: Thiết kế mẫu quần áo, giày dép, mũ nón, túi xách.

---

(111) **4-0096460**
(210) 4-2007-13991
(181) 24.07.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 25.02.2008
(220) 24.07.2007

(531) A25.1.10; A5.3.14
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TRƯỜNG SƠN (VN)
Số 28, ngách 135/1, ngõ 135 phố Núi Trúc (số 6 Giang Văn Minh mới), quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Bia; nước giải khát có ga; nước tinh lọc (đồ uống); nước ép hoa quả không chứa cồn; nước xô đa; xi rô hoa quả.

Nhóm 33: Rượu; đồ uống có cồn (trừ bia); nước ép trái cây chứa cồn.

---

(111) **4-0096461**
(210) 4-2004-02115
(181) 18.03.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

HELLO KITTY

(151) 26.02.2008
(220) 18.03.2004

(731) SANRIO COMPANY, LTD. (JP)
1-6-1, Osaki, Shinagawa-ku, Tokyo, 141-8603, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Bán buôn và bán lẻ và thực hiện các dịch vụ đặt hàng qua thư liên quan đến việc bán các đồ quà tặng trong bữa tiệc và các đồ trang trí hay đồ trang hoàng các lễ hội, các món quà tặng và những đồ thiết kế lạ mắt để bày hay làm quà, xà phòng, nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm, nước xức tóc, các sản phẩm chăm sóc tóc, đồ trang điểm, thuốc đánh răng, các sản phẩm vệ sinh cá nhân, chất để tẩy rửa, đánh bóng và mài mòn, chất để giặt, dụng cụ cắt sửa móng tay, các sản phẩm chăm sóc móng tay và móng chân, thuốc đánh móng tay và móng chân, sơn màu bôi móng tay và móng chân, móng tay hay móng chân giả, chất ăn kiêng, thực phẩm cho trẻ em, sản phẩm vệ sinh, nến, bấc, đóm hay mồi nhóm lửa, mỡ, dầu nhờn, dầu dùng cho sơn, dao kéo, bát đĩa, bộ đồ chăm sóc móng tay và móng chân, dụng cụ để cạo râu, dao cạo râu, máy và các dụng cụ máy dùng trong bếp và trong gia đình, các dụng cụ cầm tay, phim, máy quay phim (camêra), đĩa ghi ảnh chụp, đầu viđêô, các sản phẩm nghe nhìn, băng ghi âm và hình, các loại đĩa (để ghi âm và/hoặc hình ảnh), dụng cụ và thiết bị để thu, truyền và/hoặc tái tạo âm thanh và/hoặc hình ảnh, ti vi, máy cátxét chạy băng và/hoặc máy ghi âm, đầu máy viđêô và/hoặc đầu đĩa và/hoặc máy ghi hình, đài rađiô, điện thoại, điện thoại không dây, điện thoại di động, hộp điện thoại di động, đồ trang trí và dây đeo điện thoại di động, thiết bị hiển thị cuộc gọi, máy để tính, máy tính, trò chơi điện tử và trò chơi cho máy vi tính, phim điện ảnh, diêm hay đóm châm

lửa, quạt, đồ nấu ăn, khuôn làm bánh ngọt và bánh bao hay bánh nướng từ bột, lò nướng bánh, lò nướng, đồ dùng trong bếp, đồ dùng và đồ chứa để đựng thực phẩm và/hoặc đồ uống, đũa, dụng cụ để cắt, đồ sành, đồ sứ, đồ pha lê, đồ có tráng men, đồ bạc, đồ thủy tinh, đồ làm bằng đất nung, đồ gốm, máy sấy tóc, đèn, chụp đèn và các phụ tùng của đèn, xe đẩy cho trẻ em, bóng bay, còi xe đạp, đồng hồ và đồng hồ đeo tay và các phụ kiện và phụ tùng của chúng, đồ kim hoàn và đồ giả kim hoàn, đồ trang sức, sản phẩm làm bằng kim loại quý hay được mạ kim loại quý, hộp nhạc, dụng cụ âm nhạc, tranh, ảnh chụp, văn phòng phẩm, giấy và các tông và các sản phẩm làm từ các vật liệu đó, vật liệu dùng cho nghệ sĩ, chổi sơn hay bút lông để vẽ, dụng cụ để viết, ấn phẩm, sách, báo, tạp chí và tạp chí xuất bản định kỳ, thiệp mừng và thiệp mừng giáng sinh, bộ bài, vật liệu để đóng gói, khung ảnh và giá để ảnh, băng dính dùng trong văn phòng và gia đình, đồ gỗ, gương, mắc áo và cái móc áo, hộp và đồ chứa, bảng đề tên, các phụ tùng nhỏ dùng trong gia đình, đồ dùng và đồ đựng trong gia đình và đồ dùng trong bếp, lược, miếng bọt biển để lau rửa hay tắm, chổi lông, đồ để lau rửa, thảm, nệm, chiếu, đồ chơi, trò chơi, đồ dùng thể thao, đồ trang hoàng cây Noel, thực phẩm và đồ uống, mứt hay kẹo, sản phẩm của hoa hay cây, diêm, xì gà, thuốc lá và các vật dụng cho người hút thuốc; dịch vụ quảng cáo; tổ chức triển lãm nhằm mục đích thương mại và quảng cáo cho người khác; xuất bản các trang viết hay bài viết để giới thiệu với công chúng; xúc tiến bán hàng (cho người khác); làm đại lý quảng cáo; quản lý kinh doanh cho các nghệ sĩ đang biểu diễn; đại lý xuất nhập khẩu; tổng hợp thông tin vào dữ liệu máy tính cho người khác nhằm phục vụ mục đích kinh doanh; quảng cáo qua thư gửi trực tiếp tới các đối tượng cần quảng cáo; quản lý kinh doanh cho khách sạn; nghiên cứu marketing; quảng cáo ngoài trời; tuyển dụng nhân sự; đại lý quảng cáo; quảng cáo trên rađiô; quảng cáo trên truyền hình (quảng cáo trực tiếp trên mạng máy tính; dịch vụ mua sắm cho người khác (mua sắm hàng hóa và dịch vụ cho các đơn vị khác); cho thuê thời gian quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng; cho thuê máy và thiết bị văn phòng; cho thuê máy bán hàng tự động); tất cả dịch vụ thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0096462**
(210) 4-2006-18184
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MOLTHEPAGEN

(151) 26.02.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH TRƯỜNG SƠN (VN)
12 ngách 84/24 Ngọc Khánh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096463**
(210) 4-2006-18185
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HELMZOLE

(151) 26.02.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG TÂM (VN)
47 đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096464**
(210) 4-2006-18347
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 27.10.2006

(531) A26.11.12
(591) ĐEn, đen nhạt, trắng
(731) LONNIX (M) SDN BHD (MY)
No.10 Jalan TTC 26, Taman Teknologi Cheng, 75250 Melaka, Malaysia
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Đồ uống từ thảo dược dùng cho mục đích y tế, chế phẩm dược, viên thuốc sủi bọt và thuốc bột dùng cho mục đích y tế, chất bổ sung dùng cho mục đích y tế, dung dịch vệ sinh phụ nữ cụ thể là dung dịch vệ sinh phụ nữ dùng để rửa, băng vệ sinh phụ nữ.

Nhóm 30: Đường phèn, kẹo, kẹo cao su, đường, bánh kẹo.

---

(111) **4-0096465**
(210) 4-2006-18349
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

METBEST

(151) 26.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ DƯỢC PHẨM HOÀN CẦU (VN)
164 Hào Nam, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0096466**
(210) 4-2006-18360
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FUJIHOMES

(151) 26.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỆT NAM (VN)
360 Trần Phú, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Tivi; loa; ampli; đầu đọc đĩa; máy vi tính; máy điện thoại.

Nhóm 11: Nồi cơm dùng điện; lò nướng; lò vi sóng; ấm đun nước chạy bằng điện; nồi áp suất dùng điện; bếp ga.

---

(111) **4-0096467**
(210) 4-2006-18361
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.1.2; 5.3.20
(731) CÔNG TY TNHH MTB (VN)
99, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

Nhóm 35: Mua bán: vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật.

---

(111) **4-0096468**
(210) 4-2006-18363
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RUSSI

(151) 26.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH HÓA NÔNG MÊ KÔNG (VN)
93/30 Luỹ Bán Bích, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0096469**
(210) 4-2006-18366
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CITIONE

(151) 26.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH HÓA NÔNG MÊ KÔNG (VN)
93/30 Luỹ Bán Bích, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0096470**
(210) 4-2006-18367
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CITTIZEN

(151) 26.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH HÓA NÔNG MÊ KÔNG (VN)
93/30 Luỹ Bán Bích, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0096471**
(210) 4-2006-18762
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

StartBiz®

(151) 26.02.2008
(220) 02.11.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KẾT NỐI THỊ TRƯỜNG (VN)
25A Phạm Viết Chánh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 41: Xuất bản ấn phẩm.

(111) **4-0096472**
(210) 4-2006-03703
(181) 16.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HORIKI

(151) 26.02.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THẢO NGUYÊN (VN)
846 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 12: Xe đạp; xe đạp điện.

---

(111) **4-0096473**
(210) 4-2006-03705
(181) 16.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 16.03.2006

(531) 1.5.1
(591) Vàng, xanh dương, đỏ, trắng, đen
(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ LỆ THI (VN)
172 Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn; giầy; dép; tất.

---

(111) **4-0096474**
(210) 4-2006-03706
(181) 16.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 16.03.2006

(531) 26.1.2; A1.5.3
(591) Đỏ gạch, vàng, xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH L.Y.S (VN)
147 Đinh Tiên Hoàng, phường Đakao, quận I, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 39: Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

---

(111) **4-0096475**
(210) 4-2006-04741
(181) 31.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 31.03.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; 4.5.21
(731) I LAN FOODS IND. CO., LTD. (TW)
No. 19-13, Shin Cheng N. Road, Shin Cheng Li, Su-Aou, I Lan, Taiwan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Thịt lợn, ruốc thịt, các sản phẩm từ cá (thực phẩm), thực phẩm đóng hộp, thịt hộp, hoa quả bảo quản, nước ép cà chua để nấu, mứt, dưa muối, bắp cải muối, xúp, trứng, đồ uống từ sữa, các sản phẩm sữa, dầu ăn, nho khô, khoai tây lát mỏng, hoa quả trộn, hoa quả đông lạnh, nước quả nấu đông, nước quả nấu đông dùng làm thực phẩm, lạc đã chế biến, mộc nhĩ, nước đậu phụ làm đông.

Nhóm 32: Bia, bia tươi, nước có ga, nước hoa quả, nước khoáng (đồ uống), đồ uống chứa gừng, si rô để làm đồ uống, đồ uống có vị chua, nước ép từ rau để làm đồ uống, si rô mận.

Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia), rượu vang hoa quả (chứa cồn), rượu arac (rượu mùi), đồ uống có cồn được chưng cất, rượu vang nho, rượu brandi, rượu vang Nhật Bản làm từ gạo, rượu uýt ki, đồ uống có cồn làm từ gạo, rượu sa kê, rượu để cho vào thức ăn.

---

(111) **4-0096476**
(210) 4-2006-03592
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 15.03.2006

(531) 24.15.21; 1.5.1
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh dương, vàng, xanh lam
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG TRUYỀN HÌNH D.V.C (VN)
391 Bùi Đình Túy, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Bộ truyền xa tín hiệu hồng ngoại.

(111) **4-0096477**
(210) 4-2006-04547
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CEDODIME

(151) 26.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0096478**
(210) 4-2006-04549
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DOCEFNIR

(151) 26.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0096479**
(210) 4-2006-04550
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DOROCLOR

(151) 26.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0096480**
(210) 4-2006-02773
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DAOON TOP

(151) 26.02.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA NÔNG Á CHÂU (VN)
33/5 Đặng Văn Ngữ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096481**
(210) 4-2006-16943
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 10.10.2006

(591) Xanh, vàng
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU PHONG HOÀNG VIỆT NAM (VN)
Số 09, ngách 55/37, phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Vòng bi.

---

(111) **4-0096482**
(210) 4-2006-16944
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 10.10.2006

(591) Trắng, hồng đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU PHONG HOÀNG VIỆT NAM (VN)
Số 09, ngách 55/37, phố Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Vòng bi.

Nhóm 35: Mua bán vòng bi.

---

(111) **4-0096483**
(210) 4-2006-17928
(181) 24.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 24.10.2006

(531) 26.2.1; A26.11.12
(591) Đen, trắng, xanh cửu long, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT (VN)
198B phố Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Xe đạp, ghi đông, tay lái, cọc tay lái, yên, phanh.

---

(111) **4-0096484**
(210) 4-2006-16940
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CALIBRE

(151) 26.02.2008
(220) 09.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ XÂY DỰNG THIÊN ANH (VN)
Số 110, khu nhà A, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán khoá cửa.

---

(111) **4-0096485**
(210) 4-2006-17000
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Ozdeet

(151) 26.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0096486**
(210) 4-2006-17001
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOME JAMES

(151) 26.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) VIACOM INTERNATIONAL INC. (US)
1515 Broadway, New York, New York 10036, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 38: Dịch vụ phát thanh, truyền hình và viễn thông; dịch vụ truyền thông tin qua vệ tinh và cáp; dịch vụ điện thoại di động không dây; cung cấp dịch vụ tải nhạc chuông, nhạc, nhạc MP3, hình ảnh, trò chơi, hình ảnh dưới dạng viđêô và thông tin thông qua các thiết bị liên lạc bằng điện thoại di động không dây; cung cấp đường truyền không dây để tải lên và tải về nhạc chuông, âm thanh, nhạc, nhạc MP3, hình ảnh, trò chơi, hình ảnh dưới dạng viđêô, thông tin và tin tức thông qua mạng máy tính toàn cầu đến thiết bị liên lạc di động không dây; dịch vụ bầu và bỏ phiếu thông qua thiết bị liên lạc di động không dây; gửi và nhận âm thanh và tin nhắn dưới dạng văn bản giữa các mạng liên lạc di động không dây; dịch vụ internet được hiểu là bao gồm các dịch vụ liên lạc cụ thể là truyền âm thanh theo luồng và bản ghi âm và hình ảnh thông qua internet.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; sản xuất, chuẩn bị, trình chiếu, phân phối và cho thuê các chương trình truyền thanh và truyền hình, phim, phim hoạt hình, bản ghi âm thanh và hình ảnh thông qua phương tiện truyền thông tương tác bao gồm các phương tiện viễn thông không dây và internet; sản xuất các phim giải trí sống động, sản xuất chương trình truyền hình giải trí truyền trực tiếp; sản xuất nhạc phim trong các chương trình ti vi; xuất bản sách, tạp chí và ấn phẩm định kỳ; sản xuất và cho thuê các tài liệu hướng dẫn và giáo dục; tổ chức, sản xuất và trình chiếu các sự kiện về giáo dục, văn hoá hay mục đích giải trí thông qua (hoặc không thông qua) phương tiện truyền thông tương tác; tổ chức, sản xuất và trình diễn các cuộc thi đấu, cuộc thi, trò chơi, triển lãm giáo dục/văn hoá, các sự kiện thể thao, các cuộc biểu diễn, các cuộc biểu diễn lưu động, sự kiện trên sân khấu, trình diễn kịch, hoà nhạc, các buổi biểu diễn trực tiếp và có khán giả cùng tham gia sự kiện; tổ chức các trò chơi tương tác; dịch vụ giải trí và giáo dục; tất cả các dịch vụ trên đều được thông qua mạng máy tính toàn cầu và các mạng viễn thông (tương tác) khác, bao gồm cả thiết bị viễn thông không dây và internet.

---

(111) **4-0096487**
(210) 4-2006-17002
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ADMIRYTOX

(151) 26.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH AN NÔNG (VN)
Lô B06-1, khu công nghiệp Đức Hoà 1 - Hạnh Phúc, xã Đức Hoà Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0096488**
(210) 4-2006-17968
(181) 25.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

YANFAN

(151) 26.02.2008
(220) 25.10.2006

(731) CƠ SỞ TRẦN PHÁT (VN)
346A khu phố 12, Tân Hoà Đông, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Quạt điện.

---

(111) **4-0096489**
(210) 4-2006-14191
(181) 29.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

POND'S FLAWLESS WHITE

(151) 26.02.2008
(220) 29.08.2006

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chế phẩm làm sạch; nước hoa; tinh dầu, mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; dầu, kem và nước thơm dùng cho da (mỹ phẩm); chế phẩm dùng để cạo râu; chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; chế phẩm tẩy lông; chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; chế phẩm chống nắng; mỹ phẩm; chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da (mỹ phẩm); bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch (dùng cho mục đích trang điểm); mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt (mỹ phẩm).

---

(111) **4-0096490**
(210) 4-2006-04919
(181) 04.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 04.04.2006

(531) 5.7.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI HOÀNG LINH (VN)
Số 12, ngách 180/84 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0096491**
(210) 4-2006-06831
(181) 04.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

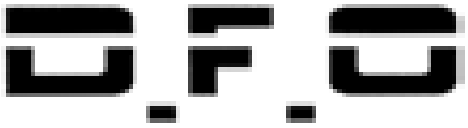

(151) 26.02.2008
(220) 04.05.2006

(731) UNIK SATIN SDN. BHD. (MY)
No. 7-3, Jalan SB Indah 5/2, Taman Sungai Besi Indah, 43300 Seri Kembangan, Selangor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Hỗ trợ quản lý kinh doanh; tư vấn quản lý kinh doanh; tư vấn tổ chức kinh doanh; giới thiệu sản phẩm; phổ biến các thông báo quảng cáo; phân phát hàng mẫu; đẩy mạnh việc bán hàng (quảng cáo bán hàng); dịch vụ giới thiệu hàng hoá (thu thập các loại hàng hóa) vì lợi ích của người khác (không bao gồm việc chuyên chở các hàng hóa này) giúp khách hàng thuận tiện xem xét và mua các loại hàng hóa này trong cửa hàng bán lẻ; nhượng quyền kinh doanh; hỗ trợ trong việc thành lập và/hoặc điều hành cửa hàng (không bao gồm dịch vụ hỗ trợ pháp lý).

---

(111) **4-0096492**
(210) 4-2006-04973
(181) 04.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NIKXINE

(151) 26.02.2008
(220) 04.04.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096493**
(210) 4-2006-04974
(181) 04.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ESVILE

(151) 26.02.2008
(220) 04.04.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096494**
(210) 4-2006-04975
(181) 04.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ETS

(151) 26.02.2008
(220) 04.04.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096495**
(210) 4-2006-04976
(181) 04.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

IMLAS

(151) 26.02.2008
(220) 04.04.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096496**
(210) 4-2006-04977
(181) 04.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CISPEM

(151) 26.02.2008
(220) 04.04.2006

(731) PHARMAMATE INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
2F Poongin Bldg, 359-6 Yangjae-dong, Seocho-gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096497**
(210) 4-2006-06339
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RECLIMET

(151) 26.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7-1-27, Ameerpet, Hyderabad 500 016, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096498**
(210) 4-2006-06350
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TABI

(151) 26.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7-1-27, Ameerpet, Hyderabad 500 016, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096499**
(210) 4-2006-06351
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TORQ

(151) 26.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) DR. REDDY'S LABORATORIES LTD. (IN)
7-1-27, Ameerpet, Hyderabad 500 016, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096500**
(210) 4-2006-10267
(181) 30.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VOLVO FD

(151) 26.02.2008
(220) 30.06.2006

(731) VOLVO TRADEMARK HOLDING AB (SE)
SE-405 08 Gothenburg, Sweden
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Ôtô tải.

---

(111) **4-0096501**
(210) 4-2006-02485
(181) 23.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GRANICIP

(151) 26.02.2008
(220) 23.02.2006

(731) CIPLA LTD (IN)
Mumbai Central, Mumbai 400 008, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096502**
(210) 4-2006-02487
(181) 23.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TAZACT

(151) 26.02.2008
(220) 23.02.2006

(731) CIPLA LTD (IN)
Mumbai Central, Mumbai 400 008, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096503**
(210) 4-2006-02489
(181) 23.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NOPREG PILL

(151) 26.02.2008
(220) 23.02.2006

(731) CIPLA LTD (IN)
Mumbai Central, Mumbai 400 008, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096504**
(210) 4-2006-12011
(181) 26.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MADAME BUTTERFLY

(151) 26.02.2008
(220) 26.07.2006

(731) CHOMEL PTE LTD (SG)
No.1 Kim Seng Promenade, #07- 01 Great World City, Singapore 237994
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Túi xách tay, ví tiền, túi mua hàng, túi da và giả da, vali, ô, ô che nắng và ba toong, túi xách du lịch, túi lưới dùng để mua đồ, túi dùng ở bãi biển, dải dây băng da, hộp đựng mũ bằng da, hộp đựng mũ bằng da và giả da, cặp tài liệu, ví, vỏ bọc ô, vali, khung của túi xách tay, tay nắm của vali, vòng đeo chìa khóa bằng da, thắt lưng da/ dây da, gọng dùng cho ô hoặc gọng dù lọng, cán ô, vali nhỏ, hòm du lịch đựng nữ trang/khăn tắm, túi xách nhỏ, túi có bánh xe để đi mua hàng.

Nhóm 25: Quần áo, áo vét, quần áo may sẵn, khăn quàng cổ, thắt lưng bằng vải, giầy, xăng đan, dép lê, bít tất ngắn, bít tất dài, thắt lưng làm bằng da hoặc bằng giả da.

Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ các sản phẩm đồng hồ, đồ trang sức thủy tinh giả ngọc, nữ trang giả, đồ kim hoàn, ngọc trai, đồ trang sức làm bằng ngọc bích, đá quý, đá bán quí, đá quí, đồng hồ, đồng hồ đeo tay, túi xách tay, ví tiền, túi mua hàng, túi bằng da và giả da và các sản phẩm bằng da không thuộc các nhóm khác, vali, ô, ô che nắng và ba toong, túi xách du lịch, túi lưới để mau đồ, túi dùng ở bãi biển, dải dây băng da, hộp đựng mũ bằng da, hộp đựng mũ bằng da và giả da, cặp tài liệu, ví, vỏ bọc ô, vali, khung của túi xách tay, tay nắm của vali, vòng đeo chìa khóa bằng da, thắt lưng da/dây da, gọng dùng cho ô hoặc gọng dù lọng, cán ô, vali nhỏ, hòm du lịch đựng nữ trang/khăn tắm, túi xách nhỏ, túi có bánh xe để đi mua hàng, thắt lưng làm bằng da hoặc bằng giả da, quần áo, đồ đi chân cụ thể là giầy, xăng đan, dép lê, bít tất ngắn, bít tất dài, áo vét, quần áo may sẵn, khăn quàng cổ, thắt lưng.

---

(111) **4-0096505**
(210) 4-2006-17127
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 11.10.2006

(531) 26.1.1
(731) LÊ THANH BẮC (VN)
Số 2B/6B, tổ 1, Đồng Xa, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và linh kiện dùng cho truyền hình, viễn thông.

---

(111) **4-0096506**
(210) 4-2006-20709
(181) 27.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 27.11.2006

(531) 26.1.2; 3.9.1; 3.9.16
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh lam, hồng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỶ SẢN MIỀN BẮC (VN)
Số 31, ngõ 62, Trần Quý Cáp, Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Tôm sú thịt hấp; tôm sú thịt tươi; cá diêu hồng đóng túi; lẩu hải sản đóng túi; tôm tẩm bột; cá tẩm bột; cá hộp; thịt hộp.

Nhóm 35: Siêu thị; quảng cáo; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xuất nhập khẩu; giới thiệu sản phẩm; bán đấu giá.

---

(111) **4-0096507**
(210) 4-2006-21550
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TQ-D

(151) 26.02.2008
(220) 11.12.2006

(731) CASTROL LIMITED (GB)
Wakefield House, Pipers Way, Swindon, Wiltshire, SN3 1RE, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 01: Chất lỏng truyền động; chất lỏng truyền tự động; chất lỏng thuỷ lực, dầu truyền động; dầu thuỷ lực.

Nhóm 04: Chất bôi trơn; dầu bôi trơn.

---

(111) **4-0096508**
(210) 4-2006-01271
(181) 24.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 24.01.2006

(531) A1.1.10; A1.1.4; A14.1.22
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MIỀN BẮC (VN)
Km 89, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 06: Thép ống; thép làm tôn; hợp kim thép; thép lá; thép thô; thép bán gia công.

Nhóm 35: Mua bán các loại thép, máy phụ tùng, thiết bị máy công nghiệp.

---

(111) **4-0096509**
(210) 4-2006-02392
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 22.02.2006

(531) A1.5.6
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG NGHỆ MỚI (VN)
Số 656/4 Nguyễn An Ninh, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng như: gạch nung, ngói, gạch lát nền, gạch trang trí, đá ốp lát.

---

(111) **4-0096510**
(210) 4-2006-12126
(181) 28.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

JBC

(151) 26.02.2008
(220) 28.07.2006

(731) XÍ NGHIỆP TƯ NHÂN XUÂN KIÊN (VN)
Số 60 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Ô tô.

---

(111) **4-0096511**
(210) 4-2006-13508
(181) 17.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AFC WESTERN

(151) 26.02.2008
(220) 17.08.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0096512**
(210) 4-2006-15547
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 15.09.2006

(531) 5.7.21; 26.1.2
(591) Trắng, xanh, vàng, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH HẠNH DƯƠNG (VN)
Phòng 204, B1, ngõ 33, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống và quầy rượu; dịch vụ quán giải khát và quán ăn tự phục vụ; dịch vụ khách sạn; dịch vụ cung cấp phòng ở tạm thời.

---

(111) **4-0096513**
(210) 4-2006-21020
(181) 30.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMPILIS

(151) 26.02.2008
(220) 30.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096514**
(210) 4-2006-22957
(181) 29.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LIÊN MAI

(151) 26.02.2008
(220) 29.12.2006

(731) HỘ KINH DOANH NHÀ THUỐC VĨNH PHÚC (VN)
Số 625 Hoàng Hoa Thám, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Buôn bán dược phẩm, cửa hàng dược phẩm, quảng cáo dược phẩm.

Nhóm 44: Phòng khám chữa bệnh.

---

(111) **4-0096515**
(210) 4-2006-02509
(181) 24.02.2016
(300) 200601350 10.02.2006 NO
(450) 25.04.2008 241
(540)

BELA

(151) 26.02.2008
(220) 24.02.2006

(731) YARA INTERNATIONAL ASA (NO)
P.O. Box 2464 Solli, N-0202 Oslo, Norway
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Các sản phẩm hoá học sử dụng trong công nghiệp; nông nghiệp; nghề làm vườn và lâm nghiệp ngoại trừ chất diệt nấm; chất diệt cỏ dại; thuốc diệt sâu và chất diệt ký sinh trùng; phân bón; hoá chất công nghiệp, cụ thể là hoá chất từ nitơ bao gồm amoniac, ammoni bicacbonat, ammoni nitrat, đinitơ tetroxit, axit nitric, axit clohyđric, axit phosphoric, ure, canxi cacbonat, canxi nitrat, kali nitrat, natri nitrat; axit formic và muối của nó; chất keo tụ; khí công nghiệp, khí chuyên dụng và khí dùng để hàn, bao gồm axetylen, metyl acetylen, oxy, nitơ, argon, cacbon đioxit, cacbon monoxit, heli, hyđro, neon, krypton, xenon, metan, đơteri và hỗn hợp các khí trên, tất cả ở thể khí, lỏng hoặc rắn; chất xúc tác; các chất để làm đông lạnh.

Nhóm 13: Amoni nitrat để sản xuất thuốc nổ nhũ tương bao gồm thuốc nổ amoni nitrat dạng dầu (ANFO), tất cả cho mục đích dân dụng.

---

(111) **4-0096516**
(210) 4-2006-02510
(181) 24.02.2016
(300) 200601349 10.02.2006 NO
(450) 25.04.2008 241
(540)

YARABELA

(151) 26.02.2008
(220) 24.02.2006

(731) YARA INTERNATIONAL ASA (NO)
P.O. Box 2464 Solli, N-0202 Oslo, Norway
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Các sản phẩm hoá học sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp ngoại (trừ chất diệt nấm; chất diệt cỏ dại; thuốc diệt sâu và chất diệt ký sinh trùng); phân bón, hoá chất công nghiệp, cụ thể là hoá chất từ nitơ bao gồm amoniac, ammoni bicacbonat, ammoni nitrat, đinitơ tetroxit, axit nitric, axit clohyđric, axit phosphoric, ure, canxi cacbonat, canxi nitrat, kali nitrat, natri nitrat; axit formic và muối của nó; chất keo tụ; khí công nghiệp, khí chuyên dụng và khí dùng để hàn, bao gồm axetylen, metyl acetylen, oxy, nitơ, argon, cacbon đioxit, cacbon monoxit, heli, hyđro, neon, krypton, xenon, metan, đơteri và hỗn hợp các khí trên, tất cả ở thể khí, lỏng hoặc rắn; chất xúc tác; các chất để làm đông lạnh; amoni nitrat để sản xuất thuốc nổ nhũ tương.

Nhóm 13: Thuốc nổ amoni nitrat dạng dầu (ANFO), tất cả cho mục đích dân dụng.

---

(111) **4-0096517**
(210) 4-2006-13844
(181) 23.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 23.08.2006

(531) 26.4.3; 26.3.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÍ THÀNH (VN)
76 Trương Hán Siêu, phường Phúc Thành, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

(511) Nhóm 37: Dịch vụ khai thác vật liệu xây dựng.

Nhóm 42: Dịch vụ có liên quan đến việc xây dựng nhà cửa, đường xá, cầu cống, đập, cụ thể là thiết kế các công trình xây dựng, thuỷ lợi.

---

(111) **4-0096518**
(210) 4-2006-17003
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 10.10.2006

(531) 26.1.1; 6.1.2; A26.11.9; 26.4.9
(731) NGUYỄN HÙNG (VN)
85 Huyền Trân Công Chúa, phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 14: Mã não; đồ trang sức làm bằng mã não; tượng làm bằng mã não; đá quý; kim cương.

Nhóm 19: Tượng điêu khắc làm bằng đá; đá hoa cương; đá cẩm thạch; thạch anh; đá phiến; đá nhân tạo.

Nhóm 35: Mua bán đồ trang sức làm bằng đá quý, kim cương, mã não; mua bán sản phẩm điêu khắc làm bằng đá.

---

(111) **4-0096519**
(210) 4-2006-17165
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

QUANG HUY

(151) 26.02.2008
(220) 12.10.2006

(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT NƯỚC MẮM QUANG SÁNG (VN)
Tổ 2, khu phố 4, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0096520**
(210) 4-2006-17166
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TÂN PHONG

(151) 26.02.2008
(220) 12.10.2006

(731) CƠ SỞ TÂN PHONG (VN)
Tổ 2, khu phố I, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0096521**
(210) 4-2006-16071
(181) 25.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 25.09.2006

(531) 26.1.1; A26.3.7
(591) Đỏ, xanh, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG ĐÀ (SONG DA URBAN & INDUSTRIAL ZONE INVESTMENT AND DEVELOPTMENT JOINT STOCK COMPANNY - SUDICO) (VN)
Tầng 7, toà Nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại; xi măng; các loại gạch, đá ốp lát dùng trong xây dựng.

Nhóm 35: Đại lý mua bán, phân phối hàng hoá; mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa tư liệu sản xuất, nguyên nhiên vật liệu xây dựng và tiêu dùng; mua bán các sản phẩm kim loại và phi kim loại dùng trong xây dựng và gia công cơ khí.

Nhóm 36: Mua bán nhà ở và khu đô thị; mua bán bất động sản; tư vấn đầu tư; cho thuê văn phòng và nhà ở; kinh doanh dịch vụ bảo hiểm, tài chính; thu phí đường bộ.

Nhóm 37: Thi công xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện; công trình cầu, cảng, hầm giao thông, đường tàu điện ngầm; quản lý vận hành nhà máy điện; sửa chữa máy xây dựng và cho thuê thiết bị xây dựng.

Nhóm 39: Vận tải hàng hóa và dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ du lịch và lữ hành quốc tế, cung cấp điện năng.

Nhóm 41: Dịch vụ khu vui chơi giải trí; đào tạo nghề.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế phần mềm tin học; dịch vụ tư vấn pháp luật; khảo sát và tư vấn thiết kế xây dựng; thẩm định dự án đầu tư, thiết kế các công trình xây dựng; kiểm định chất lượng công trình xây dựng; thí nghiệm phục vụ cho xây dựng.

Nhóm 43: Kinh doanh khách sạn.

(111) **4-0096522**
(210) 4-2006-16884
(181) 06.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 06.10.2006

(531) 3.5.1; 3.5.20
(731) CƠ SỞ HIỆP THẠNH (VN)
57 Chu Văn An, phường 1, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 21: Miếng lau chùi xoong chảo (đồ nhôm).

---

(111) **4-0096523**
(210) 4-2006-08203
(181) 19.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 19.06.2006

(531) 21.1.11; 21.1.25
(591) Vàng chanh, đen, nâu, xám, trắng
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DU LỊCH QUỐC TẾ HẢI PHÒNG (VN)
Khu 3, thị xã Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Sắp xếp tổ chức các chuyến đi và chuyến du lịch.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; dịch vụ câu lạc bộ sức khỏe, dịch vụ đánh bạc, dịch vụ khiêu vũ, dịch vụ hội nghị, dịch vụ sòng bạc, bao gồm cả cung cấp (không phải mua bán) các phương tiện đánh bạc, cụ thể là các loại bàn đánh bạc, bàn chơi bạc điện tử, máy đánh bạc và các thiết bị đánh bạc khác.

Nhóm 43: Khách sạn, dịch vụ đặt chỗ khách sạn, quán rượu, quán cà phê, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0096524**
(210) 4-2006-06655
(181) 28.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 28.04.2006

(531) 26.3.1
(591) Xanh, đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC THỊNH (VN)
Số nhà 61, tổ 10, phường Đồng Tiến, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 06: Sắt, thép, vật liệu xây dựng bằng kim loại, tấm panen xây dựng bằng kim loại, đồ sắt dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0096525**
(210) 4-2006-06838
(181) 04.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Tào Núc

(151) 26.02.2008
(220) 04.05.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA NÔNG Á CHÂU (VN)
33/5 Đặng Văn Ngữ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096526**
(210) 4-2006-06839
(181) 04.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

IBATRIXON

(151) 26.02.2008
(220) 04.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096527**
(210) 4-2006-08202
(181) 19.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 19.06.2006

(531) 21.1.11; 21.1.25
(591) Vàng chanh, đen, nâu, xám, trắng
(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DU LỊCH QUỐC TẾ HẢI PHÒNG (VN)
Khu 3, thị xã Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Sắp xếp tổ chức các chuyến đi và chuyến du lịch.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí; dịch vụ câu lạc bộ sức khỏe, dịch vụ đánh bạc, dịch vụ khiêu vũ, dịch vụ hội nghị, dịch vụ sòng bạc, bao gồm cả cung cấp (không phải mua bán) các phương tiện đánh bạc, cụ thể là các loại bàn đánh bạc, bàn chơi bạc điện tử, máy đánh bạc và các thiết bị đánh bạc khác.

Nhóm 43: Khách sạn; dịch vụ đặt chỗ khách sạn; quán rượu; quán cà phê; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0096528**
(210) 4-2006-08565
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 02.06.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Xanh tím than, đỏ, xám, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TỐT (VN)
47 Nguyễn Thị Huỳnh, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 08: Bình phun xịt chất lỏng tẩy rửa (dụng cụ cầm tay thao tác thủ công).

---

(111) **4-0096529**
(210) 4-2006-08566
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 02.06.2006

(531) A26.11.12; 26.2.1; 26.1.6
(591) Vàng cam, vàng cam nhạt, xám, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TỐT (VN)
47 Nguyễn Thị Huỳnh, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Chất tẩy rửa.

---

(111) **4-0096530**
(210) 4-2006-09622
(181) 21.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 21.06.2006

(531) 26.1.2; A1.5.2
(591) Xanh lam, da cam, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TKN THUẬN PHONG (VN)
Tổ 25, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Keo dán dùng cho gia đình và văn phòng.

---

(111) **4-0096531**
(210) 4-2006-09623
(181) 21.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 21.06.2006

(531) 26.4.4
(591) Xanh lam, da cam, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI TKN THUẬN PHONG (VN)
Tổ 25, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Keo dán dùng cho gia đình và văn phòng.

---

(111) **4-0096532**
(210) 4-2006-09645
(181) 21.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BÁNH ĐẬU XANH
THỦY LONG

(151) 26.02.2008
(220) 21.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI PHÚ (VN)
Số nhà 241, đại lộ Lê Thanh Nghị, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh đậu xanh, bột đậu xanh.

---

(111) **4-0096533**
(210) 4-2006-11357
(181) 19.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 19.07.2006

(531) 26.4.1; 26.4.2
(591) Đỏ, hồng, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096534**
(210) 4-2006-11424
(181) 20.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 20.07.2006

(531) 3.1.14; 3.1.15; 25.1.6; 26.4.2
(591) Đỏ, vàng, da cam, xanh lá cây, xanh dương, tím, hồng, trắng
(731) CƠ SỞ PHONG LAN (VN)
426/25/29 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 21: Đũa.

---

(111) **4-0096535**
(210) 4-2006-16909
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

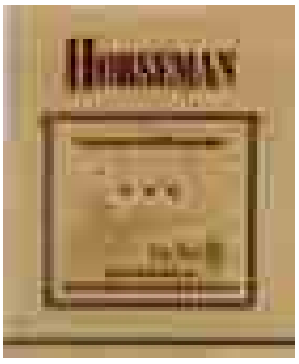

(151) 26.02.2008
(220) 09.10.2006

(531) 26.4.2; A18.1.2; A25.7.21; 6.7.25; A1.1.10; A1.1.4
(591) Nâu, vàng nhạt, vàng nhũ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)
Số 08A, quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá; thuốc lá điếu.

---

(111) **4-0096536**
(210) 4-2006-06370
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 24.04.2006

(531) 26.4.1; 25.1.25
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MINH KHA (TNHH) (VN)
Số 624 đường Thiên Đức, xã Vạn An, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 20: Kệ để hàng (pallet), bàn, ghế, giường, tủ, quả lô (rulô) dùng để quấn dây cáp và/hoặc dây điện (tất cả được làm bằng gỗ).

---

(111) **4-0096537**
(210) 4-2006-07370
(181) 12.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 12.05.2006

(531) A25.1.10; 26.13.25
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH C.K.C (VN)
Số 4, phố Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 39: Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.

---

(111) **4-0096538**
(210) 4-2006-07371
(181) 12.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 12.05.2006

(531) A25.1.10; 26.13.25
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH C.K.C (VN)
Số 4, phố Lương Ngọc Quyến, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 39: Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.

---

(111) **4-0096539**
(210) 4-2006-21895
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HULO PHARMA

(151) 26.02.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG LỢI (VN)
Số 10, đường Sầm Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096540**
(210) 4-2006-21896
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MONICOR

(151) 26.02.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG LỢI (VN)
Số 10, đường Sầm Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096541**
(210) 4-2006-03405
(181) 13.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

YSN
YiSheng

(151) 26.02.2008
(220) 13.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TỶ THỊNH. (VN)
Xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 12: Bình xăng xe ôtô; bình xăng xe máy.

---

(111) **4-0096542**
(210) 4-2006-03407
(181) 13.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 13.03.2006

(531) 26.3.1; A1.1.12; 15.1.13
(591) Trắng đỏ, xanh cửu long, xanh da trời
(731) CÔNG TY TNHH NATION PUMP (VN)
NA6, khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 07: Máy bơm nước; mô tơ dùng cho máy bơm nước.

---

(111) **4-0096543**
(210) 4-2006-02529
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

YAMIKI

(151) 26.02.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XE MÁY ĐÔ THÀNH (VN)
4/25 ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Xe máy; xe ô tô; khung sườn xe máy; khung sườn xe ô tô.

---

(111) **4-0096544**
(210) 4-2006-02760
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Sonsoft

(151) 26.02.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI SƠN HÀ (VN)
145A Bùi Đình Tuý, phường 24, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Hoá chất công nghiệp; hoá chất dùng trong nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, diệt cỏ); chế phẩm hoá học để chùi bóng màu dùng trong công nghiệp; chế phẩm hoá học dùng cho khoa học; chất làm mềm dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0096545**
(210) 4-2006-03635
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 15.03.2006

(531) 26.11.3; A26.11.8
(731) CNI IPHC (MU)
Manor House, 1st Floor, Cnr St George/Chazal Streets, Port Louis, Mauritius
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 30: Cà phê; đồ uống trên cơ sở cà phê và các sản phẩm trên cơ sở cà phê; chè; đồ uống trên cơ sở chè và các sản phẩm trên cơ sở chè; ca cao; đồ uống trên cơ sở ca cao và các sản phẩm trên cơ sở ca cao; sản phẩm ngũ cốc và các chế phẩm của ngũ cốc, bánh quy; mật ong và sữa ong chúa dùng làm thực phẩm cho người (không dùng trong ngành y).

---

(111) **4-0096546**
(210) 4-2006-05043
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 05.04.2006

(531) A2.9.15
(591) Đỏ, vàng, nâu
(731) CÔNG TY TNHH MƯU SINH GI (VN)
Thôn Thân Thượng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ nội thất; đồ gỗ văn phòng.

---

(111) **4-0096547**
(210) 4-2006-02774
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 28.02.2006

(531) 5.7.24; 5.9.24; 1.5.1; 26.4.2
(591) Trắng, xanh lá cây, đỏ, vàng, nâu đỏ, xanh lá mạ, xanh lam, ghi
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096548**
(210) 4-2006-04581
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMUMA

(151) 26.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC (VN)
Số 16, ngõ 42, phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096549**
(210) 4-2006-04582
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TOCETAM

(151) 26.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TOÀN CHÂN (VN)
Số 193/21 Nguyễn Đình Chính, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096550**
(210) 4-2006-04583
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SAMETIX

(151) 26.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TOÀN CHÂN (VN)
Số 193/21 Nguyễn Đình Chính, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096551**
(210) 4-2006-02540
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ANTIGIVA

(151) 26.02.2008
(220) 24.02.2006

(731) VIỆN DƯỢC LIỆU (VN)
3B Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096552**
(210) 4-2006-02861
(181) 01.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SURSHIELD

(151) 26.02.2008
(220) 01.03.2006

(731) TERUMO KABUSHIKI KAISHA (TERUMO CORPORATION) (JP)
44-1, 2-Chome, Hatagaya, Shibuya-Ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; thiết bị và dụng cụ y khoa; thiết bị và dụng cụ nha khoa; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ y khoa; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ nha khoa.

---

(111) **4-0096553**
(210) 4-2006-02862
(181) 01.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SURFLO

(151) 26.02.2008
(220) 01.03.2006

(731) TERUMO KABUSHIKI KAISHA (TERUMO CORPORATION) (JP)
44-1, 2-Chome, Hatagaya, Shibuya-Ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; thiết bị và dụng cụ y khoa; thiết bị và dụng cụ nha khoa; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ y khoa; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ nha khoa.

---

(111) **4-0096554**
(210) 4-2006-02863
(181) 01.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SURPLUG

(151) 26.02.2008
(220) 01.03.2006

(731) TERUMO KABUSHIKI KAISHA (TERUMO CORPORATION) (JP)
44-1, 2-Chome, Hatagaya, Shibuya-Ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; thiết bị và dụng cụ y khoa; thiết bị và dụng cụ nha khoa; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ y khoa; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ nha khoa.

---

(111) **4-0096555**
(210) 4-2006-02864
(181) 01.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TERUFUSION

(151) 26.02.2008
(220) 01.03.2006

(731) TERUMO KABUSHIKI KAISHA (TERUMO CORPORATION) (JP)
44-1, 2-Chome, Hatagaya, Shibuya-Ku, Tokyo, Japan
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; thiết bị và dụng cụ y khoa; thiết bị và dụng cụ nha khoa; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ phẫu thuật; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ y khoa; linh kiện và phụ tùng cho thiết bị và dụng cụ nha khoa.

---

(111) **4-0096556**
(210) 4-2006-03917
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OUWIN

(151) 26.02.2008
(220) 20.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI HOÀNG MINH (VN)
107/7 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 19: Bột trét tường; keo dán gạch; vữa xây dựng; bột trám joint (bột dùng để trét giữa các viên gạch dùng trong xây dựng).

---

(111) **4-0096557**
(210) 4-2006-03918
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZENTA

(151) 26.02.2008
(220) 20.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI HOÀNG MINH (VN)
107/7 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 19: Bột trét tường; keo dán gạch; vữa xây dựng; bột trám joint (bột dùng để trét giữa các viên gạch dùng trong xây dựng).

---

(111) **4-0096558**
(210) 4-2006-03919
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALBEST

(151) 26.02.2008
(220) 20.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẠI HOÀNG MINH (VN)
107/7 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 19: Bột trét tường; keo dán gạch; vữa xây dựng; bột trám joint (bột dùng để trét giữa các viên gạch dùng trong xây dựng).

---

(111) **4-0096559**
(210) 4-2006-04587
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RAININ

(151) 26.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI TÂN LÂM PHÁT (VN)
43/30A1 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Bếp ga và các phụ kiện của bếp ga như: van an toàn, bộ phận đánh lửa, thiết bị điều chỉnh ga, ống dẫn ga, van ga.

---

(111) **4-0096560**
(210) 4-2006-04912
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 03.04.2006

(531) A5.3.15
(591) Màu đen, màu đỏ, màu xanh, màu da cam, màu nâu
(731) LÊ MINH TUẤN (VN)
Phòng 3, tập thể bệnh viện Bạch Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp bữa ăn sẵn (cơm hộp; cơm văn phòng).

---

(111) **4-0096561**
(210) 4-2006-22181
(181) 19.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

UNITEX - TENAMYD CANADA

(151) 26.02.2008
(220) 19.12.2006

(531) A19.13.21; A5.3.14; 5.3.11
(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3, Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096562**
(210) 4-2006-22182
(181) 19.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LANTIGEN-B

(151) 26.02.2008
(220) 19.12.2006

(731) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC (CA)
640 Marlatt Street, St. Laurent, P.Q., H4M2H3 Canada

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và thực phẩm chức năng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096563**
(210) 4-2006-22440
(181) 22.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIBInvestment

(151) 26.02.2008
(220) 22.12.2006

(591) Trắng, xanh lam, vàng da cam
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM - VIB BANK (VN)
64-68 phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; tư vấn tài chính; dịch vụ thẻ tín dụng; thuê mua tài chính; đầu tư chứng khoán; bảo hiểm.

---

(111) **4-0096564**
(210) 4-2006-22043
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 18.12.2006

(531) 24.13.1
(591) Đỏ
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỮU NGHỊ 103 (VN)
Tổ 21, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

(511) Nhóm 44: Dịch vụ y tế.

---

(111) **4-0096565**
(210) 4-2006-22164
(181) 19.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MEKONG MEDIA

(151) 26.02.2008
(220) 19.12.2006

(731) LÂM QUANG TÙNG (VN)
11.2 nhà A4, làng Quốc tế Thăng Long, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo bằng các phương tiện truyền thông; chỉ dẫn thương mại; quảng cáo bằng truyền hình và thương mại bằng truyền hình.

Nhóm 38: Truyền hình cáp; phát các chương trình truyền hình; truyền tin và ảnh có hỗ trợ của máy tính.

Nhóm 41: Cung cấp dịch vụ vui chơi giải trí trong nhà; dịch vụ giải trí; thông tin về giải trí; sản xuất phim; dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; sản xuất chương trình biểu diễn; giải trí truyền hình.

---

(111) **4-0096566**
(210) 4-2006-05189
(181) 06.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CEXAN

(151) 26.02.2008
(220) 06.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096567**
(210) 4-2006-06356
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LINARISGEL

(151) 26.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KOREA UNITED PHARM INT'L INC (VN)
Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096568**
(210) 4-2006-06358
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MISA (VN)
Nhà I, khách sạn La Thành, số 218 Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 15: Nhạc cụ, nhạc cụ điện tử, nhạc cụ dây, kèn, đàn ghi ta, đàn pi a nô.

---

(111) **4-0096569**
(210) 4-2006-06359
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MISA (VN)
Nhà I, khách sạn La Thành, số 218 Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Cao su tổng hợp, chất dẻo bán thành phẩm, vật liệu cách âm, băng cách điện, sơn cách điện, ống mềm (phi kim loại) dùng để dẫn nước.

---

(111) **4-0096570**
(210) 4-2006-22006
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MULTIMOAMINE

(151) 26.02.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167, đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096571**
(210) 4-2006-18844
(181) 03.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ANSO

(151) 26.02.2008
(220) 03.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0096572**
(210) 4-2006-18845
(181) 03.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HN-AROKXY

(151) 26.02.2008
(220) 03.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0096573**
(210) 4-2006-18846
(181) 03.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BANZOTE

(151) 26.02.2008
(220) 03.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0096574**
(210) 4-2006-18847
(181) 03.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MOSSADE

(151) 26.02.2008
(220) 03.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0096575**
(210) 4-2006-06941
(181) 05.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 26.02.2008
(220) 05.05.2006

(531) A1.1.10; A1.11.8; 26.4.1; 25.5.3
(591) Xanh dương, xanh ngọc, vàng, nâu xám, trắng, đen
(731) CƠ SỞ BÙI THỊ KIM PHỤNG (VN)
Gian hàng 1A25 + 1A27, lầu 1, KS-TM An Đông, số 18 An Dương Vương, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn; giày dép; mũ nón may bằng vải.

---

(111) **4-0096576**
(210) 4-2006-02767
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALZING

(151) 26.02.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI MAY (VN)
Số 21, ngõ 68, đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096577**
(210) 4-2006-02769
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DOCNOTINE

(151) 26.02.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐỒNG NAI (VN)
221B quốc lộ 15, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096578**
(210) 4-2006-02770
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CELEBO

(151) 26.02.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TOÀN CHÂN (VN)
Số 193/21 Nguyễn Đình Chính, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096579**
(210) 4-2006-02771
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TIADA

(151) 26.02.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN KHÁNH (VN)
Lô D5A Tân Kiên-Bình Lợi, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096580**
(210) 4-2006-02772
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TRICOM

(151) 26.02.2008
(220) 28.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA NÔNG Á CHÂU (VN)
33/5 Đặng Văn Ngữ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096581**
(210) 4-2006-22023
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LINGQI

(151) 27.02.2008
(220) 15.12.2006

(731) WEIGUANG LI (CN)
No. 5, Lane 19, Yongxing Street, Leliu Town, Shunde, Foshan, Guangdong, China
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Đèn; đèn pha rọi bỏ túi; đuốc để soi sáng; quạt gió (điều hoà không khí); quạt dùng cho cá nhân (chạy điện); thiết bị điều hoà không khí.

---

(111) **4-0096582**
(210) 4-2006-22029
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CERELOSE

(151) 27.02.2008
(220) 15.12.2006

(731) CORN PRODUCTS INTERNATIONAL, INC (US)
5 Westbrook Corporate Center Westchester, Illinois 60154
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Chất làm ngọt tự nhiên dưới dạng đexstroza hyđrat hoá ở nhóm này.

---

(111) **4-0096583**
(210) 4-2006-20775
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 28.11.2006

(531) 25.5.1; 26.4.2
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VĨ ĐẠI (VN)
13A-B1 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán, đại lý, cung ứng xuất khẩu, tư liệu sản xuất: máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất các ngành công nông lâm nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thực phẩm, điện gia dụng, mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh).

Nhóm 37: Dịch vụ bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị.

Nhóm 40: Sản xuất giấy nhám, vải nhám; sản xuất dao cụ, máy móc, thiết bị các ngành công, nông, lâm nghiệp (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở).

---

(111) **4-0096584**
(210) 4-2006-19368
(181) 10.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 10.11.2006

(531) A5.5.20; A5.5.21; A5.3.14
(731) SOMANG COSMETICS CO. (KR)
405-251, Mok-1dong, Yangchun-gu, Seoul 158-051, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Kem dưỡng da (mỹ phẩm); son môi; thuốc bôi lên mi mắt (mascara); kem đắp mặt nạ làm mịn da mặt; chế phẩm để bảo vệ tóc và dưỡng tóc; thuốc nhộm tóc; chế phẩm để uốn quăn tóc; chế phẩm tẩy màu nhuộm của tóc; kem nền dạng chất lỏng (mỹ phẩm); tinh dầu hoa mộc lan; dầu mát xa (mỹ phẩm); chế phẩm mát xa dạng keo (gel); tinh dầu; chế phẩm làm se lỗ chân lông dùng cho mục đích mỹ phẩm; kem nền trang điểm; nước thơm bôi chống nắng; kem chống nắng dạng mỹ phẩm; nước thơm dạng sữa dùng bôi chống nắng (mỹ phẩm); sữa chống nắng (mỹ phẩm); kem bôi để cạo râu; chế phẩm làm mịn da (mỹ phẩm); nước thơm bôi sau khi cạo râu; mỹ phẩm bôi lên mi mắt; nước thơm dùng cho da thường (mỹ phẩm); son dưỡng môi; kem tẩy trang; kem làm trắng da; nước hoa; chế phẩm dưỡng tóc dạng keo (gel); keo xịt tóc; chế phẩm vuốt bóng tóc dạng gôm (mousse); dầu gội đầu; xà phòng ở dạng lỏng; xà phòng tắm; xà phòng làm đẹp; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch răng giả (không dùng cho nghành y); nước súc miệng dạng phun làm cho hơi thở thơm tho; chế phẩm làm sạch răng (không chứa dược phẩm).

---

(111) **4-0096585**
(210) 4-2006-19369
(181) 10.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SOMANG

(151) 27.02.2008
(220) 10.11.2006

(731) SOMANG COSMETICS CO. (KR)
405-251, Mok-1dong, Yangchun-gu, Seoul 158-051, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Kem dưỡng da (mỹ phẩm); son môi; thuốc bôi lên mi mắt (mascara); kem đắp mặt nạ làm mịn da mặt; chế phẩm để bảo vệ tóc và dưỡng tóc; thuốc nhộm tóc; chế phẩm để uốn quăn tóc; chế phẩm tẩy màu nhuộm của tóc; kem nền dạng chất lỏng (mỹ phẩm); tinh dầu hoa mộc lan; dầu mát xa (mỹ phẩm); chế phẩm mát xa dạng keo (gel); tinh dầu; chế phẩm làm se lỗ chân lông dùng cho mục đích mỹ phẩm; kem nền trang điểm; nước thơm bôi chống nắng; kem chống nắng dạng mỹ phẩm; nước thơm dạng sữa dùng bôi chống nắng (mỹ phẩm); sữa chống nắng (mỹ phẩm); kem bôi để cạo râu; chế phẩm làm mịn da (mỹ phẩm); nước thơm bôi sau khi cạo râu; mỹ phẩm bôi lên mi mắt; nước thơm dùng cho da thường (mỹ phẩm); son dưỡng môi; kem tẩy trang; kem làm trắng da; nước hoa; chế phẩm dưỡng tóc dạng keo (gel); keo xịt tóc; chế phẩm vuốt bóng tóc dạng gôm (mousse); dầu gội đầu; xà phòng ở dạng lỏng; xà phòng tắm; xà phòng làm đẹp; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch răng giả (không dùng cho nghành y); nước súc miệng dạng phun làm cho hơi thở thơm tho; chế phẩm làm sạch răng (không chứa dược phẩm).

---

(111) **4-0096586**
(210) 4-2006-22163
(181) 19.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AISITE

(151) 27.02.2008
(220) 19.12.2006

(731) SHISHISHI AISITE SPORTS GOODS CO., LTD. (CN)
Ximen, Yongning Town, ShiShi City, Fujian Province, People's Republic of China
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 28: Vợt cầu lông; vợt ten-nít; vợt bóng quần; bóng dùng cho các trò chơi; dụng cụ câu cá; gậy dùng cho thủ môn; gậy khúc quân cầu; băng quấn cổ tay dùng trong thể thao; giầy trượt băng; thiết bị dùng cho thể dục thể hình.

---

(111) **4-0096587**
(210) 4-2006-20932
(181) 30.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 30.11.2006

(531) 26.4.3
(591) Đỏ nhạt, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH KÍNH HÀ GIANG (VN)
B12B/45, ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại kính xây dựng.

Nhóm 20: Kính gương dùng trong trang trí nội thất, gương soi.

---

(111) **4-0096588**
(210) 4-2006-04573
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MAERSK

(151) 27.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) A. P. MOLLER - MAERSK A/S (DK)
Esplanaden 50, DK - 1098 Copenhagen K . Denmark
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 37: Khoan giếng dầu; khoan giếng khai thác khí đốt; khai thác dầu và khai thác khí đốt; xây dựng, lắp đặt, sửa chữa và cho thuê thiết bị khai thác dầu và khí đốt; lắp đặt cáp xuyên đại dương cho tầu ngầm dưới biển.

Nhóm 40: Chế biến dầu mỏ và chế biến khí ga; xử lý chống ô nhiễm cho dầu và khí đốt.

---

(111) **4-0096589**
(210) 4-2006-16885
(181) 06.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 06.10.2006

(531) 26.1.1; 3.7.17; 26.1.5
(731) GREEN EARTH BIOTECHNOLOGY (THAILAND) CO., LTD (TH)
99/349 Na Nakorn Bldg. Moo 2 Chaengwattana Rd. Tungsonghong Laksi, Bangkok 10210, Thailand
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Thức ăn chế biến từ rong biển, tảo biển và mực.

---

(111) **4-0096590**
(210) 4-2006-03921
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ORION Fresh Pie

(151) 27.02.2008
(220) 20.03.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt (pies); bánh pút đinh; kem lạnh (sherbets); kem ăn (ice creams); kẹo cứng; caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0096591**
(210) 4-2006-04579
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PLEOMAX

(151) 27.02.2008
(220) 29.03.2006

(731) SAMSUNG CORPORATION (KR)
310, 2-Ka Taepyung-Ro, Chung- Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 09: Máy chụp ảnh dùng một lần; ắc qui khô; bình ắc qui; đĩa com-pắc trắng (dùng cho nghe, nhìn); đĩa DVD trắng (đĩa kỹ thuật số đa năng); đĩa mềm trắng dùng cho máy tính; băng vi-đê-ô trắng; phương tiện truyền thông di động bao gồm: phần cứng USB, thẻ kỹ thuật số bảo mật trắng, thẻ truyền thông- thông minh trắng, thẻ nhớ nén, thiết bị tiếp hợp thẻ dùng cho máy tính cá nhân; phụ tùng của máy tính cá nhân bao gồm: con chuột, bàn phím, bộ điều biến mô-đem, loa, máy chụp ảnh; máy chụp ảnh dùng cho nhiếp ảnh; máy ảnh kỹ thuật số dùng cho nhiếp ảnh; máy thu âm thanh-hình ảnh kỹ thuật số; điện thoại cầm tay; điện thoại di động; điện thoại không dây; máy ghi hình cá nhân; đầu chạy đĩa DVD; màn hình mỏng - tinh thể lỏng dùng cho máy tính; màn hình mỏng -tinh thể lỏng dùng cho ti-vi; máy ghi băng kỹ thuật số; màn hình hiển thị plasma.

---

(111) **4-0096592**
(210) 4-2006-18696
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(531) A1.5.3; 26.3.23
(591) Đỏ, xanh lục, xanh tím
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT (VN)
Phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 39: Vận tải; đóng gói, lưu giữ hàng hóa; du lịch; cho thuê phương tiện vận chuyển.

---

(111) **4-0096593**
(210) 4-2006-00345
(181) 09.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 09.01.2006

(531) 6.1.2; 26.3.3
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CHẾ BIẾN KINH DOANH NÔNG SẢN THỰC PHẨM KIM BÔI HOÀ BÌNH (VN)
Xóm Vai, xã Thanh Nông, huyện Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 29: Măng, hoa quả và rau đã chế biến.

---

(111) **4-0096594**
(210) 4-2006-06390
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

COLVERGANE

(151) 27.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096595**
(210) 4-2006-06391
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ORPROLE

(151) 27.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096596**
(210) 4-2006-09644
(181) 21.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HANJOITIN

(151) 27.02.2008
(220) 21.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ VÀ KINH DOANH DƯỢC PHẨM NGHĨA PHÁT (VN)
34 Lam Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096597**
(210) 4-2006-16225
(181) 27.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 27.09.2006

(531) 1.15.23; A3.13.12; A3.13.24; A26.11.12
(731) CÔNG TY THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT TRUNG ĐỊNH (VN)
Ngõ 109, đường Trường Chinh, cụm 4, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 24: Vải trải giường; vải phủ giường; bộ đồ vải của giường ngủ; rèm cửa bằng vải; chăn lông; mền bông.

Nhóm 25: Quần áo; khăn quàng cổ; giầy; dép; quần áo ngủ; váy.

---

(111) **4-0096598**
(210) 4-2006-16996
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FLAME WINDOW

(151) 27.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SENA VIỆT NAM (VN)
Số 34 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Cửa bằng kim loại thuộc nhóm này; chốt cửa; khung cửa bằng kim loại; tay nắm cửa bằng kim loại; ván cửa (panô) bằng kim loại; phụ kiện cho cửa bằng kim loại (phụ kiện dùng để gá, lắp cửa bằng kim loại).

Nhóm 19: Cửa không làm bằng kim loại thuộc nhóm này; khung cửa không làm bằng kim loại; tấm cửa không làm bằng kim loại; cửa gập không làm bằng kim loại.

---

(111) **4-0096599**
(210) 4-2006-17010
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MAREXCA

(151) 27.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096600**
(210) 4-2006-18381
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SUSFAT

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) ECOFEED SDN. BHD (MY)
Lot 44, Section 4, Fasa 2A, Pulau Indah Industrial Park, 42920 Pulau Indah, Selangor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho lợn gia cầm và động vật; chất bổ sung hương liệu dùng cho thức ăn cho lợn, gia cầm và động vật, không dùng cho mục đích y tế; chất bổ sung dinh dưỡng dùng cho thức ăn cho lợn, gia cầm và động vật (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0096601**
(210) 4-2006-18652
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) 24.15.1; 2.7.23
(591) Xanh ngọc, cam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TINH THÔNG (VN)
555 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán điện thoại, điện thoại di động, thiết bị viễn thông, máy ghi hình, màn hình, điện thoại hình.

Nhóm 38: Dịch vụ cung cấp đường truyền internet.

---

(111) **4-0096602**
(210) 4-2006-13696
(181) 21.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 21.08.2006

(531) 2.3.1; 2.1.1; 26.4.1
(591) Đen, trắng, nâu đỏ, xanh lá cây
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VĂN PHÒNG LỮ HÀNH KHOA TRẦN - HỘI AN (VN)
07 Cửa Đại, Phước Tân, phường Cửa Đại, Hội An, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải khách bằng đường bộ, đường thuỷ; dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa.

---

(111) **4-0096603**
(210) 4-2004-04336
(181) 10.05.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

BOTAKEM

(151) 27.02.2008
(220) 10.05.2004

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM LONG CHÂU (VN)
Số 199/2A đường Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc chữa bệnh dùng ngoài da, kem bôi da trị bệnh.

---

(111) **4-0096604**
(210) 4-2006-18689
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FUNGNIL

(151) 27.02.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG TÂM (VN)
47 đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096605**
(210) 4-2006-18641
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH CAO TRÍ (VN)
Số 14, hẻm 158/2/13 phố Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 25: Quần áo thời trang; quần áo mặc khi đi làm; quần áo mặc ở nhà; giầy dép (không bao gồm các loại giầy dép dùng cho mục đích đặc biệt); khăn quàng vải; mũ vải.

---

(111) **4-0096606**
(210) 4-2006-18668
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PARIDA

(151) 27.02.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM TRÚC TÂM (VN)
Số nhà 06 ngách 560/65, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096607**
(210) 4-2006-18745
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NILOGRIN

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104, nhà A3, tập thể công ty cơ khí Hà Nội, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096608**
(210) 4-2006-18785
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TEGRID

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096609**
(210) 4-2006-18786
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ECOSAC

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096610**
(210) 4-2006-18787
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ENACE

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096611**
(210) 4-2006-18788
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RAHAT

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096612**
(210) 4-2006-18789
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ULCRITE

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096613**
(210) 4-2006-18806
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ULCIFAM

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096614**
(210) 4-2006-18807
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SACHLARD

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096615**
(210) 4-2006-18808
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMBROTOR

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096616**
(210) 4-2006-18809
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALLORIGO

(151) 27.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD. (IN)
I-14, Shivlok House -1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096617**
(210) 4-2006-19101
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OXATALIS

(151) 27.02.2008
(220) 07.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096618**
(210) 4-2006-19102
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHANO

(151) 27.02.2008
(220) 07.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán dược phẩm, trang thiết bị và dụng cụ y tế; xuất nhập khẩu dược phẩm, trang thiết bị và dụng cụ y tế.

---

(111) **4-0096619**
(210) 4-2006-19285
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 09.11.2006

(731) SANYANG INDUSTRY Co., Ltd (TW)
No. 3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 12: Xe mô tô hạng nhẹ; xe mô tô; xe cộ chạy điện, ô tô con, xe tải hạng nặng, xe ô tô, xe tải chở hàng, xe buýt, xe tải chở người và hành lý và các phụ tùng của xe ô tô bao gồm: khung gầm ô tô, phanh, trục xe, săm, lốp, còi, thiết bị chống trộm, khung xe, cửa xe, hộp số, kính chắn gió; động cơ cho các phương tiện giao thông trên bộ; các bộ phận ghép nối, truyền động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0096620**
(210) 4-2006-20596
(181) 24.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RAFFLES

(151) 27.02.2008
(220) 24.11.2006

(731) RAFFLES INTERNATIONAL LIMITED (SG)
2 Stamford Road, #06-01 Raffles City Convention Centre, Singapore 178882
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ mua bán nhà ở; quản lý toà nhà (bất động sản); dịch vụ quản lý nhà ở; cho thuê nhà ở; cho thuê căn hộ, phòng ở, toà nhà, nhà ở, nhà chung cư và nhà riêng; mua bán bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; bán nhà ở; cho thuê nhà ở nhân danh người khác.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn nghỉ mát, dịch vụ khách sạn, dịch vụ cho thuê chỗ ở khách sạn, dịch vụ chỗ ở tạm thời, dịch vụ chỗ ở ngắn hạn, dịch vụ đặt chỗ ở trong khách sạn, dịch vụ đặt chỗ ở tạm thời, cho thuê phòng, cho thuê chỗ ở tạm thời, cho thuê phòng họp, dịch vụ tổ chức tiệc, quầy bar, quán ăn, dịch vụ nhà hàng ăn uống, tiệc cock-tail và quán cà phê; dịch vụ nấu thức ăn, cho thuê phòng để tổ chức hội thảo và triển lãm, dịch vụ cung cấp thực phẩm, dịch vụ cung cấp thực phẩm theo hợp đồng, nhà hàng cung cấp thức ăn và đồ uống; dịch vụ cung cấp thực phẩm cho khách sạn; dịch vụ tổ chức việc cung cấp thực phẩm theo chức năng.

(111) **4-0096621**
(210) 4-2006-17023
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 10.10.2006

(531) 2.9.10
(591) Xanh lá cây, ghi xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NHA VIỆT (VN)
125 Lê Thị Riêng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Khám và chữa chuyên khoa răng hàm mặt; trồng răng giả.

---

(111) **4-0096622**
(210) 4-2006-17024
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

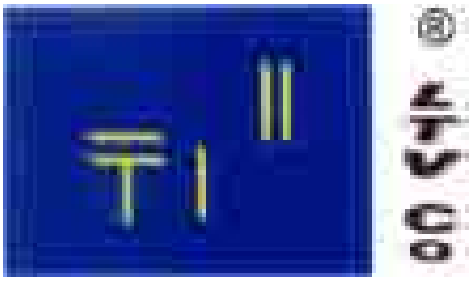

(151) 27.02.2008
(220) 10.10.2006

(531) A26.11.8; A26.11.7; 26.3.23
(591) Xanh dương, vàng, nâu, xám, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU L.T.V (VN)
92B Hậu Giang, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 21: Khay gốm sứ để đá nóng nướng đựng thức ăn.

---

(111) **4-0096623**
(210) 4-2006-17204
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ÁO DÀI VIỆT ANH

(151) 27.02.2008
(220) 13.10.2006

(731) NINH QUANG VỸ (VN)
Số 399B - C22 phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Buôn bán quần áo.

Nhóm 40: May, đo quần áo.

---

(111) **4-0096624**
(210) 4-2006-17361
(181) 16.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 16.10.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12; 26.1.6
(591) Đen, nâu đỏ
(731) OPENASIA DEVELOPMENT LIMITED (HK)
Room 2001, Central Plaza, 18 Harbour Road, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán ôtô, xe máy và phụ tùng ôtô, xe máy; nghiên cứu thị trường; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; tư vấn quản lý kinh doanh; tư vấn thương mại; môi giới thương mại.

Nhóm 37: Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì ôtô, xe máy và phụ tùng ôtô, xe máy.

---

(111) **4-0096625**
(210) 4-2006-18196
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(531) A26.11.12; 1.15.23
(731) NGUYỄN VĂN HƯƠNG (VN)
Số 109 phố Bà Triệu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Tấm lát sàn bằng gỗ.

---

(111) **4-0096626**
(210) 4-2006-18384
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.4.2; 3.3.1; A3.3.17
(591) Đỏ, vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỒNG THẢO (VN)
Quốc lộ 13, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 12: Phụ tùng dùng cho xe gắn máy cụ thể là: đĩa bánh răng có ổ bi (nhông); xích (sên); đĩa bánh răng lớn; trục xe; nan hoa; phanh đĩa.

---

(111) **4-0096627**
(210) 4-2006-02391
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EUMASAVAF

(151) 27.02.2008
(220) 22.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096628**
(210) 4-2006-17526
(181) 18.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

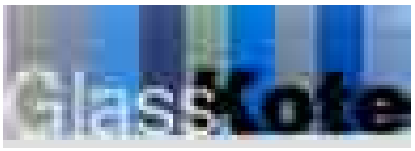

(151) 27.02.2008
(220) 18.10.2006

(531) 26.4.2
(591) Trắng, đen, ghi đậm, ghi nhạt, xanh da trời đậm, xanh da trời nhạt, xanh côban, xanh nõn chuối nhạt
(731) GLASSKOTE (MALAYSIA) SDN. BHD. (MY)
No. 20, Jalan TPP 6/3, Section 6, Batu 12, Jalan Puchong, Taman Perindustrian Puchong, 47100 Puchong, Selangor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Kính màu (dùng trong xây dựng).

---

(111) **4-0096629**
(210) 4-2006-18265
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ACYCLOVIR DENK 200

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) DENK PHARMA GMBH & CO. KG (DE)
Prinzregentenstr. 79, 81675, Muenchen, Germany
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096630**
(210) 4-2006-18266
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ATENOLOL DENK

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) DENK PHARMA GMBH & CO. KG (DE)
Prinzregentenstr. 79, 81675, Muenchen, Germany
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096631**
(210) 4-2006-18267
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CAPTOPRIL DENK

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) DENK PHARMA GMBH & CO. KG (DE)
Prinzregentenstr. 79, 81675, Muenchen, Germany
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096632**
(210) 4-2006-18268
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PENFIXIL

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096633**
(210) 4-2006-18269
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CLAVUAM

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD (IN)
L-2 Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharastra, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và sản phẩm dược.

---

(111) **4-0096634**
(210) 4-2006-18280
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PENDINIR

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096635**
(210) 4-2006-18281
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

UDILIV

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096636**
(210) 4-2006-18282
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AZIBACTIN

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096637**
(210) 4-2006-18283
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DELETEX

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096638**
(210) 4-2006-18285
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PENTACLOR

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096639**
(210) 4-2006-18286
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PENTIROM

(151) 27.02.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096640**
(210) 4-2006-18287
(181) 15.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PENFORTIN

(151) 27.02.2008
(220) 15.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0096641**
(210) 4-2006-21305
(181) 06.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CWAT

(151) 27.02.2008
(220) 06.12.2006

(731) KABUSHIKI KAISHA INTELLIGENT WAVE (Intelligent Wave Inc.) (JP)
Kayaba-cho Tower 1-21-2, Shinkawa, Chuo-ku, Tokyo 104-0033 Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Máy móc và thiết bị viễn thông; chương trình máy vi tính; máy vi tính; phần mềm máy vi tính; thiết bị ngoại vi cho máy vi tính.

Nhóm 38: Dịch vụ viễn thông (không bao gồm phát các chương trình bằng cách truyền thanh hoặc truyền hình); dịch vụ cho thuê các thiết bị viễn thông bao gồm thiết bị điện thoại và fax.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế phần mềm máy tính; dịch vụ lập chương trình máy tính hoặc dịch vụ bảo trì phần mềm máy tính; dịch vụ cho thuê máy tính; dịch vụ cung cấp các chương trình máy tính; dịch vụ thiết kế máy móc; dụng cụ thiết bị (bao gồm các bộ phận của chúng) hoặc hệ thống gồm có máy móc, dụng cụ và thiết bị đó.

---

(111) **4-0096642**
(210) 4-2006-23078
(181) 29.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 29.12.2006

(531) 26.7.25; 2.9.25
(591) Trắng, xanh dương, đỏ, vàng
(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096643**
(210) 4-2006-20013
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 20.11.2006

(531) 3.4.13; 26.7.25
(731) VÕ ĐÌNH HỒNG (VN)
Số 35 Lê Lợi, thành phố Vinh, Nghệ An

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe máy, cụ thể là: săm, lốp, xích, đĩa, nhông, ống xả khói, ắc qui; chi tiết đồ nhựa, vành, mặt nạ, séc măng và pít tông.

---

(111) **4-0096644**
(210) 4-2006-22581
(181) 25.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BOF

(151) 27.02.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN SINH HÓA CỦ CHI (VN)
Ấp Bàu Tre, đường số 8, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón; phân bón vi sinh.

---

(111) **4-0096645**
(210) 4-2006-22583
(181) 25.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 25.12.2006

(531) 5.7.3; 5.13.4; 15.1.22
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN SINH HÓA CỦ CHI (VN)
Ấp Bàu Tre, đường số 8, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón; phân bón vi sinh.

---

(111) **4-0096646**
(210) 4-2006-22584
(181) 25.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OMF

(151) 27.02.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN SINH HÓA CỦ CHI (VN)
Ấp Bàu Tre, đường số 8, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón; phân bón vi sinh.

---

(111) **4-0096647**
(210) 4-2006-22711
(181) 26.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KITO

(151) 27.02.2008
(220) 26.12.2006

(531) 26.1.2
(731) KITO CORPORATION (JP)
2000 Tsuiji-Arai, Showamachi, Nakakoma-gun, Yamanashi-ken, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Thiết bị nâng; cần trục (thiết bị nâng và nhấc); máy nâng; tời kéo; băng tải (máy); ròng rọc (bộ phận máy); thang máy (không phải là thang kéo dùng cho người trượt tuyết).

---

(111) **4-0096648**
(210) 4-2006-22712
(181) 26.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540) KITO

(151) 27.02.2008
(220) 26.12.2006

(731) KITO CORPORATION (JP)
2000 Tsuiji-Arai, Showamachi, Nakakoma-gun, Yamanashi-ken, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Thiết bị nâng; cần trục (thiết bị nâng và nhấc); máy nâng; tời kéo; băng tải (máy); ròng rọc (bộ phận máy); thang máy (không phải là thang kéo dùng cho người trượt tuyết).

---

(111) **4-0096649**
(210) 4-2006-15570
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 15.09.2006

(531) 5.7.1; A11.3.4; 25.1.25
(591) Đỏ, đỏ nâu, nâu, nâu nhạt, cam, đen, vàng, xanh dương, trắng
(731) CƠ SỞ MINH ĐỨC (VN)
41/16, tổ 13, khu phố 3, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0096650**
(210) 4-2006-15720
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 19.09.2006

(531) A1.1.10; A1.11.8; 2.5.2; 8.7.5
(591) Đen, đỏ, tím, vàng, vàng đậm, trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

(111) **4-0096651**
(210) 4-2006-16941
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 09.10.2006

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Xanh nước biển đậm, da cam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ GIÁO DỤC ĐIỆN TỬ BA (VN)
488/12A đường 3/2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán: từ điển điện tử, sách điện tử, máy học ngoại ngữ, máy nghe MP3, máy ghi âm, máy lặp lại repeater (máy đọc lại từng đoạn tuỳ ý).

---

(111) **4-0096652**
(210) 4-2006-20877
(181) 29.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.5.1; A26.11.12
(591) Đỏ, vàng, xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HOÁ CHẤT SƠN MT (VN)
Số 7, ngõ 535, đường Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0096653**
(210) 4-2006-21779
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

IKOVIR

(151) 27.02.2008
(220) 13.12.2006

(731) IKO OVERSEAS (IN)
D 14/6, Okhla Industrial Area, Phase-1, New Delhi-20, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096654**
(210) 4-2006-16989
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 10.10.2006

(531) 26.4.2
(591) Tím đỏ, xanh da trời, vàng, đen, trắng
(731) MATSUSHITA ELECTRIC INDUSTRIAL CO., LTD. (JP)
1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và giải trí có bản chất là các chương trình giáo dục trong trường học, được thiết kế để giúp đỡ các học viên phát triển văn hóa giao tiếp và kỹ năng tổ chức, đề cương được chuẩn bị trên cơ sở các chương trình viđêô do các học viên tự quay trực tiếp bằng máy quay camera các bản tin tức, câu truyện đặc sắc, báo cáo tham luận, tiểu sử những người danh tiếng, bài xã luận, tin thương mại và các chủ đề tương tự; dịch vụ tổ chức quản lý và phát triển các cuộc tranh luận qua chương trình viđêô được các sinh viên chuẩn bị như là một phần của dịch vụ giáo dục và giải trí có bản chất là các chương trình giáo dục trong trường học; dịch vụ cho thuê thiết bị học tập cụ thể là: máy quay viđêô kỹ thuật số, thiết bị chỉnh sửa (hình ảnh, âm thanh) kỹ thuật số, trang thiết bị cho viđêô kỹ thuật số, máy ghi băng viđêô dạng S-VHS, màn hình ti vi mầu, micro, tai nghe, giá đỡ máy quay, băng viđêô và băng viđêô dùng trong đào tạo.

---

(111) **4-0096655**
(210) 4-2006-18640
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH CAO TRÍ (VN)
Số 14, hẻm 158/2/13 phố Ngọc Hà, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 25: Quần áo thời trang; quần áo mặc khi đi làm; quần áo mặc ở nhà; giầy dép (không bao gồm các loại giầy dép dùng cho mục đích đặc biệt); khăn quàng vải; mũ vải.

Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; dịch vụ tư vấn kinh doanh; dịch vụ mua bán quần áo, giầy dép, phụ kiện thời trang; dịch vụ quan hệ công chúng.

---

(111) **4-0096656**
(210) 4-2006-19286
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Minart

(151) 27.02.2008
(220) 09.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM ĐỒNG (VN)
Số nhà 2, ngõ 164/177 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0096657**
(210) 4-2006-20787
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SeaZangle

(151) 27.02.2008
(220) 28.11.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh kẹo; bánh xốp; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn (dạng lạnh); kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0096658**
(210) 4-2006-22001
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VEGA-TIC

(151) 27.02.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH SONG LONG THỌ (VN)
750/9/15A Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Phân bón dùng cho đất; chế phẩm làm màu mỡ đất; phân bón dùng cho nông nghiệp; phân trộn ủ.

---

(111) **4-0096659**
(210) 4-2004-10740
(181) 11.10.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

CALIHASSAN

(151) 27.02.2008
(220) 11.10.2004

(731) CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ TUẤN LONG (VN)
Thôn Cầu, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 09: Loa thùng.

---

(111) **4-0096660**
(210) 4-2006-20202
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FROTENMID

(151) 27.02.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096661**
(210) 4-2006-16922
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 09.10.2006

(531) 26.1.1; 5.7.3; 25.1.6
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, đen
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 Q191, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096662**
(210) 4-2006-17105
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

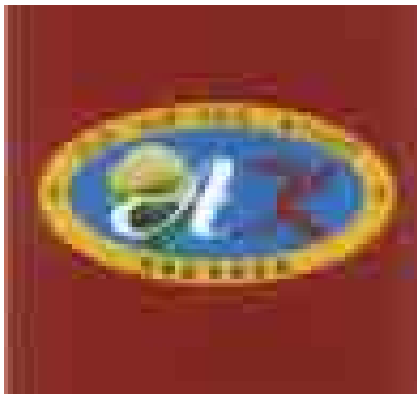

(151) 27.02.2008
(220) 11.10.2006

(531) A5.5.21; 26.1.2; A1.1.10; A1.1.3
(591) Đỏ, vàng, trắng, đen, xanh lá cây, xanh dương
(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT TRÀ ATISÔ ANH KHOA (VN)
119D Nguyễn Trung Trực, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Các loại chè (trà) uống không có mục đích y tế, cụ thể là: chè atisô; chè mướp đắng (khổ qua); chè cỏ ngọt; chè gừng; chè trái nhàu; chè xanh.

Nhóm 32: Chế phẩm dùng làm đồ uống được chế biến từ hoa quả, cụ thể là: nước cốt quả dâu tằm; nước cốt quả dâu tây; nước cốt quả chanh dây (quả mát mát); nước ép của quả dâu tây; nước ép của quả dâu tằm.

Nhóm 35: Mua bán các loại trà; mua bán đồ uống hoa quả không do nhà hàng thực hiện; mua bán nước ép hoa quả không do nhà hàng thực hiện.

---

(111) **4-0096663**
(210) 4-2006-17327
(181) 16.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 16.10.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; 26.13.25
(591) Đỏ, xanh, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096664**
(210) 4-2006-19022
(181) 06.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EXGLUTIN PLUS

(151) 27.02.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG TÂM (VN)
47 đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096665**
(210) 4-2006-19023
(181) 06.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EXGLUTIN

(151) 27.02.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG TÂM (VN)
47 đường số 2, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096666**
(210) 4-2006-16971
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

B.L.U.E.S.K.Y.T.R.A.V.E.L

(151) 27.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DU LỊCH THIÊN THANH (VN)
91 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay.

---

(111) **4-0096667**
(210) 4-2006-19025
(181) 06.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CRASBEL

(151) 27.02.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096668**
(210) 4-2006-19026
(181) 06.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

COVESRENE

(151) 27.02.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096669**
(210) 4-2006-19027
(181) 06.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LIVERENCE

(151) 27.02.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÍCH CHÂU (VN)
LL1M Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096670**
(210) 4-2006-19100
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LIPITRA

(151) 27.02.2008
(220) 07.11.2006

(731) FEROZSONS LABORATORIES LIMITED (PK)
197-A, the Mall, Rawalpindi- Pakistan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096671**
(210) 4-2006-17143
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOAVAMINE

(151) 27.02.2008
(220) 12.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HOA LAN (VN)
63D5 - khu đô thị mới Đại Kim, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm và thiết bị y tế.

---

(111) **4-0096672**
(210) 4-2006-17047
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 11.10.2006

(531) A26.4.6; 26.4.2
(591) Xanh nước biển, vàng
(731) WD-40 MANUFACTURING COMPANY (US)
1061 Cudahy Place, San Diego, CA92110, United States of America
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 02: Chất phủ lên bề mặt để bảo vệ và trang trí, để ngăn ngừa gỉ và hạn chế sự ăn mòn.

Nhóm 04: Dầu bôi trơn và dầu thẩm thấu.

---

(111) **4-0096673**
(210) 4-2006-17121
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TRALOFLAM

(151) 27.02.2008
(220) 11.10.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662, T.T.C Ind. Area, Rabale, Navi, Mumbai 400 701, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096674**
(210) 4-2006-17122
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PIRANOOFLAM

(151) 27.02.2008
(220) 11.10.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662, T.T.C Ind. Area, Rabale, Navi, Mumbai 400 701, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096675**
(210) 4-2006-17124
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FLAMODINIR

(151) 27.02.2008
(220) 11.10.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662, T.T.C Ind. Area, Rabale, Navi, Mumbai 400 701, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096676**
(210) 4-2006-17026
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HÙNG HƯNG

(151) 27.02.2008
(220) 10.10.2006

(731) CƠ SỞ LÊ THANH LÂM (VN)
156 Trịnh Hoài Đức, phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 29: Trứng vịt lộn; trứng vịt lạt; trứng vịt muối; trứng gà.

Nhóm 35: Mua bán trứng vịt lộn, trứng vịt lạt, trứng vịt muối, trứng gà.

---

(111) **4-0096677**
(210) 4-2006-17141
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 12.10.2006

(531) A26.11.12; A1.1.2; A1.1.10; 3.7.17; A5.3.15
(591) Xanh lá cây đậm, nhạt, đỏ
(731) LẠI TIẾN MẠNH (VN)
50 tổ 8, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Nước rửa bát; nước rửa xe; nước rửa kính; nước lau sàn nhà; nước cọ toilet.

---

(111) **4-0096678**
(210) 4-2006-17146
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 27.02.2008
(220) 12.10.2006

(531) 26.1.2
(591) Đen, xanh, đỏ, vàng
(731) VƯƠNG THỊ THÀNH (VN)
Xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây.

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo.

---

(111) **4-0096679**
(210) 4-2006-17291
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GIA HƯNG

(151) 27.02.2008
(220) 13.10.2006

(531) A5.5.21
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI GIA HƯNG (VN)
115/39 Phạm Đình Hổ, phường 6, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 17: Ống dẫn nước (ống nhựa mềm); ống luồn dây điện (ống nhựa mềm); Gioăng (nẹp) làm bằng nhựa mềm dùng để trèn bít các khe cửa và bàn.

---

(111) **4-0096680**
(210) 4-2006-17294
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

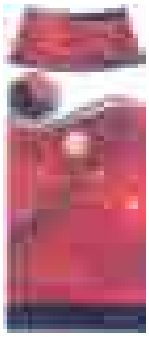

(151) 27.02.2008
(220) 13.10.2006

(531) 25.1.15; 7.1.1; 26.1.1
(591) Đỏ, vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ LỘC THÀNH (VN)
117 Lê Quang Định, phường 14, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0096681**
(210) 4-2006-15721
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5
(591) Nâu đậm, đỏ, trắng, vàng, cam, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096682**
(210) 4-2006-15722
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5
(591) Cam, đỏ, hồng, trắng, vàng, vàng đậm, xanh lá cây, đen
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096683**
(210) 4-2006-15723
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5
(591) Cam, cam đậm, hồng, trắng, vàng, vàng đậm, xanh lá cây, đen
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096684**
(210) 4-2006-15724
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5
(591) Cam, tím, hồng, đỏ, trắng, vàng, vàng đậm, xanh lá cây, nâu, đen
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096685**
(210) 4-2006-15725
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5
(591) Cam, đỏ, hồng, trắng, vàng, xanh lá cây, đen, nâu
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096686**
(210) 4-2006-15726
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5; 4.3.3
(591) Cam nhạt, cam đậm, trắng, đen, đỏ, vàng đậm, xanh lá cây, tím, hồng, nâu
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096687**
(210) 4-2006-15727
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5; 4.3.3
(591) Nâu nhạt, nâu đậm, trắng, đen, đỏ, vàng đậm, xanh lá cây, hồng
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096688**
(210) 4-2006-15728
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5; 4.3.3
(591) Xanh lá cây, trắng, đen, đỏ, vàng đậm, hồng, tím, nâu.
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096689**
(210) 4-2006-15729
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 19.09.2006

(531) 2.5.2; 8.7.5; 4.3.3
(591) Xanh lá cây, xanh dương, trắng, đen, đỏ, vàng đậm, vàng nhạt, hồng, nâu
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở, bún ăn liền, miến, hủ tiếu, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096690**
(210) 4-2006-00196
(181) 05.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

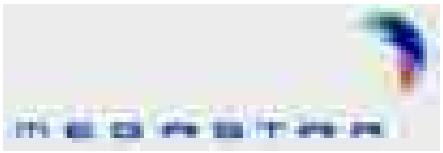

(151) 28.02.2008
(220) 05.01.2006

(531) 1.15.23; A26.11.12
(591) Vàng, đỏ, tím hồng, tím, xanh dương, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TRUYỀN THÔNG MEGASTAR (VN)
126 Hùng Vương, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 41: Khai thác phòng chiếu phim; chiếu phim tại rạp; cho thuê phim chiếu; cung cấp các dịch vụ giải trí trong nhà.

---

(111) **4-0096691**
(210) 4-2006-00197
(181) 05.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

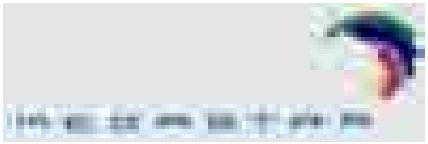

(151) 28.02.2008
(220) 05.01.2006

(531) 1.15.23; A26.11.12
(591) Vàng, đỏ, tím, xanh dương, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TRUYỀN THÔNG MEGASTAR (VN)
126 Hùng Vương, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Nhập khẩu trực tiếp phim ảnh; mua bán thực phẩm hoặc đồ uống.

---

(111) **4-0096692**
(210) 4-2006-00773
(181) 16.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MỸ LỆ

(151) 28.02.2008
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH GẠCH NGÓI TUYNEL MỸ LỆ (VN)
Thôn 2, xã Đức Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 19: Gạch ngói.

Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng.

---

(111) **4-0096693**
(210) 4-2006-00774
(181) 16.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MỸ HƯNG

(151) 28.02.2008
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH GẠCH NGÓI TUYNEL MỸ LỆ (VN)
Thôn 2, xã Đức Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 19: Gạch ngói.

---

(111) **4-0096694**
(210) 4-2006-01083
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

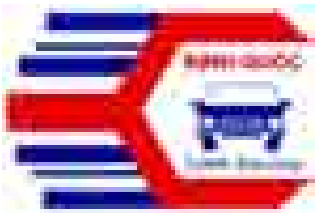

(151) 28.02.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.11.3; A26.11.8; A18.1.9
(591) Xanh tím, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ ĐỊNH QUỐC (VN)
211 Nguyễn Xí, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 37: Sữa chữa và bảo dưỡng xe ôtô, xe cơ giới.

---

(111) **4-0096695**
(210) 4-2006-02375
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 22.02.2006

(531) 3.7.3; 5.7.24; A25.1.10; 19.7.1
(591) Đỏ, vàng, vàng cam, nâu, xanh dương, xám, xanh lá cây, trắng, đen
(731) CƠ SỞ MỸ HOÀ (VN)
158B Phan Văn Khỏe, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Phẩm màu thực phẩm.

---

(111) **4-0096696**
(210) 4-2006-02376
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CALIERO

(151) 28.02.2008
(220) 22.02.2006

(731) CƠ SỞ NGUYỄN THẮNG (VN)
2610/12G Lạc Long Quân, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Loa, máy tăng âm (ampli); đầu đọc đĩa kỹ thuật số, đầu máy hát karaoke; ống nói (micrô).

---

(111) **4-0096697**
(210) 4-2006-02520
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EXEDY

(151) 28.02.2008
(220) 24.02.2006

(591) Xanh nước biển, đỏ
(731) KABUSHIKI KAISHA EXEDY (also known as EXEDY CORPORATION) (JP)
1-1-1 Kidamotomiya, Neyagawa-Shi, Osaka, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Xe cộ, phương tiện giao thông trên bộ, trên không hoặc dưới nước; túi hơi (thiết bị an toàn của ô tô); kính chắn gió (của ô tô); cái bơm hơi của xe cộ; khớp ly hợp (của ô tô); còi báo hay chuông cho xe cộ; ghế ngồi (của ô tô); cái bọc ghế ngồi (của ô tô); khung gầm (của ô tô); thân xe (của ô tô); cái bọc thân ô tô; bánh xe (của ô tô), nan hoa cho bánh xe cộ; lốp, săm cho bánh xe cộ; tay cầm ở cửa ra vào ô tô; cửa ra vào (của ô tô), cái chắn bùn của xe cộ; cái chở hành lý (của ô tô); lưới để hành lý cho ô tô; gương chiếu hậu (của ô tô); bánh lái (của ô tô); cái bọc bánh lái (của ô tô); cái hãm xung (đỡ va) của ô tô; kính chắn gió cho ô tô; đèn nháy báo hướng đi (đèn báo hướng rẽ cho ô tô); mui xe có thể gập lại (cho ô tô); mui xe ô tô; màn che ở cửa sổ che nắng (của ô tô); cái để bánh xe dự phòng của ô tô; vành bánh xe (cho ô tô); giá ở nóc ô tô; cần gạt nước ở kính chắn gió (của ô tô); bánh đà (của ô tô); bánh xích hay trục lắp bánh xích và bàn đạp (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); yên xe (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); trục quay (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); chân chống (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); xích truyền động (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); cái bảo vệ xích truyền động để tránh bụi bẩn (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); giỏ xe (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); tay phanh (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); giá để hành lý (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); trục bánh xe (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); tay lái (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); cái líp (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); khung xe (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); bàn đạp cho xe đạp; phuộc trước (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); vành bánh xe (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); giảm xóc cho líp (của xe mô tô hai bánh và xe đạp); bánh có rãnh (của xe mô tô hai bánh và xe

đạp); bộ phận dỡ hàng (cho xe chở hàng bằng đường ray - lật nghiêng khi dỡ hàng); động cơ chính không chạy điện dùng cho xe cộ trên bộ; thành phần máy cho xe cộ (bộ phận ghép nối và chuyển động dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ) cụ thể là khớp ly hợp và vỏ khớp ly hợp, trục nối hay truyền động, trục xe, trục quay, cái trụ hay đệm (cuxinê), vật nối trục, bộ truyền lực, cái giảm xóc, nhíp xe, phanh, và bộ đổi điện mô men quay, động cơ xoay chiều hay một chiều cho xe cộ trên bộ; miếng vá cao su có thể dính để vá săm hay lốp; thiết bị cảnh báo chống trộm dùng cho xe cộ.

---

(111) **4-0096698**
(210) 4-2006-03596
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BUCLAR

(151) 28.02.2008
(220) 15.03.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096699**
(210) 4-2006-03597
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DITINY

(151) 28.02.2008
(220) 15.03.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096700**
(210) 4-2006-03598
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

POFEC

(151) 28.02.2008
(220) 15.03.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096701**
(210) 4-2006-12723
(181) 07.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ATOM

(151) 28.02.2008
(220) 07.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ H.V.C (VN)
5H - 32 An Hạ, phường Phạm Văn Hai, quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 16: Đồ dùng văn phòng làm bằng gỗ như bảng đen, hộp bút, khay hoặc ngăn đựng hồ sơ (đồ dùng văn phòng); bảng để vẽ.

---

(111) **4-0096702**
(210) 4-2005-16689
(181) 09.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.4.3
(591) Đỏ, vàng, đen
(731) TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG TRÀ VINH (VN)
Đường tránh quốc lộ 53, khóm 4, phường 5, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

(511) Nhóm 41: Đào tạo cán bộ trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn.

---

(111) **4-0096703**
(210) 4-2006-16089
(181) 25.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

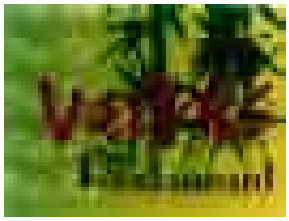

(151) 28.02.2008
(220) 25.09.2006

(531) A5.11.13
(591) Vàng, xanh lá cây
(731) NHÀ HÀNG VIỆT PHỐ (VN)
49 Lê Quý Đôn, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0096704**
(210) 4-2006-15550
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZiDi

(151) 28.02.2008
(220) 15.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT VƯƠNG HẢI LONG (VN)
39/5 Lương Định Của, ấp 4, phường An Khánh, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; quần áo lót.

---

(111) **4-0096705**
(210) 4-2006-15551
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 15.09.2006

(531) 22.1.1; 3.7.7; A3.7.24
(591) Vàng, xanh lá cây, nâu, cam, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CÔNG VIÊN CÂY XANH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (VN)
02 Công trường Quốc tế, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Băng nhạc; đĩa nhạc.

Nhóm 41: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật ca múa nhạc; tổ chức biểu diễn hài kịch; tổ chức trình diễn thời trang; đào tạo nghề dẫn chương trình; dạy hát; dạy múa; dạy nhạc; dạy xiếc ảo thuật.

---

(111) **4-0096706**
(210) 4-2006-15552
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

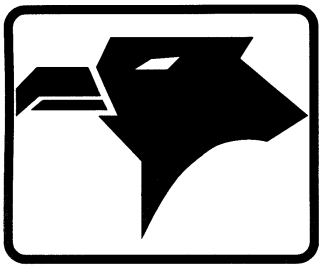

(151) 28.02.2008
(220) 15.09.2006

(531) 3.7.1; 26.4.2
(731) CÔNG TY HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP EAGLE (VN)
Lô IX - 4 khu công nghiệp Hố Nai 3, ấp Thanh Hóa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Giảm xóc (phuộc nhún) xe ô tô; giảm xóc (phuộc nhún) xe gắn máy.

(111) **4-0096707**
(210) 4-2006-17401
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 17.10.2006

(531) 26.4.2; A26.11.8
(591) Đỏ, vàng, xanh
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096708**
(210) 4-2006-17402
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 17.10.2006

(531) 26.4.2; 25.12.25
(591) Xanh, đỏ, hồng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096709**
(210) 4-2006-17403
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 17.10.2006

(531) 26.4.2; 25.12.25
(591) Xanh, đỏ, hồng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096710**
(210) 4-2006-16840
(181) 06.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

nose

(151) 28.02.2008
(220) 06.10.2006

(731) YEE CHEE KEONG (MY)
No: 17, Jalan tr 9/8, Tropicana Golf & Country Resort, 47410 Petaling Jaya, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 25: Giầy và quần áo thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0096711**
(210) 4-2006-17464
(181) 18.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 18.10.2006

(531) 26.4.2
(591) Trắng, vàng, xanh dương nhạt, xanh dương đậm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỒ BƠI JD ĐỒNG NAI (VN)
Đường số 9, khu công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 19: Hồ bơi (bể bơi) không bằng kim loại (có thể di chuyển được); linh kiện bể bơi (không bằng kim loại): đá nhân tạo, tấm panel không bằng kim loại, tấm phủ thành bể.

---

(111) **4-0096712**
(210) 4-2006-16502
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TPG

(151) 28.02.2008
(220) 09.10.2006

(731) TAIWAN PRECISION GEAR CORP (TW)
No. 68, Sec. 1, Yatan Rd., Tantzu, Taichung Hsien, Taiwan.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Động cơ không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ, cụ thể là: động cơ có bánh răng; động cơ chuyển động (rung); động cơ disco; động cơ dẫn động; động cơ

dòng điện một chiều (DC) và động cơ làm việc trong môi trường nổ dùng cho băng tải, cối xay guồng, máy phay, máy trộn, máy nghiền; cơ cấu truyền động bánh răng dùng cho động cơ điện, máy móc và dùng cho cả máy nâng; thiết bị giảm tốc truyền động trục vít bao gồm nhiều bánh vít riêng rẽ và trục đứng vuông góc sử dụng cho băng tải, máy trộn, máy đóng gói nạp nhồi tự động, máy đóng gói, máy sấy xử lý rác, máy nâng băng tải chuyển bột và máy làm đá.

Nhóm 12: Động cơ dòng điện một chiều (DC) và động cơ làm việc trong môi trường nổ dùng cho xe lăn điện, xe nâng, ô tô phục vụ chơi gôn.

---

(111) **4-0096713**
(210) 4-2006-16726
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VICIZOLIN

(151) 28.02.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM VIỆT TRUNG (VCP) (VN)
Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096714**
(210) 4-2006-16727
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VICIROXIM

(151) 28.02.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM VIỆT TRUNG (VCP) (VN)
Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096715**
(210) 4-2006-16729
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VICIMADOL

(151) 28.02.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM VIỆT TRUNG (VCP) (VN)
Xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096716**
(210) 4-2006-16781
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ERITINA

(151) 28.02.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ATP VIỆT NAM (VN)
Nhà D4, tổ 57, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096717**
(210) 4-2006-16483
(181) 02.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 02.10.2006

(531) 5.7.21; 5.7.24; 26.1.2
(591) Xanh lá cây, xanh da trời, xanh lá mạ, vàng cam
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MỘT BỐN MỘT (VN)
141 An Dương Vương, phường 8, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Rau củ quả được bảo quản và chế biến.

---

(111) **4-0096718**
(210) 4-2006-16490
(181) 02.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 02.10.2006

(591) Đỏ, vàng
(731) CƠ SỞ MINH THÀNH (VN)
3Ô, khu phố Long Bình, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

(511) Nhóm 30: Bánh trung thu; bánh kẹo.

---

(111) **4-0096719**
(210) 4-2006-16496
(181) 02.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HÙNG VÂN

(151) 28.02.2008
(220) 02.10.2006

(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ VÂN (VN)
11 Lý Công Uẩn, phường1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

(511) Nhóm 07: Động cơ điện (không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ).

---

(111) **4-0096720**
(210) 4-2006-16226
(181) 27.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 27.09.2006

(531) 7.1.5; 7.1.24; 26.1.1; 26.3.23
(591) Đỏ, xanh lam, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THỦY BÌNH (VN)
Số 22 Hàng Gà, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0096721**
(210) 4-2006-06451
(181) 25.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LIVART

(151) 28.02.2008
(220) 25.04.2006

(591) Xanh lá cây đậm, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LIVART VINA (VN)
Lô 203 đường Amata, khu công nghiệp Amata-Long Bình Hiện Đại, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 20: Bàn; ghế; ghế sofa (ghế tràng kỷ); tủ; kệ; giường (không có mục đích y tế).

---

(111) **4-0096722**
(210) 4-2006-15553
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ANBEAT

(151) 28.02.2008
(220) 15.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT AN GIANG (VN)
23 Hà Hoàng Hổ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ; thuốc trừ sâu; thuốc phòng trừ bệnh cho cây trồng; thuốc diệt chuột; thuốc diệt ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096723**
(210) 4-2006-15554
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ANHEAD

(151) 28.02.2008
(220) 15.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT AN GIANG (VN)
23 Hà Hoàng Hổ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ; thuốc trừ sâu; thuốc phòng trừ bệnh cho cây trồng; thuốc diệt chuột; thuốc diệt ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096724**
(210) 4-2006-15555
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ANBIRD

(151) 28.02.2008
(220) 15.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT AN GIANG (VN)
23 Hà Hoàng Hổ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ; thuốc trừ sâu; thuốc phòng trừ bệnh cho cây trồng; thuốc diệt chuột; thuốc diệt ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096725**
(210) 4-2006-15556
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ANGUN

(151) 28.02.2008
(220) 15.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT AN GIANG (VN)
23 Hà Hoàng Hổ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ; thuốc trừ sâu; thuốc phòng trừ bệnh cho cây trồng; thuốc diệt chuột; thuốc diệt ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096726**
(210) 4-2006-15558
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ANSHOT

(151) 28.02.2008
(220) 15.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT AN GIANG (VN)
23 Hà Hoàng Hổ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ; thuốc trừ sâu; thuốc phòng trừ bệnh cho cây trồng; thuốc diệt chuột; thuốc diệt ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096727**
(210) 4-2006-15559
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 15.09.2006

(531) 26.4.2; A25.7.2
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ TIN HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG (VN)
128 Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán mực in.

---

(111) **4-0096728**
(210) 4-2006-16908
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 09.10.2006

(531) 26.4.2; A25.7.3; A25.7.4; 3.3.1; A1.1.2; A1.1.10
(591) Đen, trắng, ghi, vàng nhũ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)
Số 08A, quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá; thuốc lá điếu.

(111) **4-0096729**
(210) 4-2006-02526
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 24.02.2006

(591) Đỏ
(731) NGUYỄN THỊ THANH NGA (VN)
Đường Lê Thi Nhiên, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 29: Mắm cá lóc, sặt, chốt, trèn, thái.

---

(111) **4-0096730**
(210) 4-2006-04546
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 29.03.2006

(531) A1.5.3
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) TRƯƠNG KHẢI BÌNH (VN)
Tổ 14, ấp Bình Hoà, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0096731**
(210) 4-2006-06535
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

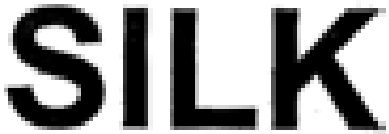

(731) WHITE WAVE, INC., (US)
12002 Airport Way, Broomfield, Colorado 80021-2546, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(151) 28.02.2008
(220) 26.04.2006

(511) Nhóm 29: Sữa chua được chế biến từ đậu nành (sữa chua).

Nhóm 32: Đồ uống được chế biến từ đậu nành.

---

(111) **4-0096732**
(210) 4-2006-04952
(181) 04.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 04.04.2006

(731) COREANA COSMETICS CO., LTD. (KR)
204-1 Jeongchon-ri, Seonggeo-eup, Cheonan-si, Chungcheongnam-do, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm dùng để tắm rửa, mỹ phẩm ở dạng kem, mỹ phẩm dùng cho lông mày, bút chì kẻ lông mày, nước xức tóc, son môi, nước thơm dùng làm mỹ phẩm, phấn trang điểm, mỹ phẩm phẩm dùng để bôi mi mắt, xà phòng có tẩm dược chất, dầu gội đầu. kem làm trắng da, mỹ phẩm dùng làm thon người, mỹ phẩm dùng để dưỡng da.

---

(111) **4-0096733**
(210) 4-2006-04138
(181) 22.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 22.03.2006

(531) 18.3.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CAO SANG MÃN (VN)
Tổ 5, ấp Trung, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê; trà (chè).

---

(111) **4-0096734**
(210) 4-2006-04139
(181) 22.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

COLAMPO

(151) 28.02.2008
(220) 22.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI CAO SANG MÃN (VN)
Tổ 5, ấp Trung, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê; trà (chè).

---

(111) **4-0096735**
(210) 4-2006-05013
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HIP HOP

(151) 28.02.2008
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO THÁI DƯƠNG (VN)
Số 92, phố Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 05: Các sản phẩm dược và chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096736**
(210) 4-2006-05014
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOẠ MI

(151) 28.02.2008
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO THÁI DƯƠNG (VN)
Số 92, phố Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 05: Các sản phẩm dược và chế phẩm vệ sinh dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096737**
(210) 4-2006-05051
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MIRACLE

(151) 28.02.2008
(220) 05.04.2006

(731) PEERLESS HOLDINGS PTY. LTD. (AU)
Level 9 South 161 Collins Street, Melbourne 3000, Australia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Bơ thực vật; dầu ăn và mỡ ăn; mỡ ăn dùng để chế biến thực phẩm.

---

(111) **4-0096738**
(210) 4-2006-06371
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN MINH KHA (TNHH) (VN)
Số 624 đường Thiên Đức, xã Vạn An, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 20: Kệ để hàng (Pallet), bàn, ghế, giường, tủ, quả lô (Rulô) dùng để quấn dây cáp và/hoặc dây điện (tất cả được làm bằng gỗ).

---

(111) **4-0096739**
(210) 4-2006-06372
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MÉLAU

(151) 28.02.2008
(220) 24.04.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT BANG PHƯỚC NGUYÊN (VN)
Số 106H/5D Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0096740**
(210) 4-2006-04895
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MaxX

(151) 28.02.2008
(220) 03.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐỨC - VIỆT (VN)
Khu công nghiệp Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 09: Đĩa CD, DVD trắng và có chương trình.

---

(111) **4-0096741**
(210) 4-2006-09100
(181) 13.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HÒN NGỌC VIỆT

(151) 28.02.2008
(220) 13.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Các chất chiết ra từ thịt, tôm, cá, trứng dưới dạng hạt để ăn liền; thịt hộp; cá hộp; canh ăn liền; nước mắm.

Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; miến ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương; tương cà chua; tương ớt.

---

(111) **4-0096742**
(210) 4-2006-06871
(181) 05.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HAFEN™

(151) 28.02.2008
(220) 05.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẤN (VN)
331 Hoàng Hoa Thám, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Vòi sen; bồn rửa chén; bình đun nước nóng cho nhà tắm.

---

(111) **4-0096743**
(210) 4-2006-06872
(181) 05.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 05.05.2006

(531) 26.4.2
(591) Trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ PHỞ HAI MƯƠI BỐN (VN)
67 Hai Bà Trưng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp đồ ăn thức uống.

---

(111) **4-0096744**
(210) 4-2006-08114
(181) 26.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 26.05.2006

(531) 26.1.1; A5.11.2
(731) YONG JIANG PHARMACY FACTORY COMPANY LIMITED (CN)
Unit C, 14/F, First Phase, South Industry Building, number 221, Murraci Road, Macao
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096745**
(210) 4-2006-08115
(181) 26.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 26.05.2006

(531) A26.11.12
(731) YONG JIANG PHARMACY FACTORY COMPANY LIMITED (CN)
Unit C, 14/F, First Phase, South Industry Building, number 221, Murraci Road, Macao
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096746**
(210) 4-2006-06834
(181) 04.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OMNATEX

(151) 28.02.2008
(220) 04.05.2006

(731) AUM IMPEX (PVT.) LTD., (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096747**
(210) 4-2006-08533
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CHIN-SU Foods

(151) 28.02.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI MA SAN (VN)
Lô III-12, nhóm công nghiệp III, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Nước mắm; thịt hộp; cá hộp; trái cây đóng hộp; giò lụa; chả quế.

Nhóm 30: Nước tương; gia vị; nước xốt cà chua; tương ớt; mì ăn liền; cháo ăn liền.

Nhóm 32: Nước giải khát không chứa cồn; bia.

---

(111) **4-0096748**
(210) 4-2006-08534
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VICAFF

(151) 28.02.2008
(220) 02.06.2006

(731) CƠ SỞ VIỆT HƯƠNG (VN)
29 đường 3/2, phường Hưng Lợi, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem dưỡng da; đầu gội đầu; sữa rửa mặt.

Nhóm 32: Nước giải khát không có cồn; nước giải khát có ga.

---

(111) **4-0096749**
(210) 4-2006-03599
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FETNAL

(151) 28.02.2008
(220) 15.03.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096750**
(210) 4-2006-03600
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SEADIC

(151) 28.02.2008
(220) 15.03.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096751**
(210) 4-2006-06499
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 26.04.2006

(731) CƠ SỞ THÀNH NAM (VN)
Ấp Thới An, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

(511) Nhóm 30: Cà phê.

---

(111) **4-0096752**
(210) 4-2006-06577
(181) 27.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GRYPHON

(151) 28.02.2008
(220) 27.04.2006

(731) GPX INTERNATIONAL TIRE CORPORATION (US)
730 Eastern Avenue, Malden, Massachusetts 02148, U.S.A.
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 12: Các loại lốp; lốp xe khách; lốp xe tải nhẹ; lốp xe máy kéo; lốp xe nông trang; lốp xe lâm nghiệp; lốp xe nông nghiệp; lốp xe tải; lốp công nghiệp; lốp xe điền dã; lốp xe đa địa hình; lốp xe làm vườn và máy cắt cỏ; lốp các loại xe công cụ; lốp xe quân sự; lốp xe chế tác vật liệu; băng rãnh lót lốp xe; lốp cứng có khắc dấu; lốp cứng đúc ép và lốp làm bằng cao su tổng hợp (polyurethane).

---

(111) **4-0096753**
(210) 4-2006-08514
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 02.06.2006

(531) 26.4.3
(731) XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ PHƯƠNG DŨNG (VN)
Khu 11, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy bơm; động cơ điện (không dùng cho xe cộ), máy dùng trong nông nghiệp; thiết bị để gia công cơ khí; máy công cụ; máy phát điện xoay chiều.

---

(111) **4-0096754**
(210) 4-2006-08515
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SKYPE

(151) 28.02.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TẠO XE MÁY LIFAN - VIỆT NAM (VN)
Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy; động cơ xe máy.

---

(111) **4-0096755**
(210) 4-2006-08516
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

STARFA

(151) 28.02.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH CHẾ TẠO XE MÁY LIFAN - VIỆT NAM (VN)
Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy; động cơ xe máy.

---

(111) **4-0096756**
(210) 4-2006-08517
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 02.06.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ XUYÊN (VN)
Số 644, đường Trần Phú, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Bồn tắm bằng nhựa composite; thiết bị vệ sinh làm bằng nhựa composite; phần vỏ nhựa bên ngoài của các loại đèn; thiết bị lọc nước làm bằng nhựa composite.

Nhóm 20: Các loại tủ làm bằng nhựa composite; bàn ghế làm bằng nhựa composite; mặt bàn làm bằng nhựa composite; thùng chứa làm bằng nhựa composite; manơcanh làm bằng nhựa composite.

---

(111) **4-0096757**
(210) 4-2006-08530
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIJABI

(151) 28.02.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU MINH THÀNH (VN)
Đường Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 12: Xe máy; động cơ xe máy.

---

(111) **4-0096758**
(210) 4-2006-08531
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HAJAVI

(151) 28.02.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU MINH THÀNH (VN)
Đường Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 12: Xe máy; động cơ xe máy.

---

(111) **4-0096759**
(210) 4-2006-09708
(181) 22.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 22.06.2006

(531) 26.1.1; A17.1.2
(731) COLGATE-PALMOLIVE COMPANY (US)
300 Park Avenue, New York, New York 10022, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Kem đánh răng; nước xúc miệng không dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096760**
(210) 4-2006-11074
(181) 14.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 28.02.2008
(220) 14.07.2006

(531) 3.7.17; 1.5.1; 26.1.1
(591) Trắng, xanh hòa bình
(731) CÔNG TY TNHH MINH TOÀN (VN)
Số 504 Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0096761**
(210) 4-2006-06873
(181) 05.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 29.02.2008
(220) 05.05.2006

(531) 26.4.2
(591) Trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ PHỞ HAI MƯƠI BỐN (VN)
67 Hai Bà Trưng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp đồ ăn thức uống.

---

(111) **4-0096762**
(210) 4-2006-18464
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZETOP

(151) 29.02.2008
(220) 30.10.2006

(731) CADILA PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Cadila Corporate Campus, Sarkhej Dholka Road, Bhat, Ahmedabad-382 210 Gujarat, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096763**
(210) 4-2006-18465
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CALNIF RETARD

(151) 29.02.2008
(220) 30.10.2006

(731) CADILA PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Cadila Corporate Campus, Sarkhej Dholka Road, Bhat, Ahmedabad-382 210 Gujarat, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096764**
(210) 4-2006-18466
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CADGLIM

(151) 29.02.2008
(220) 30.10.2006

(731) CADILA PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Cadila Corporate Campus, Sarkhej Dholka Road, Bhat, Ahmedabad-382 210 Gujarat, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096765**
(210) 4-2006-18467
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CPGLIDE

(151) 29.02.2008
(220) 30.10.2006

(731) CADILA PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Cadila Corporate Campus, Sarkhej Dholka Road, Bhat, Ahmedabad-382 210 Gujarat, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096766**
(210) 4-2006-18468
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PIOZULIN

(151) 29.02.2008
(220) 30.10.2006

(731) CADILA PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Cadila Corporate Campus, Sarkhej Dholka Road, Bhat, Ahmedabad-382 210 Gujarat, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096767**
(210) 4-2006-18469
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GLAMIDE

(151) 29.02.2008
(220) 30.10.2006

(731) CADILA PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Cadila Corporate Campus, Sarkhej Dholka Road, Bhat, Ahmedabad-382 210 Gujarat, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096768**
(210) 4-2006-18701
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 29.02.2008
(220) 02.11.2006

(531) 2.9.1; 26.3.23
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LEO (VN)
R14 cư xá Vĩnh Hội, bến Vân Đồn, phường 8, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0096769**
(210) 4-2006-18703
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 29.02.2008
(220) 02.11.2006

(531) 26.11.2; A26.11.8
(591) Vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÂN QUANG (VN)
892 Lạc Long Quân, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Cửa cuốn bằng kim loại; cửa kéo bằng kim loại; cửa nhôm.

---

(111) **4-0096770**
(210) 4-2006-18704
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 29.02.2008
(220) 02.11.2006

(531) 26.11.1; A26.11.8
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÂN QUANG (VN)
892 Lạc Long Quân, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Cửa cuốn bằng kim loại; cửa kéo bằng kim loại; cửa nhôm.

---

(111) **4-0096771**
(210) 4-2006-18705
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 29.02.2008
(220) 02.11.2006

(531) 26.4.2; 26.11.3; A26.11.9
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HUY AN (VN)
K62, khu 300 Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Mực in; mực in lụa.

---

(111) **4-0096772**
(210) 4-2006-18706
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HUDUY
COLLECTION

(151) 29.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) CƠ SỞ MAY TÚI XÁCH HOÀNG DUY (VN)
90A/8F Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Túi xách; ba lô; cặp học sinh; túi du lịch; va ly.

---

(111) **4-0096773**
(210) 4-2006-18782
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

XELETSUPE

(151) 29.02.2008
(220) 02.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ACP (VN)
153 A Trần Huy Liệu, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu, thuốc đuổi sâu bọ, chất diệt nấm, chất trừ vật có hại.

---

(111) **4-0096774**
(210) 4-2006-07905
(181) 23.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TUNE YOUR RUN

(151) 29.02.2008
(220) 23.05.2006

(731) NIKE INTERNATIONAL LTD. (US)
One Bowerman Drive, Beaverton, Oregon 97005-6453, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị ngoại vi máy vi tính; phần cứng máy tính; phần mềm máy tính; máy chơi nhạc MP3; bộ đổi nguồn dùng cho máy tính; bộ cảm biến dùng cho máy tính; mạch tích hợp dùng cho máy tính; máy chơi nhạc kỹ thuật số; tai nghe; máy chơi trò chơi (được sử dụng kèm với máy thu hình); thiết bị điện tử kỹ thuật số cầm tay và có thể mang theo để ghi, sắp xếp, truyền, chỉnh sửa và xem các tệp tin chữ, dữ liệu, âm thanh, hình ảnh và hình ảnh động.

Nhóm 14: Đồng hồ, bao gồm cả đồng hồ có kết hợp với cái đo độ cao, la bàn, cái đo bước, cái ghi tốc độ và/hoặc khoảng cách với bộ cảm biến tốc độ và cái ghi nhịp tim, tất cả đều là bộ phận của đồng hồ; máy ghi thời gian (đồng hồ); đồng hồ bấm giờ.

Nhóm 25: Giầy dép; quần áo; mũ nón.

Nhóm 28: Thiết bị điện tử rèn luyện sức khoẻ (không dùng cho mục đích y tế); máy trò chơi cầm tay và máy điện tử để chơi và lưu trò chơi (không phải loại dùng với máy thu hình).

Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ; dịch vụ bán lẻ trực tuyến.

Nhóm 41: Cung cấp dịch vụ rèn luyện sức khỏe trực tuyến.

---

(111) **4-0096775**
(210) 4-2006-07906
(181) 23.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

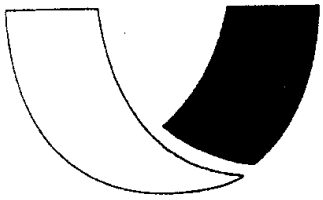

(151) 29.02.2008
(220) 23.05.2006

(531) 26.11.2; A26.11.6; A26.11.12; 26.7.25; 26.13.25
(731) PFIZER PRODUCTS INC. (US)
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và chế phẩm dược để điều trị bệnh đái đường.

Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ phẫu thuật và y tế sử dụng để truyền insulin bằng xông/hít; các bộ phận và phụ kiện kèm theo, cụ thể là hộp đựng thuốc và thiết bị để tạo khí rung insulin.

---

(111) **4-0096776**
(210) 4-2006-18621
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SANTA INES

(151) 29.02.2008
(220) 01.11.2006

(731) SANTA TERESA S.A. (CL)
Manuel Rodriguez 229, Isla de Maipo, Santiago Chile
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0096777**
(210) 4-2006-18729
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 29.02.2008
(220) 02.11.2006

(531) 26.4.9
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh da trời
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN A ZET VIỆT NAM (VN)
Lô E, đường 10, khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 17: Vật liệu để lèn chặt (đệm trong thùng hàng điện tử với mục đích chống va chạm) được làm từ thực vật (gạo).

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm để lèn chặt (đệm trong thùng hàng điện tử với mục đích chống va chạm) được làm từ thực vật (gạo).

Nhóm 40: Sản xuất vật liệu để lèn chặt (đệm trong thùng hàng điện tử với mục đích chống va chạm) được làm từ thực vật (gạo, nhựa cây) theo yêu cầu từ người khác.

---

(111) **4-0096778**
(210) 4-2006-18784
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 29.02.2008
(220) 02.11.2006

(531) 26.1.1; 26.1.4; 1.15.23
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ THIÊN LONG (VN)
42 A Vũ Chí Hiếu, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Băng keo dùng cho mục đích y tế.

Nhóm 16: Băng keo dùng cho mục đích gia dụng.

---

(111) **4-0096779**
(210) 4-2006-07944
(181) 23.05.2016
(300) 78/759,923 23.11.2005 US
(450) 25.04.2008 241
(540)

BELONG

(151) 29.02.2008
(220) 23.05.2006

(731) SHERATON INTERNATIONAL INC. (US)
1111 Westchester Avenue, White Plains, New York 10604, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ khách sạn cho người lái xe ô tô có chỗ đỗ xe ngay gần các phòng, dịch vụ khách sạn nhỏ cho người lái xe ô tô, dịch vụ khu nghỉ, cụ thể là cung cấp đồ ăn và chỗ nghỉ tạm thời đặc biệt nhằm nâng cao sức khoẻ và tinh thần cho khách hàng; dịch vụ nhà hàng ăn, phòng ngồi chơi (ở khách sạn), quầy bán rượu, tiệm cà phê, dịch vụ phục vụ rượu với nước hoa quả (cocktail); dịch vụ hỗ trợ khách hàng trong khách sạn để hướng dẫn, mở cửa và giúp khách hàng chuyển hành lý và thư từ; dịch vụ cung cấp tiện nghi phòng họp và phòng lễ nghi.

---

(111) **4-0096780**
(210) 4-2006-05783
(181) 14.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 29.02.2008
(220) 14.04.2006

(531) 4.5.21; 13.1.5; 24.15.2; A5.5.20; A5.5.21
(591) Vàng, xanh lam, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐỒNG KHỞI (VN)
430C 1 Nguyễn Huệ, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 39: Vận tải hành khách bằng taxi.

---

(111) **4-0096781**
(210) 4-2006-19248
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 29.02.2008
(220) 09.11.2006

(531) 26.1.1; 26.3.4; 26.11.3; A26.11.13; 26.7.25
(591) Đỏ sẫm, xanh dương, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THANH LONG (THANHLONGIMEX JSC) (VN)
80/1 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Đại lý mua, đại lý bán phụ tùng thiết bị máy móc chuyên ngành ô tô, xe máy; mua bán thiết bị vật tư phục vụ ngành in offset, máy in laser; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; đại lý mua bán hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm).

---

(111) **4-0096782**
(210) 4-2006-18520
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SaVi Colcin

(151) 29.02.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Nhà máy - Tổng kho: Lô Z01-02 khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096783**
(210) 4-2006-18521
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SaVi β-Histine

(151) 29.02.2008
(220) 31.10.2006

(531) A24.17.9
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Nhà máy - Tổng kho: Lô Z01-02 khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096784**
(210) 4-2006-21960
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SaVi Losart

(151) 29.02.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Nhà máy - Tổng kho: Lô Z01-02 khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0096785**
(210) 4-2006-21961
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SaVi Curmelin

(151) 29.02.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Nhà máy - Tổng kho: Lô Z01-02 khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096786**
(210) 4-2006-21962
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SaVi Gold

(151) 29.02.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI (SAVIPHARM) (VN)
Tầng 2 tòa nhà hành chính khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Nhà máy - Tổng kho: Lô Z01-02 khu công nghiệp/khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096787**
(210) 4-2006-21973
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BESILAX

(151) 29.02.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096788**
(210) 4-2006-21974
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CALIEBROL

(151) 29.02.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096789**
(210) 4-2006-21975
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CLIOTAMINE

(151) 29.02.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096790**
(210) 4-2006-19046
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ISPAND

(151) 29.02.2008
(220) 07.11.2006

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược dùng cho người.

---

(111) **4-0096791**
(210) 4-2006-19123
(181) 08.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FLUID-LOCK

(151) 29.02.2008
(220) 08.11.2006

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm bảo vệ vệ sinh phụ nữ, cụ thể là băng vệ sinh và tấm đệm vệ sinh.

---

(111) **4-0096792**
(210) 4-2006-20079
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RINCD

(151) 29.02.2008
(220) 20.11.2006

(531) 1.15.5; 5.5.16; 26.4.4
(731) CAO THANH (VN)
Thôn 3, xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Chấn lưu dùng cho đèn ống.

---

(111) **4-0096793**
(210) 4-2006-21751
(181) 12.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AUROZIL

(151) 29.02.2008
(220) 12.12.2006

(731) AUROBINDO PHARMA LIMITED (IN)
Plot No.2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad - 500 038
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096794**
(210) 4-2006-21935
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

镇脑宁胶囊

ZHENNAONING
JIAONANG

(151) 29.02.2008
(220) 14.12.2006

(731) TONGHUA DONGBAO PHARMACEUTICAL CO., LTD (CN)
Dongbao Xincun, Tonghua County, Jilin Province, P.R.China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096795**
(210) 4-2006-21936
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PEACE ANGEL

(151) 29.02.2008
(220) 14.12.2006

(731) GAETANO GNUDI (MU)
c/o Peace Angels Ltd., 12 Maupin Street, Port Louis, Mauritius
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giầy dép; mũ nón.

---

(111) **4-0096796**
(210) 4-2006-21937
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HEAVEN & EARTH

(151) 29.02.2008
(220) 14.12.2006

(731) THE COCA-COLA COMPANY (US)
One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, ca cao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ, chất thay thế cà phê; bột mì và chế phẩm ngũ cốc, bánh mỳ, bánh nướng và bánh kẹo, kem lạnh, mật ong, nước mật đường; men, bột nở, muối ăn, mù tạc, giấm, nước sốt (đồ gia vị); gia vị, đá lạnh ăn được.

---

(111) **4-0096797**
(210) 4-2006-20732
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TUYNEL XUÂN LAN

(151) 29.02.2008
(220) 28.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG YÊN BÁI (VN)
Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

(511) Nhóm 19: Gạch rỗng Tuynel.

---

(111) **4-0096798**
(210) 4-2006-21839
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Avanzone

(151) 29.02.2008
(220) 13.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH NHÂN PHÚC (VN)
69 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0096799**
(210) 4-2006-21855
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

YOKOBI

(151) 29.02.2008
(220) 13.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH TÍN PHONG (VN)
89 đường 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán vòng bi, các cụm vi mạch điện dùng cho xe gắn máy, bộ nạp điện dùng cho xe gắn máy, các loại phụ tùng xe gắn máy.

---

(111) **4-0096800**
(210) 4-2006-21944
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SUNMOON

HOANG VIET COMPANY LTD

(151) 29.02.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG VIỆT (VN)
Số 145/109 đường Trường Chinh, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 12: Xe đạp; các phụ tùng xe đạp như: khung xe đạp; vành xe đạp; chắn bùn xe đạp; hộp xích xe đạp; ghi đông xe đạp.

---

(111) **4-0096801**
(210) 4-2006-22816
(181) 27.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

khuonghue

đi cùng thành công

(151) 03.03.2008
(220) 27.12.2006

(531) A26.11.12
(591) Đen, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHƯƠNG HUÊ (VN)
550-552 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 3, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán, đại lý, ký gửi xe gắn máy, hàng kim khí điện máy, thiết bị viễn thông tin học.

---

(111) **4-0096802**
(210) 4-2006-22817
(181) 27.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NHẬT TƯỜNG

(151) 03.03.2008
(220) 27.12.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHẬT TƯỜNG (VN)
Xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ nội thất (furniture).

---

(111) **4-0096803**
(210) 4-2006-22818
(181) 27.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

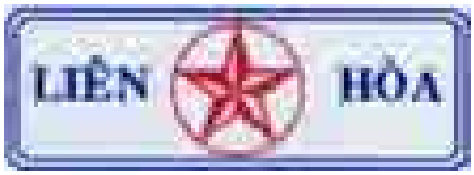

(151) 03.03.2008
(220) 27.12.2006

(531) A1.1.10; 26.4.2
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NHÔM LIÊN HÒA (VN)
Xã Chánh Phú Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Nhôm thỏi.

---

(111) **4-0096804**
(210) 4-2006-17572
(181) 19.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.10.2006

(531) A5.5.21; 26.4.1
(591) Đỏ, vàng, trắng, xanh lá cây
(731) CƠ SỞ LỢI KÝ (VN)
2/12/3 Lò Siêu, phường 16, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Giò lụa; thịt giăm bông; pa tê gan.

---

(111) **4-0096805**
(210) 4-2006-17573
(181) 19.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.10.2006

(531) A5.3.15
(591) Đỏ, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ-CÀ PHÊ DI LINH (VN)
Số 205 Hùng Vương, thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Chè (trà); cà phê.

Nhóm 35: Mua bán: chè (trà), cà phê.

(111) **4-0096806**
(210) 4-2006-17574
(181) 19.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

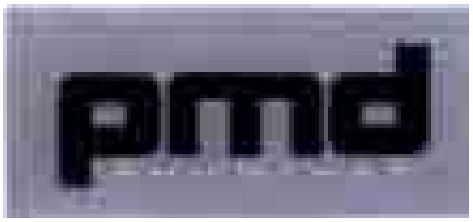

(151) 03.03.2008
(220) 19.10.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh rêu, xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-SẢN XUẤT PHÚ MỸ ĐẠT (VN)
24/3E khu phố 1, Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép; mũ (nón).

---

(111) **4-0096807**
(210) 4-2006-17575
(181) 19.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.10.2006

(731) CƠ SỞ SONG THÙY (VN)
169/72/166 Ngô Tất Tố, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo.

---

(111) **4-0096808**
(210) 4-2006-17577
(181) 19.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SOFTERGENT

(151) 03.03.2008
(220) 19.10.2006

(731) PT SAYAP MAS UTAMA (ID)
JI. Tipar Cakung RT 006/013, Kel. Cakung Barat Jakarta Timur, Indonesia
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; mỹ phẩm chăm sóc da; mỹ phẩm chăm sóc toàn thân; dầu gội; xà phòng; sữa tắm.

---

(111) **4-0096809**
(210) 4-2006-17579
(181) 19.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.10.2006

(531) 1.5.1; 1.15.24
(591) Đỏ, trắng, vàng, da cam, xanh lá cây, đen nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN (VN)
03 bis Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước khoáng (đồ uống); nước uống có ga; nước ép hoa quả; nước ngọt (đồ uống).

---

(111) **4-0096810**
(210) 4-2006-17704
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LAVENDER

(151) 03.03.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0096811**
(210) 4-2006-17707
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EAST ASIA STEEL
GI&PPGI

(151) 03.03.2008
(220) 20.10.2006

(531) 1.3.1
(591) Trắng, đỏ, xanh tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÔN ĐÔNG Á (VN)
Số 5, đường số 5, lô E, khu công nghiệp Sóng Thần I, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Tấm lợp bằng thép được mạ kẽm; tấm lợp bằng thép được mạ màu.

---

(111) **4-0096812**
(210) 4-2006-22343
(181) 21.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

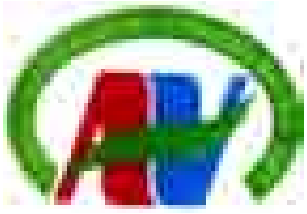

(151) 03.03.2008
(220) 21.12.2006

(531) 3.7.17; 26.1.2; A26.11.13
(591) Đỏ tươi, xanh nõn chuối, da trời, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI ÂU VIỆT (VN)
Thôn Thanh Thủy, xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Sản phẩm dầm dấm: dưa đóng lọ; ngô đóng lọ; cà đóng lọ; măng đóng lọ; hành kiệu đóng lọ; ngô ngọt đóng lọ.

---

(111) **4-0096813**
(210) 4-2006-21976
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EGONEX

(151) 03.03.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096814**
(210) 4-2006-21977
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ESTROFASE

(151) 03.03.2008
(220) 15.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0096815**
(210) 4-2006-22160
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.4.1; 2.9.14; A2.9.15; 19.9.1
(731) CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ XÂY DỰNG THÀNH ĐỒNG (VN)
Thôn Bắc Mã, xã Bình Dương, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

(511) Nhóm 21: Đồ trang trí bằng gốm sứ; đồ thủ công mỹ nghệ bằng gốm sứ: bình, lọ, chậu cảnh; tượng bằng gốm sứ; đồ gốm sứ dùng cho gia đình thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0096816**
(210) 4-2006-17941
(181) 24.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

IMer

(151) 03.03.2008
(220) 24.10.2006

(731) QUANTA COMPUTER INC. (TW)
No. 188, Wen Hwa 2nd Rd., Kuei Shan Hsiang, Taoyuan Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ vi tính và phát triển phần mềm cho người khác, như thiết kế phần cứng và phần mềm máy vi tính để sử dụng trong thiết bị viễn thông và các ứng dụng truyền âm thanh thông qua giao diện internet, trong dịch vụ truyền dữ liệu và gửi tin nhắn; tạo lập và bảo dưỡng các trang web cho người khác; quản lý các trang web của người khác trên máy chủ dùng cho mạng máy vi tính toàn cầu, cài đặt và bảo dưỡng phần mềm máy vi tính; cung cấp việc sử dụng tạm thời phần mềm máy ví tính trực tuyến không thể tải về cho phép người đăng ký sử dụng có thể sử dụng dịch vụ thông tin liên lạc VOIP, cung cấp phần mềm trực tuyến có thể tải xuống cho phép người đăng ký sử dụng có thể sử dụng dịch vụ thông tin liên lạc VOIP; quản lý các trang web cho người khác để cung cấp dịch vụ danh bạ điện thoại, thông tin liên lạc bằng internet, các cuộc trao đổi bằng điện thoại, các cuộc trao đổi có âm thanh và hình ảnh và các cuộc trao đổi có hình ảnh; cung cấp dịch vụ truy cập đến máy phục vụ cơ sở dữ liệu để tải thông tin thông qua phương tiện điện tử (internet).

---

(111) **4-0096817**
(210) 4-2006-18015
(181) 25.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CONIFLAM

(151) 03.03.2008
(220) 25.10.2006

(731) AUM IMPEX (PVT.) LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi 110016 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096818**
(210) 4-2006-17910
(181) 24.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AQUAROMA

(151) 03.03.2008
(220) 24.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐÔNG Á (VN)
Số 10 Dốc Lã, Yên Thường, Gia Lâm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết; nước giải khát cụ thể là nước khoáng, nước uống có ga và đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả, xi-rô.

---

(111) **4-0096819**
(210) 4-2006-17967
(181) 25.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GLAMOUR

(151) 03.03.2008
(220) 25.10.2006

(731) GALLAHER LIMITED (GB)
Members Hill, Brooklands Road, Weybridge, Surrey KT13 OQU, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 34: Lá thuốc lá (đã qua chế biến hoặc chưa chế biến); thuốc lá; tẩu thuốc lá; cái cuốn thuốc là bằng tay; thuốc lá để nhai; điếu thuốc lá; xì gà; xì gà loại nhỏ; chất dùng cho việc hút; thuốc (được bán riêng biệt hoặc trộn với thuốc lá và không dùng cho mục đích chữa bệnh); thuốc lá để hít; gạt tàn (không làm bằng kim loại quí); bật lửa (vật dụng cho người hút thuốc); hộp thuốc lá (không làm bằng kim loại quí); đót (bót) thuốc lá (không làm bằng kim loại quí); xếp giấy cuốn thuốc lá; ống cuốn thuốc lá (làm bằng giấy); diêm.

---

(111) **4-0096820**
(210) 4-2006-22248
(181) 20.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 20.12.2006

(531) 26.1.2; 6.1.2; A5.3.15; 26.1.1; 26.3.23
(591) Đỏ tươi, xanh lá cây
(731) NÔNG TRƯỜNG QUYẾT THẮNG (VN)
Xã 3, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

(511) Nhóm 30: Chè.

---

(111) **4-0096821**
(210) 4-2006-16689
(181) 04.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BEAUTY
Essjel

(151) 03.03.2008
(220) 04.10.2006

(531) A5.5.21
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI DUY TÂN (VN)
016 D3 Văn Thánh Bắc, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; sơn móng tay.

---

(111) **4-0096822**
(210) 4-2006-02761
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DATECHCO

(151) 03.03.2008
(220) 28.02.2006

(531) 26.1.2; 24.15.1
(591) Xanh, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT ĐÀ NẴNG (VN)
16 Ngô Gia Tự, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 12: Hệ thống chuyển đổi nhiên liệu gas/xăng cho xe gắn máy, ôtô.

Nhóm 35: Mua bán ôtô, vật tư nguyên vật liệu; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.

Nhóm 37: Cải tạo; sửa chữa; bảo hành phương tiện cơ giới đường bộ.

Nhóm 40: Đóng mới phương tiện cơ giới đường bộ.

Nhóm 42: Thiết kế phương tiện cơ giới đường bộ.

(111) **4-0096823**
(210) 4-2006-02765
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DATECHCO - GAS

(151) 03.03.2008
(220) 28.02.2006

(591) Xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT ĐÀ NẴNG (VN)
16 Ngô Gia Tự, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 07: Hệ thống chuyển đổi nhiên liệu gas/xăng cho động cơ xe gắn máy.

---

(111) **4-0096824**
(210) 4-2006-18082
(181) 25.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 25.10.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; 8.7.17; 2.1.11
(591) Nho, vàng, trắng, đen, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền, bún ăn liền, miến ăn liền, hủ tiếu ăn liền, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096825**
(210) 4-2006-18083
(181) 25.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 25.10.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2; 8.7.17; 2.1.11
(591) Vàng đậm, vàng nhạt, trắng, đen, đỏ, xanh lá cây, tím
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền, bún ăn liền, miến ăn liền, hủ tiếu ăn liền, cháo ăn liền, mì ăn liền.

---

(111) **4-0096826**
(210) 4-2006-18461
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HƯƠNG

(151) 03.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CƠ SỞ HƯƠNG (VN)
57 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán: vải, quần, áo.

---

(111) **4-0096827**
(210) 4-2006-18462
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CADMELITUS

(151) 03.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CADILA PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Cadila Corporate Campus, Sarkhej Dholka Road, Bhat, Ahmedabad-382 210 Gujarat, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096828**
(210) 4-2006-18463
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CPLAN

(151) 03.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CADILA PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Cadila Corporate Campus, Sarkhej Dholka Road, Bhat, Ahmedabad-382 210 Gujarat, India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096829**
(210) 4-2006-03338
(181) 10.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 10.03.2006

(531) 2.1.22
(591) Trắng, đỏ, đen, nâu vàng, vàng, ghi
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỄN ĐÔNG (VIEN DONG PHARMA., JSC) (VN)
Số 411 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, dầu gội đầu, nước xức tóc, kem đánh răng, xà phòng.

Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược và thú y.

Nhóm 30: Cà phê, chè, cacao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ, chất thay thế cà phê.

Nhóm 32: Nước khoáng (đồ uống), nước ga (đồ uống), các loại đồ uống không có cồn, đồ uống hoa quả, nước ép hoa quả, xi rô.

Nhóm 33: Rượu, đồ uống có cồn (trừ bia).

Nhóm 35: Mua bán thuốc phòng và chữa bệnh cho người, các sản phẩm dược phẩm; mua bán mỹ phẩm; mua bán nguyên phụ liệu để sản xuất tân dược, đông dược, mỹ phẩm.

Nhóm 44: Dịch vụ y tế cụ thể là phòng khám chữa bệnh cho người, dịch vụ chăm sóc sắc đẹp; tư vấn về sử dụng thuốc.

---

(111) **4-0096830**
(210) 4-2006-02507
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TARTUM

(151) 03.03.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số E2 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thành phẩm thuốc đông dược, tân dược, sinh học (trừ thuốc gây nghiện), dụng cụ y tế thông thường được Bộ Y tế cho phép, mua bán trang thiết bị y tế.

---

(111) **4-0096831**
(210) 4-2006-02931
(181) 02.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 02.03.2006

(531) A25.7.2
(591) Xanh dương, trắng
(731) PT IMPACK PRATAMA INDUSTRI (ID)
Graha Kirana 11th Floor, Jalan Yos Sudarso Kav.88, Jakarta Utara 14350, Indonesia
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 17: Tấm nhựa kép được làm từ nhựa polycacbonat hoặc các vật liệu nhựa khác.

---

(111) **4-0096832**
(210) 4-2006-02762
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

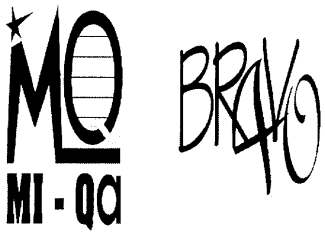

(151) 03.03.2008
(220) 28.02.2006

(531) A1.1.10
(731) LÊ VĂN TOÀN (VN)
Số 9/29 Quan Thổ 1, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Kem sữa, kem que; kem ốc quế; kem lạnh hoa quả; kem lạnh sôcôla; kem bánh.

Nhóm 35: Buôn bán ký gửi hàng hoá; quảng cáo; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xuất nhập khẩu; thông tin về thương mại; bán đấu giá.

---

(111) **4-0096833**
(210) 4-2006-03220
(181) 08.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 08.03.2006

(531) 26.1.1; 26.4.1; 26.3.1
(591) Xanh tím, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ THƯƠNG MẠI (VN)
Tổ 2, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại, bê tông, cấu kiện bê tông.

Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng, bê tông, cấu kiện bê tông; xuất nhập khẩu hàng hoá, thiết bị vật tư, vật liệu xây dựng.

Nhóm 36: Đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh phát triển nhà, cho thuê văn phòng, nhà ở; đầu tư vốn trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo các cấp phổ thông, cao đẳng đại học.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm điện biến thế; nạo vét sông hồ, kênh rạch, cảng sông và cảng biển, san lấp tôn tạo mặt bằng.

Nhóm 41: Giáo dục, đào tạo các cấp phổ thông, cao đẳng đại học.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0096834**
(210) 4-2006-03591
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 15.03.2006

(731) NHÀ HÀNG QUẢNG TRƯỜNG (VN)
Số 4 phố ấu Triệu, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; quán ăn tự phục vụ; dịch vụ khách sạn; quán rượu nhỏ.

---

(111) **4-0096835**
(210) 4-2006-03707
(181) 16.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

G-ROX

(151) 03.03.2008
(220) 16.03.2006

(731) AUM IMPEX PVT. LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0096836**
(210) 4-2006-18016
(181) 25.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CEFCO

(151) 03.03.2008
(220) 25.10.2006

(731) AUM IMPEX (PVT.) LTD. (IN)
F-5, Hauz Khas Enclave, New Delhi 110016 India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chế phẩm dược.

---

(111) **4-0096837**
(210) 4-2006-18195
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VITAFXIM

(151) 03.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH DƯỢC PHẨM VIỆT TRUNG (VCP) (VN)
Thanh Xuân, Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096838**
(210) 4-2006-03907
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Banupyl-Kit

(151) 03.03.2008
(220) 20.03.2006

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096839**
(210) 4-2006-18123
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 26.10.2006

(531) A26.11.13
(591) Xanh da trời, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIÊN MINH (VN)
Số 104, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước tinh lọc.

---

(111) **4-0096840**
(210) 4-2006-18193
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 27.10.2006

(531) 15.7.1; 5.7.3; 15.1.19
(591) Trắng, xanh, đen, vàng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO CẨU VÀ THIẾT BỊ PHI TIÊU CHUẨN NINH BÌNH (VN)
Phố Phúc Thịnh, phường Bích Đào, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

(511) Nhóm 07: Cổng trục, cẩu chân đế, cầu trục.

---

(111) **4-0096841**
(210) 4-2006-00974
(181) 19.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.01.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh lá cây, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ DẦU MEKONG (VN)
Số 166/3B đường Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 04: Dầu mỡ, chất bôi trơn dùng cho động cơ và dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0096842**
(210) 4-2006-00975
(181) 19.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.01.2006

(531) A26.3.5; A24.15.13
(591) Trắng, đỏ, vàng, tím, xanh lá cây, hồng, xanh nước biển
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ DẦU MEKONG (VN)
Số 166/3B đường Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 04: Dầu mỡ, chất bôi trơn dùng cho động cơ và dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0096843**
(210) 4-2006-00976
(181) 19.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.01.2006

(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ DẦU MEKONG (VN)
Số 166/3B đường Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 04: Dầu mỡ, chất bôi trơn dùng cho động cơ và dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0096844**
(210) 4-2006-00978
(181) 19.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.01.2006

(591) Xanh đậm, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ DẦU MEKONG (VN)
Số 166/3B đường Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 04: Dầu mỡ, chất bôi trơn dùng cho động cơ và dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0096845**
(210) 4-2006-02234
(181) 17.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHÚC HỶ ĐA

(151) 03.03.2008
(220) 17.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Phở ăn liền: bún ăn liền; hủ tiếu ăn liền; mì ăn liền; miến ăn liền.

---

(111) **4-0096846**
(210) 4-2006-00958
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LICORLY

(151) 03.03.2008
(220) 18.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong y tế; nước súc miệng dùng trong y tế, nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, mỹ phẩm, hoá chất các loại (trừ hoá chất nhà nước cấm); mua bán nguyên liệu sản xuất đối với tân dược, đông dược, mỹ phẩm, thuốc phòng và chữa bệnh cho người; mua bán bao bì các loại; mua bán trang thiết bị dụng cụ y tế; dịch vụ thương mại và phân tích thị trường.

---

(111) **4-0096847**
(210) 4-2006-00959
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 18.01.2006

(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong y tế; nước súc miệng dùng trong y tế; nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

Nhóm 35: Dịch vụ buôn bán dược phẩm, mua bán thuốc tân dược và đông dược.

---

(111) **4-0096848**
(210) 4-2006-00962
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FRANCECO

(151) 03.03.2008
(220) 18.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong y tế; nước súc miệng dùng trong y tế; nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, mỹ phẩm, hóa chất các loại (trừ hóa chất nhà nước cấm); mua bán nguyên liệu sản xuất đối với tân dược, đông dược, mỹ phẩm, thuốc phòng và chữa bệnh cho người; mua bán bao bì các loại; mua bán trang thiết bị dụng cụ y tế; dịch vụ thương mại và phân tích thị trường.

---

(111) **4-0096849**
(210) 4-2006-00963
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIỄN ĐÔNG CHÂU Á
VIEN DONG ASIA

(151) 03.03.2008
(220) 18.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, mua bán sản phẩm thuốc tân dược, đông dược.

---

(111) **4-0096850**
(210) 4-2006-00964
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

QUỐC TẾ VIỄN ĐÔNG

(151) 03.03.2008
(220) 18.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, mua bán sản phẩm thuốc tân dược, đông dược.

---

(111) **4-0096851**
(210) 4-2006-00965
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIEN DONG PHARMA

(151) 03.03.2008
(220) 18.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, mua bán sản phẩm thuốc tân dược, đông dược.

---

(111) **4-0096852**
(210) 4-2006-00979
(181) 19.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LICORLY FRANCEC., JSC

(151) 03.03.2008
(220) 19.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc, các sản phẩm dược, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng trong y tế; nước súc miệng dùng trong y tế; nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, mỹ phẩm, hóa chất các loại (trừ hóa chất nhà nước cấm); mua bán nguyên liệu sản xuất đối với tân dược, đông dược, mỹ phẩm, thuốc phòng và chữa bệnh cho người; mua bán bao bì các loại; mua bán trang thiết bị dụng cụ y tế, dịch vụ thương mại và phân tích thị trường.

---

(111) **4-0096853**
(210) 4-2006-00498
(181) 11.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 11.01.2006

(531) 26.15.1; 26.11.3; A1.5.6
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CENTRE DE COOPERATION INTERNATIONALE EN RECHERCHE AGRONOMIQUE POUR LE DEVELOPPEMENT - C.I.R.A.D. (FR)
42 rue Scheffer, 75016 Paris, France
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 31: Cây và hoa tươi; hạt của cây cọ dầu.

---

(111) **4-0096854**
(210) 4-2006-00775
(181) 16.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

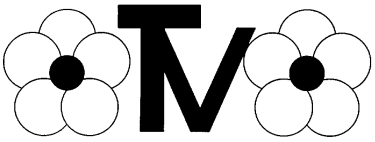

(151) 03.03.2008
(220) 16.01.2006

(531) A5.5.22
(731) LÊ THỊ TƯ (VN)
Khu phố 4, phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 21: Chai nhựa pec-ca.

---

(111) **4-0096855**
(210) 4-2005-17355
(181) 20.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DRAGON HOME

(151) 03.03.2008
(220) 20.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH TLG THĂNG LONG (VN)
101/1B Lũy Bán Bích, phường Hoà Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh.

Nhóm 19: Gạch ốp lát.

Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất.

---

(111) **4-0096856**
(210) 4-2006-00932
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 18.01.2006

(531) 1.5.1; 26.1.1; 26.4.2
(591) Vàng nghệ, nâu, trắng
(731) PT HANJAYA MANDALA SAMPOERNA TBK. (ID)
Jalan Rungkut Industri Raya 18, Surabaya 60293, Indonesia
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá; vật dụng cho người hút thuốc lá, cụ thể là gạt tàn (không làm bằng kim loại quý), hộp đựng thuốc lá (không làm bằng kim loại quý), đầu bịt dùng để hút xì gà hoặc thuốc lá, bật lửa, diêm.

---

(111) **4-0096857**
(210) 4-2006-01457
(181) 26.01.2016
(300) 2005/02316 09.11.2005 IE
(450) 25.04.2008 241
(540)

IMPAQTIV

(151) 03.03.2008
(220) 26.01.2006

(731) TIBOTEC PHARMACEUTICALS LTD. (IE)
Little Island, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người, cụ thể là chống vi rút để chữa trị bệnh si đa (bệnh kháng liệt).

---

(111) **4-0096858**
(210) 4-2006-02363
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DT SOLO

(151) 03.03.2008
(220) 21.02.2006

(731) ACUSHNET COMPANY (US)
333 Bridge Street, Fairhaven, Massachusetts 02719, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 28: Bóng để chơi gôn.

---

(111) **4-0096859**
(210) 4-2006-03908
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Melosafe

(151) 03.03.2008
(220) 20.03.2006

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096860**
(210) 4-2006-03909
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Micropyl Kit

(151) 03.03.2008
(220) 20.03.2006

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096861**
(210) 4-2005-12164
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burburbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 14: Đồ trang sức, đá quý; đồng hồ và dụng cụ đo thời gian; đồng hồ đeo tay và dây đeo đồng hồ; đồng hồ treo tường; đồ nữ trang giả; nhẫn, vòng tay, vòng cổ, chuỗi hạt trang sức (tất cả là đồ trang sức làm bằng kim loại quý và các hợp kim của chúng); kẹp caravat; ghim cài cravat; ghim cài (đồ trang sức bằng kim loại quý và các hợp kim của chúng); khuyên tai; dây đeo chìa khoá làm bằng kim loại quý và các hợp kim của chúng.

---

(111) **4-0096862**
(210) 4-2005-12165
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burburbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 16: Giấy; các tông; vật liệu để đóng sách; ảnh chụp; văn phòng phẩm; keo dán dùng cho văn phòng và cho gia đình; bút lông; máy chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đồ dùng giảng dạy và học tập (không kể máy móc dùng cho mục đích trên); chất dẻo để bao gói; chữ in; bản in đúc (clisê); giấy viết; phong bì thư; giấy gói quà; nơ gói quà làm từ giấy; đồ trang trí bánh làm bằng giấy; túi giấy dùng trong các bữa tiệc; đồ trang trí bằng giấy; đồ trang trí bữa tiệc làm bằng giấy; mũ đội trong các bữa tiệc làm bằng giấy; khăn trải bàn bằng giấy; khăn giấy; miếng lót bàn bằng giấy; ấn phẩm và xuất bản phẩm; ảnh; áp phích; bưu thiếp; danh thiếp; thiếp tặng quà; thiếp chúc mừng; truyện tranh; cuốn truyện vui; cột tranh truyện vui trên báo; báo; tạp chí; tạp chí xuất bản định kỳ; sách; sách dành cho trẻ em; sách thực hành dành cho trẻ em; sách tô màu; sổ ghi địa chỉ; sổ ghi cuộc hẹn; album ảnh; vở viết; bộ dụng cụ vẽ nghệ thuật và vẽ thủ công; giấy dính văn phòng; miếng dính dán dạng đề can; dụng cụ trường học (văn phòng phẩm); kẹp sách, vật dùng để đỡ sách được đặt ở cuối dãy các cuốn sách và giữ cho chúng thẳng đứng (đồ dùng văn phòng, không kể đồ gỗ); thẻ đánh dấu trang sách; lịch; bút và hộp đựng bút; phấn; đất sét dùng để nặn; sổ nhật ký; bút máy; bút chì; sổ tay; tập viết ghi nhớ; tẩy; gọt bút chì; dập ghim; cái chặn giấy; lót bình cốc bằng giấy; thước kẻ không có vạch chia khoảng cách; con dấu cao su.

(111) **4-0096863**
(210) 4-2005-12166
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES. INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burburbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 18: Da và giả da; da động vật, da sống; rương, hòm và túi du lịch; ô, lọng và gậy chống; roi và yên cương; túi xách của vận động viên; ba lô đeo sau lưng; ba lô đựng đồ đi biển; cặp sách; túi đựng tã trẻ em làm bằng da và giả da; túi vải buộc dây để mang đồ đi cắm trại; túi để mang đồ đi tập thể dục; túi sách đi chợ, túi đựng đồ vệ sinh phụ nữ làm bằng da và giả da; ba lô; túi đeo ở eo; ví đựng tiền; ví; túi xách tay; hầu bao; túi đựng đồ đi mua sắm; dù (che nắng); gậy chống dùng khi đi bộ; túi đựng hành lý; va li.

---

(111) **4-0096864**
(210) 4-2005-12167
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

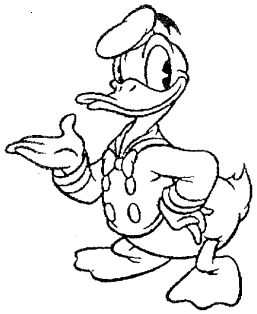

(151) 03.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burburbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ (nội thất); gương; khung ảnh; sản phẩm (không thuộc các nhóm khác) làm từ gỗ; li-e, lau, sậy, cói liễu, sừng, xương, ngà voi, râu cá voi, vẩy, hổ phách, xà cừ, bọt biển và vật liệu thay thế của các vật liệu này hoặc làm bằng chất dẻo; tấm trang trí tường không làm bằng vải (đồ đạc dùng trong nhà); đồ trang trí chuyển động; túi ngủ; khay đựng không làm bằng kim loại; hòm và hộp đựng đồ trang sức không làm bằng kim loại quý; bánh làm bằng chất dẻo dùng để trang trí; ống hút nước (ống mút); tượng nhỏ bằng gỗ, sáp, thạch cao, hoặc chất dẻo dùng để trang trí; gối; tượng lớn làm bằng gỗ, sáp thạch cao hoặc chất dẻo.

---

(111) **4-0096865**
(210) 4-2005-12168
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 21: Dụng cụ và đồ chứa dùng cho gia đình hoặc bếp núc (không làm bằng kim loại quý và không được mạ bằng những kim loại ấy); lược và bọt biển dùng trong gia đình; bàn chải (không kể bút lông); vật liệu dùng làm bàn chải; đồ lau dọn dùng cho mục đích gia đình, cụ thể là: cây lau nhà; sợi thép rối để làm sạch; thuỷ tinh thô hoặc bán thành phẩm (trừ kính dùng cho xây dựng); đồ thuỷ tinh, sành, sứ không xếp vào các nhóm khác; thùng đựng giấy vụn; bàn chải đánh răng; bộ đồ dùng để ăn tối (bát, đĩa); bộ đồ uống bằng thuỷ tinh; bát; đĩa; cốc; đĩa giấy; đĩa dùng để trang trí; cốc nhựa; cốc bằng giấy; ca; khuôn làm bánh; lọ đựng bánh; ấm đun nước (không dùng điện); đĩa nông để đựng thức ăn; khay đựng xà phòng; kiềng ba chân (đồ bày bàn); cái lót cốc không làm bằng giấy hoặc vải lanh; hộp đựng cơm; bình kín cách nhiệt; phích (bình chân không); bình cách nhiệt xách tay dùng để đựng can và chai đựng đồ uống; hộp trang trí dùng cho gia đình không làm bằng các kim loại quý hoặc mạ bằng các kim loại đó; khay dùng cho gia đình không làm bằng kim loại quý hoặc mạ bằng các kim loại đó; khay nhựa (dùng làm đồ dùng cho gia đình, bếp núc); bức tượng nhỏ bằng sứ, pha lê, đất nung, thuỷ tinh, gốm và sành.

---

(111) **4-0096866**
(210) 4-2005-12169
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 24: Khăn trải bàn (không làm bằng giấy) và khăn trải giường; khăn vải dệt; chăn lông vịt; khăn trùm đồ che vừa và che phủ; ga phủ đệm; rèm cửa bằng vải; khăn trải bàn bằng vải lanh; khăn bằng vải; khăn trải bàn cá nhân bằng vải; khăn làm bằng vải dùng trong bếp; khăn tắm bằng vải lanh; khăn tắm; khăn lau chùi bằng vải; khăn lau (hàng dệt); khăn tay bằng vải; đồ phủ giường bằng vải; khăn trải giường bằng len đan; khăn phủ giường có hai lớp và nhồi bông ở giữa; mền bông; khăn phủ giường; khăn trải giường bằng vải lanh; chăn; khăn phủ giường bằng vải; rèm phủ che bao chân giường; áo gối; vải lót nôi trẻ em; cờ và cờ trang trí bằng vải.

(111) **4-0096867**
(210) 4-2005-17358
(181) 20.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540) L'APOTHIQUAIRE
ARTISAN • BEAUTÉ

(151) 03.03.2008
(220) 20.12.2005

(531) 2.3.1; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ NHI ANH (VN)
63 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm, nước hoa, nước xức tóc, tinh dầu, muối để tẩy trắng da, xà bông (không dùng cho mục đích y tế).

Nhóm 14: Đồ trang sức, đồ kim hoàn, đá quý, đá bán quý, kim cương, đồng hồ đeo tay.

Nhóm 29: Thức ăn từ cá và thịt đã được chế biến và bảo quản, hoa quả (trái cây) đóng hộp, các sản phẩm làm từ sữa, bơ, dầu thực vật, mỡ ăn.

Nhóm 30: Bánh kẹo, chè, cà phê, mứt kẹo, sản phẩm làm từ bột ngũ cốc, gia vị.

Nhóm 35: Mua bán mỹ phẩm, mua bán quần áo, mua bán giầy dép, mua bán đồ trang sức, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, cung cấp lương thực thực phẩm (không do nhà hàng thực hiện).

Nhóm 41: Câu lạc bộ thể dục thể thao, cho thuê trang bị thể thao (trừ xe cộ), tổ chức thi đấu thể thao, huấn luyện thể dục thể thao.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp; dịch vụ cắt sửa móng tay, làm tóc, phòng cắt tóc, xoa bóp.

---

(111) **4-0096868**
(210) 4-2005-17360
(181) 20.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SUPRIXINE

(151) 03.03.2008
(220) 20.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096869**
(210) 4-2005-17361
(181) 20.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SUFDINIR

(151) 03.03.2008
(220) 20.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096870**
(210) 4-2005-17362
(181) 20.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GATOX

(151) 03.03.2008
(220) 20.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096871**
(210) 4-2005-17363
(181) 20.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DERMIRAL

(151) 03.03.2008
(220) 20.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096872**
(210) 4-2005-17364
(181) 20.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

CLOTRID

(151) 03.03.2008
(220) 20.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096873**
(210) 4-2005-17365
(181) 20.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

VOLTIKA

(151) 03.03.2008
(220) 20.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096874**
(210) 4-2005-17429
(181) 21.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

FICO

(151) 03.03.2008
(220) 21.12.2005

(731) FAIR ISAAC CORPORATION (US)
901 Marquette Avenue, Suite 3200, Minneapolis, Minnesota 55402, U.S.A.
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy vi tính dùng cho quản lý kinh doanh và quản lý tài chính, lập kế hoạch, tư vấn và thông tin trong lĩnh vực lập mẫu, đánh giá hoạt động bằng cách cho điểm theo thang điểm, đánh giá tín dụng bằng cách cho điểm theo thang điểm, phân tích, dự đoán, quy luật và quy trình ra quyết định, marketing, tương thích về quy định và tạo nhóm khách hàng và phần mềm máy tính dùng cho quản lý tài khoản, khách hàng, rủi ro, gian lận, danh sách vốn đầu tư, thông tin (liên lạc) và dữ liệu.

---

(111) **4-0096875**
(210) 4-2005-17440
(181) 21.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DEVONSHIRE

(151) 03.03.2008
(220) 21.12.2005

(731) KOHLER CO. (US)
444 Highland Drive, Kohler, Wisconsin, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 11: Thiết bị chiếu sáng, thiết bị sưởi nóng, thiết bị sinh hơi nước, thiết bị nấu nướng, thiết bị làm lạnh, thiết bị sấy khô, thiết bị thông gió, thiết bị phân phối nước và thiết bị vệ sinh; chậu tắm (thiết bị vệ sinh); bồn tắm; bồn tắm xoáy nước và các thiết bị tắm; vòi hoa sen và các thiết bị tắm vòi hoa sen; vòi hoa sen điện; máy đun nước dùng điện; buồng tắm nhỏ có vòi hoa sen và buồng tắm nhỏ có bồn tắm; bồn tắm vòi sen; đầu vòi hoa sen; cửa ra vào buồng tắm (bộ phận của buồng tắm vòi hoa sen); thiết bị dẫn chia

nước; đầu phun vòi hoa sen; bồn rửa; chậu rửa; bồn rửa mặt; bồn vệ sinh; chậu vệ sinh; bệ xí nhà vệ sinh; bồn vệ sinh tự động (cảm biến); thiết bị dội nước nhà vệ sinh tự động (cảm biến); buồng vệ sinh di động; đèn; đèn chụp; đèn chụp dùng cho đồ nội thất; đèn điện; thiết bị chiếu sáng được gắn cố định; bồn rửa bát; bệ rửa bát; vòi; vòi nước; vòi cảm biến; vòi được điều khiển bằng nhiệt tinh, bằng tia hồng ngoại, bằng hệ thống rada hoặc bằng điện tử; máy hong khô tay dùng điện; thiết bị lọc nước dùng với bồn rửa bát, với bồn tắm và với bát sen (bộ phận của đầu vòi hoa sen); thiết bị hong khô tay cảm biến; nút bịt nước dùng cho bồn rửa bát, cho bồn tắm và cho bát sen; vòi tắm; van điều chỉnh nước dùng cho bể chứa nước; van điều chỉnh nước (thiết bị vệ sinh); van điều chỉnh nước dùng cho vòi nước; bệ đi tiểu (đồ vệ sinh cố định); bể chứa nước (thiết bị vệ sinh); thiết bị làm mềm nước; dụng cụ điều chỉnh nước dùng cho bồn tắm; đài phun nước (dùng làm vật trang trí); phòng tắm hơi; cần xả nước phi kim dùng cho các bình nước; hệ thống và thiết bị vệ sinh; thiết bị cung cấp nước.

---

(111) **4-0096876**
(210) 4-2005-17485
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

CHÌA KHOÁ VÀNG

(151) 03.03.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HƯNG LONG (VN)
Số 400 Bạch Mai, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 31: Thức ăn cho gia súc.

---

(111) **4-0096877**
(210) 4-2005-17602
(181) 26.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 03.03.2008
(220) 26.12.2005

(531) 5.3.6; A5.3.15; A5.5.21
(591) Trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG MAI XANH (VN)
Khu A, trụ sở Uỷ ban nhân dân phường Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Môi giới thương mại; mua bán các nông sản và thực phẩm (không do nhà hàng thực hiện); dịch vụ quảng cáo; dịch vụ nghiên cứu thị trường; đại lý xuất nhập khẩu; dịch vụ tiếp thị.

Nhóm 36: Đầu tư khu du lịch sinh thái; đầu tư khu vui chơi giải trí; đầu tư khu đô thị; kinh doanh bất động sản; mua bán nhà; cho thuê nhà.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng; xây dựng các công trình công nghiệp; xây dựng khu đô thị; xây dụng khu hạ tầng đô thị; khai thác cát đá sỏi; san lấp hạ tầng.

Nhóm 39: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; bảo quản hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho bãi; cho thuê các loại xe có động cơ, vận tải đường thủy; dịch vụ du lịch sinh thái.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; dịch vụ xử lý nước cấp và nước thải để bảo vệ môi trường.; sản xuất nông sản; sản xuất thực phẩm; chế biến nông sản; chế biến thực phẩm (tất cả các dịch vụ trên dược thực hiện theo đơn đặt hàng).

Nhóm 41: Dịch vụ karaoke; dịch vụ bể bơi; cung cấp dịch vụ cho các hoạt động thể thao; dịch vụ vui chơi giải trí; dịch vụ giáo dục kỹ năng, kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nhóm 43: Kinh doanh nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; dịch vụ cung cấp các tiện nghi cho các cuộc hội nghị và hội thảo; dịch vụ cung cấp phòng ở tạm thời.

Nhóm 44: Trồng trọt; chăn nuôi; nuôi, trồng thủy sản; dịch vụ chăm sóc y tế; dịch vụ chăm sóc cá nhân (dịch vụ thẩm mỹ).

---

(111) **4-0096878**
(210) 4-2005-17614
(181) 26.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540) CALICHI
佳美芝

(151) 03.03.2008
(220) 26.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH GIAI CẢNH (VN)
295 Nguyễn Trãi, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, dầu gió, dầu nóng xoa bóp.

Nhóm 32: Xi rô; chè nhân sâm, chè linh chi, chè hoa cúc tất cả không chế trên cơ sở trà và dùng làm nước giải khát; nước uống tăng lực (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0096879**
(210) 4-2006-05050
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540) ATMEL

(151) 03.03.2008
(220) 05.04.2006

(531) 26.11.1
(731) ATMEL CORPORATION (US)
2325 Orchard Parkway, San Jose, CA 95131, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy vi tính, phần mềm máy vi tính và chương trình cơ sở của máy vi tính, tai nghe không dây; đĩa CD-ROM, bảng mạch điện tử, thiết bị ngoại biên của máy vi tính, mạch tích hợp bán dẫn tuỳ biến, cụ thể là mạch tích hợp ứng dụng cho mục đích cụ thể (ASICs); mạch tích hợp có thể lập trình (FPGA); sản phẩm tiêu dùng kỹ thuật số, cụ thể là, máy quay phim chụp ảnh kỹ thuật số, máy nghe nhạc MP3, máy rađiô thu tín hiệu vệ tinh, máy rađiô thu tín hiệu bằng sóng vô tuyến, máy thu hình độ nét cao, màn hình máy vi tính, đầu thu tín hiệu truyền hình, màn hình tinh thể lỏng, đầu đĩa DVD, điện thoại đi động, máy thu phát cầm tay qua giao thức intemet bằng giọng nói, điện thoại không dây, máy nhắn tin 2 chiều, máy dịch đa ngôn ngữ, thiết bị truyền thông cá nhân không dây kết nối trên diện rộng (Wimax CPE) và hệ thống định vị toàn cầu; chíp điện tử; bộ dụng cụ để khai thác, chạy thử và kiểm tra mạch tích hợp bán dẫn; chương trình máy vi tính thu sẵn để xử lý đường tiếng và đường hình kỹ thuật số; chương trình máy vi tính thu sẵn trên phương tiện lưu trữ để lập chương trình mạch tích hợp bán dẫn; thẻ nhớ; chip vi mạch điều khiển; thiết bị vi mạch điều khiển; vi mạch điều khiển an toàn, cụ thể là, ổ cứng an toàn được sử dụng để bắt chước chức năng thẻ thông minh; mạch tích hợp bán dẫn; thẻ thông minh; mạch mật mã an toàn để chống làm giả cho thẻ thông minh và chương trình phần mềm ứng dụng an ninh gắn vào máy tính cá nhân; trình tiện ích của máy vi tính; trình tiện ích của máy vi tính để tương thích với chíp vi điều khiển và thiết bị vi điều khiển; thiết bị nhận dạng tần số vô tuyến (RFID), thiết bị bán dẫn tần số vô tuyến tích hợp hoàn toàn, cụ thể là, máy thu phát vô tuyến, thiết bị dải tần cơ sở, mô đun, bộ vi mạch, thiết bị truyền thông cá nhân dùng để kết nối với mạng trong một tổ chức, trạm cơ sở, mạng máy tính, cổng nối máy tính, điểm truy cập, máy chủ truy cập, và ăng ten cho chương trình ứng dụng không dây trên diện rộng (Wi-Max); bộ nối điện; phích cắm và đồ gá lắp cho các sản phẩm trên.

Nhóm 16: Xuất bản phẩm, ấn phẩm, sách quảng cáo, trang thông tin; tờ giấy rời in quảng cáo; giấy trắng; giấy thấm; quyển danh bạ; mẫu thư tiếp thị; catalô; quyển hồ sơ công ty; áp phích quảng cáo; văn phòng phẩm; danh thiếp; sách giới thiệu sản phẩm và sách hướng dẫn cho người sử dụng.

Nhóm 40: Sản xuất mạch tích hợp bán dẫn và hệ thống điện tử; sản xuất theo đơn đặt hàng mạch tích hợp bán dẫn.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục, cụ thể là dịch vụ đào tạo trong lĩnh vực mạch tích hợp bán dẫn.

Nhóm 42: Thiết kế, ứng dụng và khai thác mạch tích hợp bán dẫn và hệ thống điện tử; thiết kế, ứng dụng và khai thác dịch vụ liên quan đến bảng mạch tích hợp bán dẫn; tư vấn trong lĩnh vực thiết kế, ứng dụng và phát triển mạch tích hợp bán dẫn và hệ thống điện; dịch vụ chẩn đoán máy tính và kiểm tra máy tính; bảo trì và cập nhật phần mềm máy tính; dịch vụ của nhà cung cấp phần mềm ứng dụng (ASP), cụ thể là cung cấp phần mềm trực tuyến sử dụng tạm thời không tải xuống được từ mạng để lập trình mạch tích hợp bán dẫn, dịch vụ chẩn đoán máy tính và kiểm tra máy tính, bảo trì và cập nhật phần mềm máy tính, phát triển và kiểm tra mạch tích hợp bán dẫn; tư vấn trong lĩnh vực sản xuất mạch tích hợp bán dẫn và hệ thống điện tử.

(111) **4-0096880**
(210) 4-2005-17687
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

Microzyth

(151) 03.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096881**
(210) 4-2005-12472
(181) 23.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 23.09.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT ĐỒ GỖ TÂN MỸ TRÂN (VN)
360 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ gia dụng thuộc nhóm này như bàn, ghế, giường, tủ.

---

(111) **4-0096882**
(210) 4-2006-18635
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.1.2; 26.3.23
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MINH VIỆT (VN)
46 Thái Hà, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo.

---

(111) **4-0096883**
(210) 4-2005-12150
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 26.4.2
(591) Đen, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI GIA ĐOÀN (VN)
Phòng 204, tầng 2, số 16-18 đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Sản phẩm bê tông giả đá, sản phẩm bê tông có hoa văn.

---

(111) **4-0096884**
(210) 4-2005-12151
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 26.4.2
(591) Đen, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI GIA ĐOÀN (VN)
Phòng 204, tầng 2, số 16-18 đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Sản phẩm bê tông giả đá, sản phẩm bê tông có hoa văn.

---

(111) **4-0096885**
(210) 4-2005-12135
(181) 28.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 28.09.2005

(531) A3.9.3; 1.5.1; A3.9.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HẢI PHÒNG (VN)
Số 12 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 02: Sơn; bột màu; mực in.

---

(111) **4-0096886**
(210) 4-2005-12138
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

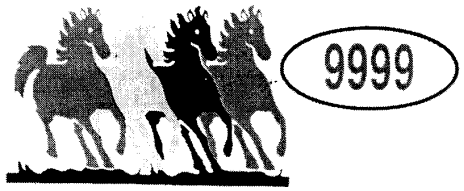

(151) 04.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.3.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NHẠC MÙI (VN)
39 đường số 5F, khu phố 6, phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 24: Vải; vải bông; vải in hoa; vải lanh; vải sợi.

---

(111) **4-0096887**
(210) 4-2005-12163
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC. A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ hàng hải, trắc địa, quang học, cân, đo, cấp cứu và giảng dạy; thiết bị và dụng cụ dùng để dẫn, chuyển mạch, biến đổi, tích, điều chỉnh hoặc điều khiển năng lượng điện; thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính, đĩa ghi; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hay thẻ; máy tính tiền, máy tính, thiết bị xử lý dữ kiện và máy vi tính; thiết bị dập lửa; kính đeo mắt và bao kính; kính râm và bao kính; vật mang dữ liệu ghi âm và ghi hình trên các phương tiện truyền thông; máy tái tạo và truyền âm thanh hình ảnh dùng cho các phương tiện truyền thông; băng cát-xét, đĩa hát dùng cho máy quay đĩa, đĩa compắc, băng viđiô, đĩa viđiô la-de, đĩa viđiô kỹ thuật số; đĩa kỹ thuật số đa chức năng; ổ đĩa CD-ROMs; phim điện ảnh; đầu đĩa com-pắc; máy ghi đĩa com-pắc; đầu đĩa DVD; đầu ghi DVD; đầu máy viđiô và máy ghi hình viđiô; đài cát xét và máy ghi âm cát xét; đầu đĩa MP3; đầu ghi MP3; đĩa dữ liệu loại nhỏ; đầu đĩa loại nhỏ; máy đếm tiền; máy tính cầm tay; các chương trình trò chơi trên máy vi tính; phần mềm máy vi tính; phần cứng máy vi tính; bàn phím máy vi tính; màn hình máy vi tính; ổ đĩa máy vi tính; mô-đem, máy in dùng cho máy vi tính; chuột máy vi tính; miếng đệm lót chuột máy vi tính; miếng đệm cổ tay và cánh tay hỗ trợ khi sử dụng máy vi tính; máy trợ lý cá nhân dùng kỹ thuật số; các thiết bị gửi tin viễn thông nhắn nhanh xách tay; máy nhắn tin; điện đài xách tay; điện thoại; điện thoại di động; linh kiện của điện thoại di động; máy chụp ảnh; máy chụp ảnh kỹ thuật số; máy quay viđiô; rađiô; ti vi; GPS (hệ thống định vị toàn cầu); đầu máy viđiô; đầu máy dùng cho trò chơi điện tử bằng máy tính; đĩa dùng cho trò chơi điện tử bằng máy tính; đầu máy và đĩa dùng cho trò chơi điện tử bằng viđiô.

(111) **4-0096888**
(210) 4-2005-12170
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép và mũ nón; bộ quần áo tắm; quần áo tắm biển; quần áo lót; quần áo trẻ sơ sinh; áo jắc-két; quần dài; quần dùng trong khi tập luyện; áo dùng trong khi tập luyện; áo sơ mi; áo len dài tay; quần soóc; áo phông; áo sát nách; áo ghi-lê; áo len; váy; áo khoác; váy dài; quần áo ngủ; áo choàng; bộ quần áo pijama; áo ngủ dùng cho nam giới; áo ngủ dùng cho nữ giới; quần áo ngủ kín chân của trẻ em; cổ cồn cà vạt; cà vạt; khăn quàng cổ; hàng dệt kim (cụ thể là quần áo, đồ đi chân; đồ đội đầu); quần áo bó; quần áo nịt dùng cho diễn viên múa hoặc vận động viên; nịt chân; tất ngắn; tất dài; tất quần; quần nịt; thắt lưng dùng cho quần áo; yếm; đồ đi chân; giầy; giày thể thao; dép đi trong nhà; ủng; dép săng-đan; mũ đội đầu; mũ lưỡi trai; dải băng buộc đầu (trang phục); dải băng buộc cổ tay (trang phục); quần áo đi mưa; găng tay (trang phục); găng tay hở ngón (trang phục); trang phục truyền thống; quần áo mặc trong ngày dạ hội hoá trang và trong ngày lễ Ha-lô-oen.

---

(111) **4-0096889**
(210) 4-2005-12171
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC. A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 28: Dụng cụ thể dục thể thao không xếp trong các nhóm khác; đồ chơi; trò chơi; bài lá; bóng cao su; đồ chơi hình các nhân vật hành động và đồ đi kèm; trò chơi kỹ năng hành động; bóng bay; đồ chơi khi tắm; bức tượng nhỏ đồ chơi; búp bê nhồi vỏ đỗ khô; đồ chơi làm bằng vải lông; búp bê và quần áo của búp bê dưới dạng đồ chơi; bộ đồ chơi búp bê; con rối; mỹ phẩm đồ chơi của trẻ em, ngân hàng đồ chơi; cái yôyô (đồ chơi trẻ em); mặt nạ đồ chơi; các trò chơi trên tấm bảng; các khối làm sẵn dùng để chơi trò chơi xây dựng; thiết bị được bán dưới dạng bộ dùng cho chơi bài; đồ chơi hành động chạy bằng pin hay ắc quy; đồ chơi hành động chạy bằng điện; trò chơi đóng vai; trò chơi có thao tác bằng tay; trò chơi lắp hình; đồ chơi đa năng; đồ chơi lên dây cót; trò chơi có mục tiêu; đồ chơi tung hứng dạng đĩa; bộ xẻng và xô đồ chơi; tên lửa đồ chơi; xe cộ đồ chơi; ô tô đồ chơi; xe tải đồ chơi; súng đồ chơi; bao đeo súng đồ chơi; bộ đồ chơi thủ công hiện đại; cái

diều; đồ chơi trên xe nôi; đồ chơi di động được; đồ chơi hộp âm nhạc; đồ chơi âm nhạc; vật kỷ niệm buổi tiệc là những đồ chơi nhỏ; bộ đồ chơi thổi bong bóng; đồ chơi trong bể bơi có thể bơm phồng; bóng dùng cho chơi gôn; găng tay dùng cho chơi gôn; vật dẫn đường cho bóng gôn; bóng tennis; bộ cầu lông; cung tên và mũi tên; patanh; ván trượt; xe ga không có động cơ (đồ chơi trẻ em); đồ trang trí và trang hoàng cây thông Noen (trừ đèn chiếu sáng và bánh kẹo).

---

(111) **4-0096890**
(210) 4-2005-12172
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 29: Thịt, cá, gia cầm và thú săn; chất chiết ra từ thịt; rau, quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; mứt, mứt quả; trứng, sữa và sản phẩm sữa, dầu thực vật và mỡ ăn; hoa quả nấu chín dùng phủ lên trên thức ăn; sữa uống các loại có hương vị khác nhau, sữa lắc có các hương vị khác nhau; sữa chua uống; trái cây được bảo quản; đồ ăn nhanh làm từ trái cây; thạch; lát mỏng hoa quả; khoai tây chiên; quả hạch đã chế biến.

---

(111) **4-0096891**
(210) 4-2005-12173
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, ca cao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ, chất thay thế cà phê; bột và chế phẩm của ngũ cốc, bánh mì, bánh ngọt và bánh, mứt, kẹo, kem; mật ong, nước mật đường; men, bột nở; muối, tương hạt cải; dấm và nước xốt (trừ nước xốt dùng cho xà lách); gia vị; kem lạnh; ngũ cốc dùng cho bữa sáng; ngũ cốc dạng thanh; bánh nướng xốp; bánh nướng xốp dạng thanh; bánh quế; bánh kếp; bánh dẹt nhỏ; bánh quy giòn; bánh quy; bánh nướng các loại; kẹo cao su; đồ trang trí bánh làm từ kẹo; đồ ăn nhanh là kẹo hoa quả; kẹo; lát mỏng làm từ bột ngũ cốc, sô cô la; bánh hình nón dùng để đựng kem; mứt kẹo đông lạnh; kem ăn; bánh ngọt; bỏng ngô; kem que; bánh quy xoắn; sữa chua đông lạnh (dạng kem ăn).

---

(111) **4-0096892**
(210) 4-2005-12174
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 3.7.6; A3.7.24
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 32: Bia, nước khoáng, nước có ga và đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả và nước ép hoa quả; xi-rô và chế phẩm khác để làm đồ uống; nước uống không có cồn; đồ uống có ga; đồ uống có hương vị hoa quả (không cồn); nước ngọt, và đồ uống pha trộn không có cồn; đồ uống khi chơi thể thao và đồ uống hỗn hợp không có cồn; nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0096893**
(210) 4-2006-15377
(181) 14.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INO

(151) 04.03.2008
(220) 14.09.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TANISTAR (VN)
23/3 Long Mỹ, Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 17: Gioăng, phớt, dụng cụ để chặn dầu nhớt làm bằng cao su (cupen).

---

(111) **4-0096894**
(210) 4-2005-12889
(181) 03.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ITC JSC

(151) 04.03.2008
(220) 03.10.2005

(531) 25.7.20; A26.11.8; 26.4.1
(591) Trắng, xanh da trời
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ ITC (ITC JSC) (VN)
Số 10, ngõ 81, phố Linh Lang, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Buôn bán hàng tư liệu sản xuất tiêu dùng; buôn bán hàng kim khí điện máy, linh kiện điện tử, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ viễn thông tin học.

---

(111) **4-0096895**
(210) 4-2006-03593
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 15.03.2006

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DU LỊCH TÙNG NGỌC (VN)
Số 26 phố Bát Sứ, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; môi giới quảng cáo; cập nhật tư liệu quảng cáo; thông tin về thương mại.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống; đặt chỗ ở tạm thời; đặt chỗ ở khách sạn; quán cà phê tự phục vụ; quán ăn tự phục vụ.

---

(111) **4-0096896**
(210) 4-2005-10521
(181) 18.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 18.08.2005

(531) A5.3.14; 26.4.2
(591) Trắng, vàng, xanh lá cây, xanh tím than
(731) YANG WENLONG (CN)
No. 2 Fuqiao Road, Zhangshu City, Jiangxi Province, P.R. China
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người; thuốc nước y tế; chế phẩm vitamin; chè giảm cân dùng trong ngành y; thuốc rửa phụ khoa; thuốc rửa mắt; thuốc mỡ chống nắng; thuốc đạn; chế phẩm dược; thuốc mỡ dùng trong ngành dược; muối để tắm dùng cho ngành y; chất tẩy uế dùng cho vệ sinh; thực phẩm cho trẻ em; đồ ăn kiêng dùng trong ngành y; đồ uống kiêng dùng trong ngành y; chế phẩm làm sạch; thuốc thú y; thuốc trừ vật có hại; miếng che mắt bị thương dùng trong ngành y; băng vệ sinh phụ nữ; thuốc tráng men răng.

---

(111) **4-0096897**
(210) 4-2005-12842
(181) 30.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

CAP'N CRUNCH

(151) 04.03.2008
(220) 30.09.2005

(731) THE QUAKER OATS COMPANY (US)
555 West Monroe, Chicago, IL 60661, USA
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 30: Bột ngũ cốc ăn liền.

---

(111) **4-0096898**
(210) 4-2005-12651
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

Rocket

(151) 04.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHÚC NHÂN ĐƯỜNG (VN)
Xóm Tháp, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 10: Bao cao su tránh thai.

---

(111) **4-0096899**
(210) 4-2005-12804
(181) 30.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

VESIM

(151) 04.03.2008
(220) 30.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN THÀNH (VN)
Số 1-E4 khu Bãi Than Vọng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước vệ sinh mắt, nước vệ sinh mũi không chứa thuốc; mỹ phẩm, kem dưỡng da.

Nhóm 05: Nước vệ sinh mắt, nước vệ sinh mũi có chứa thuốc.

(111) **4-0096900**
(210) 4-2006-02525
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Hitsuji

(151) 04.03.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHÚ TIẾN (VN)
Số 11, ngõ Trần Cao Vân, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 07: Máy giặt.

Nhóm 09: Đầu máy đọc đĩa CD; đầu máy đọc đĩa VCD, đầu máy đọc đĩa DVD; loa; âm ly; ti vi.

Nhóm 11: Điều hoà nhiệt độ, tủ lạnh, tủ bảo quản lạnh.

Nhóm 35: Mua bán tủ lạnh, đầu đọc đĩa CD, VCD, DVD, loa, âm ly, ti vi, điều hoà nhiệt độ, máy giặt, tủ bảo quản lạnh.

---

(111) **4-0096901**
(210) 4-2006-01245
(181) 23.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GATIFLO

(151) 04.03.2008
(220) 23.01.2006

(731) APC PHARMACEUTICALS & CHEMICALS (EUROPE) LTD (GB)
First Floor, Fountain Court, High Street, Market Harborough, LE16 7AF, United Kingdom
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096902**
(210) 4-2006-01246
(181) 23.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

REVUP

(151) 04.03.2008
(220) 23.01.2006

(731) APC PHARMACEUTICALS & CHEMICALS (EUROPE) LTD (GB)
First Floor, Fountain Court, High Street, Market Harborough, LE16 7AF, United Kingdom
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096903**
(210) 4-2006-01247
(181) 23.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OMIDOP

(151) 04.03.2008
(220) 23.01.2006

(731) APC PHARMACEUTICALS & CHEMICALS (EUROPE) LTD (GB)
First Floor, Fountain Court, High Street, Market Harborough, LE16 7AF, United Kingdom
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096904**
(210) 4-2006-01248
(181) 23.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIROEF

(151) 04.03.2008
(220) 23.01.2006

(731) APC PHARMACEUTICALS & CHEMICALS (IN)
43 Vikas Centre 106, S.V. Road Santracruz (W), Mumbai 400054, India
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096905**
(210) 4-2006-01954
(181) 13.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; 26.11.3
(591) Xanh Coban
(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG VÀ THƯƠNG MẠI AT (VN)
905 A6, đường Trần Huy Liệu, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo.

---

(111) **4-0096906**
(210) 4-2006-08666
(181) 06.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 06.06.2006

(531) 26.4.1; A26.11.12
(591) Xanh lá cây đậm, trắng
(731) CÔNG TY TNHH LÂM VIỆT (VN)
Ấp 1B, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 18: Ô dù các loại.

Nhóm 20: Đồ gỗ nội thất, ngoại thất như: bàn, ghế, tủ.

---

(111) **4-0096907**
(210) 4-2006-12312
(181) 01.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 01.08.2006

(531) 26.4.3; 8.7.5
(591) Đen, đỏ, vàng cam, xanh lá mạ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HATEC (VN)
Tổ 6, Thôn Bầu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Xì dầu.

---

(111) **4-0096908**
(210) 4-2006-16364
(181) 29.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 29.09.2006

(531) 3.7.17; A18.1.19; 26.11.2; 22.1.1; 25.5.1; A26.11.12; 26.1.1
(591) Xanh đậm, xanh nhạt, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI VIỆT (VN)
14/6 đường 68, khu phố 2, phường Hiệp Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 39: Vận tải; đóng gói và lưu giữ hàng hoá.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống (do nhà hàng thực hiện).

---

(111) **4-0096909**
(210) 4-2006-03132
(181) 07.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 07.03.2006

(531) 1.5.1; 1.15.5
(591) Đỏ, xanh coban, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH ÁNH DƯƠNG (ADI) (VN)
34B Nguyễn Trường Tộ, phường 3, thành phố Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 42: Giám định hàng hóa xuất nhập khẩu; giám định dầu khí; giám định vật tư hàng hải; giám định máy móc hàng hải; giám định thiết bị hàng hải.

---

(111) **4-0096910**
(210) 4-2006-13725
(181) 21.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 21.08.2006

(591) Xanh lục, vàng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VỊ HƯƠNG (VN)
Ấp Mỹ Hội, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

Nhóm 30: Nước tương.

(111) **4-0096911**
(210) 4-2006-06640
(181) 28.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 28.04.2006

(531) 2.3.7; A2.3.23
(731) LAKSHMI MACHINE WORKS LIMITED (IN)
Perianaickenpalayam, Coimbatore - 641 020, India
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Máy và máy công cụ bao gồm máy dệt kéo sợi và máy công cụ điều khiển số bằng máy tính.

---

(111) **4-0096912**
(210) 4-2006-07511
(181) 16.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 16.05.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh lam, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XE VÀ MÁY F.M.C (VN)
24 Nguyễn Thị Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy.

---

(111) **4-0096913**
(210) 4-2006-07512
(181) 16.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 16.05.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh lam, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XE VÀ MÁY F.M.C (VN)
24 Nguyễn Thị Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 12: Xe máy, động cơ xe máy.

---

(111) **4-0096914**
(210) 4-2006-01565
(181) 07.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Kinh Hoa Vị Khang

(151) 04.03.2008
(220) 07.02.2006

(731) TIANJIN TASLY PHARMACEUTICAL CO., LTD. (CN)
No. 1 Liaohe East Road, New Yibai Street, Beichen District, Tianjin, China
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096915**
(210) 4-2006-01567
(181) 07.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TEMOBELA

(151) 04.03.2008
(220) 07.02.2006

(731) TIANJIN TASLY PHARMACEUTICAL CO., LTD. (CN)
No. 1 Liaohe East Road, New Yibai Street, Beichen District, Tianjin, China
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096916**
(210) 4-2006-05426
(181) 25.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 25.05.2006

(531) 26.1.2; 25.7.20; A27.5.3
(591) Vàng, đen, trắng, xám
(731) CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI PHÁT VIỆT (VN)
Số 23, phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Siêu thị; dịch vụ mua bán và xuất nhập khẩu hàng hóa; trung tâm thương mại, mua bán hàng tiêu dùng.

---

(111) **4-0096917**
(210) 4-2006-05429
(181) 25.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 25.05.2006

(531) A27.5.3
(591) Vàng, đen
(731) CÔNG TY TNHH PHÂN PHỐI PHÁT VIỆT (VN)
Số 23, phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Siêu thị; dịch vụ mua bán và xuất nhập khẩu hàng hóa; trung tâm thương mại, mua bán hàng tiêu dùng.

---

(111) **4-0096918**
(210) 4-2006-14074
(181) 25.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 25.08.2006

(531) 7.11.10; 26.1.1; A26.11.12
(731) APOLLO TYRES LTD. (IN)
Apollo House, 7, Institutional Area, Sector-32 Gurgaon, Haryana - 122 001, India
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Lốp xe ô tô; săm xe ô tô; tấm chắn bùn cho xe ô tô.

---

(111) **4-0096919**
(210) 4-2006-02993
(181) 03.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 03.03.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHƯƠNG MINH THÀNH (VN)
198/2/8C Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 14: Đồ trang sức.

---

(111) **4-0096920**
(210) 4-2005-16063
(181) 28.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 28.11.2005

(531) 7.1.14; A1.1.10; A26.11.12; 14.1.5
(591) Xanh dương, cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH THANH (VN)
Số 14-15/C3, khu 500 căn, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 37: Xây lắp công trình điện.

---

(111) **4-0096921**
(210) 4-2005-15410
(181) 15.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 15.11.2005

(531) 26.1.2; A26.11.12; 4.5.3; A19.13.21
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM II (VN)
Số 276, đường Chu Văn Thịnh, tổ 11, phường Chiềng Lề, thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096922**
(210) 4-2005-16421
(181) 05.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

TRANGSATE

(151) 04.03.2008
(220) 05.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THÔN TRANG (VN)
236/17/6 Thái Phiên, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ dịch, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0096923**
(210) 4-2005-15248
(181) 11.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 11.11.2005

(531) A5.5.20; A5.5.21
(731) ĐẶNG THỊ PHƯƠNG (VN)
251/12 Lê Quang Định, phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 31: Hoa tươi, cây kiểng (cây cảnh), hoa kiểng (hoa cảnh), hoa khô dùng để trang trí, hạt giống, cây giống.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu; hoa tươi, hoa khô dùng cho trang trí; quảng cáo, tiếp thị sản phẩm hoa tươi, hoa khô dùng cho trang trí.

---

(111) **4-0096924**
(210) 4-2005-17493
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

THIEN HOANG

(151) 04.03.2008
(220) 18.01.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THIÊN THÀNH (VN)
Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 24: Khăn mặt, khăn tắm, khăn ăn, khăn tay, khăn trải giường, khăn trải bàn (tất cả làm bằng vải).

Nhóm 35: Mua bán: khăn mặt, khăn tắm, khăn ăn, khăn tay, khăn trải giường, khăn trải bàn.

---

(111) **4-0096925**
(210) 4-2005-16021
(181) 28.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 28.11.2005

(531) 4.3.3; 26.1.2
(591) Xanh lá mạ, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI HỒNG NAM (VN)
C5/20 Chánh Hưng (nối dài), ấp 3, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 11: Nhà vệ sinh lưu động; thiết bị vệ sinh.

Nhóm 21: Sản phẩm bằng nhựa tổng hợp (composit) cụ thể là: thùng rác.

---

(111) **4-0096926**
(210) 4-2005-17245
(181) 19.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 19.12.2005

(531) A26.11.12; 1.15.23
(591) Xanh nước biển, đỏ, trắng, đen
(731) CƠ SỞ GIA PHÁT (VN)
45 đường số 11, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: bếp gas, tủ lạnh, nồi cơm điện, máy giặt, máy xay sinh tố, máy truyền hình (tivi), máy hát sử dụng đĩa kỹ thuật số VCD và DVD, loa và máy tăng âm (amply).

---

(111) **4-0096927**
(210) 4-2005-17857
(181) 29.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

A-LICES

(151) 04.03.2008
(220) 29.12.2005

(731) HOE PHARMACEUTICALS SDN. BHD. (MY)
Suite 8.01, 8th Floor, Menara IGB, Mid Valley City, Lingkaran Syed Putra, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm (thuốc diệt ký sinh trùng).

---

(111) **4-0096928**
(210) 4-2005-13162
(181) 07.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

KHAI VẬN
KHAI VAN

(151) 04.03.2008
(220) 07.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHAI VẬN (VN)
Số 106 Ngô Quyền, phường 5, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 01: Phân bón hữu cơ; chế phẩm vi sinh xử lý môi trường nước để nuôi trồng thuỷ sản; men vi sinh (dùng trong phân bón).

Nhóm 05: Thuốc thú y; thuốc thuỷ sản; thuốc diệt ốc bươu vàng.

Nhóm 31: Thức ăn cho thuỷ hải sản.

Nhóm 35: Mua bán thức ăn thuỷ hải sản; mua bán thuốc thú y; mua bán thuốc thuỷ sản; mua bán thuốc diệt ốc bươu vàng; mua bán phân bón hữu cơ; mua bán men vi sinh (dùng trong phân bón).

---

(111) **4-0096929**
(210) 4-2005-17617
(181) 26.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIỆT THỐNG

(151) 04.03.2008
(220) 26.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VIỆT THỐNG (VN)
Lô số 345, 346 khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, trang thiết bị y tế, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

---

(111) **4-0096930**
(210) 4-2005-17618
(181) 26.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 26.12.2005

(531) 26.1.1; A26.11.12; 1.5.1
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh nước biển, vàng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VIỆT THỐNG (VN)
Lô số 345, 346 khu công nghiệp Việt nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, trang thiết bị y tế, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

---

(111) **4-0096931**
(210) 4-2005-17661
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALFINE

(151) 04.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) SHIMANO INC. (ALSO KNOWN AS KABUSHIKI KAISHA SHIMANO) (JP)
77 Oimatsu-cho, 3-cho, Sakai, Osaka, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Bộ tích điện dùng cho xe đạp; thiết bị báo động chống trộm; cáp điện; máy vi tính dùng cho xe đạp; thiết bị chỉ báo tốc độ; thiết bị đo khoảng cách; thiết bị ghi khoảng cách; thiết bị chỉ báo khoảng cách; thiết bị chỉ báo tự động áp suất trong lốp xe đạp; mũ bảo hiểm dùng cho xe đạp; kính mắt; kính râm; kính bảo hộ và hộp đựng kính; thiết bị báo hiệu; quần áo bảo hộ chống tai nạn; gọng kính.

---

(111) **4-0096932**
(210) 4-2005-17674
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

FASKIT

(151) 04.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM NAM PHƯƠNG (VN)
Ô 16, tổ 1 phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096933**
(210) 4-2005-17675
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

PAVACID

(151) 04.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANPER PHÁP (VN)
Tầng 1 số 127, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096934**
(210) 4-2005-17678
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ULTRAFLOX

(151) 04.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096935**
(210) 4-2005-17679
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

QUINOBACT

(151) 04.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096936**
(210) 4-2005-17680
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SERAPEPDOL

(151) 04.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096937**
(210) 4-2005-17682
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZOACIDE

(151) 04.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096938**
(210) 4-2005-17683
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NIMLIN

(151) 04.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096939**
(210) 4-2005-17684
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DOL-ODIZI

(151) 04.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096940**
(210) 4-2005-17685
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZINFER

(151) 04.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) MEDAS INTERNATIONAL LTD (KH)
48A E0, Street #222, Sangkat Boeung Raing, Khan Daun Penh, Phnom Penh, Cambodia
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096941**
(210) 4-2005-14479
(181) 28.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 28.10.2005

(531) A2.9.15; 24.17.21; 24.17.25
(591) Đỏ, trắng, đen, vàng, xanh lá cây
(731) NGUYỄN QUANG NGỌC (VN)
Thôn 3, xã Quảng Tín, ĐăkRLấp, tỉnh ĐăkLăk
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

Nhóm 05: Dược phẩm; thuốc thú y; thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt côn trùng; rượu thuốc dùng cho mục đích y tế.

Nhóm 29: Sữa; các sản phẩm làm từ sữa; chất chiết từ thịt; hoa quả đóng hộp; rau đóng hộp; thịt cá đóng hộp.

Nhóm 30: Chè; bánh; kẹo; men dùng trong thực phẩm, không dùng cho mục đích y tế; nước xốt (trừ nước xốt dùng cho xà lách); gia vị.

Nhóm 32: Bia; nước ép trái cây; xi rô dùng làm đồ uống; nước uống tinh khiết; đồ uống không có cồn.

Nhóm 33: Rượu.

---

(111) **4-0096942**
(210) 4-2005-17359
(181) 20.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

CEFRATE

(151) 04.03.2008
(220) 20.12.2005

(731) OKASA PHARMA PVT. LTD. (IN)
L-2, Additional MIDC Area, Satara 415004, Maharashtra, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096943**
(210) 4-2005-16272
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

HẢI ĐĂNG

(151) 04.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH HẢI ĐĂNG (VN)
Khu phố Suối Nước, phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 43: Kinh doanh khách sạn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0096944**
(210) 4-2005-16640
(181) 08.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NHA KHOA HOÀNG YẾN

(151) 04.03.2008
(220) 08.12.2005

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN (VN)
207 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ nha khoa.

---

(111) **4-0096945**
(210) 4-2005-15895
(181) 24.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

INTERESTING

(151) 04.03.2008
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH HÀO (VN)
4/8 cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa xịt phòng.

---

(111) **4-0096946**
(210) 4-2005-15896
(181) 24.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

EVERLUCK

(151) 04.03.2008
(220) 24.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH HÀO (VN)
4/8 cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa xịt phòng.

---

(111) **4-0096947**
(210) 4-2005-16049
(181) 28.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

BIVIFLOX

(151) 04.03.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096948**
(210) 4-2005-16056
(181) 28.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 28.11.2005

(531) 5.1.1; A5.1.5; A5.1.12
(591) Đen, xanh lá cây, vàng da cam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ VẠN TUẾ (VN)
73 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 42: Chuyển giao công nghệ.

---

(111) **4-0096949**
(210) 4-2005-16606
(181) 08.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 08.12.2005

(531) 26.1.1; 26.3.23; A26.11.12
(591) Xanh lá cây thẫm, xanh tím, hồng nhạt, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG KIẾN TRÚC XANH (VN)
Số 3 - N5 khu đô thị mới Xuân Đỉnh, thôn Đông, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Kiến trúc, thiết lập bản vẽ xây dựng.

---

(111) **4-0096950**
(210) 4-2005-16748
(181) 09.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.4.4; A5.3.14
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VI NA PHÁT (VN)
58 Trương Đình Hội, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh qui, bánh ngọt, bánh xốp, bánh kem xốp, bánh quế.

---

(111) **4-0096951**
(210) 4-2005-16749
(181) 09.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 09.12.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3; 2.5.2; 26.3.1
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VI NA PHÁT (VN)
58 Trương Đình Hội, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Rau câu và thạch rau câu.

(111) **4-0096952**
(210) 4-2005-02502
(181) 04.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 04.12.2006

(531) 1.5.1; 26.4.2; 26.3.23
(591) Đỏ, xanh lá cây, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TIẾN THÀNH (VN)
1276 ấp Phú Hoà 2, xã Bình Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

(511) Nhóm 01: Bột bảo quản rau quả thực phẩm.

---

(111) **4-0096953**
(210) 4-2005-06709
(181) 06.06.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 06.06.2005

(531) 1.3.1; 7.1.24
(591) Trắng, đỏ, vàng, xanh dương
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MỸ TRÀ (VN)
Số 161 quốc lộ 30, ấp 4, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 35: Mua bán gas.

---

(111) **4-0096954**
(210) 4-2005-07631
(181) 24.06.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 24.06.2005

(531) 9.1.10; 26.1.2
(591) Nâu, trắng
(731) CƠ SỞ VIỄN THÀNH (VN)
831/42 Bình Khánh 1, Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 20: Hàng thủ công mỹ nghệ bằng tre, gỗ thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0096955**
(210) 4-2005-11386
(181) 06.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 06.09.2005
(531)
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SUNJIN VINA (VN)
Lô II - 11 khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0096956**
(210) 4-2005-12042
(181) 16.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 16.09.2005
(531) 26.1.1; 26.11.2; A26.11.12
(591) Đỏ, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HOÁ PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Tầng 2, P202, số 12 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xuất nhập khẩu; quảng cáo ngoài trời; quảng áo trên đài phát thanh đài truyền hình; cho thuê phương tiện quảng cáo.

Nhóm 41: Tổ chức và hướng dẫn hội thảo; tổ chức và điều khiển hội nghị; tổ chức và điều khiển đại hội; tổ chức các cuộc thi; biểu diễn sân khấu sống; tổ chức trình diễn; dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình; chương trình biểu diễn; xuất bản sách; thông tin về lĩnh vực giải trí.

---

(111) **4-0096957**
(210) 4-2005-14769
(181) 04.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

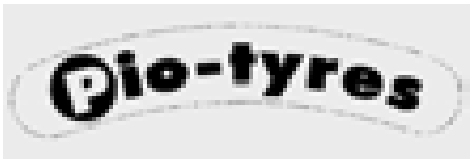

(151) 04.03.2008
(220) 04.11.2005
(531) 26.1.1; A25.3.3
(731) SIAM PIONEER RUBBER COMPANY LIMITED (TH)
129/225 Moo 4, Petchkasem Road, Omnoi, Krathumbaen, Samutsakorn 74130, Thailand
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Lốp xe đặc bằng cao su công nghiệp.

---

(111) **4-0096958**
(210) 4-2005-16015
(181) 28.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DOSATIL

(151) 04.03.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0096959**
(210) 4-2005-16351
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DIFLAZON

(151) 04.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM ĐỒNG (VN)
Số nhà 2, ngõ 164/117 phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096960**
(210) 4-2005-16352
(181) 14.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NAFASERA

(151) 04.03.2008
(220) 14.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH (VN)
29/10 C3 Phan Huy Ích, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096961**
(210) 4-2006-02478
(181) 23.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 23.02.2006

(531) 5.5.19; A5.5.21
(591) Đen, trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH HÀNG MAY MẶC QUỐC TẾ (VN)
1/2 Lam Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần áo; giày dép.

---

(111) **4-0096962**
(210) 4-2006-04274
(181) 24.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 24.03.2006

(531) 25.1.25
(731) PALMERSTON LIMITED (GB)
2nd Floor, Sixty Circular Road, Douglas, Isle Of Man, United Kingdom
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ điện, điện tử (tất cả dùng để xử lý, ghi lại, lưu trữ, truyền, thể hiện, tiếp nhận, nhập, xuất hoặc in chữ hoặc hình ảnh và sao chép, lưu trữ, thể hiện dữ liệu và tín hiệu), nhiếp ảnh, quay phim, quang học, báo hiệu, kiểm tra (giám sát) và giảng dạy; thiết bị và dụng cụ truyền hình; thiết bị viễn thông; các thiết bị điện tử nhận tín hiệu truyền hình và tín hiệu mạng thông tin toàn cầu và truyền các tín hiệu đó tới thiết bị vô tuyến truyền hình hoặc các thiết bị hiển thị khác và các chương trình máy tính để sử dụng với các thiết bị đó; đầu đĩa quang và các chương trình máy tính liên quan; vật mang dữ liệu từ tính, thẻ thông minh, thẻ đã được mã hoá, thẻ dữ liệu; đĩa ghi; thiết bị để ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh, dữ liệu; máy tính; thiết bị và dụng cụ viễn thông; máy móc, thiết bị và dụng cụ fax, telex, điện thoại, điện tín, thu nhận dữ liệu; chương trình máy tính; chương trình và phần mềm máy tính; phần mềm máy tính và thiết bị viễn thông (bao gồm cả mô đem) cho phép kết nối tới dữ liệu và internet; chương trình hệ điều hành; phần mềm máy tính và phần cứng với cơ sở mạng tạo thuận lợi cho truyền thông tương tác đa phương tiện; phần mềm máy tính để soạn thảo, biên tập, truyền thông tin ở dạng chữ và đồ họa qua mạng truyền thông máy tính; chương trình máy tính để xuất bản, in ấn, vẽ hình và lưu trữ, điều hành, truyền và truy cập tài liệu điện tử bằng kĩ thuật số; máy vi tính, máy tính xách tay; chương trình máy tính để quản lý các liên lạc và trao đổi dữ liệu giữa máy tính xách tay và máy tính để bàn; phần cứng máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính, máy in (dùng cho máy tính), máy thiết lập hình ảnh, máy phôtô, máy in thử để kiểm tra chất lượng hình ảnh (dùng cho máy tính), máy in ấn (dùng cho máy tính), màn hình hiển thị; phần cứng và phần mềm viễn thông không dây kỹ thuật số; dữ liệu có thể tải xuống được bao gồm xuất bản phẩm và phần mềm; phần mềm máy tính và xuất bản phẩm ở dạng điện tử được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu hoặc từ các tiện ích được cung cấp trên internet (bao gồm cả trang web); trò chơi (máy trò chơi điện tử được

sử dụng kèm với máy thu hình và chương trình trò chơi trên máy tính), các chương trình trò chơi, đĩa trò chơi, thiết bị đầu cuối giải trí điện tử và trên máy tính; thiết bị đầu cuối giải trí bao gồm phần cứng và phần mềm máy tính để xuất ra âm thanh, hình ảnh, và đầu ra đa phương tiện.

Nhóm 16: Tạp chí, ấn phẩm, xuất bản phẩm, sách, tạp chí xuất bản định kỳ.

Nhóm 28: Trò chơi, đồ chơi; dụng cụ thể dục thể thao không xếp trong các nhóm khác; đồ trang hoàng cây Noel (ngoại trừ đồ chiếu sáng và bánh kẹo).

Nhóm 35: Trợ lý quản lý thương mại hoặc công nghiệp; trung tâm thông tin thương mại hoặc công nghiệp; dịch vụ quảng cáo và xúc tiến thương mại và dịch vụ liên quan đến những dịch vụ này; cho thuê không gian quảng cáo; quảng cáo bằng truyền hình; biên soạn quảng cáo để sử dụng như trang web trên internet; chuẩn bị và giới thiệu các hình ảnh nghe nhìn nhằm mục đích quảng cáo; phổ biến quảng cáo; dịch vụ thông tin thương mại; nhận, lưu trữ và cung cấp dữ liệu thông tin thương mại được đưa vào máy tính; nghiên cứu thị trường; lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kinh doanh; điều hành kinh doanh; quản lý kinh doanh; hoạt động văn phòng; nghiên cứu thị trường và kinh doanh; biên soạn số liệu thống kê kinh doanh và thông tin thương mại; bán đấu giá; dịch vụ bán lẻ; cửa hàng bách hoá tổng hợp; bán lẻ và bán hàng bách hoá tổng hợp trực tuyến; tư vấn và hỗ trợ trong việc chọn lựa sản phẩm và dịch vụ; tổ chức các hoạt động xúc tiến bằng phương tiện truyền thông đại chúng nghe nhìn; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn liên quan đến các dịch vụ nêu trên.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền phát điện tử và truyền phát viễn thông; truyền các tệp dữ liệu, tin nhắn, hình, tiếng, giọng nói, chữ, âm thanh, hình ảnh và các liên lạc điện tử, và dữ liệu và thông tin bằng điện tử, máy tính, cáp, radio, máy nhắn tin bằng tín hiệu vô tuyến, máy telex, máy gửi tín hiệu hoặc tin nhắn bằng cách sử dụng tín hiệu điện tín, thư điện tử, máy fax, vô tuyến, sóng viba, tia laze, vệ tinh liên lạc, liên kết sóng viba, các phương tiện mặt đất, cáp, hệ thống kết nối không dây hoặc có dây hoặc các phương tiện truyền thông khác; cung cấp dịch vụ thông tin đa phương tiện và tương tác đa phương tiện; dịch vụ tư vấn liên quan đến truyền phát dữ liệu; truyền, hiển thị thông tin vì mục đích kinh doanh hoặc dùng trong nhà từ ngân hàng dữ liệu được cất giữ trong máy tính; dịch vụ thư điện tử; dịch vụ viễn thông liên quan đến internet; truyền thông thông tin (bao gồm cả các trang web), chương trình máy tính và dữ liệu khác; cung cấp truy cập internet cho người sử dụng (người cung cấp dịch vụ); cung cấp kết nối viễn thông với internet hoặc với cơ sở dữ liệu; dịch vụ điện toán vô tuyến cung cấp thông tin và tin tức (teletext); dịch vụ cổng viễn thông; cung cấp truy cập viễn thông trực tuyến và liên kết tới internet và intranet; cung cấp bản tin tương tác trực tuyến; dịch vụ phát thanh truyền hình; dịch vụ thuê và cho thuê các thiết bị điện tử để xử lý, đăng nhập, lưu trữ, truyền, hiển thị, nhận, nhập, xuất, hoặc in ra dữ liệu không hình ảnh hoặc dữ liệu đồ thị, thiết bị điện tử để tái tạo, lưu giữ, hiển thị dữ liệu hoặc tín hiệu; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu của máy tính hay trên internet.

Nhóm 41: Tổ chức và điều khiển hội nghị, triển lãm cho mục đích giáo dục và văn hoá, cuộc thi và cuộc thi đố; tổ chức triển lãm văn hoá hoặc giáo dục; tổ chức và bảo trợ các cuộc thi; tổ chức hội thảo, tổ chức và điều khiển hội nghị chuyên đề; đào tạo; xuất bản sách và văn bản; giải trí, giải trí với truyền hình; dịch vụ giáo dục và giải trí, thể thao và

tiêu khiển bằng cách là lập kế hoạch, sản xuất và phân phối các chương trình nghe nhìn, hoặc phối hợp cả nghe và nhìn trực tiếp hoặc được ghi lại để truyền phát bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, internet, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; cung cấp thông tin liên quan đến chương trình phát thanh và truyền hình, giải trí, âm nhạc, thể thao và tiêu khiển; thông tin liên quan đến giải trí hoặc giáo dục được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu của máy tính, trên internet hoặc bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; dịch vụ trò chơi điện tử được cung cấp bằng phương tiện internet hoặc bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; cung cấp các xuất bản điện tử trực tuyến (không thể tải xuống được); xuất bản sách và tạp chí điện tử trực tuyến; dịch vụ chỗ bán vé (cho các hoạt động giải trí, thể thao và văn hoá); dịch vụ phát vé và đặt mua vé (cho các hoạt động giải trí; dịch vụ trò chơi, cá cược, xổ số và dịch vụ trò đánh bạc); dịch vụ thông tin và tư vấn liên quan đến giáo dục và giải trí; dịch vụ thông tin tin tức và thời sự; thuê và cho thuê các thiết bị truyền hình, thiết bị hiển thị truyền hình và hộp thu tín hiệu vô tuyến; cung cấp trực tuyến các từ điển, từ điển chuyên ngành điện tử, sách hướng dẫn nhà hàng và sách hướng dẫn du lịch (không tải xuống được); tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 42: Vận hành cổng giao tiếp của máy tính; thiết kế, vẽ, soạn thảo theo uỷ quyền để biên soạn trang web trên internet; tạo và duy trì trang web; dịch vụ máy chủ các trang web cho người khác; cài đặt và duy trì phần mềm máy tính; cung cấp truy cập vào các trang trên mạng thông tin điện tử; cung cấp truy cập đến các cơ sở dữ liệu; thuê bao thời gian truy cập cơ sở dữ liệu máy tính (không bao gồm dịch vụ do người cung cấp dịch vụ internet); thuê và cho thuê, máy tính, chương trình máy tính, thiết bị đầu cuối của máy tính, màn hình, bàn phím máy tính, máy tính xách tay, modem, thiết bị ngoại vi máy tính, các thiết bị internet và bộ phận và phụ tùng của tất cả các sản phẩm này; dịch vụ máy tính cụ thể là bảo dưỡng phần mềm máy tính, cho thuê máy tính, cho thuê phần mềm máy tính; dịch vụ máy tính được cung cấp trực tuyến trên internet; cụ thể là tư vấn trực tuyến trong lĩnh vực phần cứng và phần mềm máy tính, cung cấp truy cập trực tuyến tới các chương trình máy tính, cập nhật và cho thuê phần mềm máy tính được cung cấp trực tuyến từ internet; dịch vụ tư vấn liên quan đến công nghiệp máy tính; dịch vụ máy tính để định vị con người, vật nuôi và các thiết bị, dụng cụ; dịch vụ cung cấp và điều hành chương trình được thiết kế để tra cứu các thông tin được lưu trữ trên hệ thống máy tính, thông tin và tư vấn liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

---

(111) **4-0096963**
(210) 4-2006-17624
(181) 19.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ECOUPLED

(151) 04.03.2008
(220) 19.10.2006

(731) ALTICOR INC. (US)
7575 Fulton Street East, Ada, Michigan 49355 USA
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy truyền và nhận dữ liệu và năng lượng điện không dây.

(111) **4-0096964**
(210) 4-2005-16462
(181) 06.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

POWERLINK

(151) 04.03.2008
(220) 06.12.2005

(731) POWER LINK INTERNATIONAL HOLDINGS LTD. (HK)
Unit 4, 20/F, Ho Lik Centre 66A Sha Tsui Road, Tsuen Wan Hong Kong
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Thiết bị uốn đèn nê-ông.

Nhóm 09: Bộ biến áp đèn nê-ông; điện cực dùng cho đèn nê-ông; các bộ phận của đèn nê-ông quảng cáo, cụ thể là vỏ bọc điện cực và giá đỡ ống đèn; bộ thử đèn ống có khí; dây dẫn điện cao thế của bộ biến áp nê-ông dùng cho biển báo nê-ông; cáp dẫn điện cao thế của bộ biến áp nê-ông dùng cho biển báo nê-ông; chấn lưu điện tử; thiết bị bắn phá nê-ông; biển báo phản quang; biển báo nê-ông; biển hiệu tam giác báo hiệu cho xe cộ; biển chỉ đường phản quang; biển chỉ đường cơ; bảng thông báo điện tử; que chỉ điện tử phát quang; biển hiệu diot phát quang; bảng thông báo diot phát quang; mođun chiếu sáng bằng diot phát quang; hệ thống màn hình hiển thị bằng diot phát quang, biển hiệu giao thông; bộ biến áp điện tử; máy biến thế điện; máy đổi điện; bộ điều chỉnh độ sáng của đèn điện; ống cách điện bọc ngoài mối nối dùng cho cáp điện; chấn lưu đèn; bộ chống tăng vọt điện áp; bộ điều chỉnh chiếu sáng sân khấu; hệ thống an toàn giao thông đường sắt; pin mặt trời.

Nhóm 11: Đèn khí đốt; ống phát quang để chiếu sáng; mỏ đốt axêtylen; đèn điện dùng cho cây Noel; số nhà có thể phát quang; đèn nháy; đèn pha rọi; giá đỡ chao đèn; đèn đứng (cây đèn, cột đèn); đèn chiếu sáng bể cá cảnh; đèn lặn; thiết bị chiếu sáng dùng cho xe cộ; thiết bị điều hoà không khí; bộ thu năng lượng mặt trời để sưởi nóng; hệ thống thiết bị để làm sạch nước; ống đèn nê-ông thuỷ tinh; đèn nê-ông, hộp đèn, ống thuỷ tinh dùng cho đèn nê-ông.

Nhóm 35: Quảng cáo ngoài trời; cập nhật quảng cáo; cho thuê dụng cụ quảng cáo; cho thuê không gian quảng cáo; cho thuê máy bán hàng tự động; đại lý xuất nhập khẩu; tổ chức triển lãm nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; xác định vị trí các toa hàng bằng máy tính.

Nhóm 37: Sơn và sửa chữa biển hiệu; rải nhựa đường; lắp đặt và sửa chữa thiết bị chiếu sáng; bảo dưỡng và sửa chữa động cơ xe cộ; trạm bảo dưỡng xe cộ; trạm làm dịch vụ đổ nhiên liệu và các dịch vụ khác phục vụ phương tiện giao thông mặt đất; đắp lại lốp xe; trải lớp mặt đường.

(111) **4-0096965**
(210) 4-2005-16463
(181) 06.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

HONGBA

(151) 04.03.2008
(220) 06.12.2005

(731) POWER LINK INTERNATIONAL HOLDINGS LTD. (HK)
Unit 4, 20/F, Ho Lik Centre 66A Sha Tsui Road, Tsuen Wan Hong Kong
(740) Công ty TNHH Quốc tế D &N (D & N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 07: Thiết bị uốn đèn nê-ông.

Nhóm 09: Bộ biến áp đèn nê-ông; điện cực dùng cho đèn nê-ông; các bộ phận của đèn nê-ông quảng cáo, cụ thể là vỏ bọc điện cực và giá đỡ ống đèn; bộ thử đèn điện tử; dây dẫn điện cao thế của bộ biến áp nê-ông dùng cho biển báo nê-ông; cáp dẫn điện cao thế của bộ biến áp nê-ông dùng cho biển báo nê-ông; chấn lưu điện tử; thiết bị bắn phá nê-ông; biển báo phản quang; biển báo nê-ông; biển hiệu diot phát quang; mođun chiếu sáng bằng diot phát quang; hệ thống màn hình hiển thị bằng diot phát quang, bộ biến áp điện tử; máy biến thế điện; máy đổi điện; bộ điều chỉnh độ sáng của đèn điện; ống cách điện bọc ngoài mối nối dùng cho cáp điện; chấn lưu đèn; bộ chống tăng vọt điện áp; bộ điều chỉnh chiếu sáng sân khấu.

Nhóm 11: Đèn khí đốt; ống phát quang để chiếu sáng; mỏ đốt axêtylen; đèn điện dùng cho cây Noel; số nhà có thể phát quang; đèn nháy; ống đèn nê-ông thuỷ tinh, đèn nê-ông, hộp đèn, ống thuỷ tinh dùng cho đèn nê-ông.

---

(111) **4-0096966**
(210) 4-2006-13683
(181) 21.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DASA
Soilless

(151) 04.03.2008
(220) 21.08.2006

(531) 26.4.3; A26.11.13; 9.7.1
(591) Đen, trắng, xanh lục, nâu đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẤT SẠCH (VN)
106 Nguyễn Ngọc Lộc, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Chất nền dùng để trồng trọt từ đất (đất sạch) dùng trong nông nghiệp.

---

(111) **4-0096967**
(210) 4-2006-13684
(181) 21.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 21.08.2006

(531) 9.7.1; 26.4.3; A26.11.13
(591) Đen, trắng, xanh lục, nâu đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẤT SẠCH (VN)
106 Nguyễn Ngọc Lộc, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 01: Chất nền dùng để trồng trọt từ đất (đất sinh học) dùng trong nông nghiệp.

---

(111) **4-0096968**
(210) 4-2006-17168
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TÍN THỊNH

(151) 04.03.2008
(220) 12.10.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÍN THỊNH (VN)
Số 60, Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán vàng bạc.

---

(111) **4-0096969**
(210) 4-2006-16994
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Maxlight

(151) 04.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DƯỢC NHẬT KHUÊ (VN)
0.06 chung cư C1, đường 267B Ba Tơ, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096970**
(210) 4-2006-16995
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LOVE WINDOW

(151) 04.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SENA VIỆT NAM (VN)
Số 34 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Cửa bằng kim loại thuộc nhóm này; chốt cửa; khung cửa bằng kim loại; tay nắm cửa bằng kim loại; ván cửa (Panô) bằng kim loại; phụ kiện cho cửa bằng kim loại (phụ kiện dùng để gá, lắp cửa bằng kim loại).

Nhóm 19: Cửa không làm bằng kim loại thuộc nhóm này; khung cửa không làm bằng kim loại; tấm cửa không làm bằng kim loại; cửa gập không làm bằng kim loại.

---

(111) **4-0096971**
(210) 4-2005-14026
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.1.1; A26.11.12; 7.3.11
(731) NHÀ HÀNG ĐẠI THỐNG (VN)
Số 19 Lê Đại Hành, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp đồ ăn uống của nhà hàng.

---

(111) **4-0096972**
(210) 4-2005-14824
(181) 07.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 07.11.2005

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, vàng nhạt, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH KÍNH MẮT W.Y (VN)
Số 10, ngách 15, ngõ 762 đường Bạch Đằng, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Gọng kính, mắt kính, kính đeo mắt, kính cận, kính lão.

Nhóm 35: Mua bán gọng kính, mắt kính, kính đeo mắt, kính cận, kính lão, máy đo thị lực máy mài kính, dụng cụ kiểm tra kính mắt.

---

(111) **4-0096973**
(210) 4-2005-14025
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.1.2; 26.1.10
(591) Trắng, xanh dương, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM VÀ GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG (VN)
Số 7, ngõ 592/75 đường Trường Chinh, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm tin học; thiết bị ghi truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính; đĩa ghi; thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính.

Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; dịch vụ thương mại điện tử; quảng cáo thương mại trực tuyến.

---

(111) **4-0096974**
(210) 4-2005-14035
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GIÀY THÁI BÌNH

(151) 04.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THÁI BÌNH (VN)
43/5, xã An Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Giày, dép, đồ đi chân và quần áo.

---

(111) **4-0096975**
(210) 4-2005-15100
(181) 09.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 09.11.2005

(531) 26.4.10; 8.1.19
(591) Nâu, trắng, vàng
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, các sản phẩm kem lạnh, bánh kẹo lạnh; sữa chua đông lạnh (kem sữa chua); đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, đồ tráng miệng lạnh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế trên cơ sở ca cao, đồ uống được chế trên cơ sở sô cô la; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0096976**
(210) 4-2005-15101
(181) 09.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540) 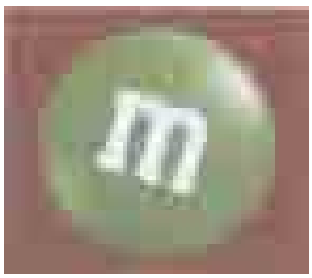

(151) 04.03.2008
(220) 09.11.2005

(531) 26.4.1; 26.1.1
(591) Nâu, trắng, xanh lá cây
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, bánh kẹo lạnh, sữa chua đông lạnh; đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ kem lạnh hoặc bánh kẹo, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ bánh kẹo hoặc nước sốt; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế biến trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ bánh kẹo; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu, không phải là tinh dầu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

(111) **4-0096977**
(210) 4-2005-15102
(181) 09.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540) 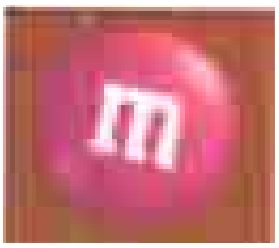

(151) 04.03.2008
(220) 09.11.2005

(531) 26.4.1; 26.1.1
(591) Nâu, trắng, đỏ
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, bánh kẹo lạnh, sữa chua đông lạnh; đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ kem lạnh hoặc bánh kẹo, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ bánh kẹo hoặc nước sốt; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế biến trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ bánh kẹo; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu, không phải là tinh dầu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0096978**
(210) 4-2005-15103
(181) 09.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 09.11.2005

(531) 26.4.1; 26.1.1
(591) Nâu, trắng, xanh nước biển
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, bánh kẹo lạnh, sữa chua đông lạnh; đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ kem lạnh hoặc bánh kẹo, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ bánh kẹo hoặc nước sốt; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế biến trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ bánh kẹo; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu, không phải là tinh dầu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0096979**
(210) 4-2005-15104
(181) 09.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 09.11.2005

(531) 26.4.1; 26.1.1
(591) Vàng, trắng, xanh nước biển
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, bánh kẹo lạnh, sữa chua đông lạnh; đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ kem lạnh hoặc bánh kẹo, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ bánh kẹo hoặc nước sốt; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế biến trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ bánh kẹo; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu, không phải là tinh dầu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0096980**
(210) 4-2005-15105
(181) 09.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 09.11.2005

(531) 26.4.1; 26.1.1
(591) Vàng, trắng, đỏ
(731) MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean, Virginia 22101-3883, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo không có thuốc chữa bệnh; kẹo que; kẹo cao su có thể thổi thành bong bóng, kẹo cao su; bánh làm từ bột nhão, bánh ngọt, bánh bích quy, bánh quy dẹt; đá ăn, kem lạnh, bánh kẹo lạnh, sữa chua đông lạnh; đồ tráng miệng được làm chủ yếu từ kem lạnh hoặc bánh kẹo, kem bọt lạnh, kem trái cây lạnh; lớp phủ lên mặt món tráng miệng được làm chủ yếu từ bánh kẹo hoặc nước sốt; đồ uống thuộc nhóm này, cụ thể là đồ uống được chế biến trên cơ sở sôcôla; đồ ăn nhanh được làm chủ yếu từ bánh kẹo; bánh nướng ngọt, sôcôla, các loại sôcôla, các sản phẩm sôcôla, các loại nước xốt bao gồm cả lớp phủ lên kem lạnh và món tráng miệng; các chất phết lên bánh có vị ngọt được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; nước xốt; hương liệu, không phải là tinh dầu; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

(111) **4-0096981**
(210) 4-2006-00131
(181) 04.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SANBENEURA

(151) 04.03.2008
(220) 04.01.2006

(731) PT SANBE FARMA (ID)
Jl. Taman Sari No. 10 Bandung - 40116 West Java, Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096982**
(210) 4-2007-01939
(181) 02.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

TERFEROL

(151) 04.03.2008
(220) 02.04.2007

(731) SINENSIX & CO. (GB)
HBC12, 83 Gordon Street, Huntly, AB54 8 FG, Scotland
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096983**
(210) 4-2005-12500
(181) 23.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 23.09.2005

(591) Xanh lá cây, nâu đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHÁNH VŨ (VN)
238/359F, quốc lộ 1A, ấp 7, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Bu lông; đai ốc; vít; đinh; lò xo tất cả bằng kim loại.

Nhóm 09: Công tắc điện; ổ cắm điện; chấn lưu (ba lát).

Nhóm 11: Đèn; máng đèn; bóng đèn; tắc te dùng cho đèn.

---

(111) **4-0096984**
(210) 4-2004-11676
(181) 27.10.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

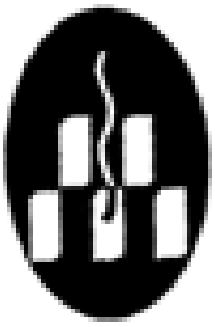

(151) 04.03.2008
(220) 27.10.2004

(531) 26.1.2; 13.1.1
(731) MONITA TRADEMARK LIMITED (HK)
Units 801-5, Miramar Tower, 132-134 Nathan Road, Tsimshatsui, Kowloon, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Kem rửa tay; mỹ phẩm dùng để tắm; son bôi môi; cây bông dùng để trang điểm; bông lau dùng cho mỹ phẩm; mặt nạ làm đẹp; mặt nạ (trang điểm); kem (làm trắng da); kem làm trắng da; chất đánh bóng móng tay; thuốc màu sơn móng tay; chất để trang điểm; mi mắt giả; mỹ phẩm dùng để đánh mi mắt; nước hoa cô-lo-nhơ; đồ mỹ phẩm; mỹ phẩm trang điểm; sợi bông dùng trong trang điểm; bút chì dùng để trang điểm; kem mỹ phẩm; chất tẩy trang; chất tẩy véc ni; nước hoa oải hương; nước hoa; nước có hương thơm (dùng để bôi lên da); chất làm rụng lông; chế phẩm làm rụng lông; sáp làm rụng lông; đồ trang điểm; nước thơm dùng làm mỹ phẩm; đồ vệ sinh dùng cho trang điểm; mỹ phẩm dùng cho lông mày; nước hoa; móng tay giả; chất chăm sóc móng tay; mỹ phẩm để chăm sóc da; sáp thơm dùng cho mục đích mỹ phẩm; phấn trang điểm; phấn (trang điểm); bút chì kẻ lông mày; bút chì (kẻ lông mày); chất chống chảy nhiều mồ hôi; nước sữa chiết xuất từ quả hạnh dùng cho mục đích trang điểm; chất chống nắng; mỹ phẩm dùng để làm cho người thon thả hơn; chất dính mi mắt giả; kem chống nếp nhăn; kem làm trắng; kem trị mụn trứng cá không chứa dược chất; chất tẩy tàn nhang; sáp môi; mỹ phẩm bôi vào mắt.

---

(111) **4-0096985**
(210) 4-2007-01936
(181) 02.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

BENARTROL

(151) 04.03.2008
(220) 02.04.2007

(731) SINENSIX & CO. (GB)
HBC12, 83 Gordon Street, Huntly, AB54 8 FG, Scotland
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096986**
(210) 4-2005-05915
(181) 23.05.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 23.05.2005

(531) 3.7.17; 26.1.1
(591) Xanh xám, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM VIAMI (VN)
139 phố Trung Kính, tổ 39, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính, chương trình máy tính.

---

(111) **4-0096987**
(210) 4-2005-06767
(181) 07.06.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 07.06.2005

(531) 4.5.3; 4.5.2; A1.1.12; 26.1.2
(591) Đỏ, xanh da trời, vàng, tím, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THĂNG XUYÊN VIỆT NAM (VN)
Đường số 3, khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Giường, khung treo quần áo, kệ giá (loại to) bằng sắt và các kim loại thường hoặc hợp kim của chúng thuộc nhóm này.

Nhóm 20: Bàn để máy tính, giường, giá, kệ được làm bằng gỗ hoặc nguyên liệu chủ yếu là bằng gỗ thuộc nhóm này; bàn, ghế được làm bằng gỗ hoặc nguyên liệu chủ yếu là bằng gỗ thuộc nhóm này hoặc bằng sắt và các kim loại thường hoặc hợp kim của chúng.

Nhóm 28: Dụng cụ thể thao như: lò xo kéo vận động, dụng cụ đi bộ trên không để kết hợp vận động toàn thân, xe đạp vận động tại chỗ, giá đi bộ tại chỗ (theo kiểu nhấn và đạp chân tại chỗ), đĩa xoay, ghế ngồi kéo tay (vận động tay giống như động tác chèo thuyền); máy tập thể dục đa năng, máy chạy bộ.

---

(111) **4-0096988**
(210) 4-2005-13141
(181) 06.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 06.10.2005

(531) 18.3.2; 26.1.1
(731) TRẦN MINH QUÂN (VN)
Xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

Nhóm 30: Nước tương.

---

(111) **4-0096989**
(210) 4-2005-14015
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

METAMENT

(151) 04.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHÒNG TRỪ MỐI (VN)
267 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt trừ mối.

---

(111) **4-0096990**
(210) 4-2005-14016
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

METAEFFECT

(151) 04.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHÒNG TRỪ MỐI (VN)
267 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc diệt trừ mối.

---

(111) **4-0096991**
(210) 4-2005-14964
(181) 08.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 04.03.2008
(220) 08.11.2005

(531) 3.7.10
(591) Đỏ, trắng, xanh dương, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DOANH DOANH (VN)
D4/29 ấp 4, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Đá cắt (dùng cho máy cắt).

---

(111) **4-0096992**
(210) 4-2005-12643
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

VINROCEF

(151) 04.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096993**
(210) 4-2005-12644
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

RATYLNO

(151) 04.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096994**
(210) 4-2005-12645
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MICROLUSS

(151) 04.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096995**
(210) 4-2005-12646
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MICRONOIR

(151) 04.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096996**
(210) 4-2005-12647
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

TOLIPCIN

(151) 04.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096997**
(210) 4-2005-12648
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MICROTUFF

(151) 04.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096998**
(210) 4-2005-12652
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZICOPAM

(151) 04.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0096999**
(210) 4-2005-12653
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

LOFIRINEX

(151) 04.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097000**
(210) 4-2005-12654
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DEFIROCIN

(151) 04.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) MICRO LABS LIMITED (IN)
58C/12, Singasandra Post, Hosur Road, Kudulu, Anekal Taluk, Bangalore - 560068, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097001**
(210) 4-2005-17816
(181) 29.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 29.12.2005

(531) 5.7.3; 3.7.1; A24.1.9; A24.1.10; A1.1.10
(591) Xanh tím, vàng, đỏ, cỏ úa
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT.SNA (VN)
901 Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 45: Dịch vụ bảo vệ.

---

(111) **4-0097002**
(210) 4-2005-12199
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) A5.5.21
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĂN PHÒNG PHẨM VÀ BÚT BI BẾN NGHÉ (VN)
250 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm, cụ thể là: bút viết; mực; thước kẻ; keo dán; bảng học sinh.

---

(111) **4-0097003**
(210) 4-2005-15273
(181) 11.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 11.11.2005

(531) 24.15.1; 24.17.15; A5.1.16
(591) Xanh lá cây, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TIẾN PHÁT (VN)
494 đại lộ Bình Dương, khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y; thuốc dùng cho thủy sản.

Nhóm 31: Thức ăn cho gia súc; thức ăn cho gia cầm; thức ăn cho thủy sản.

---

(111) **4-0097004**
(210) 4-2005-17094
(181) 15.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

PÉPITO

(151) 05.03.2008
(220) 15.12.2005

(731) LU FRANCE (FR)
3 Rue Saarinen, Batiment Saarinen, 94150 Rungis, France
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh mì; bánh bít cốt; bánh quy ngọt; bánh quy có vị mặn; bánh xốp; bánh quế, bánh ngọt; bánh bao; tất cả các sản phẩm này ở dạng đơn giản và/hoặc bọc ngoài và/hoặc làm đầy (làm căng phồng) và/hoặc có hương vị; món khai vị ngọt gồm bánh mì, bánh quy hoặc bánh bao; món khai vị mặn gồm bánh mì, bánh quy hoặc bánh bao.

---

(111) **4-0097005**
(210) 4-2005-14487
(181) 31.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 31.10.2005

(531) 20.7.1; 26.4.1; 3.7.17; A1.1.2; 7.1.24
(591) Màu đỏ cờ, màu trắng
(731) TRƯỜNG TIỂU HỌC DÂN LẬP TÔ HIẾN THÀNH (VN)
Ngõ 487 phố Kim Ngưu, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Giáo dục đào tạo.

---

(111) **4-0097006**
(210) 4-2005-12153
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

Kingpro

(151) 05.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ HÀ THÀNH (VN)
Lô 34 B9, khu đô thị Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy hút bụi các loại; máy rửa bát đĩa; máy xay sinh tố, ép trái cây.

Nhóm 09: Bàn là dùng điện.

Nhóm 11: Nồi cơm điện; lò nướng; lò vi sóng; ấm điện; máy sấy tóc; quạt đá.

---

(111) **4-0097007**
(210) 4-2005-17069
(181) 15.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALTUNKAYA TEA

(151) 05.03.2008
(220) 15.12.2005

(731) ALTUNKAYA INS. NAK. GIDA TIC. A.S. (TR)
Gazimuhtarpasa Bulvari Kalyon, Is Merkezi K:4, No:14, Gaziantep, Turkey
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 30: Trà; cà phê; cà phê hoà tan; đường; trà thảo mộc (không dùng cho mục đích y tế); ca-cao; bạch đậu khấu (loại hạt gia vị); chất thay thế cà phê; gạo.

---

(111) **4-0097008**
(210) 4-2005-14034
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHÚ GIA

(151) 05.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM (VN)
6/1 B Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, cháo ăn liền, bột gia vị, sản phẩm tinh bột làm thực phẩm, bánh snack, bánh phồng tôm.

---

(111) **4-0097009**
(210) 4-2005-16519
(181) 06.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DIVX

(151) 05.03.2008
(220) 06.12.2005

(731) DIVX, INC. (US)
4780 Eastgate Mall, San Diego, California 92121, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy vi tính phục vụ cho việc tải, truyền và chia sẻ thông tin được truyền bằng âm thanh, hình ảnh và các loại truyền thông đa phương tiện khác; phần mềm máy vi tính phục vụ cho việc tải, truyền và chia sẻ thông tin được truyền bằng âm thanh, hình ảnh và các loại truyền thông đa phương tiện khác; thiết bị và dụng cụ quang học; vật mang dữ liệu từ tính; thiết bị xử lý dữ liệu; và máy vi tính.

Nhóm 35: Quảng cáo; quản lý kinh doanh.

Nhóm 42: Dịch vụ kiểm tra hàng hóa của người khác nhằm mục đích chứng nhận; dịch vụ phân tích hàng hóa của người khác nhằm mục đích chứng nhận; dịch vụ đánh giá hàng hóa của người khác nhằm mục đích chứng nhận; li-xăng phần mềm máy vi tính.

---

(111) **4-0097010**
(210) 4-2006-02235
(181) 17.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VacoDedian

(151) 05.03.2008
(220) 17.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM (VN)
59 Nguyễn Huệ, phường 1, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097011**
(210) 4-2006-02236
(181) 17.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 17.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM (VN)
59 Nguyễn Huệ, phường 1, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097012**
(210) 4-2006-02502
(181) 23.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 23.02.2006

(591) Đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ANH LAN PHƯƠNG (VN)
1/108 Hoà Lân, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Nước mắm, mắm nêm, mắm tôm, mắm ruốc và hạt nêm từ thịt.

Nhóm 30: Nước tương, sa tế, gia vị, tương ớt, tương cà chua, tương xí muội.

---

(111) **4-0097013**
(210) 4-2006-02503
(181) 23.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIỆT TÂY

(151) 05.03.2008
(220) 23.02.2006

(731) CƠ SỞ VIỆT TÂN (VN)
603/17 Trường Chinh, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần áo thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097014**
(210) 4-2006-02568
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 24.02.2006

(591) Đen, xanh dương, xám
(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG XANH CƠ BẢN (VN)
40 - 42 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo jeans; quần áo kaki; áo thun nam nữ; áo polo nam nữ; nón; dây nịt bằng chất liệu vải dù dùng kèm với quần áo kaki.

---

(111) **4-0097015**
(210) 4-2006-13687
(181) 21.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 21.08.2006

(531) 7.1.24; 7.1.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾN PHÁT (VN)
Số 13, ngõ số 10, đường Đặng Tất, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

(511) Nhóm 02: Sơn tường (sơn nhũ tương).

---

(111) **4-0097016**
(210) 4-2006-02365
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 21.02.2006

(531) 26.1.2; 26.3.23
(591) Xanh lá cây, đen, trắng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ SAIGON MOMENT SALON (VN)
D1-01 Lô R19 - 1KP Mỹ Toàn 3, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ cung cấp hoa tươi, hoa khô dùng để trang trí.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, quán ăn và quán giải khát.

Nhóm 44: Dịch vụ tư vấn về chăm sóc da và thẩm mỹ, dịch vụ thẩm mỹ, thẩm mỹ viện và dịch vụ chăm sóc sức khoẻ.

---

(111) **4-0097017**
(210) 4-2006-02394
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CROWNLAND RESORT

(151) 05.03.2008
(220) 22.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỒNG QUANG (VN)
162/7 Bình Lợi, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành trong nước, quốc tế; dịch vụ vận chuyển hành khách du lịch bằng đường bộ, đường thuỷ; dịch vụ du lịch biển.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, dịch vụ khách sạn, cho thuê nhà nghỉ mát bãi biển (resort).

---

(111) **4-0097018**
(210) 4-2006-02128
(181) 16.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KOOLFEVER

(151) 05.03.2008
(220) 16.02.2006

(731) KOBAYASHI SEIYAKU KABUSHIKI KAISHA, D.B.A KOBAYASHI PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)
3-6 Doshomachi 4-Chome, Chuo-ku, Osaka, Japan
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Cao dán; vật liệu để băng bó; cao dán dính; băng dính dùng cho mục đích y tế; gel dùng cho mục đích y tế; cao dán dùng cho mục đích y tế; cao dán có chất dính; gel dính hoặc miếng dính dùng cho mục đích y tế; miếng hoặc tấm chứa gel để làm mát dùng cho mục đích y tế; miếng hoặc tấm chứa gel để hấp thụ nhiệt hoặc phân tán nhiệt dùng cho mục đích y tế; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 10: Túi chứa gel dùng cho mục đích y tế, gối hoặc đệm chứa gel để làm mát dùng cho mục đích y tế; túi chứa gel để hấp thụ nhiệt hoặc phân tán nhiệt dùng cho mục đích y tế, tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097019**
(210) 4-2006-04835
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 03.04.2006

(531) 11.3.1; 1.5.1
(591) Vàng, vàng đậm, vàng nâu, đỏ, xanh lam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HỘI CHỢ TRIỂN LÃM BẮC HÀ (VN)
36 An Trạch, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ tổ chức hội chợ triển lãm thương mại.

---

(111) **4-0097020**
(210) 4-2006-14164
(181) 28.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TINH HOA

(151) 05.03.2008
(220) 28.08.2006

(731) CƠ SỞ Y DƯỢC TINH HOA (VN)
Thôn Trung Tâm, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 44: Dịch vụ y tế.

---

(111) **4-0097021**
(210) 4-2005-10511
(181) 18.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 18.08.2005

(531) 4.3.3
(591) Màu vàng, màu đỏ, màu xanh
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH HUÂN (VN)
129 Hà Tôn Quyền, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán vải, sợi.

---

(111) **4-0097022**
(210) 4-2005-03401
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.1; 26.1.2; 8.7.5; A17.1.9
(591) Vàng, vàng kem, vàng đậm, đỏ, trắng, đen, xanh tím, xanh dương, da cam, hồng đậm, xanh lá cây, ghi
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097023**
(210) 4-2005-03402
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.1; 26.1.2; A17.1.9; 8.7.5
(591) Vàng, vàng kem, đỏ, trắng, đen, xanh tím, xanh dương, da cam, hồng, hồng phấn, xanh lá cây, ghi nhạt, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097024**
(210) 4-2005-03403
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 8.7.5
(591) Vàng, vàng kem, đỏ, trắng, đen, xanh tím, xanh dương, da cam, đỏ gạch, xanh lá cây, ghi nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097025**
(210) 4-2005-03404
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 8.7.5
(591) Vàng, vàng kem, vàng đậm, da cam, đỏ, trắng, đen, xanh tím, xanh dương, xanh lá cây, ghi nhạt, đỏ cam
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097026**
(210) 4-2005-03405
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 8.7.5
(591) Vàng, vàng kem, da cam, đỏ gạch, đỏ, trắng, đen, xanh tím, xanh dương, xanh lá cây, ghi nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097027**
(210) 4-2005-10686
(181) 22.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 22.08.2005

(531) 26.3.23; 26.13.25; 26.3.1
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ ANH NGỮ QUỐC TẾ TINH TÚ (VN)
193 đường 3/2, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Dạy tiếng Anh.

---

(111) **4-0097028**
(210) 4-2005-11703
(181) 09.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 09.09.2005

(531) 26.1.1; 1.15.23
(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NHÂN LỰC (VN)
Số 282 đường Nguyễn Trãi, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Tư vấn trong tổ chức và điều hành kinh doanh; nghiên cứu kinh doanh; tư vấn nghiệp vụ về thương mại; cung ứng nhân lực; nghiên cứu thị trường; tư vấn các vấn đề về nhân sự.

Nhóm 41: Tổ chức các khoá dạy nghề; đào tạo dạy nghề.

---

(111) **4-0097029**
(210) 4-2005-12093
(181) 16.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 16.09.2005

(531) 3.9.1; A5.5.21; 8.7.5; A11.3.20
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh dương, xanh ngọc
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM PATAYA (VIỆT NAM) (VN)
Lô 44, khu công nghiệp Trà Nóc 1, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Sản phẩm thủy sản được đóng hộp, đông lạnh và thanh trùng, cụ thể là: cá, cua, ghẹ, tôm, động vật giáp xác, động vật có vỏ, bột cá dùng cho người.

---

(111) **4-0097030**
(210) 4-2005-12499
(181) 23.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ValuNet

(151) 05.03.2008
(220) 23.09.2005

(731) SGS SOCIETE GENERALE DE SURVEILLANCE SA (CH)
1, place des Alpes, CH - 1201 Geneva
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Nghiên cứu thống kê liên quan đến giá tính thuế xuất nhập khẩu của hàng hóa và thuế xuất nhập khẩu; biên soạn và quản lý dữ liệu trong cơ sở dữ liệu gồm các báo cáo về mức định giá tính thuế xuất nhập khẩu của hàng hóa; kiểm soát hóa đơn và chứng từ thương mại, quản lý hệ thống được vi tính hoá để tham khảo tài liệu.

Nhóm 36: Đánh giá tài chính giá tính thuế xuất nhập khẩu của hàng hóa.

Nhóm 39: Lưu dữ liệu tại cơ sở dữ liệu bao gồm các báo cáo đánh giá giá tính thuế xuất nhập khẩu của hàng hóa.

Nhóm 41: Dịch vụ đào tạo trong lĩnh vực đánh giá giá tính thuế xuất nhập khẩu của hàng hóa.

Nhóm 42: Phân tích và kiểm tra thông tin ghi trong các tờ khai thuế nhập khẩu hàng hóa; thẩm tra giá tính thuế xuất nhập khẩu của hàng hóa căn cứ theo các luật lệ định giá tính thuế xuất nhập khẩu của tổ chức thương mại thế giới; kiểm tra và xác minh chất lượng và số lượng hàng hóa, nguyên liệu, đã qua chế biến, được chế biến một phần, biến đổi hoặc hàng hóa thuộc bất kỳ loại khác; chứng nhận hàng hóa, nguyên liệu, đã qua chế biến, được chế biến một phần, biến đổi hoặc hàng hóa thuộc bất kỳ loại khác.

---

(111) **4-0097031**
(210) 4-2005-12828
(181) 30.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

Cortimycin

(151) 05.03.2008
(220) 30.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM (VN)
59 Nguyễn Huệ, phường 1, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097032**
(210) 4-2005-12829
(181) 30.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NEO VINACIN

(151) 05.03.2008
(220) 30.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM (VN)
59 Nguyễn Huệ, phường 1, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097033**
(210) 4-2005-12832
(181) 30.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.09.2005

(531) A25.7.3; A25.7.4; 25.7.25
(591) Trắng, xanh dương, xanh đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH - BẤT ĐỘNG SẢN PHÚ HOÀNG THIÊN (VN)
1469 D1-14, lô H3, khu phố Mỹ Toàn 1, đại lộ Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ môi giới bất động sản; cho thuê nhà.

---

(111) **4-0097034**
(210) 4-2005-12834
(181) 30.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

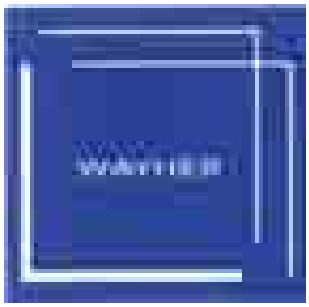

(151) 05.03.2008
(220) 30.09.2005

(531) 26.3.23; 26.4.1
(591) Trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VĨ HỢP (VN)
Ấp Bàu Cạp, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Các phụ kiện bằng kim loại, cụ thể là: bản lề cửa; tay nắm cửa; chốt cửa; thanh đỡ hình góc vuông, móc cửa, sắt ê-ke.

---

(111) **4-0097035**
(210) 4-2005-14482
(181) 28.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 28.10.2005

(531) A26.11.12; 26.13.25
(591) Xanh dương đậm, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIETNAM INTERNATIONAL PRODUCTION (VN)
Khu công nghiệp Long Bình hiện đại, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 20: Đệm dùng cho ghế; nệm gối; gối cho chó mèo; đệm cho chó mèo.

Nhóm 24: Chăn; chăn lông; áo gối; khăn trải bàn bằng vải.

---

(111) **4-0097036**
(210) 4-2005-14484
(181) 28.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

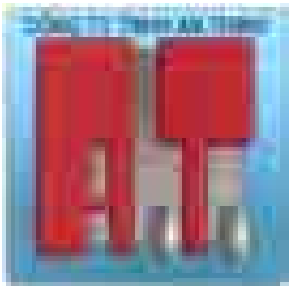

(151) 05.03.2008
(220) 28.10.2005

(531) 26.4.1; 26.13.25; 18.1.21
(591) Đỏ, xanh da trời, xám, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN AN THỊNH (VN)
22 Hải Triều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hàng hóa; vận chuyển khách du lịch; vận tải hành khách bằng ô tô.

---

(111) **4-0097037**
(210) 4-2005-13355
(181) 11.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 11.10.2005

(731) ĐÀM TRỌNG DŨNG (VN)
Phòng 204, A4, tập thể Hào Nam, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Vòi; bệ xí nhà vệ sinh; buồng tắm hương sen; vòi tắm hoa sen; bồn rửa bát; chậu rửa (bộ phận của thiết bị vệ sinh).

Nhóm 19: Gạch; tấm ván sàn; tấm lát sàn - không bằng kim loại; cửa gập - không bằng kim loại; gỗ lát tường sàn.

Nhóm 20: Đồ gỗ văn phòng; khung giường - bằng gỗ; giường; gương soi; đệm lò xo; gối.

Nhóm 24: Chăn mền giường; vải phủ giường - khăn phủ giường; vải trải giường; chăn du lịch; áo gối; khăn tắm - trừ quần áo.

---

(111) **4-0097038**
(210) 4-2005-12657
(181) 28.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

PANZOLIN-1

(151) 05.03.2008
(220) 28.09.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY (VN)
80 Quang Trung, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 05: Thuốc và dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0097039**
(210) 4-2005-05916
(181) 23.05.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

TATHYMON
Soft Capsules

(151) 05.03.2008
(220) 23.05.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN HÀ THANH (VN)
Số 5, ngõ 114, phố Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Sản phẩm: thuốc nước y tế, thuốc uống dùng trong ngành y, thuốc dùng cho con người, thuốc bổ thần kinh, dược phẩm, thuốc bổ.

---

(111) **4-0097040**
(210) 4-2005-09230
(181) 26.07.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DAISVAN

(151) 05.03.2008
(220) 26.07.2005

(731) ĐÁI DUY BAN (VN)
Số 506 B3, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; vắc xin; chế phẩm thú y; chế phẩm diệt trùng; dược thảo; chế phẩm chống ký sinh trùng.

---

(111) **4-0097041**
(210) 4-2005-03406
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 8.7.5
(591) Vàng, vàng kem, da cam, hồng hoa mười giờ, đỏ, trắng, đen, xanh tím, xanh dương, xanh lá cây, ghi nhạt, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097042**
(210) 4-2005-03407
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 8.7.5
(591) Vàng, vàng kem, da cam, xanh lá mạ, xanh vàng, đỏ, trắng, đen, xanh tím, xanh dương, xanh lá cây, ghi nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097043**
(210) 4-2005-03408
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 26.4.2
(591) Da cam, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097044**
(210) 4-2005-03409
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 26.4.2
(591) Hồng, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097045**
(210) 4-2005-03410
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 26.4.2
(591) Hồng cánh sen, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

(111) **4-0097046**
(210) 4-2005-03411
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 26.4.2
(591) Vàng đậm, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097047**
(210) 4-2005-03412
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

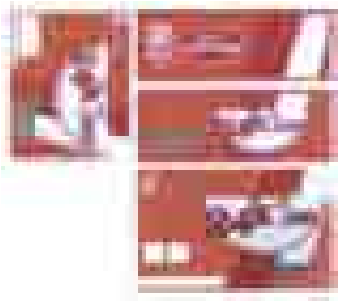

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 26.4.2
(591) Đỏ gạch, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097048**
(210) 4-2005-03413
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 26.4.2
(591) Vàng kem, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

(111) **4-0097049**
(210) 4-2005-03414
(181) 30.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 30.03.2005

(531) 2.5.2; 26.1.2; A17.1.9; 26.4.2
(591) Xanh vàng, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền.

---

(111) **4-0097050**
(210) 4-2005-05798
(181) 19.05.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 19.05.2005

(531) 26.1.2; A19.13.7
(591) Đen, trắng, xám, xanh
(731) VÕ VĂN TƯỜNG (VN)
249 Ông ích Khiêm, phường Hải Châu 2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 10: Thiết bị y tế cụ thể: vòng bọc hậu môn nhân tạo.

---

(111) **4-0097051**
(210) 4-2006-03594
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NIVIR

(151) 05.03.2008
(220) 15.03.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097052**
(210) 4-2006-03595
(181) 15.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

POFEMEL

(151) 05.03.2008
(220) 15.03.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097053**
(210) 4-2006-03702
(181) 16.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 16.03.2006

(531) A1.3.7; 1.3.1; 2.9.14
(591) Vàng, trắng, đỏ
(731) CAO ĐỨC THỊNH (VN)
47B Lý Quốc Sư, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 25: Quần áo; đồ đi chân; găng tay (quần áo); khẩu trang; mũ và nón.

---

(111) **4-0097054**
(210) 4-2006-03299
(181) 09.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 09.03.2006

(731) FO SUN SIAW @ SIAUW FO SUN (SINGAPORE CITIZEN PASSPORT No. S2223500A) (SG)
No 623 Aljunied Road #02-05 Singapore 389835
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 24: Vải in hoa; vải dệt dùng để may quần áo; tấm vải dệt dùng để may quần áo; vải dệt dùng để phủ đồ đạc; vải dệt dùng để trang trí nội thất; vải dệt làm từ các vật liệu tổng hợp.

---

(111) **4-0097055**
(210) 4-2006-03403
(181) 13.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 13.03.2006

(531) A25.1.10; 5.13.4; A12.1.9; 23.1.1; 23.1.25
(591) Màu vàng, đỏ, nâu, trắng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG YÊN (VN)
Số 125, tổ 31, đường Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Kinh doanh dịch vụ ăn uống; dịch vụ ăn uống trong khách sạn, nhà hàng.

---

(111) **4-0097056**
(210) 4-2006-03773
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 17.03.2006

(531) A5.3.14; A26.11.12
(591) Xanh dương nhạt, xanh dương, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TERRACO VIỆT NAM (VN)
Xã Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (trừ sơn tĩnh điện, cách nhiệt).

---

(111) **4-0097057**
(210) 4-2005-09879
(181) 05.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 05.08.2005

(531) 2.9.14; A26.4.14
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MẮT KÍNH THÁI HƯNG THỊNH (VN)
Số 61/16 Thạch Lam, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán mắt kính, gọng kính và tròng kính.

---

(111) **4-0097058**
(210) 4-2006-06857
(181) 04.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HER JUNE

(151) 05.03.2008
(220) 04.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0097059**
(210) 4-2006-06879
(181) 05.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KLARESPON

(151) 05.03.2008
(220) 05.05.2006

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey. U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097060**
(210) 4-2006-20197
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MACMIROR

(151) 05.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) POLICHEM S.A. (LU)
50, Val Fleuri L - 1526 Luxembourg
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Sản phẩm dược, sản phẩm thú y, sản phẩm vệ sinh dùng trong ngành y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y, thực phẩm cho trẻ em; cao dán, vật liệu dùng để băng bó; vật liệu để hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm, chất diệt cỏ.

---

(111) **4-0097061**
(210) 4-2006-07670
(181) 18.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

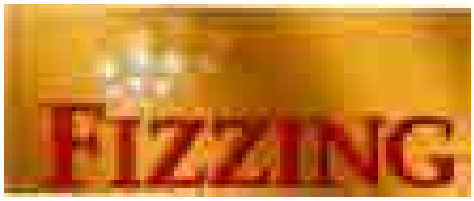

(151) 05.03.2008
(220) 18.05.2006

(531) 1.15.21
(591) Đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG KHANH (VN)
117/28 Bàn Cờ, phường 3, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Nước rửa nữ trang.

---

(111) **4-0097062**
(210) 4-2006-04175
(181) 23.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 23.03.2006

(531) 26.4.2; A26.11.13; 20.5.7
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ BÁ HÙNG (VN)
8/11 A Chánh Hưng, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Thiết bị âm thanh: loa, bộ khuyếch đại âm thanh, thiết bị xử lý âm thanh, micrô, bộ trộn âm thanh.

---

(111) **4-0097063**
(210) 4-2006-08953
(181) 09.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

WINTIME

(151) 05.03.2008
(220) 09.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ NGỌC ANH (VN)
60 - 60A - 60B Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0097064**
(210) 4-2006-14084
(181) 28.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 28.08.2006

(731) CUYO INTERNATIONAL LIMITED (HK)
12/FL Lising Court, Suite "A", 34-36 Granville Rd, Tsimshatsui, Kowloon, Hong Kong
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 18: Túi xách tay; túi xách dành cho phụ nữ; túi xách tay dành cho phụ nữ không bằng kim loại quý.

---

(111) **4-0097065**
(210) 4-2006-00669
(181) 13.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MAGTRATION

(151) 05.03.2008
(220) 13.01.2006

(731) PRECISION SYSTEM SCIENCE CO., LTD. (JP)
88, Kamihongou, Matsudo - shi, Chiba 271 - 0064, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ dùng trong phòng thí nghiệm cụ thể là dụng cụ tự động dùng để tách riêng các hoá chất dùng trong phòng thí nghiệm và thiết bị dùng để phân tích gien từ mẫu vi sinh học dùng trong phòng thí nghiệm; thiết bị đo từ tính gắn liền với ống hút dùng trong phòng thí nghiệm; dụng cụ pha chế thuốc dùng trong phòng thí nghiệm; mẫu vật có khả năng kiểm tra hạt từ tính dùng trong phòng thí nghiệm; bình đựng chất phản ứng dùng trong phòng thí nghiệm; thiết bị tách hoá chất dùng trong phòng thí nghiệm; thiết bị chiết hoá chất dùng trong phòng thí nghiệm; dụng cụ lọc hoá chất dùng trong phòng thí nghiệm; dụng cụ làm cô đặc hoặc pha loãng hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm; đĩa đựng chất thử hóa học dùng trong phòng thí nghiệm; lọ đựng chất phản ứng hoá học dùng trong phòng thí nghiệm; bình đựng chất hóa học dùng trong phòng thí nghiệm; vật mang vi khuẩn dùng trong phòng thí nghiệm; dụng cụ dùng để truyền và xử lý hoá chất và chất vi sinh đựng trong lọ dùng trong phòng thí nghiệm; thiết bị đo và thiết bị phân tích (không dùng cho ngành y); máy kiểm tra và đo từ tính hoặc điện; máy móc và thiết bị điện tử và các bộ phận của chúng cụ thể là: bộ xử lý trung tâm (máy tính); phần cứng máy tính và phần mềm máy tính (tất cả dùng để thử, phân tích, nghiên cứu cấu tử cơ bản của tế bào di truyền, axit rebonucleic, nhân tế bào, tế bào, đa tế bào, chất đạm, hydrat-cacbon, kháng thể, sinh kháng thể và hợp chất phân tử cao); máy điện phân; pin điện phân; ấn phẩm điện tử được tải xuống nhằm cung cấp thông tin vào sách hướng dẫn thực hành.

Nhóm 10: Thiết bị và dụng cụ y tế; thiết bị chuẩn đoán bệnh dùng trong ngành y.

(111) **4-0097066**
(210) 4-2006-00670
(181) 13.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DUMEX

(151) 05.03.2008
(220) 13.01.2006

(731) INTERNATIONAL NUTRITION CO. LTD. A/S (DK)
Indiakaj 20, 2100 Copenhagen, Denmark
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và chế phẩm thú y; chất kiêng (ăn uống) dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em dùng trong ngành y; cao dán dùng trong ngành y; chế phẩm để hàn răng (dùng trong ngành y); chế phẩm để in dấu răng (dùng trong ngành y); chất tẩy uế; chất diệt động vật có hại; chất diệt nấm; chất diệt cỏ.

---

(111) **4-0097067**
(210) 4-2006-04535
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) 19.7.1; A5.7.22
(591) Da cam, xanh hòa bình, trắng, đen, xanh lá cây, vàng nhạt, đỏ
(731) THE COCA-COLA COMPANY (US)
One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 32: Bia; nước khoáng; nước có ga; đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả; nước ép hoa quả; xi- rô; chế phẩm để làm đồ uống.

---

(111) **4-0097068**
(210) 4-2006-08498
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 02.06.2006

(531) 3.7.17; A9.3.19; A9.3.20
(731) RIGHT - ON COMPANY LTD. (JP)
37-1, Higashiarai, Tsukuba- shi, Ibaraki-ken, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 25: Quần áo; quần ngắn bó ống; áo dệt kim cộc tay; áo mặc để chơi môn pôlô (người chơi cưỡi ngựa và dùng cái chày có cán dài đánh quả bóng vào trong cầu môn); áo lót thấm mồ hôi; áo len dài tay; áo may ô thể thao; găng tay (đi kèm quần áo); bít tất ngắn cổ; thắt lưng (đi kèm quần áo); giày; giầy thể thao; giày ủng để leo núi; dép; khăn trùm đầu của phụ nữ (đi kèm quần áo); mũ lưỡi trai; mũ.

---

(111) **4-0097069**
(210) 4-2006-08499
(181) 02.06.2016
(300) 2006-39830 28.04.2006 JP
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 02.06.2006

(531) 26.1.2
(731) KANEDA CO., LTD. (JP)
9-15, Chuo 2-chome, Ota-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 16: Văn phòng phẩm cụ thể là: bìa rời để đóng sách theo cách có thể tháo rời từng tờ; bìa rời đục lỗ để xâu vòng qua dùng để đóng sách; bìa rời dùng để đóng sách có thể kẹp lại được.

---

(111) **4-0097070**
(210) 4-2006-10220
(181) 30.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

eMap

(151) 05.03.2008
(220) 30.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH TIN HỌC EK (VN)
Phòng 1501, nhà 17T4, khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0097071**
(210) 4-2006-14101
(181) 28.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 28.08.2006

(531) 26.4.7; 26.4.9
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP THỊ TRƯỜNG HOÀNG GIA VIỆT NAM (VN)
Số 27 phố Trúc Bạch, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ thư viện, tổ chức trình diễn, giải trí truyền hình, dịch vụ câu lạc bộ sức khoẻ; dịch vụ câu lạc bộ toạ đàm giáo dục.

Nhóm 43: Dịch vụ quán cà phê giải khát, dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0097072**
(210) 4-2006-00967
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 18.01.2006

(531) A1.5.3; 5.13.4; A7.1.12; 5.7.3
(591) Đỏ, xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THANH LỘC (VN)
Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 30: Hủ tiếu, bánh phở.

---

(111) **4-0097073**
(210) 4-2006-00968
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

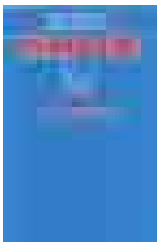

(151) 05.03.2008
(220) 18.01.2006

(531) A1.5.3; 5.13.4; 5.7.3
(591) Xanh da trời đậm, xanh da trời nhat, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THANH LỘC (VN)
Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 30: Hủ tiếu, bánh phở.

---

(111) **4-0097074**
(210) 4-2006-00969
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

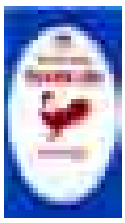

(151) 05.03.2008
(220) 18.01.2006

(531) A1.5.3; 5.13.4; 5.7.3; 3.7.3
(591) Xanh da trời, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THANH LỘC (VN)
Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 30: Hủ tiếu, bánh phở.

---

(111) **4-0097075**
(210) 4-2006-03910
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TOTINO

(151) 05.03.2008
(220) 20.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HIỀN ANH (VN)
Cụm công nghiệp An Khánh, km10 đường Láng - Hoà Lạc, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm nhựa, cơ kim khí, phụ tùng ô tô, xe máy, hàng tiêu dùng; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá; mua bán nông lâm, thuỷ hải sản, lương thực, thực phẩm; mua bán vật tư, thiết bị và phương tiện giao thông vận tải; mua bán các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, cây công trình; mua bán các thiết bị, phụ kiện bể bơi; mua bán các thiết bị điều hoà không khí và các thiết bị lạnh công nghiệp, dân dụng.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi vừa và nhỏ; xây dựng, lắp đặt và sửa chữa bể bơi và các thiết bị phụ kiện bể bơi; lắp đặt thiết bị điều hoà không khí, thiết bị lạnh công nghiệp và dân dụng.

---

(111) **4-0097076**
(210) 4-2006-03911
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TOITINO

(151) 05.03.2008
(220) 20.03.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HIỀN ANH (VN)
Cụm công nghiệp An Khánh, km10 đường Láng - Hoà Lạc, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm nhựa, cơ kim khí, phụ tùng ô tô, xe máy, hàng tiêu dùng; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá; mua bán nông lâm, thuỷ hải sản, lương thực, thực phẩm; mua bán vật tư, thiết bị và phương tiện giao thông vận tải; mua bán các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, cây công trình; mua bán các thiết bị, phụ kiện bể bơi; mua bán các thiết bị điều hoà không khí và các thiết bị lạnh công nghiệp, dân dụng.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi vừa và nhỏ; xây dựng, lắp đặt và sửa chữa bể bơi và các thiết bị phụ kiện bể bơi; lắp đặt thiết bị điều hoà không khí, thiết bị lạnh công nghiệp và dân dụng.

---

(111) **4-0097077**
(210) 4-2006-06555
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 26.04.2006

(531) A26.3.5
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT ĐỨC VDIG (VN)
Số 81 phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà, cho thuê văn phòng, cho thuê nhà ở.

---

(111) **4-0097078**
(210) 4-2006-06646
(181) 28.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 05.03.2008
(220) 28.04.2006

(531) 3.7.16; A3.7.24; 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH SƠN QUẢNG HẠ VIỆT NAM (VN)
Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 02: Sơn nội thất; sơn ngoài trời.

---

(111) **4-0097079**
(210) 4-2007-02901
(181) 12.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

CBF

(151) 05.03.2008
(220) 12.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LISOHAKA (VN)
Khu công nghiệp Phú Cát, Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 12: Xe máy.

---

(111) **4-0097080**
(210) 4-2007-02904
(181) 12.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

FISCR

(151) 05.03.2008
(220) 12.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LISOHAKA (VN)
Khu công nghiệp Phú Cát, Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 12: Xe máy.

---

(111) **4-0097081**
(210) 4-2005-07887
(181) 29.06.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

PLANET THREE

(151) 06.03.2008
(220) 29.06.2005

(731) PALMERSTON LIMITED (GB)
2nd Floor, Sixty Circular Road, Douglas, Isle Of Man, United Kingdom
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ điện, điện tử (tất cả dùng để xử lý, ghi lại, lưu trữ, truyền, thể hiện, tiếp nhận, nhập, xuất hoặc in chữ hoặc hình ảnh; sao chép, lưu trữ, thể hiện dữ liệu và tín hiệu); thiết bị và dụng cụ chụp ảnh, quay phim, quang học, báo hiệu, kiểm tra (giám sát) và giảng dạy; thiết bị và dụng cụ truyền hình; thiết bị viễn thông, cụ thể là các thiết bị chuyển mạch mạng trục chính, thiết bị truyền, thiết bị hệ thống thử nghiệm các công nghệ mới, thiết bị hệ thống ăng ten phân vùng, thiết bị mạng thông minh và thiết bị hệ thống quản trị mạng; các thiết bị điện tử nhận tín hiệu truyền hình và tín hiệu mạng thông tin toàn cầu và truyền các tín hiệu đó tới vô tuyến hoặc các thiết bị hiển thị khác và các chương trình máy tính để sử dụng với các thiết bị đó; đầu đĩa quang và các chương trình máy tính liên quan; vật mang dữ liệu từ tính, thẻ thông minh, thẻ đã được mã hoá, thẻ dữ liệu, đĩa ghi; thiết bị để ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh, dữ liệu; máy tính; thiết bị và dụng cụ viễn thông; máy móc, thiết bị và dụng cụ fax, telex, điện thoại, điện tín, thu nhận dữ liệu; chương trình máy tính; chương trình và phần mềm máy tính; phần mềm máy tính và thiết bị viễn thông (bao gồm cả mô đem) có khả năng kết nối dữ liệu và internet; chương trình hệ điều hành; phần mềm máy tính và phần cứng với cơ sở mạng tạo thuận lợi cho truyền thông tương tác đa phương tiện; phần mềm máy tính để soạn thảo, biên tập, truyền thông tin ở dạng chữ và hình ảnh qua mạng truyền thông máy tính; chương trình máy tính để xuất bản, in ấn, vẽ hình và lưu trữ, sử dụng, truyền, phục hồi và tìm kiếm tài liệu điện tử bằng kĩ thuật số; máy vi tính, máy tính xách tay; chương trình máy tính để quản Iý các liên lạc và trao đổi dữ liệu giữa máy tính xách tay và máy tính để bàn; phần cứng máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính, máy in dùng với máy vi tính, máy thiết lập hình ảnh, máy phôtô, máy in thử để kiểm tra chất lượng hình ảnh dùng với máy vi tính, máy in ấn dùng với máy vi tính, màn hình hiển thị, phần cứng và phần mềm viễn thông không dây kĩ thuật số; dữ liệu có thể tải xuống được bao gồm xuất bản phẩm và phần mềm; phần mềm máy tính và xuất bản phẩm ở dạng điện tử được cung cấp

trực tuyến từ cơ sở dữ liệu hoặc từ các tiện ích được cung cấp trên internet (bao gồm cả trang web); trò chơi điện tử và trò chơi trên máy tính; các chương trình trò chơi, đĩa trò chơi, thiết bị đầu cuối giải trí, thiết bị đầu cuối giải trí bao gồm phần cứng và phần mềm máy tính để xuất ra âm thanh, hình ảnh, và đầu ra đa phương tiện.

Nhóm 35: Trợ giúp quản lý thương mại hoặc công nghiệp; trung tâm thông tin thương mại hoặc công nghiệp; quản lý kinh doanh cảng; dịch vụ quảng cáo và xúc tiến thương mại và dịch vụ thông tin liên quan đến những dịch vụ này; cho thuê không gian quảng cáo; quảng cáo bằng truyền hình; biên soạn quảng cáo để sử dụng như trang web trên internet; chuẩn bị và giới thiệu các hình ảnh nghe nhìn nhằm mục đích quảng cáo; phổ biến quảng cáo; dịch vụ thông tin thương mại; nhận, lưu trữ và cung cấp dữ liệu thông tin thương mại được đưa vào máy tính; nghiên cứu thị trường; lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kinh doanh; điều hành kinh doanh; quản lý kinh doanh; hoạt động văn phòng thuộc nhóm này; nghiên cứu thị trường và kinh doanh; biên soạn số liệu thống kê kinh doanh và thông tin thương mại; bán đấu giá, dịch vụ bán lẻ; giới thiệu các loại sản phẩm vì lợi ích của người khác để khách hàng dễ xem xét và mua các sản phẩm này trong cửa hàng, hoặc siêu thị, hoặc cửa hàng bán lẻ đồ điện hoặc cửa hàng dược phẩm hoặc từ một trang web bán hàng trên intemet hoặc từ một trang web chuyên về các sản phẩm dược và các sản phẩm điện; tư vấn và hỗ trợ trong việc chọn lựa sản phẩm và dịch vụ; dịch vụ trung gian để đưa khách hàng và/hoặc người mua và người bán lại gần với nhau; quảng cáo cho các cuộc thi; tổ chức các hoạt động xúc tiến bán hàng bằng phương tiện truyền thông đại chúng nghe nhìn; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn liên quan đến các dịch vụ nêu trên.

Nhóm 36: Tài chính và tiền tệ; dịch vụ tài chính; quản lý tài chính và dịch vụ tư vấn liên quan đến đầu tư; lập kế hoạch tài chính và dịch vụ tài chính; đánh giá tài chính; định giá ngân hàng; dịch vụ ngân hàng; ngân hàng tiết kiệm; dịch vụ môi giới tài chính; dịch vụ môi giới chứng khoán và môi giới chiết khấu bằng điện tử; và dịch vụ môi giới chiết khấu trực tuyến; môi giới cổ phiếu và trái phiếu; dịch vụ đầu tư; dịch vụ cho vay và cho vay thế chấp; cung cấp nơi lưu giữ tài sản quý và các sản phẩm tài chính phát sinh; dịch vụ ngân hàng đầu tư, trao đổi ngoại tệ và kho bạc và cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng đầu tư từ thiện; dịch vụ uỷ thác trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản; dịch vụ tín dụng, đầu tư, tiết kiệm, ký quỹ bảo đảm, cho vay, cho vay bảo đảm; dịch vụ về thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ nạp tiền, thẻ dự trữ; dịch vụ phát hành thẻ tài khoản, thẻ tín dụng, thẻ nạp tiền, thẻ dự trữ; dịch vụ ngân hàng tự động; dịch vụ thống kê bảo hiểm chung; sắp xếp và quản lý tài chính bảo hiểm sinh mạng, bảo hiểm bảo lãnh và các quỹ; dịch vụ tiền trợ cấp; bảo hiểm du lịch; dịch vụ thanh toán ngân hàng; dịch vụ ngân hàng hối đoái; dịch vụ mua bán và phát hành ngân phiếu du lịch; dịch vụ đổi tiền; dịch vụ giữ bản giao kèo để làm bằng; dịch vụ đại lý mua bán cổ phần chứng khoán; dịch vụ thi hành di chúc; cung cấp bảo lãnh tài chính; phát hành thư tín dụng và chứng chỉ tiền gửi; dịch vụ uỷ thác đầu tư; dịch vụ bảo lãnh; bảo hiểm cổ phiếu; dịch vụ bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; thông tin bảo hiểm; bảo hiểm tai nạn; bảo hiểm hoả hoạn; bảo hiểm sức khoẻ; bảo hiểm sinh mạng; bảo hiểm hàng hải; môi giới bảo hiểm; môi giới bảo hiểm tai nạn; môi giới bảo hiểm hoả hoạn; môi giới bảo hiểm sức khoẻ; môi giới bảo hiểm sinh mạng; môi giới bảo hiểm hàng hải; quỹ tín dụng; phát hành thương phiếu, phiếu và hoá đơn có giá trị; giữ vật có giá trị; dịch vụ thuê két an toàn; chuyển giao quỹ; chuyển giao quỹ bằng điện tử; dịch vụ thanh toán; dịch vụ tín thác; lập bảng thị giá giao dịch chứng khoán; đánh giá tài chính; quản lý tài chính; nợ trả góp; trả góp tài chính; thuê mua tài chính; cho vay thế chấp; dịch vụ thanh toán nghỉ việc; dịch vụ bất động sản; xây dựng quỹ từ thiện; dịch vụ tài chính liên quan đến hoạt động của cảng; tài trợ (tài chính) cho cuộc

thi; cung cấp thông tin, dịch vụ tư vấn và dịch vụ tư vấn liên quan đến tất cả các dịch vụ đã nêu ở trên; tất cả các dịch vụ trên cũng được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 37: Phát triển cảng cụ thể là dịch vụ xây dựng, sửa chữa và lắp đặt; dịch vụ lắp ráp, sửa chữa và lắp đặt các thiết bị phần cứng và mạng máy tính, máy móc, thiết bị, dụng cụ và mạng viễn thông; dịch vụ xây dựng và sửa chữa hệ thống công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông; dịch vụ bảo trì, sửa chữa, lắp đặt và hỗ trợ kỹ thuật cho các thiết bị phần cứng máy tính, thiết bị ngoại vi của máy tính, thiết bị viễn thông, và các bộ phận và phụ tùng của chúng; dịch vụ lắp ráp, lắp đặt máy tính và bảo trì các thiết bị phần cứng máy tính và hệ thống máy tính và thiết bị viễn thông tại địa chỉ của khách hàng; cung cấp thông tin liên quan đến sửa chữa hoặc lắp đặt được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu máy tính hoặc trên intemet; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn liên quan đến các dịch vụ nêu trên.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền phát điện tử và truyền phát viễn thông; truyền các tệp dữ liệu, tin nhắn, hình ảnh, âm thanh, giọng nói, chữ, liên lạc bằng âm thanh, bằng hình ảnh và các liên lạc điện tử, và dữ liệu và thông tin bằng điện tử, máy tính, cáp, radio, máy nhắn tin bằng tín hiệu vô tuyến, máy telex, máy gửi tín hiệu hoặc tin nhắn bằng cách sử dụng tín hiệu điện tín, thư điện tử, máy fax, vô tuyến, sóng viba, tia laze, vệ tinh liên lạc, liên kết sóng viba, các phương tiện mặt đất, cáp, hệ thống kết nối không dây hoặc có dây hoặc các phương tiện truyền thông khác; cung cấp dịch vụ thông tin đa phương tiện và tương tác đa phương tiện; cung cấp và điều hành công cụ tìm kiếm liên quan đến dịch vụ truyền thông; dịch vụ tư vấn liên quan đến truyền phát dữ liệu; truyền, hiển thị thông tin vì mục đích kinh doanh hoặc dùng trong nhà từ ngân hàng dữ liệu được cất giữ trong máy tính; dịch vụ thư điện tử; dịch vụ viễn thông liên quan đến internet; truyền thông thông tin (bao gồm cả các trang web), chương trình máy tính và dữ liệu khác; cung cấp truy cập internet cho người sử dụng (người cung cấp dịch vụ); cung cấp kết nối viễn thông với internet hoặc với cơ sở dữ liệu; dịch vụ điện toán cung tin tức và thông tin; dịch vụ cổng thông tin viễn thông; cung cấp truy cập trực tuyến truyền thông và liên kết tới internet và intranet; cung cấp truy cập vào internet; dịch vụ nhà cung cấp truy cập internet; cung cấp bản tin tương tác trực tuyến; cung cấp truy cập cơ sở dữ liệu khác nhau; dịch vụ phát thanh truyền hình; tổ chức và điều hành các phòng chat; thuê và cho thuê các thiết bị điện tử để xử lý, đăng nhập, lưu trữ, truyền, hiển thị, nhận, nhập, xuất hoặc in ra dữ liệu không hình ảnh hoặc dữ liệu đồ thị, thiết bị điện tử để tái tạo, lưu giữ, hiển thị dữ liệu hoặc tín hiệu; tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu của máy tính hay trên internet.

Nhóm 39: Dịch vụ kho hàng; dịch vụ lữ hành; dịch vụ hãng du lịch (trừ việc đặt chỗ khách sạn) và dịch vụ đại lý du lịch; dịch vụ vận tải; sắp xếp và cung cấp vận tải bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không; sắp xếp, tổ chức và cung cấp các chuyến du lịch và đi chơi trên biển; dịch vụ đại lý lữ hành; dịch vụ đặt và bán vé du lịch; cho thuê thiết bị vận tải bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, đóng gói hàng hoá để vận chuyển; cung cấp bãi đậu xe; dịch vụ chở hàng bằng xe 2 bánh và dịch vụ tài xế, tập hợp hàng hoá để vận chuyển, cho hàng hoá vào thùng; phân phát thư tín, phân phát hàng hoá, phân phối hàng hoá qua bưu điện và phân phát báo chí; hộ tống khách du lịch; vận chuyển có bảo vệ; dịch vụ hướng dẫn du lịch; lập sơ đồ tuyến đường; dịch vụ khuân vác; hướng dẫn du lịch tham quan; điều khiển và tổ chức các chuyến đi; môi giới vận tải; dịch vụ đưa thư; thuê vận tải; thuê tàu thuỷ; dịch vụ đi chơi trên biển; dịch vụ vận chuyển bằng

phà; dịch vụ chuyên chở bằng đường biển; dịch vụ vận tải hàng hải; dịch vụ điều khiển tàu thuyền; dịch vụ về du thuyền; dịch vụ vận tải bằng đường sông; dịch vụ đặt chỗ để du lịch; dịch vụ chuyên chở hàng hoá; dịch vụ chuyển hàng đi; dịch vụ môi giới chuyên chở; đại lý tàu thuỷ; vận chuyển hàng hoá; chuyên chở hàng hoá; đóng gói và lưu giữ hàng hoá; vận hành cảng cụ thể là vận tải, đóng gói và lưu giữ hàng hoá, dịch vụ du lịch; cung cấp thông tin, dịch vụ tư vấn và dịch vụ hướng dẫn liên quan tới tất cả các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc từ internet.

Nhóm 41: Tổ chức và điều khiển hội nghị, triển lãm cho mục đích giáo dục và văn hoá, cuộc thi và cuộc thi đố; tổ chức triển lãm văn hoá hoặc giáo dục; tổ chức các cuộc thi; tổ chức hội thảo, tổ chức và điều khiển hội nghị chuyên đề; đào tạo; xuất bản sách và văn bản; giải trí, giải trí với truyền hình; dịch vụ giáo dục và giải trí, thể thao và tiêu khiển bằng cách là lập kế hoạch, sản xuất và phân phối các chương trình nghe, nhìn, hoặc phối hợp cả nghe và nhìn để truyền phát bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, internet, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; cung cấp thông tin liên quan đến chương trình phát thanh và truyền hình, giải trí, âm nhạc, thể thao và tiêu khiển; thông tin liên quan đến giải trí hoặc giáo dục được cung cấp trực tuyến từ dữ liệu của máy tính trên internet hoặc bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; dịch vụ trò chơi điện tử được cung cấp bằng phương tiện internet hoặc bằng các phương tiện mặt đất, cáp, kênh vệ tinh, hệ thống kết nối có dây hoặc không dây và các phương tiện truyền thông khác; cung cấp các xuất bản điện tử trực tuyến (không thể tải xuống được); xuất bản sách và tạp chí điện tử trực tuyến; dịch vụ chỗ bán vé (cho các hoạt động giải trí, thể thao và văn hoá); dịch vụ phát vé và đặt mua vé (cho các hoạt động giải trí, thể thao và văn hoá); dịch vụ trò chơi, cá cược, xổ số và dịch vụ trò đánh bạc; dịch vụ thông tin và tư vấn liên quan đến giáo dục và giải trí; thuê và cho thuê máy truyền hình; dịch vụ thông tin tin tức và thời sự; thuê và cho thuê các thiết bị hiển thị truyền hình, hộp thu tín hiệu vô tuyến; cung cấp trực tuyến từ điển, từ điển chuyên ngành điện tử và hướng dẫn nhà hàng (không tải xuống được); văn phòng tư vấn, cung cấp thông tin và hướng dẫn liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 42: Thiết kế, vẽ, soạn thảo theo uỷ quyền để biên soạn trang web trên internet; tạo và duy trì trang web; dịch vụ máy chủ các trang web của người khác; cài đặt và duy trì phần mềm máy tính; cung cấp truy cập vào các vị trí trên mạng thông tin điện tử; thuê bao thời gian truy cập cơ sở dữ liệu máy tính (không bao gồm dịch vụ do người cung cấp dịch vụ internet); thuê và cho thuê máy tính, chương trình máy tính, thiết bị đầu cuối của máy tính, màn hình, bàn phím máy tính, máy tính xách tay, modem, thiết bị ngoại vi máy tính, các thiết bị internet và bộ phận và phụ tùng của tất cả các sản phẩm này; dịch vụ máy tính cụ thể là bảo dưỡng phần mềm máy tính, cho thuê máy tính, cho thuê phần mềm máy tính; dịch vụ máy tính được cung cấp trực tuyến trên internet; dịch vụ tư vấn liên quan đến công nghiệp máy tính; định vị người, con vật và tiện ích; lập trình, sửa chữa và cài đặt phần mềm máy tính và mạng máy tính; bảo trì, sửa chữa, cài đặt và hỗ trợ kỹ thuật cho phần mềm máy tính; cài đặt máy tính và bảo trì phần mềm máy tính và hệ thống máy tính tại địa chỉ của khách hàng; thông tin và tư vấn liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 43: Cung cấp thông tin liên quan đến chỉ dẫn nhà hàng và khách sạn.

Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc y tế, vệ sinh, dinh dưỡng, sức khoẻ, sắc đẹp; dịch vụ thông tin, tư vấn và hướng dẫn liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

Nhóm 45: Cung cấp lá số tử vi, dịch vụ hẹn hò; dịch vụ thông tin, tư vấn và hướng dẫn liên quan đến các dịch vụ nêu trên; tất cả các dịch vụ nêu trên cũng được cung cấp trực tuyến từ cơ sở dữ liệu máy tính hoặc trên internet.

---

(111) **4-0097082**
(210) 4-2006-10189
(181) 30.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VERIZON

(151) 06.03.2008
(220) 30.06.2006

(731) VERIZON TRADEMARK SERVICES LLC (US)
1320 North Court House Road, Arlington, Virginia 22201, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Các thiết bị, cấu kiện, thiết bị lưu trữ và hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin, cụ thể là: máy nhắn tin, điện thoại, cái chuyển mạch điện thoại, các thiết bị ngoại vi dùng trong mạng cục bộ và mạng diện rộng, cáp quang sợi và đồng trục và thiết bị tiếp hợp, máy tính, máy vi tính, màn hình, bộ hiển thị hình ảnh máy tính, loa, micrô, thiết bị lưu trữ dữ liệu máy tính, bộ nhớ máy tính, thiết bị ngoại vi máy tính và bộ điều giải (modem); tivi và các thiết bị ngoại vi dùng với ti vi, cụ thể là, bộ ghi hình, bộ thu tín hiệu, thiết bị điều khiển từ xa tương tác hoặc phi tương tác; chương trình máy tính sử dụng trong các lĩnh vực viễn thông, kinh doanh, tài chính; các chương trình dùng để truy cập mạng máy tính toàn cầu hoặc mạng giao tiếp máy tính tương tác; thẻ mã hoá từ mà máy có thể đọc được, bao gồm cả các loại thẻ gọi điện thoại và thẻ tín dụng; thiết bị ghi âm thanh và hình ảnh sử dụng trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, bảo hộ an toàn, tin tức, thể thao, giải trí, văn hoá, kinh doanh và tài chính, thời tiết và du lịch; tai nghe dùng cho điện thoại, để nghe nhạc và dùng khi chơi trò chơi; bộ lọc dùng cho các thiết bị truyền dữ liệu và giọng nói; ổ cắm, cụm ổ cắm; bộ nối và tấm bảo vệ dùng cho sợi dây và cáp viễn thông, bộ định tuyến và thiết bị ghép mạng dùng cho viễn thông và máy tính; máy chủ in, thiết bị ghi hình ảnh qua mạng; máy chơi đĩa CD; máy chơi MP3, máy chơi đĩa DVD, thẻ PC (thẻ máy tính cá nhân), dụng cụ và thiết bị cảm biến thời tiết; máy quay phim và thiết bị xử lý hình ảnh; máy thu thanh 2 chiều; thiết bị ghi âm giọng nói; thiết bị định vị/bản đồ; hệ thống an ninh; thẻ dữ liệu, thẻ thông minh; thẻ truy cập mạng băng thông rộng EVDO; thẻ truy cập mạng GSM GPRS UMTS; thẻ sim điện thoại; phần mềm máy tính sử dụng trong lĩnh vực kết nối mạng dữ liệu, điện thoại qua máy tính, thương mại điện tử, anh ninh máy tính và mạng, nhắn tin điện tử, truyền tín hiệu fax, truyền hình hội thảo tại chỗ, chia sẻ tài liệu cộng tác và để truy cập các cơ sở dữ liệu.

Nhóm 14: Đồng hồ.

Nhóm 16: Ấn phẩm in, cụ thể là niên giám điện thoại, sách, bản tin, sách mỏng, sách nhỏ, tờ giấy đã in và thiếp in, tài liệu hướng dẫn và giảng dạy trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, bảo hộ an toàn, tin tức, thể thao, giải trí, văn hóa, kinh doanh và tài chính, thời tiết và du lịch; thẻ bằng nhựa và giấy đã được mã hóa không có từ tính để sử dụng như thẻ gọi điện thoại và thẻ tín dụng và cho những mục đích khác; tài liệu in, cụ thể là báo và tạp chí có nội dung liên quan đến hàng hóa và dịch vụ viễn thông.

Nhóm 28: Đồ chơi và trò chơi điện tử, ngoại trừ loại sử dụng với máy thu hình.

Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo và dịch vụ biên soạn danh bạ điện thoại, cụ thể là quảng cáo hàng hóa và dịch vụ của người khác qua quảng cáo in, danh bạ in, qua phương tiện truyền thông đại chúng đã được mã hóa và qua việc phổ biến các tài liệu qua mạng liên lạc, bao gồm cả mạng liên lạc toàn cầu; dịch vụ tư vấn và quản lý kinh doanh, ngoại trừ dịch vụ tư vấn và quản lý kinh doanh trong nông nghiệp; dịch vụ cung cấp thông tin kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông, quảng cáo, công nghệ thông tin, tiếp thị và các lĩnh vực liên quan; cung cấp thông tin qua điện thoại và mạng liên lạc khác trong lĩnh vực kinh doanh; dịch vụ đăng quảng cáo; dịch vụ xử lý dữ liệu; dịch vụ cửa hàng bán lẻ; dịch vụ tập hợp thông tin về các loại hàng hóa thành quyển catalô cho bên thứ ba để giới thiệu cho người tiêu dùng dễ xem và mua sản phẩm, dịch vụ đặt hàng qua điện thoại và đặt hàng qua điện tử trong các lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, hàng hóa nói chung; dịch vụ cho thuê thiết bị văn phòng; cửa hàng bán lẻ trực tuyến bán nhạc, trò chơi và hình ảnh đã được ghi sẵn có thể tải về được; cung cấp phần mềm thanh toán qua mạng loại không tải về được trong lĩnh vực mạng an ninh dữ liệu và liên lạc.

Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; dịch vụ quản lý, cung cấp thông tin và đầu tư tài chính; dịch vụ cung cấp thông tin, môi giới, cho thuê và quản lý bất động sản; dịch vụ thẻ tín dụng; dịch vụ phát hành thẻ gọi điện thoại, cụ thể là thẻ gọi viễn thông trả trước và trả sau được cung cấp qua thẻ mã hóa phi từ tính và qua thẻ trả trước mã hóa từ tính với mức giá trị định trước; dịch vụ thương mại điện tử, cụ thể là dịch vụ giải quyết thẻ tín dụng và thẻ nợ, dịch vụ giải quyết việc thanh toán và chuyển tiền; cung cấp thông tin qua điện thoại và mạng liên lạc khác trong lĩnh vực tài chính.

Nhóm 37: Dịch vụ lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị viễn thông, phần cứng máy vi tính, các thiết bị, cấu kiện, thiết bị lưu trữ và hệ thống âm thanh hình ảnh và tương tác và các thiết bị, cấu kiện, thiết bị lưu trữ và hệ thống có liên quan.

Nhóm 38: Các dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, cụ thể là: truyền giọng nói, dữ liệu, ảnh, âm thanh, hình ảnh động và thông tin qua điện thoại, truyền hình và mạng liên lạc toàn cầu; các dịch vụ liên lạc cá nhân; dịch vụ nhắn tin; cho thuê các thiết bị, cấu kiện, thiết bị lưu trữ và hệ thống viễn thông, dịch vụ thư tín điện tử; dịch vụ truyền hình; dịch vụ cung cấp tin tức và thông tin qua điện thoại, truyền hình và mạng liên lạc toàn cầu; cung cấp thông tin danh bạ qua điện thoại, truyền hình và mạng liên lạc toàn cầu; cung cấp dịch vụ truy cập đa người dùng tương tác tới một mạng liên lạc toàn cầu, truyền và phát các chương trình âm thanh và hình ảnh qua điện thoại, truyền hình và mạng liên lạc toàn cầu; dịch vụ mạng xương sống Internet, cụ thể là: dịch vụ một đường truyền tốc độ cao hoặc một loạt các kết nối tạo thành một đường trục chính trong mạng; dịch vụ truyền âm thanh và hình ảnh hội thảo qua mạng Internet, qua dịch vụ mạng tốc độ cao truyền không đồng bộ (ATM), dịch vụ mạng số các dịch vụ tích hợp (ISDN), dịch vụ liên lạc giao thức Internet (IP), dịch vụ mạng riêng ảo (VPN) và dịch vụ đường truyền riêng; dịch

vụ cung cấp cổng kết nối viễn thông và dịch vụ kết nối để truyền dữ liệu sử dụng kỹ thuật mạng chuyển tiếp khung (frame-relay); dịch vụ truyền gói dữ liệu điện tử; dịch vụ truyền giọng nói, dữ liệu, hình ảnh và dữ liệu đa phương tiện, dịch vụ cung cấp kết nối viễn thông tới mạng Internet và các mạng liên lạc đã được máy tính hoá, mạng dữ liệu và mạng không dây; cung cấp dịch vụ truy cập đa người dùng tới mạng liên lạc không dây; cung cấp dịch vụ truyền fax; cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu điện tử cho bên thứ ba; dịch vụ viễn thông, cụ thể là cung cấp dịch vụ cổng kết nối giữa các mạng máy tính và viễn thông độc lập để chia sẻ lưu lượng kết nối Internet; dịch vụ thư tiếng nói; dịch vụ viễn thông, cụ thể là cung cấp các dịch vụ liên lạc miễn phí và dịch vụ định tuyến cuộc gọi; dịch vụ trung tâm nhắn tin theo kiểu dịch vụ nhắn tin tiếng nói qua điện thoại; dịch vụ điện thoại hội thảo hình ảnh, tiếng nói và dữ liệu, dịch vụ viễn thông không dây, cụ thể là dịch vụ truyền tiếng nói và dữ liệu không dây; dịch vụ viễn thông, cụ thể là cung cấp dịch vụ truyền giọng nói qua giao thức mạng internet; cung cấp dịch vụ điểm truy cập mạng để trao đổi lưu lượng Internet giữa các nhà cung cấp dịch vụ đường truyền internet; dịch vụ tin nhắn điện tử; cung cấp thông tin qua điện thoại và mạng liên lạc khác trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, tin tức; dịch vụ cho thuê các thiết bị trong các lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin; cung cấp thông tin trong lĩnh vực dịch vụ mạng liên lạc vi tính hóa và dịch vụ trung tâm dữ liệu vi tính hóa; dịch vụ xác nhận người dùng cho bên thứ ba trong lĩnh vực mạng truyền giọng nói và dữ liệu.

Nhóm 39: Cung cấp thông tin qua điện thoại và mạng liên lạc khác trong lĩnh vực du lịch.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và giải trí, cụ thể là dịch vụ dàn dựng chương trình truyền hình và viđêo; cung cấp tin tức, thông tin giải trí và thông tin chung qua điện thoại, truyền hình và mạng liên lạc toàn cầu; dịch vụ bảo trợ các chương trình và các cuộc thi thể thao, giáo dục và giải trí, cung cấp thông tin qua điện thoại và mạng liên lạc khác trong lĩnh vực thể thao, giải trí, văn hóa.

Nhóm 42: Dịch vụ lưu trữ trang web, dịch vụ thiết kế trang web, vận hành mạng thông tin điện tử; dịch vụ tư vấn và thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin, lập chương trình máy tính, viễn thông, mạng liên lạc, phương tiện liên lạc vi tính hóa, dịch vụ quản lý trung tâm dữ liệu và mạng liên lạc toàn cầu; dịch vụ cung cấp trung tâm dữ liệu; dịch vụ cho thuê chung cơ sở hạ tầng, cụ thể là cung cấp cơ sở hạ tầng được kiểm soát chặt chẽ về mặt môi trường và giám sát kỹ thuật cho các thiết bị viễn thông của người khác; lưu trữ, cất giữ và duy trì trang web, trung tâm web, thư điện tử, nhóm tin, hệ thống gửi thư tự động theo danh sách có sẵn, các nội dung và dữ liệu số của người khác; dịch vụ nhà cung cấp dịch vụ ứng dụng, cụ thể là lưu trữ phần mềm ứng dụng của người khác; dịch vụ xác thực trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông và mạng; thiết kế trong lĩnh vực mạng dữ liệu và liên lạc vi tính hóa; cung cấp thông tin qua điện thoại và mạng liên lạc khác trong lĩnh vực thời tiết; dịch vụ cài đặt, bảo trì và sửa chữa phần mềm máy vi tính; dịch vụ an ninh mạng liên lạc vi tính hóa; cung cấp thông tin trong lĩnh vực an ninh Internet và mạng và truyền an toàn dữ liệu và thông tin; dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực dịch vụ an ninh Internet và mạng, dịch vụ an ninh thông tin, dịch vụ truyền thông tin và dữ liệu an toàn và dịch vụ mã hóa và giải mã dữ liệu; dịch vụ khôi phục và ứng phó thảm họa khẩn cấp hệ thống viễn thông; dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực khôi phục và ứng phó thảm họa khẩn cấp hệ thống viễn thông; giám sát mạng dữ liệu cho mục đích an ninh, bao gồm cung cấp tường lửa; tư vấn trong lĩnh vực an ninh mạng thông tin đã vi tính hóa.

(111) **4-0097083**
(210) 4-2006-09429
(181) 16.06.2016
(300) T05/26371 22.12.2005 SG
T05/26372 22.12.2005 SG
T05/26373 22.12.2005 SG
T05/26374 22.12.2005 SG
T05/26375 22.12.2005 SG
T05/26376 22.12.2005 SG
T05/26377 22.12.2005 SG
T05/26378 22.12.2005 SG
T05/26379 22.12.2005 SG
T05/26380 22.12.2005 SG
T05/26381 22.12.2005 SG
T05/26382 22.12.2005 SG
T05/26383 22.12.2005 SG
T05/26384 22.12.2005 SG
(450) 25.04.2008 241
(540)

PRINCE CASPIAN

(151) 06.03.2008
(220) 16.06.2006

(731) C.S. LEWIS PTE LTD. (SG)
15 Beach Road, #03-07 Beach Centre, Singapore 189677
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Hương thơm, dầu thơm và tinh dầu, các chế phẩm chăm sóc cá nhân, chế phẩm dùng cho tắm và chế phẩm dùng cho cơ thể (vệ sinh), mỹ phẩm, xà phòng, kem, nước thơm, chế phẩm giữ ẩm, chất làm sạch, phấn (mỹ phẩm), chế phẩm tẩy trang, chế phẩm chăm sóc da mặt, nước hoa hồng, kem chống nắng, mặt nạ, chế phẩm chăm sóc môi (làm đẹp), bút trang điểm và mỹ phẩm.

Nhóm 09: Phần mềm máy tính, chương trình máy tính, phần cứng máy tính, thiết bị ngoại vi máy tính, phụ kiện máy tính, vật mang dữ liệu từ tính trắng; đĩa compaq và đĩa máy tính; phim điện ảnh và phim nghệ thuật điện ảnh; băng từ video, băng cát xét video, băng cát xét audio, băng từ audio, đĩa compăt, đĩa CD ROM, đĩa DVD, MP3, và đĩa laze; băng trò chơi máy tính và trò chơi video, băng cát xét, băng từ, đĩa và phần mềm; các ấn phẩm điện tử; trò chơi máy tính có thể tải xuống; tấm di chuột máy tính; kính mắt, kính râm và hộp đựng kính; nam châm trang trí; thẻ điện thoại trả trước đã mã hóa có từ tính; hộp công tắc đèn; cần điều khiển để chơi trò chơi video dùng với máy thu hình; kính bảo vệ khi chơi thể thao và mặt nạ trong môn bơi lặn có ống thở (môn smorkeling), bộ lặn có bình khí nén và bộ lặn không có thiết bị gì khác; bộ quần áo lặn; ống thở (để lặn).

Nhóm 14: Nữ trang, hạt đá quý dùng để chế tác nữ trang, chuỗi vòng đeo tay, vòng nữ trang, vòng đeo cổ, khuyên tai, kẹp bằng nữ trang, nữ trang dùng cho quần áo, đá kim loại quý, hộp đựng nữ trang bằng kim loại quý; đồ đựng nữ trang bằng kim loại quý; đồng hồ và đồng hồ đeo tay.

Nhóm 16: Giấy, các tông và các sản phẩm bằng các vật liệu này, cụ thể là giấy dùng trong xây dựng, hộp, túi giấy, giấy viết và tập giấy viết, tập giấy ghi chú, giấy ghi chú, tập giấy

ghi nhớ, thiếp chúc mừng, thiếp mời, giấy để bao gói quà, cái nơ, ruy băng, hộp đựng danh thiếp để trên bàn, phiếu ghi nhớ, hộp đựng giấy, bảng viết; ảnh chụp; văn phòng phẩm; lịch; áp phích; bản đồ; thẻ đánh dấu trang sách; thẻ sưu tập bằng giấy; chất dính dán dùng cho văn phòng phẩm hoặc gia dụng; các sản phẩm in ấn, cụ thể là ca-ta-lô, sách, tạp chí, các ấn phẩm, tờ tin, bách khoa thư, sách chỉ dẫn và sách giới thiệu; sổ nhật ký; sổ ghi hoạt động; bộ dụng cụ hội họa; phấn viết; keo; phấn màu; bút chì màu; bút; bút chì; gọt bút chì; bút đánh dấu; bảng màu palét dùng trong hội hoạ; cọ vẽ; vải để vẽ tranh; mũ giấy (dùng trong các bữa tiệc); phong bì; nhãn giấy dính một mặt; tập anbom đựng ảnh và tiền xu; cặp kẹp tài liệu; cái chặn ở cuối dãy sách; sổ ghi địa chỉ; sổ ghi những ngày kỷ niệm; sổ ghi các cuộc hẹn; sách về trẻ con; sổ sách dùng cho kế toán; sổ sách ghi hoạt động kinh doanh; sách cho trẻ em; sách tô màu; sách ghi ngày; sách ghi chi phí; sách ghi các cuộc hẹn; sổ tay; sách có tranh; sách ghi số điện thoại; sách du lịch; cặp đựng giấy tờ; tranh; bưu thiếp; vở dùng để dán bài viết và tranh ảnh; vở ghi điểm; tấm thẻ ghi điểm; tập giấy ghi điểm; tờ giấy ghi điểm; nhãn có sẵn cồn dính; sổ ghi chép sự kiện; hộp đựng bút và bút chì; đinh bấp giấy; dụng cụ đục lỗ dùng cho văn phòng; cái chặn giấy; thước vẽ; bộ phân phối băng dính; vật liệu bao gói và đóng gói bằng giấy, nhựa hoặc bìa các tông; giấy ăn; cái chặn ở cuối dãy sách.

Nhóm 18: Sản phẩm làm bằng da hoặc giả da, cụ thể là vali, túi đựng hành lý, túi dùng cho lữ hành, túi đựng đồ tắm và mỹ phẩm, ví tiền, túi xách, giỏ xách, túi vải hình trụ đựng quần áo và vật dụng cá nhân, túi đi tắm biển, ví, túi móc chìa khoá, túi đeo lưng, túi đeo hông, túi đeo ngang eo, ô dù, dù che nắng, hòm (hành lý), túi đựng sách, cặp dẹt xách tay bằng da hoặc nhựa, cặp tài liệu, cặp công tác, túi đi chơi thể thao, túi đi tập thể dục.

Nhóm 20: Đồ gỗ (nội thất), gương soi, khung đồ gỗ, khung ảnh, khung thêu, giá để sách, giá sách, vật chuyển động bằng để trang trí giường cũi trẻ con, thú gỗ nhồi (không phải là đồ chơi), tượng nhỏ (làm bằng các chất liệu thuộc nhóm này), quả cầu bằng gỗ đựng nước, giá gỗ treo quần áo, hộp làm bằng gỗ phân loại thuốc viên và thuốc con nhộng, hộp gỗ nhựa đựng thuốc viên, biển hiệu bằng nhựa, băng rôn bằng nhựa, đồ trang trí bánh bằng nhựa, nút chai bằng nhựa, dây đeo chìa khoá bằng nhựa, khuy chìa khóa và vòng đeo chìa khoá bằng nhựa, giá treo phù hiệu bằng nhựa, biển số xe bằng nhựa mang tính khôi hài, đồ trang trí gói quà bằng nhựa, vật dụng trang trí bằng nhựa cho các ngày lễ trừ đồ trang trí cây thông Giáng sinh, ống hút để uống, gối căng phồng, gối nhỏ để sô fa, túi ngủ, tủ đựng đồ chơi, quạt không dùng điện, cột cờ, kính dùng cho khung tranh ảnh, hộp và vật đựng nữ trang không làm bằng kim loại, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ (không được xếp ở các nhóm khác) dùng để trang trí và được làm từ gỗ, li-e, lau, sậy, mây, liễu gai, sừng, xương, ngà, phiến sừng hàm cá voi, vỏ sò, hổ phách, xà cừ, bọt biển, thạch cao, nhựa; vật làm bằng nhựa cây và xáp cụ thể là tượng nửa người, tượng nhỏ, tượng để bàn, tượng điêu khắc, tượng, tượng nhỏ, hộp đựng thư từ và đồ trang trí không dùng cho Giáng sinh (thuộc nhóm này).

Nhóm 21: Đồ dùng cho gia đình và dụng cụ nhà bếp; lược để cọ, bọt biển và bàn chải để cọ rửa, sợi thủy tinh để cọ rửa; tấm kính tròn (vật liệu thô) dùng cho gia đình, đồ gốm (dùng cho gia đình), đồ thủy tinh (dùng cho gia đình), đồ sứ (dùng cho gia đình), đồ từ đất nung (dùng trong gia đình); đồ vật đựng đồ uống; vật dụng phục vụ hoặc để uống ở quầy rượu (ví dụ: cốc, chén); bộ đồ dùng để ăn uống (không bao gồm dao, thìa, dĩa) không làm bằng kim loại quý; hũ đựng bằng thủy tinh, cốc thấp, bình đựng bằng thủy tinh, giá đựng gia vị, dụng cụ khuấy đồ uống, bình trà và bình cà phê, rổ; xô, hộp đựng chè, bộ ấm cốc uống trà, nồi và chảo (không chạy điện); đồ dùng để ăn uống và phục vụ ăn uống (không

bao gồm dao, thìa, dĩa) không làm bằng kim loại quý; tấm lót cốc chén, dụng cụ cắt bánh, vật giữ lõi ngô, bình thon cổ (để đựng chất lỏng), bình bẹt dùng đựng đồ uống, găng tay làm việc gia đình bằng nhựa; bộ vật dụng để ăn (không bao gồm dao, thìa, dĩa), đồ vật để chứa đựng dùng trong gia đình, găng tay làm nội trợ, bồn tắm cho trẻ em (xách tay), cây gãi lưng, dụng cụ nướng bánh, đĩa nướng bánh, giá để chai rượu, xô làm lạnh giữ lạnh rượu vang và sâm panh, nút chai và dụng cụ rót bằng nhựa, cái mở nút chai, dụng cụ thu dọn thức ăn thừa, bộ làm cốc tai; đồ tắm cho chim (không phải mỹ phẩm), đồ (vật dụng) cho chim ăn, nhà cho chim; tượng bán thân bằng pha lê, thủy tinh, đất nung, thủy tinh, gốm và sành; giá đỡ cây nến, tượng nhỏ bằng gốm, khăn lau, kẹp khăn lau, bộ hộp đựng khăn lau, hộp đựng xà phòng, giá để thức uống bằng xốp, lược chải tóc, bàn chải tóc, đồ trang trí ngày lễ bằng gốm và sứ mà không phải đồ trang trí cây Giáng sinh, lư hương, hộp để khăn ăn, vòng giữ khăn ăn không bằng kim loại quý, quả cầu thủy tinh để trang trí, cốc và đĩa bằng giấy, cốc và đĩa bằng nhựa, cối xay hạt tiêu, thùng ướp lạnh có thể mang đi được, bô nhỏ cho trẻ em, hộp đựng công thức làm thức ăn, lọ tiêu và lọ muối, cái bót để đi giầy, giá để giày, giá giữ giấy vệ sinh, tăm, cái để tăm, thùng đựng rác, thanh và giá treo khăn, bình chứa nước, ống thông gió; tất cả các sản phẩm trên mà không làm từ kim loại quý.

Nhóm 24: Vải và hàng dệt, cụ thể là khăn trải giường, áo gối, chăn và ga trải giường, tấm phủ nệm, màn treo che giường, chăn bông, khăn trải giường cũi trẻ con và các phụ kiện, áo gối, tấm phủ gối, khăn trang trí phủ gối, tấm phủ chăn bông, chăn bông hai lớp, khăn trải bàn, khăn bàn ăn, khăn bằng vải lanh dùng trong bếp, khăn tắm, khăn chăn mềm đan móc, găng tay nấu món nướng, khăn bằng vải lanh dùng trong nhà tắm, khăn đeo cho trẻ em khi trớ, băng rôn bằng vải, miếng lót bằng vải, cờ bằng vải, nhãn bằng vải, rèm che và các vật trang trí cửa sổ, khăn rửa bát, cờ và cờ đuôi nheo bằng vải, khăn trang trí trải bàn bằng vải, khăn phủ bàn bằng vải, vỏ vải bọc bàn cầu, khăn mùi soa, đồ bằng vải lanh dùng trong nhà, găng tay dầy để lấy đồ từ lò nướng, miếng lót để cầm giữ nồi (khi nóng), rèm tắm, khăn trải bàn không làm bằng giấy, đồ dệt để treo tường, khăn rửa mặt, găng tay rửa bát.

Nhóm 25: Quần áo, cụ thể là quần áo, đồ mặc bên ngoài, quần áo lót và quần áo mặc khi ngủ, quần áo ngủ, đồ lót và đồ đi chân cho nam giới, phụ nữ và trẻ em, đồ đeo cổ, cà vạt, khăn quàng, khăn vuông trùm đầu, đồ mặc trượt tuyết, băng đeo cổ tay, băng đeo đầu và đồ mặc đánh tennis; đồ đi chân; đồ đội trên đầu, mũ, mũ lưỡi trai, cái lưỡi trai, mũ tắm, găng tay, găng tay bít ngón cái riêng và bốn ngón còn lại chung nhau, thắt lưng, tạp dề, tã lót bằng vải, khăn tay lớn in hoa sặc sỡ, trang phục cho ngày lễ Halloween, trang phục hóa trang, yếm trẻ con không làm bằng giấy.

Nhóm 28: Các trò chơi, cụ thể là trò chơi trong nhà, trò chơi bảng, trò chơi kỹ năng hành động, trò chơi mục tiêu hành động, máy chơi trò chơi điện tử ở trung tâm trò chơi điện tử, trò chơi cơ thể (dùng cơ bắp), trò chơi video hoạt động bằng tiền xu, trò chơi phi tiêu, thiết bị được bán dưới dạng đơn vị thiết bị cho các trò chơi bảng, trò chơi mục tiêu hành động và thẻ trò chơi, trò chơi lắp ráp hình dạng tùy ý, trò chơi trong các bữa tiệc, trò chơi bắn đạn, máy trò chơi điện tử cầm tay, máy chơi trò chơi video biệt lập không dùng với máy thu hình, trò chơi domino; các thứ đồ chơi, cụ thể là đồ chơi cho trẻ sơ sinh, đồ chơi cho giường cũi trẻ em, đồ chơi dưới nước và dùng khi tắm, gấu bông, đồ chơi nhồi bông mềm, đồ chơi thú nhồi bông, đồ chơi các con thú, đồ chơi các hình nhân, bộ đồ chơi tàu hỏa, bàn ghế đồ chơi, điện thoại đồ chơi, đồng hồ đồ chơi, các khối đồ chơi để lắp nhà và cho trò chơi xây dựng, rô- bốt đồ chơi, đồ chơi các dụng cụ âm nhạc, xe ô tô đồ chơi, đồ

chơi vặn cót, đồ chơi để cưỡi, đồ chơi có dây cót kéo, bong bóng, búp bê, nhà búp bê, bàn ghế đồ chơi trong nhà búp bê, con rối, các dụng cụ chia hình, đĩa bay, trò chơi lắp hình và hình lắp hấp dẫn, mặt nạ bằng giấy, cái yô-yô (đồ chơi), cái diều, bộ đồ chơi lắp ghép mô hình theo ý thích, máy bắn đạn (đồ chơi); các dụng cụ tập thể thao và thể dục cụ thể là găng tay bóng chày, găng tay chơi đánh bóng, găng tay quyền anh, găng tay thủ môn, găng tay chơi gôn, găng tay chơi bóng ném, găng tay chơi khúc côn cầu, găng tay dùng trong môn karate, găng tay chơi môn quần vợt sân tường, găng tay môn softball (tương tự như môn bóng chày nhưng bóng to và mềm hơn và sân chơi bé hơn), găng tay bơi, găng tay môn lướt ván nước, găng tay môn đẩy tạ, găng bắt bóng môn bóng chày, găng tay bắt bóng, găng tay bắt bóng môn softball, vật hình T đặt bóng để đánh gôn, gậy chơi đánh gôn, cái bọc đầu gậy chơi gôn, vợt tennis, chân nhái trong môn bơi lặn có ống thở (môn snorkeling), ván trượt, giầy trượt băng, giầy trượt patanh, phao bơi và tấm ván cho mục đích giải trí, ván lướt sóng, chân nhái để bơi; dụng cụ hỗ trợ thở khi bơi lặn có ống thở (môn snorkeling), cụ thể là vây bơi, chân nhái trong môn bơi lặn có ống thở (môn snorkeling), đai và túi trong môn snokel; bóng, cụ thể là bóng rổ, bóng chày, bóng bầu dục, bóng cao su, bóng đá, bóng đặc ruột nảy rất mạnh, bóng chơi gôn, bóng tennis; bóng thể thao, kính vạn hoa, bài để chơi, vật trang trí cây Giáng sinh (không bao gồm đồ chiếu sáng và bánh kẹo); hộp đồ chơi phát nhạc; đuôi nhựa xe đạp (đồ chơi).

Nhóm 29: Thịt, cá, thịt gia cầm và thịt thú rừng; các sản phẩm chiết xuất từ thịt; rau và hoa quả được bảo quản, sấy khô và nấu chín; thạch, mứt, mứt quả; trứng; sữa và các sản phẩm từ sữa, cụ thể là đồ uống trên cơ sở từ sữa (sữa chiếm phân nửa và hơn trong thành phần) có chứa hoa quả và nước hoa quả, đồ uống là sữa có chứa thành phần sữa cao, đồ uống là sữa có chứa hoa quả, bột sữa, đồ uống là sữa có chứa cà phê, sữa bột dùng cho thực phẩm, pho mát mềm, kem chua, pho mát, bơ, đồ uống đánh trứng thường có rượu, kem, bơ thực vật, kem tươi, sữa chua, sữa chua uống, sữa đông, xi- rô có hương liệu và hỗn hợp đồ uống bột và chất lỏng dùng để chế biến các thức uống từ sữa, thức uống từ sữa và các sản phẩm từ sữa không kể kem, sữa lạnh và sữa chua đông lạnh; mỡ và dầu ăn.

Nhóm 30: Cà phê, chè, cacao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ; chất thay thế, cà phê nhân tạo, chè, cacao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ; bột mì và các chế phẩm được làm từ ngũ cốc, bánh mì, bánh nướng, và các sản phẩm bánh kẹo cụ thể là sôcôla và kẹo, bánh qui, kẹo mềm, kẹo cao su, hạnh nhân sôcôla, bánh quy sôcôla, bánh kẹo đông lạnh, chất lỏng có thể đông lạnh dùng để chế biến bánh kẹo đông lạnh, kem lạnh, kem lạnh để uống, hỗn hợp và bột làm kem lạnh, hỗn hợp bơ đường để phủ bánh, sản phẩm thay thế kem lạnh, bánh kem lạnh, kẹo hạt dẻ, kẹo nuga, bánh hạnh nhân, kẹo thanh, sôcôla bào, kẹo sôcôla mềm, bánh nướng, bánh ngọt, bánh kem và bánh xốp; đá có hương vị; mật ong, mật đường; men, bột nở; muối, mù tạc; giấm, nước sốt và nước sốt gia vị dùng cho thức ăn; hạt tiêu, gia vị; đá lạnh; cà phê, đồ uống chế trên cở sở cà phê hay có hương vị cà phê; chè, đồ uống chế trên cở sở chè và có hương vị chè; đồ uống chế trên cở sở chè có hương vị nước hoa quả; cà phê lạnh, đồ uống chế trên cở sở cà phê lạnh và đồ uống có hương vị cà phê lạnh.

Nhóm 32: Bia, nước khoáng và nước có ga và các đồ uống không cồn khác, cụ thể là nước ngọt, nước uống, nước uống có hương vị, đồ uống tăng lực, đồ uống dùng cho chơi thể thao; đồ uống hoa quả và nước hoa quả ép; xi rô, thức uống cô đặc, bột, chiết suất hoa quả không chứa cồn và các chế phẩm khác dùng để chế biến đồ uống có tính chất hoa quả, nước hoa quả ép, nước chanh, nước ngọt, nước hoa quả, nước có hương vị, nước khoáng và nước uống có ga, nước tăng lực, đồ uống dùng cho chơi thể thao, đồ uống từ cà phê, đồ

uống từ chè, đồ uống từ chè có vị nước hoa quả, đồ uống từ cà phê dạng chai không chứa cồn và đồ uống hương vị cà phê, đồ uống từ cà phê không chứa cồn lạnh và đồ uống hương vị cà phê đông lạnh và đồ uống từ chè đóng chai không chứa cồn; sữa đậu nành, đồ uống từ đậu nành dùng để thay thế cho sữa.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí, cụ thể là cung cấp các chương trình biểu diễn múa rối, chiếu phim, hòa nhạc trực tiếp, diễn kịch, trình diễn sân khấu; các chương trình biểu diễn và trình diễn trực tiếp ca nhạc và sân khấu, và cung cấp trò chơi điện tử trực tuyến cho nhiều người chơi; dịch vụ công viên giải trí; sản xuất, giới thiệu, phân phối cho người khác và cho thuê các chương trình tivi và phát thanh, phim, phim điện ảnh, sản xuất chương trình sân khấu, và ghi âm thanh, audio, video; dịch vụ xuất bản âm nhạc và văn học; các hoạt động văn hóa và thể thao, cụ thể là tổ chức và tiến hành các sự kiện thể thao, văn hóa và nghệ thuật; tổ chức và tiến hành các lễ hội với nhiều hoạt động đa dạng, cụ thể là triển lãm; xuất bản trực tuyến sách, sách tập vẽ học chữ cho trẻ em, sách tô màu, tạp chí, báo, tờ tin, từ điển bách khoa, sách chỉ dẫn, lịch, áp phích và sách thông tin mỏng; dịch vụ giáo dục, cụ thể là tiến hành các buổi diễn thuyết, hội thảo, đọc sách, hội nghị, các bài tập có vào vai tương tác thực tế; cung cấp các thông tin về lĩnh vực giáo dục và giải trí; cung cấp thông tin về lĩnh vực trò chơi điện tử trực tuyến và thiết bị lắp vào máy tính cho trò chơi điện tử; cung cấp thông tin về các tác phẩm văn học tiểu thuyết; cung cấp các thông tin về giáo dục và giải trí về các nhân vật tiểu thuyết, địa danh, địa điểm, sự kiện văn hóa, các vở kịch, các bài diễn thuyết và các bữa tiệc giới thiệu và quảng bá sách.

---

(111) **4-0097084**
(210) 4-2005-09570
(181) 01.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

PRIMA TASTE

(151) 06.03.2008
(220) 01.08.2005

(731) PRIMA LIMITED (SG)
201 Keppel Road, Singapore 099419
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Canh thịt cô đặc; nước xuýt cô đặc; động vật giáp xác (không còn sống); thức ăn được chế biến từ cá; cá (không còn sống); các loài thảo mộc trong vườn đã được chế biến; mỡ dùng cho thức ăn; các thành phần thức ăn được làm từ trứng; thịt; dầu và chất béo ăn được dùng để chế biến thực phẩm; quả hạch đã chế biến; phấn hoa được chế biến thành thực phẩm; nước thịt; thịt lợn; chiết xuất từ thịt; nước thịt đông; thịt đã chế biến; tôm panđan (không còn sống); protein dùng cho con người; các loại động vật có vỏ (không còn sống); tôm (không còn sống); các thành phần thực phẩm được làm từ thịt, cá, rau và/hoặc trứng để chế biến món ăn; đậu phụ; pa tê xúp; thực phẩm được thái hạt lựu và thực phẩm hỗn hợp; thực phẩm đã được bảo quản; hành đã sấy khô; ớt đã được bảo quản; hành đã bảo quản; tỏi đã bảo quản; các loại rau củ đem ngâm (rau dầm, hoa quả dầm, dưa góp); tỏi đã xay nhuyễn; thịt nhồi cho các loại thức ăn nhẹ; các món tráng miệng đã làm lạnh được chế biến từ hoa quả, rau, quả hạch, đậu, sữa, bơ và/hoặc dầu ăn và chất béo; xúc xích để ăn nhẹ; lớp bao phủ trên mặt các món tráng miệng được chế biến từ hoa quả, rau, quả hạch, đậu, sữa, bơ và/hoặc dầu ăn và chất béo; các món tráng miệng có hàm lượng calo thấp được chế biến từ hoa quả, rau, quả hạch, đậu, sữa, bơ và/hoặc dầu ăn và chất

béo; các món tráng miệng được làm từ sữa đông và các chất chiết xuất từ hoa quả; các món tráng miệng làm từ sữa đông và các chất chiết xuất từ thảo mộc; các món tráng miệng làm từ sữa; các món tráng miệng được chế biến từ hoa quả, rau, quả hạch, đậu, sữa, bơ và/hoặc dầu ăn và chất béo; hoa quả đã sấy khô; các sản phẩm hoa quả đã sấy khô; thảo mộc đã sấy khô; rau đã sấy khô; tổ chim có thể ăn được; thạch ăn được làm từ sữa và các loại rau; các sản phẩm thức ăn làm từ quả hạch đã nấu; các sản phẩm thức ăn được làm từ hoa quả đã được bảo quản; các món tráng miệng hoa quả; nhân hoa quả để nhồi; thạch hoa quả có chứa thảo mộc; các chế phẩm hoa quả dạng thạch; hỗn hợp các loại thực phẩm bao gồm cá, tôm, thịt và/hoặc rau đã được bảo quản, đã sấy khô, đã nấu; hỗn hợp hoa quả sấy khô và quả hạch; các sản phẩm làm từ quả hạch; hỗn hợp hoa quả xay nhão; hỗn hợp làm từ quả hạch nghiền nhão; hỗn hợp làm từ đỗ nghiền nhão; hỗn hợp dạng bột bao gồm hoa quả, rau, quả hạch, đậu, sữa, bơ và/hoặc dầu ăn và chất béo để làm các món tráng miệng; các chế phẩm để làm thạch; quả hạch đã chế biến; các món tráng miệng được làm sẵn bao gồm sữa với giêlatin (chất lỏng trong suốt dùng để chế ra thạch làm thức ăn) tạo thành một chất đông kết lại; các món tráng miệng được chuẩn bị sẵn bao gồm sữa và tinh bột tạo thành một chất đông kết lại.

Nhóm 30: Hỗn hợp thức ăn đã chuẩn bị để chế biến thành các món mì sợi hoặc cơm; các thành phần dạng bột dùng cho thức ăn, cụ thể là: hạt tiêu, tỏi, bột ớt và bột gia vị; nước sốt có gia vị, chiết xuất từ các gia vị và các chế phẩm để cho vào nước sốt; nước sốt cà chua; gạo; mì sợi; các đồ gia vị; bột cà ri; dầu giấm để trộn xa lát; dầu thơm dùng cho thực phẩm; tinh bột ngô; bột mì dùng cho thức ăn; các sản phẩm làm từ bột mì; gừng (gia vị); gluten dùng cho thức ăn; muối dùng để bảo quản thức ăn; nghệ tây (gia vị); muối dùng để nấu ăn; mì chính; nước sốt ma-don-ne; gia vị; tinh bột dùng cho thức ăn; bột sắn dùng cho thức ăn; các chất để làm đặc thực phẩm khi nấu; nghệ dùng cho thức ăn; các loại mì, bún, miến; các loại mì, bún, miến dạng sợi; bột lúa mì; bột nhão làm từ quả hạnh; lúa mạch đã chế biến dùng cho con người; bánh putđing để ăn nhẹ; lớp bao phủ trên mặt các món tráng miệng làm từ ngũ cốc, bột mỳ; các món tráng miệng có hàm lượng calo thấp làm từ ngũ cốc, bột mỳ; hỗn hợp thức ăn để làm món tráng miệng làm từ ngũ cốc, bột mỳ; đường, mật đường, mật ong; thực phẩm làm từ đường để làm các món tráng miệng; bột mỳ để làm thực phẩm; món kem tráng miệng; bột dùng cho mục đích nấu nướng; các chế phẩm dùng để làm các món tráng miệng được làm từ ngũ cốc, bột mỳ; các món ăn sẵn, cụ thể là món ăn đông lạnh, món ăn đã được chuẩn bị và/hoặc đã đóng gói bao gồm chủ yếu mỳ sợi hoặc gạo; các sản phẩm tinh bột dùng cho thức ăn; các chất làm dậy mùi cho thức ăn (không phải tinh dầu); các chất làm dậy vị cho thức ăn (không phải tinh dầu); tương ớt; tất cả đều nằm trong nhóm này.

Nhóm 43: Quán cà phê; quán ăn tự phục vụ; dịch vụ cung cấp lương thực, thực phẩm; nhà hàng phục vụ đồ ăn nhanh; nhà hàng tự phục vụ; dịch vụ quán bar; dịch vụ hộp đêm; snachba (tiệm cà phê có bán đồ ăn nhẹ); dịch vụ nhà hàng chuẩn bị đồ ăn và đồ uống; tất cả đều nằm trong nhóm này.

(111) **4-0097085**
(210) 4-2005-16446
(181) 05.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

LOTTE

(151) 06.03.2008
(220) 05.12.2005

(731) HOTEL LOTTE CO., LTD. (KR)
1, Sogong-dong, Jung-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 14: Hộp đựng tiền bằng kim loại quý; hộp đựng đồ trang sức bằng kim loại quý; bộ phận chuyển động của đồng hồ; đồng hồ đeo tay; quả lắc (dùng để chế tạo đồng hồ); vỏ đồng hồ; đồng hồ báo thức; vòng đeo cổ (đồ trang sức); đồ dùng làm bằng vàng không nguyên chất; trang sức (vàng bạc châu báu), ngọc trai (đồ trang sức).

Nhóm 34: Tẩu hút thuốc lá dành cho thuỷ thủ (không làm bằng kim loại quý); bao đựng thuốc lá (không làm bằng kim loại quý); gạt tàn thuốc lá (không làm bằng kim loại quý); hộp đựng thuốc lá (không làm bằng kim loại quý); dụng cụ nạo ống điếu; tẩu thuốc lá (không làm bằng kim loại quý); thuốc lá; xì gà; tẩu thuốc lá dài kiểu Châu Á (không làm bằng kim loại quý), bật lửa dành cho người hút thuốc lá.

Nhóm 39: Vận chuyển hành khách; vận chuyển liên hợp quốc tế; xếp hàng vào kho; quản lý bến đỗ tàu thuyền; môi giới vận tải bằng ô tô; dẫn đường cho khách du lịch; tổ chức các chuyến du lịch; văn phòng du lịch (trừ việc đặt chỗ khách sạn); phát chuyển hoa; môi giới vận tải; cất giữ thức ăn hoặc đồ uống trong nhà kho.

Nhóm 43: Quán ăn phục vụ tiệc đứng; quán ăn theo phong cách Tây Âu; quán cà phê tự phục vụ; quán ăn phục vụ khách du lịch; dịch vụ khách sạn; cho thuê phòng để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí; cho thuê phòng họp.

Nhóm 45: Theo dõi chuông báo động có trộm đột nhập và chuông báo an ninh; dịch vụ làm các công việc nội trợ (cho những người khác).

---

(111) **4-0097086**
(210) 4-2006-16843
(181) 06.10.2016
(300) 2006-031356 06.04.2006 JP
(450) 25.04.2008 241
(540)

VirtualConsole

(151) 06.03.2008
(220) 06.10.2006

(731) NINTENDO CO., LTD. (JP)
11-1 Hokotate-cho, Kamitoba, Minami-ku, Kyoto-shi, Kyoto, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Trò chơi viđeo dùng cho người tiêu dùng (chỉ dùng với máy thu hình); chương trình máy tính dùng cho trò chơi viđeo dùng cho người tiêu dùng; mạch điện tử, đĩa quang, thẻ ROM, hộp chứa (cartridge) bộ nhớ ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu trữ cơ sở dữ liệu khác dùng cho trò chơi viđeo dùng cho người tiêu dùng; bộ điều chỉnh, cần điều khiển và thẻ nhớ dùng cho trò chơi viđeo dùng cho người tiêu dùng; các bộ phận và linh kiện khác dùng cho trò chơi viđeo dùng cho người tiêu dùng; chương trình máy tính dành cho các trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; mạch điện tử, đĩa quang, thẻ ROM, hộp chứa (cartridge) bộ nhớ ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu trữ dữ liệu khác dùng cho trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; máy chơi trò chơi viđeo tại các khu nhà có mái vòm (chỉ dùng với máy thu hình); chương trình máy tính dùng cho máy chơi trò chơi viđeo tại các khu nhà có mái vòm; mạch điện tử, đĩa quang, thẻ ROM, hộp chứa (cartridge) bộ nhớ ROM và các chương trình máy tính dùng để lưu dữ liệu khác dùng cho máy chơi trò chơi viđeo trong nhà có mái vòm; bộ phận và linh kiện dùng cho máy chơi trò chơi viđeo trong nhà có mái vòm; máy tính; mạch điện tử, đĩa từ, đĩa quang và các chương trình máy tính dùng để lưu dữ liệu khác dùng cho máy tính; chương trình máy tính; máy điện tử khác, thiết bị và bộ phận của chúng; thiết bị và dụng cụ phòng thí nghiệm; dụng cụ đo bước; máy móc và dụng cụ kiểm tra hoặc đo đạc khác; máy móc và thiết bị điều khiển hoặc phân phối điện; ắc quy và pin; dụng cụ đo và thử dạng có từ tính hoặc chạy bằng điện; dây điện và dây cáp điện; máy móc và thiết bị nhiếp ảnh; máy móc và thiết bị điện ảnh; thiết bị và dụng cụ quang học; kính đeo mắt (kính mắt và kính bảo hộ); kính đã gia công (không dùng cho xây dựng); thiết bị và dụng cụ cứu hộ; điện thoại di động; dây đeo điện thoại di động; các bộ phận và linh kiện khác dùng cho điện thoại di động; máy móc và thiết bị viễn thông khác; đĩa compact đã được ghi; đĩa ghi các bài hát khác; mạch điện tử và các chương trình biểu diễn tự động đã được ghi vào đĩa CD-ROMs dùng cho nhạc cụ điện tử; máy nhịp (âm nhạc); thiết bị ozon hóa; máy điện phân (thùng điện phân); thiết bị mô phỏng dùng trong huấn luyện thể thao; thiết bị mô phỏng dùng trong đào tạo lái xe; máy đổi điện dạng quay; máy bù pha dòng điện; bàn là điện; thiết bị uốn tóc chạy điện; còi điện; dụng cụ và thiết bị báo hiệu dùng cho đường sắt; biển báo hình tam giác báo hiệu xe cộ hỏng; thiết bị báo hiệu trên đường dùng dạ quang hoặc cơ học; chuông báo cháy; chuông báo dò khí gas; găng tay dùng để bảo vệ khỏi tai nạn; bình xịt cứu hoả; vòi nước cứu hoả; miệng vòi cứu hoả; máy bơm chữa cháy; xuồng chữa cháy; hệ thống phun chống cháy; thiết bị cảnh báo chống trộm; mũ bảo hiểm; quần áo chống lửa; mặt nạ chống bụi; mặt nạ chống khí gas; lõi từ; thiết bị châm thuốc lá (xì gà) dùng trên xe ô tô; dây điện trở; điện cực; mặt nạ dùng khi hàn; phim phơi sáng dùng cho máy quay phim; phim dương bản phơi sáng; khung phim dương bản; bằng viđeo và đĩa viđeo đã được ghi; xuất bản phẩm điện tử; thiết bị dùng cho trạm xăng, cụ thể là cái đo mức xăng dầu, bơm xăng dầu dùng cho trạm bán xăng, dụng cụ đo khí; máy bán hàng tự động; cổng vận hành bằng tiền xu dùng cho các khu đỗ xe; máy tính tiền; thước lôga (có một miếng trượt trên đường soi ở giữa, có chia độ lôga để tính toán nhanh); máy đếm và phân loại tiền xu; bảng báo hiệu bằng điện dùng để hiển thị biển báo đích, điểm báo hiệu dòng điện ở đầu ra; máy photocopy; thiết bị tính toán điều khiển bằng tay (máy tính tiền); máy và thiết bị dùng để vẽ hoặc phác thảo; máy in tem ghi thời gian và ngày tháng; đồng hồ thời gian (thiết bị ghi thời gian); máy đục lỗ dùng cho văn phòng; máy bỏ phiếu; máy làm hoá đơn; thiết bị kiểm tra tem thư; dây đeo bình lặn (dùng khi lặn có bình ôxi); bộ đồ lặn (dùng cho lặn có bình ôxi); phao bơi có thể bơm phồng; mũ bảo hiểm dùng trong thể thao; bình khí (dùng khi lặn có bình ôxi); máy và thiết bị lặn (không dùng trong thể thao); máy điều chỉnh (dùng khi lặn có bình ôxi); thiết bị hàn bằng cung lửa điện; máy cắt kim loại (dùng thể hồ quang, gas hoặc plasma); máy soi trứng; thiết bị hàn điện; thiết bị mở cửa chạy điện; nút bịt lỗ tai (dùng cho thợ lặn).

Nhóm 16: Giấy và các tông; thùng đựng hàng dùng trong công nghiệp làm bằng giấy; màng chất dẻo bao gói thức ăn dùng cho gia đình; túi đựng rác bằng giấy dùng cho gia đình; túi đựng rác bằng chất dẻo dùng cho gia đình; giấy vệ sinh; mẫu vẽ bằng giấy; khăn lau bằng giấy; khăn trải bàn bằng giấy; khăn ăn bằng giấy; khăn lau tay bằng giấy; biểu ngữ làm bằng glấy; cờ bằng giấy; khăn tay bằng giấy; tã lót trẻ em bằng giấy; phấn cho thợ may; nhãn đề tên và địa chỉ của người có hành lý; vé số số in sẵn (không phải là đồ chơi); danh thiếp; ấn phẩm khác; tranh vẽ và các tác phẩm thư pháp; ảnh chụp; giá đỡ ảnh chụp; văn phòng phẩm và dùng cho học tập (không kể máy móc dùng cho mục đích này); hồ dán và keo dán khác dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia đình; máy thiết kế bản vẽ trên nền giấy xanh lam dùng cho văn phòng; máy lập địa chỉ; thanh chèn dòng dùng trong máy in (thanh cỡ chèn dòng); ruy băng mực in; mẫu chữ in sẵn (kể cả số in sẵn); máy dán tem tự động; máy dập ghim chạy điện dùng cho văn phòng; máy đóng dấu niêm phong phong bì thư dùng cho văn phòng; máy xoá tem; dụng cụ vẽ; bút vẽ cho người trang trí; máy chữ; máy kiểm tra chữ viết; máy in rônêô; máy sao chép dập nổi; máy cắt giấy dùng cho văn phòng; xi gắn (sáp chảy mềm nhanh khi nung nóng và đóng rắn nhanh khi làm lạnh dùng để niêm phong thư từ); khuôn vạch dấu; dụng cụ gọt bút chì chạy bằng điện máy in dấu tem (thiết bị tự động đóng dấu vào các lá thư và tự tính bưu phí); máy sao chép dạng quay; bể nuôi cá cảnh trong nhà và các bộ phận của chúng.

Nhóm 28: Máy và thiết bị chơi trò chơi (không dùng với máy thu hình); trò chơi chuyển động; môn cờ Nhật Bản (trò chơi shogi); trò chơi bài và các đồ dùng kèm theo; bài lá của Nhật Bản (utagaruta); trò chơi xúc xắc; trò chơi xúc xắc kiểu Nhật (sugoroku); cốc gieo xúc xắc; trò chơi dạng hình thoi; trò chơi cờ; quân cờ đam (bộ cờ đam); thiết bị dùng trong môn ảo thuật; cờ đôminô; bài lá dùng để chơi bài; quân bài lá kiểu Nhật (hanafuda); trò chơi bài mạt chược; dụng cụ chơi trò bi-a; đồ chơi dùng cho trò chơi bài lá và các đồ kèm theo; trò chơi điện tử cầm tay với màn hình tinh thể lỏng; bộ phận và linh kiện của trò chơi điện tử điều khiển bằng tay có màn hình tinh thể lỏng; đồ chơi khác; búp bê; đồ chơi dùng cho vật nuôi trong nhà; dụng cụ thể thao; sáp dùng cho ván trượt tuyết; cần câu cá; lưới vợt côn trùng; máy và thiết bị giải trí dùng trong các khu công viên giải trí (không phải là máy chơi trò chơi video trong các khu nhà mái vòm); máy giật xèng (chơi bài); ván nổi dùng trong bơi lội.

Nhóm 41: Các dịch vụ giáo dục và giảng dạy liên quan đến nghệ thuật, nghề thủ công, thể thao hoặc kiến thức chung; cung cấp thông tin về hiến xác người cho nghiên cứu y học; sắp xếp việc hiến xác người cho nghiên cứu y học; tổ chức, quản lý hoặc sắp xếp các buổi hội nghị; huấn luyện thú; triển lãm cây (dùng cho mục đích văn hoá, giáo dục hoặc giải trí); các khu vườn mở cửa cho công chúng tham quan; hang động mở cửa cho công chúng tham quan; triển lãm động vật (dùng cho mục đích văn hoá, giáo dục hoặc giải trí); thư viện tham khảo sách văn học và tài liệu; triển lãm nghệ thuật; cung cấp xuất bản phẩm điện tử; xuất bản sách; lập kế hoạch sắp xếp chiếu phim, buổi trình diễn, kịch hoặc biểu diễn âm nhạc; cung cấp hình ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp hình ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi video trong nhà có mái vòm; cung cấp hình ảnh thông qua phương tiện liên lạc bằng trò chơi video dành cho người tiêu dùng; cung cấp hình ảnh thông qua các phương tiện liên lạc khác; chiếu phim điện ảnh, sản xuất phim điện ảnh hoặc phân phối phim điện ảnh; trình diễn các buổi biểu diễn trực tiếp; đạo diễn hoặc trình diễn các vở kịch; trình diễn các buổi biểu diễn âm nhạc; sản xuất các chương trình truyền hình hoặc chương trình rađiô; sản xuất phim trên băng video trong lĩnh vực giáo dục, văn hoá, giải trí hoặc thể thao (không dùng cho phim điện ảnh, chương trình truyền hình hoặc chương trình rađiô và

cũng không dùng cho quảng cáo); đạo diễn việc sản xuất các chương trình truyền hình hoặc chương trình rađiô; thao tác các thiết bị âm thanh hoặc hình ảnh dùng để sản xuất các chương trình phát thanh hoặc truyền hình; tổ chức, quản lý hoặc sắp xếp các cuộc thi đấu thể thao; tổ chức, quản lý hoặc sắp xếp các sự kiện trò chơi video; tổ chức, quản lý hoặc sắp xếp các cuộc đua ngựa; tổ chức, quản lý hoặc sắp xếp các cuộc đua xe đạp; tổ chức; quản lý hoặc sắp xếp các cuộc đua thuyền; tổ chức, quản lý hoặc sắp xếp các cuộc đua ô tô; quay sổ xố; dịch thuật; phiên dịch ngôn ngữ; nhiếp ảnh; cung cấp phòng thu âm hoặc phòng thu hình; cung cấp các tiện nghi thể thao; cung cấp trò chơi thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp trò chơi thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi trong nhà có mái vòm; cung cấp trò chơi thông qua phương tiện liên lạc bằng máy chơi trò chơi dành cho người tiêu dùng; cung cấp trò chơi thông qua các phương tiện liên lạc khác; cung cấp thông tin về giải trí thông qua thiết bị đầu cuối máy tính; cung cấp các tiện nghi giải trí; cung cấp các tiện nghi cho phim điện ảnh, các buổi biểu diễn, vở kịch, âm nhạc hoặc đào tạo về giáo dục; đặt chỗ trước trong các buổi biểu diễn; cho thuê trang thiết bị thể thao; cho thuê máy và thiết bị quay phim; cho thuê phim điện ảnh; cho thuê phim âm bản; cho thuê phim dương bản; cung cấp chương trình trò chơi video dành cho người tiêu dùng; cung cấp chương trình trò chơi cầm tay có màn hình tinh thể lỏng; cung cấp chương trình của máy chơi trò chơi video trong nhà có mái vòm; cho thuê trò chơi video dành cho người tiêu dùng; cho thuê đồ chơi; cho thuê nhạc cụ; cho thuê máy ảnh; cho thuê máy và dụng cụ quang học; cho thuê ti vi; cho thuê sách; cho thuê đài; cho thuê đĩa ghi hoặc băng từ có ghi sẵn âm thanh; cho thuê băng từ có ghi sẵn hình ảnh; cho thuê máy và thiết bị giải trí; cho thuê máy và thiết bị chơi trò chơi; cho thuê tranh và tác phẩm thư pháp; cung cấp trò chơi thông qua mạng viễn thông; cung cấp trò chơi thông qua mạng thông tin liên lạc.

---

(111) **4-0097087**
(210) 4-2006-16992
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VAMTREL

(151) 06.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN VY (VN)
541/24 Sư Vạn Hạnh, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097088**
(210) 4-2006-16993
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Neotears

(151) 06.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH DƯỢC NHẬT KHUÊ (VN)
0.06 chung cư C1, đường 267B Ba Tơ, phường 7, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097089**
(210) 4-2007-11462
(181) 21.06.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

ECOPOLYSEAL

(151) 06.03.2008
(220) 21.06.2007

(731) TSUCHIYA TSCO CO., LTD. (JP)
43-1, Urajinkiri, Ushita-cho, Chiryu-shi, Aichi-ken 472-0007, Japan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Dải đệm kín tránh tác động của thời tiết (một phần của vật liệu xây dựng, không bằng kim loại) dùng cho khung trượt làm bằng nhôm, cửa chớp, cửa lối vào hoặc cho các vật liệu xây dựng dạng gá lắp khác; dải đệm kín tránh tác động của thời tiết (một phần của vật liệu xây dựng, không bằng kim loại) dùng cho cửa lưới, cửa sổ chớp, cửa ra vào dùng bên trong nhà, cửa kéo hoặc cho các vật liệu xây dựng dạng gá lắp khác.

---

(111) **4-0097090**
(210) 4-2007-04506
(181) 19.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

LIVCEFOZON

(151) 06.03.2008
(220) 19.03.2007

(731) GROWENA IMPEX COMPANY (HK)
12/F Man Cheung Bldg, 15/7 Wyndham Str., Hongkong
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097091**
(210) 4-2007-00100
(181) 03.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

OPTI GUARD

(151) 06.03.2008
(220) 03.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ POLYMER MỚI (VN)
Tòa nhà 37, phòng 501, ngõ 66 đê Tô Hoàng, phường Cầu Dền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 02: Sơn, chế phẩm chống ăn mòn, sơn dầu bitum, chất dùng để sơn lót, chế phẩm để bảo vệ kim loại, nhựa tự nhiên ở dạng thô thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097092**
(210) 4-2007-00225
(181) 04.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

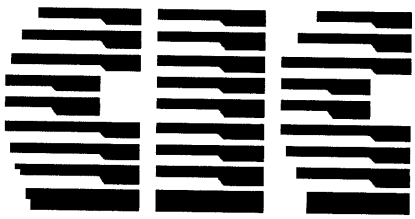

(151) 06.03.2008
(220) 04.01.2007

(531) 26.11.3; A26.11.8; A26.11.6
(731) CÔNG TY TIN HỌC XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG (VN)
Số 37, phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính, máy vi tính, máy tính xách tay, thiết bị ngoại vị của máy vi tính.

Nhóm 35: Mua, bán, xuất nhập khẩu phần mềm máy tính, máy vi tính, máy tính xách tay, thiết bị ngoại vi của máy vi tính.

Nhóm 37: Dịch vụ lắp đặt các hệ thống thiết bị tin học, viễn thông.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng.

---

(111) **4-0097093**
(210) 4-2007-02035
(181) 29.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 29.01.2007

(531) 3.7.17; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH THỂ THAO VIỆT SƠN (VN)
Số 175, Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 25: Quần áo thể thao; giày thể thao, mũ thể thao (không phải là mũ bảo hiểm); tất; đồ lót thể thao; băng nịt thể thao (cổ tay, khuỷu tay, đầu gối, cổ chân, đầu).

Nhóm 28: Băng quấn cán vợt (cầu lông, quần vợt); túi đựng vợt thể thao; bóng quần vợt.

Nhóm 35: Dịch vụ cửa hàng bán lẻ và xuất nhập khẩu: dụng cụ và thiết bị thể thao, quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu thời trang và thể thao, túi đựng đồ thể thao, vali, thắt lưng, băng nịt, tất, găng, bóng thể thao (quần vợt, bóng rổ, bóng đá, gôn), cầu lông, khoá và khuy cài dùng cho quần áo và túi xách, phụ kiện cho quần áo, giày thể thao.

---

(111) **4-0097094**
(210) 4-2007-02834
(181) 09.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

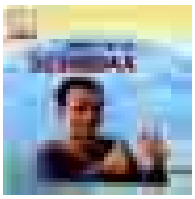

(151) 06.03.2008
(220) 09.02.2007

(531) 2.1.1; A5.1.5
(591) Xanh, đỏ, tím, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX (VN)
114 Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ cỏ dại (thuốc bảo vệ thực vật).

---

(111) **4-0097095**
(210) 4-2007-02988
(181) 13.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

STALEVO

(151) 06.03.2008
(220) 13.02.2007

(731) ORION CORPORATION (FI)
Orionintie 1, 02200 Espoo, Finland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược dùng cho người.

---

(111) **4-0097096**
(210) 4-2007-02989
(181) 13.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

SỜ TA LE VÔ

(151) 06.03.2008
(220) 13.02.2007

(731) ORION CORPORATION (FI)
Orionintie 1, 02200 Espoo, Finland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược dùng cho người.

---

(111) **4-0097097**
(210) 4-2007-04500
(181) 19.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 19.03.2007

(531) 26.11.1; A26.11.12
(591) Trắng, xanh lá cây, vàng nâu
(731) CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ TRÀ GIANG (VN)
Số 172/46/20 đường Âu Cơ, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ làm tóc, phòng cắt tóc, mỹ viện, cắt sửa móng tay.

---

(111) **4-0097098**
(210) 4-2007-04604
(181) 20.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

HI-PRES

(151) 06.03.2008
(220) 20.03.2007

(731) NOVENCO A/S (DK)
Industrivej 22, DK-4700 Naestved, Denmark
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Thiết bị thông gió và thiết bị điều hoà không khí.

---

(111) **4-0097099**
(210) 4-2007-02902
(181) 12.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

JOYING

(151) 06.03.2008
(220) 12.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LISOHAKA (VN)
Khu công nghiệp Phú Cát, Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 12: Xe máy.

---

(111) **4-0097100**
(210) 4-2007-02906
(181) 12.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

FOCTE

(151) 06.03.2008
(220) 12.02.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN LISOHAKA (VN)
Khu công nghiệp Phú Cát, Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 12: Xe máy.

---

(111) **4-0097101**
(210) 4-2006-19048
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 07.11.2006

(531) 26.1.1; 26.1.4; 26.11.3; A26.11.8; A25.7.21
(591) Đỏ cờ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG PHÚ (VN)
Lô A2, khu công nghiệp Phúc Điền, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

(511) Nhóm 06: Dây đồng.

Nhóm 09: Cáp: cáp thông tin, cáp điện và dây điện các loại, cáp tín hiệu và truyền số liệu: LAN, cáp đồng trục, tín hiệu.

---

(111) **4-0097102**
(210) 4-2007-00581
(181) 05.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 05.01.2007

(531) 26.1.5
(591) Vàng, nâu, đỏ, ghi, đen
(731) CƠ SỞ TUYẾT MAI (TUYET MAI POPCORN) (VN)
Số 218/1 đường Hai Bà Trưng, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán bắp rang bơ.

---

(111) **4-0097103**
(210) 4-2007-00582
(181) 05.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 05.01.2007

(531) 26.1.2; 26.4.4; A11.3.2
(591) Vàng, đỏ, nâu, đen, ghi
(731) CƠ SỞ TUYẾT MAI (TUYET MAI POPCORN) (VN)
Số 218/1 đường Hai Bà Trưng, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Bắp rang bơ.

---

(111) **4-0097104**
(210) 4-2007-01954
(181) 26.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

PEPSI CHILL

(151) 06.03.2008
(220) 26.01.2007

(731) PEPSICO, INC. (US)
700 Anderson Hill Road, Purchase, New York 10577, United States of America
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng (đồ uống) và nước có ga (đồ uống) và các đồ uống không có cồn khác; nước uống hoa quả và nước ép hoa quả; xi rô và các chế phẩm khác để làm đồ uống.

---

(111) **4-0097105**
(210) 4-2007-03802
(181) 06.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 06.03.2007

(591) Tím, vàng da cam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MẠNG THANH TOÁN VINA (VN)
Phòng 2, tầng 10, toà nhà Harec, 4A Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ thu hộ cước phí, thẻ tín dụng thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097106**
(210) 4-2007-03803
(181) 06.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 06.03.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MẠNG THANH TOÁN VINA (VN)
Phòng 2, tầng 10, toà nhà Harec, 4A Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ thu hộ cước phí, thẻ tín dụng thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097107**
(210) 4-2007-04322
(181) 15.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 15.03.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG - THÉP NINH BÌNH (VN)
Phường Ninh Phong, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

(511) Nhóm 19: Cấu kiện bê tông vận chuyển được (cấu kiện bê tông đúc sẵn).

---

(111) **4-0097108**
(210) 4-2007-04427
(181) 16.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

SMART RINSE

(151) 06.03.2008
(220) 16.03.2007

(731) JOHNSON & JOHNSON (US)
One Johnson & Johnson Plaza, New Brunswick, New Jersey, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Nước súc miệng dùng trước khi đánh răng không chứa thuốc; nước súc miệng không chứa thuốc và nước làm sạch miệng không chứa thuốc.

Nhóm 05: Nước súc miệng dùng trước khi đánh răng; nước súc miệng và nước làm sạch miệng, tất cả có chứa thuốc.

---

(111) **4-0097109**
(210) 4-2007-04602
(181) 20.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

FENDAVAL

(151) 06.03.2008
(220) 20.03.2007

(731) TIBOTEC PHARMACEUTICALS LTD. (IE)
Little Island, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược chất và chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097110**
(210) 4-2005-13386
(181) 11.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

homart

(151) 06.03.2008
(220) 11.10.2005

(531) 7.1.24
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT MỸ NGHỆ NHÀ (VN)
Số 8 Nguyễn Hoàng Tôn, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 20: Bàn, ghế, giường, tủ dùng trong gia đình và văn phòng, khách sạn, nhà hàng ăn uống; đồ thủ công mỹ nghệ như: bàn, ghế bằng mây tre đan.

Nhóm 37: Dịch vụ trang trí nội thất.

---

(111) **4-0097111**
(210) 4-2005-17205
(181) 16.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 16.12.2005

(531) A5.3.15
(731) XÍ NGHIỆP ĐỨC NHÂN (VN)
Tổ 1, phường Ngô Mây, thị xã Kon Tum, tỉnh Kon Tum
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Ván ép Okan, ván sàn, cửa làm bằng gỗ, lều làm bằng gỗ (không phải lều gấp).

Nhóm 20: Bàn, ghế, giường, tủ, kệ.

Nhóm 39: Bán điện (do xí nghiệp tự sản xuất).

---

(111) **4-0097112**
(210) 4-2005-13340
(181) 10.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

BRAINY

(151) 06.03.2008
(220) 10.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA CÔNG NGHỆ CAO VIỆT NAM - US (VN)
Lô 32-34-36, đường số 5, khu công nghiệp Tân Đức, tỉnh Long An
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm làm từ sữa.

---

(111) **4-0097113**
(210) 4-2005-17464
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

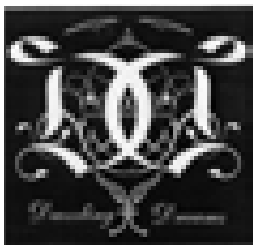

(151) 06.03.2008
(220) 22.12.2005

(531) A5.5.20; 5.13.25; 3.7.19; 26.11.3; A26.11.13
(731) CÔNG TY TNHH THẾ GIỚI NGHỆ NHÂN (VN)
Số 5, lô 2C, khu đô thị mới Trung Yên, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Giấy, giấy ăn, giấy vệ sinh; vật liệu để đóng sách, ấn phẩm.

Nhóm 18: Túi xách thời trang.

Nhóm 20: Đồ gỗ gia dụng và văn phòng cụ thể là các sản phẩm dùng cho nội, ngoại thất như: bàn; ghế; giường; tủ; kệ; khung ảnh, gối; đệm.

Nhóm 21: Đồ mỹ nghệ cao cấp trang trí nghệ thuật cho nội, ngoại thất: chai, lọ, bình hoa, chậu hoa, giá đựng đồ làm bằng vải, giá đỡ nến trang trí nghệ thuật.

Nhóm 24: Vải, hàng dệt dùng cho nội, ngoại thất như mành rèm; ga; khăn; chăn; màn; vải phủ.

Nhóm 25: Quần, áo, giày dép, mũ nón, khăn.

Nhóm 28: Đồ lưu niệm, trang trí, quà tặng cụ thể là: đồ trang trí cây thông noel (ngoại trừ đèn chiếu sáng và bánh kẹo), đồ chơi là các nhân vật hoạt hình, trò chơi xếp hình.

Nhóm 35: Mua bán các mặt hàng thủ công mỹ nghệ cao cấp, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ (làm bằng song, mây, tre, trúc, đay, cói, lau, sậy, sành, sứ, thuỷ tinh, pha lê, kim loại, thép không gỉ, inox, gỗ ép, mi ca, nhựa, đá); đồ trang trí nội ngoại thất, đồ gỗ nội ngoại thất, đồ dùng văn phòng, đồ cổ và giả cổ, đồ da và giả da, đèn, tranh, tượng, gương, kính, các sản phẩm mành, rèm, ga, gối, chăn, đệm, thảm, túi xách, quần áo, mũ nón, giày dép, khăn trang trí, quà tặng lưu niệm, bưu thiếp, vật để đánh dấu trang sách, xà phòng, nến, giấy ăn, khăn ăn, đồ sơn mài, cẩm thạch, trạm khảm, đồ trang trí mỹ thuật; mua bán trà, cà phê, nước hoa quả, bia, rượu (không do nhà hàng thực hiện); mua bán thuốc lá, bánh kẹo, đồ chơi, đồ điện dân dụng, đồ làm bếp và dụng cụ để ăn uống như bát, đĩa, dao, thìa, dĩa, ly, cốc.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ ăn uống, giải khát quán bar, cafe, cửa hàng ăn nhanh; dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống do nhà hàng thực hiện.

---

(111) **4-0097114**
(210) 4-2005-17620
(181) 26.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

WINSOTRA

(151) 06.03.2008
(220) 26.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÓC TRĂNG (VN)
45-47 Hai Bà Trưng, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097115**
(210) 4-2005-17664
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOPECARD

(151) 06.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH KHANG PHÚC (VN)
Số 13 đường 270 Cao Lỗ, phường 4, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097116**
(210) 4-2005-17698
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GANJOA

(151) 06.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097117**
(210) 4-2005-17699
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NEWZIM

(151) 06.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097118**
(210) 4-2005-17700
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALTOFEL

(151) 06.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHẠM ANH (VN)
42/13 Tôn Thất Hiệp, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097119**
(210) 4-2005-17817
(181) 29.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

INOMSEC

(151) 06.03.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số nhà 215A phố Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097120**
(210) 4-2005-17818
(181) 29.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

EPEPIM

(151) 06.03.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐỨC (VN)
Số nhà 215A phố Đặng Tiến Đông, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097121**
(210) 4-2005-14259
(181) 26.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

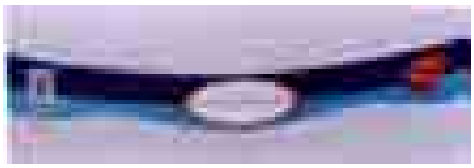

(151) 06.03.2008
(220) 26.10.2005

(531) 26.4.2; A26.11.13; 26.1.2; A2.1.16; A2.3.16
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh dương, xanh lam
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚC NHUNG (VN)
175 Trương Vĩnh Ký, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Máy làm nóng và lạnh nước, có gắn thiết bị lọc (chạy điện).

---

(111) **4-0097122**
(210) 4-2005-14260
(181) 26.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 26.10.2005

(531) A15.9.10; A11.3.2; A11.3.3; 26.4.2; 25.7.20; A26.11.12; A26.3.7
(591) Trắng, xám, xám nhạt, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚC NHUNG (VN)
175 Trương Vĩnh Ký, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Máy làm nóng và lạnh nước, có gắn thiết bị lọc (chạy điện).

---

(111) **4-0097123**
(210) 4-2005-14013
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.13.25; 21.1.25
(591) Trắng, đen, vàng, xanh lá cây nhạt
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ - TẠO MẪU ẤN TƯỢNG NÉT (VN)
91 khu phố 13, đường số 8, phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: nguyên vật liệu ngành quảng cáo, thiết bị máy tính; quảng cáo thương mại; đại lý ký gửi hàng hoá.

Nhóm 40: In ấn bao bì

Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu; thiết kế trang Web; gia công phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0097124**
(210) 4-2005-14052
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 21.10.2005

(591) Xanh dương, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ANTI (VN)
Số 12, ấp Cẩm Tân, xã Xuân Tân, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mật ong.

---

(111) **4-0097125**
(210) 4-2005-16025
(181) 28.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 28.11.2005

(531) 26.1.2; 26.1.5
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐÔNG LÝ (VN)
Nguyễn Du, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng điện tử, điện lạnh, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, thủ công mỹ nghệ, vải dệt, hàng dệt may sẵn, nông hải sản, lương thực/thực phẩm (không do nhà hàng thực hiện), cao su, thuốc lá, xe ô tô, xe máy, nguyên liệu, dụng cụ dùng cho sản xuất, hàng bách hoá phục vụ người tiêu dùng, động vật nuôi; đại lý ký gửi hàng hoá.

---

(111) **4-0097126**
(210) 4-2005-13766
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 18.10.2005

(531) A26.11.12
(591) Đỏ, xanh
(731) NGUYỄN VĂN CHÍN (VN)
122 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán điện thoại, điện thoại di động, tổng đài điện thoại, máy fax, pin điện thoại, phụ kiện dùng cho điện thoại, sim điện thoại, thẻ điện thoại, thẻ Internet, máy photocopy, máy tính, linh kiện máy tính, máy hỗ trợ kỹ thuật số cá nhân (PDA), máy ảnh, máy quay phim.

---

(111) **4-0097127**
(210) 4-2005-16020
(181) 28.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 28.11.2005

(591) Đen, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG HOA THƯƠNG (VN)
345/11 Trần Hưng Đạo, quận 1, phường Cầu Kho, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 36: Tư vấn đầu tư.

Nhóm 42: Tư vấn sở hữu trí tuệ.

---

(111) **4-0097128**
(210) 4-2005-17820
(181) 29.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SISELEN

(151) 06.03.2008
(220) 29.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM GIA THỊNH (VN)
Số 36, phố Thủy Lợi, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097129**
(210) 4-2005-16054
(181) 28.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

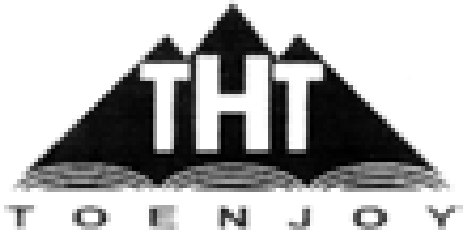

(151) 06.03.2008
(220) 28.11.2005

(531) 6.1.2; 26.3.4; A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TOẠ HƯỞNG (VN)
Tổ 8, khu dân cư 1, Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 35: Buôn bán quần áo may sẵn, hàng dệt kim, bàn ghế, tủ, giường, lúa gạo.

---

(111) **4-0097130**
(210) 4-2005-16334
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

BMAXZYME

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097131**
(210) 4-2005-16335
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MEDIMOTIN

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC VIÊN (VN)
Lô 21B, tổ 28, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097132**
(210) 4-2005-16336
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DVICALNOL

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC VIÊN (VN)
Lô 21B, tổ 28, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097133**
(210) 4-2005-16337
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MEDI-TONIC

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC VIÊN (VN)
Lô 21B, tổ 28, ngõ 61, phố Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097134**
(210) 4-2005-16339
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GENITREKSONE

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097135**
(210) 4-2005-16340
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

UKCEF

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097136**
(210) 4-2005-16341
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

CADICOLD

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ (VN)
203 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097137**
(210) 4-2005-16342
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

EAGLE

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẢO VỆ THỰC VẬT HÒA BÌNH (VN)
Số 01, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097138**
(210) 4-2005-16343
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

FEROCANCIL

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HẠNH PHÚC (VN)
Số nhà 18, ngách 86, ngõ 559 phố Kim Ngưu, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097139**
(210) 4-2005-16344
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

IBAPHARTON

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097140**
(210) 4-2005-16345
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LUXO

(151) 06.03.2008
(220) 20.03.2006

(731) LG LIFE SCIENCES, LTD. (KR)
20, Yoido-dong, Youngdungpo-gu, Seoul 150-721, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ cỏ, thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0097141**
(210) 4-2005-05637
(181) 16.05.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

TORISEL

(151) 06.03.2008
(220) 16.05.2005

(731) WYETH (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng để điều trị bệnh ung thư và rối loạn hệ thần kinh trung ương; dược phẩm chống viêm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097142**
(210) 4-2005-08909
(181) 19.07.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NOFACOL

(151) 06.03.2008
(220) 19.07.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NÔNG PHÁT (VN)
387 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0097143**
(210) 4-2005-09861
(181) 05.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

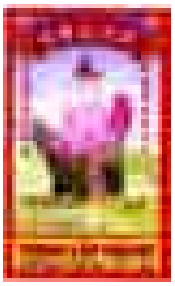

(151) 06.03.2008
(220) 05.08.2005

(531) 5.5.16; 7.1.6; 25.1.6; 1.15.24; A25.1.10
(591) Trắng, đỏ, hồng, vàng, xanh lá cây, xanh lam, xanh da trời
(731) CƠ SỞ DƯƠNG LỆ ANH (VN)
596 Phạm Văn Chí, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Hương (nhang) không dùng cho mục đích diệt côn trùng.

---

(111) **4-0097144**
(210) 4-2005-09862
(181) 05.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

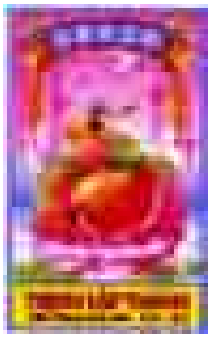

(151) 06.03.2008
(220) 05.08.2005

(531) 5.5.16; 25.1.6; 5.7.24; 24.1.25; A5.7.22; A1.1.13
(591) Trắng, đỏ, hồng, vàng, xanh lá cây, xanh lam, xanh da trời
(731) CƠ SỞ DƯƠNG LỆ ANH (VN)
596 Phạm Văn Chí, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Hương (nhang) không dùng cho mục đích diệt côn trùng.

---

(111) **4-0097145**
(210) 4-2005-09863
(181) 05.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

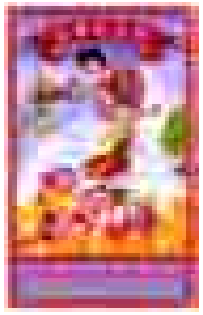

(151) 06.03.2008
(220) 05.08.2005

(531) 25.1.6; 2.5.8; A2.5.22; 2.3.4; A25.1.10; 7.1.6; 24.1.23
(591) Trắng, đỏ, hồng, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, đen, hồng đậm
(731) CƠ SỞ DƯƠNG LỆ ANH (VN)
596 Phạm Văn Chí, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Hương (nhang) không dùng cho mục đích diệt côn trùng.

---

(111) **4-0097146**
(210) 4-2005-09864
(181) 05.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 05.08.2005

(531) 24.1.23; 5.7.24; 18.3.2; A3.9.3; 6.3.1; A22.3.5
(591) Trắng, đỏ, hồng, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, xanh Iam, da cam
(731) CƠ SỞ DƯƠNG LỆ ANH (VN)
596 Phạm Văn Chí, phường 8, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Hương (nhang) không dùng cho mục đích diệt côn trùng.

---

(111) **4-0097147**
(210) 4-2005-09961
(181) 08.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

TANGERINE BURST

(151) 06.03.2008
(220) 08.08.2005

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Nertherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Kem đánh răng; nước súc miệng không chứa dược chất; dầu đánh bóng răng; bột dùng để đánh răng.

Nhóm 05: Các chế phẩm chăm sóc da và da đầu có chứa dược chất; các chế phẩm chăm sóc răng miệng có chứa dược chất.

Nhóm 21: Các loại bàn chải đánh răng; các dụng cụ và vật dụng dùng để chăm sóc và làm sạch răng lưỡi và lợi; các loại tăm; bàn chải đánh răng và các loại hộp đựng tăm không làm bằng kim loại quý; chỉ tơ dùng làm sạch kẽ răng, các dụng cụ trang điểm và vệ sinh.

---

(111) **4-0097148**
(210) 4-2005-14471
(181) 28.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

KAPEDONE

(151) 06.03.2008
(220) 28.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HOÀ (VN)
48 Sinh Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097149**
(210) 4-2005-14739
(181) 04.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

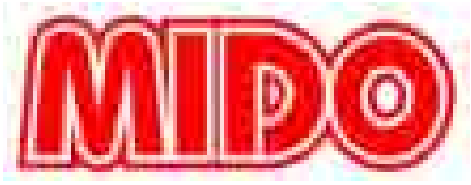

(151) 06.03.2008
(220) 04.11.2005

(591) Đỏ
(731) CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MỸ TRÀ (VN)
Số 161, quốc lộ 30, ấp An Định, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai.

---

(111) **4-0097150**
(210) 4-2005-16407
(181) 05.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

BÀ NĂM TÂN FOTOBANATA

(151) 06.03.2008
(220) 05.12.2005

(731) CƠ SỞ KIM CHI (VN)
Số 32 đường Lò Rèn, phường 4, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh phồng tôm.

---

(111) **4-0097151**
(210) 4-2005-02937
(181) 22.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 22.03.2005

(531) 1.15.15; 2.9.1; 2.7.12
(591) Xanh, tím, xám
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Nertherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại bột giặt; các chất phẩm và các chất sử dụng cho giặt là quần áo; các chất dùng để xử lý lần cuối vải sử dụng trong quá trình giặt; các chất làm mềm vải; các chất để tẩy trắng; các chế phẩm dùng để tẩy sạch vết bẩn; các chế phẩm dùng để khử mùi và làm thơm dùng cho quần áo và các loại vải dệt; các loại xà phòng; các loại xà phòng dùng để làm sáng, trắng đồ vải dệt; các chế phẩm dùng để giặt tay; hồ bột để giặt là; các chất dùng để mài, cọ chùi, đánh bóng và làm sạch.

---

(111) **4-0097152**
(210) 4-2005-05909
(181) 23.05.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

UNDERGROUND

(151) 06.03.2008
(220) 23.05.2005

(731) BENTLEY WORLDWIDE SHOES LIMITED (GB)
Imex Spaces, Atlantic Business Centre, Atlantic Street, Altrincham, Cheshire WA14 5NQ, United Kingdom
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm vệ sinh không chứa thuốc; sản phẩm chăm sóc cho da; miếng vải hoặc khăn tay thấm tẩm chế phẩm làm sạch da; mỹ phẩm và đồ trang điểm bao gồm son môi, mỹ phẩm bôi vào mí mắt, thuốc bôi mi mắt (mascara), mỹ phẩm kẻ viền mắt (eyeliner), phấn hồng trang điểm, phấn nền trang điểm, thuốc màu bôi móng tay, chất khử mùi dùng cho cá nhân, nước hoa côlônhơ, nước hoa dùng cho trang điểm, nước thơm, nước hoa, tinh dầu, dầu tắm (gel) vòi hoa sen, dầu gội đầu, dầu dưỡng tóc, sản phẩm chăm sóc tóc, dầu tắm, xà phòng, kem đánh răng, chế phẩm tạo nên vẻ đẹp lộng lẫy cho cơ thể.

Nhóm 09: Thiết bị quang học; đồ đeo mắt; kính mắt, kính râm; thiết bị ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính; đĩa ghi; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 14: Vòng đeo chìa khoá; hộp đựng kẹo làm bằng kim loại quý; đồ bằng vàng và bằng bạc (trừ dao kéo, dĩa và thìa) và đồ làm bằng kim loại quý khác; hộp kim làm bằng kim loại quý; hộp làm bằng kim loại quý dùng để đựng kim; cây đèn nến làm bằng kim loại quý và cái tắt nến làm bằng kim loại quý và giá đỡ nến làm bằng kim loại quý; đồ nữ trang; đồ kim hoàn và đồ nữ trang giả; mặt dây chuyền; chuỗi hạt (trang sức); nhẫn (trang sức); vòng đeo tay (đồ nữ trang); vòng đeo ở mắt cá chân (trang sức); hoa tai; trâm cài đầu (ghim hoa gài cổ áo); cái kẹp ca vát; cái ghim ca vát; huy hiệu bằng kim loại quý; dây chuyền; cái kẹp trang sức và các đồ trang sức khác; khuy măng séc; đồ nữ trang giả và đồ nữ trang khác; đá quý và đồ giả đá quý; đá nửa (bán) quý và các đá quý khác; hộp đựng phấn làm bằng kim loại quý; hộp phấn sáp bỏ túi làm bằng kim loại quý; hộp dùng trong ngành đồng hồ; hộp đựng đồng hồ đeo tay và đựng các loại đồng hồ treo tường (để bàn) khác; hộp xì gà làm bằng kim loại quý và các vật dụng khác làm bằng kim loại quý dùng cho người hút thuốc; hộp bằng kim loại quý.

---

(111) **4-0097153**
(210) 4-2005-06673
(181) 06.06.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

RiDATA

(151) 06.03.2008
(220) 06.06.2005

(531) A26.11.12
(731) RITEK CORPORATION (TW)
No. 42, Kuanfu N. Road, Hsin Chu Industrial Park, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Đĩa quang; MD (đĩa nhỏ (đĩa từ)); MO (đĩa từ-quang); cạc nhớ dữ liệu; thẻ nhớ dữ liệu; ổ đĩa USB của máy vi tính; thiết bị đọc cạc nhớ dữ liệu; thiết bị tiếp hợp cạc nhớ dữ liệu; đầu ghi đĩa CD và DVD; máy sao chép đĩa CD và DVD; máy ghi đĩa DVD; đầu đọc đĩa CD và DVD; đầu đọc dữ liệu số đa phương tiện; máy in (dùng với máy vi tính); tất cả các sản phẩm trên đều thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097154**
(210) 4-2005-07673
(181) 24.06.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MIRA

(151) 06.03.2008
(220) 24.06.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MIRA (VN)
116/10/13 Hoàng Hoa Thám, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm và dầu gội.

---

(111) **4-0097155**
(210) 4-2005-09797
(181) 04.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

UMV

(151) 06.03.2008
(220) 04.08.2005

(731) FENG SHUNYAO (CN)
1306 Bihu Building, 40 th San Street, Dashatou, Guang Zhou City, Guangdong, China
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 11: Trang bị chiếu sáng dùng cho phương tiện xe cộ đường không; đèn pin điện bỏ túi; thiết bị và trang bị chiếu sáng; đèn và đèn lồng dùng trong sân khấu; bóng đèn tín hiệu chỉ hướng dùng cho xe cộ; đèn điện dùng cho cây noel; đuốc để soi sáng; đèn đứng; bóng đèn dùng cho thiết bị chiếu hình; đèn của thợ mỏ; đèn an toàn; đèn diệt mầm bệnh dùng để làm sạch không khí; đèn pha để rọi sáng; bóng đèn huỳnh quang; bóng đèn chiếu sáng; đèn chùm treo; đèn xếp.

---

(111) **4-0097156**
(210) 4-2005-16346
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SHIRO

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MẶT TRỜI VÀNG (VN)
Lô CN7, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Van gas bằng kim loại.

---

(111) **4-0097157**
(210) 4-2005-16347
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MẶT TRỜI VÀNG (VN)
Lô CN7, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 21: Đồ gia dụng bằng inox như: nồi, xoong, chảo (không dùng điện).

---

(111) **4-0097158**
(210) 4-2005-16348
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MẶT TRỜI VÀNG (VN)
Lô CN7, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 21: Đồ gia dụng bằng inox như: nồi, xoong, chảo (không dùng điện).

---

(111) **4-0097159**
(210) 4-2005-16349
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(531) 1.3.1; A26.11.12; 26.4.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MẶT TRỜI VÀNG (VN)
Lô CN7, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố.

Nhóm 08: Bộ đồ ăn như: dao, dĩa, thìa bằng inox.

Nhóm 09: Thiết bị điều hoà áp lực gas.

Nhóm 11: Bếp điện từ, nồi cơm điện, ấm đun nước siêu tốc bằng inox dùng điện, chậu rửa bằng inox dùng trong nhà bếp.

Nhóm 21: Đồ gia dụng bằng inox như: nồi, xoong, chảo (không dùng điện).

---

(111) **4-0097160**
(210) 4-2005-16350
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GOLDSUN

(151) 06.03.2008
(220) 02.12.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MẶT TRỜI VÀNG (VN)
Lô CN7, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy xay sinh tố.

Nhóm 08: Bộ đồ ăn như: dao, dĩa, thìa bằng inox.

Nhóm 09: Thiết bị điều hoà áp lực gas.

Nhóm 11: Bếp điện từ, nồi cơm điện, ấm đun nước siêu tốc bằng inox dùng điện, chậu rửa bằng inox dùng trong nhà bếp.

Nhóm 21: Đồ gia dụng bằng inox như: nồi, xoong, chảo (không dùng điện).

---

(111) **4-0097161**
(210) 4-2005-12511
(181) 23.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 23.09.2005

(531) 26.1.2
(591) Xanh tím, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XÂY DỰNG THÀNH CÔNG THÀNH (VN)
313/76-78 tỉnh lộ 10, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Cọ sơn; cọ lăn sơn.

---

(111) **4-0097162**
(210) 4-2005-10509
(181) 18.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

HONGFU

(151) 07.03.2008
(220) 18.08.2005

(531) 26.4.2
(731) CƠ SỞ HỒNG PHÚ (VN)
A57 Phan Anh, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Rau câu, thạch trái cây các loại.

Nhóm 30: Kem lạnh (kem ăn thuộc nhóm này).

---

(111) **4-0097163**
(210) 4-2005-02987
(181) 23.03.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 23.03.2005

(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN BIỆT ĐIỆN (VN)
Số 01 đường Ngô Quyền, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu đóng chai, rượu cần.

Nhóm 39: Dịch vụ du lịch.

Nhóm 41: Dịch vụ karaoke.

Nhóm 44: Dịch vụ xông hơi - massage.

(111) **4-0097164**
(210) 4-2005-10569
(181) 19.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

RUFA

(151) 07.03.2008
(220) 19.08.2005

(531) A26.11.12; 26.4.1
(731) CƠ SỞ NHƯ PHÁT (VN)
151/50A/5C kênh Hiệp Tân, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Đèn pin.

---

(111) **4-0097165**
(210) 4-2005-10861
(181) 24.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ANDORAL

(151) 07.03.2008
(220) 24.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HOÀNG ÂN (VN)
128 đường 19E, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0097166**
(210) 4-2005-11593
(181) 08.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 08.09.2005

(531) A2.1.16; 5.9.21; 2.9.21
(591) Xanh dương đậm, xanh ngọc, đỏ, hồng, nâu nhạt, vàng nhạt, trắng
(731) HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)
408, Tashiro Daikancho, Tosu, Saga, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm và chế phẩm thú y; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em; cao dán dùng trong ngành y; đồ để băng bó dùng trong ngành y; vật liệu để

hàn răng và in dấu răng; chất tẩy uế dùng cho mục đích vệ sinh; chế phẩm để diệt trừ sâu hại; chất diệt nấm, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0097167**
(210) 4-2005-12195
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 19.09.2005

(531) 26.4.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG HƯƠNG (VN)
Số 889/5 Trần Phú, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 21: Thùng rác bằng vật liệu composite.

Nhóm 35: Mua bán thùng rác nhựa composite; mua bán thiết bị phòng cháy chữa cháy; mua bán công cụ vệ sinh xe rác; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán đồ bảo hộ lao động; mua bán hoa cây cảnh.

---

(111) **4-0097168**
(210) 4-2006-02283
(181) 20.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DUTCH LADY BEAUTIMEX

(151) 07.03.2008
(220) 20.02.2006

(731) FRIESLAND BRANDS B.V. (NZ)
Blankenstein 142, 7943 PE MEPPEL, The Netherlands
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 29: Sữa và sản phẩm sữa; sữa đặc có đường và sữa đặc không đường, sữa đặc không kem; sữa tiệt trùng, sữa bột, sữa có chứa hương vị; đồ uống sữa có đậu nành (chủ yếu là sữa); sữa chua.

Nhóm 32: Nước khoáng và nước có ga; đồ uống không cồn chiết xuất từ thực vật; nước hoa quả và nước ép trái cây, nước ép trái cây không cồn, chiết xuất hoa qua không cồn, đồ uống không cồn làm từ đậu nành cụ thể là đồ uống đậu nành, có hoặc không có hương vị, xirô và chế phẩm để làm nước khoáng, nước có ga và nước ép trái cây.

---

(111) **4-0097169**
(210) 4-2005-12145
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ABATOX

(151) 07.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÁ NÔNG Á CHÂU (VN)
33/5 Đặng Văn Ngữ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc kích thích sinh trưởng cây trồng, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097170**
(210) 4-2005-12146
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

COCALNATURAL MILK

(151) 07.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỆP THUẬN THÀNH (VN)
Phòng 104 nhà A3, khu tập thể công ty cơ khí Hà Nội, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097171**
(210) 4-2006-00970
(181) 19.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LIỄU BÁC SANH
LIỄU BÁC SANH

(151) 07.03.2008
(220) 19.01.2006

(531) 26.3.1
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ LIỄU BÁC SANH (VN)
32/43 đường Bình Long, ấp 11, xã Bình Hưng Hoà, Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe gắn máy, cụ thể là: đèn xe, dây điện dùng cho xe gắn máy, cần số, cần khởi động, chế hoà khí và bàn đạp phanh (chân đạp phanh).

---

(111) **4-0097172**
(210) 4-2006-03221
(181) 08.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

XOM VANG

XÓM VẮNG

(151) 07.03.2008
(220) 08.03.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VIỆT ANH (VN)
Số 6 Vườn Đào, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; dịch vụ ăn uống.

---

(111) **4-0097173**
(210) 4-2006-03222
(181) 08.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TRAN HONG QUAN

TRẦN HỒNG QUÂN

(151) 07.03.2008
(220) 08.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRẦN HỒNG QUÂN (VN)
Số 300, phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Bình đựng bằng kim loại dùng cho gaz nén, không khí lỏng; bình đựng bằng kim loại dùng cho nhiên liệu lỏng; bình đựng bằng kim loại dùng để chứa axít; công ten nơ bằng kim loại.

Nhóm 11: Bếp gas; máy hút khói (dùng trong nhà bếp); máy hút mùi (dùng trong nhà bếp), lò vi sóng; bình nước nóng lạnh; lò sưởi điện.

Nhóm 21: Xoong, nồi, chảo (tất cả không chạy điện); chậu; bát; đĩa.

---

(111) **4-0097174**
(210) 4-2006-03223
(181) 08.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HONG HA
HỒNG HÀ

(151) 07.03.2008
(220) 08.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRẦN HỒNG QUÂN (VN)
Số 300, phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Bình đựng bằng kim loại dùng cho gaz nén, không khí lỏng; bình đựng bằng kim loại dùng cho nhiên liệu lỏng; bình đựng bằng kim loại dùng để chứa axít; công ten nơ bằng kim loại.

Nhóm 11: Bếp gas; máy hút khói (dùng trong nhà bếp); máy hút mùi (dùng trong nhà bếp), lò vi sóng; bình nước nóng lạnh; lò sưởi điện.

Nhóm 21: Xoong, nồi, chảo (tất cả không chạy điện); chậu; bát; đĩa.

---

(111) **4-0097175**
(210) 4-2006-03224
(181) 08.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 08.03.2006

(531) A1.5.6; A1.1.10
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TRẦN HỒNG QUÂN (VN)
Số 300, phố Huế, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Bình đựng bằng kim loại dùng cho gaz nén, không khí lỏng; bình đựng bằng kim loại dùng cho nhiên liệu lỏng; bình đựng bằng kim loại dùng để chứa axít; công ten nơ bằng kim loại.

---

(111) **4-0097176**
(210) 4-2006-02374
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOTATA

(151) 07.03.2008
(220) 22.02.2006

(731) GUANGDONG HOTATA ENVIRONMENTAL PROTECTION SCIENTIFIC TECHNOLOGY CO., LTD. (CN)
Huangcun Shishe Fuyuan East, Dongpu Town, Tianhe District, Guangzhou, Guangdong (510660), People's Republic of China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Bật lửa (không dùng cho người hút thuốc); mỏ đốt, nồi áp suất dùng điện; ấm đun nước dùng điện; thiết bị đun nước bằng gas; máy đun nước; thiết bị làm lạnh không khí; quạt gió (điều hòa không khí); thiết bị sấy khô quần áo dùng điện; nồi hơi (không phải là bộ phận của máy); vòi nước máy; dụng cụ và thiết bị vệ sinh y tế; thiết bị để tẩy uế (khử trùng); thiết bị để làm sạch nước; lồng ấp bỏ túi; cái châm lửa gaz.

Nhóm 20: Dải ruy băng bằng gỗ dùng để trang trí; bàn làm việc (đồ gỗ); cái mắc áo; tủ com mốt; bàn quầy hàng; giá sách (đồ gỗ); gương soi; cửa cho đồ nội thất; linh kiện cho đồ nội thất không bằng kim loại; đồ gỗ nội thất.

Nhóm 21: Tấm ván để cắt dùng cho nhà bếp; lọ không bằng kim loại quý; đồ dùng gia dụng bằng gốm; đồ sứ gia dụng; chậu rửa mặt; xô; thiết bị phân phối giấy vệ sinh; chậu hoa; giá hong quần áo cho khô; vải phủ dùng cho tấm ván để là; thùng rác; cái căng quần áo; cái cặp quần áo; bàn chải; bàn chải đánh răng dùng điện; đồ đựng giữ nhiệt dùng cho thực phẩm; bùi nhùi thép để làm sạch; chổi để làm sạch các bình chứa và thùng chứa; giẻ lau; bình để uống.

---

(111) **4-0097177**
(210) 4-2006-02505
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KS MIMECO

(151) 07.03.2008
(220) 24.02.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ (VN)
Số 2 Đặng Thái Thân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 01: Khoáng chất bentonit.

Nhóm 07: Lưỡi khoan hợp kim (bộ phận của máy).

(111) **4-0097178**
(210) 4-2006-03242
(181) 09.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 09.03.2006

(531) 6.1.2; 26.3.23; A26.11.13
(591) Đỏ gạch, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THÀNH TRANG (VN)
Số 49 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng và trang trí nội thất bằng kim loại như: cửa, chốt cửa, khung cửa, tay vịn cầu thang, cổng, cửa xếp kéo, cột đèn trang trí trong vườn.

Nhóm 20: Thiết bị nội thất văn phòng và gia đình: bàn, ghế, giường, tủ, kệ, kệ bếp.

Nhóm 21: Đồ gia dụng (không chạy điện, không làm bằng kim loại quý và không được mạ bằng những kim loại ấy) bao gồm: nồi, xoong, chảo, bát đĩa, chén.

Nhóm 35: Đại lý và mua bán vật tư, thiết bị, nguyên liệu dùng trong xây dựng và trang trí nội thất; mua bán hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng, lâm sản; dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá.

Nhóm 37: Lắp đặt nội thất trong xây dựng như lắp đặt các thiết bị nhà bếp và phòng tắm; tư vấn các quy trình và giải pháp lắp đặt đồng bộ cho các thiết bị nhà bếp và phòng tắm.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải; vận tải hàng hoá và hành khách thuỷ bộ; dịch vụ du lịch.

Nhóm 42: Tư vấn và thiết kế nội thất trong xây dựng.

---

(111) **4-0097179**
(210) 4-2005-11596
(181) 08.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALTAMET

(151) 07.03.2008
(220) 08.09.2005

(731) ALEMBIC LIMITED (IN)
Alembic Road, Vadodara-390003 India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097180**
(210) 4-2005-16213
(181) 01.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 01.12.2005

(531) 1.15.5; 26.1.1; 5.5.19; A5.5.22
(591) Đỏ, vàng, đen, xanh lá cây, trắng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ CAO CAO NGUYÊN (VN)
D19/28 ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Bán cà phê rang xay.

---

(111) **4-0097181**
(210) 4-2006-03434
(181) 13.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 13.03.2006

(531) 5.13.4; A26.3.5; A24.1.9; A24.1.15
(591) Xanh đen, vàng, xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ BẢO VỆ LONG HẢI (VN)
144 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 45: Dịch vụ bảo vệ cơ quan xí nghiệp; dịch vụ bảo vệ các cá nhân; dịch vụ bảo vệ các tổ chức kinh tế.

---

(111) **4-0097182**
(210) 4-2006-10379
(181) 04.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 04.07.2006

(531) 26.1.2; A5.5.21
(731) CÔNG TY TNHH TIN HỌC MỸ ĐOÀN (VN)
27/13/3 đường số 27, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Máy vi tính và phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0097183**
(210) 4-2006-15421
(181) 14.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZIFAM LOBESE

(151) 07.03.2008
(220) 14.09.2006

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097184**
(210) 4-2006-15736
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 19.09.2006

(531) 5.7.3; A5.1.5; 26.1.1
(591) Trắng, xanh, xanh nhạt, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG NGHỆ AN (VN)
Số 398, đường Nguyễn Trãi, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

(511) Nhóm 31: Giống cây trồng.

Nhóm 35: Mua, bán giống cây trồng.

---

(111) **4-0097185**
(210) 4-2006-03542
(181) 14.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

QuinVIP

(151) 07.03.2008
(220) 14.03.2006

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)
Nhà số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa, sản phẩm từ sữa, dầu ăn thực vật, cá, thịt, gia cầm.

Nhóm 30: Cà phê, chè, ca cao, bánh, kẹo, gạo.

---

(111) **4-0097186**
(210) 4-2006-03963
(181) 25.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Evercrete DPS

(151) 07.03.2008
(220) 25.05.2006

(531) 3.7.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI PHƯƠNG BẮC (VN)
G32, làng quốc tế Thăng Long, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 01: Chất chống thấm (vật liệu xây dựng).

---

(111) **4-0097187**
(210) 4-2006-04188
(181) 25.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HÀM LONG

(151) 07.03.2008
(220) 25.05.2006

(531) 4.3.3
(591) Đỏ, trắng, vàng, hồng, xanh, tím
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NGUYỄN QUÝ NGĂN (VN)
Cụm 7, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 11: Đui đèn, đui đèn điện tử.

---

(111) **4-0097188**
(210) 4-2006-07062
(181) 09.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BAO BÌ TÂN HƯƠNG

(151) 07.03.2008
(220) 09.05.2006

(531) 21.3.21; 26.1.1; 26.2.7
(591) Xanh tím, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & SẢN XUẤT BAO BÌ TÂN HƯƠNG (VN)
Lô III - 15, đường số 13, khu công nghiệp Tân Bình, phường 15, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 40: Sản xuất bao bì (theo yêu cầu của người khác) và in ấn bao bì.

---

(111) **4-0097189**
(210) 4-2006-08172
(181) 26.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MIC -21

(151) 07.03.2008
(220) 26.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH HÓA DƯỢC QUỐC TẾ PHƯƠNG ĐÔNG (VN)
Số 7, ngõ 39/1 phố Pháo Đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; dược thảo; thuốc giảm béo; chế phẩm hoá học dùng cho ngành y; chế phẩm hoá học dùng cho ngành dược; thực phẩm ăn kiêng dùng trong y học.

---

(111) **4-0097190**
(210) 4-2006-08247
(181) 28.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MOCA

(151) 07.03.2008
(220) 28.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH TIẾN DUYÊN (VN)
Số 10 Tô Hiệu, KaLong, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Sản phẩm điện tử cụ thể là: ampli, loa, đầu VCD-DVD, tivi.

---

(111) **4-0097191**
(210) 4-2006-10289
(181) 30.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Greendelta

(151) 07.03.2008
(220) 30.06.2006

(531) 26.3.1
(731) CÔNG TY TNHH ĐỒNG BẰNG XANH (VN)
1F5-5, lô R1-1, khu phố Sky Garden 1, Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Du lịch và vận tải.

---

(111) **4-0097192**
(210) 4-2006-11078
(181) 14.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 14.07.2006

(531) A25.7.7; A1.1.10
(591) Xanh đậm, xanh lá cây nhạt, vàng chanh
(731) FRED THAT TON VINACAL COMPANY (US)
1509 KING street SANTA ANA, CA 92706, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Phân bón lá hữu cơ, phân bón gốc.

---

(111) **4-0097193**
(210) 4-2006-06303
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 24.04.2006

(531) 1.5.1; 3.7.17; 26.3.23
(731) MR. NOPADOL VICHIENPRAKARN (TH)
1/4-7 Petchakasem Rd., Oam-noi, Katumban, Samutsakorn 74130, Thailand
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 07: Máy cày quay; lưỡi cày dạng đĩa (bộ phận của máy); lưỡi cày quay (bộ phận của máy); máy xới đất; trang thiết bị dùng trong nông nghiệp không điều khiển bằng tay.

---

(111) **4-0097194**
(210) 4-2006-06576
(181) 27.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 27.04.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) LÊ VŨ HOÀNG (VN)
Số 122, tổ 19, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo; dịch vụ xúc tiến thương mại; dịch vụ quan hệ công chúng, tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo; mua bán máy móc và thiết bị vật tư ngành in, ngành cơ khí, ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, mua bán đồ

trang trí nội ngoại thất, mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, mua bán đồ lưu niệm, mua bán quà tặng, mua bán hàng nông, lâm, thuỷ hải sản, mua bán đồ điện, điện tử, điện lạnh.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng, xây dựng các quầy hàng trong hội chợ, lắp đặt và sửa chữa hệ thống âm thanh; lắp đặt và sửa chữa hệ thống ánh sáng.

Nhóm 40: Dịch vụ in.

---

(111) **4-0097195**
(210) 4-2006-12000
(181) 26.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ENREACH

(151) 07.03.2008
(220) 26.07.2006

(731) A.C. NIELSEN COMPANY (US)
150 North Martingale Road, Schaumburg, Illinois 60173, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ phân tích và nghiên cứu kinh doanh và thị trường; soạn, cung cấp báo cáo và đưa ra kiến nghị liên quan tới kinh doanh dựa trên việc nghiên cứu kinh doanh và thị trường, bao gồm việc cung cấp các báo cáo và kiến nghị nêu trên thông qua mạng máy tính toàn cầu, thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097196**
(210) 4-2006-12080
(181) 27.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

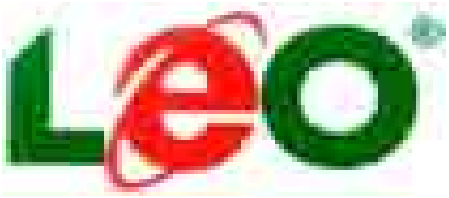

(151) 07.03.2008
(220) 27.07.2006

(531) A1.13.10; 26.1.2
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VIỆT-ANH (VN)
393 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Bình Minh (SUNRISE IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 41: Đào tạo ngoại ngữ (đào tạo thông qua các hình thức trực tiếp, trực tuyến và phần mềm).

---

(111) **4-0097197**
(210) 4-2006-12101
(181) 27.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 27.07.2006

(531) A25.7.21; 26.1.1; 26.11.3; A26.11.8
(731) INTERNATIONAL DATA GROUP, INC. (US)
5 Speen Street, Framingham MA 01701-9192 USA
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Các ấn phẩm in cụ thể là: tạp chí, phụ san, bản tin, tập san, báo trong các lĩnh vực sau: máy vi tính, phần mềm máy vi tính, các dịch vụ trực tuyến, công nghệ cao, truyền thông, công nghệ thông tin và các dịch vụ thông tin.

Nhóm 35: Sắp xếp và tổ chức các cuộc triển lãm thương mại, trưng bày, triển lãm liên quan đến các lĩnh vực sau: máy vi tính, phần mềm máy vi tính, dịch vụ trực tuyến, công nghệ cao, truyền thông, công nghệ thông tin và các dịch vụ thông tin.

Nhóm 41: Cung cấp các ấn phẩm điện tử trực tuyến (không được tải về), cụ thể là bản tin, tạp chí, các phụ trương bán kèm theo, tập san, báo, các sách về các lĩnh vực sau: máy vi tính, phần mềm máy vi tính, dịch vụ trực tuyến, dịch vụ công nghệ cao, dịch vụ truyền thông, công nghệ thông tin, dịch vụ cung cấp thông tin; sắp xếp và tổ chức các cuộc hội thảo thương mại (với mục đích quảng cáo và quảng bá), hội nghị thương mại (cho mục đích quảng cáo và quảng bá), hội thảo thương mại (với mục đích giáo dục và đào tạo), hội nghị thương mại (cho mục đích giáo dục và đào tạo), các hội nghị chuyên đề, hội thảo chuyên đề và thảo luận nhóm liên quan đến các lĩnh vực sau: máy vi tính, phần mềm máy vi tính, dịch vụ trực tuyến, công nghệ cao, truyền thông, công nghệ thông tin và các dịch vụ thông tin.

Nhóm 42: Dịch vụ cung cấp và bảo trì trang web có nội dung (để người khác đọc) về các lĩnh vực sau: máy vi tính, phần mềm máy vi tính, dịch vụ trực tuyến, công nghệ cao, truyền thông, công nghệ thông tin, và dịch vụ thông tin, dịch vụ cung cấp thông tin liên quan đến các lĩnh vực sau: máy vi tính, phần mềm máy vi tính, dịch vụ trực tuyến, công nghệ cao, công nghệ thông tin; cung cấp các dịch vụ trực tuyến và cơ sở dữ liệu, cụ thể là cung cấp các tạp chí, bản tin và báo hàng ngày trực tuyến liên quan đến các lĩnh vực sau: máy tính, truyền thông và dịch vụ thông tin.

---

(111) **4-0097198**
(210) 4-2006-15522
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 15.09.2006

(531) A1.1.10; 3.7.17; 26.3.23
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÂN MẠC - 9 (VN)
Thôn Vân Mạc, xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Loa thùng; âm li (tăng âm); đầu đọc đĩa; micrô; ăng ten; loa phóng thanh.

---

(111) **4-0097199**
(210) 4-2006-15523
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 15.09.2006

(531) 1.17.11; 3.7.17; 26.3.4; A26.3.5; 26.11.3; A26.11.8
(591) Đỏ, vàng, xanh da trời, trắng, đen, xanh lá cây nhạt
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH XUYÊN VIỆT (VN)
Phố Ba Hàng, xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch trong nước và quốc tế, dịch vụ vận chuyển khách du lịch; hãng du lịch (không bao gồm dịch vụ đặt chỗ khách sạn); dịch vụ hướng dẫn khách du lịch; dịch vụ cung cấp thông tin về du lịch, cho thuê xe.

---

(111) **4-0097200**
(210) 4-2006-15704
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 07.03.2008
(220) 19.09.2006

(531) 15.7.1; A26.11.12; 26.7.25; 26.13.25; A26.4.6
(591) Đỏ, xanh lục, trắng, xanh dương
(731) CÔNG TY TNHH TRƯỜNG ANH (VN)
Km 8, tỉnh lộ 7, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 17: Cao su, thô hoặc bán thành phẩm.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

(111) **4-0097201**
(210) 4-2005-15426
(181) 15.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 15.11.2005

(531) 6.1.2; 26.1.1
(731) NAN HU RUBBER PLANT YUN NAN PROVINCE (CN)
Xin an suo, Meng Zi County, Yunnan, People's Republic of China
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Giày vải có mặt ngoài được bao bọc bằng cao su; giày thể thao, Giày đá bóng; đế chống trơn cho ủng và giày; dép đi trong nhà; ủng thể thao; đồ đi chân.

---

(111) **4-0097202**
(210) 4-2006-16955
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LGR

(151) 10.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI NGÂN LONG (VN)
25A Hậu Giang, phường 2, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Thiết bị điện tử cụ thể là máy thu hình, đầu đĩa hình, đầu đĩa tiếng, đầu karaôkê, ăm-pli, loa, micrô.

Nhóm 35: Mua bán linh kiện, phụ kiện điện tử, thiết bị viễn thông, điện thoại bàn, hàng kim khí điện máy.

---

(111) **4-0097203**
(210) 4-2006-16103
(181) 25.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZIFAM 30+

(151) 10.03.2008
(220) 25.09.2006

(531) 24.17.5
(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097204**
(210) 4-2006-16104
(181) 25.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZINIR 300

(151) 10.03.2008
(220) 25.09.2006

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097205**
(210) 4-2006-16107
(181) 25.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZINIR-DS

(151) 10.03.2008
(220) 25.09.2006

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097206**
(210) 4-2006-16108
(181) 25.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZIFEX-DS

(151) 10.03.2008
(220) 25.09.2006

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097207**
(210) 4-2006-16743
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 05.10.2006

(591) Trắng, cam
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI TÂN MỸ Á (VN)
1022 Nguyễn Trãi, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Tủ điện.

Nhóm 11: Bóng đèn, máng đèn.

Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, công nghệ phẩm, vải quần áo may sẵn, thủ công mỹ nghệ; lương thực thực phẩm; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; mua bán hóa chất phục vụ công nông nghiệp, mua bán máy móc, nguyên liệu, hóa chất ngành cao su, mua bán tủ điện.

Nhóm 36: Mua bán nhà ở.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng và sửa chữa nhà cửa, dịch vụ trang trí nội thất; lắp ráp máy móc, sửa chữa, bảo trì máy móc.

---

(111) **4-0097208**
(210) 4-2006-16744
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 05.10.2006

(591) Trắng, cam, xanh
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI TÂN MỸ Á (VN)
1022 Nguyễn Trãi, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Tủ điện.

Nhóm 11: Bóng đèn, máng đèn.

Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, hàng tiêu dùng, kim khí điện máy, công nghệ phẩm, vải quần áo may sẵn, thủ công mỹ nghệ; lương thực thực phẩm; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; mua bán hóa chất phục vụ công nông nghiệp, mua bán máy móc, nguyên liệu, nguyên liệu, hóa chất ngành cao su, mua bán tủ điện.

Nhóm 36: Mua bán nhà ở.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng và sửa chữa nhà cửa, dịch vụ trang trí nội thất, lắp ráp máy móc, sửa chữa, bảo trì máy móc.

---

(111) **4-0097209**
(210) 4-2006-16782
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CHROMAPLUS

(151) 10.03.2008
(220) 05.10.2006

(731) CHEMREZ, INC (PH)
#65 Industria St., Bagumbayan, Quezon City, Philippines
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Thuốc nhuộm.

---

(111) **4-0097210**
(210) 4-2005-15647
(181) 21.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

THAIVERSEA

(151) 10.03.2008
(220) 21.11.2005

(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÁI LAN (VN)
51B Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa.

Nhóm 30: Bánh, kẹo.

Nhóm 32: Nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn, nước ép bí đao, sữa đậu nành giải khát.

---

(111) **4-0097211**
(210) 4-2006-16102
(181) 25.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 25.09.2006

(531) 26.11.1; A26.11.6; A26.11.12; 3.7.17; 9.1.10
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NGUYỄN (VN)
92A Tuệ Tĩnh, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 39: Du lịch, vận chuyển hành khách, vận tải hàng hoá.

---

(111) **4-0097212**
(210) 4-2006-16920
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

V – A HIJO HA PA CO

(151) 10.03.2008
(220) 09.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI (VN)
Thôn Phương Nhị, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 31: Thức ăn gia súc các loại.

---

(111) **4-0097213**
(210) 4-2006-16999
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Ozkid

(151) 10.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0097214**
(210) 4-2005-15641
(181) 21.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

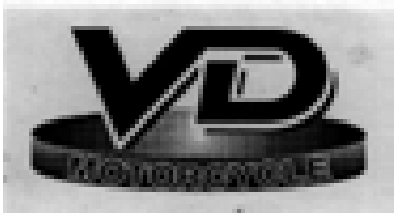

(151) 10.03.2008
(220) 21.11.2005

(531) 26.1.2
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ VĨNH ĐẠT (VN)
A5/3F Nguyễn Cửa Phú, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 12: Phụ tùng xe gắn máy, cụ thể là: tay cầm lắp vào ghi đông (tay nắm ghi đông), gác chân, giá nắm tay (quai nắm yên xe) và kính chiếu hậu.

---

(111) **4-0097215**
(210) 4-2005-15651
(181) 21.11.2015
(300) 41-2005-0016547 15.07.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 21.11.2005

(531) 26.3.23
(731) LIG SYSTEM CO., LTD. (KR)
2F., LG Insurance Bldg., 531-1, Sutaek-dong, Guri-si, Gyeongi-do, 471-823 Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ tài chính để phát triển; dịch vụ ngân hàng quốc tế; dịch vụ cho vay tài chính; dịch vụ thu hồi nợ; dịch vụ bảo lãnh tài chính; dịch vụ tài chính cho công nghệ mới; dịch vụ thẻ tín dụng; dịch vụ uỷ thác (liên quan đến tài chính ngân hàng); dịch vụ cung cấp vay nợ; dịch vụ ngân hàng; dịch vụ đầu tư vốn; dịch vụ ngân hàng thế chấp; dịch vụ môi giới cổ phiếu và trái phiếu; dịch vụ giao dịch cổ phiếu; mua trái phiếu; dịch vụ đại lý thu hồi nợ; dịch vụ bảo hiểm sức khoẻ; dịch vụ bảo hiểm tiền gửi của người mua; dịch vụ bảo hiểm trộm; dịch vụ bảo hiểm vật bảo đảm, dịch vụ định giá bảo hiểm; dịch vụ đại lý bảo hiểm; dịch vụ đánh giá yêu cầu bảo hiểm; tư vấn bảo hiểm; cung cấp thông tin về bảo hiểm; dịch vụ môi giới bảo hiểm; dịch vụ thống kê bảo hiểm; dịch vụ bảo hiểm an toàn xã hội bắt buộc; dịch vụ bảo hiểm tai nạn công nghiệp; dịch vụ bảo hiểm tai nạn; dịch vụ bảo hiểm hỗ tương; dịch vụ bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ bảo hiểm chống tổn thất; dịch vụ bảo hiểm liên quan đến tiền trợ cấp; dịch vụ bảo hiểm thể thao; dịch vụ bảo hiểm y tế; dịch vụ bảo hiểm xe ô tô; dịch vụ tái bảo hiểm; dịch vụ bảo hiểm tiền nợ; dịch vụ bảo hiểm hàng không; dịch vụ bảo hiểm hàng hải; dịch vụ bảo hiểm hoả hoạn; dịch vụ cung cấp thông tin yêu cầu liên quan đến tiền gửi; dịch vụ đánh giá tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản); dịch vụ định giá bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ cho thuê bất động sản; dịch vụ cho thuê văn phòng.

---

(111) **4-0097216**
(210) 4-2006-15737
(181) 19.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 19.09.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUỐC TẾ THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC INTERNATIONAL COMPANY LIMITED) (VN)
P203 nhà B4, làng Quốc tế Thăng Long, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 16: Giấy ăn, giấy vệ sinh, khăn lau bằng giấy, bỉm tã lót bằng giấy trẻ em.

---

(111) **4-0097217**
(210) 4-2005-15894
(181) 24.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

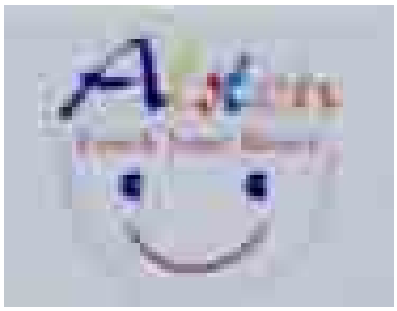

(151) 10.03.2008
(220) 24.11.2005

(531) 4.5.2; 4.5.3
(591) Hồng, xanh da trời đậm, tím, vàng, xanh da trời, đỏ, nâu
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH HÀO (VN)
4/8 cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa xịt phòng.

---

(111) **4-0097218**
(210) 4-2006-16542
(181) 03.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 03.10.2006

(531) 26.4.2; 26.5.1; A5.3.13; A5.3.14
(591) Xanh lá cây, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FUSHENG (VN)
Xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Luật Gia Phạm (PHAM JURIST CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà các loại thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097219**
(210) 4-2006-16867
(181) 06.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DECEUNINCK

(151) 10.03.2008
(220) 06.10.2006

(731) DECEUNINCK NV (BE)
Bruggesteenweg 164, 8830 Hooglede - Gits, Belgium
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 17: Các bộ phận đã được định dạng làm bằng vật liệu tổng hợp (bán thành phẩm).

Nhóm 19: Cửa và cửa sổ (không bằng kim loại), khung (phi kim) dùng để chế tạo cửa sổ, lớp phủ không bằng kim loại dùng cho cửa sổ và cửa (dùng trong xây dựng), cửa chớp

cuốn cho cửa sổ và cửa (không bằng kim loại), tất cả các loại cửa sổ (không bằng kim loại), cửa trượt (không bằng kim loại), khung dùng để chế tạo cửa và cửa sổ trượt theo chiều ngang và chiều dọc (không bằng kim loại), khung thành phẩm dùng cho mục đích xây dựng (không bằng kim loại), lan can và hàng rào (không bằng kim loại), đường gờ trang trí cho cửa và cửa sổ (không bằng kim loại), tấm và đá lát cách âm dùng trong xây dựng, lớp phủ sàn và tường (không bằng kim loại) dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0097220**
(210) 4-2006-17123
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CEFOFLAM

(151) 10.03.2008
(220) 11.10.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (IN)
R-662, T.T.C Ind. Area, Rabale, Navi, Mumbai 400 701, India
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097221**
(210) 4-2006-17222
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 13.10.2006

(591) Xanh dương, xanh nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ THẠNH VINH (VN)
119B/68/49 Nguyễn Thị Tần, phường 2, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy massage (xoa bóp), dụng cụ massage.

---

(111) **4-0097222**
(210) 4-2006-01783
(181) 10.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

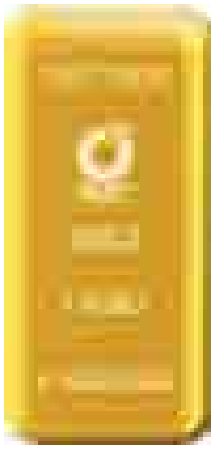

(151) 10.03.2008
(220) 10.02.2006

(531) A17.2.2
(591) Vàng
(731) CÔNG TY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN - SJC (VN)
115 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 14: Sản phẩm vàng bạc, đá quý và các loại trang sức.

Nhóm 40: Gia công, sản xuất các mặt hàng vàng bạc, đá quý.

---

(111) **4-0097223**
(210) 4-2006-17462
(181) 18.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 18.10.2006

(531) 26.1.1; 26.3.1; 26.1.10
(591) Đỏ, xanh lá, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT KẾ-THI CÔNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN BẢO TẤN (VN)
16A đường số 18, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 42: Tư vấn thiết kế; thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế).

---

(111) **4-0097224**
(210) 4-2006-17463
(181) 18.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BẢO TẤN

(151) 10.03.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT KẾ-THI CÔNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN BẢO TẤN (VN)
16A đường số 18, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 42: Tư vấn thiết kế; thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế).

---

(111) **4-0097225**
(210) 4-2006-01219
(181) 23.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BITTORRENT

(151) 10.03.2008
(220) 23.01.2006

(731) BITTORRENT, INC., A CALIFORNIA CORPORATION (US)
2325 3rd Street, Suite 218, San Francisco, California 94107, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính dùng để cung cấp sự truy cập vào các danh bạ, danh mục trực tuyến cũng như các cơ sở dữ liệu có thể tra cứu trực tuyến liên quan đến nhiều thông tin và dữ liệu có sẵn trên mạng máy tính toàn cầu.

---

(111) **4-0097226**
(210) 4-2006-01931
(181) 13.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) A1.1.10; A1.5.3; 26.4.2
(591) Đỏ, xanh lá cây, xanh tím
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI (VN)
Số 21, ngõ 307 Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Thiết bị tin học (máy tính, bàn phím, chuột, case, màn hình).

Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa các sản phẩm điện tử, tin học, máy vi tính.

Nhóm 40: Dịch vụ lắp ráp các sản phẩm điện tử, tin học, máy vi tính.

---

(111) **4-0097227**
(210) 4-2006-17585
(181) 19.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 19.10.2006

(531) 26.13.25
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ PHI ĐẠT (VN)
71 Khuông Việt, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Tấm giả da.

---

(111) **4-0097228**
(210) 4-2006-17645
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 20.10.2006

(531) 26.4.1; 26.7.25; A26.11.12; A26.11.13
(591) Đen, đỏ, trắng
(731) VŨ THỊ XUÂN QUÝ (VN)
Số nhà 105, đường Xuân Thuỷ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 14: Đồ trang sức, bao gồm: vòng cổ; vòng tay; hoa tai; nhẫn; cài ve áo.

Nhóm 25: Giày dép; mũ; nón; khăn quàng; găng tay.

Nhóm 35: Mua bán kính đeo mắt, quần áo thời trang, đồ trang sức, giày, dép, mũ nón, khăn quàng, găng tay, mỹ phẩm.

Nhóm 40: Dịch vụ may đo quần áo.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế thời trang.

Nhóm 43: Dịch vụ kinh doanh quán cà phê.

---

(111) **4-0097229**
(210) 4-2006-17347
(181) 16.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EDIPRESSE

(151) 10.03.2008
(220) 16.10.2006

(731) EDIPRESSE SA (CH)
33 Avenue de la Gare, CH - 1001 Lausanne, Switzerland
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 16: Báo; tạp chí xuất bản định kỳ; sách; bức ảnh chụp; tạp chí; thẻ (bằng giấy hoặc bìa); bản đồ; bản đồ đi biển (hải đồ); bức ảnh chụp các biểu đồ minh hoạ trong đồ họa; bức tranh; giấy; bìa cứng; chất dẻo dùng để bao gói (không nằm trong nhóm khác); chữ in (văn phòng phẩm); bản in đúc (văn phòng phẩm); bìa dùng để đóng sách.

---

(111) **4-0097230**
(210) 4-2006-17363
(181) 16.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FUJIOH

(151) 10.03.2008
(220) 16.10.2006

(531) A26.11.13
(731) FUJI INDUSTRIAL CO., LTD (JP)
1-9, Fuchinobe 2-chome, Sagamihara-shi, Kanagawa-ken, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Ống hút mùi (khói) cho bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun, ống hút mùi (khói) cho bếp, quạt cho ống hút mùi (khói) cho bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun, quạt thông gió, bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun chạy điện, lò nấu nướng chạy điện, bếp lò nấu nướng chạy điện, bếp lò có lò nướng và mặt bếp để đun dùng khí ga, lò nấu nướng dùng khí ga, bếp lò nấu nướng dùng khí ga.

---

(111) **4-0097231**
(210) 4-2006-17500
(181) 18.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CONTRAC-GESIC

(151) 10.03.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097232**
(210) 4-2006-17501
(181) 18.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ARDOON

(151) 10.03.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NGUYỄN HOÀNG (VN)
796/10 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097233**
(210) 4-2006-17502
(181) 18.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VITA-HERB

(151) 10.03.2008
(220) 18.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI ME DI P.R.O.D.U.C.T.S (VN)
Xóm Kho, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097234**
(210) 4-2006-17685
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GENTIZONE-BV

(151) 10.03.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO (VN)
Nhà 28, ngõ 178 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097235**
(210) 4-2006-17686
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIFRANCO

(151) 10.03.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VIỆT PHÁP (VN)
Đội 1, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu các loại như: rượu gạo, rượu vodka, rượu whisky, rượu brandy, rượu vang, rượu hoa quả.

---

(111) **4-0097236**
(210) 4-2006-17749
(181) 23.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Đại Siêu Thị
Melinh

(151) 10.03.2008
(220) 23.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI SIÊU THỊ MÊ LINH (VN)
Km8, đường cao tốc Thăng Long, Nội Bài, xã Mê Linh, huyện Quang Minh, tỉnh Vĩnh Phúc

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán: sản phẩm vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất và thiết bị điện; dịch vụ ký gửi; sản phẩm vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất và thiết bị điện; dịch vụ xuất nhập khẩu: sản phẩm vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất và thiết bị điện; dịch vụ trưng bày và giới thiệu: sản phẩm vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất và thiết bị điện; dịch vụ tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại; dịch vụ cung cấp thông tin thương mại cho các doanh nghiệp; tổ chức hội chợ triển lãm thương mại; dịch vụ quảng cáo.

---

(111) **4-0097237**
(210) 4-2006-17169
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INTASPROL

(151) 10.03.2008
(220) 12.10.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097238**
(210) 4-2006-17180
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KUPBLOICIN

(151) 10.03.2008
(220) 12.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KOREA UNITED PHARM INT'L INC. (VN)
Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097239**
(210) 4-2006-17181
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KUPUNISTIN

(151) 10.03.2008
(220) 12.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KOREA UNITED PHARM INT'L INC. (VN)
Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097240**
(210) 4-2006-17188
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BEAUTY VY SPA

(151) 10.03.2008
(220) 12.10.2006

(531) 26.3.1; A26.11.8
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VY (VN)
Số 35-37, đường Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 44: Dịch vụ chăm sóc và làm đẹp cho người.

---

(111) **4-0097241**
(210) 4-2006-18202
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.4.9; 5.3.11
(591) Xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH THANH YẾN (VN)
P. 903 lầu 9, 275B, cao ốc Satra Building Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 06: Vật liệu xây dựng bằng kim loại; cáp và dây kim loại không dùng để dẫn điện; ống kim loại; quặng kim loại; cấu kiện bằng kim loại vận chuyển được.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại: đá hoa cương (granite); đá cẩm thạch (marble); các công trình cấu kiện phi kim loại vận chuyển được; đài kỷ niệm phi kim loại; ống cứng phi kim loại dùng cho xây dựng.

Nhóm 35: Dịch vụ: quản lý giao dịch, hoạt động văn phòng; quản lý kinh doanh, mua bán: vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nguyên liệu ngành công nghiệp xây dựng.

Nhóm 36: Bất động sản.

Nhóm 37: Khai thác mỏ đá; xây dựng, sửa chữa, lắp đặt trang trí nội thất, các công trình cầu đường, nhà ở.

Nhóm 39: Vận tải; đóng gói và lưu giữ hàng hóa; cho thuê mặt bằng kho bãi.

Nhóm 40: Xử lý vật liệu.

---

(111) **4-0097242**
(210) 4-2006-18100
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 26.10.2006

(531) 26.1.1; 26.3.23; A24.15.13; 24.15.3
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI QUANG MINH (VN)
Số 101, B11, tập thể Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 37: Xây dựng các công trình xử lý nước sinh hoạt, nước thải dân dụng và công nghiệp.

---

(111) **4-0097243**
(210) 4-2006-18340
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 27.10.2006

(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097244**
(210) 4-2006-18341
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 27.10.2006

(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097245**
(210) 4-2006-18342
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 27.10.2006

(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097246**
(210) 4-2006-18345
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 27.10.2006

(591) Nâu đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097247**
(210) 4-2006-18346
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 27.10.2006

(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097248**
(210) 4-2006-18406
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

(111) **4-0097249**
(210) 4-2006-18408
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MONEYS

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0097250**
(210) 4-2006-18409
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INDOCAR

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HỮU NGHỊ (VN)
Số 9 ngõ 189/2 Giảng Võ, Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Chất diệt động vật có hại; chất diệt côn trùng; thuốc trừ sâu; chất diệt nấm; chất diệt cỏ; thuốc đuổi sâu bọ.

---

(111) **4-0097251**
(210) 4-2006-18425
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ARLITAXEL

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG Á (VN)
Số 13 lô 13A, đường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097252**
(210) 4-2006-18426
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DURACLOR

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO ÂU CHÂU (VN)
162 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097253**
(210) 4-2006-18427
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EU-SYNGRIP

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM EU (VN)
Số nhà 42, ngõ 69, phố Nam Dương, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097254**
(210) 4-2006-18429
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HANXI-DROL

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) HOÀNG TÚ KHANH (VN)
P14, dãy nhà B tập thể Bộ đội biên phòng, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

(111) **4-0097255**
(210) 4-2006-18420
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) 3.1.8
(731) FENIX OUTDOOR AB (SE)
P.O.Box 209 SE-891 25 Ornskoldsvik Sweden
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 18: Ba lô, ba lô đeo trên vai, hòm (hành lý) và va li, túi, túi du lịch, khung của ba lô (bộ phận của ba lô), túi (bao) đi biển dùng để đựng dụng cụ, túi đựng đồ vệ sinh cụ thể là các túi nhỏ gắn với dây đeo ngang hông, túi sách đi chợ, túi để dựng hàng hoá, túi bằng vải len thô, túi đựng đồ nhồi cụ thể là túi (bao) có dải rút buộc miệng dùng để đựng quần áo dày, dài hay các loại sản phẩm khác cỡ lớn có thể nén nhỏ lại, dây đeo ngang hông và dây dùng cho ba lô và ba lô đeo trên vai, túi đựng dùng cho người đi đánh bẫy cụ thể là túi hoặc túi nhỏ gắn với ba lô đeo trên vai.

Nhóm 20: Bộ đồ giường (chăn, gối, đệm, trừ đồ bằng vải lanh), gối, túi ngủ, vỏ bọc túi ngủ, đệm không khí (không dùng trong ngành y), túi ngủ dùng khi cắm trại và leo núi, cọc lều không bằng kim loại.

Nhóm 22: Dây thừng không bằng kim loại, dây (băng, dải), lều (trại), lều (trại) dạng đường hầm, sàn lều (trại), vải làm vách ngăn dùng cho ngành mỏ, vải bạt, vải dầu, buồm, bao tải (bao bố), vật liệu để đóng gói và để nhồi không làm bằng cao su hoặc chất dẻo, vật liệu bằng vải sợi thô, túi làm bằng sợi tổng hợp dùng để đựng nước (không có đồ ở trong).

Nhóm 25: Quần áo, áo jắc két, quần dài, quần áo lót, quần lót chẽn gối của phụ nữ, quần áo bò, áo sơ mi, áo khoác và áo ponsô, áo sơ mi dùng trong chơi môn thể thao pôlô, áo gi-lê, áo len, đồ đội đầu (trang phục), mũ lưỡi trai, mũ, găng tay (trang phục), găng tay không chia ngón (trang phục), găng tay có chia ngón (trang phục), bít tất, đồ dệt kim (quần áo, giầy dép, mũ, nón), đồ đi chân và giầy.

---

(111) **4-0097256**
(210) 4-2006-18460
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Omniscan

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH VIỆT PHẤN (VN)
56/3 Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097257**
(210) 4-2006-18483
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INTAFENAC

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097258**
(210) 4-2006-18484
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INTORAS

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097259**
(210) 4-2006-18486
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PANTOCID

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) SUN PHARMACEUTICAL INDUSTRIES LTD. (IN)
SPARC, Akota Road, Akota Vadodara - 390 020, Gujarat, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097260**
(210) 4-2006-18487
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INALORIC

(151) 10.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) INTAS PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
2nd Floor, Chinubhai Centre, Ashram Road, Ahmedabad 380 009, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097261**
(210) 4-2004-08615
(181) 23.08.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

VERITAS

(151) 10.03.2008
(220) 23.08.2004

(531) A26.3.5
(731) SYMANTEC OPERATING CORPORATION (US)
20330 Stevens Creek Boulevard, Cupertino, California 95014, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính thông dụng; phần mềm máy tính để dùng trong tệp tin, đĩa và quản lý các hệ thống; phần mềm máy tính dùng để lưu trữ dữ liệu, dùng cho máy chủ, và dùng để quản lý dịch vụ và mạng lưu trữ khu vực; phần mềm máy tính sao chép dự phòng và lưu trữ dữ liệu máy tính; phần mềm máy tính dùng để khôi phục các dữ liệu bị mất hoặc bị hỏng; phần mềm máy tính dùng trong việc quản lý phương tiện lưu trữ có thể tháo lắp được; phần mềm máy tính để kiểm tra, nhận dạng, và chỉnh sửa tập tin, đĩa, các vấn đề và lỗi hệ thống và mạng máy tính; phần mềm máy tính dùng trong lĩnh vực quản lý thông tin doanh nghiệp; phần mềm máy tính dùng trong lĩnh vực xử lý phân tích trực tuyến (OLAP); phần mềm máy tính để làm báo cáo từ các cơ sở dữ liệu; phần mềm máy tính dùng trong việc quản lý các máy tính trung tâm gắn với mạng máy tính; phần mềm máy tính để sao và lưu trữ các tệp tin từ một thiết bị lưu trữ dữ liệu này sang một thiết bị lưu trữ dữ liệu khác; phần mềm máy tính dùng để đếm số lần sử dụng các phần mềm máy tính khác; phần mềm máy tính dùng trong việc phát triển các ứng dụng phân tích số liệu và phát triển các phần mềm máy tính khác; phần mềm máy tính để truy cập, quản lý và thiết lập mạng lưu trữ, máy tính, và các hệ điều hành; các hướng dẫn thao tác dưới dạng điện tử; các xuất bản phẩm điện tử, tất cả các sản phẩm này đều thuộc nhóm này.

Nhóm 42: Cung cấp thông tin và cơ sở dữ liệu trực tuyến trong lĩnh vực quản lý lưu trữ dữ liệu, quản lý thông tin doanh nghiệp, và xử lý phân tích trực tuyến (OLAP).

---

(111) **4-0097262**
(210) 4-2005-15245
(181) 11.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

alanti

(151) 10.03.2008
(220) 11.11.2005

(531) 3.7.1; A3.7.24
(731) CÔNG TY TNHH HÀNH THIỆN (VN)
382/19 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo thời trang may sẵn; giày, dép và đồ đi chân.

---

(111) **4-0097263**
(210) 4-2006-02233
(181) 17.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 17.02.2006

(531) 26.1.2; 3.9.1; A26.1.15
(591) Đỏ, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MẮM PHAN THIẾT (VN)
Đường Nguyễn Thông, phường Phú Hài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Nước mắm.

---

(111) **4-0097264**
(210) 4-2006-18548
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) KOSÉ CORPORATION (JP)
6-2, Nihonbashi 3-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; nước hoa; xà phòng mỹ phẩm; bông dùng cho mỹ phẩm và thuốc nhuộm tóc; kem dưỡng tóc; nước xịt tóc; chất dưỡng tóc; dung dịch để nhuộm tóc; chất điều trị tóc (không chứa dược phẩm); kem (mousse) bôi tóc; sáp bôi tóc; chất gel bôi tóc; nước xức tạo dáng cho tóc.

---

(111) **4-0097265**
(210) 4-2006-18639
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 01.11.2006

(531) A2.5.22; 26.4.2
(591) Đỏ, xanh, vàng, đen, trắng, lam
(731) CƠ SỞ DUNG (VN)
Sạp B3, B5 tầng trệt Trung tâm TM-DV An Đông, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Quần, áo.

Nhóm 35: Mua bán: quần áo, đồ dùng trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn, mỹ phẩm.

---

(111) **4-0097266**
(210) 4-2006-00986
(181) 19.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 19.01.2006

(531) 2.9.14; A11.3.3
(731) GLORIA JEAN'S COFFEES HOLDINGS PTY LTD (AU)
11 Hoyle Avenue, Castle Hill, NSW 2154, Australia
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Cà phê; đồ uống trên cơ sở cà phê; chất chiết xuất từ cà phê; cà phê hoà tan; chất thay thế cà phê; trà; đồ uống trên cơ sở trà; chất chiết xuất từ trà; chất thay thế trà; ca cao; đồ uống trên cơ sở ca cao; đường; sô cô la; kẹo và bánh kẹo; bột mì và chế phẩm làm từ ngũ cốc, bánh mì và bột nhão; gia vị.

Nhóm 35: Dịch vụ bán buôn và bán lẻ cà phê và trà; dịch vụ bán lẻ cà phê và cửa hàng trà; dịch vụ bán lẻ sô cô la, kẹo và bánh kẹo, chế phẩm làm từ ngũ cốc, bánh mỳ và bột nhão; dịch vụ bán lẻ hàng cung cấp, trang thiết bị và phụ kiện liên quan đến cà phê, bao gồm cả dịch vụ bán lẻ trực tuyến; dịch vụ cấp quyền kinh doanh cửa hàng cà phê và trà; dịch vụ cung cấp sự trợ giúp kỹ thuật trong việc quản lý, thành lập, và điều hành nhà hàng và cửa hàng bán thức ăn mang về; dịch vụ tư vấn kinh doanh liên quan đến việc mở và điều hành nhà hàng và cửa hàng bán thức ăn mang về.

Nhóm 37: Dịch vụ cung cấp sự trợ giúp kỹ thuật trong việc xây dựng, trang bị nhà hàng và cửa hàng bán thức ăn mang về.

Nhóm 42: Dịch vụ cung cấp sự trợ giúp kỹ thuật trong việc thiết kế nhà hàng và cửa hàng bán thức ăn mang về.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thức ăn và đồ uống (thực hiện bởi nhà hàng ăn uống); dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ cửa hàng cà phê và trà; dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin

liên quan đến việc mở và điều hành nhà hàng và cửa hàng bán thức ăn mang về, cũng như việc chuẩn bị và cung cấp thức ăn và đồ uống.

(111) **4-0097267**
(210) 4-2006-07754
(181) 19.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 19.05.2006

(531) 26.3.1
(731) FROSTS FOOD & BEVERAGE (PTE) LTD. (SG)
24 Tuas Avenue 12, Singapore 639041
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 29: Thạch dùng làm thức ăn; cùi trái cây; lớp phết bằng pho mát; lớp phết bằng sữa; lớp phết bằng thức ăn có thành phần chủ yếu từ sữa; lớp phết bằng trái cây; lớp phết bằng nước chanh; trái cây dùng để phết; lớp phết có thành phần chủ yếu bằng sữa; lớp phết ngọt dùng để phết lên mứt; mứt; mứt trái cây; mứt sữa; sữa; đồ uống làm từ sữa chua; sữa chua; thức uống sữa chua; đồ ăn nhẹ được chế biến sẵn (bim bim) dùng cho người làm từ thực vật rán, sấy hoặc tươi; khoai tây chiên; rau sấy khô; quả sấy khô; thức ăn được chế biến từ quả sấy khô; rau và quả đã được chế biến, sấy khô và/hoặc nấu chín, và thức ăn được chế biến từ những rau quả này; thức ăn chay đông lạnh được chế biến từ rau quả; thức ăn nhanh bảo quản lạnh được chế biến từ rau quả, thịt, hải sản; đồ ăn chín lạnh; rau và quả đông lạnh; chả cá bao bột và viên chả chế biến từ thịt, cá hoặc rau được bảo quản đông lạnh; bơ lạc; sữa có thêm gia vị; sản phẩm từ pho mát.

Nhóm 30: Bánh kẹo không dùng cho mục đích y tế; đường phèn không dùng cho mục đích y tế; bánh kẹo không dùng cho mục đích y tế dùng dưới dạng thực phẩm; kem lạnh; kem trái cây; kem lạnh dùng để pha chế đồ uống (không dùng cho mục đích y tế); kẹo ướp lạnh; đá có thể ăn được; nước đá có hương vị trái cây dùng dưới dạng kẹo cây; kem lạnh có hương vị trái cây; lớp phết bằng sô cô la; thực phẩm dùng làm lớp phết được chế biến từ ngũ cốc; lớp phết bánh mỳ kẹp được chế biến từ ngũ cốc; đồ gia vị có chứa hoặc có thành phần là vị quả phỉ (thực phẩm); lớp phết ngọt (mật ong); bánh kẹo gồm cả thạch (mứt kẹo); bánh kẹo có nhân mềm; thạch trái cây (bánh kẹo); kẹo cao su (bánh kẹo); kẹo trái cây hình giọt nước; chiết xuất của mạch nha dùng làm thức ăn; món ăn mặn dọn vào cuối bữa ăn được làm từ ngũ cốc; bánh ngũ cốc và bánh ngũ cốc dùng để làm thực phẩm; bánh, mứt kẹo làm từ trái cây sấy và ngũ cốc trong đó ngũ cốc là thành phần chính; thực phẩm trộn bao gồm các lớp ngũ cốc và trái cây sấy khô (bánh mứt kẹo); thức ăn nhẹ làm từ ngũ cốc; bánh quy; bánh quy mặn (không phải là bánh quy dùng cho động vật); bánh bao; chế phẩm sôcôla dùng để pha chế đồ uống; đồ uống có thành phần, có chứa hương vị hoặc được chế từ sô cô la là chủ yếu; đồ uống trên cơ sở sôcôla, đồ uống có thành phần chủ yếu từ ngũ cốc; ngũ cốc dùng để uống; kem lạnh; bánh putding; món ăn điểm tâm có pha trộn ngũ cốc, hạt và quả khô trong đó ngũ cốc là thành phần chính và bánh điểm tâm; bánh pho mát.

Nhóm 32: Đồ uống không có cồn; nước ép trái cây; bột trái cây; đồ uống làm từ trái cây; đồ uống ngọt (không có cồn và không dùng cho mục đích y tế) có hương vị hoa quả, thảo mộc, quả hạch; chế phẩm mạch nha dùng để làm đồ uống.

(111) **4-0097268**
(210) 4-2006-18623
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.7.25; 26.3.1; 26.13.25
(591) Đỏ, vàng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ANH ANH (VN)
Số 389, phố Trương Định, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 21: Dây căng ri đô, phông, rèm cửa; dây phơi quần áo.

---

(111) **4-0097269**
(210) 4-2006-19940
(181) 17.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ULTIBACT

(151) 10.03.2008
(220) 17.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097270**
(210) 4-2006-19021
(181) 23.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 23.11.2006

(531) 1.3.1
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT XÂY DỰNG MINH ĐẠT (VN)
Số 9, đường 24B, khu phố 2, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Co nối làm bằng kim loại (dùng để nối các ống hơi trong ngành cơ khí).

---

(111) **4-0097271**
(210) 4-2006-19245
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VAXUCO

(151) 10.03.2008
(220) 09.11.2006

(531) A1.5.6
(591) Xanh, đỏ
(731) CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP VẠN XUÂN (VN)
Số 1B Hoàng Diệu, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Xuất nhập khẩu vũ khí, khí tài, trang bị quân sự, thiết bị đồng bộ và toàn bộ, nguyên nhiên vật liệu và vật tư chuyên dùng quốc phòng; xuất nhập khẩu máy móc thiết bị vật tư phục vụ cho quốc phòng; mua bán vật liệu xây dựng và phế liệu; nhập khẩu xăng, dầu mỡ đặc chủng phục vụ quốc phòng.

Nhóm 36: Dịch vụ cho thuê văn phòng.

Nhóm 39: Vận tải, dịch vụ kho bãi.

---

(111) **4-0097272**
(210) 4-2006-20014
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LAVIRIN

(151) 10.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng cho người và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0097273**
(210) 4-2006-18076
(181) 25.10.2016
(300) 78/868,884 25.04.2006 US
(450) 25.04.2008 241
(540)

360° SENSORY EXPERIENCE

(151) 10.03.2008
(220) 25.10.2006

(731) RETAIL LICENSING COMPANY (US)
101 Convention Center Drive, Las Vegas, Nevada 89109, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ, dịch vụ đặt hàng qua thư, dịch vụ bán hàng qua cat-tơ- lô, và dịch vụ cửa hàng bán lẻ điện tử thông qua mạng máy tính toàn cầu và/hoặc mạng thông tin liên lạc, tất cả các dịch vụ trên liên quan đến trang phục, quần áo, phụ kiện đi kèm quần áo, quần áo ngủ, quần áo lót, áo lót không tay của phụ nữ, quần áo lót phụ nữ, quần áo ngủ của nam giới, quần áo ngủ của phụ nữ và trẻ em, quần lót thấm mồ hôi, áo lạnh ngắn tay, đồ lót và áo khoắc giữ ấm, bộ đồ bơi, quần áo khoác ngoài, áo khoác, áo gi lê mặc trong áo khoác, áo paca, áo ngoài có mũ trùm đầu, áo choàng, quần lót dài, bộ đồ gin, quần soóc, áo len, áo sơ mi, cổ cồn ca vát, váy ngắn, áo choàng mặc khi làm việc, quần áo trượt tuyết, quần áo mặc khi trượt băng, đồ đi chân, hàng dệt kim, bít tất ngắn cổ, thắt lưng (trang phục), đồ đội đầu, mũ, mũ vải, khăn chùm đầu của phụ nữ, hành lý, ba lô, túi đeo ở thắt lưng, túi thể thao, ví tiền của nam giới, ví tiền của nữ giới, ô, nước hoa và dầu thơm, vật dụng dùng khi tắm rửa, mỹ phẩm, chế phẩm chăm sóc tóc, dầu gội đầu, dầu xả tóc, lược chải tóc, nước thơm xức da, xà phòng và chế phẩm làm sạch cơ thể, sản phẩm chăm sóc cá nhân, kính mát, nến, đồ chơi, trò chơi, vật dụng thể thao, đồng hồ đeo cổ tay, đồ kim hoàn, đồ dùng văn phòng, áp phích quảng cáo, tạp chí ảnh, ấn phẩm màu và nghệ thuật, nhật ký du lịch và lịch, bút, bút chì, cặp giấy, tập giấy dùng để ghi chép, thiệp chúc mừng, thẻ ghi chú, máy ghi âm và máy nghe nhạc, la bàn, nhiệt kế để đo nhiệt độ của môi trường và ánh sáng; phát hành giấy chứng nhận quà tặng và thẻ tặng quà để khuyến khích khách hàng mua hàng và sử dụng dịch vụ (nhằm mục đích kinh doanh hoặc quảng cáo).

---

(111) **4-0097274**
(210) 4-2006-19029
(181) 06.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GERO-AM

(151) 10.03.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM SHINPOONG DAEWOO VN TNHH (VN)
Số 13, đường 9A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097275**
(210) 4-2006-19280
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Glory

(151) 10.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) SANYANG INDUSTRY Co., Ltd (TW)
No. 3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 04: Chất phụ gia, không phải là hoá chất, dùng cho nhiên liệu động cơ; dầu nhờn, dầu phanh, nhiên liệu, dầu mỡ công nghiệp.

Nhóm 12: Xe mô tô hạng nhẹ; xe mô tô; xe cộ chạy điện, ô tô con, xe tải hạng nặng, xe ô tô, xe tải chở hàng, xe buýt, xe tải chở người và hành lý và các phụ tùng của xe ô tô bao gồm: khung gầm ô tô, phanh, trục xe, săm, lốp, còi, thiết bị chống trộm, khung xe, cửa xe, hộp số, kính chắn gió; động cơ cho các phương tiện giao thông trên bộ; các bộ phận ghép nối, truyền động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán hàng hoá và dịch vụ quảng cáo trong lĩnh vực ô tô, mô tô và xe máy.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng và sửa chữa, lắp đặt, điều chỉnh, kiểm tra và sửa chữa trong lĩnh vực ô tô, mô tô và xe máy.

---

(111) **4-0097276**
(210) 4-2006-19281
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Elite

(151) 10.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) SANYANG INDUSTRY Co., Ltd (TW)
No. 3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 04: Chất phụ gia, không phải là hoá chất, dùng cho nhiên liệu động cơ; dầu nhờn, dầu phanh, nhiên liệu, dầu mỡ công nghiệp.

Nhóm 12: Xe mô tô hạng nhẹ; xe mô tô; xe cộ chạy điện; động cơ cho các phương tiện giao thông trên bộ; các bộ phận ghép nối, truyền động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ thuộc nhóm này; ô tô con, xe tải hạng nặng, xe ô tô, xe tải chở hàng, xe buýt, xe tải chở người và hành lý và các phụ tùng của xe ô tô bao gồm: khung gầm ô tô, phanh, trục xe, săm, lốp, còi, thiết bị chống trộm, khung xe, cửa xe, hộp số, kính chắn gió.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán hàng hoá và dịch vụ quảng cáo trong lĩnh vực ô tô, mô tô và xe máy.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng, sửa chữa, lắp đặt điều chỉnh, kiểm tra và sửa chữa trong lĩnh vực ô tô, mô tô và xe máy.

---

(111) **4-0097277**
(210) 4-2006-19282
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Party

(151) 10.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) SANYANG INDUSTRY Co., Ltd (TW)
No. 3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 12: Xe mô tô hạng nhẹ; xe mô tô; xe cộ chạy điện, ô tô con, xe tải hạng nặng, xe ô tô, xe tải chở hàng, xe buýt, xe tải chở người và hành lý và các phụ tùng của xe ô tô bao gồm: khung gầm ô tô, phanh, trục xe, săm, lốp, còi, thiết bị chống trộm, khung xe, cửa xe, hộp số, kính chắn gió; động cơ cho các phương tiện giao thông trên bộ; các bộ phận ghép nối, truyền động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ thuộc nhóm này.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng và sửa chữa, lắp đặt, điều chỉnh, kiểm tra và sửa chữa trong lĩnh vực ô tô, mô tô và xe máy.

---

(111) **4-0097278**
(210) 4-2006-19283
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Husky

(151) 10.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) SANYANG INDUSTRY Co., Ltd (TW)
No. 3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 12: Xe mô tô hạng nhẹ; xe mô tô; xe cộ chạy điện, ô tô con, xe tải hạng nặng, xe ô tô, xe tải chở hàng, xe buýt, xe tải chở người và hành lý và các phụ tùng của xe ô tô bao gồm: khung gầm ô tô, phanh, trục xe, săm, lốp, còi, thiết bị chống trộm, khung xe, cửa xe, hộp số, kính chắn gió; động cơ cho các phương tiện giao thông trên bộ; các bộ phận ghép nối, truyền động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097279**
(210) 4-2006-19284
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Pure

(151) 10.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) SANYANG INDUSTRY Co., Ltd (TW)
No. 3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 12: Xe mô tô hạng nhẹ; xe mô tô; xe cộ chạy điện, ô tô con, xe tải hạng nặng, xe ô tô, xe tải chở hàng, xe buýt, xe tải chở người và hành lý và các phụ tùng của xe ô tô bao gồm: khung gầm ô tô, phanh, trục xe, săm, lốp, còi, thiết bị chống trộm, khung xe, cửa xe, hộp số, kính chắn gió; động cơ cho các phương tiện giao thông trên bộ; các bộ phận ghép nối, truyền động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097280**
(210) 4-2006-19386
(181) 10.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

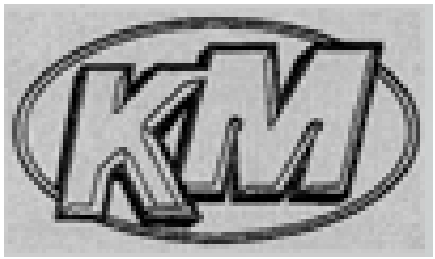

(151) 10.03.2008
(220) 10.11.2006

(531) 26.1.2
(731) KELLY - MOORE PAINT COMPANY, INC. (US)
987 Commercial Street, San Carlos, California 94070, United States of America
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 02: Sơn nội thất và ngoại thất và dung môi pha loãng sơn dùng trong các công trình dân dụng và các toà nhà thương mại; lớp men sơn latex dùng cho bề mặt: kim loại, gỗ, bê tông dùng cho nội thất và ngoại thất trong các công trình dân dụng và các toà nhà thương mại; phẩm màu ngoại thất dùng cho: gỗ, công trình nề, bê tông và kim loại trong các công trình dân dụng và các toà nhà thương mại; sơn lót và sơn phủ bịt kín dùng cho bề mặt: tường khô, vữa, công trình nề dùng trong các công trình dân dụng và các toà nhà thương mại; sơn không bóng có thành phần axit acrylic và sơn tạo nhũ nhẹ có thành phần axit acrylic dùng cho: gỗ, kim loại, ván cứng, vữa, gạch, bê tông và ván xép (dùng trong xây dựng) dùng cho ngoại thất trong các công trình dân dụng và các toà nhà thương mại.

---

(111) **4-0097281**
(210) 4-2006-21267
(181) 05.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 05.12.2006

(531) 5.3.20; 3.4.18
(731) BIOKING TECHNOLOGY CO., LTD (TW)
1F, No.410, Dadun 6th St., Taichung, Taiwan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Thịt lợn; thịt gia cầm; thịt; thịt được bảo quản; thịt đóng hộp; xúc xích.

---

(111) **4-0097282**
(210) 4-2006-20095
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 20.11.2006

(531) A1.5.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT (VN)
Số 256, đường 27/4, phường Phước Hưng, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Hạt điều đã chế biến.

Nhóm 31: Thức ăn gia súc.

---

(111) **4-0097283**
(210) 4-2006-20096
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CBA

(151) 10.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA (AU)
Level 7, 48 Martin Place, Sydney, Australia 1155
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ tài chính; dịch vụ ngân hàng và đầu tư vốn; dịch vụ môi giới chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm, như: dịch vụ bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ bảo hiểm thu nhập; dịch vụ trợ cấp hưu trí; dịch vụ uỷ thác thuộc nhóm này; dịch vụ quản lý nguồn vốn.

---

(111) **4-0097284**
(210) 4-2006-20097
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CommSec

(151) 10.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA (AU)
Level 7, 48 Martin Place, Sydney, Australia 1155
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ tài chính; dịch vụ ngân hàng và đầu tư vốn; dịch vụ môi giới chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm, như: dịch vụ bảo hiểm nhân thọ; dịch vụ bảo hiểm thu nhập; dịch vụ trợ cấp hưu trí; dịch vụ uỷ thác thuộc nhóm này; dịch vụ quản lý nguồn vốn.

---

(111) **4-0097285**
(210) 4-2006-20122
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TOPCILLIN

(151) 10.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỊNH PHÚC (VN)
182/17 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0097286**
(210) 4-2006-21560
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HTA

(151) 10.03.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH HỮU THẢO (VN)
25 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Sứ vệ sinh bao gồm xí bệt, xí xổm, chỗ đi tiểu (đồ vệ sinh gắn cố định), chậu rửa (gắn cố định); hệ thống và thiết bị vệ sinh; vòi hoa sen; vòi nước; bồn rửa bát; chậu inox (gắn cố định).

Nhóm 19: Gạch, gỗ lát sàn, kính xây dựng, cửa không bằng kim loại, ngói không bằng kim loại, vách ngăn không bằng kim loại.

Nhóm 20: Gương soi, gạch gương, ngói gương, đồ gỗ nội thất.

---

(111) **4-0097287**
(210) 4-2006-21561
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GENMEDONE

(151) 10.03.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc chữa bệnh cho người.

---

(111) **4-0097288**
(210) 4-2006-21609
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BACTECIDE

(151) 10.03.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP HOÀNG NÔNG (VN)
125A đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc bảo vệ thực vật như là: thuốc trừ sâu, thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt động vật có hại, thuốc diệt nấm bệnh, thuốc diệt cỏ.

---

(111) **4-0097289**
(210) 4-2006-21622
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.4.1
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUÊ HƯƠNG TÂN TRIỀU (VN)
Số 95, Cách Mạng Tháng Tám, phường Hoà Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Nem bưởi (nem được chế biến từ vỏ bưởi).

Nhóm 31: Trái cây tươi như: bưởi, cam, chôm chôm, măng cụt, xoài.

Nhóm 32: Đồ uống không chứa cồn như: nước trái cây, nước ép hoa quả, nước ép bưởi, nước khoáng, nước uống có ga, nước uống có hương vị.

Nhóm 33: Đồ uống có cồn: rượu trái cây, rượu bưởi, rượu sâm banh.

---

(111) **4-0097290**
(210) 4-2006-21626
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CÚC HOA

(151) 10.03.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH HẢI LONG (VN)
Thôn Lũng Giang, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0097291**
(210) 4-2006-20384
(181) 23.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 23.11.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.7.25
(591) Trắng, vàng, đỏ, xanh lá cây đậm
(731) CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Thịt; trứng; sữa; rau, quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín.

Nhóm 30: Gia vị.

Nhóm 31: Rau, quả tươi.

Nhóm 35: Bán thực phẩm tươi sống.

---

(111) **4-0097292**
(210) 4-2006-20760
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 10.03.2008
(220) 28.11.2006

(531) 26.3.23; A26.3.5
(731) GUANGDONG SHUNDA STAINLESS STEEL VESSEL CO., LTD (CN)
Xima Industry District, Jieyang City, Guangdong Province, P.R. China
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 21: Đồ chứa dùng trong bếp núc (không làm bằng kim loại quý); dụng cụ dùng trong bếp núc (không làm bằng kim loại quý); bộ đồ ăn (không làm bằng kim loại quý) không bao gồm thìa, dĩa và dao; nồi hấp không dùng điện (nồi áp suất); dụng cụ nấu, không chạy bằng điện; nồi nấu không dùng điện; đồ thuỷ tinh sơn màu dùng trong gia đình (dùng cho mục đích gia dụng và không thuộc các nhóm khác); đồ gốm dùng cho gia đình (dùng cho mục đích gia dụng và không thuộc các nhóm khác); đồ gốm 3 màu (dùng cho mục đích gia dụng và không thuộc các nhóm khác); bình đựng nước; bộ ly; bộ đồ uống trà (không làm bằng kim loại quý); chai đựng rượu bỏ túi (không làm bằng kim loại quý); máng nhào bột; bàn chải đánh răng; hộp đựng tăm (không làm bằng kim loại quý); dụng cụ trang điểm không bao gồm gương; phích nóng lạnh; dụng cụ làm sạch vận hành bằng tay; thủy tinh an toàn không bao gồm thuỷ tinh dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0097293**
(210) 4-2006-20766
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIZMIN

(151) 10.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) UNITED LABORATORIES, INC., (PH)
66 United Street, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097294**
(210) 4-2006-20767
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

REININ

(151) 10.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) UNITED LABORATORIES, INC., (PH)
66 United Street, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097295**
(210) 4-2006-20768
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FUNZELA

(151) 10.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) UNITED LABORATORIES, INC., (PH)
66 United Street, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097296**
(210) 4-2006-20769
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

JUBILEX

(151) 10.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) UNITED LABORATORIES, INC., (PH)
66 United Street, Mandaluyong City, Metro Manila, Philippines
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097297**
(210) 4-2006-20828
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AQUAVANCE

(151) 10.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) ALLERGAN, INC. (US)
2525 Dupont Drive, Irvine, California 92612, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Dược chất là thành phần của sản phẩm thuốc chữa bệnh về mắt.

---

(111) **4-0097298**
(210) 4-2006-20864
(181) 29.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOMSAM

(151) 10.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KOREA UNITED PHARM INT'L INC. (VN)
Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097299**
(210) 4-2006-20865
(181) 29.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HUDAI

(151) 10.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỄN ĐÔNG CHÂU Á (VIENDONG ASIA GROUP., JSC) (VN)
Số 27, phố Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc dùng để chữa bệnh cho người, dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097300**
(210) 4-2006-21562
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VISecurities

(151) 10.03.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM (VN)
59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Dịch vụ ngân hàng; giao dịch mua bán chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; niêm yết chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán.

---

(111) **4-0097301**
(210) 4-2006-22026
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 15.12.2006

(531) A26.11.12; A26.11.13; 26.1.2
(731) TIMBERLAND SWITZERLAND GMBH (CH)
Herrenacker 15, 8200 Schaffhausen, Switzerland
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giầy dép, mũ nón.

---

(111) **4-0097302**
(210) 4-2006-21894
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ISOSVEN

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG LỢI (VN)
Số 10, đường Sầm Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097303**
(210) 4-2006-22676
(181) 25.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 25.12.2006

(531) 26.3.1
(591) Xanh dương đậm, xanh dương lợt
(731) CÔNG TY TNHH CHẤN HƯNG (VN)
206/2 Bình Tiên, phường 04, quận 06, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 16: Màng mỏng bằng chất dẻo dùng để bao gói.

Nhóm 20: Ống hút để uống các loại làm bằng chất dẻo.

---

(111) **4-0097304**
(210) 4-2006-21793
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SENCITY

(151) 11.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ GIA TOÀN YMH (VN)
27 đường số 4, KDC Bình Hưng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 12: Xe máy.

---

(111) **4-0097305**
(210) 4-2006-21794
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MAXNEO

(151) 11.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ GIA TOÀN YMH (VN)
27 đường số 4, KDC Bình Hưng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 12: Xe máy.

---

(111) **4-0097306**
(210) 4-2006-21957
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 15.12.2006

(531) 4.3.3; 4.5.15
(591) Xanh ngọc, trắng, đỏ, xanh da trời sẫm, xanh lam, xanh nước biển nhạt, vàng sẫm, đen
(731) RITEK CORPORATION (TW)
No. 42, Kuangfu N. Road, Hsin Chu Industrial Park, Taiwan 30316
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Đĩa compac ghi được (CD-R), đĩa compac xoá đi ghi lại được (CD-RW), đĩa đa năng kỹ thuật số ghi được (DVD +/- R), đĩa đa năng kỹ thuật số xoá đi ghi lại được (DVD+/-RW), đĩa đa năng kỹ thuật số hai lớp, đĩa đa năng kỹ thuật số có bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên, đĩa compac/đĩa đa năng kỹ thuật có thể in được, đĩa đa năng kỹ thuật số loại

nhỏ, đĩa đa năng kỹ thuật số có công suất lưu trữ lớn, đĩa quang có công suất lưu trữ lớn (BD), thẻ nhớ, đầu đọc thẻ, bộ điều hợp thẻ, ổ truyền dữ liệu cho kênh ngoại vi (USB), ổ đĩa cứng tốc độ cao, dụng cụ truyền thông cá nhân/có thể mang theo, máy truyền hình kỹ thuật số, bộ nạp năng lượng mặt trời.

---

(111) **4-0097307**
(210) 4-2006-21968
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 15.12.2006

(531) 26.1.1; 26.3.1; 26.3.2
(591) Xanh đậm, xanh nhạt, vàng, trắng, đỏ, đen
(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KIS (VN)
Số 54, ngõ 121, Lê Thanh Nghị, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật.

---

(111) **4-0097308**
(210) 4-2006-21890
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SAO CHI LINH

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ASEM (VN)
Thị tứ Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Bột giặt, kem đánh răng, nước rửa chén, nước rửa sàn nhà, nước lau kính cửa sổ, nước tẩy rửa bồn cầu.

---

(111) **4-0097309**
(210) 4-2006-21897
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HULOPRAZ

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG LỢI (VN)
Số 10, đường Sầm Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097310**
(210) 4-2006-21898
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DORIXINA

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG LỢI (VN)
Số 10, đường Sầm Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097311**
(210) 4-2006-21899
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CARISOMA

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG LỢI (VN)
Số 10, đường Sầm Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097312**
(210) 4-2006-21910
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ROBIJACK

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG NGHI (VN)
102/C6 Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097313**
(210) 4-2006-21911
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

METISVAL

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG NGHI (VN)
102/C6 Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097314**
(210) 4-2006-21912
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PELLARIA

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TƯỜNG NGHI (VN)
102/C6 Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097315**
(210) 4-2006-21913
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMAYI

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) AMAYI INTERNATIONAL CORPORATION (WS)
Portcullis TrustNet Chambers, PO Box 1225, Apia, Samoa
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn; quán cà phê; cho thuê phòng họp.

---

(111) **4-0097316**
(210) 4-2006-21914
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMAYI

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) AMAYI INTERNATIONAL CORPORATION (WS)
Portcullis TrustNet Chambers, PO Box 1225, Apia, Samoa
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 44: Nhà tắm nước khoáng; dịch vụ khu nghỉ chăm sóc sức khoẻ, cụ thể là dịch vụ chăm sóc thân thể dùng mỹ phẩm; nhà tắm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ; thẩm mỹ viện; mát-xa; dịch vụ xoa bóp bằng dầu thơm.

---

(111) **4-0097317**
(210) 4-2006-21915
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(531) A26.3.5
(731) ARGUS INDUSTRIAL GROUP HOLDINGS LTD. (VG)
P.O. Box 957, Offshore Incorporation Centre Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 42: Khôi phục dữ liệu máy tính, tư vấn liên quan đến phần cứng máy tính, lập chương trình máy tính, sao y chương trình máy tính, thiết kế phần mềm máy tính, cài đặt phần mềm máy tính, bảo trì phần mềm máy tính, cập nhật phần mềm máy tính, thiết kế hệ thống máy tính, phân tích hệ thống máy tính, chuyển đổi dữ liệu hoặc tài liệu từ phương tiện vật lý sang phương tiện điện tử, chuyển đổi dữ liệu bằng chương trình máy tính (không là chuyển đổi vật lý), thiết kế công nghiệp, dịch vụ kỹ thuật của các kỹ sư, cho thuê phần mềm máy tính, dịch vụ nghiên cứu và phát triển (cho người khác), nghiên cứu dự án kỹ thuật.

---

(111) **4-0097318**
(210) 4-2006-22482
(181) 22.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 22.12.2006

(531) 26.1.1; 1.15.23; 7.11.20; 7.11.25; 15.1.13
(591) Đỏ gạch, tím than, trắng
(731) CÔNG TY ĐIỆN GIA LAI (VN)
28 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Xà thép; cột thép; xà rầm bằng kim loại; rầm đỡ bằng kim loại, ống áp lực bằng kim loại thường.

Nhóm 19: Trụ bê tông; cấu kiện bê tông đúc sẵn.

Nhóm 35: Mua bán vật liệu điện và thiết bị điện; lập dự án đầu tư; mua bán vật liệu xây dựng.

Nhóm 37: Lắp đặt đường dây điện; xây dựng công trình thuỷ điện; lắp đặt trạm biến áp.

Nhóm 39: Phân phối điện năng.

Nhóm 40: Sản xuất điện năng, dịch vụ mạ kẽm.

---

(111) **4-0097319**
(210) 4-2006-20115
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 21.11.2006

(531) 24.17.15; 26.1.1
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÁI HẢI (VN)
93B Trung Kính, Trung Hoà, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước tinh khiết đóng chai (đồ uống).

---

(111) **4-0097320**
(210) 4-2005-15271
(181) 11.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 11.11.2005

(531) A1.5.6; 26.4.1
(731) CƠ SỞ CAO SU TÂN TIẾN (VN)
576 ấp Ninh Trung, xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Săm xe máy; săm xe đạp; lốp xe máy; lốp xe đạp.

---

(111) **4-0097321**
(210) 4-2005-15459
(181) 16.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 16.11.2005

(531) 3.3.1; 4.3.5
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU TÂN THÀNH (VN)
ấp 7, xã Tân Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Hạt điều.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu: hàng nông sản, hải sản, rau quả, trái cây, hạt điều.

Nhóm 39: Dịch vụ lữ hành nội địa.

Nhóm 40: Chế biến hạt điều, hàng nông sản, hải sản để xuất khẩu.

---

(111) **4-0097322**
(210) 4-2006-21891
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GIKANIN

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HOÀ (VN)
48 Sinh Trung, Vạn Thanh, Nha Trang, Khánh Hòa
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097323**
(210) 4-2005-14859
(181) 07.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DA

chicava

(151) 11.03.2008
(220) 07.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NHẬT ANH (VN)
Thôn Kiêu Kỵ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 18: Cặp da, túi sách, cặp học sinh, cặp cán bộ, ba lô trên chất liệu nhựa dù, giả da, vải bạt.

---

(111) **4-0097324**
(210) 4-2005-15145
(181) 10.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

OXYMAX

(151) 11.03.2008
(220) 10.11.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM NATA (VN)
Số 1, đường Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097325**
(210) 4-2005-15447
(181) 16.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

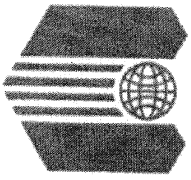

(151) 11.03.2008
(220) 16.11.2005

(531) A1.5.2; A26.11.8; 26.5.1
(731) CÔNG TY TNHH CHÂU LỤC (VN)
Số 37 Vũ Ngọc Phan, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 39: Giao nhận, vận chuyển hàng hoá.

---

(111) **4-0097326**
(210) 4-2006-08578
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EKXINE

(151) 11.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) PHARMANIAGA MANUFACTURING SDN BHD. (MY)
11A, Jalan P/1 Kawasan Perusahaan Bangi 43650 Bandar Baru Bangi, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097327**
(210) 4-2007-00224
(181) 04.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

Justone
Create new level

(151) 11.03.2008
(220) 04.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH LẬP SƠN (VN)
83 Lê Văn Thứ, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Thiết bị vệ sinh bằng đá, cụ thể là bồn tắm; bệ xí; chậu rửa tay (bộ phận của thiết bị vệ sinh); bồn tiểu (thiết bị vệ sinh gắn cố định).

Nhóm 19: Đá ốp lát dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0097328**
(210) 4-2007-01749
(181) 24.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

SIVA

(151) 11.03.2008
(220) 24.01.2007

(591) Vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SIÊU VIỆT Á (VN)
15/23 Phạm Văn Hai, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Chế phẩm hóa học để chống thấm.

Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0097329**
(210) 4-2005-14018
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ROXIMEDIN

(151) 11.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG HUẾ (VN)
Số 8 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097330**
(210) 4-2005-14019
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GINBIBAX

(151) 11.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG HUẾ (VN)
Số 8 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097331**
(210) 4-2005-14020
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

PADOBABY

(151) 11.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG HUẾ (VN)
Số 8 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097332**
(210) 4-2005-14021
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

CLAMECLAX

(151) 11.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC TRUNG ƯƠNG HUẾ (VN)
Số 8 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097333**
(210) 4-2006-16659
(181) 04.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHƯƠNG NGHĨA

(151) 11.03.2008
(220) 04.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT HOÁ MỸ PHẨM PHƯƠNG NGHĨA (VN)
127/2/73 Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 03: Kem (mỹ phẩm) trị nám da; kem dưỡng trắng da mặt; kem dưỡng trắng da toàn thân; sữa tắm trắng da; kem (mỹ phẩm) trị mụn; mỹ phẩm.

---

(111) **4-0097334**
(210) 4-2003-00221
(181) 10.01.2013
(450) 25.04.2008 241
(540)

SEOULCIGENOL

(151) 11.03.2008
(220) 10.01.2003

(731) PHIL INTERNATIONAL CO., LTD. (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc và dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0097335**
(210) 4-2005-12288
(181) 21.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 21.09.2005

(531) 26.1.2; 6.1.2; 26.3.1; 26.11.3
(591) Xanh cây, tím
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 567 (VN)
Thị trấn Tam Sơn, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang

(511) Nhóm 29: Thảo quả muối; thảo quả sấy khô.

Nhóm 30: Tương thảo quả.

---

(111) **4-0097336**
(210) 4-2007-00598
(181) 08.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

AVINA

(151) 11.03.2008
(220) 08.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIỆT NAM (VN)
Ô đất CN6, khu công nghiệp Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 33: Rượu vôtca; rượu Uýt ki.

---

(111) **4-0097337**
(210) 4-2007-01996
(181) 29.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

LUPIZIL

(151) 11.03.2008
(220) 29.01.2007

(731) LUPIN LTD (IN)
C wing, Laxmi Towers, Bandra Kurla Complex, Mumbai 400051 India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097338**
(210) 4-2005-05797
(181) 19.05.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

PENSTAL

(151) 11.03.2008
(220) 19.05.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ PHÁP (VN)
Số 6, ngõ 45 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097339**
(210) 4-2007-00741
(181) 25.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

KEROLA

(151) 11.03.2008
(220) 25.01.2007

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097340**
(210) 4-2005-13311
(181) 10.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 10.10.2005

(531) 26.4.2; 6.1.2
(591) Trắng, đỏ, trắng xám, xanh đen
(731) LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO-OP) (VN)
199-205 Nguyễn Thái Học, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 25: Quần; áo; giày; dép; mũ nón.

(111) **4-0097341**
(210) 4-2006-22930
(181) 28.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 28.12.2006

(531) A5.5.21
(591) Trắng, vàng, xanh lá cây, xanh rêu đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỰC PHẨM AN TOÀN HƯƠNG GIANG (VN)
131 Nguyễn Trãi, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Thị gia cầm; thịt gia súc.

---

(111) **4-0097342**
(210) 4-2006-22937
(181) 28.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KTAUDIO
electronics

(151) 11.03.2008
(220) 28.12.2006

(731) CƠ SỞ KHAI TRÍ (VN)
Nhà lồng chợ mới đường 3 tháng 2, phường 1, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Loa; âm ly (ampli); micrô; đầu karaoke; đầu đọc đĩa hình và tiếng; máy nghe nhạc.

---

(111) **4-0097343**
(210) 4-2006-22938
(181) 28.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KTCLAUDIO
electronics

(151) 11.03.2008
(220) 28.12.2006

(731) CƠ SỞ KHAI TRÍ (VN)
Nhà lồng chợ mới đường 3 tháng 2, phường 1, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Loa; âm ly (ampli); micrô; đầu karaoke; đầu đọc đĩa hình và tiếng; máy nghe nhạc.

---

(111) **4-0097344**
(210) 4-2006-21672
(181) 12.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

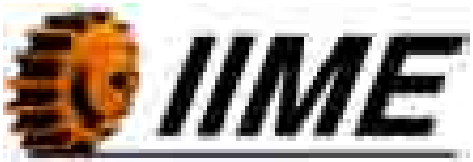

(151) 11.03.2008
(220) 12.12.2006

(531) 15.7.1
(591) Vàng, đen, nâu
(731) TOP REPUTE CO., LTD (HK)
Room 2403 Fu Fai Commercial Centre, No . 27 Hillier Street, Sheung Wan, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ tổ chức triển lãm quốc tế, hội chợ (nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo).

---

(111) **4-0097345**
(210) 4-2006-21673
(181) 12.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 12.12.2006

(591) Đỏ, xanh dương
(731) TOP REPUTE CO., LTD (KH)
Room 2403 Fu Fai Commercial Center, No . 27 Hillier Street, Sheung Wan, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế (nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo).

---

(111) **4-0097346**
(210) 4-2006-21674
(181) 12.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 12.12.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh dương, vàng, trắng
(731) TOP REPUTE CO., LTD (HK)
Room 2403 Fu Fai Commercial Centre, No . 27 Hillier Street, Sheung Wan, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế (nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo).

---

(111) **4-0097347**
(210) 4-2006-21675
(181) 12.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 12.12.2006

(531) 15.1.19; A26.11.12
(591) Xanh đen, xanh dương, xanh nhạt, trắng
(731) TOP REPUTE CO., LTD (HK)
Room 2403 Fu Fai Commercial Centre, No . 27 Hillier Street, Sheung Wan, Hong Kong
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế (nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo).

---

(111) **4-0097348**
(210) 4-2006-21893
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OXYRAZE

(151) 11.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM HƯNG LỢI (VN)
Số 10, đường Sầm Sơn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097349**
(210) 4-2004-14310
(181) 22.12.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

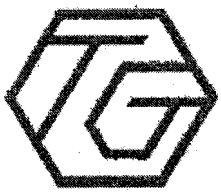

(151) 11.03.2008
(220) 22.12.2004

(531) 26.5.1
(731) TOYODA GOSEI CO., LTD. (JP)
1, Aza Nagahata, Oaza Ochiai, Haruhi-cho, Nishikasugai-gun, Aichi-ken, Japan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 11: Vỉ thông gió của hệ thông sưởi ấm dùng cho nội thất ô tô.

Nhóm 12: Tàu thủy và các bộ phận và các phụ tùng của tàu thuỷ cụ thể là: thiết bị đẩy, chân vịt, cơ cấu lái và tay lái điều khiển, tay lái, cơ cấu lái hơi nước, bánh lái, cơ cấu lái điện, tấm vải bạt (dùng trên boong tàu), mái chèo, cọc chèo, mái chèo ca nô, miếng tháp

cột buồm, cột buồm, tấm phủ hầm tàu bằng thép, thang tàu dùng để xuống biển, đệm chắn thành tàu, nêm hầm tàu, cái chèn hầm tàu, ván lót hầm tàu, tấm sàn hầm tàu, vỏ tàu, cần trục neo, con chèn tàu, ô cửa sổ của tàu, ống dẫn dây chão, tất cả dùng cho tàu thuỷ; phương tiện bay trên không và các bộ phận và các phụ tùng của phương tiện bay trên không, cụ thể là: cánh quạt rô to (dùng cho máy bay lên thẳng), bộ phận hạ cánh, ghế, ống xịt ô xy, thanh giằng dạng khung, bánh xe hạ cánh, cánh, thiết bị kiểm soát bay, lốp (dùng cho bánh xe hạ cánh), săm (dùng cho lốp), thân máy bay, thùng nhiên liệu, vải dùng cho máy bay (vải mỏng dùng cho thân máy bay và cánh), bộ thăng bằng theo chiều thẳng đứng và chiều ngang, thiết bị đẩy máy bay, thiết bị làm tan băng, các bộ phận cấu thành hệ thống nước dầu, tất cả dùng cho phương tiện bay; đầu máy xe lửa và các bộ phận và các phụ tùng của đầu máy xe lửa, cụ thể là: lưới hành lý, ghế, thân đầu xe lửa, bánh xe, thiết bị hiển thị tình trạng đang vận hành, bệ đỡ giữa bánh xe và gầm, khung gầm, dây vịn, cửa, động cơ dùng cho cửa, móc nối xe lửa, thang kéo xki, dây cáp (không dùng cho việc vận chuyển hàng hoá), tất cả dùng cho đầu máy xe lửa; ô tô và các bộ phận và các phụ tùng của ô tô, cụ thể là: cái chắn bùn, thiết bị chống va chạm, rơ moóc, thiết bị chống trượt, xích chống trượt, đệm tựa đầu trên đỉnh ghế xe ô tô, móc xe moóc, chuông báo xoay chiều, khoang chứa hành lý, van cho lốp xe, thắt lưng an toàn cho ghế, lưới đựng hành lý, vỏ bọc ghế, bậc lên xuống, vật đỡ xki, gương chiếu hậu, ghế, thảm, thiết bị chống trộm, thiết bị chống loá mắt, chuông chống trộm, còi, đèn tín hiệu chỉ dẫn, vô lăng, nắp két nhiên liệu, thiết bị bảo vệ, mành chống nắng, túi khí (thiết bị an toàn), bánh xe, ghế ngồi an toàn cho trẻ em, lốp cho bánh xe, bảng các thiết bị chỉ dẫn trong ô tô, cụm lắp ráp dạng hộp điều khiển bên trong, giá đỡ cốc chén, vòi phun tan băng, ngăn chứa những đồ vật nhỏ gọn trên xe ô tô, bảng kiểm soát độ nóng, hoa văn dùng để trang trí phía trước, tấm phản chiếu bằng điốt phát sáng LED, tay phanh trợ lực, đồ trang trí cửa, dàn bộ tản nhiệt, hoa văn dùng để trang trí cửa sau, gờ bảo vệ bên cạnh xe (bộ phận bên ngoài), gờ chống va đập, nắp bánh xe, lỗ thông bốn ống, vòi và ống nhiên liệu (bộ phận của két nhiên liệu), cụm lắp ráp dạng ống dẫn kèm theo két nhiên liệu, van (bộ phận của két nhiên liệu), vòi nước (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), ống chống ồn cho ống bơm không khí (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), nắp động cơ (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), vòi máy hút bụi và thiết bị cộng hưởng (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), ống nước bằng nhựa (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), két dự trữ (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), nắp xy lanh và miếng đệm nắp xy lanh (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), vòi không khí (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), vòng kẹp ắc quy (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), nắp dây đai điều chỉnh được (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), màng chắn (bộ phận của bộ truyền động năng lượng), vòi phanh (bộ phận của bộ truyền dẫn động), vòi thiết bị lái bằng điện (bộ phận của bộ truyền dẫn động), hộp số có hiển thị tốc độ (bộ phận của bộ truyền dẫn động), mũ bịt trục nhỏ (bộ phận của bộ truyền dẫn động), nắp piston (bộ phận của bộ truyền dẫn động), thanh răng và vỏ bọc piston (bộ phận của bộ truyền dẫn động), nắp chống bụi (bộ phận của bộ truyền dẫn động), vỏ bọc liên kết tốc độ bất biến (bộ phận của bộ truyền dẫn động), tất cả dùng cho ô tô, xe đạp và các bộ phận và các phụ tùng của xe đạp, cụ thể là: đĩa xích hoặc bộ đĩa bàn đạp, bơm, còi hoặc chuông báo, yên xe, trục quay, chân chống, nan hoa, lốp, dây xích truyền, hộp xích, săm, cái chắn bùn, giỏ xe, tay nắm ghi đông, móc treo hành lý, trục bánh xe, ghi đông, líp, khung xe, bàn đạp, phuộc trước xe đạp, vành bánh xe, tất cả dùng cho phương tiện giao thông hai bánh hoặc xe đạp; xe đẩy trẻ em; xe xích lô; xe trượt tuyết; xe cút kít; xe hai bánh dùng để chở hàng; xe ngựa; xe moóc đạp; xe lăn; phương tiện vận chuyển bằng dây cáp dùng để chuyên chở hành khách hoặc vận chuyển hàng hoá; xe có thùng lật dùng để dỡ hàng; xe đẩy dùng trong mỏ; xe kéo dùng trong mỏ; xe chạy bằng động cơ hơi nước hoặc động cơ diezen; động cơ

không chạy bằng năng lượng điện dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ (không bao gồm các bộ phận của chúng); càng xe, trục xe hoặc trục quay (dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); bệ đỡ (dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); bộ liên kết hoặc kết nối càng xe (dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); thiết bị truyền năng lượng và cơ cấu dẫn động (dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); giảm xóc (dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); lò xo (dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); phanh (dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); động cơ chạy bằng dòng điện xoay chiều hoặc một chiều dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ (không bao gồm các bộ phận của chúng); miếng vá cao su dính dùng cho sửa chữa săm hoặc lốp; còi chống trộm dùng cho xe cộ; dù.

Nhóm 17: Cao su (tươi hoặc bán thành phẩm); sản phẩm bằng chất dẻo bán thành phẩm (được sử dụng như nguyên liệu); vật liệu chống ồn làm bằng len cứng (không dùng cho mục đích xây dựng); tấm amiăng; bột amiăng.

---

(111) **4-0097350**
(210) 4-2006-19487
(181) 13.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EX-word

(151) 11.03.2008
(220) 13.11.2006

(731) CASIO KEISANKI KABUSHIKI KAISHA (CASIO COMPUTER CO., LTD.) (JP)
6-2, Hon - machi 1-chome, Shibuya-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Từ điển điện tử; chương trình máy tính dùng cho từ điển điện tử; đĩa compact lưu bộ nhớ chỉ đọc ra dùng cho từ điển điện tử; thẻ nhớ dùng cho từ điển điện tử; tai nghe dùng cho từ điển điện tử; cáp chuyển đổi của thiết bị lưu trữ dữ liệu di động dùng cho từ điển điện tử; hộp cứng bọc ngoài của từ điển điện tử (là bộ phận gắn liền với từ điển điện tử); hộp mềm bọc ngoài của từ điển điện tử (là bộ phận gắn liền với từ điển điện tử); ắc quy dùng cho từ điển điện tử; bộ nạp điện của ắc quy dùng cho từ điển điện tử; bộ nắn điện dòng điện xoay chiều dùng cho từ điển điện tử; máy truyền tin điện tử; máy vi tính xách tay; phần mềm máy tính được ghi sẵn trên băng từ, trên thẻ từ, trên đĩa từ, trên đĩa quang; máy tính xách tay dùng để trợ giúp cá nhân; máy tính cá nhân điện tử dùng cho các tổ chức; máy quay phim kỹ thuật số; bộ phận in ảnh của máy ảnh kỹ thuật số; máy in dùng cho máy vi tính; phần mềm máy tính dùng cho máy tính cá nhân sử dụng trong việc trao đổi dữ liệu giữa máy tính cá nhân với từ điển điện tử, đồng hồ đeo tay, máy quay phim kỹ thuật số; điện thoại mạng; thẻ nhớ; bộ nhớ của máy vi tính; tai nghe dùng cho máy vi tính; ắc quy điện; bộ nạp điện cho ắc quy; bộ nắn điện dòng điện xoay chiều; dây dẫn điện của thiết bị lưu trữ dữ liệu di động; bộ phận lưu trữ dữ liệu của máy tính; máy tính điện tử; máy tính điện tử kỹ thuật cao; máy tính điện tử có các chức năng lưu số danh bạ điện thoại, lưu địa chỉ, ghi lịch, lưu danh sách tên và lưu các việc cần ghi nhớ; bàn phím máy tính; bộ phận in chữ của máy in máy tính; màn hình máy tính; bộ phận con chuột của máy tính; máy quét ảnh (đi kèm máy tính); bút quang; ổ đĩa quang học của máy tính; bộ điều biến của máy tính; máy in nhãn mác điện tử; máy in laze được sử dụng cùng

với máy tính; máy nhắn tin có gắn radio; ti vi có màn hình tinh thể lỏng; thiết bị hàng hải; thiết bị dẫn hướng cho ô tô điều khiển bằng máy tính (là bộ phận của máy tính); rađiô; đầu máy quay đĩa compắc; đầu máy ghi băng nghe nhạc; đầu máy ghi băng hình; máy chiếu phim; bộ phận màn hình hiển thị của máy tính (là bộ phận của máy tính); thiết bị ghi, truyền và tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; bộ phận quét, xử lý, truyền và hiển thị hình ảnh (là thiết bị của máy vi tính); đầu máy quay đĩa; đầu máy ghi đĩa; đầu máy quay đĩa video kỹ thuật số; bộ phận nhận dữ liệu của máy vi tính (là bộ phận của máy vi tính).

---

(111) **4-0097351**
(210) 4-2006-22811
(181) 27.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

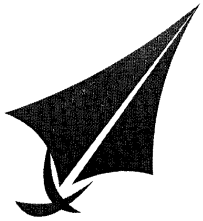

(151) 11.03.2008
(220) 27.12.2006

(531) 18.3.21; A18.5.7
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN UNICOM (VN)
Số 181, phố Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Tư vấn quản lý nhân sự; tư vấn nghiệp vụ thương mại; tư vấn tổ chức kinh doanh; tư vấn điều hành kinh doanh.

Nhóm 41: Các sản phẩm dịch vụ thuộc nhóm này bao gồm: các dịch vụ đào tạo kinh doanh; các khoá đào tạo liên quan đến dịch vụ khách hàng; đào tạo quản lý giám sát; các dịch vụ đào tạo nhân sự; các dịch vụ giáo dục, đào tạo, và giảng dạy kiến thức chuyên môn trong các lĩnh vực tổ chức và quản lý kinh doanh; các dịch vụ đào tạo thương mại điện tử; các dịch vụ đào tạo kỹ năng viết và giao tiếp trong kinh doanh; tư vấn đào tạo kinh doanh.

---

(111) **4-0097352**
(210) 4-2006-23054
(181) 29.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 29.12.2006

(531) 26.4.2; A26.11.12; 26.11.3
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN Á (VN)
Số 9, ngõ 850 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua, bán: máy khoan điện; máy mài điện; máy cưa gỗ; máy bào gỗ; máy cắt gạch, đá; máy cắt kim loại.

---

(111) **4-0097353**
(210) 4-2006-23056
(181) 29.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 29.12.2006

(531) A26.11.12
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN Á (VN)
Số 9, ngõ 850 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua, bán: máy khoan điện; máy mài điện; máy cưa gỗ; máy bào gỗ; máy cắt gạch, đá; máy cắt kim loại.

---

(111) **4-0097354**
(210) 4-2006-20826
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AUFY

(151) 11.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) NEWSOUTH GLOBAL PTY LIMITED (AU)
Library Concourse, University of New South Wales, Anzac Parade, Kensington, NSW, 2052, Australia
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ dùng để ghi, truyền, xử lý và tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dữ liệu liên quan đến giáo dục và đào tạo; thiết bị và dụng cụ dùng để ghi, truyền, xử lý và tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dữ liệu liên quan đến việc xác định hoặc đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên; vật chứa dữ liệu, hình ảnh và âm thanh ghi sẵn, băng ghi âm và hình, CD ROM và đĩa compact liên quan đến giáo dục và đào tạo; vật chứa dữ liệu, hình ảnh và âm thanh ghi sẵn, băng ghi âm và hình, CD ROM và đĩa compact liên quan đến việc xác định và đánh giá tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên; phần mềm máy tính liên quan đến giáo dục và đào tạo; phần mềm máy tính liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên.

Nhóm 16: Ấn phẩm; tài liệu học tập và giảng dạy (không bao gồm dụng cụ); tài liệu học tập và giảng dạy liên qua đến giáo dục và đào tạo; tài liệu học tập và giảng dạy liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và đào tạo; dịch vụ giáo dục và đào tạo về ngôn ngữ; dịch vụ thiết kế, cung cấp và đánh giá chất lượng các khóa giảng dạy và đào tạo về ngôn ngữ; dịch vụ xác định và đánh giá tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên; lập và tổ chức các chương trình kiểm tra và đánh giá về giáo dục; phân tích và thu thập dữ liệu liên quan đến các chương trình xác định và đánh giá về tiêu chuẩn giáo dục.

---

(111) **4-0097355**
(210) 4-2006-21790
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

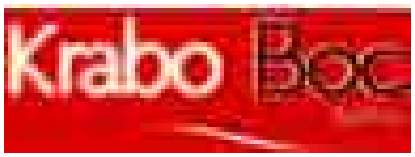

(151) 11.03.2008
(220) 13.12.2006

(531) 26.4.2; A26.11.12
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) SAMAPHAN INTERNATIONAL CO., LTD (TH)
111/152 Mu 6 Soi Pho Keao 5, Nawamin Road, Bueng Kum District, Bangkok 10240, Thailand
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các chất ăn kiêng, chất dinh dưỡng dùng trong sản xuất thực phẩm và đồ uống (cho mục đích y tế); chất bổ sung dinh dưỡng dùng cho ngành y, chế phẩm vitamin, chất bổ sung khoáng chất cụ thể là các loại thuốc bổ đa khoáng chất, đa sinh tố dùng để bổ sung thêm chất khoáng cho người sử dụng.

---

(111) **4-0097356**
(210) 4-2006-04897
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 03.04.2006

(531) A1.5.3
(591) Trắng, xanh tím, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GIẢI PHÁP TIN HỌC VIỆT (VN)
A4 cư xá Tân Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 42: Thiết kế phần mềm máy tính; thiết kế trang web; dịch vụ cài đặt phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0097357**
(210) 4-2006-23050
(181) 29.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TUNGALOY

(151) 11.03.2008
(220) 29.12.2006

(731) TUNGALOY CORPORATION (JP)
Solid Square, 580 Horikawa-cho, Saiwai-ku, Kawasaki-shi, Kanagawa, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Dụng cụ cắt (là bộ phận của máy) bao gồm dao cắt bánh răng, tarô, dao lược ren, mũi khoan, dao phay ren, dao tiện, dao chuốt, dao phay và mũi doa; dụng cụ được làm bằng cacbit thiêu kết (hợp chất của kim loại với cacbon) (là bộ phận của máy), bao gồm dụng cụ cắt được làm bằng cacbit thiêu kết, dụng cụ chống ăn mòn được làm bằng cacbit thiêu kết, dụng cụ chống mài mòn được làm bằng cacbit thiêu kết và đầu bịt (là bộ phận của máy) được làm bằng cacbit thiêu kết; dao kim cương (là bộ phận của máy), bao gồm dao cắt kim loại có đầu bằng kim cương và dao cắt kim loại chống mòn; khuôn đúc và bàn ren để tạo hình cho kim loại (là bộ phận của máy), bao gồm khuôn đúc và khuôn rèn kim loại để tạo hình cho kim loại, máy gia công kim loại; máy mỏ; dụng cụ dùng cho máy mỏ; máy xúc, máy làm nền móng, máy đầm và láng nền, máy đổ bê tông, máy trải nhựa đường, máy nạo vét lòng sông, dụng cụ dùng cho máy xúc, máy móc và thiết bị bốc dỡ và xếp hàng; máy ép (nén), máy trộn, máy nghiền, máy mài, dụng cụ máy dùng trong ngành hoá học; máy và thiết bị chế biến ngũ cốc, máy và thiết bị chế biến thuỷ sản, máy thái, máy và thiết bị xẻ gỗ, bao gồm cưa đai gỗ, cưa xích, máy cưa chuyên dụng, máy sửa cưa và cưa vòng; máy và thiết bị gia công gỗ, bao gồm máy đánh bóng bằng cát, máy cắt và lắp mộng, máy bào gỗ, máy tiện gỗ, máy phay gỗ, máy khoan gỗ, máy cưa gỗ và máy sửa cưa dùng để gia công gỗ; máy và thiết bị xẻ, gia công hoặc trang trí gỗ, hoặc làm gỗ dán; máy đúc khuôn bằng phương pháp nén, máy đúc khuôn bằng phương pháp đẩy, máy đúc khuôn bằng phương pháp phun, khuôn đúc chất dẻo, máy tạo hình cho cao su, con lăn dùng để trộn cao su, khuôn đúc cao su, máy và thiết bị gia công đá; trục và trục quay (không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ), ổ trục (là bộ phận của máy và không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ), hộp truyền động và bánh răng điện dùng cho máy móc (không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ), phanh côn (là bộ phận của máy, không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ), phanh đĩa (là bộ phận của máy, không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ), phanh đai (là bộ phận của máy, không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ), phanh guốc (là bộ phận của máy, không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ), các loại phanh khác (là bộ phận của máy, không dùng cho phương tiện giao thông trên bộ).

(111) **4-0097358**
(210) 4-2005-12419
(181) 23.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 23.09.2005

(531) 3.4.13; 5.7.3; A5.5.21
(591) Vàng, vàng cam, đỏ, hồng, xanh lá cây, nâu, trắng, đen, xanh dương, xanh tím
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT PHƯỚC HƯNG (VN)
D16/8D Nguyễn Cửu Phú, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0097359**
(210) 4-2005-14349
(181) 27.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 27.10.2005

(531) 26.1.2
(591) Trắng, xanh dương đậm, xanh lá cây nhạt
(731) The Quaker Oats Company (US)
555 West Monroe, Chicago, IL 60661, USA
(740) Văn phòng Luật sư Minh & Chiến (MINH, CHIEN & PARTNERS)

(511) Nhóm 29: Đồ uống gốc sữa và đậu nành (sữa là chủ yếu); đồ uống gốc sữa.

Nhóm 30: Đồ uống chế trên cơ sở yến mạch; bột ngũ cốc dùng điểm tâm; bánh snack được làm từ hạt ngũ cốc.

Nhóm 32: Đồ uống đậu nành.

---

(111) **4-0097360**
(210) 4-2006-00226
(181) 10.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 10.03.2006

(531) 5.13.4; 24.7.1; 26.1.1
(591) Đỏ, xanh lá cây, vàng
(731) NÔNG TRƯỜNG CỜ ĐỎ - MỘC CHÂU (VN)
Thị trấn nông trường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 30: Trà.

---

(111) **4-0097361**
(210) 4-2004-13641
(181) 07.12.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

SECOM

(151) 11.03.2008
(220) 07.12.2004

(731) SECOM KABUSHIKI KAISHA (SECOM CO., LTD.) (JP)
5-1, Jingumae 1-Chome, Shibuya-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ khoa học, hàng hải, trắc địa, nhiếp ảnh, điện ảnh, quang học, cân, đo, báo hiệu, kiểm tra, cấp cứu và giảng dạy; thiết bị và dụng cụ dùng để dẫn, chuyển mạch, biến đổi, tích, điều chỉnh hay điều khiển năng lượng điện; thiết bị ghi, truyền hay tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ kiện từ tính, đĩa ghi; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó tiền xu hay thẻ; máy tính tiền; máy tính, thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính; thiết bị dập lửa; băng (thiết bị khử từ cho băng từ); băng từ tính; mạch in; bộ nhớ của máy vi tính; dụng cụ dẫn hướng cho các phương tiện đi lại; máy vi tính; phần mềm máy vi tính (đã được ghi lại); máy điện tín hay thiết bị để truyền điện tín; đường dây điện thoại; đĩa (từ tính); đĩa mềm (dùng cho máy vi tính); bàn phím máy vi tính; con chíp điện tử (mạch tích hợp); đĩa compact (âm thanh-hình ảnh); đĩa compact (bộ nhớ chỉ đọc); chương trình điều hành của máy vi tính, đã được ghi; thiết bị ngoại vi cho máy vi tính; phần mềm máy vi tính (đã được ghi); bút (điện tử) (thiết bị hiển thị dùng với máy vi tính hay thiết bị điện tử); thẻ đã được mã hoá, từ tính; giao diện hay mạch ghép nối hay thiết bị ghép tương thích (cho máy vi tính); juke box (thiết bị đĩa quang có thể tự động nạp và nhả đĩa) (dùng cho máy vi tính); phương tiện chứa dữ liệu từ tính; bộ mã hoá từ tính; bộ băng từ tính hay ổ băng từ tính (dùng cho máy vi tính); màn hình (phần cứng máy vi tính); bộ giám sát (chương trình máy vi tính); đĩa quang; máy in dùng với máy vi tính; bộ xử lý trung tâm (thiết bị xử lý dữ liệu cho máy tính); máy quét - scanner (thiết bị xử lý dữ liệu); đầu đĩa compact; ổ đĩa (dùng cho máy vi tính); thẻ mạch tích hợp (thẻ thông minh); máy tính notebook hay máy

vi tính xách tay; đầu máy chơi trò chơi viđêô; ấn phẩm điện tử (có thể tải xuống từ mạng máy tính); chương trình máy vi tính (phần mềm có thể tải xuống từ mạng máy tính); thiết bị dẫn hướng cho xe cộ (máy vi tính gắn trên xe cộ); điện thoại (có thể mang theo người); chương trình trò chơi máy vi tính; thiết bị dẫn hướng cho vệ tinh hay thiết bị dẫn hướng sử dụng tín hiệu vệ tinh; thẻ an ninh hay bảo mật điện tử; còi hay chuông báo động nói chung; thiết bị và dụng cụ viễn thông; thiết bị và dụng cụ GPS (hệ thống định vị toàn cầu); thiết bị và dụng cụ để truyền và nhận dữ liệu liên quan đến nơi và/hoặc địa điểm hay người, tài sản hay xe cộ; còi hay chuông báo động khi có di chuyển hay vận động (movement alarm); hệ thống nhận hay phát tín hiệu, hệ thống tiếp sóng, bộ tách sóng; thiết bị định vị xe cộ, người và tài sản; bộ cảm biến phát hiện người hay vật xâm nhập, bộ cảm biến từ tính, bộ cảm biến phát hiện người hay vật xâm nhập sử dụng loại sóng siêu âm, bộ cảm biến báo các rung động hay bộ cảm biến phát hiện các rung động, bộ cảm biến phát hiện người hay vật xâm nhập sử dụng loại sóng cực ngắn hay sóng vi ba; bộ cảm biến sử dụng tia hồng ngoại active (tạo xung năng lượng đến mục tiêu và đo xung dội lại) (active infra-red sensor), bộ cảm biến sử dụng tia hồng ngoại passive (thu năng lượng ánh sáng xung quanh của mặt trời phản chiếu từ một bề mặt mà không có xung năng lượng hoạt động nào) (passive infra-red sensor), bộ cảm biến phát hiện việc làm vỡ kính; bộ cảm biến cho lá chắn sáng hay màn trập của thấu kính máy ảnh (shutter sensor), bộ cảm biến báo cháy, bộ cảm biến báo khói; bộ cảm biến nhiệt hay hơi nóng, bộ cảm biến báo khi có lửa hay sự cháy, bộ cảm biết nhiệt; máy phát tín hiệu truyền thông hay ống nói của máy điện thoại, hệ thống nhận và phát tín hiệu, máy thu sóng hay tín hiệu hay ống nghe của máy điện thoại, rơ le, ăng ten, thiết bị lặp kích sóng trong viễn thông (repeater), bộ nguồn điện, pin hay ắc quy, bộ kích hoạt hay thiết bị kích hoạt, thiết bị cảnh báo dùng cho cá nhân; thiết bị dập lửa; máy in dùng kèm với máy vi tính, đầu đọc thẻ, ống phóng tia catốt (cathode ray tube); camera thu hình; phòng điện thoại công cộng, thiết bị hay máy bấm giờ, khoá điện tử, bộ điều chỉnh hay điều khiển khoá; thẻ đã mã hoá; hệ thống liên lạc điện thoại kết nối các phòng trong toà nhà hay tàu lớn (interphone), điện thoại đặt ở cửa ra vào; thiết bị điện tử ghi lại lời nhắn cho điện thoại (answering machine); thiết bị dập lửa tự động; hệ thống quản lý lối vào và ra sử dụng thiết bị nhận dạng dấu vân tay điện tử; thiết bị mã hoá và giải mã bản fax; cửa vận hành tự động và từ xa dùng cho nơi đỗ xe và gara; bảng điều khiển chuông báo cháy; bảng điều khiển chuông báo trộm; các bộ phận và linh kiện nhỏ của các sản phẩm trên; tất cả sản phẩm trong nhóm này.

Nhóm 45: Các dịch vụ cá nhân và xã hội được cung cấp bởi người khác hay đơn vị khác phục vụ cho các nhu cầu cá nhân; dịch vụ an ninh nhằm bảo vệ người và tài sản; các dịch vụ bám đuôi và theo dõi việc bám đuôi; các dịch vụ truyền hình mạch kín (hệ thống truyền hình khép kín, không phổ biến, chỉ được sử dụng và xem bởi một số người nhất định, thường nhằm mục đích an ninh hay theo dõi) - CCTV; các dịch vụ tư vấn hay đưa ra lời khuyên về an ninh hay bảo mật; cung cấp dịch vụ theo dõi an ninh hay theo dõi để bảo vệ; giám sát và báo cáo tình hình về các đối tượng/người cần được bảo vệ và/hoặc giám sát như người già, trẻ em, vật nuôi, đồ đạc có giá trị; cấp cứu và báo cáo trong trường hợp khẩn cấp (không phải là vận chuyển bằng xe cứu thương); tìm kiếm hay tìm lại và báo cáo về nơi ở hay địa điểm hiện tại của đối tượng như đồ bị mất hay thất lạc, đồ bị đánh cắp; dịch vụ theo dõi từ xa các đối tượng/người cần được bảo vệ và/hoặc giám sát như người già, trẻ em, vật nuôi, đồ đạc có giá trị; điều tra về người bị mất tích; cho thuê thiết bị đầu cuối cầm tay chỉ dành cho việc tìm kiếm, dò tìm hay phát hiện và báo cáo về nơi ở hay địa điểm hiện tại của đối tượng/người cần được bảo vệ và/hoặc giám sát; dịch vụ trinh thám theo dõi kẻ nghi ngờ; dịch vụ theo dõi nơi ở hay địa điểm hay vị trí của người, tài sản và/hoặc xe cộ; dịch vụ cảnh báo về địa điểm và vị trí của người, tài sản và xe cộ; cung cấp

thông tin về bản đồ (định vị thông tin trên bản đồ) nhằm quản lý và tìm người già, trẻ em, vật nuôi, các đối tượng/người cần được bảo vệ và/ hoặc giám sát, tài sản bị mất, đối tượng bị đánh cắp và các đối tượng khác cần tìm kiếm và/hoặc lấy lại.

---

(111) **4-0097362**
(210) 4-2006-16946
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 10.10.2006

(531) 26.1.6; 1.15.21; 1.15.24
(731) CÔNG TY TNHH CHESSI (VN)
Khu công nghiệp Biên Hòa 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 11: Bình lọc nước (dùng trong gia đình).

---

(111) **4-0097363**
(210) 4-2006-17348
(181) 16.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EXCEL II

(151) 11.03.2008
(220) 16.10.2006

(731) SANYANG INDUSTRY Co., Ltd (TW)
No. 3 Chung Hua Road, Hukou, Hsinchu, Taiwan
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 04: Chất phụ gia, không phải là hoá chất, dùng cho nhiên liệu động cơ; dầu nhờn; dầu phanh; nhiên liệu; dầu mỡ công nghiệp.

Nhóm 12: Xe máy; ô tô, mô tô; động cơ cho các phương tiện giao thông trên bộ; các bộ phận ghép nối, truyền động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ thuộc nhóm này.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán hàng hoá và dịch vụ quảng cáo trong lĩnh vực ô tô, mô tô và xe máy.

Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng, lắp đặt, điều chỉnh, kiểm tra và sửa chữa trong lĩnh vực ô tô, mô tô và xe máy.

---

(111) **4-0097364**
(210) 4-2006-21368
(181) 06.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SOILTAKE

(151) 11.03.2008
(220) 06.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH PHÚ CƯỜNG (VN)
G69/86 khu 10, phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy khoan cọc nhồi; mâm cặp mũi khoan (bộ phận của máy); mũi khoan (bộ phận của máy); máy đào đắp đất; búa đóng cọc (máy); máy trộn bê tông.

---

(111) **4-0097365**
(210) 4-2006-21549
(181) 08.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 08.12.2006

(531) A26.11.8; A5.3.14
(591) Xanh lá cây, cam, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA MỸ PHẨM TỰ NHIÊN (VN)
Số 3/1 đường Hà Thanh, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; xà phòng; mỹ phẩm; kem đánh răng.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0097366**
(210) 4-2005-14476
(181) 28.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

LIFAN
Luôn mang luồng gió mát

(151) 11.03.2008
(220) 28.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI LIÊN HIỆP (VN)
Lô số 2-4 đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 11: Quạt; điều hòa nhiệt độ; tủ lạnh; tủ đông; thiết bị cung cấp nước nóng lạnh.

---

(111) **4-0097367**
(210) 4-2005-15614
(181) 18.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 18.11.2005

(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH GIAI CẢNH (VN)
295 Nguyễn Trãi, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, dầu gió, thuốc y học cổ truyền.

Nhóm 35: Mua bán: hàng may mặc, hàng thực phẩm, thiết bị máy văn phòng, thiết bị tin học, hàng kim khí điện máy, phụ tùng máy móc, bao bì.

---

(111) **4-0097368**
(210) 4-2005-15802
(181) 23.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SU TONG
舒痛

(151) 11.03.2008
(220) 23.11.2005

(731) CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC THÀNH PHẨM Y HỌC CỔ TRUYỀN CHÁNH ĐẠI (VN)
295 Nguyễn Trãi, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thuốc đông y, dầu gió, dầu nóng xoa bóp.

---

(111) **4-0097369**
(210) 4-2006-17227
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 13.10.2006

(531) 3.7.15; 3.7.21
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TÂN BÌNH (VN)
889 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 29: Dầu mè (dầu vừng) tinh luyện; dầu đậu nành tinh luyện; dầu đậu phộng (lạc) tinh luyện; dầu dừa tinh luyện; dầu thực vật tinh luyện và dạng đặc; bơ thực vật.

---

(111) **4-0097370**
(210) 4-2006-17229
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 13.10.2006

(531) 26.1.2; 2.9.10
(731) HỘ KINH DOANH NHÂN TÂM (VN)
803 đường 3/2 phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 44: Phòng khám, chữa bệnh răng, hàm, mặt.

---

(111) **4-0097371**
(210) 4-2006-17343
(181) 16.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SÁNG QUANG

(151) 11.03.2008
(220) 16.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÁNG QUANG (VN)
Khu dân cư Sáng Quang, đường Tân Sinh, phường 2, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Mua bán bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng.

---

(111) **4-0097372**
(210) 4-2004-06560
(181) 02.07.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 02.07.2004

(531) 5.3.20; 26.1.1
(591) Xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HOÀNG KHANG (VN)
Kinh 10, đường Tam Tân, ấp Tam Tân, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Thịt, cá, gia cầm và thú săn; chất chiết ra từ thịt, rau, quả được bảo quản, phơi khô hoặc nấu chín; nước quả nấu đông, mứt, nước quả; trứng, sữa và các sản phẩm từ sữa; dầu thực vật và mỡ ăn.

Nhóm 30: Cà phê, chè, cacao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ, chất thay thế cà phê; bột và các sản phẩm làm từ bột ngũ cốc, bánh mì, bánh, mứt, kẹo, kem; mật ong, nước mật, đường; men, bột nở; muối, tương hạt cải, dấm và nước sốt; gia vị; kem lạnh.

Nhóm 31: Sản phẩm và hạt nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp không xếp vào các nhóm khác; động vật sống; rau quả tươi; hạt giống, cây và hoa tươi; thức ăn cho động vật, mạch nha.

Nhóm 35: Mua bán phân bón (vi sinh, hữu cơ, phân hóa học).

Nhóm 36: Kinh doanh mua bán nhà; môi giới bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình); san lấp mặt bằng.

Nhóm 39: Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.

---

(111) **4-0097373**
(210) 4-2006-20076
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 20.11.2006

(531) A17.2.2; 26.5.1
(731) CÔNG TY TNHH THÀNH HƯNG (VN)
3A-4A cư xá Nguyễn Thái Bình, Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy may, máy cắt, máy thêu, máy ép, máy là, máy in, máy mài nồi hơi, động cơ.

---

(111) **4-0097374**
(210) 4-2006-21988
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 15.12.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI HƯƠNG KHÁNH (VN)
198 Vườn Lài, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 29: Sữa bột.

---

(111) **4-0097375**
(210) 4-2006-17950
(181) 25.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 25.10.2006

(591) Đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI TÂN THÁI AN (VN)
X3 Ba Vì, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán vải nhựa.

---

(111) **4-0097376**
(210) 4-2006-18343
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 27.10.2006

(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097377**
(210) 4-2006-18344
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.4.1
(591) Đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097378**
(210) 4-2006-19047
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

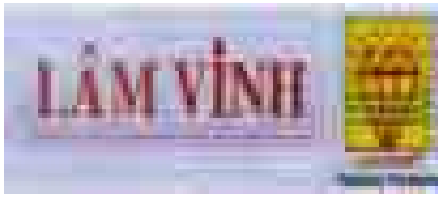

(151) 11.03.2008
(220) 07.11.2006

(531) A17.2.2; 26.11.3
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh lá cây, xanh
(731) PHẠM THANH LÂM (VN)
260/4 Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Dụng cụ và thiết bị vệ sinh; vòi hoa sen; ống dẫn nước (bộ phận của thiết bị vệ sinh); bồn tắm; thiết bị dùng cho bồn tắm; vòi nước (thiết bị của bộ phận phân phối nước).

Nhóm 35: Mua bán dụng cụ và thiết bị vệ sinh, hàng trang trí nội thất.

---

(111) **4-0097379**
(210) 4-2006-21401
(181) 06.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 06.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (NADYPHAR) (VN)
136 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097380**
(210) 4-2006-23017
(181) 29.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FLAMOVAS

(151) 11.03.2008
(220) 29.12.2006

(731) FLAMINGO PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
7/1 Corporate Park, Sion-Trombay Road, P.O Box No.: 27257, Chembur, Mumbai-400 071, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097381**
(210) 4-2005-12301
(181) 21.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

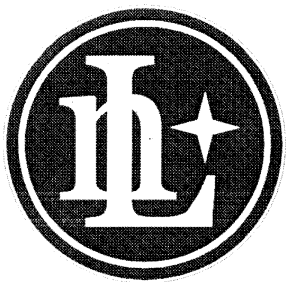

(151) 11.03.2008
(220) 21.09.2005

(531) A1.1.9; 26.1.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VẠN THIÊN KIM (VN)
291 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; móng tay giả; móng chân giả; nước sơn móng tay; chế phẩm chăm sóc móng tay.

---

(111) **4-0097382**
(210) 4-2005-16225
(181) 01.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NOLAGA

(151) 11.03.2008
(220) 01.12.2005

(731) LÊ DUY THỨC (VN)
Ô 2, lô B7, khu dân cư Đông An, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Bếp gas.

---

(111) **4-0097383**
(210) 4-2005-16682
(181) 09.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 09.12.2005

(531) 26.4.1; 26.3.23; A25.7.4
(591) Xanh dương, đỏ
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VINH LAN (VN)
19 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán vải sợi, vật liệu ngành may mặc; mua bán hàng may mặc.

---

(111) **4-0097384**
(210) 4-2005-17621
(181) 26.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 26.12.2005

(531) 26.1.2; 2.1.11
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Các chất chiết ra từ thịt, tôm, cá, trứng dưới dạng hạt để ăn liền; thịt hộp; cá hộp; canh ăn liền.

Nhóm 30: Phở ăn liền; bún ăn liền; hủ tiếu ăn liền; cháo ăn liền; bún khô; hủ tiếu khô; mì khô; bột canh; hạt nêm; nước tương; tương cà chua (nước xốt cà chua); tương ớt.

---

(111) **4-0097385**
(210) 4-2005-17622
(181) 26.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 26.12.2005

(531) 26.1.2; 26.2.1
(591) Trắng, đỏ sẫm
(731) CÔNG TY TNHH LÂM GIA (VN)
Cụm công nghiệp, TTCN, khối 7, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 19: Gỗ dùng làm đồ đạc trong nhà; tấm gỗ cho xây dựng; gỗ lát tường; tấm lát bằng gỗ; gỗ bán gia công; thanh gỗ để ốp tường.

Nhóm 20: Đồ gỗ trang trí nội thất; đồ gỗ văn phòng; vách ngăn bằng gỗ dùng cho đồ đạc trong nhà; đồ gỗ trường học; đồ trang trí không bằng kim loại cho đồ đạc; giá đồ đạc.

---

(111) **4-0097386**
(210) 4-2005-16328
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 02.12.2005

(531) 7.1.6; 1.1.15; 26.1.2
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP (VN)
173 Hai Bà Trưng, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Lạc rang húng lìu; rau củ sấy khô; quả sấy khô; rau tiến vua sấy khô; măng khô; nấm hương sấy khô.

Nhóm 31: Rau tươi; quả tươi; củ tươi; rau tiến vua tươi.

---

(111) **4-0097387**
(210) 4-2005-16330
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 02.12.2005

(531) A11.3.2; 4.5.2; 4.5.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÀ HÀNG HU GO (VN)
A1 khu nhà ở Thương mại, 319 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp.

---

(111) **4-0097388**
(210) 4-2005-16331
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

OVALGEN

(151) 11.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182- 182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán thuốc thành phẩm phòng bệnh và chữa bệnh cho người.

---

(111) **4-0097389**
(210) 4-2005-16332
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 02.12.2005

(531) A11.3.2; 4.5.2; 4.5.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NHÀ HÀNG HU GO (VN)
A1 khu nhà ở Thương mại, 319 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp.

---

(111) **4-0097390**
(210) 4-2005-16333
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

THE EVERRICH

(151) 11.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ PHÁT ĐẠT (VN)
357-359 An Dương Vương, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà; môi giới bất động sản; kinh doanh căn hộ; cho thuê văn phòng; cho thuê trung tâm thương mại.

Nhóm 37: Xây dựng; xây dựng tòa nhà; xây dựng trung tâm thương mại; xây dựng căn hộ cao cấp.

---

(111) **4-0097391**
(210) 4-2005-17469
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

CELTALEX

(151) 11.03.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0097392**
(210) 4-2005-17471
(181) 22.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

RAGOZA

(151) 11.03.2008
(220) 22.12.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TÚ UYÊN (VN)
182-182A Lê Thị Bạch Cát, phường 11, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0097393**
(210) 4-2005-16052
(181) 28.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

BIMESTA

(151) 11.03.2008
(220) 28.11.2005

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097394**
(210) 4-2005-17562
(181) 23.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SLENBURN

(151) 11.03.2008
(220) 23.12.2005

(731) MEGA LIFESCIENCES LTD. (TH)
384 Soi 6, Pattana 3 Road, Bangpoo Industrial Estate, Samutprakarn 10280, Thailand
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thực phẩm bổ sung chất dùng cho người sử dụng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097395**
(210) 4-2005-17619
(181) 26.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 11.03.2008
(220) 26.12.2005

(531) 26.1.1; 2.9.14
(731) THE COCA-COLA COMPANY (US)
One Coca-Cola Plaza, Atlanta, Georgia 30313, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 32: Bia; nước khoáng; nước có ga; đồ uống không có cồn; đồ uống hoa quả; nước ép hoa quả; xi-rô; chế phẩm để làm đồ uống.

---

(111) **4-0097396**
(210) 4-2005-17892
(181) 30.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZINMED

(151) 11.03.2008
(220) 30.12.2005

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D-2 MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0097397**
(210) 4-2005-17893
(181) 30.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MELIDOPEN

(151) 11.03.2008
(220) 30.12.2005

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D-2 MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0097398**
(210) 4-2005-17894
(181) 30.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MELICOBION

(151) 11.03.2008
(220) 30.12.2005

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D-2 MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0097399**
(210) 4-2005-17895
(181) 30.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MEDLIFLOX

(151) 11.03.2008
(220) 30.12.2005

(731) MEDLEY PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Medley House, D-2 MIDC Area, 16th Road Andheri (East) Mumbai - 400 093 India

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược; chất ăn kiêng dùng trong ngành y; thực phẩm cho trẻ em.

---

(111) **4-0097400**
(210) 4-2006-00437
(181) 10.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KUMON

(151) 11.03.2008
(220) 10.01.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3
(731) KUMON INSTITUTE OF EDUCATION CO., LTD. (JP)
2 -2, Umeda 1-chome, Kita-ku, Osaka, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 14: Kim loại quý, thô hoặc bán thành phẩm; vòng đeo chìa khoá bằng kim loại quí; đồ nữ trang rẻ tiền, dây đeo đồng hồ; cúp thể thao làm bằng kim loại quí; cúp giải thưởng bằng kim loại quí; cái khiên kỷ niệm làm bằng kim loại quí; phù hiệu bằng kim loại quý; khoá thắt lưng bằng kim loại quý; huy hiệu bằng kim loại quý; ghim cài trên mũ bằng kim loại quý; huy chương; khuy măng sét; đồng hồ; đồng hồ đeo tay.

Nhóm 18: Túi hành lý; túi xách tay; ví (túi) tiền; khung của túi xách tay; khung của ví tiền; túi gói hàng bằng da sử dụng trong công nghiệp; bao nhỏ, túi nhỏ bằng da; ba lô; ví đựng đồ trang điểm (chưa có đồ để dùng được); ô; dây đai bằng da; da súc vật chưa thuộc; da thô; da đã thuộc.

Nhóm 25: Quần áo; đồ đi chân; mũ; áo choàng (măng tô); áo len dài tay; áo dệt kim cộc tay; áo sơ mi; quần áo ngủ; quần áo mặc bên trong; quần áo lót; áo bơi liền mảnh của phụ nữ; bộ quần áo tắm; mũ bơi; mũ tắm; tạp dề (đi kèm quần áo); miếng bảo vệ cổ áo (là bộ phận của cổ áo); bít tất ngắn cổ; tất dài (đi kèm quần áo); xà cạp (bộ phận của quần áo binh phục); ghệt; khăn choàng bằng lông thú; khăn choàng; khăn quàng vai; găng tay (đi kèm quần áo); găng tay hở ngón (đi kèm quần áo); tã lót trẻ em bằng vải dệt; ca vát; khăn quàng cổ; khăn rằn quàng cổ; khăn choàng cổ có thể che được cả mũi và miệng; mũ che tai (trang phục); khăn trùm đầu đi kèm quần áo; nịt bít tất; cái nịt tất; dải đeo (quần, tất); cạp quần; thắt lưng (đi kèm quần áo); quần áo mặc trong hội giả trang; quần áo thể thao; giày thể thao (trừ giày dùng cho môn thể thao cưỡi ngựa).

Nhóm 35: Tư vấn trong tổ chức và điều hành kinh doanh; hỗ trợ việc điều hành kinh doanh; thông tin về thương mại; tư vấn nghiệp vụ về thương mại; nghiên cứu thị trường; dịch vụ quản lý kinh doanh; nghiên cứu kinh doanh; quảng cáo; cố vấn trong tổ chức và điều hành kinh doanh; tư vấn trong việc hỗ trợ điều hành kinh doanh; cung cấp các thông tin về thương mại; tư vấn về nghiệp vụ thương mại; tư vấn việc nghiên cứu thị trường; tư vấn quản lý kinh doanh; tư vấn nghiên cứu kinh doanh; tư vấn quảng cáo.

(111) **4-0097401**
(210) 4-2007-01937
(181) 02.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

ASMATAC

(151) 12.03.2008
(220) 02.04.2007

(731) SINENSIX & CO. (GB)
HBC12, 83 Gordon Street, Huntly, AB54 8 FG, Scotland
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097402**
(210) 4-2007-01938
(181) 02.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

TAMIVIR

(151) 12.03.2008
(220) 02.04.2007

(731) SINENSIX & CO. (GB)
HBC12, 83 Gordon Street, Huntly, AB54 8 FG, Scotland
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097403**
(210) 4-2004-07345
(181) 23.07.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 23.07.2004

(531) 26.4.2
(591) Xanh da trời, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY KÍNH NỔI VIGLACERA (VN)
Khu sản xuất Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 19: Kính xây dựng.

Nhóm 20: Kính gương.

Nhóm 37: Thực hiện hoàn thiện trang trí nội thất các công trình dân dụng và công nghiệp.

---

(111) **4-0097404**
(210) 4-2005-11024
(181) 29.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

Manon

(151) 12.03.2008
(220) 29.08.2005

(531) 24.15.21; 26.3.23
(731) CÔNG TY TNHH MANON ELECTRIC APPLIANCES (VN)
177/11 F2-F3 Lũy Bán Bích, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Loa, ampli; micro; đầu VCD; đầu DVD; máy nghe viết (dùng cho học ngoại ngữ, nghe nhạc MP3 và tra từ điển).

---

(111) **4-0097405**
(210) 4-2005-14045
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

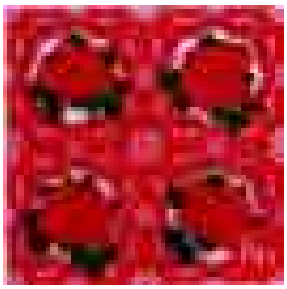

(151) 12.03.2008
(220) 21.10.2005

(531) 25.7.25; 5.5.23; 26.1.1; 26.4.1
(591) Trắng, đỏ, hồng, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG (VN)
190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Khăn trải bàn bằng nhựa.

---

(111) **4-0097406**
(210) 4-2005-14046
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 21.10.2005

(531) 5.5.23; 5.3.16; 26.1.1; 26.4.1; 25.7.25
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG (VN)
190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Khăn trải bàn bằng nhựa.

(111) **4-0097407**
(210) 4-2005-14047
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

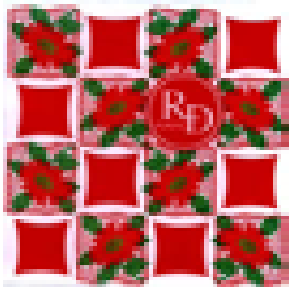

(151) 12.03.2008
(220) 21.10.2005

(531) 5.5.23; 26.1.1; 26.4.1; 25.7.25
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG (VN)
190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Khăn trải bàn bằng nhựa.

---

(111) **4-0097408**
(210) 4-2005-14048
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

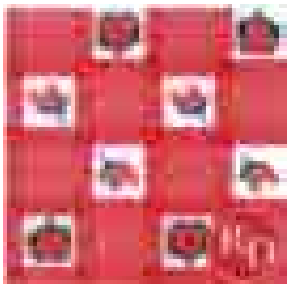

(151) 12.03.2008
(220) 21.10.2005

(531) 5.5.23; 26.1.1; 26.4.1; 25.7.25; 25.7.15
(591) Trắng, đỏ, xanh lá cây, đỏ cam
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG (VN)
190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Khăn trải bàn bằng nhựa.

---

(111) **4-0097409**
(210) 4-2005-14049
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

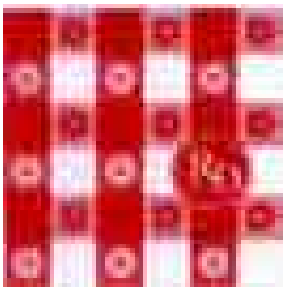

(151) 12.03.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.1; 26.1.1; 5.5.23; 25.7.25
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG (VN)
190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Khăn trải bàn bằng nhựa.

---

(111) **4-0097410**
(210) 4-2005-14050
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.1; 26.1.1; 5.5.23; 25.7.25
(591) Trắng, đỏ, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG (VN)
190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Khăn trải bàn bằng nhựa.

---

(111) **4-0097411**
(210) 4-2005-14051
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

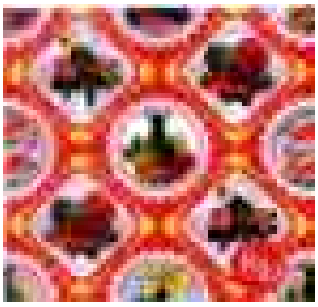

(151) 12.03.2008
(220) 21.10.2005

(531) 26.4.1; 26.1.1; 25.7.25; 5.5.23
(591) Đỏ, vàng, trắng, đen, tím, xanh lá cây, xanh da trời, hồng nhạt, xanh rêu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG (VN)
190 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 24: Khăn trải bàn bằng nhựa.

---

(111) **4-0097412**
(210) 4-2005-12303
(181) 21.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 21.09.2005

(531) 5.5.1; A1.5.3; 26.4.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN SIÊU CƯỜNG (VN)
56/1 Cách Mạng, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

(111) **4-0097413**
(210) 4-2005-12304
(181) 21.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GURONTON

(151) 12.03.2008
(220) 21.09.2005

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD. (TW)
No. 224, Nanhsing Rd., Tingliao Li, E. Dist., Chia Yi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097414**
(210) 4-2005-08417
(181) 08.07.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

DISNEY FAIRIES

(151) 12.03.2008
(220) 08.07.2005

(591) Đen, trắng
(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 20: Đệm không khí dùng khi cắm trại; cái nôi; giường (làm bằng gỗ hoặc các chất dẻo không thuộc các nhóm khác); ghế dài (đồ gỗ); tủ sách; tủ (đồ gỗ); ghế ngồi; giá treo áo; đồ để máy tính (đồ gỗ); khay để bàn phím máy tính; giường cũi cho trẻ con; ghế trường kỷ; vật lấp lánh dùng để trang trí (đồ nội thất), đồ đạc không cố định dùng để trang trí; bàn học sinh; ống hút nước (ống mút); tấm phù điêu làm bằng đá được cắt và chạm trổ treo trên tường dùng để trang trí (đồ nội thất); bức tượng và bức tượng nhỏ làm từ ngà voi, thạch cao, chất dẻo, sáp hoặc gỗ; cột cờ; ghế để chân; đồ gỗ; quả cầu có thể phản chiếu hình ảnh dùng để trang trí (đồ nội thất); vật trang trí để gói quà làm bằng chất dẻo; quạt tay; gương có cán cầm tay; hộp đựng đồ trang sức không làm bằng kim loại; đồ trang trí nhỏ đi kèm chìa khoá làm bằng vật liệu thuộc nhóm này; đồ gỗ đặt trên cỏ hoặc trong vườn; khung tranh làm bằng da; ghế sofa đôi; giá để báo; đệm; gương; đồ trang trí không dùng cho lễ giáng sinh làm từ ngà voi, thạch cao, chất dẻo, sáp hoặc gỗ; ghế dài có đệm; đồ trang trí bữa tiệc làm từ chất dẻo; cái đôn; khung tranh; gối; giá để cây cối làm bằng dây và kim loại; tấm trang trí tường không làm bằng vải (đồ nội thất); chìa khoá dạng thẻ làm bằng chất dẻo (không mã hoá); cờ làm bằng chất dẻo; bảng tên cài áo làm bằng chất dẻo; bảng đăng ký số xe ô tô có gắn đồ trang trí rẻ tiền làm bằng nhựa; cờ trang trí làm bằng chất dẻo; bánh làm bằng chất dẻo dùng để trang trí; vỏ sò dùng để trang trí; túi ngủ dùng cho người cắm trại; giá để ô; cửa chớp lật (mành mành); chuông gió.

(111) **4-0097415**
(210) 4-2005-14282
(181) 26.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

TOTAL CONTROL

(151) 12.03.2008
(220) 26.10.2005

(731) HERBALIFE INTERNATIONAL, INC. (US)
1800 Century Park East, Los Angeles, California 90067, United States of America
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 29: Thực phẩm bổ sung dưới dạng chất lỏng, viên nén, bột hay viên nhộng chứa các thành phần vitamin, chất khoáng, cây thảo mộc và các thành phần khác được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, không dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097416**
(210) 4-2005-14284
(181) 26.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NOURIFUSION

(151) 12.03.2008
(220) 26.10.2005

(731) HERBALIFE INTERNATIONAL, INC. (US)
1800 Century Park East, Los Angeles, California 90067, United States of America
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 03: Kem, nước thơm (lotion), chất gien dưới dạng lỏng và đặc quánh (gel), chất làm sạch, mặt nạ và sữa dùng cho mặt và cơ thể, tất cả đều là mỹ phẩm.

Nhóm 29: Thực phẩm bổ sung dưới dạng chất lỏng, viên nén, bột hay viên nhộng chứa các thành phần vitamin, chất khoáng, cây thảo mộc và các thành phần khác được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này, không dùng cho mục đích y tế.

Nhóm 32: Hỗn hợp để pha đồ uống không cồn bổ sung chất dùng khi ăn kiêng để thay thế bữa ăn (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0097417**
(210) 4-2005-14285
(181) 26.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SHAPEWORKS

(151) 12.03.2008
(220) 26.10.2005

(731) HERBALIFE INTERNATIONAL, INC. (US)
1800 Century Park East, Los Angeles, California 90067, United States of America
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm bổ sung vitamin, khoáng chất và chất bổ dưỡng từ thảo mộc cho cơ thể dưới dạng chất lỏng, viên nén, bột hay viên nhộng.

Nhóm 29: Quả hạch đã được chế biến; súp, hỗn hợp súp; đồ ăn nhanh được chế biến trên cơ sở protein được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; đồ ăn nhanh được chế biến trên cơ sở đậu nành; đồ ăn nhanh được chế biến trên cơ sở trái cây và rau củ.

Nhóm 30: Đồ uống được chế trên cơ sở trà thảo mộc.

Nhóm 32: Nước trái cây ép, nước rau củ ép và chất cô đặc, xirô hay bột được dùng để pha chế nước trái cây ép và nước rau củ ép; hỗn hợp được làm chủ yếu từ bột đậu nành để pha đồ uống.

Nhóm 44: Chương trình chế độ quản lý cân nặng có nội dung làm giảm cân theo cơ cấu, quản lý cân nặng, chế độ ăn kiêng, lập kế hoạch về sức khoẻ và duy trì sức khoẻ thông qua việc sử dụng chế độ ăn kiêng, dinh dưỡng và luyện tập để thay đổi cách sống.

---

(111) **4-0097418**
(210) 4-2005-14223
(181) 25.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

LISACALCO

(151) 12.03.2008
(220) 25.10.2005

(731) LISAPHARMA S.P.A ITALY (IT)
Via Licinio, 11 - 22036 Erba (Como), Italy
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097419**
(210) 4-2005-14225
(181) 25.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

LIBEREN

(151) 12.03.2008
(220) 25.10.2005

(731) LISAPHARMA S.P.A ITALY (IT)
Via Licinio, 11 - 22036 Erba (Como), Italy
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097420**
(210) 4-1998-38297 (38297)
(181) 08.05.2008
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 08.05.1998

(531) 2.1.11
(731) THE GARDEN COMPANY LIMITED (HK)
58 Castle Peak Road, Kowloon, Hong Kong
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Bánh mì, bánh quy, bánh ngọt, bánh, mứt, kẹo và kem.

---

(111) **4-0097421**
(210) 4-2006-16895
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

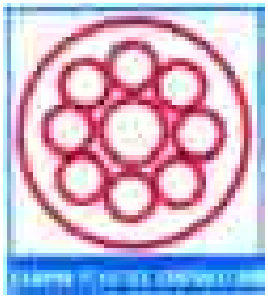

(151) 12.03.2008
(220) 09.10.2006

(531) 26.1.1; 26.1.6; 26.4.2; A25.7.6
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA SAM PHÚ (VN)
Đường Phước Hữu, khu công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Ống bằng nhựa cứng dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0097422**
(210) 4-2006-09464
(181) 19.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

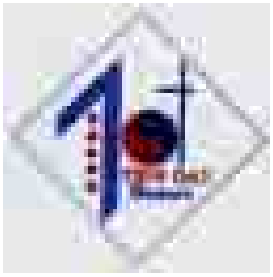

(151) 12.03.2008
(220) 19.06.2006

(531) A1.1.10; A1.1.5; 24.17.21; 26.4.3; 26.3.23
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH DU LỊCH TIẾN ĐẠT (VN)
94A Nguyễn Đình Chiểu, phường Hàm Tiến- Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0097423**
(210) 4-2006-07956
(181) 24.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 24.05.2006

(531) 26.1.2; 26.4.2; A26.11.12
(591) Đỏ, xanh nước biển, trắng
(731) CÔNG TY TNHH TRƯỜNG GIANG (VN)
Số 125 Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

(511) Nhóm 11: Bộ thu năng lượng mặt trời (sưởi nóng), thiết bị lọc nước.

---

(111) **4-0097424**
(210) 4-2006-08022
(181) 25.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 25.05.2006

(531) A1.1.10; 26.4.3; 26.4.10
(591) Trắng, đỏ, xanh da trời
(731) KHÁCH SẠN ĐÀ GIANG (VN)
26B, quốc lộ 1, phường 2, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên

(511) Nhóm 43: Kinh doanh khách sạn.

---

(111) **4-0097425**
(210) 4-2006-14611
(181) 01.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 01.09.2006

(531) 3.1.1; A17.2.2; A1.5.3
(591) Đỏ, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KINH DOANH VÀNG KIM THÀNH HẢO (VN)
157 Phan Đình Phùng, phường 17, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 14: Các sản phẩm bằng vàng bạc, đá quý (đồ trang sức, đồ kim hoàn).

---

(111) **4-0097426**
(210) 4-2006-16066
(181) 22.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 22.09.2006

(731) TẠP CHÍ MARKETING VIỆT NAM (VN)
306 Nguyễn Trọng Tuyển, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Xuất bản: sách, tạp chí, nhật báo, báo chí.

---

(111) **4-0097427**
(210) 4-2006-17066
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 11.10.2006

(531) 2.3.4
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THỰC PHẨM ĐA TA (VN)
34/28 Trần Thái Tông, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Gia vị; mì; bún; hủ tiếu; kẹo các loại (không thuộc nhóm khác); chế phẩm của ngũ cốc; chè (trà); bánh làm bằng gạo.

Nhóm 35: Mua bán gia vị, mì, bún, phở, hủ tiếu, miến, bánh ngọt, kẹo các loại, chế phẩm của ngũ cốc chè (trà), bánh làm bằng gạo, nước chấm các loại (tất cả không do nhà hàng thực hiện).

(111) **4-0097428**
(210) 4-2006-17067
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INNOVA

(151) 12.03.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM QUỐC H.L (VN)
H11 Dương Quảng Hàm, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, bếp điện.

---

(111) **4-0097429**
(210) 4-2006-17068
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HISAGOOD

(151) 12.03.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM QUỐC H.L (VN)
H11 Dương Quảng Hàm, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, bếp điện.

---

(111) **4-0097430**
(210) 4-2006-17102
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

X-TEEN

(151) 12.03.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH HÀNG GIA DỤNG QUỐC TẾ (VN)
30 Lam Sơn, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Dầu gội, mỹ phẩm, chất tẩy rửa.

---

(111) **4-0097431**
(210) 4-2006-08494
(181) 01.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 01.06.2006

(731) CƠ SỞ NGỌC NGÀ (VN)
219A Phan Văn Khỏe, phường 5, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 28: Diều làm bằng vải; diều làm bằng nhựa.

---

(111) **4-0097432**
(210) 4-2006-08495
(181) 01.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

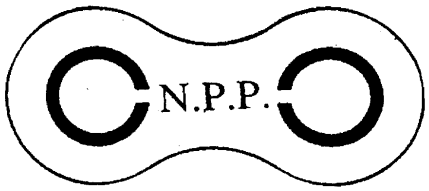

(151) 12.03.2008
(220) 01.06.2006

(531) A14.1.15
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT XÍCH CHUYÊN DÙNG VIỆT NAM (VN)
Số 1 đường 10A, khu công nghiệp Biên Hòa II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Xích xe máy; nhông (đĩa xích nhỏ) xe máy; đĩa xích xe máy; săm xe máy; lốp xe máy.

---

(111) **4-0097433**
(210) 4-2006-09515
(181) 19.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 19.06.2006

(731) FUFU'S THREAD CO., LTD (TW)
1F, No.28, Lane 91, Ho-Shan St., Tainan City, Taiwan
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 23: Chỉ may; sợi dùng để dệt; chỉ bằng chất dẻo dùng để dệt; chỉ kim loại dùng để may và dệt; chỉ kim tuyến dùng để may và dệt.

Nhóm 26: Chỉ kim loại dùng để thêu; chỉ kim tuyến (chỉ kim loại có màu sáng lấp lánh) dùng để thêu.

---

(111) **4-0097434**
(210) 4-2006-13879
(181) 23.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 23.08.2006

(531) 26.3.23
(591) Đỏ, xanh đậm, xanh lá cây, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG HIỆU VIỆT (VN)
102A Huỳnh Văn Bánh, phường 15, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Quảng cáo trên truyền hình.

---

(111) **4-0097435**
(210) 4-2006-15036
(181) 08.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 08.09.2006

(531) A2.1.24; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH NIVL (VN)
ấp 6, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Đường.

---

(111) **4-0097436**
(210) 4-2006-16861
(181) 06.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ANDAWO

(151) 12.03.2008
(220) 06.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ÂU ĐẠT (VN)
110/42 đường Bà Hom, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 09: Tăng phô đèn, chấn lưu đèn.

Nhóm 11: Bóng đèn, bóng đèn các loại, chóa đèn, con chuột (tắc - te) của đèn.

---

(111) **4-0097437**
(210) 4-2006-17106
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

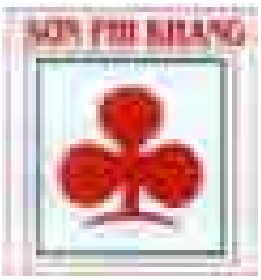

(151) 12.03.2008
(220) 11.10.2006

(531) A5.5.21; 26.4.1; A5.3.15
(591) Đỏ, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH PHI KHANG (VN)
36/9 quốc lộ 1K, khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Sơn; sơn dùng cho gỗ.

---

(111) **4-0097438**
(210) 4-2006-17108
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GREETING

(151) 12.03.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ (VN)
6/134 quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; mứt dạng kẹo; chè (trà); cà phê; bột ngũ cốc.

---

(111) **4-0097439**
(210) 4-2006-17109
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 11.10.2006

(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY DỊCH VỤ - CÔNG NGHIỆP VÀ THUỐC LÁ BÌNH DƯƠNG (VN)
609 Lê Hồng Phong, phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá.

---

(111) **4-0097440**
(210) 4-2006-17006
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CELMEF

(151) 12.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097441**
(210) 4-2006-20157
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ADORE

(151) 12.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI (VN)
28 Mạc Đĩnh Chi, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ; thuốc trừ bệnh cho cây trồng; chất trừ động vật có hại; thuốc diệt ốc; thuốc trừ nấm bệnh.

---

(111) **4-0097442**
(210) 4-2006-20158
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BONNY

(151) 12.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI (VN)
28 Mạc Đĩnh Chi, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ; thuốc trừ bệnh cho cây trồng; chất trừ động vật có hại; thuốc diệt ốc; thuốc trừ nấm bệnh.

---

(111) **4-0097443**
(210) 4-2006-20159
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EFFORT

(151) 12.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI (VN)
28 Mạc Đĩnh Chi, phường ĐaKao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 01: Chất kích thích sinh trưởng cho cây trồng.

---

(111) **4-0097444**
(210) 4-2005-13962
(181) 20.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

HERA FASHION

(151) 12.03.2008
(220) 20.10.2005

(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THỜI TRANG HERA (VN)
11B Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn, áo sơ mi, áo khoác ngoài, váy đầm, áo dài.

Nhóm 42: Thiết kế quần áo thời trang.

---

(111) **4-0097445**
(210) 4-2005-17635
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MASAGINSENG

(151) 12.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận I, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097446**
(210) 4-2006-18661
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INFA-RALGAN

(151) 12.03.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097447**
(210) 4-2006-18662
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KORCEFIX

(151) 12.03.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO ÂU CHÂU (VN)
162 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097448**
(210) 4-2006-18664
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SILIVNEXT

(151) 12.03.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SÁNG TẠO ÂU CHÂU (VN)
162 phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097449**
(210) 4-2006-18665
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TRIOL-CALCIF

(151) 12.03.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097450**
(210) 4-2006-18666
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

QUITSMOK

(151) 12.03.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097451**
(210) 4-2006-19226
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

IDEAS MAKING A DIFFERENCE

(151) 12.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) CORDIS CORPORATION (US)
14201 N.W. 60th Avenue, Miami Lakes, Florida, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy vi tính dùng để sử dụng với thiết bị y tế, như là ống thông dùng trong y tế, hệ thống xác định hình ảnh dùng để chẩn đoán và thiết bị định vị điện sinh lý và hệ thống cắt dùng trong y tế.

Nhóm 10: Thiết bị y tế, cụ thể là, ống thông; dây dẫn; bơm truyền; đầu dẫn điều chỉnh nhịp tạm thời; miếng dán được sử dụng với ống thông dùng trong y tế; vỏ cứng và cáp dùng trong y tế; máy phát sóng siêu âm; thiết bị hình ảnh dùng trong y tế; thiết bị xác định hình ảnh dùng để chẩn đoán và thiết bị cắt dùng trong y tế và các phần và bộ phận của chúng cụ thể là, ống, đinh vít, chốt an toàn, khay và các dụng cụ dùng để giữ và giúp thực hiện các chức năng của các thiết bị nói trên.

---

(111) **4-0097452**
(210) 4-2005-12176
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

Plan 40

(151) 12.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) TAHITIAN NONI INTERNATIONAL, INC. (US)
333 West River Park Drive, Provo, Utah 84604, U.S.A.
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 05: Chất ăn kiêng bổ sung đạm có nguồn gốc từ đậu tương.

---

(111) **4-0097453**
(210) 4-2005-16506
(181) 06.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

HADUGINSENG

(151) 12.03.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
Số 102, đường Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097454**
(210) 4-2005-16507
(181) 06.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

HADUROTEN-E

(151) 12.03.2008
(220) 06.12.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
Số 102, đường Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097455**
(210) 4-2006-20110
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RICHNATURE

(151) 12.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TOÀN KHÁNH (VN)
15/45 An Dương Vương, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng và thực phẩm bổ sung.

---

(111) **4-0097456**
(210) 4-2006-20090
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FORMENAFIL

(151) 12.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN)
4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097457**
(210) 4-2006-20091
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BINETAZOL

(151) 12.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097458**
(210) 4-2006-20092
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BRAFICOZOL

(151) 12.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097459**
(210) 4-2006-20093
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FICAOXIME

(151) 12.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097460**
(210) 4-2006-20094
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BRUDUMINE

(151) 12.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) BRAWN LABORATORIES LTD. (IN) 4/4B, Asaf Ali Road, IInd Floor, Old Delhi Stock Exchange Bldg., New Delhi-110002

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097461**
(210) 4-2006-17225
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 13.10.2006

(531) 26.7.25; A26.11.13
(591) Trắng, xanh lá cây, xanh cốm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG TOÀN (VN)
12 Lam Sơn, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn.

---

(111) **4-0097462**
(210) 4-2006-17226
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOÀNG TOÀN

(151) 12.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HOÀNG TOÀN (VN)
12 Lam Sơn, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn.

---

(111) **4-0097463**
(210) 4-2006-17340
(181) 16.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TraKDocument

(151) 12.03.2008
(220) 16.10.2006

(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHẦN MỀM TẦM NHÌN VIỆT (VN)
553/73 Nguyễn Kiệm, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0097464**
(210) 4-2006-18385
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.4.2; A15.7.3; A24.9.9
(591) Đỏ, vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỒNG THẢO (VN)
Quốc lộ 13, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 12: Phụ tùng dùng cho xe gắn máy cụ thể là: đĩa bánh răng có ổ bi (nhông); xích (sên); đĩa bánh răng lớn; trục xe; nan hoa; phanh đĩa.

---

(111) **4-0097465**
(210) 4-2006-18442
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NGUYÊN CƯỜNG

(151) 12.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ NGUYÊN CƯỜNG (VN)
932A Nguyễn Chí Thanh, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Cà phê bột; hạt cà phê đã qua chế biến; trà (chè).

---

(111) **4-0097466**
(210) 4-2006-18443
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DOAN MINH LONG PVC

(151) 12.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT- THƯƠNG MẠI ĐOÀN MINH LONG (VN)
537 âu Cơ, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 19: Ống nhựa PVC cứng.

---

(111) **4-0097467**
(210) 4-2006-18445
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BIZ'MAN

(151) 12.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG THANH (VN)
85/144 Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

Nhóm 35: Mua bán: mỹ phẩm và văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0097468**
(210) 4-2006-18446
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HEPAVUDIN

(151) 12.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DELTA VIỆT NAM (VN)
A9 - lô 10, đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097469**
(210) 4-2006-18447
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ORA BABY

(151) 12.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DELTA VIỆT NAM (VN)
A9- lô 10, đô thị mới Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097470**
(210) 4-2006-18502
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TV-Ceftri

(151) 12.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM (VN)
27 Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097471**
(210) 4-2006-18660
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GERNITRO

(151) 12.03.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ HÀ TĨNH (VN)
Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097472**
(210) 4-2006-17149
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 12.10.2006

(531) 15.7.1; 26.4.1; A26.4.6
(591) Đỏ, xanh tím than, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ TÂN HƯNG (VN)
Phòng 411-K1, tập thể Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Thiết bị lắp đặt điều hoà không khí bao gồm: ống gió TFD, ống gió tròn xoắn, miệng thổi gió, miệng hút gió, van điều chỉnh lưu lượng gió, van dập lửa, van một chiều dùng cho hệ thống điều hoà không khí công nghiệp và thông gió.

---

(111) **4-0097473**
(210) 4-2006-17740
(181) 23.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 23.10.2006

(531) 26.4.2; 24.17.5
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY HỮU HẠN KHAI THÁC QUỐC TẾ HENG TONG (VN)
Khu công nghiệp Sông Mây, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

(511) Nhóm 12: Thắng xe gắn máy (phanh).

---

(111) **4-0097474**
(210) 4-2006-18210
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.1.2
(591) Trắng, đỏ, vàng, xanh cửu long
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TÂN THỊNH (VN)
Km số 3, quốc lộ 1A(cũ), xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

(511) Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng công trình giao thông cầu đường; công trình thủy lợi; công trình dân dụng; xây dựng các công trình đường dây và trạm điện; dịch vụ san lấp nền mặt bằng cơ sở hạ tầng.

Nhóm 39: Dịch vụ vận tải hàng hoá.

---

(111) **4-0097475**
(210) 4-2006-18495
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) 5.5.16; A5.3.15; 24.7.1; 2.9.14
(591) Trắng, đỏ, vàng, hồng, xanh đậm, xanh lá cây, xanh dương
(731) TỔNG ĐỘI THANH NIÊN XUNG PHONG 8 - XÂY DỰNG KINH TẾ NGHỆ AN (VN)
Xã Huổi Tụ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

(511) Nhóm 30: Chè (tuyết shan).

---

(111) **4-0097476**
(210) 4-2006-17005
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MEGAROIL

(151) 12.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097477**
(210) 4-2006-17009
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CAHYMO

(151) 12.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097478**
(210) 4-2006-17925
(181) 24.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

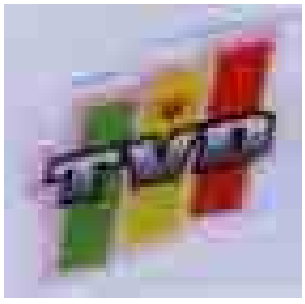

(151) 12.03.2008
(220) 24.10.2006

(531) 26.7.25; A26.4.6
(591) Xanh lá cây, vàng, đỏ, đen, trắng, hồng nhạt
(731) CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT (VN)
198B phố Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 12: Xe đạp, ghi đông, tay lái, cọc tay lái, yên, phanh.

(111) **4-0097479**
(210) 4-2006-18164
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CAL-C-DEE

(151) 12.03.2008
(220) 26.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MỸ ẤN (VN)
11/24 Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097480**
(210) 4-2006-17647
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NHÂN ÁI

(151) 12.03.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI NHÂN LỘC (VN)
50 Ký Hòa, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0097481**
(210) 4-2006-00671
(181) 13.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 13.01.2006

(531) A1.5.2; 1.17.11; A5.1.5; 15.7.1
(591) Nâu đỏ, xanh da trời, xanh lá cây, trắng, đen
(731) CÔNG TY CAO SU TÂN BIÊN (VN)
Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 17: Cao su sơ chế.

Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm cao su sơ chế.

---

(111) **4-0097482**
(210) 4-2006-04898
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 03.04.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 8.7.5
(591) Trắng, đen, đỏ, hồng, vàng, vàng nhạt, xanh lá cây, xanh tím, xanh dương, xanh lá mạ, tím, nâu nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền; miến ăn liền.

---

(111) **4-0097483**
(210) 4-2006-05030
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 05.04.2006

(531) A1.5.3; 5.7.3; 26.1.2
(591) Trắng, đen, vàng, đỏ, xanh dương, xanh tím
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LAU BÓNG GẠO TÂN THUẬN THÀNH (VN)
ấp An Bình, xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Gạo.

Nhóm 35: Mua bán gạo.

---

(111) **4-0097484**
(210) 4-2006-05031
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 05.04.2006

(531) 3.7.21
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KHẢI TRÍ (VN)
786 Nguyễn Chí Thanh, phường 4, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Giấy nhám (giấy ráp); vải nhám (vải ráp).

---

(111) **4-0097485**
(210) 4-2006-06374
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 24.04.2006

(531) A5.7.22; A25.7.21
(591) Đỏ, trắng, cam, tím, xanh lá cây nhạt, xanh dương, vàng, cam, xanh lá cây, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHẢI VĂN (VN)
200 Gia Phú, phường 1, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán củ quả trái cây sấy.

---

(111) **4-0097486**
(210) 4-2006-06376
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 24.04.2006

(531) A1.1.10; A9.3.4; 26.4.2
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CƠ SỞ BÍCH THỦY (VN)
404/11A Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo; đại lý ký gửi quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0097487**
(210) 4-2006-06377
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 24.04.2006

(531) 26.1.2
(591) Xanh lá cây, xanh dương, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU TẠ MINH QUANG (VN)
15 Đường 3C, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Kem dưỡng da; sữa tắm; dầu gội; nước hoa; nước dưỡng tóc; dầu duỗi tóc làm thẳng tóc (tất cả đều là mỹ phẩm).

---

(111) **4-0097488**
(210) 4-2006-06378
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 24.04.2006

(531) 2.9.1; 5.5.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SAM COM (VN)
252F Cô Bắc, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; kem làm trắng da (mỹ phẩm dạng kem làm trắng da, không có mục đích y tế); gel rửa sạch da (mỹ phẩm dạng gel làm sạch da); vaselin (vasơlin dùng để bôi ngoài làm mềm và đẹp da, không có mục đích y tế); kem massage (kem làm đẹp da và chống lão hóa, không có mục đích y tế); kem nghệ (mỹ phẩm dạng kem được làm từ củ nghệ có tác dụng làm đẹp da, không có mục đích y tế).

Nhóm 05: Dược phẩm dùng ngoài da; kem trị nám (dược phẩm dạng kem bôi ngoài da có tác dụng chữa trị nám da); gel hút mụn (dược phẩm dạng gel bôi ngoài da có tác dụng trị mụn).

---

(111) **4-0097489**
(210) 4-2006-06379
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 24.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SAM COM (VN)
252F Cô Bắc, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu; kem làm trắng da (mỹ phẩm dạng kem làm trắng da, không có mục đích y tế); gel rửa sạch da (mỹ phẩm dạng gel làm sạch da); vaselin (vasơlin dùng để bôi ngoài làm mềm và đẹp da, không có mục đích y tế); kem massage (kem làm đẹp da và chống lão hóa, không có mục đích y tế); kem nghệ (mỹ phẩm dạng kem được làm từ củ nghệ có tác dụng làm đẹp da, không có mục đích y tế).

Nhóm 05: Dược phẩm dùng ngoài da; kem trị nám (dược phẩm dạng kem bôi ngoài da có tác dụng chữa trị nám da); gel hút mụn (dược phẩm dạng gel bôi ngoài da có tác dụng trị mụn).

---

(111) **4-0097490**
(210) 4-2006-06538
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

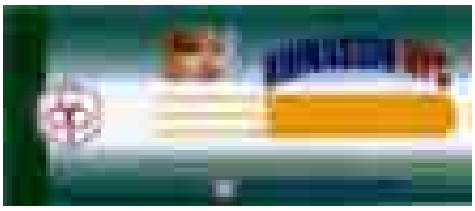

(151) 12.03.2008
(220) 26.04.2006

(531) A2.3.2; 26.5.1; 26.4.2
(591) Trắng, đen, đỏ, vàng, nâu nhạt, xanh lá cây, xanh lá cây nhạt, xanh tím, xanh lơ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
343 Hùng Vương, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097491**
(210) 4-2006-06539
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BERZYMPLEX

(151) 12.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN Y (VN)
17 Thái Văn Lung, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097492**
(210) 4-2006-06573
(181) 27.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

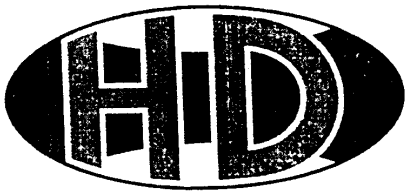

(151) 12.03.2008
(220) 27.04.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT DỊCH VỤ HOÀNG DŨNG (VN)
15/3 Phan Văn Hớn, phường Tân Thời Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị phụ tùng ôtô, phụ tùng xe gắn máy, dầu mỡ công nghiệp.

---

(111) **4-0097493**
(210) 4-2006-06574
(181) 27.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 27.04.2006

(531) 18.5.1; A25.7.2
(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG (VINAFREIGHT) (VN)
A 8 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu.

---

(111) **4-0097494**
(210) 4-2006-00940
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 18.01.2006

(531) 26.1.2; A17.1.2
(591) Trắng, đen, đỏ, xanh dương, vàng nhũ, ghi
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐỒNG NHÂN (VN)
275 Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán cân điện tử; mua bán thiết bị đo lường; mua bán thiết bị quang học; mua bán thiết bị nghiên cứu phòng thí nghiệm.

---

(111) **4-0097495**
(210) 4-2006-04899
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 03.04.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 8.7.5
(591) Trắng, trắng ngà, đen, đỏ, vàng, vàng nhạt, xanh lá cây, xanh ngọc, xanh da trời, tím, nâu, nâu vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Miến ăn liền; mì ăn liền; hủ tiếu ăn liền; bún ăn liền; phở ăn liền.

---

(111) **4-0097496**
(210) 4-2005-13273
(181) 10.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHÚC NHUNG

(151) 12.03.2008
(220) 10.10.2005

(531) A2.3.23; A26.1.14; 26.4.2; 26.4.10
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚC NHUNG (VN)
175 Trương Vĩnh Ký, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán máy lọc nước và linh kiện; mua bán nông sản, thuỷ hải sản; môi giới thương mại.

---

(111) **4-0097497**
(210) 4-2006-12091
(181) 27.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PRESENZA

(151) 12.03.2008
(220) 27.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THIÊN PHÚ (VN)
Số 22 Nguyễn Huy Tự, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Chấn lưu.

Nhóm 11: Thiết bị để chiếu sáng; tắc te; quạt thông gió; bình đun nước bằng điện; điều hòa nhiệt độ.

---

(111) **4-0097498**
(210) 4-2005-08126
(181) 04.07.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 04.07.2005

(591) Trắng, xanh da trời
(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TW5 - ĐÀ NẴNG (VN)
Số 253, Dũng Sĩ Thanh Khê, Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097499**
(210) 4-2005-08127
(181) 04.07.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

PENTAZOZYM

(151) 12.03.2008
(220) 04.07.2005

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TW5 - ĐÀ NẴNG (VN)
Số 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Đà Nẵng

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097500**
(210) 4-2006-13502
(181) 17.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

since 1982
HUONG'S JEWELLERY

(151) 12.03.2008
(220) 17.08.2006

(531) 26.4.1; 26.3.23
(731) NGÔ THỊ THU HƯƠNG (VN)
62 phố Hàng Ngang, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 14: Đồ nữ trang bằng vàng, bạc, đá quý, ngọc trai.

---

(111) **4-0097501**
(210) 4-2006-11370
(181) 19.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 19.07.2006

(531) 1.15.15; 1.15.23; 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHƯỚC HIỆP (VN)
Lô 9, khu B chợ Đống Đa, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0097502**
(210) 4-2006-04586
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) A5.3.15
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, trắng
(731) LEN FA MEDICAL SUPPLIES (M) SDN BHD (MY)
Lot 41 JLN BRP 9/2B, KAW Perindustrian, TMN BKT Rahman Putra, 47000 SG Buloh, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, sản phẩm bổ sung dinh dưỡng dành cho mục đích y tế.

Nhóm 29: Nước cốt gà, nước cốt đà điểu, nước cốt cá.

Nhóm 30: Mật ong.

Nhóm 32: Nước yến (đồ uống giải khát), nước uống đã được làm lạnh.

---

(111) **4-0097503**
(210) 4-2006-02389
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LACFOCICI

(151) 12.03.2008
(220) 22.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097504**
(210) 4-2006-03904
(181) 25.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BÚN CHẢ
HẢNG MẢNH - ĐẮC KIM

(151) 12.03.2008
(220) 25.05.2006

(731) NGUYỄN MẠNH HÙNG (VN)
Số 11 Hàng Nón, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng bún chả.

---

(111) **4-0097505**
(210) 4-2006-05035
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

YOOKAMIN

(151) 12.03.2008
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO (VN)
Nhà 28, ngõ 178 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097506**
(210) 4-2006-05036
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BABESOFT

(151) 12.03.2008
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI MAY (VN)
Số 21, ngõ 68, đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097507**
(210) 4-2006-05037
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MENIDHEX-GEL

(151) 12.03.2008
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG (PHARIMEXCO) (VN)
Số 150 đường 14/9, phường 5, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097508**
(210) 4-2006-05038
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BENHEXI

(151) 12.03.2008
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG (PHARIMEXCO) (VN)
Số 150 đường 14/9, phường 5, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097509**
(210) 4-2006-05039
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALUINUM-GEL

(151) 12.03.2008
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG (PHARIMEXCO) (VN)
Số 150 đường 14/9, phường 5, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097510**
(210) 4-2006-06815
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

S-Numlo

(151) 12.03.2008
(220) 26.10.2006

(731) EMCURE PHARMACEUTICAL COMPANY (IN)
Rajiv Gandhi IT park, MIDC, Hinjwadi, Pune, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097511**
(210) 4-2006-06816
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SEVLA

(151) 12.03.2008
(220) 26.10.2006

(731) EMCURE PHARMACEUTICAL COMPANY (IN)
Rajiv Gandhi IT park, MIDC, Hinjwadi, Pune, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097512**
(210) 4-2006-07537
(181) 11.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 11.07.2006

(531) 1.3.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MẶT TRỜI HỒNG (VN)
Số 15 phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0097513**
(210) 4-2006-11985
(181) 26.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 26.07.2006

(531) 1.15.15; 2.9.4; 26.4.1; A26.11.8; A26.11.13; A26.11.25
(591) Da cam, da cam sẫm, đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097514**
(210) 4-2006-16243
(181) 27.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VITAR

(151) 12.03.2008
(220) 27.09.2006

(731) VBC ELECTRO-HEAT SDN. BHD. (MY)
Wisma Vitar, Lot 590, Jalan Batu Tiga Lama, Kawasan Perindustrian Sg. Rasa, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Phần tử đốt nóng cho các thiết bị thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097515**
(210) 4-2006-02766
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 28.02.2006

(531) 3.7.21; A1.1.10
(591) Đỏ, nâu, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN HÀ (VN)
Phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0097516**
(210) 4-2006-13910
(181) 24.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 24.08.2006

(591) Đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH MỸ THUẬT VÀ NỘI THẤT VIỆT NAM (VN)
P503 nhà Đ9, tập thể Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi.

Nhóm 42: Thiết kế tổng mặt bằng kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp.

---

(111) **4-0097517**
(210) 4-2006-13927
(181) 24.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 24.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM NGÔI SAO (VN)
Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

(511) Nhóm 29: Xúc xích.

---

(111) **4-0097518**
(210) 4-2006-16489
(181) 02.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 02.10.2006

(591) Đỏ, vàng
(731) CƠ SỞ THÀNH ĐỨC (VN)
210, ấp Tường Thành, xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(511) Nhóm 30: Bánh trung thu, bánh in.

---

(111) **4-0097519**
(210) 4-2006-03903
(181) 25.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 25.05.2006

(531) 4.3.3; 26.1.2
(591) Đỏ, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH TÂN TÙNG NAM (VN)
Số 205 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 12: Ôtô; xe máy.

---

(111) **4-0097520**
(210) 4-2006-03905
(181) 25.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 25.05.2006

(531) A1.5.3; A26.11.21
(591) Xanh da trời, xanh rêu, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím
(731) CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN THỐNG NHẤT (VN)
198B Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 12: Xe đạp và phụ tùng của chúng như: vành sắt mạ, phanh, bàn đạp, tay lái, cọc lái.

---

(111) **4-0097521**
(210) 4-2006-01154
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SURSO

(151) 12.03.2008
(220) 20.01.2006

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224, Nanhsing Rd.,Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097522**
(210) 4-2006-01155
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KIFUGAN

(151) 12.03.2008
(220) 20.01.2006

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224, Nanhsing Rd.,Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097523**
(210) 4-2006-01156
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TOBAJECT

(151) 12.03.2008
(220) 20.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HOÀ (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097524**
(210) 4-2006-02377
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 22.02.2006

(531) 1.15.15
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT TRƯƠNG QUANG (VN)
85 Xóm Củi, phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0097525**
(210) 4-2006-01102
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.3.23; 24.15.21
(591) Đỏ, đen
(731) KUMHO INDUSTRIAL CO., LTD (KR)
49-1, Kwangcheon - Dong, Seo- Gu, Kwangju City, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 36: Quản lý dịch vụ bán các toà nhà (bất động sản); cho thuê tài sản cố định; hãng bất động sản; cho thuê văn phòng (bất động sản); quản lý toà nhà (bất động sản); cho thuê căn hộ; quản lý nhà ở (bất động sản); dịch vụ cho thuê nhà ở (bất động sản); đại lý nhà ở; quản lý tài sản cố định cửa hàng bách hoá (bất động sản).

Nhóm 37: Xây dựng: sân vận động, cầu vượt, công viên, cầu, toà nhà văn phòng, toà nhà thương mại, căn hộ, nhà ở; xây dựng nhà máy; xây dựng đường có mái vòm, đường ngầm, đường hầm; xây dựng đường sắt; lắp đặt hệ thống điện thoại văn phòng; giám sát điều hành công việc xây dựng công trình; lắp đặt thiết bị xử lý vệ sinh môi trường.

---

(111) **4-0097526**
(210) 4-2006-02367
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 21.02.2006

(531) 26.4.4; 26.3.23; 7.3.11
(591) Đỏ, xanh dương, trắng
(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (VN)
33-39 Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Tài chính, tiền tệ.

---

(111) **4-0097527**
(210) 4-2006-02368
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Ngân hàng của bạn – Ngôi nhà của bạn
Your bank – Your house

(151) 12.03.2008
(220) 21.02.2006

(731) NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (VN)
33-39 Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Tài chính, tiền tệ.

---

(111) **4-0097528**
(210) 4-2006-02370
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

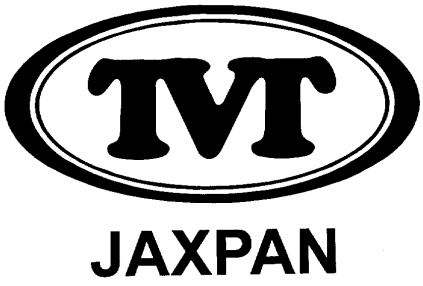

(151) 12.03.2008
(220) 21.02.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TẤN VIỆT THUẬN (VN)
413 đường Vườn Lài, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy khuyếch đại âm thanh, máy điều chỉnh độ cân bằng tần số âm thanh (equalizer), đầu đĩa hình, tivi, loa, micrô.

Nhóm 11: Bếp ga, nồi cơm điện, máy điều hoà nhiệt độ, lò nướng, tủ lạnh, quạt điện.

---

(111) **4-0097529**
(210) 4-2006-02371
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 21.02.2006

(531) A1.1.10; 26.3.1; 26.1.2; 7.1.6
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TẤN VIỆT THUẬN (VN)
413 đường Vườn Lài, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, nồi cơm điện, máy điều hoà nhiệt độ, lò nướng, tủ lạnh, quạt điện.

---

(111) **4-0097530**
(210) 4-2006-02372
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 21.02.2006

(531) A1.1.10; 26.3.1; 26.1.2; 7.1.6
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TẤN VIỆT THUẬN (VN)
413 đường Vườn Lài, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, nồi cơm điện, máy điều hoà nhiệt độ, lò nướng, tủ lạnh, quạt điện.

---

(111) **4-0097531**
(210) 4-2006-02373
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 21.02.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TẤN VIỆT THUẬN (VN)
413 đường Vườn Lài, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy khuyếch đại âm thanh, máy điều chỉnh độ cân bằng tần số âm thanh (equalizer), đầu đĩa hình, tivi, loa, micrô.

Nhóm 11: Bếp ga, nồi cơm điện, máy điều hoà nhiệt độ, lò nướng, tủ lạnh, quạt điện.

---

(111) **4-0097532**
(210) 4-2006-02384
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 22.02.2006

(531) 26.4.2; 5.9.24
(591) Trắng, đen, xanh lá cây, đỏ, tím, xanh lá cây nhạt, vàng sẫm, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ NÔNG (VN)
ấp Qui Thạnh 1, xã Trung Kiên, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc diệt trùng, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097533**
(210) 4-2006-02385
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 22.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh lá cây, vàng, sẫm, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ KHÍ KỀM NGHĨA (VN)
10/20 Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán kềm cắt móng tay, móng chân, dũa móng tay, móng chân, kéo cắt tóc, nhíp nhổ chân mày, dụng cụ làm móng tay giả, mỹ phẩm, kem dưỡng da, dầu gội đầu, sơn móng tay, móng chân, thuốc đánh bóng móng tay, chất tẩy thuốc đánh móng tay.

---

(111) **4-0097534**
(210) 4-2006-02386
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EVERNOWS

(151) 12.03.2008
(220) 22.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT HÀN (VN)
Số nhà 151, phố Lê Thanh Nghị, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 20: Đệm lò so, đệm mút, đệm bông PE, gối, ruột gối bằng bông PE.

---

(111) **4-0097535**
(210) 4-2006-02388
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Việt Nhật
VIET NHAT

(151) 12.03.2008
(220) 22.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT HÀN (VN)
Số nhà 151, phố Lê Thanh Nghị, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 20: Đệm lò so, đệm mút, đệm bông PE, gối, ruột gối bằng bông PE.

---

(111) **4-0097536**
(210) 4-2006-01084
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.4.2; A8.1.16
(591) Trắng, nâu, vàng, xanh, đỏ
(731) CƠ SỞ THỌ PHÁT (VN)
78 Nguyễn Tri Phương, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Bánh bao; bánh ngọt.

---

(111) **4-0097537**
(210) 4-2006-02382
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 22.02.2006

(531) A25.1.10
(591) Màu vàng, đỏ, trắng
(731) PEPPER FOOD SERVICE CO., LTD. (JP)
3-2, Azumabashi 3-chome, Sumida-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Bánh xăng-đuých; su-shi; hăm- bơ-gơ; pi-za; cơm hộp; cơm hộp có thành phần chính là cơm trộn với thịt bò; cơm hộp có thành phần chính là cơm kèm theo ít thịt bò; cơm hộp có thành phần chính là cơm kèm ít thịt bò được sử dụng như món cơm đĩa; bánh kẹp thịt (bánh pa-tê); mì ống spa-ghe-ti.

Nhóm 43: Cho thuê chỗ ở tạm thời; khách sạn; nhà trọ; nhà hàng ăn uống; quán rượu nhỏ (snachba); cho thuê thiết bị và vật dụng nấu nướng; nhà hàng ăn uống cung cấp nguyên liệu và thành phần dùng cho thực phẩm và món ăn đựng trong đĩa; cho thuê phòng trưng bày.

---

(111) **4-0097538**
(210) 4-2006-02571
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 24.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh dương đậm, xanh dương nhạt, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỒ BƠI JD ĐỒNG NAI (VN)
Đường số 9, khu công nghiệp Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 19: Bể bơi, cấu kiện bể bơi (không bằng kim loại): đá nhân tạo, tấm phủ thành bể, tấm panel không bằng kim loại.

---

(111) **4-0097539**
(210) 4-2006-00989
(181) 19.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 12.03.2008
(220) 19.01.2006

(531) A1.1.10; 26.1.2; A5.3.15; A26.11.12
(591) Đen, trắng, xanh lá cây, xanh cốm, nâu đỏ, ghi nhạt
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG HẢI PHÒNG (VN)
Số 573 Trường Chinh, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 31: Hạt giống lúa, hạt giống ngô, hạt giống rau.

---

(111) **4-0097540**
(210) 4-2006-01965
(181) 14.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

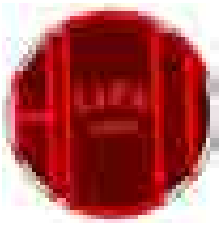

(151) 12.03.2008
(220) 14.02.2006

(531) 26.1.1
(591) Đỏ
(731) CÔNG TY THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VŨ TIẾN (VN)
Số 322, Lê Duẩn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 43: Dịch vụ kinh doanh nước giải khát.

---

(111) **4-0097541**
(210) 4-2006-20214
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMECITRACAL

(151) 13.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng chữa bệnh cho người và dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097542**
(210) 4-2006-20215
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ARTHROJOINTS

(151) 13.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng chữa bệnh cho người và dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097543**
(210) 4-2006-20216
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ARTHROMINE

(151) 13.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng chữa bệnh cho người và dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097544**
(210) 4-2006-20820
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 28.11.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁM PHÁ ĐẤT VIỆT (VN)
Số 5, ngõ 90/19 Hoa Bằng, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Bếp ga; van ga; máy hút khói-khử mùi; nồi (dùng điện); chảo (dùng điện); bình nóng lạnh dùng ga.

---

(111) **4-0097545**
(210) 4-2006-20821
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 28.11.2006

(531) 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁM PHÁ ĐẤT VIỆT (VN)
Số 5, ngõ 90/19 Hoa Bằng, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 11: Bếp ga; van ga; máy hút khói-khử mùi; nồi (dùng điện); chảo (dùng điện); bình nóng lạnh dùng ga.

---

(111) **4-0097546**
(210) 4-2006-00973
(181) 19.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 19.01.2006

(531) A5.5.22
(591) Tím, hồng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH NAM ANH TÚC (VN)
285 Điện Biên Phủ, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 20: Bàn, ghế, giường, tủ.

Nhóm 35: Mua bán bình hoa thuỷ tinh, đèn, thảm, tranh, ga, mền, hoa giả, vật liệu xây dựng; môi giới thương mại.

Nhóm 36: Mua bán nhà ở, môi giới bất động sản.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng; trang trí nội thất.

---

(111) **4-0097547**
(210) 4-2006-20213
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

JEKUKVALCO

(151) 13.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097548**
(210) 4-2006-02360
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

REVTEX

(151) 13.03.2008
(220) 21.02.2006

(731) CHEVRON SINGAPORE PTE. LTD., (SG)
Caltex House, Floor 25, 30 Raffles Place, Singapore 048622
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 04: Dầu mỏ; xăng; xăng dùng cho động cơ; dầu mỏ nhẹ (napta); dầu nhờn; mỡ bôi trơn; mỡ bôi trơn làm từ dầu mỏ; dầu gazoin; dầu mazut; dầu đốt lò; dầu thắp (parafin); dầu để đốt nóng; dầu cháy sáng; dầu (nhiên liệu) dùng trong công nghiệp làm đường; dầu lửa.

---

(111) **4-0097549**
(210) 4-2006-20199
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PALLADIO

(151) 13.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) PALLADIO BEAUTY GROUP (US)
3129 North 29th Avenue Hollywood Florida 33020, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0097550**
(210) 4-2006-20595
(181) 24.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZI-CHEM

(151) 13.03.2008
(220) 24.11.2006

(731) INTEROCEAN HOLDINGS GROUP (BVI) LTD. (VG)
The Lake Building, 1st Floor, Wickhams Cay 1, Road Town, Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Chất hóa học dùng cho công nghiệp da và công nghiệp giấy; hóa chất sử dụng trong công nghiệp, hóa chất sử dụng trong khoa học, hóa chất sử dụng trong nhiếp ảnh, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu và chất diệt ký sinh trùng), hóa chất sử dụng trong làm vườn (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu và chất diệt ký sinh trùng), hóa chất sử dụng trong lâm nghiệp (trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, chất diệt cỏ, thuốc diệt sâu và chất diệt ký sinh trùng); nhựa thông nhân tạo chưa chế biến; chất dẻo chưa chế biến; phân bón; hợp chất dập lửa; chế phẩm để tôi, ram/ủ kim loại; hóa chất dùng cho sự hàn; chất trợ dung dùng cho sự hàn; hoá chất dùng để bảo quản thực phẩm; chất thuộc da; chất dính dùng trong công nghiệp.

---

(111) **4-0097551**
(210) 4-2006-20703
(181) 27.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CURMINCAP

(151) 13.03.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THIÊN NHIÊN VIỆT NAM (VN)
Số 7, phố Trần Thánh Tông, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng Luật sư Tân Hà (VPLS TAN HA)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097552**
(210) 4-2006-20807
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Klonastatine

(151) 13.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) KLONAL LABORATORIOS (AR)
Lamadrid 802, Quilmes, Buenos Aires Province Argentine Republic
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097553**
(210) 4-2006-20808
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Klonadine

(151) 13.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) KLONAL LABORATORIOS (AR)
Lamadrid 802, Quilmes, Buenos Aires Province Argentine Republic
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097554**
(210) 4-2006-20809
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Cefaklonal

(151) 13.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) KLONAL LABORATORIOS (AR)
Lamadrid 802, Quilmes, Buenos Aires Province Argentine Republic
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097555**
(210) 4-2006-07377
(181) 15.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 15.05.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3
(591) Đỏ vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ (VN)
Số 15 dãy D, lô 18, khu đô thị mới Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097556**
(210) 4-2006-09090
(181) 13.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SANIDIR

(151) 13.03.2008
(220) 13.06.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6 National House, 27 Raghnunath Dadaji Street Forte Bombay 400-001, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097557**
(210) 4-2006-18634
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KIVIPAN

(151) 13.03.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIẾN VIỆT (VN)
2/1 Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097558**
(210) 4-2006-20554
(181) 24.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

cebien

(151) 13.03.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.1.1; 21.3.15
(731) CEBIEN CO., LTD. (KR)
120-1, Moonhyoung-ri, Opo-eup, Kwangju-si, Kyoungki-do, Korea
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 11: Vòi hoa sen; vòi nước máy ở đường phố (không phải vòi nước dùng để cứu hỏa); bồn rửa tay tay trong phòng tắm; bệ xí bệt; bồn để rửa ráy trong nhà vệ sinh; bồn đi tiểu gắn cố định (thiết bị vệ sinh).

---

(111) **4-0097559**
(210) 4-2006-20558
(181) 24.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 24.11.2006

(531) 6.1.2
(731) FUJI CARBON MFG. CO., (JP)
1 - 11, Nishiki - machi, Anjo - shi, Aichi, 446 - 0035 Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Chổi than (bộ phận của máy); hộp đựng khối than của chổi than (bộ phận của máy).

---

(111) **4-0097560**
(210) 4-2006-20559
(181) 24.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.1.1; 26.4.2
(591) Đen, trắng, đỏ, vàng
(731) FUJI CARBON MFG. CO., (JP)
1 - 11, Nishiki - machi, Anjo - shi, Aichi, 446 - 0035 Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 07: Chổi than (bộ phận của máy); hộp đựng khối than của chổi than (bộ phận của máy).

---

(111) **4-0097561**
(210) 4-2006-20800
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 28.11.2006

(531) A26.11.12; A5.5.20
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) DAEWON CO., LTD (KR)
140-40, Songjeong-Dong, Cheong-Ju Chungcheongbuk-Do, Korea
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 14: Đồ trang sức; huy chương; đồng hồ treo tường; khuy măng sét; ghim cài cà vạt; đồng hồ.

Nhóm 20: Đồ nội thất bao gồm bàn; ghế; giường (không có mục đích y tế); tủ để ly; kệ để hàng hóa; bàn trưng bày; tủ đựng hồ sơ.

Nhóm 24: Vải dệt; vải làm bằng sợi len; vải làm bằng sợi len hỗn hợp.

Nhóm 25: Quần áo; áo sơ mi; bộ quần áo com lê; đồng phục học sinh; quần; áo khoác; váy; quần lót; áo vét.

Nhóm 26: Đăng ten để viền; đồ dùng để thêu; ruy băng; dải viền; khuy áo; cái móc gài hai bên mép áo; kim gút; kim khâu.

Nhóm 36: Môi giới bất động sản; đánh giá bất động sản; mua bán bất động sản; cho thuê bất động sản; quản lý bất động sản; mua bán nhà; cho thuê nhà.

Nhóm 37: Xây dựng cao ốc; xây dựng dân dụng.

---

(111) **4-0097562**
(210) 4-2006-21105
(181) 01.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MAXXO

(151) 13.03.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY TROPICAL WAVE CORPORATION VIỆT NAM (VN)
Phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng và nước uống có ga; nước sô đa và nước tăng lực (đồ uống giải khát không dùng cho mục đích y tế); nước uống tinh khiết và nước ép trái cây.

---

(111) **4-0097563**
(210) 4-2006-21106
(181) 01.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MINELLE

(151) 13.03.2008
(220) 01.12.2006

(731) CÔNG TY TROPICAL WAVE CORPORATION VIỆT NAM (VN)
Phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng và nước uống có ga; nước sô đa và nước tăng lực (đồ uống giải khát không dùng cho mục đích y tế); nước uống tinh khiết và nước ép trái cây.

---

(111) **4-0097564**
(210) 4-2006-21120
(181) 01.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KIQUA

(151) 13.03.2008
(220) 01.12.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT BANG PHƯỚC NGUYÊN (VN)
Số 106H/5D Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0097565**
(210) 4-2006-21161
(181) 04.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

WINSPEED®

(151) 13.03.2008
(220) 04.12.2006

(531) 26.4.4; A26.11.13
(591) Xanh ngọc, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ ĐẠI TIẾN THÀNH (VN)
2/75Z quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: máy quạt, máy làm mát nhà xưởng, hệ thống làm mát nhà xưởng, linh kiện dùng cho máy làm mát nhà xưởng.

---

(111) **4-0097566**
(210) 4-2006-21288
(181) 05.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 05.12.2006

(531) A26.11.13
(591) Đen, trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ROSSANO (VN)
Lô số 10, đường số 1, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 20: Ghế salon.

(111) **4-0097567**
(210) 4-2006-21381
(181) 06.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BÉ EM

(151) 13.03.2008
(220) 06.12.2006

(731) NGUYỄN THỊ CẨM PHƯỢNG (VN)
388 Ấp Tân Hiệp, xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán đồ sắt.

---

(111) **4-0097568**
(210) 4-2006-21382
(181) 06.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

QUANG NỦI

(151) 13.03.2008
(220) 06.12.2006

(731) TRẦN MỸ LỆ (VN)
ấp Tân Phú, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: vải sợi và quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0097569**
(210) 4-2006-20556
(181) 24.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BIHASAL

(151) 13.03.2008
(220) 24.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH HA SAN (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Đồng An, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097570**
(210) 4-2006-21269
(181) 05.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOLLYS COFFEE

(151) 13.03.2008
(220) 05.12.2006

(531) 26.1.1; A24.9.9
(731) HOLLY HNN Co., Ltd. (KR)
Newton Plaza 4F, 771, Yeoksam 2dong, Gangnam-Gu, Seoul 135- 928, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Cà phê; ca cao; hạt cà phê đã xay và nguyên hạt; trà xanh; mì sợi; bánh piza; bánh xốp làm bằng trứng, đường và bột; bánh nướng phủ kem; bánh quy dẹt; bánh nhân thịt.

---

(111) **4-0097571**
(210) 4-2006-20869
(181) 29.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BAGOFLEX

(151) 13.03.2008
(220) 29.11.2006

(731) LABORATORIOS BAGÓ S.A. (AR)
Bernardo de Irigoyen 248, Capital (1072), Argentina
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097572**
(210) 4-2006-21128
(181) 01.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 01.12.2006

(531) 26.4.1; A26.11.12
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG C.W.S (VN)
Tầng 2, toà nhà 114-116 Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 36: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các khu dân cư; kinh doanh nhà và chuyển quyền sử dụng đất; cho thuê văn phòng làm việc (bất động sản).

Nhóm 37: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, bưu điện; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; cho thuê thiết bị xây dựng; tư vấn giám sát công trình xây dựng.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế kiến trúc, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; đánh giá chất lượng công trình xây dựng.

---

(111) **4-0097573**
(210) 4-2006-21283
(181) 05.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SAGA

(151) 13.03.2008
(220) 05.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ VỐN ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VN)
Căn 12 (1F), nhà AY2, tập thể Cục Quân Y, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ tư vấn kỹ năng quản lý; dịch vụ tư vấn khởi nghiệp; dịch vụ tư vấn nguồn nhân lực; dịch vụ tư vấn marketing; quan hệ công chúng; dịch vụ tư vấn quản lý sản xuất và vận hành doanh nghiệp; dịch vụ tư vấn quản trị chiến lược; dịch vụ cung cấp kiến thức kinh tế học nhằm hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp; dịch vụ tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp; dịch vụ tư vấn kế toán, kiểm toán; dịch vụ quảng cáo trên mạng internet; cung cấp chỗ trống trên trang web cho quảng cáo hàng hoá/dịch vụ.

Nhóm 36: Dịch vu tư vấn tài chính doanh nghiệp.

---

(111) **4-0097574**
(210) 4-2006-21590
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CAX-KG

(151) 13.03.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM K&G VIỆT NAM (VN)
412 Lê Hoàn, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097575**
(210) 4-2006-21591
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CHÍNH KHÍ K-G

(151) 13.03.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM K&G VIỆT NAM (VN)
412 Lê Hoàn, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097576**
(210) 4-2006-21592
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

K-GENLOZIN

(151) 13.03.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM K&G VIỆT NAM (VN)
412 Lê Hoàn, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097577**
(210) 4-2006-21593
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

K-GANIC

(151) 13.03.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM K&G VIỆT NAM (VN)
412 Lê Hoàn, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097578**
(210) 4-2006-20861
(181) 29.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.4.2; 26.3.23; A5.3.14
(591) Vàng, vàng nhạt, xanh lá cây, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH HỮU CƠ (VN)
Ấp Đông, xã Đông Hoà, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 01: Phân bón hữu cơ.

---

(111) **4-0097579**
(210) 4-2006-21365
(181) 06.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 06.12.2006

(531) 26.1.1; 26.3.23; 26.3.4; 6.1.2; A26.3.6
(731) MOTOROLA, INC. (US)
1303 East Algonquin Road, Schaumburg, IL 60196, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ cửa hàng bán lẻ các thiết bị và máy móc truyền thông và phụ tùng của chúng, các sản phẩm điện tử và phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0097580**
(210) 4-2006-21366
(181) 06.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MOTOROLA

(151) 13.03.2008
(220) 06.12.2006

(731) MOTOROLA, INC. (US)
1303 East Algonquin Road, Schaumburg, IL 60196, United States of America
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ cửa hàng bán lẻ các thiết bị và máy móc truyền thông và phụ tùng của chúng, các sản phẩm điện tử và phần mềm máy tính.

---

(111) **4-0097581**
(210) 4-2006-03190
(181) 08.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 08.03.2006

(531) 1.3.1; 1.3.2
(591) Đen, trắng, đen nhạt
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI BÁCH KHOA (VN)
593/9 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 11: Bình nước nóng cho nhà tắm; bình nước nóng chạy bằng năng lượng mặt trời cho nhà tắm, thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097582**
(210) 4-2006-03191
(181) 08.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 08.03.2006

(531) 26.3.23; 3.7.17
(591) Đen, trắng, đen nhạt
(731) CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI BÁCH KHOA (VN)
593/9 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 11: Bình nước nóng cho nhà tắm; bình nước nóng chạy bằng năng lượng mặt trời cho nhà tắm, thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097583**
(210) 4-2006-02292
(181) 20.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GYROSPAR

(151) 13.03.2008
(220) 20.02.2006

(731) IPCA LABORATORIES LIMITED (IN)
48 Kandivli Industrial Estate, Kandivli (West), Mumbai 400 067, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097584**
(210) 4-2006-02813
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

tophacom

(151) 13.03.2008
(220) 28.02.2006

(531) 26.1.1; A19.13.21
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TOPHACOM (VN)
Phòng 1402, toà nhà 17T4, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm.

---

(111) **4-0097585**
(210) 4-2006-03106
(181) 07.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 07.03.2006

(531) 1.7.6; 26.1.1; A26.11.12
(591) Đen, trắng, xám nhạt
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN NƯỚC ANH QUÂN (VN)
Số 1, Yên Bái, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Sản phẩm nhựa dùng trong xây dựng, cụ thể là: ống nhựa, phụ kiện của ống, tấm trần, máng luồn dây điện.

---

(111) **4-0097586**
(210) 4-2007-06505
(181) 16.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

HIGHMIX

(151) 13.03.2008
(220) 16.04.2007

(731) JSC SCHELKOVO VITAMIN PLANT (RU)
Fabritchnaya Street 2, Schelkovo, Moscow Region 141100, Russia
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097587**
(210) 4-2007-06506
(181) 16.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

MANNIT

(151) 13.03.2008
(220) 16.04.2007

(731) JSC SCHELKOVO VITAMIN PLANT (RU)
Fabritchnaya Street 2, Schelkovo, Moscow Region 141100, Russia
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097588**
(210) 4-2007-06507
(181) 16.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

RUMYCOZ

(151) 13.03.2008
(220) 16.04.2007

(731) JSC SCHELKOVO VITAMIN PLANT (RU)
Fabritchnaya Street 2, Schelkovo, Moscow Region 141100, Russia
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097589**
(210) 4-2007-06508
(181) 16.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

PANTOCALCIN

(151) 13.03.2008
(220) 16.04.2007

(731) JSC SCHELKOVO VITAMIN PLANT (RU)
Fabritchnaya Street 2, Schelkovo, Moscow Region 141100, Russia
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097590**
(210) 4-2005-12196
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

RANPER

(151) 13.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM LAM SƠN (VN)
12/7 cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097591**
(210) 4-2006-03780
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DAQUANG

(151) 13.03.2008
(220) 17.03.2006

(531) A1.1.10
(731) CÔNG TY TNHH GIA PHÚ (VN)
Thôn Đa Quang, xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy thu hình; đầu quay đĩa; loa dùng cho máy tính; đầu kỹ thuật số, loa thùng.

---

(111) **4-0097592**
(210) 4-2005-12194
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GTiCOPHAR

(151) 13.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097593**
(210) 4-2005-12689
(181) 28.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 28.09.2005

(531) 26.3.1
(591) Trắng, đen, đỏ, đen nhạt
(731) CƠ SỞ LÊ ĐÌNH SƠN (VN)
Tổ 5, ấp 4, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 06: Sắt thép dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0097594**
(210) 4-2005-14255
(181) 26.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 26.10.2005

(531) 26.4.2; A26.11.13; 26.13.25
(591) Trắng, đỏ, đen
(731) CƠ SỞ VIỆT HÙNG (VN)
200 Phan Đình Phùng, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu thời trang.

---

(111) **4-0097595**
(210) 4-2005-14475
(181) 28.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 28.10.2005

(531) A26.4.5
(591) Xanh cổ vịt đậm, vàng nhũ, đỏ, trắng
(731) CƠ SỞ THU NGỌC (VN)
117/16 Minh Phụng, phường 9, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 03: Dầu bóng tóc.

---

(111) **4-0097596**
(210) 4-2005-14567
(181) 01.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOÀNG MAI XANH

(151) 13.03.2008
(220) 01.11.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG MAI XANH (VN)
Khu A, trụ sở UBND phường Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Môi giới thương mại; mua bán các nông sản và thực phẩm; dịch vụ quảng cáo; dịch vụ nghiên cứu thị trường; đại lý xuất nhập khẩu; dịch vụ tiếp thị.

Nhóm 36: Đầu tư khu du lịch sinh thái; đầu tư khu vui giải trí; đầu tư khu đô thị; kinh doanh bất động sản; mua bán nhà; cho thuê nhà.

Nhóm 39: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; cất giữ hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho bãi; cho thuê các loại xe có động cơ; vận tải đường thủy; dịch vụ du lịch sinh thái.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; dịch vụ xử lý nước cấp và nước thải để bảo vệ môi trường; sản xuất nông sản; sản xuất thực phẩm; chế biến nông sản; chế biến thực phẩm (tất cả các dịch vụ trên được thực hiện theo đơn đặt hàng).

Nhóm 41: Dịch vụ karaoke; dịch vụ bể bơi; cung cấp dịch vụ cho các hoạt động thể thao; dịch vụ vui chơi giải trí; dịch vụ giáo dục kỹ năng, kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nhóm 43: Kinh doanh nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; dịch vụ cung cấp các tiện nghi cho các cuộc hội nghị và hội thảo; dịch vụ cung cấp phòng ở tạm thời.

Nhóm 44: Trồng trọt; chăn nuôi; nuôi, trồng thủy sản; dịch vụ chăm sóc y tế; dịch vụ chăm sóc cá nhân (dịch vụ thẩm mỹ).

---

(111) **4-0097597**
(210) 4-2005-14632
(181) 01.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

POGO

(151) 13.03.2008
(220) 01.11.2005

(731) NEW ZEALAND MILK BRANDS LIMITED (NZ)
9 Princes Street, Auckland, New Zealand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa, sữa bột, sản phẩm sữa; dầu và mỡ ăn; bơ; pho mát; pho mát tươi và pho mát cứng; dầu thực vật; pho mát phết lên thức ăn; sản phẩm sữa lên men; sữa chua; sữa chua uống; đồ uống trên cơ sở sữa chua; đồ uống trên cơ sở sữa; sữa có thêm hương vị; đạm và sản phẩm đạm dùng cho người; sản phẩm sữa dùng như thành phần để chế biến thực phẩm thuộc nhóm này; món tráng miệng trên cơ sở sữa; đồ ăn nhẹ trên cơ sở sữa; tất cả thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097598**
(210) 4-2005-15469
(181) 10.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

designer Boutique

(151) 13.03.2008
(220) 10.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH ZEN PLAZA (VN)
54-56 Nguyễn Trãi, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo, giày dép trong nhóm này.

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán quần áo, giày dép.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế quần áo, giày dép.

---

(111) **4-0097599**
(210) 4-2005-13749
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ONBOOK

(151) 13.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI (VN)
164B phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy tính; thiết bị ngoại vi của máy tính; chương trình máy tính (ghi sẵn).

---

(111) **4-0097600**
(210) 4-2005-13750
(181) 18.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

IONBOOK

(151) 13.03.2008
(220) 18.10.2005

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI (VN)
164B phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy tính; thiết bị ngoại vi của máy tính; chương trình máy tính (ghi sẵn).

---

(111) **4-0097601**
(210) 4-2007-02691
(181) 07.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

NEOLIVPERAZONE

(151) 13.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) GROWENA IMPEX COMPANY (HK)
12/F Man Cheung Bldg, 15/7 Wyndham Str., Hongkong
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097602**
(210) 4-2007-02692
(181) 07.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

LIVBROZON

(151) 13.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) GROWENA IMPEX COMPANY (HK)
12/F Man Cheung Bldg, 15/7 Wyndham Str., Hongkong
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097603**
(210) 4-2007-04113
(181) 12.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 12.03.2007

(531) 26.4.3; 26.4.9
(591) Xanh cây, vàng cam
(731) CÔNG TY TNHH PHÁP A (VN)
Số 6/47 ngõ Thịnh Hào II, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo; tổ chức triển lãm nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; quảng cáo ngoài trời: biển hiệu, băng zôn; cho thuê phương tiện quảng cáo; mua bán: ôtô; các sản phẩm quảng cáo, thiết bị điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị tin học viễn thông và điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại, máy ảnh, máy quay phim, mua bán lẻ rượu, bia, nước giải khát; mua bán điện thoại cố định, di động, kéo dài, tổng đài, máy nhắn tin, máy bộ đàm.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0097604**
(210) 4-2005-15918
(181) 25.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

Steppicin

(151) 13.03.2008
(220) 25.11.2005

(731) CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM & BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0097605**
(210) 4-2007-02698
(181) 07.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

ENDIANCE

(151) 13.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) TIBOTEC PHARMACEUTICALS LTD. (IE)
Little Island, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược chống vi rút/HIV.

---

(111) **4-0097606**
(210) 4-2007-02699
(181) 07.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

INTELENCE

(151) 13.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) TIBOTEC PHARMACEUTICALS LTD. (IE)
Little Island, County Cork, Ireland
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược chống vi rút/HIV.

---

(111) **4-0097607**
(210) 4-2007-03635
(181) 02.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHƯƠNG NGHĨA

(151) 13.03.2008
(220) 02.03.2007

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT HÓA MỸ PHẨM PHƯƠNG NGHĨA (VN)
127/2/73 Lê Thúc Hoạch, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán kem trị nám da, kem dưỡng trắng da mặt, kem dưỡng trắng da toàn thân, sữa tắm trắng da, kem trị mụn, mỹ phẩm, nước xức tóc; dịch vụ giới thiệu kem trị nám da, kem dưỡng trắng da mặt, kem dưỡng trắng da toàn thân, sữa tắm trắng da, kem trị mụn, mỹ phẩm, nước xức tóc; dịch vụ phát hành các tài liệu quảng cáo kem trị nám da, kem dưỡng trắng da mặt, kem dưỡng trắng da toàn thân, sữa làm trắng da, kem trị mụn, mỹ phẩm, nước xức tóc; dịch vụ quảng cáo.

Nhóm 44: Dịch vụ thẩm mỹ viện; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; dịch vụ chăm sóc sức khỏe bằng suối nước khoáng (dịch vụ spa); dịch vụ xoa bóp.

---

(111) **4-0097608**
(210) 4-2007-01997
(181) 29.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

KANAPIN

(151) 13.03.2008
(220) 29.01.2007

(731) LUPIN LTD (IN)
C wing, Laxmi Towers, Bandra Kurla Complex, Mumbai 400051 India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097609**
(210) 4-2007-01998
(181) 29.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

LUMOPIN

(151) 13.03.2008
(220) 29.01.2007

(731) LUPIN LTD (IN)
C wing, Laxmi Towers, Bandra Kurla Complex, Mumbai 400051 India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097610**
(210) 4-2007-01999
(181) 29.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

VORITROL

(151) 13.03.2008
(220) 29.01.2007

(731) LUPIN LTD (IN)
C wing, Laxmi Towers, Bandra Kurla Complex, Mumbai 400051 India
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097611**
(210) 4-2007-02037
(181) 29.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 29.01.2007

(531) 2.3.1; 2.3.12
(591) Hồng, xanh nước biển, vàng, nâu, hồng cánh sen
(731) ACACIA TRADING INTERNATIONAL LTD (VG)
3rd Floor, Geneva Place, Waterfront Drive-Road Town Tortola, British Virgin Islands
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, ca cao, đường, gạo, bột sắn, bột cọ, cà phê nhân tạo; bột mỳ và các chế phẩm làm từ ngũ cốc, bánh mỳ, bột nhão và bánh, mứt kẹo, kem lạnh; mật ong, nước mật đường; men (không dùng cho mục đích y tế), bột nở; muối ăn, mù tạt (gia vị); dấm, nước xốt (gia vị), gia vị, đá ăn.

---

(111) **4-0097612**
(210) 4-2005-16260
(181) 01.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NOBODY
THE REVOLT JEANS

(151) 13.03.2008
(220) 01.12.2005

(731) UKK GARMENT COMPANY LIMITED (TH)
32/20-22 Moo. 14 Soi Sapsin, Pattanakarn Road, Bangwa Sub-District, Paseechareon District, Bangkok, 10160 Thailand
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Quần gin, quần dài, quần lót, quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0097613**
(210) 4-2005-16293
(181) 02.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ĐẦU BÒ

(151) 13.03.2008
(220) 02.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-SẢN XUẤT PHƯỚC HƯNG (VN)
D16/8D Nguyễn Cửu Phú, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0097614**
(210) 4-2005-17239
(181) 16.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.3.23
(731) KABUSHIKI KAISHA ONWARD KASHIYAMA (also trading as Onward Kashiyama Co., Ltd.) (JP)
10 - 5 Nihonbashi 3 - chome, Chuo - ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 25: Quần áo cụ thể là bộ quần áo; áo choàng (măng tô); áo vét (quần áo); áo sơ mi; áo dệt kim cộc tay; váy liền áo; váy; áo cánh (phụ nữ); quần dài; quần lót dài; quần soóc; áo ngoài mặc chui đầu (của phụ nữ); áo nịt; áo len đan; áo gilê; quần áo lót; quần áo ngủ; áo choàng tắm; quần áo bơi; quần áo mặc chơi gôn; quần áo mặc trượt tuyết; áo ngoài có mũ trùm đầu (ở vùng Bắc cực); quần áo đồng phục; cổ tay áo; đồ đi chân cụ thể là: giày; giầy ủng; dép đi trong nhà; dép; giầy đi trời mưa; giầy thể thao; giầy trượt tuyết; giầy chơi gôn; giầy ủng để leo núi; giầy đế mềm (để đánh quần vợt); guốc gỗ (giầy bằng gỗ); giầy ống cưỡi ngựa; bít tất ngắn cổ (đi kèm quần áo); bít tất dài (đi kèm quần áo); nịt bít tất (đi kèm quần áo); đồ đội đầu cụ thể là: mũ tắm; mũ lưỡi trai; mũ; khăn trùm che mặt (đi kèm quần áo); lưỡi trai che nắng của mũ lưỡi trai; mũ trùm đầu khi tắm vòi hoa sen; khăn choàng cổ của phụ nữ; khăn choàng; khăn choàng cổ (có thể che được cả mũi và miệng); khăn quàng cổ; găng tay giữ ấm đi kèm quần áo; ca vát; thắt lưng (đi kèm quần áo); tạp dề (đi kèm quần áo); dây đeo quần (bộ phận của quần dài).

---

(111) **4-0097615**
(210) 4-2005-17810
(181) 29.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZYDUSVOMIZ

(151) 13.03.2008
(220) 29.12.2005

(731) CADILA HEALTHCARE LTD. (IN)
'Zydus Tower', Satellite Cross Road, Ahmedabad 380015, India
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097616**
(210) 4-2007-03705
(181) 12.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 12.03.2007

(531) A1.1.10; 26.1.1
(591) Xanh ngọc, đỏ, vàng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH KIỆT (VN)
Số 19, phố Hương Viên, phường Đống Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán các thiết bị ngành điện, điện dân dụng, điện tử, điện lạnh, cơ khí; đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Nhóm 37: Xây dựng, sửa chữa, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, thuỷ lợi, giao thông, cầu cống, các công trình điện năng.

Nhóm 42: Khảo sát trắc địa công trình, địa chất công trình, địa chất thuỷ văn công trình; khảo sát và thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 100KV, cấp thoát nước, kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, kiến trúc công trình; quy hoạch kiến trúc công trình.

---

(111) **4-0097617**
(210) 4-2007-11031
(181) 15.06.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 15.06.2007

(531) 26.1.1; 7.1.1
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LINH TRANG (VN)
Số 11A, phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy xay dùng trong gia đình.

Nhóm 11: Thiết bị lọc nước; máy điều hoà nhiệt độ; quạt điện.

---

(111) **4-0097618**
(210) 4-2007-11032
(181) 15.06.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 15.06.2007

(531) 26.1.1; A26.11.12; 3.9.1; 1.15.23
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LINH TRANG (VN)
Số 11A, phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy xay dùng trong gia đình.

Nhóm 11: Thiết bị lọc nước; máy điều hoà nhiệt độ; quạt điện.

---

(111) **4-0097619**
(210) 4-2007-11033
(181) 15.06.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 13.03.2008
(220) 15.06.2007

(531) 26.1.1; 3.9.1; 1.15.23; A26.11.12
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LINH TRANG (VN)
Số 11A, phố Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy xay dùng trong gia đình.

Nhóm 11: Thiết bị lọc nước; máy điều hoà nhiệt độ; quạt điện.

---

(111) **4-0097620**
(210) 4-2007-02841
(181) 09.02.2017
(300) 77/014,434 05.10.2006 US
(450) 25.04.2008 241
(540)

SPARTER

(151) 13.03.2008
(220) 09.02.2007

(731) SPARTER, INC. (US)
535 Middlefield Road, Suite 245 Menlo Park, California 94025, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Thuận lợi hoá các giao dịch thương mại qua Internet.

---

(111) **4-0097621**
(210) 4-2006-06910
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 02.11.2006

(531) 9.7.1
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH NAM THẮNG (VN)
Số 7, nhà B, khu 343, Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 43: Kinh doanh khách sạn; nhà nghỉ; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0097622**
(210) 4-2006-03785
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BAYFIT

(151) 14.03.2008
(220) 17.03.2006

(731) BAYER AKTIENGESELLSCHAFT (DE)
Leverkusen, Federal Republic of Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Chất dẻo (vật liệu thô) dưới dạng bột, nhũ tương, lát mỏng, thể lỏng, hạt và dạng bọt; chất dẻo nhân tạo (vật liệu thô) dưới dạng bột, nhũ tương, lát mỏng, thể lỏng, hạt và dạng bọt.

Nhóm 17: Chất dẻo (bán thành phẩm) dưới dạng lá, tấm, mặt cắt và khối.

---

(111) **4-0097623**
(210) 4-2006-03786
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BAYDUR

(151) 14.03.2008
(220) 17.03.2006

(731) BAYER AKTIENGESELLSCHAFT (DE)
Leverkusen, Federal Republic of Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 01: Hoá chất công nghiệp, hỗn hợp các chất hoá học và hệ hoá chất dùng trong sản xuất chất dẻo polyurethane để sử dụng trong kỹ thuật công nghiệp; chất dẻo (vật liệu thô) dưới dạng bột, nhũ tương, thể lỏng, hạt và dạng bọt; chất dẻo nhân tạo (vật liệu thô) dưới dạng bột, nhũ tương, thể lỏng, hạt và dạng bọt.

Nhóm 17: Chất dẻo (bán thành phẩm) dưới dạng lá, tấm, mặt cắt và khối.

---

(111) **4-0097624**
(210) 4-2006-05688
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Adecocen

(151) 14.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM & BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận I, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097625**
(210) 4-2006-05689
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EUMABETAVATE

(151) 14.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM & BAO BÌ Y TẾ QUANG MINH (VN)
194D Trần Quang Khải, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097626**
(210) 4-2006-05723
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIDAGAC

(151) 14.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XUÂN DƯỢC (VN)
P107, H 94, tổ 18Đ, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097627**
(210) 4-2006-06844
(181) 04.05.2016
(300) 78/765,900 02.12.2005 US
(450) 25.04.2008 241
(540)

SAMEUNDERNEATH

(151) 14.03.2008
(220) 04.05.2006

(731) SAMEUNDERNEATH, INC. (US)
915 N. Shaver St. Portland OREGON 97227, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Thắt lưng (quần áo); quần lót ống bó của đàn ông; mũ lưỡi trai; áo choàng; váy dài; mũ mềm; áo jắc két; quần lót ngắn của đàn ông; áo sơ mi; quần soóc; chân váy; áo thấm mồ hôi dùng trong luyện tập; bộ quần áo thấm mồ hôi dùng trong luyện tập; áo phông ngắn tay; áo che phần trên cơ thể của phụ nữ (từ vai đến eo hoặc hông); quần áo lót.

---

(111) **4-0097628**
(210) 4-2006-06548
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

STAFOS

(151) 14.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HỒNG LONG (VN)
2H, Phạm Phú Thứ, phường 11, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097629**
(210) 4-2006-07577
(181) 17.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MEBIZAN

(151) 14.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM VÀ SINH HỌC Y TẾ MEBIPHAR (VN)
31 Ngô Thời Nhiệm, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097630**
(210) 4-2006-08537
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INSWISTAT

(151) 14.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) IND-SWIFT LIMITED (IN)
714, Modicorp Tower, 98, Nehru Place, New Delhi - 110019, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097631**
(210) 4-2006-08538
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INCLAR

(151) 14.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) IND-SWIFT LIMITED (IN)
714, Modicorp Tower, 98, Nehru Place, New Delhi - 110019, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097632**
(210) 4-2006-08539
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DIA-LOCK

(151) 14.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) IND-SWIFT LIMITED (IN)
714, Modicorp Tower, 98, Nehru Place, New Delhi - 110019, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097633**
(210) 4-2006-08550
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PROFUTURE

(151) 14.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THANH AN (VN)
54 Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa như: sữa tươi, sữa chua, sữa bột, bơ, pho mát.

---

(111) **4-0097634**
(210) 4-2006-08551
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PROLIFE

(151) 14.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THANH AN (VN)
54 Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa như: sữa tươi, sữa chua, sữa bột, bơ, pho mát.

---

(111) **4-0097635**
(210) 4-2006-04461
(181) 28.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NHƯ Ý

(151) 14.03.2008
(220) 28.03.2006

(731) NGUYỄN TẤN BẢO (VN)
159/3 đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 30: Cà phê bột; đá thực phẩm (đá lạnh).

Nhóm 32: Nước tinh khiết.

Nhóm 33: Rượu cần.

(111) **4-0097636**
(210) 4-2006-04858
(181) 26.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

JANMINATE

(151) 14.03.2008
(220) 26.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH THÁNG GIÊNG (VN)
Số 2, ngõ 43 Trung Kính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 19: Sàn gỗ.

---

(111) **4-0097637**
(210) 4-2006-05790
(181) 14.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

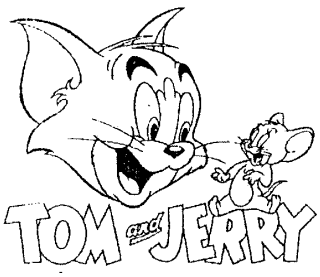

(151) 14.03.2008
(220) 14.04.2006

(531) 3.1.6; 3.5.7; A3.5.24; A3.1.24
(731) TURNER ENTERTAINMENT CO. (A DELAWARE CORPORATION) (US)
4000 Warner Boulevard, Burbank, California 91522, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Phim điện ảnh thể loại hài, chính kịch, hành động, phiêu lưu và/hoặc hoạt hình và phim điện ảnh để chiếu trên truyền hình thể loại hài, chính kịch, hành động, phiêu lưu và/hoặc hoạt hình; đĩa nhựa đã thu nội dung, băng thu âm, băng âm thanh, băng âm thanh hình ảnh, băng cassette âm thanh hình ảnh, đĩa âm thanh hình ảnh, và đĩa kỹ thuật số đa năng có nội dung thể loại âm nhạc, hài, chính kịch, hành động, phiêu lưu, và/hoặc hoạt hình; tai nghe âm thanh nổi; pin; điện thoại không dây; máy tính toán xách tay; máy CD và băng cassette âm thanh; đĩa CD ROM trò chơi trên máy tính; máy karaoke xách tay, máy nhắn tin rađiô và/hoặc điện thoại; băng cassette phim ngắn thể loại hài, chính kịch, hành động, phiêu lưu và/hoặc hoạt hình để dùng với máy chiếu hoặc máy xem phim xách tay; máy thu và máy phát băng viđêô, máy đĩa compắc, máy thu và máy phát băng âm thanh kỹ thuật số, sổ nhật ký điện tử; đài; miếng lót để chuột; kính mắt, kính râm và hộp để các loại kính này; băng âm thanh và sách bán thành bộ có nội dung thể loại hài, chính kịch, hành động, phiêu lưu, hoạt hình và âm nhạc; các chương trình máy tính, cụ thể là phần mềm nối kết các phương tiện âm thanh và hình ảnh số hóa với mạng thông tin máy tính toàn cầu; thiết bị trò chơi được bán như một đơn vị thiết bị độc lập để chơi trò chơi trên máy tính loại ở các trung tâm trò chơi điện tử; các chương trình trò chơi máy tính và viđêô; băng cassette và đầu máy trò chơi viđêô; các phụ kiện điện thoại di động, cụ thể là các phụ kiện không cầm tay, vỏ điện thoại di động và vỏ mặt điện thoại di động; thẻ từ đã mã hóa, cụ thể là thẻ điện thoại, thẻ tín dụng, thẻ tiền mặt, thẻ rút tiền từ tài khoản và thẻ khóa từ; và các nam châm trang trí.

Nhóm 16: Các ấn phẩm và các mặt hàng bằng giấy - cụ thể là, sách thể hiện các nhân vật từ các phim hoạt hình, phiêu lưu hành động, hài và/hoặc chính kịch, truyện tranh, sách trẻ em, tạp chí thể hiện các nhân vật từ các phim hoạt hình, phiêu lưu hành động, hài và/hoặc chính kịch, sách tô màu, sách tập vẽ học chữ cho trẻ em; văn phòng phẩm, giấy viết, phong bì, vở sổ ghi chép, sổ nhật ký, thẻ ghi chú, thiếp chúc mừng, thẻ sưu tập; tờ in thạch bản; bút mực, bút chì, hộp bút, tẩy, sáp màu, bút dạ đánh dấu, bút chì màu, bộ dụng cụ hội họa, phấn và bảng viết phấn; đề can, bản đồ lại dùng nhiệt; bưu thiếp; ảnh có khung giá và/hoặc không có khung giá; bìa bao sách, thẻ nhớ trang khi đọc, lịch, giấy gói quà; các đồ vật và vật trang trí bằng giấy dùng trong các buổi tiệc, cụ thể là giấy ăn, khăn lót, miếng lót đĩa ở bàn ăn bằng giấy, giấy kếp mỏng nhăn, mũ nón bằng giấy, thiếp mời, khăn trải bàn bằng giấy, vật trang trí bằng giấy để trang trí bánh ga-tô; giấy đồ lại dùng cho các vật trang trí bằng vải hoặc thêu; các mẫu in quần áo, pajama, áo tay dài thường mặc trong và sau khi tập thể dục và áo thun ngắn tay.

Nhóm 25: Quần áo nam, nữ và trẻ em - cụ thể là, áo sơ-mi, áo thun ngắn tay, áo tay dài thường mặc trong và sau khi tập thể dục, bộ quần áo mặc chạy bộ, quần tây, quần dài, quần đùi, áo sát nách, quần áo đi mưa, yếm vải em bé, váy, áo cánh, váy dài, dây đeo quần, áo len, áo khoác, áo choàng ngoài, áo mưa, quần áo đi tuyết, cà vạt, áo choàng, nón, mũ, lưỡi trai che nắng, thắt lưng, khăn quàng, quần áo ngủ, pijama, đồ lót phụ nữ, quần lót, giấy ống, giầy, giầy thể thao, xăng đan, tất giày trẻ sơ sinh, tất dùng như dép đi trong nhà, quần áo bơi và trang phục lễ hội hóa trang và trang phục lễ hội Halloween và mặt nạ bán kèm.

Nhóm 28: Đồ chơi và các mặt hàng thể thao, kể cả các trò chơi và đồ vật để chơi- cụ thể là, các hình nhân và các phụ kiện cho các hình nhân này; đồ chơi nhồi bông mềm; bóng bay; đồ chơi tắm bồn; đồ chơi để cưỡi, đồ chơi được bán như một đơn vị thiết bị độc lập để chơi các trò chơi bài (không dùng kèm với máy vi tính); xe trò chơi; búp bê; đĩa bay; máy trò chơi điện tử cầm tay; đồ chơi được bán như một đơn vị thiết bị độc lập để chơi trò chơi cờ, trò chơi bài, trò chơi hấp dẫn, trò chơi ở trung tâm trò chơi điện tử và trò chơi hành động có mục tiêu (không dùng kèm với máy vi tính); máy trò chơi viđêô biệt lập (không dùng kèm với máy vi tính); trò chơi lắp hình và hình lắp hấp dẫn; mặt nạ giấy; ván trượt; giầy trượt băng; đồ chơi phun nước; bóng-cụ thể là, bóng để chơi ở sân chơi, bóng đá, bóng chày, bóng rổ; găng chơi bóng chày; phao bơi cho mục đích tiêu khiển; tấm nổi cho mục đích tiêu khiển; ván lướt sóng; ván bơi cho mục đích tiêu khiển; chân vịt để bơi; bộ nướng bánh đồ chơi và bộ nấu ăn đồ chơi; đồ chơi dùng làm vật bỏ ống; quả cầu đồ chơi (thường bằng thủy tinh) bên trong có nước và các mảnh óng ánh như tuyết; và đồ trang hoàng cây Giáng Sinh (không kể vật chiếu sáng và bánh kẹo).

---

(111) **4-0097638**
(210) 4-2006-06837
(181) 04.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SHANVAC-B

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

(151) 14.03.2008
(220) 04.05.2006

(731) SHANTHA BIOTECHNICS LIMITED (IN)
Serene Chambers III Floor, Road No. 7, Banjara Hills, Hyderabad 500 034, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(111) **4-0097639**
(210) 4-2006-07118
(181) 09.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 09.05.2006

(531) 26.1.2; 26.4.2; 1.15.23
(591) Trắng, đen nhạt, xanh dương, đỏ
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HOÀNG CHIẾN THẮNG (VN)
Xóm Mít, thôn Đông Ngàn, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 30: Bánh, kẹo thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097640**
(210) 4-2006-09184
(181) 14.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 14.06.2006

(531) 26.3.23; 26.4.1
(591) Trắng, đen, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NIÊN DOANH (VN)
5F chung cư Phú Mỹ An, số 31/9 Nguyễn Thị Thập, phường Bình Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 11: Thiết bị để chiếu sáng đặc biệt là: bóng đèn, máng đèn, chụp đèn; thiết bị để làm lạnh, sấy khô, phân phối nước và thiết bị vệ sinh, tủ lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị sưởi ấm bằng điện, bình nước nóng (bình tắm nóng lạnh); dụng cụ nấu nướng bằng điện (như: xoong, nồi cơm điện, chảo điện, nồi lẩu, nồi hầm, bếp điện, máy hút mùi) ấm điện, bếp gas; tất cả thuộc nhóm này.

Nhóm 21: Dàn phơi quần áo làm bằng chất liệu nhựa và kim loại như sắt, thép, inox, nhôm; dụng cụ và đồ chứa cho gia đình hoặc bếp núc làm bằng kim loại (ngoại trừ kim loại quý) như: xoong, nồi, rổ, rá.

---

(111) **4-0097641**
(210) 4-2005-00365
(181) 11.01.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NEWLAND

(151) 14.03.2008
(220) 11.01.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SDD (VN)
Số 450 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước khoáng thiên nhiên, nước giải khát đóng chai.

---

(111) **4-0097642**
(210) 4-2006-09683
(181) 21.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ĐÔNG NAM Á

(151) 14.03.2008
(220) 21.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO ĐÔNG NAM Á (VN)
Xóm Quyết Tiến, xã La Phù, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh mì, bánh, mứt, kẹo.

---

(111) **4-0097643**
(210) 4-2006-09156
(181) 13.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RUNWAY TIRES

(151) 14.03.2008
(220) 13.06.2006

(531) A26.11.12
(731) GITI TIRE PTE. LTD. (SG)
9 Oxley Rise, #01-02 The Oxley, Singapore 238697
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 12: Lốp dùng cho xe cộ.

---

(111) **4-0097644**
(210) 4-2006-09157
(181) 13.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DOPHAZOLIN-B

(151) 14.03.2008
(220) 13.06.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 2 (VN)
Số 9, phố Trần Thánh Tông, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097645**
(210) 4-2006-09301
(181) 15.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 15.06.2006

(531) A26.11.12; A1.1.10; A1.1.2
(591) Đỏ, đen, xanh lá cây
(731) CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VÀ TRUYỀN HÌNH (TVTEAC) (VN)
62 ngõ Giếng, phố Đông Các, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Quảng cáo bằng truyền hình.

Nhóm 38: Truyền hình cáp, phát chương trình truyền hình, truyền qua vệ tinh.

Nhóm 41: Dàn dựng chương trình phát thanh và truyền hình.

---

(111) **4-0097646**
(210) 4-2006-15828
(181) 20.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 20.09.2006

(531) A1.1.10; 26.1.2; 26.11.3; A26.11.7
(591) Trắng, xanh ngọc, vàng
(731) HỢP TÁC XÃ DỆT MAY DUY TRINH (VN)
Thôn 3, xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 24: Vải dệt thuộc nhóm này.

(111) **4-0097647**
(210) 4-2006-17069
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KAPACHI

(151) 14.03.2008
(220) 11.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM QUỐC H.L (VN)
H11 Dương Quảng Hàm, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, bếp điện.

---

(111) **4-0097648**
(210) 4-2006-17421
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 17.10.2006

(531) 25.12.25; 3.9.1
(591) Xanh xám, đen, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MINH ĐỨC (VN)
55 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Rượu thuốc dân tộc.

Nhóm 33: Rượu các loại như: vodka, whisky, brandy, rượu gạo, rượu vang, rượu hoa quả.

Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi giải trí như: công viên vui chơi giải trí, dịch vụ giải trí trong nhà, dịch vụ karaoke, tổ chức các cuộc thi thể thao.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng ăn uống.

Nhóm 44: Dịch vụ mat xa.

---

(111) **4-0097649**
(210) 4-2006-17422
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PROTECTMASK

(151) 14.03.2008
(220) 17.10.2006

(731) IMPERIAL CHEMICAL INDUSTRIES PLC (GB)
20 Manchester Square, London W1U3AN, England
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 02: Thuốc màu, vec-ni, sơn; chất làm khô bao gồm cả chất làm khô lưu hoá, chất pha loãng, chất tạo màu, tất cả đều là phụ gia cho thuốc màu, vec-ni hoặc sơn; chất chống gỉ và chất bảo quản gỗ; sơn lót (tương tự như sơn); chất nhuộm màu cho gỗ.

---

(111) **4-0097650**
(210) 4-2006-08552
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PROMAMA

(151) 14.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THANH AN (VN)
54 Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa như: sữa tươi, sữa chua, sữa bột, bơ, pho mát.

---

(111) **4-0097651**
(210) 4-2006-08553
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PROFOODS

(151) 14.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THANH AN (VN)
54 Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa như: sữa tươi, sữa chua, sữa bột, bơ, pho mát.

---

(111) **4-0097652**
(210) 4-2006-08554
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PRO-BABY

(151) 14.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THANH AN (VN)
54 Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa như: sữa tươi, sữa chua, sữa bột, bơ, pho mát.

---

(111) **4-0097653**
(210) 4-2006-08555
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PROHAPPY

(151) 14.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THANH AN (VN)
54 Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa như: sữa tươi, sữa chua, sữa bột, bơ, pho mát.

---

(111) **4-0097654**
(210) 4-2006-08556
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PROCARE

(151) 14.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THANH AN (VN)
54 Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Sữa và các sản phẩm từ sữa như: sữa tươi, sữa chua, sữa bột, bơ, pho mát.

---

(111) **4-0097655**
(210) 4-2006-09089
(181) 12.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 12.06.2006

(531) A26.11.13
(731) CÔNG TY TNHH AN DUY (VN)
Số 102/72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0097656**
(210) 4-2006-14043
(181) 25.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

X-ZYME

(151) 14.03.2008
(220) 25.08.2006

(731) XL LABORATORIES PVT. LTD (IN)
I-14, Shivlok House-1, Karam Pura Commercial Complex Shivaji Marg, New Delhi - 110015, India
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097657**
(210) 4-2006-17139
(181) 12.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BLEOCIN

(151) 14.03.2008
(220) 12.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HIỀN VĨ (VN)
Số E2 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán thành phẩm thuốc đông dược, tân dược, sinh học (trừ thuốc gây nghiện), dụng cụ y tế thông thường được bộ y tế cho phép, mua bán trang thiết bị y tế.

---

(111) **4-0097658**
(210) 4-2006-17423
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 17.10.2006

(531) 26.4.4; 26.4.9
(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIM NGÂN (VN)
Tầng 9, toà nhà CTM, 299 Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Sắt (dạng thô hoặc bán thành phẩm); thép (dạng thô hoặc bán thành phẩm); ống thép.

Nhóm 35: Xuất nhập khẩu (trực tiếp và uỷ thác); mua bán vật liệu xây dựng, vật tư ngành thép; mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng; mua bán hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điện công nghiệp, hàng kim khí, điện máy; mua bán ô tô, tàu, thuyền chở khách mới và đã qua sử dụng.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng; trang trí nội, ngoại thất.

Nhóm 39: Đại lý vận tải.

Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống, giải khát do nhà hàng thực hiện.

---

(111) **4-0097659**
(210) 4-2006-17125
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 11.10.2006

(731) ELECTRIC VISUAL EVOLUTION, LLC (US)
1062 Calle Negocio, Unit H, San Clemente, California 92673, United States of America
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Kính râm; kính đeo mắt; kính bảo hộ (che bụi, bảo vệ mắt khi hàn); kính đeo mắt (quang học); các bộ phận của kính râm và kính đeo mắt, cụ thể là mắt kính thay thế; gọng kính; khung kính; ve mũi; hộp đựng kính và/hoặc mắt kính; kính thể thao, cụ thể là kính dùng khi trượt tuyết; kính dùng khi lướt ván trên tuyết; kính dùng khi đua mô tô.

Nhóm 25: Quần áo, cụ thể là áo dệt kim cộc tay; quần lót dài; áo sơ mi; áo vét (quần áo); áo làm bằng vải bông dày; quần lót dài thấm mồ hôi; quần bằng vải bông dày (quần gin),

áo choàng (măng tô); áo len dài tay; quần áo bơi; áo lót; quần đùi (quần ngắn cho đàn ông); váy dài; áo cánh (dùng cho phụ nữ và trẻ em); váy ngắn; quần soóc; đồ đội đầu, cụ thể là mũ vải (có vành); mũ lưỡi trai; đồ đi chân, cụ thể là tất ngắn; giày thể thao; dép thể thao; giày (không phải giày thể thao); quần áo (đồ mặc) dùng cho môn lướt sóng, cụ thể là quần soóc ngắn cho môn lướt sóng; áo thể thao bằng chất liệu nilon cho môn lướt sóng; quần áo (đồ mặc) cho môn trượt tuyết, cụ thể là quần dài dùng cho môn trượt tuyết; áo lót; áo khoác mặc cho môn trượt tuyết.

---

(111) **4-0097660**
(210) 4-2006-17729
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

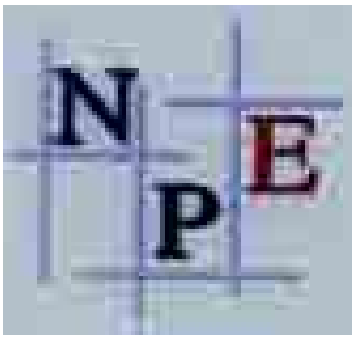

(151) 14.03.2008
(220) 20.10.2006

(531) 26.3.23; A26.11.7; A26.11.8
(591) Xanh da trời, xanh nhạt, nâu đỏ
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT NGUYỄN PHAN (VN)
Số 766/82 Lạc Long Quân, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán thiết bị hệ thống điện, cấp thoát nước, điện lạnh, điện tử, viễn thông.

Nhóm 37: Xây dựng, lắp đặt, sữa chữa và thi công các hệ thống điện.

---

(111) **4-0097661**
(210) 4-2006-18235
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PIMENSA

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097662**
(210) 4-2006-18236
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LUKORIN

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097663**
(210) 4-2006-18237
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MORSILIM

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097664**
(210) 4-2006-18238
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BREMORY

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097665**
(210) 4-2006-18288
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CELENOVA

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) LOVEDALE CORPORATION PTE. LTD (SG)
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phương Bắc và đồng sự (PBC PARTNERS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và các sản phẩm dược phẩm.

---

(111) **4-0097666**
(210) 4-2006-18321
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DISNEY • PIXAR WALL•E

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 16: Giấy, các tông; ấn phẩm; vật liệu để đóng sách; keo dán dùng cho văn phòng hoặc dùng cho gia đình; bút lông; máy chữ và đồ dùng văn phòng (không kể đồ gỗ); đồ dùng giảng dạy và học tập (không kể máy móc dùng cho mục đích trên); sổ địa chỉ; quyển niên giám; miếng dính dán dạng đề can; sổ ghi cuộc hẹn; các ấn phẩm nghệ thuật; bộ dụng cụ vẽ nghệ thuật và vẽ thủ công; vở viết; sách dành cho trẻ em; bút bi; danh thiếp có in hình và thông tin về cầu thủ bóng chày; kẹp sách; vật dùng để đỡ sách được đặt ở cuối dãy các cuốn sách và giữ cho chúng thẳng đứng (đồ dùng văn phòng, không phải là đồ gỗ); thẻ đánh dấu trang sách; sách; đề can để dán lên thanh cản xe; lịch; tranh truyện vui (ấn phẩm); thiệp chúc mừng giáng sinh; phấn; sách bài tập dành cho trẻ em; cái lót cốc làm từ giấy; album đựng tiền kim loại; sách tô màu; bút chì màu; cuốn truyện vui; cuốn truyện cười; quyển vé; đề can; đồ trang trí làm bằng giấy; sổ nhật ký; tã giấy dùng một lần cho trẻ em; thước kẻ dùng để vẽ; phong bì thư; tẩy; bút dạ; tờ phiếu có tranh, chữ để học cho nhanh; thiếp tặng quà; giấy gói quà; quả địa cầu; thiệp chúc mừng; sổ đăng ký khách trọ trong khách sạn; tạp chí; bản đồ; tập viết ghi nhớ; đất sét dùng để nặn; bản tin; báo; giấy ghi nhớ; vở viết; giấy vở; bức tranh; cờ bằng giấy; món quà nhỏ dùng trong bữa tiệc làm bằng giấy; mũ đội trong bữa tiệc làm bằng giấy; đồ trang trí bánh làm bằng giấy; đồ trang trí bữa tiệc làm bằng giấy; khăn giấy; túi giấy dùng trong các bữa tiệc; cái chặn giấy; nơ gói quà làm từ giấy; cờ bằng giấy dùng để trang trí; miếng lót bàn bằng giấy; khăn trải bàn bằng giấy; cái cắm bút hoặc bút chì; bút chì; gọt bút chì; hộp và túi đựng bút và bút chì; bút; tạp chí xuất bản định kỳ; album ảnh; ảnh chụp; bản in khắc ảnh; báo ảnh; truyện tranh; ảnh chân dung; bưu thiếp; áp phích; bằng khen; giấy chứng nhận; giấy mời; thực đơn; sách dạy nấu ăn; con dấu cao su; thẻ ghi điểm; album tem; văn phòng phẩm;

dập ghim; giấy dính văn phòng; danh thiếp; thước kẻ chưa chia khoảng cách; giấy viết; dụng cụ viết.

---

(111) **4-0097667**
(210) 4-2006-18322
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DISNEY • PIXAR WALL•E

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 18: Da và giả da; da động vật; da sống chưa thuộc; rương (hòm, va li) và túi du lịch; lọng và gậy chống; roi và yên cương; túi xách dùng cho mục đích thể thao; túi xách dành cho vận động viên; ba lô đeo sau lưng trẻ em; ba lô đeo sau lưng; túi đựng đồ đi biển; cặp sách; hộp đựng thẻ điện thoại bằng da hoặc giả da; ví đựng tiền lẻ; ví đựng tiền xu; túi đựng tã trẻ em làm bằng da và giả da; túi vải buộc dây để mang đồ trang bị cắm trại; túi đựng đồ vệ sinh phụ nữ làm bằng da và giả da; túi đựng đồ tập thể dục; túi xách tay; ba lô; hộp đựng chìa khoá bằng da hoặc giả da; dây đeo chìa khoá bằng da; túi đựng son bằng da hoặc giả da; túi đựng hành lý; thẻ gắn theo hành lý làm bằng da và giả da; túi ngủ bằng da và giả da; ví đựng tiền; túi đeo vai học sinh; túi đựng đồ đi mua sắm; túi xách đi chợ; ô; túi đeo ở eo; ví.

---

(111) **4-0097668**
(210) 4-2006-18323
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DISNEY • PIXAR WALL•E

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 20: Khung ảnh; đệm không khí dùng khi cắm trại; cái nôi; giường (đồ nội thất); ghế dài (đồ nội thất); tủ sách; tủ (đồ nội thất); ghế ngồi; giá treo áo; đồ để máy tính (đồ nội thất); khay để bàn phím máy tính; giường cũi cho trẻ con; ghế trường kỷ; vật chuyển động (dùng để trang trí); bàn học sinh; ống hút nước (ống mút); tấm đá được cắt và chạm trổ dùng để trang trí; bức tượng và bức tượng nhỏ làm từ ngà voi, thạch cao, chất dẻo, sáp hoặc gỗ; cán cờ; ghế để chân; đồ gỗ nội thất; đồ trang trí để gói quà làm từ chất dẻo; quạt

tay; gương có cán cầm tay; hộp đựng đồ trang sức không làm bằng kim loại; đồ trang trí nhỏ đi kèm chìa khoá làm bằng vật liệu thuộc nhóm này; đồ gỗ đặt trên cỏ hoặc trong vườn; ghế sofa đôi; giá để báo; đệm; gương; đồ trang trí không dùng cho lễ giáng sinh làm từ ngà voi, thạch cao, chất dẻo, sáp hoặc gỗ; ghế dài có đệm; đồ trang trí bữa tiệc làm từ chất dẻo; cái đôn; khung tranh; gối; giá để cây cối làm bằng dây và kim loại; bức phù điêu dùng để trang trí treo trên tường không làm bằng vải; cờ làm bằng chất dẻo; bảng tên cài áo làm bằng chất dẻo; bảng đăng ký số xe ô tô có gắn đồ trang trí rẻ tiền làm bằng nhựa; cờ trang trí làm bằng chất dẻo; đồ trang trí bánh bằng chất dẻo; vỏ sò dùng để trang trí; túi ngủ; bàn; tủ đồ chơi; giá để ô; rèm che cửa (cái mành) làm bằng vật liệu thuộc nhóm này (đồ nội thất); chuông gió.

---

(111) **4-0097669**
(210) 4-2006-18324
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DISNEY • PIXAR WALL•E

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 21: Lược và bọt biển; bàn chải (không kể bút lông); vật liệu dùng làm bàn chải; đồ thủy tinh, sành, sứ không xếp vào các nhóm khác; bộ đồ uống dùng trong gia đình và bếp núc thuộc nhóm này; bộ đựng đồ uống bằng thủy tinh dùng trong gia đình và bếp núc thuộc nhóm này; lồng chim; bát; chổi; chảo làm bánh; khuôn làm bánh; khay để làm bánh dùng cho gia đình không làm bằng kim loại quý và không mạ bằng kim loại ấy; giá cắm nến không làm bằng kim loại quý; dụng cụ để tắt nến không bằng kim loại quý; bình đựng nước dùng cho gia đình không bằng kim loại quý; tượng nhỏ bằng sứ; miếng lót cốc không làm bằng giấy hoặc vải lanh trải bàn; lọ đựng bánh; dụng cụ cắt bánh; cái mở nút chai; tách chén; túi đựng đồ trang trí dùng cho người làm bánh kẹo; pha lê hình lăng kính dùng để trang trí; thủy tinh để trang trí; đĩa trang trí; đĩa đựng thức ăn; bức tượng nhỏ bằng sứ, pha lê, đất nung, thuỷ tinh hoặc gốm; chậu hoa; bàn chải tóc; lược chải tóc; bình cách nhiệt; tay cầm cách nhiệt của bình đựng đồ uống; hộp đựng cơm; ca; hộp đựng giấy ăn; vòng đánh dấu khăn ăn không làm bằng kim loại quý; cốc bằng giấy; đĩa giấy; chảo nướng bánh; khay nướng bánh; cốc nhựa; đĩa; đĩa đựng xà phòng; ấm trà không chạy điện; bộ cốc chén, đồ đựng cách nhiệt dùng cho thức ăn và đồ uống; bàn chải đánh răng; khay dùng cho gia đình hoặc bếp núc (không làm bằng kim loại quý và không mạ bằng kim loại ấy); giá ba chân làm dụng cụ gia đình hoặc bếp núc không làm bằng kim loại quý; phích; thùng rác.

---

(111) **4-0097670**
(210) 4-2006-18325
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DISNEY • PIXAR WALL•E

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 24: Khăn phủ giường bằng len đan; khăn tắm bằng vải lanh; khăn tắm; chăn trải giường; màn treo trước giường; khăn trải gường bằng vải lanh; khăn phủ giường bằng vải; tấm vải phủ che bao chân giường; khăn trải giường; chăn phủ đồ đạc; vải in hoa; chăn dùng cho trẻ em; cái lót cốc bằng vải; khăn lót bàn ăn bằng vải; cờ bằng vải; cờ trang trí bằng vải; khăn phủ giường có hai lớp và nhồi bông ở giữa; vải lót nôi trẻ em; rèm cửa bằng vải; cờ bằng sợi; cờ trang trí bằng nỉ; khăn dùng khi chơi gôn; khăn tay bằng vải; khăn mùi soa bằng vải; khăn tắm có mũ trùm đầu; khăn bằng vải lanh dùng cho gia đình; khăn bằng vải dùng để lau; găng tay vệ sinh; áo gối; khăn phủ gối: khăn lót để cầm nồi; mền bông; chăn nhẹ để quấn trẻ sơ sinh sau khi tắm; chăn bằng lụa; khăn trải bàn bằng vải lanh; khăn ăn bằng vải; khăn bàn cá nhân bằng vải; khăn trải bàn bằng vải; khăn phủ đồ đạc; khăn bông; khăn rửa mặt bằng vải; chăn len.

---

(111) **4-0097671**
(210) 4-2006-18326
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DISNEY • PIXAR WALL•E

(151) 14.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Quần áo; giày thể thao; khăn tay có in hoa dùng cho trang phục; mũ dùng cho chơi bóng chày; áo choàng dùng đi tắm biển; quần áo tắm biển; thắt lưng (trang phục); yếm (trang phục); áo tắm hai mảnh; áo cộc tay có gắn biểu trưng tổ chức; ủng; nơ cài cổ; áo nịt ngực; mũ lưỡi trai; quần bằng da; yếm bằng vải; áo khoác; áo liền váy; cái che tai giữ ấm; đồ đi chân; găng tay (trang phục); áo sơ mi dùng khi chơi gôn; quần áo mặc trong ngày lễ Ha-lô-oen; mũ nón; dải băng buộc đầu (trang phục); đồ đội đầu; hàng dệt kim (cụ thể là quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu); đồ mặc cho trẻ sơ sinh (quần áo, giầy dép, mũ nón); áo jắc-két; quần áo jean; áo nịt len; khăn vuông trùm đầu; áo nịt dùng cho diễn viên múa hoặc vận động viên; nịt chân (trang phục); găng tay hở ngón; ca vát; áo ngủ dùng cho nam giới; áo ngủ dùng cho nữ giới; bộ quần áo pijama; quần dài; quần nịt của phụ nữ; áo cộc tay; áo pon sô; quần áo mưa; áo choàng; dép săng-đan; khăn quàng cổ; áo sơ mi; giày; váy ngắn; quần soóc; quần mặc hàng ngày; dép đi trong nhà; trang phục ngủ; tất

ngắn; tất dài: áo len dài tay; quần dùng trong khi tập luyện; áo dùng trong khi tập luyện; quần áo bơi; áo sát nách; quần bó; áo phông; quần áo lót; áo gi lê; dải buộc cổ tay (trang phục); găng tay làm bằng lông cừu (trang phục).

---

(111) **4-0097672**
(210) 4-2005-12198
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NAM THANH

(151) 14.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ NĂM THÀNH (VN)
Số 61, tổ 1, ấp 1, xã Bình Lộc, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết đóng chai.

---

(111) **4-0097673**
(210) 4-2005-12838
(181) 30.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 30.09.2005

(531) 26.1.6; A5.1.5; A5.1.16
(591) Đỏ, đỏ nhạt, nâu, nâu nhạt, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THANH NHÀN (VN)
Số 09, đường số 5, khu phố Bình Cư 2, phường 4, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 09: Bình ắc quy; dây điện; ổn áp; loa; ampli; tăng phô (ba lát).

---

(111) **4-0097674**
(210) 4-2005-17612
(181) 26.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 26.12.2005

(531) A27.5.4
(731) CÔNG TY TNHH MAY NGUỒN LỰC (VN)
B27 Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 18: Ba lô, túi xách.

Nhóm 25: Quần áo, tất, găng tay (đi kèm với quần áo), khăn choàng, cà vạt, thắt lưng.

---

(111) **4-0097675**
(210) 4-2005-17613
(181) 26.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 26.12.2005

(531) A27.5.4
(731) CÔNG TY TNHH MAY NGUỒN LỰC (VN)
B27 Tô Ký, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 18: Ba lô, túi xách.

Nhóm 25: Quần áo, tất, găng tay (đi kèm với quần áo), khăn choàng, cà vạt, thắt lưng.

---

(111) **4-0097676**
(210) 4-2006-18491
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) A26.11.12
(591) Xanh tím than, trắng
(731) CƠ SỞ TẤN PHONG (VN)
284/1 Hòa Bình, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Túi xốp làm từ PE (polyethylene - một loại nhựa tổng hợp được dùng dưới dạng lá mềm dẻo, trong suốt, chống thấm nước và cách điện).

---

(111) **4-0097677**
(210) 4-2005-16577
(181) 07.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

Roberta Bio Balance

(151) 14.03.2008
(220) 07.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH BIO INTERNATIONAL (VN)
70 đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; xà phòng; sữa rửa mặt; sữa tắm (dầu tắm); kem dùng cho da (để mát-xa); dầu gội đầu.

---

(111) **4-0097678**
(210) 4-2005-16578
(181) 07.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

Formosa

(151) 14.03.2008
(220) 07.12.2005

(731) CÔNG TY TNHH BIO INTERNATIONAL (VN)
70 đại lộ Độc Lập, KCN Việt Nam Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; xà phòng; sữa rửa mặt; sữa tắm (dầu tắm); kem dùng cho da (để mát-xa); dầu gội đầu.

---

(111) **4-0097679**
(210) 4-2005-10333
(181) 16.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NUOLIER

(151) 14.03.2008
(220) 16.08.2005

(731) CÔNG TY TNHH NAM DƯỢC (VN)
Lô M13 (C4-9) khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định.
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0097680**
(210) 4-2005-14289
(181) 26.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 14.03.2008
(220) 26.10.2005

(531) 26.1.1; 6.1.2; 4.3.3
(591) Xanh, trắng
(731) TỔNG CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU XÂY DỰNG VIỆT NAM (VN)
34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại; xi măng; tấm phủ bằng xi măng chịu lửa; bê tông; vữa bê tông trộn sẵn; đá dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0097681**
(210) 4-2006-02511
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHARIGEL

(151) 17.03.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV. PHARM (VN)
27 Điện Biên Phủ, Khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097682**
(210) 4-2006-02512
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Pharivit

(151) 17.03.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV. PHARM (VN)
27 Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097683**
(210) 4-2006-02513
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Pharivit Ginseng

(151) 17.03.2008
(220) 24.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV. PHARM (VN)
27 Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097684**
(210) 4-2006-08593
(181) 05.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NORSHIELD

(151) 17.03.2008
(220) 05.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH HÓA NÔNG HỢP TRÍ (VN)
Lô A8-C, khu công nghiệp Hiệp Phước, Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ bệnh cây.

---

(111) **4-0097685**
(210) 4-2006-08594
(181) 05.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NORSHIELD-ĐỒNG ĐỎ

(151) 17.03.2008
(220) 05.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH HÓA NÔNG HỢP TRÍ (VN)
Lô A8-C, khu công nghiệp Hiệp Phước, Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ bệnh cây.

---

(111) **4-0097686**
(210) 4-2006-17971
(181) 25.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Blue eye

(151) 17.03.2008
(220) 25.10.2006

(731) NGUYỄN HUY QUÂN (VN)
Thôn Thọ Môn, xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 16: Giấy (thuộc về văn phòng phẩm); đề can; giấy can; băng keo các loại dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia đình; miếng giấy có keo dán (nhãn dán) dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia đình, băng tự dính dùng cho mục đích văn phòng hoặc gia đình.

Nhóm 17: Băng keo các loại không dùng cho mục đích văn phòng, mục đích y tế hoặc mục đích gia đình; băng dính dạng cuộn không dùng cho mục đích văn phòng, mục đích y tế hoặc mục đích gia đình; băng dính dạng tờ không dùng cho mục đích văn phòng, mục đích y tế hoặc mục đích gia đình; băng tự dính không dùng cho mục đích văn phòng, mục đích y tế hoặc mục đích gia đình; băng dính cách điện.

---

(111) **4-0097687**
(210) 4-2006-18294
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

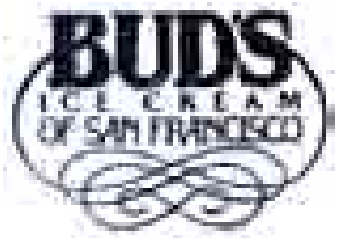

(151) 17.03.2008
(220) 27.10.2006

(531) 25.1.25
(731) DEAN INTELLECTUAL PROPERTY SERVICES II, L.P. (US)
2515 McKinney Avenue, Suite 1200, Dallas, Texas 75201, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 30: Kem lạnh.

---

(111) **4-0097688**
(210) 4-2006-18452
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) A1.1.10; A1.11.8
(591) Vàng, vàng cam, đỏ, xanh lá cây, xanh dương, xanh tím, tím, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SINH NHẬT (VN)
178B Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 41: Trường đào tạo dạy nghề; dàn dựng băng đĩa (dàn dựng và biên tập các chương trình biểu diễn để ghi lên băng đĩa); xuất bản sách; tổ chức khu vui chơi.

---

(111) **4-0097689**
(210) 4-2006-18453
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) 1.15.5
(591) Trắng, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HOÀN VIỆT (VN)
776/29AB Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy hút bụi, thiết bị dụng cụ vệ sinh công nghiệp.

---

(111) **4-0097690**
(210) 4-2006-18454
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) 26.4.2
(731) CÔNG TY TNHH MINH SANH VINH (VN)
69 Bành Văn Trân, phường 7, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng điện - điện tử - điện gia dụng; mua bán hàng kim khí điện máy.

---

(111) **4-0097691**
(210) 4-2006-18455
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 30.10.2006

(531) 3.9.1
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, đen
(731) CƠ SỞ NGUYỄN MẬU QUÂN (VN)
42/11 Trần Đại Nghĩa, khu phố 1, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 08: Dao dùng để trét sơn; bay dùng để trét tường; dụng cụ cầm tay.

---

(111) **4-0097692**
(210) 4-2006-18514
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIETMAIL

(151) 17.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ PHÁT CHUYỂN NHANH VIỆT THƯ (VN)
75A Lê Độ, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ chuyển phát bưu phẩm, bưu kiện; dịch vụ vận tải hàng hoá; dịch vụ cho thuê kho bãi, bãi đỗ xe, cho thuê phương tiện vận tải.

---

(111) **4-0097693**
(210) 4-2006-19107
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

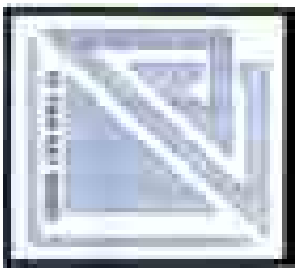

(151) 17.03.2008
(220) 07.11.2006

(531) 26.4.1; 26.3.23; 26.7.25
(591) Đen, trắng, ghi
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VĨNH PHÚC (VN)
Số 351 đường Mê Linh, phường Liên Bảo, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng không bằng kim loại.

Nhóm 37: Xây dựng.

---

(111) **4-0097694**
(210) 4-2006-17345
(181) 16.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

STALFAT

(151) 17.03.2008
(220) 16.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM THIÊN TÂM (VN)
Nhà số 7, ngõ 121/59 Kim Ngưu, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097695**
(210) 4-2006-18735
(181) 02.11.2016
(300) 78911956 20.06.2006 US
(450) 25.04.2008 241
(540)

REFRESH. REPLENISH. REPEAT.

(151) 17.03.2008
(220) 02.11.2006

(731) RETAIL LICENSING COMPANY (US)
101 Convention Center Drive, Las Vegas, Nevada 89109, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm và sản phẩm chăm sóc dùng cho mục đích cá nhân bao gồm: sản phẩm dùng khi cạo râu có mùi thơm, kem cạo râu, gel cạo râu, nước dưỡng dùng khi cạo râu, gel tắm vòi hoa sen, son thơm không tẩm thuốc, son bóng, son môi, gel dùng để tắm, dầu tắm (mỹ phẩm), phấn dùng sau khi tắm, muối tắm không tẩm thuốc, mặt nạ làm đẹp (mỹ phẩm), phấn má hồng, kem dưỡng thể, dầu dưỡng thể, phấn dưỡng thể, chất làm cho nước tắm sủi bọt và thơm (mỹ phẩm), sáp bỏ túi (mỹ phẩm), dầu xả, kem dưỡng tay, kem dưỡng da ban đêm, kem làm sạch da, kem dưỡng da, xà phòng khử mùi, chế phẩm khử mùi dùng cho mục đích cá nhân không dùng cho mục đích y tế, mỹ phẩm khử mùi và chống đổ mồ hôi, miếng vải nhám để giũa móng, thuốc màu bôi móng chân móng tay, mỹ phẩm làm bóng móng chân móng tay, kem dưỡng mắt, màu trang điểm cho mắt, chì kẻ mắt, mỹ phẩm kẻ mi mắt, mỹ phẩm bôi mi mắt, nùi bông tẩm mỹ phẩm làm sạch mặt, nước dưỡng tóc, nước thơm thoa mặt, nước thơm dưỡng thể, nước dưỡng giữ sóng cho tóc, đồ trang điểm (son phấn), mỹ phẩm trang điểm cho mặt, dầu mát xa (mỹ phẩm), tinh dầu dùng cho mục đích cá nhân, phấn thoa mặt, phấn rôm, dầu gội đầu, mỹ phẩm làm sáng da, kem làm sạch da, nước thơm làm sạch da, nước thơm dưỡng da, kem giữ ẩm cho da, xà phòng chăm sóc da, xà bông lỏng dùng cho tay, mặt và cơ thể, chế phẩm chống nắng, màng mỹ phẩm chống nắng; mỹ phẩm có mùi thơm bao gồm nước hoa và nước hoa cô lô nhơ.

Nhóm 14: Đồ trang sức cụ thể là khoá thắt lưng làm bằng kim loại quý dùng cho trang phục, vòng đeo ở mắt cá chân, vòng xuyến, vòng xuyến dùng để nhận dạng, vòng xuyến làm bằng kim loại quý, trâm cài đầu, đồ trang sức, dây đeo đồng hồ, đồ trang sức rẻ tiền, khuyên tai dạng kẹp, khuyên tai, đồ nữ trang gắn trên trang phục, chuỗi hạt, ghim trang trí, mặt dây chuyền, ghim cài ve áo (đồ trang sức), ghim (đồ trang sức), nhẫn; đồng hồ bao gồm đồng hồ bấm giờ, đồng hồ đeo cổ tay và đồng hồ treo tường.

Nhóm 18: Túi dùng cho vận động viên, túi dùng cho các môn điền kinh, ba lô đeo vai dùng cho em bé, cái địu em bé đeo trên người, ba lô đeo vai, túi dùng cho các môn thể thao làm từ da và giả da, túi đi biển, túi đựng sách vở, túi xách tay, túi đựng tã lót, túi bằng vải len thô, túi dùng cho người cho người đi tập thể dục, túi dùng cho những cuộc đi chơi ngắn, túi đi chợ của phụ nữ, túi du lịch, túi dùng khi đi du lịch, túi có dây rút miệng túi, ví có dây rút, túi dải rút, ví dùng cho phụ nữ, ví đựng tiền kim loại, túi đeo ngang thắt lưng, túi xách tay nhỏ, cặp đựng tài liệu xắp xếp theo mục hồ sơ làm từ da và giả da, ví đựng tiền lẻ, ba lô dải rút, cặp đựng sách vở học sinh, túi đeo vai, bao nhỏ có dải rút, túi đựng đồ vệ sinh phụ nữ, ví xách tay, túi dết, ba lô, túi Boston, cặp đựng tài liệu làm từ da và giả da, ví đựng tiền của nam giới, ví, hộp đựng danh thiếp bằng da hoặc giả da, hộp đựng thẻ điện thoại bằng da hoặc giả da, hộp đựng tài liệu bằng da hoặc giả da, hộp đựng đồ cho những cuộc đi chơi ngắn bằng da hoặc giả da; ví, bao, hộp đựng hộ chiếu; hộp đựng thẻ tín dụng bằng da hoặc giả da, túi đựng mỹ phẩm (không có đồ ở trong), túi đựng đồ vệ sinh (không có đồ ở trong), túi đựng hành lý làm bằng da hoặc giả da, va li, thẻ ghi tên và địa chỉ gắn theo hành lý bằng da hoặc giả da, ô, ô dùng trong chơi gôn.

Nhóm 25: Trang phục, quần áo và đồ phụ kiện của quần áo, bao gồm áo ngoài có mũ trùm đầu (vùng bắc cực), áo paca, dải băng buộc cổ tay (trang phục), bộ quần áo tắm, quần tắm của đàn ông, áo choàng tắm, áo choàng mặc trên bãi biển, quần áo mặc để tắm biển, dải đeo của quần áo, quần soóc Bermuda, áo tắm hai mảnh, áo cộc tay (thường có đính biểu trưng của một tổ chức nào đó), áo choàng làm việc, phần dưới của bộ quần áo hai mảnh, cái nịt ngực, đồ lót bó sát (trang phục), coóc xê ngoài, áo choàng không tay, áo len đan, áo choàng, áo choàng bằng da, áo choàng ngoài, quần áo mưa, áo choàng mặc

khi trời mưa, bộ quần áo, bộ quần áo khoác ngoài, áo khoác thể thao, áo khoác che phần trên cơ thể, váy dài, quần áo công nhân, dải băng bịt tai (trang phục), quần áo choàng ngoài mặc khi thời tiết xấu, găng tay (trang phục), bộ đồ tập thể dục, áo che phần trên của cơ thể, áo che phần trên của cơ thể được giữ bởi dải vòng qua gáy, hàng dệt kim (quần áo, đồ đi chân và đồ đội đầu), áo vét, áo vét bằng da, áo vét chống gió, quần áo jean (bò), áo nịt len, quần đi ngựa, áo liền quần của trẻ em, khăn vuông chùm đầu của phụ nữ, tất cao đến đầu gối, xà cạp làm ấm chân, quần áo lót phụ nữ, quần áo mặc trong nhà, chân váy, găng tay hở ngón (trang phục), bao tay không chia ngón (trang phục), bao tay bằng lông để sưởi ấm (trang phục), dải băng bịt tai cho ấm (trang phục), cái nơ đeo cổ, cổ cồn cavát, bộ quần áo khoác ngoài, bộ đồ ngủ của đàn ông, quần lót phụ nữ, quần lót, quần lót trượt băng, quần lót trượt tuyết, quần lót thấm mồ hôi, áo pon-sô, áo len chui đầu, áo thụng dài khoác ngoài (của đàn bà và trẻ nhỏ), xà rông (trang phục của phụ nữ Malayxia), khăn quàng vai, khăn choàng cổ, khăn choàng quấn đầu và cổ của phụ nữ, áo váy hẹp thẳng của phụ nữ, áo sơ mi, áo chơi gôn, áo len, áo chơi pô lô, áo thể thao, áo thấm mồ hôi, quần áo lót trong, quần soóc, quần lót ống rộng của đàn ông, quần soóc tập thể dục, quần soóc thấm mồ hôi, quần áo trượt tuyết, váy ngắn, quần mặc ngày thường của nam hay nữ, quần áo ngủ, dép đi trong nhà, quần lót nhỏ phụ nữ, quần áo cho người chạy bộ, bộ quần áo vệ sinh (thấm mồ hôi), bộ quần áo giữ ấm, áo len dài tay, áo len cao cổ, áo len cổ hình chữ V, quần bơi của nam giới, quần áo bơi, quần áo bơi liền mảnh của phụ nữ, áo thun cộc tay, áo che phần trên của cơ thể, cái nơ con bướm, cái nơ, quần áo mặc bó sát, bộ quần áo ấm rộng, quần dài, áo dài thắt ngang lưng, áo cao cổ, quần áo lót, quần áo trong, quần đùi, áo lót, đồ lót (trang phục), quần áo lót ấm, áo lót mặc trong áo sơ mi, áo lót được may chần; đồ đi chân, bao gồm đồ đi chân dành cho vận động viên, giày làm bằng vải bạt, giày dành cho vận động viên, giày, guốc, xăng đan, giày chơi quần vợt, dây giày (đồ đi chân), tất ngắn cổ, tất thấm mồ hôi và giày cao cổ đến mắt cá chân; và đồ đội đầu, bao gồm khăn rằn, dải lót mũ phụ nữ (cho vừa đầu), mũ nồi, lưỡi trai, lưỡi trai chống nắng, dải buộc đầu (trang phục), mũ, mũ trùm đầu gắn liền với áo, dải băng quấn đầu và cổ tay có tác dụng để thấm mồ hôi dùng khi luyện tập (trang phục), mũ vải.

Nhóm 35: Dịch vụ cửa hàng bán lẻ, dịch vụ đặt hàng qua thư, dịch vụ bán hàng qua cat-tơ-lô, và dịch vụ cửa hàng bán lẻ điện tử thông qua mạng máy tính toàn cầu và/hoặc mạng thông tin liên lạc, tất cả các dịch vụ này bán các mặt hàng sau trang phục, quần áo, phụ kiện đi kèm quần áo, quần áo ngủ, quần áo lót, coóc xê ngoài, quần áo lót phụ nữ, quần áo ngủ của nam giới, quần áo ngủ của phụ nữ và trẻ em, quần lót thấm mồ hôi, áo thấm mồ hôi ngắn tay, đồ lót và áo khoác giữ ấm, bộ đồ bơi, quần áo khoác ngoài, áo khoác, áo gi lê mặc trong áo khoác, áo paca, áo ngoài có mũ trùm đầu, áo choàng, quần lót dài, quần áo jean, quần soóc, áo len, áo sơ mi, cổ cồn cavát, váy ngắn, áo choàng mặc khi làm việc, quần áo trượt tuyết, quần áo mặc khi trượt băng, đồ đi chân, đồ dệt kim, tất ngắn cổ, thắt lưng, đồ đội đầu, mũ, mũ vải, khăn chùm đầu của phụ nữ, hành lý, ba lô, túi đeo ở thắt lưng, túi thể thao, ví tiền của nam giới, ví tiền của nữ giới, ô, nước hoa và dầu thơm, vật dụng dùng khi tắm rửa, mỹ phẩm, chế phẩm chăm sóc tóc, dầu gội đầu, dầu xả tóc, lược chải tóc, nước thơm xức da, xà phòng và chế phẩm làm sạch cơ thể, sản phẩm chăm sóc cá nhân, kính mát, nến, đồ chơi, trò chơi, vật dụng thể thao, đồng hồ đeo tay, đồ nữ trang, văn phòng phẩm, ấn phẩm, bản in ảnh, in nghệ thuật và in màu, lịch và nhật ký du lịch, bút viết, bút chì, kẹp tài liệu, tập giấy ghi chú, thiệp chúc mừng, tập giấy màu dùng để viết tin nhắn, máy ghi và phát âm thanh; la bàn, nhiệt kế dùng để đo nhiệt độ môi trường, và đèn nhấp nháy; phát hành thẻ quà tặng và thiệp quà tặng để khuyến khích khách hàng sử dụng các sản phẩm và dịch vụ trên.

(111) **4-0097696**
(210) 4-2006-18737
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TOKAI

(151) 17.03.2008
(220) 02.11.2006

(731) TING-YUAN CHEN (TW)
No.9, Alley 37, Lane 276, Sec. 1, Yahuan Rd., Daya Shiang, Taichung County, Taiwan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 07: Dụng cụ chạy bằng khí nén, cụ thể là: tua vít, búa và máy dập đinh; búa hơi; cờ lê dùng hơi; dụng cụ điện, cụ thể là: tua vít (bộ phận của máy móc), búa (bộ phận của máy móc) và máy dập đinh; búa điện; cờ lê dùng điện.

---

(111) **4-0097697**
(210) 4-2006-19011
(181) 06.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 06.11.2006

(731) TWENTIETH CENTURY FOX FILM CORPORATION (A DELAWARE CORPORATION) (US)
10201 West Pico Boulevard, Los Angeles, California 90035, United States of America
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ máy tính, cụ thể là thực hiện chức năng máy chủ cho các phương tiện web trực tuyến để những người khác tổ chức và tiến hành các cuộc họp, gặp gỡ, và thảo luận tương tác trực tuyến; dịch vụ máy tính dưới hình thức các trang web tùy chỉnh thể hiện thông tin do người sử dụng xác định, các thông tin và hồ sơ cá nhân; dịch vụ máy tính, cụ thể là thực hiện chức năng máy chủ cho các nội dung dưới dạng số trên mạng Internet, cụ thể là nhật ký mạng và nhật ký trực tuyến.

---

(111) **4-0097698**
(210) 4-2006-19056
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TWB

(151) 17.03.2008
(220) 07.11.2006

(731) TIMKEN WUXI BEARINGS CO., LTD. (CN)
509 Datong Road, Binhu Econ Devel Zone, Wuxi 214124, China
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 07: Ổ bi lăn hình nón; ổ bi hình cầu; ổ bi (vòng bi); ổ bi hình trụ; ổ bi hình kim (không dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ).

Nhóm 12: Ổ bi lăn hình nón; ổ bi hình cầu; ổ bi (vòng bi); ổ bi hình trụ; ổ bi hình kim (dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ).

---

(111) **4-0097699**
(210) 4-2006-19058
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 07.11.2006

(531) 7.1.24
(591) Đen, trắng, ghi
(731) CỬA HÀNG NGUYỄN THỊ KIM CHÍNH (VN)
59 Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu trang trí nội thất, cụ thể là: gốm, ngói và đá.

---

(111) **4-0097700**
(210) 4-2006-17263
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CHAPA GARDEN

(151) 17.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) PHẠM CAO KẾ (VN)
40 phố Cầu Mây, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0097701**
(210) 4-2006-05703
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LIFEBUOY MILDCARE

(151) 17.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi mát - xa không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

---

(111) **4-0097702**
(210) 4-2006-06036
(181) 19.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

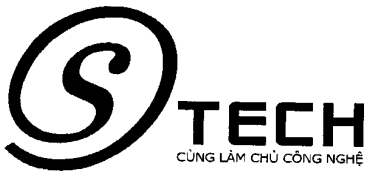

(151) 17.03.2008
(220) 19.04.2006

(531) A26.11.12; 24.17.25
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ THÔNG MINH (VN)
1C, tổ 50, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Phần mềm máy tính, thiết bị điều khiển tự động dùng cho: thiết bị an ninh, thiết bị chiếu sáng, thiết bị công nghiệp, thiết bị viễn thông, thiết bị dân dụng.

---

(111) **4-0097703**
(210) 4-2006-06537
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PILGRIM

(151) 17.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) PILGRIM A/S (DK)
Sotoften 8, DK-8660 Skanderborg, Denmark
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng, nước hoa, tinh dầu, mỹ phẩm, các chất dưỡng tóc và các chất làm sạch răng.

Nhóm 06: Đồ trang sức cụ thể là: dây trang sức, xuyến vòng đeo tay và nhẫn, tất cả được làm bằng các kim loại thông thường và hợp kim của chúng.

Nhóm 09: Kính mắt, gọng kính mắt, kính màu, kính râm (kính mát).
Nhóm 14: Các kim loại quý và hợp kim của các kim loại này; nữ trang làm bằng đá và kim loại quý, nữ trang giả, khuy măng sét, kẹp cà vạt, đá quý, giả đá quí; các dụng cụ đo thời gian, cụ thể là đồng hồ đeo tay, đồng hồ.

Nhóm 18: Các sản phẩm làm bằng da hoặc giả da không bao gồm trong các nhóm khác, cụ thể là các hộp bằng da hoặc bìa da, phong bì bằng da để đóng gói; rương, va li nhỏ, túi du lịch, đồ đựng dùng khi đi du lịch, túi đựng áo quần để đi du lịch, ví đựng đồ trang điểm, ba lô, túi, túi xách tay, túi đi tắm biển, túi đi mua sắm, túi khoác vai, túi đi học, va li, túi cỡ lớn làm bằng vải bạt để đi du lịch, đồ đựng hành lý, cặp da, hộp da, cặp đựng giấy tờ, túi nhỏ, hàng hóa bằng da mịn cụ thể là ví, túi xách tay phụ nữ, ví đựng chìa khóa, hộp danh thiếp; ô dù, dù lọng.

Nhóm 20: Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ (không bao gồm trong các nhóm khác) dùng để trang trí và được làm từ gỗ, bần, sậy, mây, liễu gai, sừng, xương, ngà, phiến sừng hàm cá voi, vỏ sò, hổ phách, xà cừ, bọt biển và các vật liệu thay thế các loại vật liệu nêu trên.

Nhóm 25: Quần áo, giầy dép, đồ đội trên đầu (trang phục)

Nhóm 35: Dịch vụ vì lợi ích của người khác (không bao gồm việc vận chuyển các loại hàng hóa này), nhằm giúp cho khách hàng được tiện lợi trong việc xem và mua các loại hàng hóa này; bán lẻ và bán buôn.

---

(111) **4-0097704**
(210) 4-2006-06878
(181) 05.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 05.05.2006

(531) A26.11.12
(731) XÍ NGHIỆP GIẤY HẢI TIẾN (VN)
Dương Ổ, Phong Khê, Yên Phong, Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 16: Giấy vệ sinh; giấy; bìa cứng; dải ruy băng bằng giấy; tờ giấy (văn phòng phẩm); băng giấy dùng để ghi chương trình máy tính.

---

(111) **4-0097705**
(210) 4-2006-08633
(181) 05.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 05.06.2006

(531) 2.9.19
(591) Đen, đỏ, đỏ son, hồng, xanh cô ban, xanh nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRUNG NAM (VN)
402 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm.

---

(111) **4-0097706**
(210) 4-2006-09352
(181) 16.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 16.06.2006

(531) 26.1.2; A26.11.12
(591) Đỏ, đen, xám, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH LÝ (VN)
796 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng lương thực thực phẩm, hàng thực phẩm công nghệ, hàng nông sản, hàng thuỷ hải sản; mua bán: máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, phụ tùng; mua bán hóa chất, phân bón; mua bán mỹ phẩm; mua bán: văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc, vải sợi; mua bán: vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;

---

(111) **4-0097707**
(210) 4-2006-16044
(181) 22.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 22.09.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3
(591) Trắng, xanh tím
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG LÝ PHÚ VINH (VN)
35 Hoàng Sa, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán máy tính tiền điện tử, máy văn phòng, máy in, máy vi tính, hàng kim khí điện máy, xe gắn máy, hàng điện lạnh, điện gia dụng, mỹ phẩm, công nghệ phẩm, văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, lương thực thực phẩm, nông thủy sản, nguyên liệu, hương liệu, hoá chất; mua bán xăng dầu Do, KO, FO, dầu nhờn, mỡ bò; mua bán vải sợi, sản phẩm dệt may, phân bón.

---

(111) **4-0097708**
(210) 4-2006-16805
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Smartlite

(151) 17.03.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ CƠ ĐIỆN KIM TINH (VN)
29 Phan Đình Phùng, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0097709**
(210) 4-2006-16938
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 09.10.2006

(531) 26.1.1; A1.13.10
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chế phẩm làm sạch; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; thuốc màu dùng cho tóc; thuốc nhuộm tóc; nước thơm dùng cho tóc; chất dùng để uốn tóc; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; nước xịt tóc, bột chải tóc (mỹ phẩm); các chất dùng khi chải tóc (mỹ phẩm); gôm xịt tóc; keo xịt tóc; dầu bóng dùng cho tóc, keo gội đầu; kem dùng cho tóc; mỹ phẩm dạng lỏng dùng cho tóc; dầu xức tóc; mỹ phẩm dưỡng tóc và làm khỏe tóc, kem bôi tóc; các chế phẩm dùng để tắm thường và/hoặc tắm vòi hoa sen; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất.

Nhóm 05: Chế phẩm có chứa thuốc dùng cho tóc.

---

(111) **4-0097710**
(210) 4-2006-06693
(181) 28.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 28.04.2006

(591) Trắng, xanh nước biển
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT NHẬT CƯỜNG (VN)
41A Lý Quốc Sư, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán các sản phẩm viễn thông và sản phẩm công nghệ thông tin.

---

(111) **4-0097711**
(210) 4-2006-07575
(181) 17.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN (VN)
16 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097712**
(210) 4-2006-07576
(181) 17.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097713**
(210) 4-2006-07578
(181) 17.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 17.05.2006

(531) 26.1.2; 26.4.1
(591) Xanh lá cây, xanh sẫm, xanh côban, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097714**
(210) 4-2006-07579
(181) 17.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 17.05.2006

(531) 26.1.1; 26.1.2; 26.15.1
(591) Xanh lục, xanh sẫm, xanh côban, vàng, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAO MỸ (VN)
386 Nguyễn Tri Phương, phường 4, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097715**
(210) 4-2006-07637
(181) 18.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 18.05.2006

(531) A14.1.24
(591) Xanh lá cây
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT LƯỚI THÉP RỌ ĐÁ VIỆT NAM (VN)
Thôn Vệ Sơn Đông, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Lưới mắt cáo bằng kim loại (thép và thép bọc PVC).

---

(111) **4-0097716**
(210) 4-2006-08039
(181) 25.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DBL
DEBAILI

(151) 17.03.2008
(220) 25.05.2006

(731) LING MIN JI (CN)
Room 2604, 59 Zi Dan Da Jie, Hai Zhu Qu, Guangzhou, China
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 25: Quần áo; bộ quần áo trẻ em; quần áo bơi; giày; mũ; bít tất ngắn cổ; găng tay (quần áo); cà vạt; thắt lưng (quần áo); áo cưới.

---

(111) **4-0097717**
(210) 4-2006-08267
(181) 29.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 29.05.2006

(531) 26.4.3; A25.7.4; 25.1.6; A11.1.4
(591) Đen, đen nhạt, xám, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHÀN LỘC (VN)
Số 74 phố Lê Chân, phường Mê Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống.

---

(111) **4-0097718**
(210) 4-2006-16911
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 09.10.2006

(531) A1.1.10; 26.3.1
(591) Xanh lá cây, đỏ, vàng, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ DẦU TIẾNG (VN)
Khu phố 3, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 19: Đồ gỗ đã gia công (ván ghép).

Nhóm 20: Đồ gỗ mỹ nghệ; giường; ghế, tủ; bàn; giá treo (áo hoặc mũ).

Nhóm 35: Mua bán phôi sơ chế từ nguyên liệu gỗ.

---

(111) **4-0097719**
(210) 4-2006-17261
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CHAPA

(151) 17.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) PHẠM CAO KẾ (VN)
40 phố Cầu Mây, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0097720**
(210) 4-2006-17262
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CHAPA RESTAURANT

(151) 17.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) PHẠM CAO KẾ (VN)
40 phố Cầu Mây, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống, khách sạn.

---

(111) **4-0097721**
(210) 4-2006-01982
(181) 14.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TOTILAC

(151) 17.03.2008
(220) 14.02.2006

(731) P.T. KALBE FARMA, TBK (ID)
Kawasan Industri Delta Silicon, Jl. M.H. Thamrin Blok A3-1, Lippo Cikarang Bekasi, 17550, Republic of Indonesia
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Thuốc giúp khôi phục năng lượng, cụ thể là hồi phục vòng tuần hoàn máu và cung cấp năng lượng cho tim; thuốc cung cấp dinh dưỡng ngoài đường tiêu hóa, cụ thể là cung cấp các nhu cầu về dinh dưỡng nhưng không qua đường tiêu hoá, ví dụ qua đường tĩnh mạch.

---

(111) **4-0097722**
(210) 4-2006-02231
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 27.10.2006

(531) 26.13.25; A1.1.2; 26.1.1; A1.1.10
(731) JAPAN TOBACCO INC (JP)
2-2-1 Toranomon, Minato-ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá điếu, thuốc lá dạng thô và đã chế biến, vật dụng cho người hút thuốc và diêm.

---

(111) **4-0097723**
(210) 4-2006-02594
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 24.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, xanh lục
(731) JARDINE MATHESON (BERMUDA) LTD. (BM)
Jardine House 33-35 Reid Street, Hamilton, Bermuda
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 45: Dịch vụ an ninh nhằm bảo vệ người và tài sản; dịch vụ kiểm tra báo động cháy; dịch vụ kiểm tra báo động an ninh; dịch vụ giám sát (bảo vệ) đất đai; dịch vụ kiểm tra thiết bị kiểm soát an ninh.

---

(111) **4-0097724**
(210) 4-2006-02595
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 24.02.2006

(531) 26.4.2
(591) Đen, trắng, xanh lục
(731) JARDINE MATHESON (BERMUDA) LTD. (BM)
Jardine House 33-35 Reid Street, Hamilton, Bermuda
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế hệ thống hút bụi và dọn bụi cho xưởng sản xuất nhựa đường, thép và xưởng sản xuất; dịch vụ thiết kế: hệ thống băng chuyền dây đai lòng máng và băng chuyền tải kiểu ống lồng vào nhau, hệ thống liên lạc nội bộ, hệ thống nhắn tin, bảng

báo và bảng panel, đường ống dẫn và đường dây điện, thiết bị sàn bốc dỡ hàng, hệ thống tìm kiếm lưu trữ tự động, hệ thống băng chuyền tấm đứng, cần cẩu và thang máy; dịch vụ thiết kế hệ thống điện và cơ khí; dịch vụ thiết kế hệ thống xử lý nguyên vật liệu; dịch vụ thiết kế hệ thống đốt nóng; dịch vụ thiết kế hệ thống điều hoà không khí; dịch vụ thiết kế hệ thống thông hơi; dịch vụ thiết kế hệ thống lọc; dịch vụ thiết kế hệ thống vệ sinh; dịch vụ thiết kế hệ thống xây dựng tự động; dịch vụ thiết kế hệ thống hút bụi; dịch vụ thiết kế hệ thống truyền dữ liệu, dịch vụ thiết kế thiết bị và xưởng điện và cơ khí; dịch vụ thiết kế các phụ tùng, hệ thống thang máy và thang lên máy bay; dịch vụ thiết kế hệ thống băng chuyền; dịch vụ thiết kế hệ thống liên lạc nội bộ, dịch vụ thiết kế hệ thống nhắn tin, dịch vụ thiết kế hệ thống an ninh; dịch vụ thiết kế hệ thống chiếu sáng; dịch vụ thiết kế bảng báo và bảng panel, đường ống dẫn và đường dây điện; dịch vụ thiết kế thiết bị sàn bốc dỡ hàng; dịch vụ thiết kế hệ thống tìm kiếm lưu trữ tự động; dịch vụ thiết kế hệ thống băng chuyền tấm đứng, cần cẩu và thang máy.

---

(111) **4-0097725**
(210) 4-2006-02784
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KITA

(151) 17.03.2008
(220) 28.02.2006

(531) A26.11.12; 26.3.1
(731) SHENZHEN GAOXINQI ELECTRONICS CO., LTD. (CN)
4/F 2 Building, Anhua Industry Area, District 35, Bao An, Shenzhen, Guangdong, China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy tính xách tay; máy điện thoại vô tuyến; máy thu phát âm thanh nổi dùng cho cá nhân; máy chụp ảnh (thuộc về nhiếp ảnh); chuông báo động thuộc nhóm này; máy fax; thiết bị điện thoại; máy điện thoại cầm tay; pin; bộ nạp điện cho pin và ắc qui.

---

(111) **4-0097726**
(210) 4-2006-03663
(181) 07.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALMOND

(151) 17.03.2008
(220) 07.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRƯỜNG TIẾN PHÁT (VN)
131/30 Nguyễn Thị Nhỏ, phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng điện tử, hàng điện gia dụng, hàng kim khí điện máy; mua bán tivi (máy thu hình), máy tăng âm, bếp gas, máy giặt, máy lạnh, tủ lạnh, máy xay sinh tố, máy ép trái cây, lò nướng điện, nồi cơm điện, lẩu điện, quạt điện, bình lọc nước.

---

(111) **4-0097727**
(210) 4-2006-03781
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 17.03.2006

(531) 26.4.2; 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG PHƯƠNG (VN)
297/11 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 25: Quần áo may sẵn.

---

(111) **4-0097728**
(210) 4-2006-04836
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RYNAXYPYR

(151) 17.03.2008
(220) 03.04.2006

(731) E. I. DU PONT DE NEMOURS AND COMPANY (US)
1007 Market Street, Wilmington, Delaware 19898, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0097729**
(210) 4-2006-05069
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Zinecox

(151) 17.03.2008
(220) 05.04.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097730**
(210) 4-2006-05702
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DEEPCLEAN

(151) 17.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Các loại xà phòng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi mát - xa không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

---

(111) **4-0097731**
(210) 4-2006-02138
(181) 16.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

O'Khoai

(151) 17.03.2008
(220) 16.02.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30- 10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn; kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0097732**
(210) 4-2006-02139
(181) 16.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

O'Khoái

(151) 17.03.2008
(220) 16.02.2006

(731) ORION CORPORATION (KR)
30-10, Munbae-Dong, Yongsan-Gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 30: Sô cô la; bánh bích quy; bánh quy dẹt; bánh quy giòn; bánh xốp; bánh kẹo; mảnh ngô; bánh mì; bánh nướng (bột nhão); bánh ngọt; bánh nhân thịt; bánh pút đinh; kem lạnh; kem ăn; kẹo cứng; kẹo caramen; kẹo cao su (không dùng cho mục đích y tế).

---

(111) **4-0097733**
(210) 4-2006-02482
(181) 23.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

JONES®

(151) 17.03.2008
(220) 23.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN L.Q. JOTON (VN)
188C Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn dầu, sơn nước, chất dùng làm lớp phủ công nghiệp (tương tự như sơn), chế phẩm dùng làm sơn lót (chế phẩm từ sơn).

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng như: bột bả trát tường, gạch ngói nung, đá ốp lát, ván sàn, dầm bê tông và cấu kiện phi kim loại dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0097734**
(210) 4-2006-02483
(181) 23.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

JONA®

(151) 17.03.2008
(220) 23.02.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN L.Q. JOTON (VN)
188C Lê Văn Sỹ, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn dầu, sơn nước; chất dùng làm lớp phủ công nghiệp (tương tự như sơn); chế phẩm dùng làm sơn lót (chế phẩm từ sơn).

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng như: bột bả trát tường, gạch ngói nung, đá ốp lát, ván sàn, dầm bê tông và cấu kiện phi kim loại dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0097735**
(210) 4-2006-02484
(181) 23.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 23.02.2006

(531) A26.11.12; A5.1.5; 5.7.3
(591) Xanh lá cây, vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM DƯƠNG (VN)
Số 148 phố Nguyễn Hữu Tiến, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Chất kích thích sinh trưởng cây trồng, phân NPK, phân bón qua lá.

Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc diệt trùng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

Nhóm 31: Hạt giống lúa, hạt giống ngô, hạt giống rau, hạt giống khoai tây, hạt giống đậu tương, hạt giống lạc.

---

(111) **4-0097736**
(210) 4-2006-03764
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HANDYFLEX

(151) 17.03.2008
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY TERRACO VIỆT NAM (VN)
Xã Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (trừ sơn tĩnh điện, cách nhiệt).

---

(111) **4-0097737**
(210) 4-2006-03770
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TERRAVERTINE

(151) 17.03.2008
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY TERRACO VIỆT NAM (VN)
Xã Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (trừ sơn tĩnh điện, cách nhiệt).

---

(111) **4-0097738**
(210) 4-2006-03772
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TERRABOND

(151) 17.03.2008
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY TERRACO VIỆT NAM (VN)
Xã Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (trừ sơn tĩnh điện, cách nhiệt).

---

(111) **4-0097739**
(210) 4-2006-04241
(181) 23.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FUSHIKA

(151) 17.03.2008
(220) 23.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH NHẬT BẢN (VN)
Tổ 3, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 06: Khoá bằng kim loại, bản lề bằng kim loại, đồ sắt dùng cho cửa, khóa móc, chìa khóa.

---

(111) **4-0097740**
(210) 4-2006-04246
(181) 23.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DERMAL SA

(151) 17.03.2008
(220) 23.03.2006

(731) PHARMANIAGA MANUFACTURING SDN BHD. (MY)
11A, Jalan P/1 Kawasan Perusahaan Bangi 43650 Bandar Baru Bangi, Selangor Darul Ehsan, Malaysia
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097741**
(210) 4-2006-21852
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 13.12.2006

(591) Xanh dương, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG DÂN DỤNG CÁCH TÂN (VN)
25/24 Cửu Long, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hóa chất, dầu nhờn; đại lý phân phối hàng hóa.

---

(111) **4-0097742**
(210) 4-2006-21953
(181) 15.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 15.12.2006

(531) 25.1.25
(591) Xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) VIGBHA (ASIA) PTE. LTD (SG)
1, North Bridge Road # 07-10, High Street Centre, Singapore 179094
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097743**
(210) 4-2006-22144
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 18.12.2006

(731) VƯU LỆ QUYÊN (VN)
23 Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh mì, bánh bao, bánh ngọt.

---

(111) **4-0097744**
(210) 4-2006-22145
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KIM XUÂN

(151) 17.03.2008
(220) 18.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH LIÊN HIỆP KIM XUÂN (VN)
Lô 16A8, khu công nghiệp Trà Nóc I, quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 06: Đinh, ốc vít (tất cả làm bằng kim loại).

---

(111) **4-0097745**
(210) 4-2006-22147
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LÝ QUANG THÁI VIỆT THÀNH CẦU CŨ

(151) 17.03.2008
(220) 18.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIỆT THÀNH (VN)
164 Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: vật liệu xây dựng và vật liệu trang trí nội thất.

---

(111) **4-0097746**
(210) 4-2006-22148
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HUỲNH TRÂN

(151) 17.03.2008
(220) 18.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH HUỲNH TRÂN (VN)
162/17A, Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 16: Bao bì làm bằng giấy.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu bao bì bằng giấy và bằng nhựa; mua bán: nguyên vật liệu sản xuất bao bì, phế liệu, hàng nông- thuỷ hải sản, hàng công nghệ thực phẩm, hàng tiêu dùng, vật tư ngành in; đại lý ký gửi hàng hoá.

Nhóm 39: Dịch vụ cho thuê kho bãi; dịch vụ giao nhận, bốc xếp, vận tải hàng hoá bằng đường bộ và đường thuỷ.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0097747**
(210) 4-2006-21934
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

东宝甘泰
DONGBAO GANTAI

(151) 17.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) TONGHUA DONGBAO PHARMACEUTICAL CO., LTD (CN)
Dongbao Xincun, Tonghua County, Jilin Province, P.R.China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097748**
(210) 4-2006-21546
(181) 08.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KERRY

(151) 17.03.2008
(220) 08.12.2006

(731) KUOK REGISTRATIONS LIMITED (WS)
Level 1, Central Bank of Samoa Building Beach Road, Apia Samoa
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 37: Xây dựng, cải tạo (gồm cả nâng cấp và cải tiến), sửa chữa và bảo dưỡng bất động sản và căn hộ dịch vụ; dịch vụ sửa chữa và lắp đặt; xây dựng công trình, dịch vụ quản lý và giám sát công trình; xây gạch; dịch vụ chống ẩm, chống cháy, cách điện, nhiệt, âm, làm kín, chống thấm nước cho công trình trong quá trình xây dựng, dịch vụ đặt dây cáp và hệ thống mạng điện; đặt rui của mái nhà; trải thảm; làm kết cấu trần nhà; lắp đặt hệ thống ống trong toà nhà; lắp đặt hệ thống sưởi trung tâm; dịch vụ lắp kính cho công trình xây dựng; dịch vụ sơn xây dựng; trang trí nội thất và trang trí lại nội thất toà nhà; trát vữa và thạch cao; lợp mái; lắp dựng giàn giáo; dịch vụ xây dựng công trình dân dụng; phá toà nhà, cầu, tường và ống khói; tháo dỡ nhà máy công nghiệp và máy móc công nghiệp, dây cáp và đường dẫn điện; đặt hệ thống dẫn nước mặt đất, khôi phục, tưới tiêu và nạo vét đất; chuyển đất đá, đào đất đá và khai thác đất đá; dịch vụ xây nề; dịch vụ khai thác mỏ; xây dựng đường xá, đánh dấu mặt đường, sơn vẽ mặt đường, dịch vụ xây dựng và sửa chữa công trình dưới nước; dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa toà nhà, đường xá, cầu và nhà máy công nghiệp và máy công nghiệp; lắp đặt và sửa chữa hệ thống báo cháy; dịch vụ lắp đặt và sửa chữa khoá; dịch vụ chống gỉ và tẩy gỉ làm sạch toà nhà, đường xá; dịch vụ lau nhà; cung cấp phương tiện giặt là; dịch vụ xông khói phi nông nghiệp và diệt côn

trùng gây hại phi nông nghiệp; cho thuê thiết bị làm sạch và thiết bị xây dựng công trình; bảo dưỡng và sửa chữa tàu thuyền; đóng tàu; thu gom và dọn rác; lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa đồ đạc trong nhà; dịch vụ cung cấp thông tin, cố vấn và tư vấn liên quan tới các dịch vụ được liệt kê ở nhóm này.

---

(111) **4-0097749**
(210) 4-2006-22129
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHÚ NAM

(151) 17.03.2008
(220) 18.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM THIÊN HƯƠNG (VN)
Số 01 Lê Đức Thọ, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Mì ăn liền, cháo ăn liền, bột canh, bánh snack, nước tương, tương ớt.

---

(111) **4-0097750**
(210) 4-2006-21821
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 13.12.2006

(531) 26.1.1
(591) Vàng, vàng nhạt, xanh da trời, xanh lá cây, đỏ, trắng
(731) SOCIÉTÉ DES PRODUITS NESTLÉ S.A. (CH)
1800 Vevey, Switzeland
(740) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(511) Nhóm 05: Chất dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế; thực phẩm cho trẻ em; chất dinh dưỡng bổ sung dùng cho mục đích y tế.

Nhóm 29: Rau, quả, thịt dưới dạng chất chiết, xúp, nấu đông, pa-tê, được bảo quản, chế biến để dùng ngay, đông lạnh hoặc làm khô; gia cầm dưới dạng chất chiết, xúp, nấu đông, pa-tê, được bảo quản, chế biến để dùng ngay, đông lạnh hoặc làm khô; thú săn dưới dạng chất chiết, xúp, nấu đông, pa-tê, được bảo quản, chế biến để dùng ngay, đông lạnh hoặc làm khô; cá dưới dạng chất chiết, xúp, nấu đông, pa-tê, được bảo quản, chế biến để dùng ngay, đông lạnh hoặc làm khô; hải sản dưới dạng chất chiết, xúp, nấu đông, pa-tê, được bảo quản, chế biến để dùng ngay, đông lạnh hoặc làm khô; mứt; trứng; sữa; pho-mát; đồ ăn với sữa là thành phần chủ yếu; chất thay thế sữa; dầu thực vật ăn được; mỡ ăn; protein dùng làm thức ăn.

Nhóm 30: Cà phê; chất chiết xuất từ cà phê; chế phẩm có cà phê là thành phần chủ yếu; chất thay thế cà phê, chiết xuất từ chất thay thế cho cà phê; trà; chất chiết ra từ trà; chế

phẩm có trà là thành phần chủ yếu; đồ uống có trà là thành phần chủ yếu; ca cao; sô-cô-la; sản phẩm sô-cô-la, bánh kẹo; kẹo; đường; chất/viên làm ngọt tự nhiên; sản phẩm bánh mì; bánh mì, nấm men/men (bia); bánh nướng; bánh quy dạng tròn; bánh ngọt; bánh ngọt dùng như món tráng miệng; bánh pút-đinh; kem lạnh; mật ong; chất thay thế cho mật ong; sản phẩm ngũ cốc (đã qua chế biến) dùng cho bữa sáng; gạo; mỳ; thực phẩm có thành phần chủ yếu là gạo, bột mì hoặc ngũ cốc ở dạng có thể ăn ngay; nước xốt; sản phẩm hương liệu hoặc gia vị dùng cho thức ăn; nước xốt để trộn sa lát; nước xốt ma-ô-ne.

---

(111) **4-0097751**
(210) 4-2007-01076
(181) 15.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

HM

HAI MINH

(151) 17.03.2008
(220) 15.01.2007

(731) LÊ THỊ TỚI (VN)
Thôn Mễ Sơn, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Bánh; kẹo; sôcôla; bánh bao; bánh nướng; kem lạnh.

---

(111) **4-0097752**
(210) 4-2004-08187
(181) 12.08.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

ARIEL

(151) 17.03.2008
(220) 12.08.2004

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN ÂN (VN)
Số nhà 136, phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097753**
(210) 4-2004-14400
(181) 24.12.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

TIỆM CHAO
HOA SEN

(151) 17.03.2008
(220) 24.12.2004

(531) 5.5.16
(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ NGHỊ (VN)
40/18 Nguyễn Văn Trỗi, khu phố 5, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Chao (sản phẩm được chế biến từ đậu nành, tương tự như đậu phụ ngâm muối).

---

(111) **4-0097754**
(210) 4-2006-05572
(181) 12.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

WATER-GENT

(151) 17.03.2008
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CP NƯỚC TINH KHIẾT VIỆT NAM (VN)
90, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước ép trái cây, nước uống có ga và nước uống không có ga; bia và các loại đồ uống không có cồn.

---

(111) **4-0097755**
(210) 4-2007-02018
(181) 29.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZIDCEF

(151) 17.03.2008
(220) 29.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001- khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097756**
(210) 4-2007-02019
(181) 29.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

FLEXPRO

(151) 17.03.2008
(220) 29.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI THANH DANH (TADACO) (VN)
B001- khu phố Mỹ Phước, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097757**
(210) 4-2007-02710
(181) 07.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

TIÊN DIỆP

(151) 17.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢNG THÁI (VN)
Hẻm 3, đường Hai Bà Trưng, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà thảo mộc (lá sen, cỏ ngọt, trà rong biển, trinh nữ hoàng cung).

---

(111) **4-0097758**
(210) 4-2007-02711
(181) 07.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

DALATISO

(151) 17.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢNG THÁI (VN)
Hẻm 3, đường Hai Bà Trưng, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà Atiso, trà linh chi (không dùng cho mục đích y tế), trà nhàu, trà tim sen.

---

(111) **4-0097759**
(210) 4-2007-02716
(181) 07.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 17.03.2008
(220) 07.02.2007

(531) 5.5.16; 1.15.11
(591) Xanh nước biển, vàng, trắng, xanh lá cây, đỏ cánh sen, đen
(731) CÔNG TY TNHH TOÀN DƯƠNG (TOAN DUONG CO., LTD) (VN)
Khu công nghiệp phía tây đường Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết, nước uống đóng chai.

---

(111) **4-0097760**
(210) 4-2007-02911
(181) 12.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHỞ 5 SAO

(151) 17.03.2008
(220) 12.02.2007

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KIM TÀI (VN)
Số 224 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống: dịch vụ nhà hàng giải khát.

---

(111) **4-0097761**
(210) 4-2006-21572
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOÀNG TRUNG

(151) 18.03.2008
(220) 11.12.2006

(531) 26.4.3
(731) HOÀNG TRUNG (VN)
75 Phó Đức Chính, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(511) Nhóm 40: In lụa.

---

(111) **4-0097762**
(210) 4-2006-01890
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042050 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

GRAVITY

(151) 18.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 26: Khóa giầy; vật treo trang trí điện thoại di động; huy hiệu để đeo không bằng kim loại quý; đồ trang trí thắt lưng không bằng kim loại quý; kẹp tóc; dải ruy băng trang trí; dải băng buộc tóc; khuy.

---

(111) **4-0097763**
(210) 4-2006-01891
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042051 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh tím, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 28: Đồ chơi cho vật nuôi trong nhà; mặt nạ đồ chơi; đồ chơi bằng cao su; đồ chơi di động điều khiển từ xa (ngoại trừ thiết bị trò chơi sử dụng với máy thu hình); búp bê và các vật dụng trang điểm cho búp bê; búp bê mang lại vận may; xe cộ đồ chơi; bóng đồ chơi cho trẻ em; bộ đồ chơi xếp nhà; đồ chơi bằng vải lông; đồ chơi bằng nhựa; máy trò chơi điều khiển từ xa (ngoại trừ thiết bị trò chơi sử dụng với máy thu hình); máy bắn bóng kiểu Nhật; trò chơi cờ thỏ cáo; máy giật xèng (máy chơi trò chơi dùng tiền xu); trò chơi đánh cờ; bài lá; pa tanh; ngựa gỗ bập bênh.

---

(111) **4-0097764**
(210) 4-2006-01892
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042052 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh tím, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Sữa chua; mứt quả; trái cây đóng hộp; xúc xích; sữa; dầu ngũ cốc (dùng cho thức ăn); bơ thực vật; sản phẩm cá đóng hộp và đóng chai.

---

(111) **4-0097765**
(210) 4-2006-01893
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042053 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.02.2006
(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 30: Bột nhào ăn được làm từ nhân hạnh đào nghiền nhỏ; bánh bột ngô; bánh pizza; đường phèn dùng cho thực phẩm; xốt ma-don-ne; si rô vàng; bột cà ri (gia vị); chất thay thế cà phê (chế phẩm thực vật dùng như là chất thay thế cà phê); đá lạnh ăn được.

---

(111) **4-0097766**
(210) 4-2006-01894
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042054 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.02.2006
(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh tím, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 32: Nước ép rau quả (đồ uống); chất chiết của trái cây (không có cồn); đồ uống sô đa có bọt; nước sô đa; đồ uống trên cơ sở nước sữa; nước có ga; nước khoáng (đồ uống); nước (đồ uống); bia; bia đen (bia mạch nha).

---

(111) **4-0097767**
(210) 4-2006-01895
(181) 13.02.2016
(300) 41-2005-0020672 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.02.2006
(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh tím, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 38: Cung cấp thông tin về viễn thông; truyền tin nhắn và hình ảnh có sự hỗ trợ của máy tính.

---

(111) **4-0097768**
(210) 4-2006-01896
(181) 13.02.2016
(300) 41-2005-0020673 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 41: Biên tập băng video; xuất bản sách; xuất bản sách và báo điện tử trực tuyến; cung cấp trực tuyến xuất bản phẩm điện tử (loại không thể tải về được); chế bản điện tử; dịch vụ phóng viên tin tức; tổ chức và điều hành các cuộc triển lãm cho mục đích văn hoá hoặc giáo dục; cung cấp các trung tâm trò chơi; cung cấp thiết bị giải trí; dịch vụ trò chơi được cung cấp trực tuyến (từ một mạng máy tính); điều hành phòng chơi trò chơi trên máy tính; công viên vui chơi giải trí; dịch vụ cắm trại ngày nghỉ (giải trí).

---

(111) **4-0097769**
(210) 4-2006-01897
(181) 13.02.2016
(300) 41-2005-0020674 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh tím, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 42: Cho thuê phần mềm máy tính; thiết kế phần mềm máy tính; cập nhật phần mềm máy tính; lập chương trình máy tính; thiết kế kiểu dáng công nghiệp; nghiên cứu và phát triển phần mềm (cho người khác).

---

(111) **4-0097770**
(210) 4-2006-04819
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 03.04.2006

(531) 3.9.1; A3.9.24
(591) Trắng, đỏ, xanh sẫm
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUỲ LINH (VN)
Số 96 Tiền Phong, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
(740) Văn phòng Luật sư LEADCO (LEADCO)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn; nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0097771**
(210) 4-2006-06554
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

JAZSSUR

(151) 18.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) CƠ SỞ TẤN PHÁT (VN)
15 khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Máy thu hình (tivi); đầu máy karaoke; đầu đọc đĩa kỹ thuật số; loa; máy tăng âm (ampli), ống nói (micrô).

---

(111) **4-0097772**
(210) 4-2006-07135
(181) 10.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 10.05.2006

(531) 4.3.3; 26.1.1
(591) Mầu đỏ
(731) NGUYỄN ĐỨC QUÝ (VN)
Xưởng sản xuất nhôm sơn tĩnh điện - thôn Đồng Trì, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 06: Nhôm thanh định hình sơn tĩnh điện.

---

(111) **4-0097773**
(210) 4-2006-07532
(181) 16.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Panoce

(151) 18.03.2008
(220) 16.05.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097774**
(210) 4-2006-07533
(181) 16.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Zosu

(151) 18.03.2008
(220) 16.05.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097775**
(210) 4-2006-07556
(181) 17.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

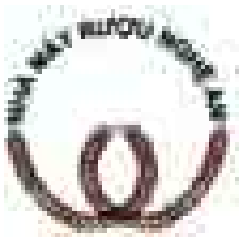

(151) 18.03.2008
(220) 17.05.2006

(531) 5.7.3
(591) Trắng, xanh lá cây, vàng, đen
(731) NHÀ MÁY RƯỢU NGHỆ AN (VN)
Đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 33: Rượu; rượu vôtca; rượu vang; rượu gạo; rượu bạc hà.

---

(111) **4-0097776**
(210) 4-2006-12883
(181) 08.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Sankyo

(151) 18.03.2008
(220) 08.08.2006

(731) NIDEC SANKYO CORPORATION (JP)
5329, Shimosuwa-machi, Suwa-gun, Nagano, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 07: Động cơ điện, không dùng cho xe cộ trên bộ; bộ khởi động chạy bằng động cơ dùng cho máy và thiết bị công nghiệp; rôbot công nghiệp; bánh răng, trục và ổ trục dùng cho động cơ đa giác trong máy in; máy cắt (máy); ổ trục (bộ phận của máy); khớp trục (máy); thiết bị lắp/thiết bị dỡ bảng (pannen) màn hình tinh thể lỏng.

Nhóm 09: Đầu đọc thẻ; trục quay và bánh răng chuyền của đầu đọc thẻ; thiết bị và dụng cụ quang học; bộ cảm biến quang học dùng cho đầu máy DVD, bộ nhớ CD-ROM và DVD-ROM; thiết bị quét hình ảnh; bộ điều khiển rôbot; bộ cảm biến; công tắc định thời gian; bánh răng, trục và ổ trục dùng cho động cơ đa giác trong máy fax, máy phô tô.

---

(111) **4-0097777**
(210) 4-2006-15526
(181) 15.09.2016
(300) 306 17 007.8/19 15.03.2006 DE
(450) 25.04.2008 241
(540)

KRONOTEX FLOORS FOR LIVING

(151) 18.03.2008
(220) 15.09.2006

(731) KRONOTEX GMBH & CO. KG (DE)
Wittstocker Chaussee 1, 16909 Heiligengrabe, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng (không làm bằng kim loại), cụ thể là tấm, thanh chèn, thanh và miếng (không làm bằng kim loại) dùng cho mục đích xây dựng; vật liệu xây dựng bằng gỗ; sản phẩm bằng gỗ thứ sinh (vật liệu xây dựng); tấm gỗ chắp, tấm gỗ nén và tấm sợi làm từ gỗ thường hoặc từ gỗ thứ sinh dùng cho xây dựng; tấm lát sàn, tường và ốp trần làm từ gỗ thường hoặc gỗ thứ sinh; tấm phủ sàn làm bằng gỗ thường hoặc gỗ thứ sinh; sàn gỗ dạng tấm hoặc dạng miếng dùng cho xây dựng; tấm gỗ (panô) dát mỏng; vật liệu bản mỏng bằng gỗ chịu được áp lực cao và vật liệu bản mỏng bằng gỗ chịu được áp lực trực tiếp dùng làm tấm phủ sàn; ván ghép vào chân tường và ván ghép tạo mặt cắt làm từ gỗ thường hoặc gỗ thứ sinh.

Nhóm 27: Tấm thảm trải sàn để bày biện hoặc để trang trí.

Nhóm 42: Dịch vụ tư vấn về kiến trúc, đặc biệt là tư vấn qua internet.

(111) **4-0097778**
(210) 4-2006-05571
(181) 12.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

V-WATER

(151) 18.03.2008
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC TINH KHIẾT VIỆT NAM (VN)
90, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 32: Nước khoáng, nước ép trái cây, nước uống có ga và nước uống không có ga; bia và các loại đồ uống không có cồn.

---

(111) **4-0097779**
(210) 4-2006-06571
(181) 27.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 27.04.2006

(531) A18.1.8
(591) Vàng da cam, xanh cô ban
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN NIÊN GIÁM ĐIỆN THOẠI & TRANG VÀNG 1 - VIỆT NAM (VN)
809 đường Giải Phóng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo.

---

(111) **4-0097780**
(210) 4-2006-21418
(181) 07.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 07.12.2006

(531) A1.1.9; 26.1.2
(591) Xanh, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NHẬT (VN)
P6-H4, tập thể Đại học Sư phạm, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng tiêu dùng.

---

(111) **4-0097781**
(210) 4-2006-19267
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

CÔNG THÀNH II

(SÁU CƯỜNG)

(151) 18.03.2008
(220) 09.11.2006

(531) 5.7.3; 5.13.4; 26.1.1
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CÔNG THÀNH 2 (VN)
9/249, ấp Quyết Thắng, xã Khánh Hậu, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Gạo.

---

(111) **4-0097782**
(210) 4-2006-21186
(181) 04.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 04.12.2006

(531) 3.7.21; 26.1.2; 5.5.16; 5.7.21; 5.9.21
(591) Đỏ đen, xanh lá cây, vàng, hồng cánh sen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH HOCK HIN (VN) FOODSTUFFS MANUFACTURING (VN)
Số 12 VSIP, đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bún; mì sợi; miến; phở; mì ăn liền.

---

(111) **4-0097783**
(210) 4-2006-07570
(181) 17.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SANSTOMAC

(151) 18.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) SRS PHARMACEUTICALS PVT. LTD. (IN)
6, National House 27, Raghunath Dadaji Street, Fort, Mumbai-400 001, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097784**
(210) 4-2006-08153
(181) 26.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

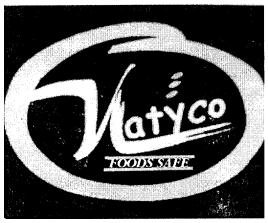

(151) 18.03.2008
(220) 26.05.2006

(531) 1.15.23; 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH VIỆT HẢI (VN)
Phố Chợ Sơn, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 29: Nấm đóng hộp, cà muối đóng hộp, dưa chuột đóng hộp, cà chua nghiền đóng hộp, rau, quả đóng hộp.

Nhóm 30: Gạo, chè, gia vị, bột sắn, lạc, nước xốt cà chua.

---

(111) **4-0097785**
(210) 4-2006-08306
(181) 30.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 30.05.2006

(531) 1.15.24; 26.4.2; A26.11.6; A26.11.12
(591) Xanh, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH SÓNG THẦN (VN)
A1 - P1 khu tập thể Trương Định, ngõ 274, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 07: Máy bơm; máy phát điện; máy nén khí.

Nhóm 09: Ti vi; màn hình tinh thể lỏng; đầu DVD; màn hình máy vi tính.

---

(111) **4-0097786**
(210) 4-2006-17206
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.10.2006

(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY VĨNH PHÚ (VN)
Chu Hoá, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

(511) Nhóm 09: Ắc quy chì.

---

(111) **4-0097787**
(210) 4-2006-17224
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ANISAF SH-01

(151) 18.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) VIỆN NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (VN)
Số 53 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu.

---

(111) **4-0097788**
(210) 4-2006-18723
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 02.11.2006

(531) 26.4.1
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NHẬT (VN)
Cụm 1, xã Quỳnh Đô, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Gia vị, nước sốt, mù tạt, dấm, mì ăn liền, tương ớt.

---

(111) **4-0097789**
(210) 4-2006-19353
(181) 10.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HOÀNG TÂY

(151) 18.03.2008
(220) 10.11.2006

(731) CƠ SỞ HOÀNG TÂY (VN)
Số 121 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán giày, dép các loại.

---

(111) **4-0097790**
(210) 4-2006-19354
(181) 10.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 10.11.2006

(531) A9.9.17; 26.4.1
(591) Đỏ, nâu, đen
(731) CƠ SỞ HOÀNG TÂY (VN)
Số 121 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán giày, dép các loại.

---

(111) **4-0097791**
(210) 4-2006-20848
(181) 29.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

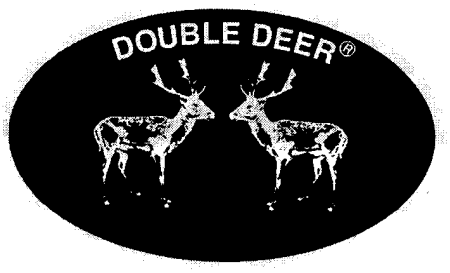

(151) 18.03.2008
(220) 29.11.2006

(531) 26.1.2; 3.2.11; 3.2.9
(731) CÔNG TY TNHH TRỤC CHÀ LÚA TÂN LÚA VÀNG (VN)
C24 đường số 6, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 07: Trục chà lúa bằng cao su dùng cho máy xay xát lúa gạo.

---

(111) **4-0097792**
(210) 4-2006-21568
(181) 11.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OMAX

(151) 18.03.2008
(220) 11.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN (VN)
48/5 Phan Huy ích, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn thực vật.

---

(111) **4-0097793**
(210) 4-2006-11617
(181) 24.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HADUOSEN

(151) 18.03.2008
(220) 24.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG (VN)
Số 102, đường Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097794**
(210) 4-2006-18503
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Vitraclor

(151) 18.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM (VN)
27 Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097795**
(210) 4-2006-18505
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Orenko

(151) 18.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM (VN)
27 Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097796**
(210) 4-2006-20780
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SULVIMIN

(151) 18.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) NGUYỄN THANH HẢI (VN)
Số 45, ngõ 79 đường Cầu Giấy, tổ 10, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097797**
(210) 4-2006-20791
(181) 28.11.2016
(300) 06/3434346 13.06.2006 FR
(450) 25.04.2008 241
(540)

BENEFIVE

(151) 18.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) SANOFI PASTEUR (FR)
2, Avenue Pont Pasteur, 69007 Lyon, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; vắc xin.

---

(111) **4-0097798**
(210) 4-2006-21125
(181) 01.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LUMINIZER

(151) 18.03.2008
(220) 01.12.2006

(731) COLGATE-PALMOLIVE COMPANY (US)
300 Park Avenue, New York, New York 10022, USA
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 21: Bàn chải đánh răng và bộ phận của bàn chải đánh răng, cụ thể là sợi chải làm trắng.

---

(111) **4-0097799**
(210) 4-2006-20811
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 28.11.2006

(531) 26.4.2; A25.1.10
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TAITOUCH (VN)
5A/2 Bis đường Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy thu phát hình ảnh, đầu kỹ thuật số.

---

(111) **4-0097800**
(210) 4-2006-21019
(181) 30.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NAMTUSSIN

(151) 18.03.2008
(220) 30.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH NAM DƯỢC (VN)
Lô M13 (C4-9), khu công nghiệp Hoà Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0097801**
(210) 4-2005-10095
(181) 10.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 10.08.2005

(531) A1.1.13; 2.1.15; 25.12.25; A1.1.10; 5.7.3; 25.12.15
(591) Đỏ, vàng nhạt, trắng, đen, xanh nước biển, xanh lá cây, xanh sẫm
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu; thuốc diệt cỏ dại; thuốc diệt nấm mốc; thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng; thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097802**
(210) 4-2005-14065
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

WHITE EAGLE

(151) 18.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097803**
(210) 4-2005-14066
(181) 21.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

GREEN EAGLE

(151) 18.03.2008
(220) 21.10.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097804**
(210) 4-2006-14642
(181) 01.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ACPRATIN

(151) 18.03.2008
(220) 01.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097805**
(210) 4-2006-15180
(181) 11.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SIEUBEM SUPER

(151) 18.03.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097806**
(210) 4-2006-15182
(181) 11.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SUPERBEM

(151) 18.03.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097807**
(210) 4-2006-15183
(181) 11.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SIEUKHOVAN

(151) 18.03.2008
(220) 11.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097808**
(210) 4-2006-15321
(181) 13.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SIEUVIL

(151) 18.03.2008
(220) 13.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097809**
(210) 4-2006-15322
(181) 13.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RIUSNEE

(151) 18.03.2008
(220) 13.09.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH (VN)
Số 5/25, ngõ 91 phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ dịch cho thực vật, thuốc diệt cỏ dại, thuốc diệt nấm mốc, thuốc trừ vi khuẩn hại cây trồng, thuốc trừ ốc bươu vàng.

---

(111) **4-0097810**
(210) 4-2006-00772
(181) 16.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Sea Links

(151) 18.03.2008
(220) 16.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH XÂY LẮP RẠNG ĐÔNG (VN)
Số 088B Trần Hưng Đạo, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giải trí, sân gôn.

Nhóm 43: Dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0097811**
(210) 4-2006-02030
(181) 15.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 15.02.2006

(531) 26.7.25; 2.9.4
(591) Xanh lá cây, trắng, vàng nâu
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC KỲ (VN)
Số 15 dãy D, lô 18, khu đô thị mới Định Công, xã Định Công, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0097812**
(210) 4-2006-02153
(181) 16.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LOTTE

(151) 18.03.2008
(220) 16.02.2006

(731) LOTTE ENGINEERING & CONSTRUCTION CO., LTD. (KR)
Jam-won 50-2 Seocho, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 37: Xây nhà; xây dựng nhà căn hộ; dịch vụ san lấp mặt bằng xây dựng nhà ở, dịch vụ xây dựng dân dụng; giám sát xây dựng; sửa chữa nội thất; thông tin về xây dựng; xây dựng công viên; lắp đặt thiết bị điều hoà không khí và lò sưởi.

---

(111) **4-0097813**
(210) 4-2006-19381
(181) 10.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

B-TE 1

(151) 18.03.2008
(220) 10.11.2006

(731) BAYER AKTIENGESELLSCHAFT (DE)
D-51368 Leverkusen, Federal Republic of Germany
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 31: Hạt giống lai dùng trong nông nghiệp; hạt của nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp không xếp vào các nhóm khác; hạt giống.

---

(111) **4-0097814**
(210) 4-2006-19382
(181) 10.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OZIADECORDEX-N

(151) 18.03.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - KINH DOANH DƯỢC PHẨM PHƯỢNG HOÀNG (VN)
2C Cộng Hoà, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097815**
(210) 4-2006-20089
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 20.11.2006

(531) 26.1.1; A1.5.6; A3.11.2
(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ VIỆT NAM (VN)
138 Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; dược liệu; nguyên liệu thuốc.

Nhóm 10: Dụng cụ y tế.

Nhóm 35: Mua bán và xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, hoá chất, máy móc- trang thiết bị- dụng cụ (dùng trong ngành y tế), mỹ phẩm, vắccin thành phẩm, tinh dầu.

---

(111) **4-0097816**
(210) 4-2006-19328
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 09.11.2006

(531) 26.1.2
(731) GUANGDONG WELLING MOTOR MANUFACTURING CO., LTD. (CN)
Zone 15, 16 and 17 of Industry Park, Beijiao Town, Shunde District, Foshan City, Guangdong Province, P.R. China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Bộ khởi động dùng cho động cơ và máy; động cơ điện xoay chiều và động cơ điện một chiều; máy phát điện xoay chiều; máy phát điện một chiều; máy bơm (máy móc); máy nén (máy móc); động cơ và máy chạy bằng thủy lực; động cơ, ngoài loại dùng cho xe cộ trên bộ; máy giặt; động cơ chạy điện dùng cho máy giặt; trống dùng cho máy giặt; động cơ điện dùng cho tủ lạnh; máy rửa bát, máy hút bụi.

Nhóm 09: Máy đổi điện; máy biến thế điện; máy nắn dòng điện; bộ ổn áp; máy vi tính; biến trở; công tắc điện; ắc quy điện; pin điện và quang điện; dây điện và cáp điện; điện thoại di động.

---

(111) **4-0097817**
(210) 4-2006-19348
(181) 10.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 10.11.2006

(531) A1.1.12
(591) Xanh tím than, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO KIM (VN)
Số 54 phố Vạn Kiếp, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ nội, ngoại thất: bàn, ghế, tủ.

Nhóm 35: Buôn bán hàng trang trí nội, ngoại thất.

---

(111) **4-0097818**
(210) 4-2006-19521
(181) 13.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RETTI

(151) 18.03.2008
(220) 13.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THÁI VIỆT (VN)
Số 292 phố Trần Nhân Tông, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy tính; máy chủ máy tính; máy tính xách tay; phần mềm tin học; thiết bị xử lý các dữ kiện của máy vi tính; máy vi tính.

---

(111) **4-0097819**
(210) 4-2004-12567
(181) 12.11.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 12.11.2004

(531) 2.1.11; 5.7.3
(731) PEERLESS HOLDINGS PTY. LTD. (AU)
21 Evans Street, Baybrook, Victoria 3019, Australia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Dầu và mỡ ăn; dầu thực vật dạng lỏng; dầu thực vật dạng rắn; hỗn hợp dầu ăn; hỗn hợp mỡ ăn; hỗn hợp dầu ăn và mỡ ăn; mỡ nhân tạo; các chất phết lên bánh dựa trên dầu ăn; dầu hạt bông và hỗn hợp dầu hạt bông thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097820**
(210) 4-2004-09130
(181) 06.09.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

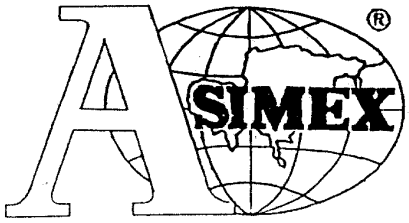

(151) 18.03.2008
(220) 06.09.2004

(531) A1.5.6
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI Á CHÂU (VN)
Số 6 Trần Quang Diệu, phường 13, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua, bán tư liệu sản xuất: vật tư nguyên liệu ngành nhựa, cao su, dệt, may, da, thực phẩm công nghệ, hoá mỹ phẩm, thiết bị phụ tùng: điện, điện tử, nông, ngư cơ, máy công cụ phụ tùng xe hai bánh, hàng tiêu dùng: bách hoá, kim khí điện máy, vải sợi, hàng may mặc sẵn, thủ công mỹ nghệ, thực phẩm công nghiệp, phụ tùng xe các loại, máy móc phụ tùng ngành dệt, nhựa, may, cao su và xây dựng, hoá chất, giấy, sản phẩm bằng giấy, vỏ (lốp) ruột (săm) xe các loại, bông, xơ, sợi mỹ phẩm, vật liệu xây dựng, sản phẩm nhựa, máy móc, thiết bị phụ tùng linh kiện máy vi tính, máy fax, máy photocopy, thiết bị linh kiện, phụ tùng điện công nghiệp, điện tử và điện gia dụng, hàng nông hải sản, thiết bị vật tư cơ điện lạnh, đại lý ký gửi hàng hoá trong nước, cung ứng hàng xuất khẩu.

---

(111) **4-0097821**
(210) 4-2006-01979
(181) 14.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CBIROCUTEN

(151) 18.03.2008
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HOÀ (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097822**
(210) 4-2005-14227
(181) 25.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SALBUVENT

(151) 18.03.2008
(220) 25.10.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA AMPHARCO USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097823**
(210) 4-2007-02693
(181) 07.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMTRINIL

(151) 18.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097824**
(210) 4-2005-08600
(181) 12.07.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 12.07.2005

(531) 3.1.1
(731) SINGAPORE PETROLEUM COMPANY LIMITED (SG)
1 Maritime Square, #10-10 HarbourFront Centre, Singapore 099253
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 04: Dầu đốt và khí đốt; dầu hoả (thô hoặc đã tinh chế); nhiên liệu (kể cả xăng dùng cho động cơ); dầu nhiên liệu; dầu khí; dầu xăng; dầu khí hoá lỏng; dầu mỏ; dầu và mỡ công nghiệp (ngoại trừ dầu ăn, mỡ ăn và tinh dầu); chất lỏng cắt gọt (để bôi trơn và làm nguội dụng cụ cắt); xăng, dầu lửa; dầu đi-e-zel; dầu dùng cho động cơ; dầu nhờn; dầu bôi trơn; mỡ bôi trơn; chất phụ gia không phải là hoá chất dùng làm nhiên liệu cho động cơ; tất cả các sản phẩm nêu trên được dùng cho máy móc tự động, ô tô, dùng cho mục đích công nghiệp hoặc hàng hải.

Nhóm 17: Dầu cách điện (bao gồm cả dầu cách điện dùng cho máy biến áp).

Nhóm 19: Vật liệu làm đường; as-phan, hắc ín, bi-tum.

---

(111) **4-0097825**
(210) 4-2005-11327
(181) 01.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

THE LIFE AND TIMES OF JUNIPER LEE

(151) 18.03.2008
(220) 01.09.2005

(731) THE CARTOON NETWORK LP, LLLP (US)
1050 Techwood Drive NW, Atlanta Georgia 30318 USA
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 09: Thiết bị, dụng cụ điện và điện tử, bộ nhiều tập viđiô cát-xét phim hoạt hình đã được thu sẵn, bộ nhiều tập cát-xét đã được thu sẵn và đĩa compắc đã được thu thanh, thu nhạc của các bài hát phim hoạt hình và các phương tiện thu âm khác; thiết bị ghi, sản xuất và tái tạo âm thanh và hình ảnh, hình ảnh chuyển động, bản phim dương hình ảnh; kính mắt, kính râm, kính chống chói mắt, kính bảo vệ và kính an toàn và kính áp tròng, gọng kính và bao kính; rađiô, vô tuyến, máy thu phát tin, điện thoại; nhiệt kế, compa (không phải là dụng cụ học tập), thước (không phải là dụng cụ học tập), thước dây, kính viễn vọng, kính hiển vi, kính tiềm vọng, ống nhòm, kính lúp, máy tính; máy vi tính, phần mềm máy vi tính và các thiết bị ngoại vi của máy vi tính, cần điều khiển trò chơi máy vi tính; thiết bị báo động, chuông báo hiệu, đèn và dụng cụ phát tín hiệu và cảnh báo, đĩa và dải phản chiếu dùng cho trang phục (dùng để báo hiệu), tam giác và các tín hiệu khác báo hiệu hư hỏng cho xe cộ, áo phao cứu hộ, mũ và quần áo bảo hộ, dụng cụ dùng cho lặn, ống thở của thợ lặn, mặt nạ dùng để bơi, kính bơi; máy quay phim, phim, thiết bị chiếu dương bản, pin, đèn flat và đèn chiếu, thiết bị đèn flat chiếu sáng dùng cho máy quay phim; trò chơi điện tử (catơrich trò chơi dùng với máy vi tính, cát-xét trò chơi vi tính, đĩa trò chơi vi tính, chương trình trò chơi vi tính, phần mềm trò chơi vi tính, catơrich trò chơi viđiô, đĩa trò chơi viđiô, cần điều khiển trò chơi viđiô, bộ phận điều khiển tương tác từ xa trò chơi viđiô, bộ phận điều khiển tương tác từ xa cầm tay cho trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi viđiô, băng cát-xét trò chơi viđiô); nam châm, bảng từ tính, miếng đệm con chuột máy tính và nam châm trang trí cho tủ lạnh.

---

(111) **4-0097826**
(210) 4-2005-13287
(181) 10.10.2015
(300) 2005-057512 24.06.2005 JP
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 10.10.2005

(591) Xanh lam, xám, trắng, đen
(731) SAGAWA EXPRESS CO., LTD. (JP)
68, Tsunoda-Cho, Kamitoba, Minami-Ku, Kyoto, 601-8104, Japan
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 39: Vận tải bằng đường sắt; vận tải bằng ô tô; vận tải bằng đường biển; vận tải bằng đường hàng không; môi giới vận chuyển hàng hoá; xếp hàng vào kho; trông giữ tạm thời các đồ dùng cá nhân; cho thuê kho chứa hàng; cho thuê công te nơ giữ hàng; bao gói hàng hoá; cung cấp thông tin về vận tải bằng đường sắt, bằng ô tô, bằng đường biển và bằng đường hàng không, kể cả cung cấp thông tin về theo dõi và đánh mã vạch và/hoặc vận chuyển hàng hoá quá cảnh; cung cấp thông tin về hàng hoá đã được giữ trong kho chứa hàng; cung cấp thông tin về các đồ dùng cá nhân đã được cất giữ; cung cấp thông tin về việc thu lượm, chuyển, cất giữ và/hoặc vận chuyển hàng hoá; dịch vụ phân phát bưu kiện và môi giới việc phân phát bưu kiện; dịch vụ tiếp nhận hàng và/hoặc vận chuyển hàng theo yêu cầu qua internet; thu lượm, phân loại và bao gói hàng hoá và/hoặc vận chuyển hàng; cho thuê máy và thiết bị đóng gói hàng; cung cấp thông tin qua internet để vận chuyển hàng hoá bằng đường sắt, bằng ô tô, bằng đường thuỷ và bằng đường hàng không; dịch vụ dọn nhà và môi giới dọn nhà; dịch vụ đưa/chuyển thư (điện tín hoặc hàng hoá); phân phát thư tín; phân phối hàng hoá.

---

(111) **4-0097827**
(210) 4-2005-13535
(181) 13.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

LYSAGHT POWERBOND

(151) 18.03.2008
(220) 13.10.2005

(731) BLUESCOPE STEEL LIMITED (AU)
Level 11, 120 Collins Street, Melbourne, Victoria, Australia
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Kim loại thường và hợp kim của kim loại thường; kim loại dạng lá, cuộn, mảnh, tấm, thanh, que, phiến và thỏi; kim loại dạng lá, cuộn, mảnh đã được mạ phủ kể cả kim loại dạng lá, cuộn, mảnh đã được sơn phủ; vật liệu xây dựng bằng thép đã được mạ phủ bao gồm vách tường và vật liệu lợp mái, ống máng và panen trần; vật liệu xây dựng bằng thép đã được sơn phủ bao gồm vách tường và vật liệu lợp mái, ống máng và panen trần; mái nhà và tường phủ, panen trần, ván lót trần bằng kim loại, vì kèo bằng kim loại, đòn tay mái nhà bằng kim loại, cấu trúc sàn bằng kim loại, sàn mái và sàn nền bằng kim loại, cốp pha và vật liệu gia cố bằng kim loại dùng trong xây dựng, lưới kim loại, kim loại dát mỏng, bảng hiệu, máng dẫn nước, nắp đậy, ống dẫn và bể chứa nước mưa bằng kim loại; khung xây dựng, các chi tiết thuộc phần khung và phụ kiện của chúng (bằng kim loại) sử dụng cho các công trình xây dựng thương mại và dân dụng; công trình xây dựng bằng kim loại có thể vận chuyển; vật liệu làm hàng rào, tấm chắn bằng kim loại; các loại ống dẫn và ống bằng kim loại; dây xích kim loại, dây kim loại; ống dẫn bằng kim loại, góc bịt kim loại; tay nắm cửa, chết cửa, then cài cửa cho cửa ra vào; đai ốc, bu-lông, đinh ốc, đinh tán, đinh, côngxon, gim và kẹp bằng kim loại.

---

(111) **4-0097828**
(210) 4-2007-00916
(181) 12.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHILCELL

(151) 18.03.2008
(220) 12.01.2007

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097829**
(210) 4-2007-02732
(181) 07.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 07.02.2007

(531) 26.4.2; A26.11.12
(591) Xanh da trời, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC DƯỢC NA NO GEN (VN)
6/136- 137 Bình Long, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản.

Nhóm 05: Thuốc thú y thuỷ sản, chế phẩm sinh học bổ sung vào thức ăn chăn nuôi gia súc - gia cầm (dùng cho mục đích thú y).

---

(111) **4-0097830**
(210) 4-2007-02737
(181) 07.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

AGE LIFT

(151) 18.03.2008
(220) 07.02.2007

(731) LABORATOIRE GARNIER & CIE (FR)
281, rue Saint-Honore, F-75008 Paris, France
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Nước hoa, nước hoa xức sau khi tắm rửa; dầu keo (mỹ phẩm); muối không dùng cho mục đích y tế dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; xà phòng tắm rửa, chất khử mùi cơ thể; mỹ phẩm cụ thể là kem, sữa, dầu, dầu keo và phấn dùng cho mặt, cơ thể và tay; chế phẩm chống nắng (các loại mỹ phẩm); chế phẩm trang điểm; dầu gội đầu; dầu keo, gôm xịt, keo bọt và sáp dùng cho tạo dáng tóc và dưỡng tóc; keo xịt tóc; chế phẩm tạo màu tóc và tẩy màu tóc; chế phẩm uốn cong và tạo sóng tóc cố định; tinh dầu dùng cho cá nhân.

---

(111) **4-0097831**
(210) 4-2007-11770
(181) 25.06.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

Felutam

(151) 18.03.2008
(220) 25.06.2007

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VELLPHARM VIỆT NAM (VN)
Số 8, đường TS3, khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097832**
(210) 4-2005-12480
(181) 23.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SUGABALANCE

(151) 18.03.2008
(220) 23.09.2005

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM Á-ÂU (VN)
P205-Y2 tập thể Bộ Y Tế, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097833**
(210) 4-2007-01953
(181) 26.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 26.01.2007

(531) A26.11.9; 26.3.3; 26.3.23
(591) Xanh tím, xanh dương, xanh da trời
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT (VN)
Tầng 3, toà nhà văn phòng Sao Đỏ, km1+400, đường Phạm Văn Đồng, xã Anh Dũng, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán khoáng sản.

Nhóm 37: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công cộng và thủy lợi; trang trí nội thất; khai thác khoáng sản.

Nhóm 39: Vận chuyển hàng hoá và hành khách đường bộ, đường sông.

---

(111) **4-0097834**
(210) 4-2007-01972
(181) 26.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

POLZAPIN

(151) 18.03.2008
(220) 26.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI POLVITA (VN)
A22 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097835**
(210) 4-2007-01973
(181) 26.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

POLNASTER

(151) 18.03.2008
(220) 26.01.2007

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI POLVITA (VN)
A22 Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097836**
(210) 4-2007-04203
(181) 13.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.03.2007

(531) A26.11.12; 26.4.2
(591) Xanh lá cây, vàng đồng, đen, trắng
(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ 54 TRUYỀN THỐNG (VN)
30 Hàng Bún, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ mua bán hàng thổ cẩm, hàng thủ công mỹ nghệ.

---

(111) **4-0097837**
(210) 4-2007-04204
(181) 13.03.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.03.2007

(531) 26.7.25
(591) Xanh lá cây, xanh tím than, đỏ đậm, vàng cam đậm, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ANH ĐỨC (VN)
36 Phan Chu Trinh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 40: Dịch vụ tráng phim, in ảnh màu.

---

(111) **4-0097838**
(210) 4-2007-06262
(181) 12.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

HALENCO Việt Đức

(151) 18.03.2008
(220) 12.04.2007

(731) XÍ NGHIỆP GIẤY NGUYÊN PHƯƠNG (VN)
Thôn Dương ổ, xã Phong Khê, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Giấy vệ sinh (giấy dùng trong nhà vệ sinh), khăn lau bằng giấy, khăn ăn bằng giấy, giấy lau mặt.

(111) **4-0097839**
(210) 4-2007-06263
(181) 12.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 12.04.2007

(531) A26.11.13; A5.5.21; A5.5.20
(731) NGÔ VĂN KIÊN (VN)
Thôn Dương ổ, xã Phong Khê, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Giấy vệ sinh (giấy dùng trong nhà vệ sinh), khăn lau bằng giấy, khăn ăn bằng giấy, giấy lau mặt, giấy in, giấy viết.

---

(111) **4-0097840**
(210) 4-2007-06264
(181) 12.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

Nga Quỳnh

(151) 18.03.2008
(220) 12.04.2007

(731) NGÔ VĂN KIÊN (VN)
Thôn Dương ổ, xã Phong Khê, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Giấy vệ sinh (giấy dùng trong nhà vệ sinh), khăn lau bằng giấy, khăn ăn bằng giấy, giấy lau mặt, giấy in, giấy viết.

---

(111) **4-0097841**
(210) 4-2006-01158
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 20.01.2006

(531) 26.3.1; 26.3.23
(591) Trắng, xanh dương, nâu
(731) CƠ SỞ NGUYỄN THỊ MINH TÂM (TEA - COFFEE AN TIỀN) (VN)
20A Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Cà phê; trà (chè).

Nhóm 35: Mua bán cà phê; mua bán trà (chè).

---

(111) **4-0097842**
(210) 4-2006-01951
(181) 13.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; 10.3.1; 24.17.15
(591) Trắng, đỏ, đen, vàng, vàng nhạt, nhũ vàng
(731) CƠ SỞ VẠN AN DƯỢC HÃNG (VN)
1A/1 đường Bàu Bàng, khu 1 Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc đông dược.

---

(111) **4-0097843**
(210) 4-2006-02514
(181) 24.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMANVINA

(151) 18.03.2008
(220) 24.02.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DŨNG SÁU (VN)
Số 41, đường Khúc Hạo, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết đóng chai.

---

(111) **4-0097844**
(210) 4-2006-15565
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DELIDE
ĐỨC TRẦN

(151) 18.03.2008
(220) 15.09.2006

(531) 26.11.3; A26.11.8; A26.11.9
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỨC TRẦN (VN)
670 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán sản phẩm điện gia dụng, cụ thể: nồi cơm điện, bếp điện từ, bình đun, máy xay sinh tố, máy ép trái cây, quạt; đèn, bàn ủi.

---

(111) **4-0097845**
(210) 4-2006-15567
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 15.09.2006

(531) 3.7.1; 20.1.15; A5.1.6; A6.19.5; 3.5.3; A3.5.24
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VĂN PHÒNG PHẨM-THƯƠNG MẠI HÁN SƠN (VN)
1A 116/1 Hương lộ 80, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Bút; bút sáp màu; bút chì màu, mực viết; hộp đựng bút; phấn.

---

(111) **4-0097846**
(210) 4-2006-17286
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.10.2006

(531) A24.1.15
(591) Vàng, hồng cam, nâu
(731) CÔNG TY TNHH SƠN GỖ BÌNH TÂN (VN)
31 Võ Văn Vân, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0097847**
(210) 4-2006-17288
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 13.10.2006

(531) 26.4.1; A2.1.16; A11.3.2; 1.15.11
(731) CÔNG TY TNHH MỸ THUẬT THANH SƠN (VN)
40/1 Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 43: Quán phục vụ trà.

(111) **4-0097848**
(210) 4-2006-17578
(181) 19.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Home-maker

(151) 18.03.2008
(220) 19.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÀ MINH PHÁT (VN)
450/4 khu phố 4, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Bình lọc nước; máy lọc nước; máy làm nóng lạnh nước uống; quạt điện; lò nướng; nồi cơm điện.

---

(111) **4-0097849**
(210) 4-2006-21838
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Glucarbose

(151) 18.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH NHÂN PHÚC (VN)
69 Mạc Đĩnh Chi, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0097850**
(210) 4-2006-22906
(181) 28.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 18.03.2008
(220) 28.12.2006

(531) 26.4.2; 26.1.6; A5.5.21
(591) Xanh lục, xanh thẫm, trắng, vàng
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỒNG LỰC (VN)
Phòng 1705, nhà số 27, đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm; chế phẩm sinh học dùng cho mục đích y tế; vắc xin; chế phẩm hóa học dùng cho mục đích y tế; chế phẩm hóa học dùng cho mục đích dược.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, phụ liệu để sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế, vật tư, linh phụ kiện thiết bị y tế, mỹ phẩm, thực phẩm, các sản phẩm dinh dưỡng, hóa chất; dịch vụ xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, phụ liệu để sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế, vật tư, linh phụ kiện thiết bị y tế, mỹ phẩm, thực phẩm, các sản phẩm dinh dưỡng, hóa chất; dịch vụ giới thiệu dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, phụ liệu để sản xuất thuốc; phát hành các tài liệu quảng cáo dược phẩm, dược liệu, nguyên liệu, phụ liệu để sản xuất thuốc.

Nhóm 43: Dịch vụ cung cấp thực phẩm và đồ uống do nhà hàng tiến hành; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ căng tin; dịch vụ quán ăn tự phục vụ; dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà nghỉ cho người hưu trí.

Nhóm 44: Dịch vụ bệnh viện; dịch vụ phòng khám chữa bệnh; dịch vụ thẩm mỹ viện; dịch vụ nhà dưỡng bệnh; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; dịch vụ trợ giúp về thú y.

---

(111) **4-0097851**
(210) 4-2006-20217
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CARTIJOINTS

(151) 18.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng chữa bệnh cho người và dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097852**
(210) 4-2006-20218
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OSTESAMINE

(151) 18.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng chữa bệnh cho người và dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097853**
(210) 4-2006-20219
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ARTHROOSTEO

(151) 18.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng chữa bệnh cho người và dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097854**
(210) 4-2006-20685
(181) 27.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SANYUAN

(151) 18.03.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP THIÊN PHÚ (VN)
Số 22 Nguyễn Huy Tự, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Động cơ dùng cho cửa cuốn; động cơ (không kể loại dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); mô tơ (không kể loại dùng cho các phương tiện giao thông trên bộ); thanh truyền của động cơ; máy phát điện; máy nén khí.

---

(111) **4-0097855**
(210) 4-2006-20950
(181) 30.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FERCEE

(151) 18.03.2008
(220) 30.11.2006

(731) ALKEM LABORATORIES LTD. (IN)
"Alkem House", Devashish, Adj. to matulya Centre, Senapati Bapat Marg, Lower Parel, Mumbai 400 013, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097856**
(210) 4-2006-22670
(181) 25.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZINCBACI

(151) 18.03.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097857**
(210) 4-2006-22671
(181) 25.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BENZOROX

(151) 18.03.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097858**
(210) 4-2006-22773
(181) 26.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALVOGYL

(151) 18.03.2008
(220) 26.12.2006

(731) SEPTODONT (FR)
58 Rue du Pont de Créteil, 94107 Saint Maur Des Fosses Cedex, France
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097859**
(210) 4-2006-22774
(181) 26.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CRESOPHENE

(151) 18.03.2008
(220) 26.12.2006

(731) SEPTODONT (FR)
58 Rue du Pont de Créteil, 94107 Saint Maur Des Fosses Cedex, France
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097860**
(210) 4-2006-22775
(181) 26.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

THADAVITON

(151) 18.03.2008
(220) 26.12.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÂN HỒ (VN)
16/38 ngõ Lệnh Cư, Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097861**
(210) 4-2006-22678
(181) 25.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MELASPASM

(151) 19.03.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097862**
(210) 4-2006-22679
(181) 25.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LOMEPEN

(151) 19.03.2008
(220) 25.12.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc tân dược dùng để chữa bệnh cho người; dược phẩm các loại; dịch truyền và các chế phẩm dinh dưỡng dùng cho mục đích y tế.

---

(111) **4-0097863**
(210) 4-2006-01967
(181) 14.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MUCOSOFT

(151) 19.03.2008
(220) 14.02.2006

(731) SIU GUAN CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD (TW)
No. 224. Nanhsing Rd., Tingliao Li, E. Dist., Chiayi City, Taiwan Province, Taiwan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097864**
(210) 4-2006-01978
(181) 14.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RHUCOMIN

(151) 19.03.2008
(220) 14.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NHÂN HOÀ (VN)
17K/3 Dương Đình Nghệ, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097865**
(210) 4-2006-01145
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(511) Nhóm 05: Băng vệ sinh.

(151) 19.03.2008
(220) 20.01.2006

(531) A5.5.21
(591) Trắng, vàng, xanh lá mạ, nâu nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TAISUN VIỆT NAM (VN)
Lô số A1- 6, đường số N5, khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

---

(111) **4-0097866**
(210) 4-2006-01146
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(511) Nhóm 16: Tã giấy dành cho em bé.

(151) 19.03.2008
(220) 20.01.2006

(531)
(591) Trắng, xanh dương đậm, xanh dương nhạt, hồng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TAISUN VIỆT NAM (VN)
Lô số A1- 6, đường số N5, khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

---

(111) **4-0097867**
(210) 4-2006-01147
(181) 20.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

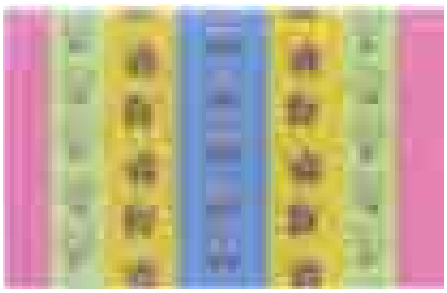

(151) 19.03.2008
(220) 20.01.2006

(531) A2.5.24; A18.1.19; A25.7.8
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh dương, xanh da trời, vàng, vàng nhạt, xanh ngọc, tím, hồng, hồng nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TAISUN VIỆT NAM (VN)
Lô số A1- 6, đường số N5, khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 16: Tã giấy dành cho em bé.

---

(111) **4-0097868**
(210) 4-2006-22710
(181) 26.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 26.12.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3
(591) Đen, đỏ
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỶ NGUYÊN VIỆT V.E.E.S.A.N.O (VN)
Số 26, phố Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 28: Đồ chơi trẻ em: đồ chơi trẻ em làm bằng chất liệu gỗ; đồ chơi trẻ em làm bằng chất liệu thạch cao; đồ chơi trẻ em làm bằng chất liệu giấy.

Nhóm 41: Giáo dục: cung cấp các dịch vụ liên quan đến giáo dục; tổ chức các trò chơi trên truyền hình; cung cấp dịch vụ các khu vui chơi giải trí; tổ chức các chương trình, hoạt động vui chơi, hoạt động ngoại khoá cho trẻ em.

---

(111) **4-0097869**
(210) 4-2006-22974
(181) 05.02.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

JASMILID

(151) 19.03.2008
(220) 05.02.2007

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH BV PHARMA (VN)
Xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097870**
(210) 4-2006-00446
(181) 10.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TIME WARNER

(151) 19.03.2008
(220) 10.01.2006

(731) TIME WARNER INC (US)
One Time Warner Center, New York, New York 10019, U.S.A.
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 09: Vật nghe nhìn cụ thể là phim, băng và đĩa DVD dùng để ghi chương trình truyền hình; phim, băng video và đĩa từ tính được ghi trước để ghi lại chương trình giải trí cho người lớn và trẻ em.

Nhóm 16: Ấn phẩm, cụ thể là truyện vui, sách khoa học viễn tưởng và không viễn tưởng theo chủ đề khác nhau, tạp chí theo chủ đề; áp phích quảng cáo, giấy dính (văn phòng), lịch, bưu thiếp.

Nhóm 38: Dịch vụ truyền hình và dịch vụ truyền điện tử: văn bản, dữ liệu, âm thanh, hình ảnh qua cáp, mạng viễn thông không dây và internet; dịch vụ phân phối các chương trình và phim để chiếu trên truyền hình.

Nhóm 41: Dịch vụ giải trí bằng hình thức biểu diễn trực tiếp, hài kịch, chương trình kịch và âm nhạc, phim tài liệu, sê ri chương trình truyền hình và sự kiện thể thao; sản xuất chương trình biểu diễn trực tiếp, hài kịch, chương trình kịch và âm nhạc, phim tài liệu, sê ri chương trình truyền hình và sự kiện thể thao; phân phối chương trình biểu diễn trực tiếp, hài kịch, chương trình âm nhạc và kịch, phim tài liệu, sê ri chương trình truyền hình và sự kiện thể thao; trình chiếu chương trình trực tiếp, hài kịch, chương trình kịch và âm nhạc, phim tài liệu, sê ri truyền hình và sự kiện thể thao; dịch vụ giải trí bằng hình thức biểu diễn trực tiếp, hài kịch, chương trình kịch và âm nhạc, phim tài liệu, phim điện ảnh và sự kiện thể thao; sản xuất chương trình biểu diễn trực tiếp, hài kịch, âm nhạc, phim tài liệu, phim điện ảnh và kịch; biểu diễn kịch bằng hình thức sống động và trực tiếp; phân phối chương trình biểu diễn âm nhạc, phim điện ảnh; trình diễn chương trình biểu diễn trực tiếp, hài kịch, âm nhạc, phim tài liệu, phim điện ảnh và kịch; cung cấp thông tin giải trí thông qua mạng máy tính toàn cầu; cung cấp thông tin giáo dục thông qua mạng máy tính toàn cầu; dịch vụ cung cấp trò chơi điện ảnh thông qua mạng máy tính toàn cầu; xuất bản phẩm điện tử (không tải xuống được); cung cấp xuất bản phẩm trực tuyến; xuất bản báo và sách điện tử trực tuyến; cung cấp xuất bản phẩm từ mạng máy tính toàn cầu hoặc từ mạng internet mà có thể đọc lướt qua; xuất bản và phân phối bản ghi, xuất bản ấn phẩm thông tin đại chúng; dịch vụ giáo dục và giải trí bằng hình thức nghe và nhìn; dịch vụ trường quay; dịch vụ giải trí truyền hình; giới thiệu hình thức biểu diễn trực tiếp; cung cấp chương trình giải trí trực tiếp; sản xuất chương trình giải trí trực tiếp; sản xuất các chương trình giải trí dành cho ca sĩ và/hoặc vũ công; cung cấp chương trình giải trí bằng hình thức biểu diễn âm nhạc trực tiếp.

---

(111) **4-0097871**
(210) 4-2006-01884
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042044 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh dương
(731) GRAVITY Co., Ltd. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 06: Mành cửa bằng kim loại; cúp kỷ niệm làm bằng kim loại; hộp đựng tiền bằng kim loại; hộp đựng chất thơm bằng kim loại; miếng kim loại dùng để đóng gói; tấm lát sàn bằng kim loại; khóa bằng kim loại.

---

(111) **4-0097872**
(210) 4-2006-01885
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042045 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Máy chơi trò chơi có hình ảnh được sử dụng với máy thu hình; chương trình cho máy chơi trò chơi có hình ảnh được sử dụng với máy thu hình; đĩa compact để lưu trữ chương trình cho máy chơi trò chơi có hình ảnh được sử dụng với máy thu hình; đĩa CD-ROM trắng; đĩa DVD-ROM trắng; phần mềm máy vi tính (đã được ghi); chương trình trò chơi trên máy vi tính (đã được ghi); chương trình để cài đặt trò chơi trên máy vi tính; vật mang dữ liệu máy tính dùng để lưu trữ các chương trình máy tính về thể thao hoặc phi thể thao; chương trình máy vi tính (có thể tải về được); chương trình trò chơi trên máy di động (đã được ghi); phần mềm trò chơi trên máy di động (đã được ghi); bàn di chuột; đĩa compact (đã ghi nhạc); băng tiếng đã ghi (không có nhạc); phim hoạt hình; phim điện ảnh (đã tráng phơi); đĩa DVD-ROM ghi sẵn.

---

(111) **4-0097873**
(210) 4-2006-01886
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042046 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 14: Cúp kỷ niệm làm bằng kim loại quý, khóa làm bằng kim loại quý, hộp đựng phấn trang điểm bằng kim loại quý, bình làm bằng kim loại quý, cốc làm bằng kim loại quý, khay làm bằng kim loại quý, ví đựng tiền làm bằng kim loại quý, cái đeo chìa khóa (dùng như đồ trang sức hoặc đồ trang trí gắn vào vòng đeo chìa khóa), đồng hồ điện tử và đồng hồ đeo tay.

---

(111) **4-0097874**
(210) 4-2006-00075
(181) 03.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

WUFU

(151) 19.03.2008
(220) 03.01.2006

(531) 26.3.23; 26.4.4
(731) ZHEJIANG REFINE WUFU AIR TOOLS CO., LTD (CN)
Nanshanzha Industrial Zone, Chengbei, Wenling, Zhejiang, China
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy phun dùng để đánh bóng; máy phun dùng để phết màu; máy bao gói; máy đóng gói hàng; máy cơ điện dùng cho công nghiệp hóa học; máy chế biến sơn; dụng cụ cầm tay khác với loại dụng cụ vận hành bằng tay; súng phun bọt chạy bằng điện; thiết bị khí động; máy phân ly khí ga; súng phun dùng để phết màu; súng phun dùng để sơn; hệ thống máy móc hút bụi dùng để làm sạch; máy hút bụi; máy giặt áp suất cao; thiết bị làm sạch; máy móc và thiết bị làm sạch (dùng điện); súng bơm dầu áp suất cao; thiết bị làm sạch xe cộ.

---

(111) **4-0097875**
(210) 4-2006-20212
(181) 21.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

JEKUKTAZIM

(151) 19.03.2008
(220) 21.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097876**
(210) 4-2006-14123
(181) 28.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ASIA BEAUTY CREATOR

(151) 19.03.2008
(220) 28.08.2006

(731) AMOREPACIFIC CORPORATION (KR)
181, 2-ka, Hangang-ro, Yongsan-ku, Seoul, Republic of Korea (Zip Code: 140-777)
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng mỹ phẩm, dầu gội đầu, miếng vải hoặc miếng giấy mỏng tẩm mỹ phẩm, kem dưỡng da không dùng cho mục đích y tế, nước sữa thơm dùng cho da (mỹ phẩm), mỹ phẩm dưỡng da, phấn sáp (mỹ phẩm), nước hoa, kem nền, son môi, nước xịt tóc, huyết thanh dưỡng da và giữ ẩm cho da (không dùng cho mục đích y tế), thuốc chuốt mi, thuốc màu bôi móng tay/móng chân, thuốc nhuộm màu cho tóc, phấn bôi mí mắt, lông mi giả, dầu cây oải hương, chế phẩm (nước hoa) dạng phun, kem đánh răng.

---

(111) **4-0097877**
(210) 4-2006-14282
(181) 29.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ROCK

(151) 19.03.2008
(220) 29.08.2006

(731) DKT INTERNATIONAL (US)
1701 K Street, NW, Suite 900, Washington DC 20006, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 10: Bao cao su.

---

(111) **4-0097878**
(210) 4-2006-06736
(181) 03.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 03.05.2006

(531) 4.3.3; 1.5.1
(591) Xanh lá cây, xanh nước biển, vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI- DU LỊCH- DỊCH VỤ RỒNG THẾ KỶ (VN)
404 Vĩnh Viễn, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 36: Mua bán nhà; môi giới bất động sản.

Nhóm 39: Hãng du lịch (trừ việc giữ chỗ khách sạn, nhà trọ); tổ chức các chuyến đi (du lịch); cho thuê xe cộ.

---

(111) **4-0097879**
(210) 4-2006-14974
(181) 07.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 07.09.2006

(531) A25.7.21; 26.11.3
(731) SMITHERS-OASIS COMPANY (US)
2020 Front Street, Suite 301, Cuyahoga Falls, Ohio 44221, USA
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 17: Vật liệu xốp phenolic dùng để xếp hoa được bán dưới dạng khối, tấm, trong khung sườn chất dẻo có chân đế chất dẻo, đặt trên miếng chất dẻo hoặc ống uretan để giữ cho ổn định và/hoặc chứa nước, và được bọc hay không bọc trong chất dẻo để duy trì độ ẩm trong các giá giữ hoa, trong băng kẹp hoa và trong bình cắm hoa; khối, tấm và các khối hình được cắt và tạo hình sẵn làm bằng vật liệu xốp uretan.

---

(111) **4-0097880**
(210) 4-2006-16160
(181) 26.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 26.09.2006

(531) 3.7.17; 26.11.3; A26.11.9
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh nước biển đậm, xanh nước biển nhạt, cam nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI- DỊCH VỤ PHÚ LONG (VN)
Phòng C32. 02, Thuận Kiều Plaza, số 190 Hồng Bàng, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 11: Máy làm lạnh không khí bằng hơi nước.

---

(111) **4-0097881**
(210) 4-2006-20509
(181) 24.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 24.11.2006

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, vàng nhạt
(731) HỘ KINH DOANH PHÚ CHIÊM (VN)
52D Trần Bình Trọng, phường 5, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 30: Mì Quảng.

Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống.

---

(111) **4-0097882**
(210) 4-2006-03766
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 17.03.2006

(531) A1.5.3; 1.17.11; 7.1.6
(591) Xanh, trắng, đỏ, vàng, xám đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUẢNG CÁO PHƯỢNG TÙNG (VN)
167/24/1 Gò Dầu, phường Tân Quý, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo.

---

(111) **4-0097883**
(210) 4-2006-04872
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 03.04.2006

(531) A1.1.12; 1.15.23
(591) Đỏ, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐẠI THIÊN MINH (VN)
281 Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng điện gia dụng.

---

(111) **4-0097884**
(210) 4-2006-02710
(181) 27.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

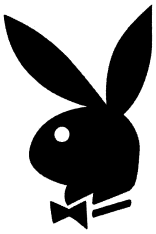

(151) 19.03.2008
(220) 27.02.2006

(531) 3.5.1; 3.5.20
(731) PLAYBOY ENTERPRISES INTERNATIONAL, INC. (US)
680 North Lake Shore Drive, Chicago, Illinois 60611, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ cửa hàng bán lẻ (dịch vụ bán lẻ hàng hóa).

---

(111) **4-0097885**
(210) 4-2006-05418
(181) 10.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 10.04.2006

(531) A1.1.10; A1.11.8; 18.5.10
(591) Đỏ, xanh tím, trắng
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SƠN MỸ (VN)
Số 22, Nguyễn văn Lên, khu 2, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Cao lanh thuộc nhóm này.

Nhóm 02: Sơn thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097886**
(210) 4-2006-05419
(181) 10.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MYKA – A300

(151) 19.03.2008
(220) 10.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SƠN MỸ (VN)
Số 22 Nguyễn văn Lên, khu 2, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Cao lanh thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097887**
(210) 4-2006-05496
(181) 11.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

和

(151) 19.03.2008
(220) 11.04.2006

(731) GUAN SHENG YUAN (GROUP) CO., LTD. (CN)
1418 Xin Zha Road, Shanghai, China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu cẩm có màu vàng của Trung Quốc; rượu nấu từ gạo; đồ uống có cồn trừ bia; rượu vang; nước chiết từ hoa quả có cồn; rượu mạnh; nước chiết (dung dịch chất lỏng) có chứa rượu.

---

(111) **4-0097888**
(210) 4-2006-05497
(181) 11.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

十全大補

(151) 19.03.2008
(220) 11.04.2006

(531) 2.1.1; 2.1.22
(731) GUAN SHENG YUAN (GROUP) CO., LTD. (CN)
1418 Xin Zha Road, Shanghai, China
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu ngâm thuốc bổ của Trung Quốc; đồ uống có cồn (trừ bia); rượu vang; nước chiết từ hoa quả có cồn; rượu nguyên chất, nước chiết (dung dịch chất lỏng) có chứa rượu, rượu mạnh; rượu nấu từ gạo.

---

(111) **4-0097889**
(210) 4-2006-05655
(181) 12.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SUPER GAS

(151) 19.03.2008
(220) 12.04.2006

(531) 1.15.5; 26.1.1; A25.7.21
(591) Xanh dương, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SUPER GAS (VN)
Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 04: Khí hoá lỏng (gas).

---

(111) **4-0097890**
(210) 4-2006-02597
(181) 27.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 27.02.2006

(531) A7.5.8; 26.1.1; 7.1.24
(731) REVERTEX (MALAYSIA) SDN. BHD. (MY)
1 1/2 Miles, Jalan Batu Pahat, K.B. 508, 86009 Kluang, Johor, Malaysia
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 01: Nhựa acrylic ở trạng thái thô; chất dính dùng trong công nghiệp; chất dính dùng cho lớp gạch bông lát tường; hoá chất dùng trong công nghiệp; hoá chất dùng để chế tạo chất màu; nhựa tổng hợp ở trạng thái thô.

---

(111) **4-0097891**
(210) 4-2006-02786
(181) 29.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 28.02.2006

(531) 3.1.1; 6.1.2
(731) SISIKU ADDKREIS CORPORATION (JP)
29, Shinwa-machi, Kanazawa-shi, Ishikawa, Japan
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Bánh xe nhỏ bằng kim loại (lắp ở chân bàn, ghế, giường tủ, đồ nội thất); mâm bánh xe nhỏ bằng kim loại (lắp ở chân bàn, ghế, giường tủ, đồ nội thất); bộ phận của bánh xe nhỏ thuộc nhóm này (lắp ở chân bàn, ghế, giường tủ, đồ nội thất).

Nhóm 12: Bánh xe đẩy tay thuộc nhóm này; bánh xe bò; bánh xe cút kít, bánh xe ba gác; xe đẩy tay thuộc nhóm này; xe bò; xe cút kít; xe ba gác; mâm bánh xe của xe đẩy tay; mâm bánh xe bò; mâm bánh xe cút kít; mâm bánh xe ba gác; phụ tùng xe đẩy tay; phụ tùng xe bò; phụ tùng xe cút kít; phụ tùng xe ba gác.

---

(111) **4-0097892**
(210) 4-2006-03541
(181) 14.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NEOBABY

(151) 19.03.2008
(220) 14.03.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHÚ HƯNG (VN)
Nhà số 5, ngõ 52, phố Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 29: Dầu ăn thực vật, cá, thịt, gia cầm.

Nhóm 30: Cà phê, chè, ca cao, bánh, kẹo, gạo.

---

(111) **4-0097893**
(210) 4-2006-04537
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 29.03.2006

(531) A1.5.3
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HOA HỒNG (VN)
Số 140 Chi Lăng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 02: Sơn; các chất phụ gia cho sơn (chất làm khô, chất pha loãng, chất tạo màu, dung môi pha sơn); bột màu dùng để trang trí.

Nhóm 19: Xi măng; bột bả tường; bột khoáng làm từ đá tự nhiên như bột đá, bột thạch anh (vật liệu xây dựng).

---

(111) **4-0097894**
(210) 4-2006-04771
(181) 31.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 31.03.2006

(531) A26.11.9
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XE MÁY ĐÔ THÀNH (VN)
4/25 ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 12: Xe máy; xe ô tô; khung sườn xe máy; khung sườn xe ô tô.

---

(111) **4-0097895**
(210) 4-2006-04830
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LANTAZOLIN

(151) 19.03.2008
(220) 03.04.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097896**
(210) 4-2006-04831
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LYSISGLUCOSE

(151) 19.03.2008
(220) 03.04.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097897**
(210) 4-2006-04832
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GASTRO-MEYER

(151) 19.03.2008
(220) 03.04.2006

(731) CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER-BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097898**
(210) 4-2006-05239
(181) 07.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

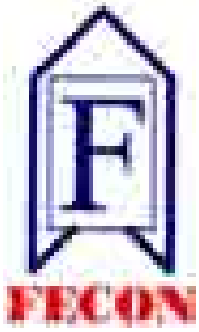

(151) 19.03.2008
(220) 07.04.2006

(531) 24.15.1; 26.4.4
(591) Đỏ gạch, tím than
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM (VN)
Số 112 B1 Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 37: Dịch vụ xây dựng.

Nhóm 42: Dịch vụ thiết kế kỹ thuật xây dựng.

---

(111) **4-0097899**
(210) 4-2006-02610
(181) 27.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 27.02.2006

(531) 26.1.1; A26.1.18
(731) NHA KHOA MINH KHOA (VN)
72 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 44: Khám và chữa chuyên khoa răng hàm mặt.

---

(111) **4-0097900**
(210) 4-2006-05190
(181) 06.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

POAN

(151) 19.03.2008
(220) 06.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÚC (VN)
Nhà A7, lô 10, khu đô thị mới Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097901**
(210) 4-2006-05032
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 05.04.2006

(531) A24.1.15; A25.1.10
(591) Đỏ, vàng, xanh dương, đen
(731) CÔNG TY TNHH MAY THÊU VĂN SƯƠNG - VŨ TUẤN (VN)
175 Ni Sư Huỳnh Liên, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán quần áo may sẵn, vải sợi, nguyên phụ liệu ngành may.

Nhóm 40: Dịch vụ may thêu công nghiệp và dân dụng.

---

(111) **4-0097902**
(210) 4-2006-00473
(181) 10.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Dermanova

(151) 19.03.2008
(220) 10.01.2006

(731) SPIRIG ASIA AG (CH)
C/o Spirig Pharma AG, Froschackerstrasse 6, 4622 Egerkingen, Switzerland
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; chế phẩm (không chứa thuốc) để chăm sóc da; chế phẩm làm sạch da; chế phẩm (không chứa thuốc) làm mềm da; chế phẩm vệ sinh (không chứa thuốc) dùng cho trang điểm; các chế phẩm (không chứa thuốc) để chắn nắng, làm rám nắng và làm nâu da; mỹ phẩm làm trắng da; kem chống lão hoá; các chế phẩm (không chứa thuốc) rửa mặt chống vi khuẩn; mỹ phẩm chống nắng; kem chống nhăn; các chế phẩm làm sạch có đặc tính chống vi khuẩn; các chế phẩm làm sạch có đặc tính khử trùng; tất cả các sản phẩm trên thuộc nhóm này.

Nhóm 05: Các chế phẩm và sản phẩm dược để bảo vệ da; chế phẩm để tẩy mụn và trứng cá (dược phẩm); kem trị mụn và trứng cá (dược phẩm); chế phẩm làm mềm da (chứa thuốc); chế phẩm làm ẩm có tác dụng chữa bệnh; các chế phẩm trị nấm; thuốc chống nấm; chế phẩm sát trùng cục bộ; thuốc sát khuẩn; thuốc trị ngứa; các chế phẩm (chứa thuốc) làm mọc tóc; các chế phẩm (chứa thuốc) chống rụng tóc; các chế phẩm làm rám nắng dùng cho mục đích y tế, thuốc diệt nấm; các chế phẩm tẩy uế vệ sinh (trừ xà phòng); tất cả các sản phẩm trên thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0097903**
(210) 4-2006-00525
(181) 11.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MARSHALL

(151) 19.03.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SÓNG ÂM THANH (VN)
168/57, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Amply, loa, đầu đĩa VCD-DVD, micro.

---

(111) **4-0097904**
(210) 4-2006-00526
(181) 11.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HANARO

(151) 19.03.2008
(220) 11.01.2006

(731) CÔNG TY TNHH SÓNG ÂM THANH (VN)
168/57, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Amply, loa, đầu đĩa VCD-DVD, micro.

---

(111) **4-0097905**
(210) 4-2006-01757
(181) 09.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BREVOXYL

(151) 19.03.2008
(220) 09.02.2006

(731) STIEFEL LABORATORIES, INC. (US)
255 Alhambra Circle, Suite 1000, Coral Gables, Florida 33134, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm dùng để chăm sóc da (mỹ phẩm), tóc và da đầu; dầu gội đầu; sữa tắm, keo bọt, keo xịt tóc, chất khử mùi (dùng cho cá nhân), xà phòng, phấn trang điểm, nước thơm, kem (mỹ phẩm), tinh dầu và thuốc mỡ (mỹ phẩm).

Nhóm 05: Thuốc bôi để điều trị bệnh da liễu, điều trị các bệnh về da và các rối loạn về da.

---

(111) **4-0097906**
(210) 4-2006-01758
(181) 09.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SASTID

(151) 19.03.2008
(220) 09.02.2006

(731) STIEFEL LABORATORIES, INC. (US)
255 Alhambra Circle, Suite 1000, Coral Gables, Florida 33134, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm dùng để chăm sóc da (mỹ phẩm), tóc và da đầu; dầu gội đầu, sữa tắm, keo bọt, keo xịt tóc, chất khử mùi (dùng cho cá nhân), xà phòng, phấn trang điểm, nước thơm, kem (mỹ phẩm), tinh dầu và thuốc mỡ (mỹ phẩm).

Nhóm 05: Thuốc bôi để điều trị bệnh da liễu, điều trị các bệnh về da và các rối loạn về da.

---

(111) **4-0097907**
(210) 4-2006-01956
(181) 13.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 8.7.5; 3.9.1
(591) Đỏ, da cam, xanh biển, xanh biển nhạt, xanh đậm, xanh lá cây, xanh cốm, đen, trắng, vàng, hồng, ghi xám, nâu đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Hạt dinh dưỡng ăn liền chế biến từ tôm, thịt, cá, trứng.

---

(111) **4-0097908**
(210) 4-2006-01957
(181) 13.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 3.4.18; 8.7.5
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh lá cây đậm, xanh cốm, xanh cốm nhạt, xanh biển, vàng, vàng nhạt, cam, hồng, nâu đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Hạt dinh dưỡng ăn liền chế biến từ tôm, thịt, cá, trứng.

---

(111) **4-0097909**
(210) 4-2006-01958
(181) 13.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 2.5.2; 26.1.2; 3.7.3; 8.7.5
(591) Đen, trắng, đỏ, xanh lá cây, xanh biển, xanh cốm, vàng, vàng đậm, da cam, hồng, nâu đỏ
(731) CÔNG TY TNHH ACECOOK VIỆT NAM (VN)
Lô II-3, đường số 11, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 29: Hạt dinh dưỡng ăn liền chế biến từ tôm, thịt, cá, trứng.

---

(111) **4-0097910**
(210) 4-2006-01981
(181) 14.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 14.02.2006

(531) 3.13.1
(731) CÔNG TY TNHH XUÂN DƯƠNG (VN)
77 Phan Văn Trị, phường 10, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 20: Khung treo quần áo (bằng gỗ).

---

(111) **4-0097911**
(210) 4-2006-02160
(181) 16.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 16.02.2006

(531) 26.4.2; 26.7.25
(591) Trắng, đỏ, vàng, đen
(731) CƠ SỞ NGÔ KỲ DŨNG (VN)
Số 301 đường Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng xe máy.

---

(111) **4-0097912**
(210) 4-2006-02161
(181) 16.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

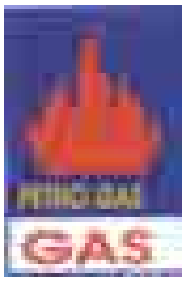

(151) 19.03.2008
(220) 16.02.2006

(531) 1.15.5; 26.4.2
(591) Vàng, đỏ, trắng, xanh dương đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MIỀN ĐÔNG (VN)
Số 03 Chi Lăng, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 04: Ga.

Nhóm 35: Mua bán ga; mua bán hàng trang trí nội thất; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán gốm; mua bán sứ mỹ nghệ.

---

(111) **4-0097913**
(210) 4-2006-02162
(181) 16.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 16.02.2006

(531) 26.4.2; 1.15.5
(591) Vàng, đỏ, trắng, xanh dương đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MIỀN ĐÔNG (VN)
Số 03 Chi Lăng, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 04: Ga.

Nhóm 35: Mua bán ga; mua bán hàng trang trí nội thất; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán gốm; mua bán sứ mỹ nghệ.

---

(111) **4-0097914**
(210) 4-2006-02369
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TVT

TOVATO

(151) 19.03.2008
(220) 21.02.2006

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TẤN VIỆT THUẬN (VN)
413 đường Vườn Lài, phường Phú Thọ Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 11: Bếp ga, nồi cơm điện, máy điều hoà nhiệt độ, lò nướng, tủ lạnh, quạt điện.

---

(111) **4-0097915**
(210) 4-2006-00907
(181) 18.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

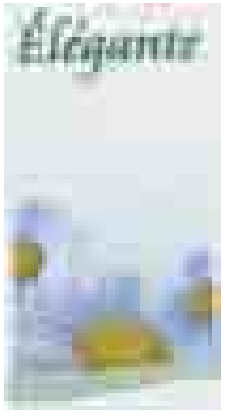

(151) 19.03.2008
(220) 18.01.2006

(531) A5.5.22; 5.5.4
(591) Trắng, xanh lá cây, vàng, xám
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN SAO THỔ (VN)
243/2/15 Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; dầu gội đầu; sữa tắm.

---

(111) **4-0097916**
(210) 4-2006-00365
(181) 09.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VINABIOVAC

(151) 19.03.2008
(220) 09.01.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐỨC MINH (VN)
Số 1 Đông Quan, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm và chế phẩm dược; văcxin.

Nhóm 35: Mua bán dược phẩm, văcxin.

---

(111) **4-0097917**
(210) 4-2006-01952
(181) 13.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AZITROMYCINA AZITRIX

(151) 19.03.2008
(220) 13.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9, H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097918**
(210) 4-2006-01953
(181) 13.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMLODIPINA MIBRAL

(151) 19.03.2008
(220) 13.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9, H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097919**
(210) 4-2006-02133
(181) 21.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KE KE WA

(151) 19.03.2008
(220) 21.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT TRƯỜNG QUANG (VN)
85 Xóm Củi, phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 32: Nước uống tinh khiết.

---

(111) **4-0097920**
(210) 4-2006-02284
(181) 20.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

UNIRAMID

(151) 19.03.2008
(220) 20.02.2006

(731) UNIMED PHARMACEUTICALS, INC. (KR)
250-8, UNIMED Building, Jamsilbon-Dong, Songpa-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097921**
(210) 4-2006-19329
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 09.11.2006

(531) 26.1.2; 18.5.10
(591) Trắng, đen, đen đậm
(731) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SƠN MỸ (VN)
Số 22 Nguyễn Văn Lên, khu 2, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Sơn.

Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại, cụ thể là bột trét tường.

(111) **4-0097922**
(210) 4-2006-19147
(181) 08.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMFAGLUTIN

(151) 19.03.2008
(220) 08.11.2006

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097923**
(210) 4-2006-20951
(181) 30.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PANTOKEM

(151) 19.03.2008
(220) 30.11.2006

(731) ALKEM LABORATORIES LTD. (IN)
"Alkem House", Devashish, Adj. to matulya Centre, Senapati Bapat Marg, Lower Parel, Mumbai 400 013, India
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097924**
(210) 4-2006-06876
(181) 05.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 05.05.2006

(531) 26.5.1; A5.11.2; 26.4.2
(591) Trắng, đen, vàng, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM TIẾN MINH (VN)
136 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097925**
(210) 4-2006-19260
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 09.11.2006

(531) 26.1.2; 26.1.4; 26.4.3; 7.15.1; 7.15.22
(591) Đỏ, cam, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỬU LONG (VN)
107/3 Phạm Hùng, phường 9, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 37: Thi công xây dựng; san lấp mặt bằng; sửa chữa nhà; trang trí nội ngoại thất.

---

(111) **4-0097926**
(210) 4-2006-19263
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 09.11.2006

(531) A1.5.6; 1.17.11
(591) Cam, vàng, trắng ngà, đen, xám
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - TIN HỌC KỸ THUẬT HTB (VN)
Số 27, đường số 3, phường 2, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán: máy vi tính, máy văn phòng, linh kiện hàng điện tử.

---

(111) **4-0097927**
(210) 4-2006-19265
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 09.11.2006

(531) 26.5.4
(591) Đen, trắng, đỏ, xám
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN XÂY DỰNG NGUYÊN BÁCH (VN)
AA9 Thất Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng trang trí nội thất, thiết bị báo cháy, thiết bị báo trộm, khóa.

Nhóm 37: Lắp đặt khóa; tư vấn xây dựng.

---

(111) **4-0097928**
(210) 4-2006-19266
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 09.11.2006

(531) 1.15.24; 3.9.1; 26.11.3; A26.11.13
(591) Xanh đen, trắng
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HÀ THÁCH (VN)
480/31/12 Bình Quới, phường 28, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Cá cơm kho; cá cơm sấy khô; tôm khô; mực khô; mực ướp gia vị; thịt khô bò.

---

(111) **4-0097929**
(210) 4-2006-20708
(181) 27.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

swivac

(151) 19.03.2008
(220) 27.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG (NAVETCO) (VN)
29 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y; vắc xin thú y; chế phẩm sinh học dùng cho thú y.

---

(111) **4-0097930**
(210) 4-2006-20801
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SOFTERGENT

(151) 19.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) PT SAYAP MAS UTAMA (ID)
JI. Tipar Cakung RT 006/013, Kel. Cakung Barat Jakarta Timur, Indonesia
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; chất làm mềm vải (nước xả làm mềm vải); nước rửa bát đĩa; nước lau chùi sàn nhà; nước rửa xe cộ; chất đánh bóng xe cộ.

---

(111) **4-0097931**
(210) 4-2006-20803
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 28.11.2006

(531) 26.4.2; 26.4.1; 26.3.1
(591) Đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT - Y TẾ DUYÊN HẢI (VN)
12 Cửu Long, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 01: Phim chụp X-quang (chưa lộ sáng).

---

(111) **4-0097932**
(210) 4-2006-21300
(181) 05.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 05.12.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12
(591) Trắng, xanh đen, xanh dương, đỏ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ DINH DƯỠNG (VN)
295C/9, ấp Nội Hóa 1, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y; thuốc chữa bệnh cho thủy sản.

Nhóm 31: Thức ăn dành cho chăn nuôi gia súc; thức ăn dành cho gia cầm; thức ăn dành cho thủy sản.

---

(111) **4-0097933**
(210) 4-2006-21301
(181) 05.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 05.12.2006

(531) A1.3.15; 1.3.19; 3.4.20; 3.7.3
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGỌC HÀ (VN)
245 E/4 Hoàng Văn Thụ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Thuốc tăng trọng cho gia súc; thuốc tăng cường sinh sản cho gia súc; thuốc trị bệnh cho gia súc.

---

(111) **4-0097934**
(210) 4-2006-21542
(181) 08.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 08.12.2006

(531) 26.1.1; A1.1.10; A20.7.2
(591) Đỏ, trắng, xanh dương, đen
(731) CƠ SỞ NGOẠI NGỮ DƯƠNG MINH (VN)
132 A,B,C,D Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 41: Dạy ngoại ngữ.

---

(111) **4-0097935**
(210) 4-2006-21933
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HEALTHYA

(151) 19.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) KAO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Kao Corporation) (JP)
14 -10, Nihonbashi Kayabacho 1 - chome, Chuo - Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Đồ uống không chứa cồn; đồ uống từ nước thu được khi làm sữa chua (chất lỏng còn lại sau khi sữa chua đã đông); nước rau quả ép; tinh chất để sản xuất đồ uống; nước ép trái cây; đồ uống cung cấp muối và khoáng cho cơ thể (không dùng cho mục đích y tế); bia có hương vị gừng.

---

(111) **4-0097936**
(210) 4-2006-22140
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.1.2
(591) Trắng, đỏ, xanh dương
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DŨNG MY (VN)
77 Ngô Gia Tự, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 11: Vòi sen; vòi nước; bồn rửa chén; bồn tắm; bồn rửa mặt.

Nhóm 20: Gương soi.

---

(111) **4-0097937**
(210) 4-2006-22141
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.4.3
(591) Trắng, đỏ, xanh dương
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN DŨNG MY (VN)
77 Ngô Gia Tự, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán hàng trang trí nội thất; mua bán thiết bị vệ sinh; mua bán đồ dùng nhà bếp; mua bán gương soi; mua bán bồn tắm; mua bán bồn rửa chén.

---

(111) **4-0097938**
(210) 4-2006-22143
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.4.2; A26.4.6; 3.7.17; 26.3.23; A5.3.15
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT HỒNG VƯỢNG (VN)
1231/21C khu phố 2, tỉnh lộ 43, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Chè (trà) dùng cho mục đích y tế bao gồm: chè (trà) dược thảo; chè (trà) sâm linh (được làm từ nhân sâm và linh chi); chè (trà) dùng cho người bị bệnh về bao tử; chè (trà) dùng cho người bị bệnh tiểu đường; chè (trà) dùng cho người bị bệnh sỏi thận; chè (trà) bổ huyết điều kinh.

Nhóm 30: Chè (trà); chè (trà) túi lọc.

---

(111) **4-0097939**
(210) 4-2006-22705
(181) 25.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 25.12.2006

(531) 1.5.1; A1.5.2; 26.1.1; 5.7.3; 3.3.1; A3.3.17
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KINH DOANH LƯƠNG THỰC PHƯỚC AN (VN)
Ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 30: Bột mì.

(111) **4-0097940**
(210) 4-2006-22720
(181) 26.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 19.03.2008
(220) 26.12.2006

(531) A5.5.21; 5.5.19
(591) Tím, xanh
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ LÊ THỊ XUÂN HƯƠNG (VN)
105 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 35: Mua bán hoa tươi.

---

(111) **4-0097941**
(210) 4-2006-17220
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NGUYỆT VIÊN

(151) 20.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO VINABICO (VN)
436 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 30: Bánh trung thu; bánh quy, bánh quy nhỏ; bánh mì; bánh ngọt; kẹo.

---

(111) **4-0097942**
(210) 4-2006-17221
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 13.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO VINABICO (VN)
436 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 30: Bánh trung thu; bánh quy; bánh hỗn hợp (snack, bimbim); lát mỏng ngũ cốc (sấy khô); bánh ngọt; chế phẩm của ngũ cốc.

---

(111) **4-0097943**
(210) 4-2006-17385
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SENSODERM

(151) 20.03.2008
(220) 17.10.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097944**
(210) 4-2006-17386
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KOMNATAX

(151) 20.03.2008
(220) 17.10.2006

(731) MEYER PHARMACEUTICALS LTD. (HK)
Units J, K & M, 3/F Valiant Ind. Center, 2-12 Au Pui Wan Street, Fotan, Shatin, Hongkong

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097945**
(210) 4-2006-17301
(181) 16.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

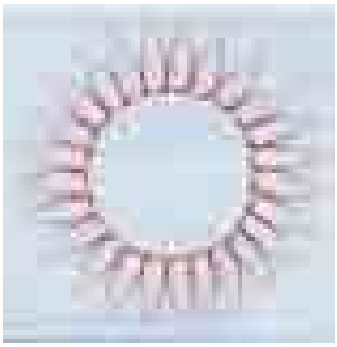

(151) 20.03.2008
(220) 16.10.2006

(531) A1.3.18; 5.5.16; A5.5.21
(591) Cam
(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097946**
(210) 4-2006-21770
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

XYLODIAR

(151) 20.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097947**
(210) 4-2006-21771
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

XYLOSINUS

(151) 20.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097948**
(210) 4-2006-21772
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

XYLOCOUGH

(151) 20.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097949**
(210) 4-2006-21773
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

XYLOSTRESS

(151) 20.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097950**
(210) 4-2006-21774
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

XYLOFRESH

(151) 20.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097951**
(210) 4-2006-21775
(181) 13.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

XYLOGINSENG

(151) 20.03.2008
(220) 13.12.2006

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097952**
(210) 4-2006-16213
(181) 27.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 27.09.2006

(531) A5.1.5; 26.4.1
(591) Hồng đậm, xanh lá cây
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HOÀNG LÊ (VN)
Thôn Đồng Đò, xã Đinh Lạc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 19: Ván ép dùng trong xây dựng.

Nhóm 35: Mua bán ván ép dùng trong xây dựng.

---

(111) **4-0097953**
(210) 4-2006-16845
(181) 06.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 06.10.2006

(531) 26.1.2; 26.1.6; 26.4.9; 1.15.15
(591) Đỏ, vàng, trắng
(731) VĂN SỸ PHỤNG (VN)
Kiôt số 14 - 15 chợ Phan Chu Trinh, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐăkLăk
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 30: Bánh mỳ, bánh ngọt, bánh kem.

---

(111) **4-0097954**
(210) 4-2006-16847
(181) 06.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FAXOFER

(151) 20.03.2008
(220) 06.10.2006

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097955**
(210) 4-2006-16868
(181) 06.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 06.10.2006

(531) 26.3.1; 26.3.23
(591) Trắng, đen, xanh đen, xanh lơ, xanh lá cây sẫm, vàng
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LIÊN MINH (VN)
270 Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, đồ gia dụng, hàng điện máy, đèn chiếu sáng, bao bì.

Nhóm 37: Thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn kỹ thuật xây dựng trang trí nội thất; thi công trang trí nội thất; dịch vụ lắp đặt hệ thống điện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; dịch vụ lắp đặt hệ thống chiếu sáng công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; dịch vụ lắp đặt hệ thống lạnh công trình xây dựng và công nghiệp.

---

(111) **4-0097956**
(210) 4-2006-16990
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KID WITNESS NEWS

(151) 20.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) MATSUSHITA ELECTRIC INDUSTRIAL CO., LTD. (JP)
1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501, Japan
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và giải trí có bản chất là các chương trình giáo dục trong trường học, được thiết kế để giúp đỡ các học viên phát triển văn hóa giao tiếp và kỹ năng tổ chức, đề cương được chuẩn bị trên cơ sở các chương trình viđêô do các học viên tự quay trực tiếp bằng máy quay camera các bản tin tức, câu truyện đặc sắc, báo cáo tham luận, tiểu sử những người danh tiếng, bài xã luận, tin thương mại và các chủ đề tương tự; dịch vụ tổ chức quản lý và phát triển các cuộc tranh luận qua chương trình viđêô được các sinh viên chuẩn bị như là một phần của dịch vụ giáo dục và giải trí có bản chất là các chương trình giáo dục trong trường học; dịch vụ cho thuê thiết bị học tập cụ thể là: máy quay viđêô kỹ thuật số, thiết bị chỉnh sửa (hình ảnh, âm thanh) kỹ thuật số, trang thiết bị cho viđêô kỹ thuật số, máy ghi băng viđêô dạng S-VHS, màn hình ti vi mầu, micro, tai nghe, giá đỡ máy quay, băng viđêô và băng viđêô dùng trong đào tạo.

---

(111) **4-0097957**
(210) 4-2006-21932
(181) 14.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HEALTHYA

(151) 20.03.2008
(220) 14.12.2006

(731) KAO KABUSHIKI KAISHA (also trading as Kao Corporation) (JP)
14 -10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo - Ku, Tokyo, Japan
(740) Công ty TNHH Võ Trần (VO TRAN CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Cà phê, cà phê chưa rang, cà phê hạt; nước uống trên cơ sở cà phê; cà phê nhân tạo; trà; nước uống trên cơ sở trà, trà đá; nước uống trên cơ sở sôcôla; nước uống trên cơ sở ca cao; gia vị; tinh dầu dùng cho thực phẩm (trừ tinh dầu ete và tinh dầu); thức ăn từ bột; bánh snack mảnh dẹt làm từ ngũ cốc, bánh quy, bánh dẹt nhỏ, bánh qui giòn; sốt đặc (để chấm bánh) ăn liền; bánh mì giòn; bánh ngọt, bánh nướng, bánh bao.

---

(111) **4-0097958**
(210) 4-2006-17389
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 17.10.2006

(531) 26.4.2; 26.2.1
(591) Đỏ, hồng, tím, vàng, trắng
(731) CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC XUÂN QUANG (VN)
53/2 quốc lộ 91, Đông Thạnh, Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097959**
(210) 4-2006-17007
(181) 10.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CASISI

(151) 20.03.2008
(220) 10.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỜI SỐNG VIỆT NAM (VN)
Số nhà 25A, ngách 37/2, phố Đào Tấn, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097960**
(210) 4-2006-17029
(181) 11.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 11.10.2006

(531) 26.3.1; 26.4.2; A2.9.15; 1.15.11; 2.9.14
(591) Trắng, đen, vàng, xanh dương, xám, ghi
(731) HUỲNH THỊ THANH THỦY (VN)
45/5 Phan Văn Hân, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống nhà hàng.

---

(111) **4-0097961**
(210) 4-2006-13539
(181) 17.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Eurowindow

(151) 20.03.2008
(220) 17.08.2006

(591) Xanh nước biển
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN CỬA SỔ NHỰA CHÂU ÂU (VN)
Lô số 15, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 06: Cửa cuốn bằng nhôm.

Nhóm 19: Cửa sổ, cửa đi, vách ngăn bằng nhựa.

---

(111) **4-0097962**
(210) 4-2006-08536
(181) 17.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

FORLIFE

(151) 20.03.2008
(220) 17.07.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN ANH (VN)
577 Trường Chinh, Quán Trữ, Kiến An, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 20: Đệm mút; đệm lò xo.

---

(111) **4-0097963**
(210) 4-2006-11294
(181) 18.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NORTHWEST AIRLINES CARGO

(151) 20.03.2008
(220) 18.07.2006

(731) NORTHWEST AIRLINES, INC. (US)
2700 Lone Oak Parkway, Eagan, Minnesota 55121, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 39: Vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không.

---

(111) **4-0097964**
(210) 4-2006-13422
(181) 16.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BIRDY

(151) 20.03.2008
(220) 16.08.2006

(731) AJINOMOTO Co., Inc. (JP)
15-1, Kyobashi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8315, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 30: Cà phê, chè, ca cao, cà phê nhân tạo, chất thay thế cà phê, đường, chất làm ngọt có nguồn gốc tự nhiên, gạo, bột sắn tapiôca, bột cọ sagu, gia vị theo mùa, hương liệu dùng cho thực phẩm, chất tăng hương vị, muối, tương mù tạt, hạt tiêu, nước xốt trộn sa- lad, dấm, xốt mayonnaise, nước chấm làm từ thực vật, nước xốt, gia vị, mật ong, mật đường, bánh kẹo, mứt kẹo, mì, mì ăn liền, hạt ngũ cốc đã chế biến, mì ống, bánh mì, bánh ngọt, bánh nướng, đồ uống cà phê có sữa hoặc không có sữa, đồ uống chế từ cà phê, đồ uống ca cao có sữa hoặc không có sữa, đồ uống chế từ ca cao, đồ uống sô-cô-la có sữa hoặc không có sữa, đồ uống chế từ sô-cô-la, nước chè có sữa hoặc không có sữa, đồ uống làm từ chè, men, bột làm bánh chế sẵn, bột mì, chế phẩm làm từ hạt ngũ cốc, chất làm mềm thịt, bánh bao hấp, su-shi, sữa chua đông lạnh (dạng kẹo đá), bánh nhân thịt, bánh pizza, cơm Italia risotto, bánh nhân quiche, bánh bao nhân mặn ravioli, món lassagne (bột với sốt cà chua, phó mát, thịt), bánh mì vụn bỏ lò, bánh kẹp sandwich, nem cuốn, bánh ngô nhân thịt.

Nhóm 32: Đồ uống không cồn, đồ uống có gaz, nước ép hoa quả, đồ uống làm từ nước ép hoa quả, đồ uống làm từ nước ép hoa quả có gaz, bia gừng, nước chanh, sữa làm từ quả hạnh nhân, đồ uống làm từ sữa hạnh nhân, nước khoáng, nước ép rau quả, nước cà chua, đồ uống làm từ sữa, đồ uống dùng cho thể thao, đồ uống tăng lực (không dùng cho mục đích y học), chế phẩm để làm đồ uống nói chung, chế phẩm dạng bột để làm đồ uống có chất làm ngọt ít ca-lo-ri, si-rô, nước hoa quả đậm đặc, chế phẩm dạng bột để làm đồ uống không cồn, đồ uống dùng cho vận động viên thể thao ở dạng lỏng hoặc dạng thạch, chế phẩm làm đồ uống dùng cho thể thao.

---

(111) **4-0097965**
(210) 4-2006-14089
(181) 28.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

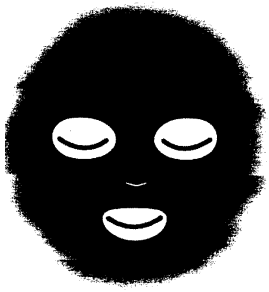

(151) 20.03.2008
(220) 28.08.2006

(531) 4.5.21
(731) HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)
408, Tashiro Daikancho, Tosu, Saga, Japan
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 03: Chế phẩm dùng để tẩy trắng; chế phẩm dùng để tẩy rửa; chế phẩm dùng để đánh bóng; chế phẩm dùng để tẩy dầu mỡ và chất để mài mòn; xà phòng; nước hoa; tinh dầu; mỹ phẩm; nước xức tóc (mỹ phẩm); thuốc đánh răng.

---

(111) **4-0097966**
(210) 4-2006-16245
(181) 27.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 27.09.2006

(531) A1.5.6
(731) CÔNG TY TNHH SENA VIỆT NAM (VN)
Số 34 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Cửa bằng kim loại thuộc nhóm này; chốt cửa bằng kim loại; khung cửa bằng kim loại; tay nắm cửa bằng kim loại; ván cửa (panô) bằng kim loại; phụ kiện cho cửa bằng kim loại (phụ kiện dùng để gá, lắp cửa bằng kim loại).

Nhóm 19: Cửa không làm bằng kim loại thuộc nhóm này, khung cửa không làm bằng kim loại; tấm cửa không làm bằng kim loại; cửa gập không làm bằng kim loại.

---

(111) **4-0097967**
(210) 4-2006-09153
(181) 13.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KWV - LA CONCORDE

(151) 20.03.2008
(220) 13.06.2006

(731) KWV INTELLECTUAL PROPERTIES (PTY) LIMITED (ZA)
La Concorde, 57 Main Street, Paarl, 7624, South Africa
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 33: Đồ uống có cồn (trừ bia); rượu vang.

---

(111) **4-0097968**
(210) 4-2006-12123
(181) 28.07.2016
(300) 200605422 23.05.2006 NO
(450) 25.04.2008 241
(540)

YARALIVA

(151) 20.03.2008
(220) 28.07.2006

(731) YARA INTERNATIONAL ASA (NO)
P.O. Box 2464 Solli, 0202 Oslo, Norway
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 01: Các sản phẩm hoá học sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp ngoại trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, thuốc diệt cỏ, thuuốc trừ sâu và chất diệt ký sinh trùng; phân bón.

Nhóm 44: Cho thuê trang thiết bị nông nghiệp; tư vấn và cố vấn chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp, làm vườn và lâm nghiệp.

---

(111) **4-0097969**
(210) 4-2006-13649
(181) 18.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

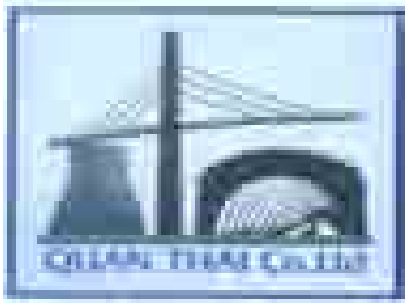

(151) 20.03.2008
(220) 18.08.2006

(531) 26.4.2; 16.1.1; 7.11.5
(591) Trắng, xanh dương, xanh da trời, xanh lục đậm
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUÂN THÁI (VN)
173/1 Sư Vạn Hạnh (nối dài), phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc ngành xây dựng, thiết bị phụ tùng ngành nước- khí- hơi, phương tiện vận tải, xe chuyên dùng; mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng, linh kiện ngành công-nông nghiệp, xây dựng, giao thông.

Nhóm 37: Xây dựng nhà ở; xây dựng nhà máy; giám sát công trình xây dựng; sửa chữa nâng cấp nhà; san lấp mặt bằng; sửa chữa và bảo trì máy móc thiết bị ngành xây dựng.

---

(111) **4-0097970**
(210) 4-2006-08574
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

STARTEL

(151) 20.03.2008
(220) 02.06.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LÔ GÍCH (VN)
Tổ 5, Ninh Mỹ, Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Điện thoại để bàn.

---

(111) **4-0097971**
(210) 4-2006-08610
(181) 05.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

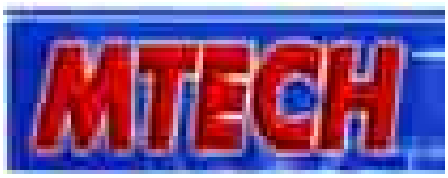

(151) 20.03.2008
(220) 05.06.2006

(531) 26.4.2
(591) Xanh tím, đỏ, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TIN HỌC THỊNH MINH THIÊN (VN)
50 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán hàng linh kiện máy vi tính, bo mạch chính (main board) của máy vi tính, máy vi tính.

---

(111) **4-0097972**
(210) 4-2006-08616
(181) 05.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 05.06.2006

(531) 18.3.2; 26.1.1
(591) Đỏ, xanh dương, xanh tím, vàng, trắng, đen
(731) CƠ SỞ PHỤNG HƯNG (VN)
Cụm công nghiệp Thanh Liêm, xã Nhơn An, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 29: Nước mắm; mắm.

(111) **4-0097973**
(210) 4-2006-09353
(181) 16.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 16.06.2006

(531) 26.4.3; 26.4.2
(591) Xanh dương, xanh lá cây, trắng
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH LÝ (VN)
796 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 35: Mua bán: hàng lương thực thực phẩm, hàng thực phẩm công nghệ, hàng nông sản, hàng thuỷ hải sản; mua bán: máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, phụ tùng; mua bán hóa chất, phân bón; mua bán: máy vi tính và linh kiện, thiết bị, phụ tùng máy vi tính, điện thoại di động; mua bán: hàng kim khí điện máy, hàng điện gia dụng, hàng điện tử, hàng điện lạnh; mua bán mỹ phẩm; mua bán: văn phòng phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc, vải sợi; mua bán: vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; đại lý ký gửi hàng hóa.

---

(111) **4-0097974**
(210) 4-2006-12550
(181) 03.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NASYO

(151) 20.03.2008
(220) 03.08.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TOJI VIỆT NAM (VN)
160 Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bếp gas.

---

(111) **4-0097975**
(210) 4-2006-12551
(181) 03.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KASSY

(151) 20.03.2008
(220) 03.08.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TOJI VIỆT NAM (VN)
160 Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bếp gas.

---

(111) **4-0097976**
(210) 4-2006-12552
(181) 03.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HITORY

(151) 20.03.2008
(220) 03.08.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TOJI VIỆT NAM (VN)
160 Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bếp gas.

---

(111) **4-0097977**
(210) 4-2006-12553
(181) 03.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TOMOMY

(151) 20.03.2008
(220) 03.08.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TOJI VIỆT NAM (VN)
160 Thái Thịnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 11: Bếp gas.

---

(111) **4-0097978**
(210) 4-2006-16787
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NATAHA

(151) 20.03.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM TRÚC TÂM (VN)
Số nhà 06 ngách 560/65, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, TP. Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097979**
(210) 4-2006-16788
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHARNOMAX

(151) 20.03.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANPER PHÁP (VN)
Tầng 1 số 127, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097980**
(210) 4-2006-16789
(181) 05.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GILOVIT

(151) 20.03.2008
(220) 05.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANPER PHÁP (VN)
Tầng 1 số 127, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097981**
(210) 4-2005-17194
(181) 16.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 16.12.2005

(531) A1.5.3; 26.1.2; 26.11.2
(591) Đỏ, xanh dương, trắng
(731) CƠ SỞ LẮP RÁP QUẠT ĐIỆN THÀNH SƠN (VN)
23A/7 ấp Đông, xã Đông Hòa, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 11: Quạt điện gia dụng; quạt gió (điều hòa không khí); quạt thổi (bộ phận của máy điều hòa không khí).

(111) **4-0097982**
(210) 4-2005-17195
(181) 16.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 16.12.2005

(531) 26.1.2; 26.1.6
(591) Trắng, đen, xanh tím, hồng cánh sen, xanh ngọc đậm, xanh ngọc nhạt
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM HOÀNG KHANG (VN)
276 Bis Cách Mạng Tháng Tám, phường 10, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 44: Giải phẫu thẩm mỹ; mát-xa.

---

(111) **4-0097983**
(210) 4-2006-04985
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 05.04.2006

(531) A27.5.7; A1.3.18; 13.1.1; A5.5.21; 5.5.19
(731) AUSTRALIAN INTERNATIONAL SCHOOLS LIMITED (GB)
East Asia Chambers, Road Town, Tortola, British Virgin Islands, UK
(740) Trung tâm Tư vấn sở hữu trí tuệ và đầu tư (LUVINA LAW FIRM)

(511) Nhóm 41: Trường đào tạo; dịch vụ về giáo dục giảng dạy; thông tin về lĩnh vực giáo dục; trường nội trú; giảng dạy; trường mẫu giáo.

---

(111) **4-0097984**
(210) 4-2005-17856
(181) 29.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

FLEXIMED

(151) 20.03.2008
(220) 29.12.2005

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0097985**
(210) 4-2006-03171
(181) 08.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HÙNG BÌNH

(151) 20.03.2008
(220) 08.03.2006

(731) GIANG THỊ BÌNH (VN)
Số 210 Thủ Khoa Huân, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

(511) Nhóm 29: Nước mắm các loại.

---

(111) **4-0097986**
(210) 4-2006-04463
(181) 28.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 28.03.2006

(531) 26.4.2; 26.11.3; A26.11.8; A26.11.12; 26.3.23
(591) Xanh dương, cam, đen
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BIN GA (VN)
119 lô 11, cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 25: Sản phẩm may mặc cụ thể là quần áo.

---

(111) **4-0097987**
(210) 4-2006-04585
(181) 29.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AMFACIN

(151) 20.03.2008
(220) 29.03.2006

(731) INTERNATIONAL PHARMACEUTICAL DISTRIBUTION CO., LTD. (DBA Ampharco USA) (US)
17751 Mitchell, Irvine, CA 92614, USA
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097988**
(210) 4-2006-17278
(181) 13.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 13.10.2006

(531) 26.1.1; 26.4.2
(591) Xanh lá cây, xanh lá cây đậm, đỏ, vàng, tím
(731) NGUYỄN VĂN CHIẾN (VN)
376 ấp 7, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 31: Quả chanh tươi.

---

(111) **4-0097989**
(210) 4-2006-17530
(181) 18.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 18.10.2006

(531) 26.1.1
(591) Đỏ, xanh dương, vàng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ MINH THÀNH (VN)
Số 4/1, ấp Chánh Lộc, xã Chánh Mỹ, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S (AMBYS CO.LTD.)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa.

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn.

---

(111) **4-0097990**
(210) 4-2005-03838
(181) 08.04.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

NITINDAL

(151) 20.03.2008
(220) 08.04.2005

(731) CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ TIỀN GIANG (VN)
15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0097991**
(210) 4-2005-17722
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 21: Bộ đồ uống dùng trong gia đình và bếp núc thuộc nhóm này; bộ đựng đồ uống bằng thuỷ tinh dùng trong gia đình và bếp núc thuộc nhóm này; lồng chim; bát; chổi; chảo làm bánh; khuôn làm bánh; khay để làm bánh; giá cắm nến không làm bằng kim loại quý; dụng cụ để tắt nến không làm bằng kim loại quý; đồ dùng nấu ăn khi đi cắm trại; tượng nhỏ bằng sứ; miếng lót cốc không làm bằng giấy hoặc vải lanh trải bàn; lọ đựng bánh; dụng cụ cắt bánh dùng cho gia đình và bếp núc không làm bằng kim loại quý và không mạ bằng kim loại ấy thuộc nhóm này; cái mở nút chai; tách chén; túi đựng đồ trang trí dùng cho người làm bánh kẹo; pha lê hình lăng kính dùng để trang trí; thuỷ tinh để trang trí; đĩa trang trí; đĩa đựng thức ăn; bức tượng nhỏ bằng sứ, pha lê, đất nung, thuỷ tinh, gốm hoặc sứ; chậu hoa; bàn chải tóc; lược chải tóc; bình cách nhiệt; vỏ cầm cách nhiệt của hộp đựng đồ uống; hộp đựng cơm; ca; hộp đựng giấy ăn; vòng đánh dấu khăn ăn không làm bằng kim loại quý; cốc bằng giấy; đĩa giấy; chảo nướng bánh; khay làm bánh; cốc nhựa; đĩa; đĩa đựng xà phòng; ấm trà không chạy điện; bộ cốc chén; đồ đựng cách nhiệt dùng cho thức ăn và đồ uống; bàn chải đánh răng; khay dùng cho gia đình; giá ba chân làm dụng cụ gia đình hoặc bếp núc không làm bằng kim loại quý; phích; thùng rác.

---

(111) **4-0097992**
(210) 4-2005-17723
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 24: Khăn phủ giường bằng len đan; găng tay hở ngón làm từ lông cừu dùng để rửa; khăn tắm bằng vải lanh; khăn tắm; khăn trải giường; màn trước giường; khăn trải giường bằng vải lanh; khăn phủ giường bằng vải; rèm phủ che bao chân giường; khăn trải giường; chăn phủ đồ đạc; vải in hoa; chăn dùng cho trẻ em; cái lót cốc bằng vải; khăn lót bàn ăn bằng vải; cờ bằng vải; cờ trang trí bằng vải; khăn phủ giường có hai lớp và nhồi bông ở giữa; vải lót nôi trẻ em; rèm cửa bằng vải; cờ bằng vải; cờ trang trí bằng nỉ; khăn dùng khi chơi gôn; khăn lau tay và mặt; khăn tay; khăn tắm có mũ trùm đầu; khăn lau dùng cho mục đích gia đình làm bằng vải; khăn lau bằng vải dùng trong bếp; găng tay hở ngón

dùng cho lò vi sóng; áo gối; khăn phủ gối; khăn lót để cầm nồi làm bằng vải; mền bông; chăn nhẹ để quấn trẻ sơ sinh sau khi tắm; chăn bằng lụa; khăn trải bàn bằng vải lanh; khăn ăn bằng vải; khăn bàn cá nhân bằng vải; khăn trải bàn bằng vải; khăn phủ đồ đạc; khăn bông; khăn lau chùi; chăn len.

---

(111) **4-0097993**
(210) 4-2005-17724
(181) 27.12.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 27.12.2005

(731) DISNEY ENTERPRISES, INC., A DELAWARE CORPORATION (US)
500 South Buena Vista Street, Burbank, California 91521, USA
(740) Công ty Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)

(511) Nhóm 25: Giày thể thao; khăn tay có in hoa; mũ dùng cho chơi bóng chày; áo choàng dùng đi tắm biển; quần áo tắm biển; thắt lưng (trang phục); yếm (trang phục); áo tắm hai mảnh; áo cộc tay có gắn biểu trưng tổ chức; ủng; nơ cài cổ; áo nịt ngực; mũ lưỡi trai; quần bằng da; yếm bằng vải; áo khoác; áo liền váy; cái che tai giữ ấm; đồ đi chân; găng tay (trang phục); áo sơ mi dùng khi chơi gôn; quần áo mặc trong ngày lễ Ha-lô-oen; mũ nón; dải băng buộc đầu (trang phục); đồ đội đầu; hàng dệt kim (cụ thể là quần áo, đồ đi chân, đồ đội đầu); đồ mặc cho trẻ sơ sinh (quần áo, giầy dép, mũ nón); áo jắc- két; quần áo jean; áo nịt len; khăn vuông trùm đầu; áo nịt dùng cho diễn viên múa hoặc vận động viên; nịt chân; găng tay hở ngón; ca vát; áo ngủ dùng cho nam giới; áo ngủ dùng cho nữ giới; bộ quần áo pijama; quần dài; quần nịt của phụ nữ; áo cộc tay; áo pon sô; quần áo mưa; áo choàng; dép săng- đan; khăn quàng cổ; áo sơ mi; giầy; váy ngắn; quần soóc; quần mặc hàng ngày; dép đi trong nhà; trang phục ngủ; tất ngắn; tất dài; áo len dài tay; quần dùng trong khi tập luyện; áo dùng trong khi tập luyện; quần áo bơi; áo sát nách; quần bó; áo phông; quần áo lót; áo gi lê; dải buộc cổ tay (trang phục).

---

(111) **4-0097994**
(210) 4-2007-02139
(181) 30.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

SPYLKOGYL

(151) 20.03.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ĐÔNG Á (VN)
Số 13 lô 13A, đường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097995**
(210) 4-2005-13307
(181) 10.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 10.10.2005

(531) 26.1.2
(731) CÔNG TY TNHH TUẤN LỢI (TL CO., LTD) (VN)
Thôn Dương Hoà, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 18: Các sản phẩm làm từ da và giả da cụ thể là: cặp học sinh và cặp cán bộ các loại; túi xách nam và nữ; túi du lịch; va li; ba lô.

---

(111) **4-0097996**
(210) 4-2007-02131
(181) 30.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

ACTIBRONCHO

(151) 20.03.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MEDISUN (VN)
Số 521, ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097997**
(210) 4-2007-02132
(181) 30.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZOZO

(151) 20.03.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MEDISUN (VN)
Số 521, ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097998**
(210) 4-2007-02133
(181) 30.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZINZIN

(151) 20.03.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MEDISUN (VN)
Số 521, ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0097999**
(210) 4-2007-02134
(181) 30.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

ATOZ

(151) 20.03.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM MEDISUN (VN)
Số 521, ấp An Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098000**
(210) 4-2007-02174
(181) 30.01.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

THỊNH PHÁT

(151) 20.03.2008
(220) 30.01.2007

(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KẾ TOÁN THỊNH PHÁT (VN)
Số 204 Nguyễn Trãi, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ tư vấn kế toán; dịch vụ tư vấn thuế; dịch vụ tư vấn về quản lý kinh doanh.

(111) **4-0098001**
(210) 4-2006-05791
(181) 14.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VEGAT 400

(151) 20.03.2008
(220) 14.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂM AN PHÁT (VN)
30 cư xá Bình Thới, đường số 5, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098002**
(210) 4-2006-05926
(181) 26.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GLUPAIN

(151) 20.03.2008
(220) 26.05.2006

(731) SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD (SG)
151 Chin Swee Road, # 09-08 Manhattan House Singapore 169876
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098003**
(210) 4-2006-06818
(181) 26.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EM-ZID

(151) 20.03.2008
(220) 26.10.2006

(731) EMCURE PHARMACEUTICAL COMPANY (IN)
Rajiv Gandhi IT park, MIDC, Hinjwadi, Pune, India
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098004**
(210) 4-2006-07439
(181) 15.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

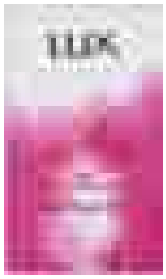

(151) 20.03.2008
(220) 15.05.2006

(531) A5.5.21; A5.3.15
(591) Vàng, hồng, trắng
(731) UNILEVER N. V. (NZ)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Xà phòng; chất tẩy rửa; chế phẩm dùng để tẩy trắng; chế phẩm làm sạch; nước hoa; nước dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm (mỹ phẩm); chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa colonhơ; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc và da đầu; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; thuốc nhuộm tóc; chất tạo kiểu tóc; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; chế phẩm chăm sóc răng miệng, chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; dầu, kem và nước thơm dùng cho da; chế phẩm dùng để cạo râu; chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; chế phẩm tẩy lông; chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; chế phẩm chống nắng; mỹ phẩm; chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

---

(111) **4-0098005**
(210) 4-2006-05721
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BIOFUMOKSIM

(151) 20.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÂU VIỆT (VN)
C5, tổ 26, cụm 5, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098006**
(210) 4-2006-05758
(181) 14.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

L-STATIN

(151) 20.03.2008
(220) 14.04.2006

(731) TORRENT PHARMACEUTICALS LTD (IN)
Torrent House, Off Ashram Road, Ahmedabad- 380 009, India
(740) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Chế phẩm dược.

---

(111) **4-0098007**
(210) 4-2006-05779
(181) 14.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Thanh Xuân

(151) 20.03.2008
(220) 14.04.2006

(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HOÁ MỸ PHẨM XUÂN THỊNH (VN)
38/26 Huỳnh Phan Hộ, phường Trà Nóc, quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 03: Mỹ phẩm; kem làm trắng da; nước hoa; dầu gội đầu.

---

(111) **4-0098008**
(210) 4-2006-06797
(181) 04.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DAE YANG

(151) 20.03.2008
(220) 04.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI (VN)
P1002 nhà B3b, Nam Trung Yên, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 09: Dây điện và cáp điện.

Nhóm 11: Bóng điện và đèn cao áp.

---

(111) **4-0098009**
(210) 4-2006-05736
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OPSAMA

(151) 20.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ DƯỢC HỢP TÁC (C-PHARMA CHEM CO., LTD) (VN)
C-404, RC Kimdo Office Building, 129A Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098010**
(210) 4-2006-05751
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LUX IRIE

(151) 20.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) LIFTED RESEARCH GROUP, INC. (US)
1 Capital Drive, Lake Forest, California 92630-2203, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Túi, bao gồm túi đi du lịch và túi dùng cho những cuộc đi chơi ngắn; túi đựng quần áo dùng để đi du lịch; túi đựng giầy dùng để đi du lịch; túi đựng đồ thể dục; túi đựng đồ điền kinh; túi thể thao dùng cho nhiều mục đích (đa năng); túi đựng hành lý; túi đeo sau mông; ba lô; túi xách đi chợ của phụ nữ; túi có dây đeo vào cổ tay dùng để đựng đồ dùng các loại; túi đeo vai; ví tiền; túi đựng thư (loại túi có quai đeo và nắp đậy) ba lô đeo vai, túi đựng sách, ví, ví nam và ô.

---

(111) **4-0098011**
(210) 4-2006-06524
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ROVANTEN

(151) 20.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ DƯỢC HỢP TÁC (C-PHARMA CHEM CO., LTD) (VN)
C-404, RC Kimdo Office Building, 129A Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098012**
(210) 4-2006-06525
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RAZEDOM

(151) 20.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098013**
(210) 4-2006-06526
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

HYSDIN

(151) 20.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098014**
(210) 4-2006-06527
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AZINESS

(151) 20.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098015**
(210) 4-2006-06528
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AZIOGAS

(151) 20.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098016**
(210) 4-2006-06529
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AZIBAS

(151) 20.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ (VN)
415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098017**
(210) 4-2006-06690
(181) 28.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SUMIQUEEN

(151) 20.03.2008
(220) 28.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ NHẬT HÀ (VN)
543, tổ 80, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Nước rửa vệ sinh phụ nữ có chứa thuốc.

---

(111) **4-0098018**
(210) 4-2006-06859
(181) 04.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 04.05.2006

(531) 26.1.2
(591) Đỏ, xanh tím, trắng
(731) CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HỒNG CHI (VN)
09 Nguyễn Sĩ Cố, phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 11: Quạt điện.

Nhóm 35: Mua bán quạt điện, nồi cơm điện, bàn là, máy xay sinh tố; mua bán vòng bi (bạc đạn); mua bán dầu nhớt, dầu mỡ; mua bán hàng điện gia dụng, hàng kim khí điện máy.

---

(111) **4-0098019**
(210) 4-2006-07592
(181) 17.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TDA

(151) 20.03.2008
(220) 17.05.2006

(731) CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ TIẾN ĐẠT (VN)
405 Điện Biên Phủ, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Máy thu hình (tivi); máy đọc đĩa kỹ thuật số; đầu máy hát karaoke; loa; máy tăng âm; ống nói (micrô).

---

(111) **4-0098020**
(210) 4-2006-05754
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 13.04.2006

(531) 2.9.1; A24.15.13
(731) LIFTED RESEARCH GROUP, INC. (US)
1 Capital Drive, Lake Forest, California 92630-2203, U.S.A.
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Da và giả da, sản phẩm bằng các vật liệu kể trên không được xếp ở các nhóm khác; da động vật; rương, hòm và vali; ô, lọng và gậy chống; roi, yên và yên cương; túi, bao gồm túi đi du lịch và túi dùng cho những cuộc đi chơi ngắn; túi đựng quần áo dùng để đi du lịch; túi đựng giầy dùng để đi du lịch; túi đựng đồ thể dục; túi đựng đồ điền kinh; túi thể thao dùng cho nhiều mục đích (đa năng); túi đựng hành lý; túi đeo sau mông; ba lô; túi xách đi chợ của phụ nữ; túi có dây đeo vào cổ tay dùng để đựng đồ dùng các loại; túi đeo vai; ví tiền; túi đựng thư (loại túi có quai đeo và nắp đậy), ba lô đeo vai, túi đựng sách, ví, ví nam và ô.

Nhóm 25: Quần áo, đồ đi chân và đồ đội đầu, cụ thể là áo phông, áo sơ mi dệt, áo mặc bình thường của phụ nữ ngắn tay hoặc dài tay, bộ quần áo ôm sát thân người; bộ quán áo ống rộng để mặc trước và sau khi tập luyện thể thao; áo vệ sinh (áo bông dài tay); áo len cổ chui; áo gi-lê; áo cộc tay có gắn phù hiệu; bộ com-plê; áo vét-tông; áo khoác; áo gió có mũ trùm đầu; áo khoác dầy có mũ trùm đầu; quần jean, quần dài, quần mặc hàng ngày, áo váy; váy; quần soóc; áo khoác ngoài, bít tất; thắt lưng (quần áo); găng tay (quần áo); găng tay hở ngón hoặc bao kín 4 ngón (quần áo); giày điền kinh; dép đi trong nhà; dép xăng-đan; giày ống, giày dạ hội; quán áo bơi; quần áo ngủ; quần soóc ống rộng của nam giới; quần áo lót nam; quần áo lót nữ; quần lót nữ; áo mặc lót (bên trong áo sơ mi); quần áo mặc đi trượt tuyết; quần áo mặc đi trượt tuyết bằng ván; xà rông; mũ mềm chơi bóng chày; mũ lưỡi trai, mũ nhỏ không vành; khăn tay lớn in hoa sặc sỡ và khăn choàng cổ (của phụ nữ).

---

(111) **4-0098021**
(210) 4-2003-01627
(181) 17.03.2013
(450) 25.04.2008 241
(540)

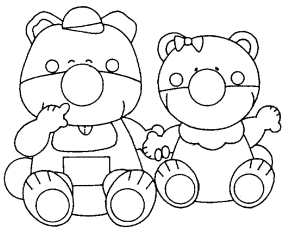

(151) 20.03.2008
(220) 17.03.2003

(531) 3.1.14; A3.1.24; 3.4.18; A3.4.24
(731) CÔNG TY TNHH MAY MẶC THĂNG LONG (VN)
62/4 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Túi xách (bằng vải) thuộc nhóm này.

Nhóm 20: Nệm ngủ, gối, nệm các loại (bằng vải), khung ảnh (bằng vải) thuộc nhóm này.

Nhóm 24: Rèm cửa bằng vải, chăn, bao đệm, bao gối, khăn trải bàn, khăn trải giường thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo, giày dép bằng vải và mũ đội đầu bằng vải thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098022**
(210) 4-2003-06848
(181) 13.08.2013
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 13.08.2003

(531) 3.1.6; A3.1.24
(731) CÔNG TY TNHH MAY MẶC THĂNG LONG (VN)
62/4 Trần Bình Trọng, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 18: Túi xách (bằng vải) thuộc nhóm này

Nhóm 20: Nệm ngủ, gối, nệm các loại (bằng vải), gối có hình con thú, khung ảnh (bằng vải) thuộc nhóm này.

Nhóm 24: Rèm cửa bằng vải, chăn, bao đệm, bao gối, khăn trải bàn, khăn trải giường thuộc nhóm này.

Nhóm 25: Quần áo, giày dép bằng vải và mũ đội đầu bằng vải thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098023**
(210) 4-2006-00229
(181) 06.01.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 06.01.2006

(591) Trắng, đỏ
(731) NGÔ THỊ NGỌC LỆ (VN)
Số 144B (số cũ 144) Nguyễn Văn Tư, phường 5, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 29: Chả lụa, thịt chà bông (ruốc), thịt nguội, thịt chế biến dạng viên.

---

(111) **4-0098024**
(210) 4-2006-06392
(181) 24.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 24.04.2006

(531) 1.15.23; 26.1.2
(731) PARTS - MALL CORPORATION (KR)
506, Noblesse Building, 734-1 Janghang-dong, Ilsan-gu, Goyang-city, Gyconggi-do, Republic of Korea
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 07: Bộ lọc không khí dùng cho động cơ của phương tiện giao thông trên bộ; bộ lọc dầu dùng cho động cơ của phương tiện giao thông trên bộ; bộ lọc xăng dùng cho động cơ của phương tiện giao thông trên bộ; bộ đánh lửa dùng cho động cơ của các phương tiện giao thông trên bộ; pittông dùng cho động cơ của phương tiện giao thông trên bộ; quạt dùng cho động cơ của phương tiện giao thông trên bộ; bơm nước dùng cho động cơ của phương tiện giao thông trên bộ; bộ tản nhiệt dùng cho động cơ xe ôtô; máy phát điện dùng cho phương tiện giao thông trên bộ.

Nhóm 12: Giảm xóc dùng cho xe cộ; phanh đĩa dùng cho xe cộ; lót phanh dùng cho xe cộ; guốc phanh dùng cho xe cộ; vòng bi dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; xích dùng cho phương tiện giao thông trên bộ; kính chắn gió xe ô tô; cái chống va đập của xe ô tô; gương hậu xe ô tô; lốp dùng cho xe cộ; máy quạt gió dùng cho ô tô; động cơ khởi động dùng cho phương tiện giao thông trên bộ.

---

(111) **4-0098025**
(210) 4-2006-19120
(181) 08.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EUDINIR

(151) 20.03.2008
(220) 08.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0098026**
(210) 4-2006-19121
(181) 08.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ADO

(151) 20.03.2008
(220) 08.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Thuốc thú y.

---

(111) **4-0098027**
(210) 4-2006-20706
(181) 27.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BRUMBY'S

(151) 20.03.2008
(220) 27.11.2006

(731) BRUMBY'S BAKERIES LIMITED (AU)
Suites 2 and 3, 61-63 Camberwell Road, Hawthorn East, Victoria 3123, Australia
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Sản phẩm bánh làm từ bột mì, sản phẩm bánh mì, bánh nướng, bánh ngọt, sản phẩm làm từ bột ngũ cốc, bánh mì, bánh, kẹo; bánh piza, sản phẩm làm từ bánh piza; bánh patê, bánh mì kẹp đồ ăn nấu chín, bánh mì kẹp nhân; đồ ăn nhanh có thành phần chính là bánh mì; bánh mì bọc nhân; ổ bánh mì (có nhân hoặc không có nhân), bánh bao nhân nho, bánh tạc nhân hoa quả, bánh nướng, chả nướng bọc bột, bánh qui, bánh ngọt, bánh sandwich, thực phẩm làm từ bột mì, hỗn hợp và chế phẩm dùng làm bánh.

Nhóm 35: Dịch vụ bán buôn và bán lẻ thực phẩm, đồ uống, các sản phẩm bánh làm từ bột mì, bánh mì, sản phẩm bánh mì, bánh piza, bánh ngọt; cung cấp dịch vụ hỗ trợ việc điều hành và thành lập các cửa hàng bán lẻ nhượng quyền liên quan đến thực phẩm bao gồm các sản phẩm bánh làm từ bột mì, bánh mì, các sản phẩm bánh mì, bánh piza và bánh ngọt.

---

(111) **4-0098028**
(210) 4-2006-20827
(181) 28.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

AUSTRALIAN UNIVERSITIES FOUNDATION YEAR

(151) 20.03.2008
(220) 28.11.2006

(731) NEWSOUTH GLOBAL PTY LIMITED (AU)
Library Concourse, University of New South Wales, Anzac Parade, Kensington, NSW, 2052, Australia
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 09: Thiết bị và dụng cụ dùng để ghi, truyền, xử lý và tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dữ liệu liên quan đến giáo dục và đào tạo; thiết bị và dụng cụ dùng để ghi, truyền, xử lý và tái tạo âm thanh, hình ảnh hoặc dữ liệu liên quan đến việc xác định hoặc đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên; vật chứa dữ liệu, hình ảnh và âm thanh ghi sẵn, băng ghi âm và hình, CD ROM và đĩa compact liên quan đến giáo dục và đào tạo; vật chứa dữ liệu, hình ảnh và âm thanh ghi sẵn, băng ghi âm và hình, CD ROM và đĩa compact liên quan đến việc xác định và đánh giá tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên; phần mềm máy tính liên quan đến giáo dục và đào

tạo; phần mềm máy tính liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên.

Nhóm 16: Ấn phẩm; tài liệu học tập và giảng dạy (không bao gồm dụng cụ); tài liệu học tập và giảng dạy liên qua đến giáo dục và đào tạo; tài liệu học tập và giảng dạy liên quan đến việc xác định và đánh giá các tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên.

Nhóm 41: Dịch vụ giáo dục và đào tạo; dịch vụ giáo dục và đào tạo về ngôn ngữ; dịch vụ thiết kế, cung cấp và đánh giá chất lượng các khóa giảng dạy và đào tạo về ngôn ngữ; dịch vụ xác định và đánh giá tiêu chuẩn giáo dục bao gồm cả việc đánh giá và kiểm tra trình độ giáo viên, đánh giá chất lượng các khóa học, đánh giá và kiểm tra trình độ học viên; lập và tổ chức các chương trình kiểm tra và đánh giá về giáo dục; phân tích và thu thập dữ liệu liên quan đến các chương trình xác định và đánh giá về tiêu chuẩn giáo dục.

---

(111) **4-0098029**
(210) 4-2006-03912
(181) 20.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CoroClesstra

(151) 20.03.2008
(220) 20.03.2006

(731) CLESSTRA HEALTHCARE PVT LTD (IN)
401 D-Poonam Chambers, A-Wing, Dr. A. B. Road, Worli, Mumbai - 400 018, India
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098030**
(210) 4-2006-06553
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Cargill

(151) 20.03.2008
(220) 26.04.2006

(531) A26.11.12
(731) CARGILL, INCORPORATED (US)
15407 McGinty Road West, Wayzata, MN 55391, United States of America
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Cá (không còn sống), trứng, sữa và các sản phẩm từ sữa; dầu ăn và mỡ ăn; dầu có thành phần chính chiết xuất từ cây cọ dùng để chế biến thực phẩm; dầu cọ để chế biến thực phẩm; dầu nấu ăn dạng lỏng; chất dầu từ bơ; chất thay thế bơ ca cao được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này; dầu để nấu ăn; dầu ăn dùng trong nấu nướng thực

phẩm; trái cây được nấu với đường để bảo quản; thực phẩm và nông sản tự ổn định đã đóng gói sẵn được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này cụ thể là cá (không còn sống), trứng, sữa, rau và thịt (có thể bảo quản ở nhiệt độ bình thường); thực phẩm và nông sản đóng gói có thể nấu trong lò vi sóng được làm chủ yếu từ các sản phẩm trong nhóm này cụ thể là cá (không còn sống) trứng, sữa, rau, thịt; rau củ, được bảo quản, làm khô, nấu hay chế biến sẵn; chế phẩm để làm súp, nước canh thịt và chất cô đặc từ nước cốt thịt; tất cả đều là các sản phẩm trong nhóm này.

---

(111) **4-0098031**
(210) 4-2006-06817
(181) 11.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SACENDOL

(151) 20.03.2008
(220) 11.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM (VN)
59 Nguyễn Huệ, phường 1, thị xã Tân An, Long An
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098032**
(210) 4-2006-08535
(181) 17.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

RATACID

(151) 20.03.2008
(220) 17.07.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM (VN)
59 Nguyễn Huệ, phường 1, thị xã Tân An, tỉnh Long An
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098033**
(210) 4-2006-21281
(181) 05.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Zalrinol

(151) 20.03.2008
(220) 05.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

(111) **4-0098034**
(210) 4-2006-21282
(181) 05.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ADmed

(151) 20.03.2008
(220) 05.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098035**
(210) 4-2006-21380
(181) 06.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Emetdi

(151) 20.03.2008
(220) 06.12.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX (VN)
358 đường Giải Phóng, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Các sản phẩm dược.

---

(111) **4-0098036**
(210) 4-2006-22741
(181) 26.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

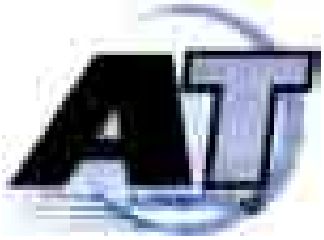

(151) 20.03.2008
(220) 26.12.2006

(531) A26.11.8; 26.1.1
(731) CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG VÀ THƯƠNG MẠI AT (VN)
905 A6, đường Trần Huy Liệu, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 35: Dịch vụ quảng cáo.

---

(111) **4-0098037**
(210) 4-2006-04934
(181) 04.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KRISTALBOND

(151) 20.03.2008
(220) 04.04.2006

(731) KRISTALBOND TECHNOLOGIES SDN BHD (MY)
1 Jalan Juruanalisis U1/35, Seksyen U1, Hicom Glenmarie Industrial Park, 40150 Shah Alam, Selangor, Malaysia
(740) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)

(511) Nhóm 01: Sản phẩm hoá học hoặc chế phẩm hoá học sử dụng để sản xuất chất bảo vệ hoặc chất bao phủ bề mặt; hoá chất bao phủ bề mặt (không phải là sơn); hoá chất phủ cho kính (không phải là sơn); hoá chất lỏng dùng để phủ (không phải là sơn); hoá chất tổng hợp bao phủ bề mặt (không phải là sơn).

Nhóm 40: Dịch vụ tư vấn liên quan đến việc phủ và/hoặc tẩy lớp bảo vệ bề mặt; dịch vụ phủ các lớp bảo vệ; nhuộm màu cửa kính bằng cách xử lý bề mặt; xử lý các bề mặt bằng cách bao phủ; cung cấp thông tin về gia công vật liệu.

---

(111) **4-0098038**
(210) 4-2006-05015
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Dr XOANG

(151) 20.03.2008
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO THÁI DƯƠNG (VN)
Số 92, phố Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098039**
(210) 4-2006-05016
(181) 05.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Dr HO

(151) 20.03.2008
(220) 05.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN SAO THÁI DƯƠNG (VN)
Số 92, phố Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098040**
(210) 4-2006-20111
(181) 20.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 20.03.2008
(220) 20.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG PHÂN PHỐI FDC (VN)
457 Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 31: Rau và hoa quả tươi.

Nhóm 35: Mua bán thực phẩm, sản phẩm công nghệ thông tin, thiết bị giáo dục, thiết bị y tế, thiết bị viễn thông, hàng tiêu dùng.

---

(111) **4-0098041**
(210) 4-2006-01887
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042047 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 21.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 16: Cờ đuôi nheo bằng giấy; mẫu thiết kế để thêu; nhãn dán (văn phòng phẩm); giấy viết và vẽ; giấy và đồ dùng bằng các tông; khăn tay bằng giấy; vở; vở nháp; bút bi; bút chì kim; bút chì; vải để vẽ tranh; bút chì màu; tẩy bằng cao su; chất dính dùng cho mục đích văn phòng phẩm; cái gọt bút chì; lớp lót cho giấy viết bằng chất dẻo; hộp và hộp có ngăn để đựng bút và bút chì; hộp để sưu tập côn trùng bằng giấy hoặc bìa cứng; hộp làm bằng giấy; túi giấy dùng để bao gói; tã trẻ em làm bằng giấy và xenlulô (dùng một lần); bưu thiếp có ảnh; vé; áp phích; tạp chí dành cho trẻ em đăng những chuyện kể bằng hình vẽ; tạp chí xuất bản định kỳ; tranh; các mẫu xây dựng và kiến trúc.

(111) **4-0098042**
(210) 4-2006-01888
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042048 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 21.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh dương
(731) GRAVITY Co., Ltd. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 20: Cúp lưu niệm không làm bằng kim loại; hộp nhựa; nắp đậy bằng nhựa hoặc gỗ dùng cho hộp bằng gỗ hoặc bằng chất dẻo, bình đựng nhiên liệu dạng lỏng không bằng kim loại, công te nơ không bằng kim loại (cất giữ hoặc vận chuyển), hộp đóng gói bằng chất dẻo; bảng treo chìa khóa; mành dạng dải bằng gỗ dùng trong nhà; mành dùng trong nhà làm bằng mây, sậy hoặc tre; khung ảnh; quạt dẹt cầm tay không dùng điện.

---

(111) **4-0098043**
(210) 4-2006-01889
(181) 13.02.2016
(300) 40-2005-0042049 08.09.2005 KR
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 21.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 26.1.1; A26.11.12; 26.3.23
(591) Đen, trắng, xanh nước biển, xanh dương
(731) GRAVITY CO., LTD. (KR)
14F Meritz Tower, 825-2, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul, Republic of Korea
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 25: Giầy; giầy leo núi; xăng đan; dép lê; giầy dùng để luyện tập; giầy ống; giầy đá bóng; quần áo trẻ em; quần; quần gin; áo sơ mi có các họa tiết trang trí; áo lót; quần lót; quần áo ngủ; áo dệt kim cổ chui; áo thun ngắn tay; khăn quàng cổ; bít tất; găng tay mùa đông (quần áo); quần chật ống; mũ lưỡi trai (đội đầu); mũ; dây nịt để giữ quần áo.

---

(111) **4-0098044**
(210) 4-2006-19465
(181) 13.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MỸ HẠNH

(151) 21.03.2008
(220) 13.11.2006

(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ LÂM THỊ MỸ HẠNH (VN)
Lô 18, khu nhà hàng số 2 đường Sơn Trà, Điện Ngọc, phường Phước Mỹ, thành phố Đà Nẵng
(740) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống.

---

(111) **4-0098045**
(210) 4-2006-05691
(181) 13.04.2016
(300) 306 03 769.6 18.01.2006 DE
(450) 25.04.2008 241
(540)

INTEL VPRO

(151) 21.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) INTEL CORPORATION (US)
2200 Mission College Boulevard Santa Clara, California 95052 - 8119 U.S.A.
(740) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(511) Nhóm 09: Phần cứng máy tính; mạch tổng hợp; mạch tổng hợp trong bộ nhớ máy tính; mạch tổng hợp trong mạch điện tử siêu nhỏ; con vi mạch; chất bán dẫn trong bộ xử lý của máy tính; chất bán dẫn trong mạch điện tử của bộ xử lý của máy tính; chất bán dẫn của con vi mạch; bộ vi xử lý; bảng mạch in máy tính; bảng mạch điện tử của máy tính; bộ nhớ máy tính; hệ điều hành của máy tính; chương trình máy tính (ghi sẵn); mạch điều khiển siêu nhỏ của máy tính; thiết bị để xử lý dữ liệu; bộ xử lý trung tâm của máy tính; chất bán dẫn trong bộ nhớ máy tính; thiết bị ngoại biên của máy tính điện tử; bảng mạch của đầu máy viđêô; bảng mạch của máy catset; bảng mạch của thiết bị nghe nhìn; vỉ mạch gia tốc trong đồ thị minh họa âm thanh của đầu máy viđêô; vỉ mạch gia tốc đa phương tiện để xem các hình ảnh động trong cửa sổ màn hình máy tính; bộ xử lý của đầu máy viđêô; bảng mạch trong bộ xử lý của đầu máy viđêô; hệ thống phần mềm điều hành máy tính; chương trình điều hành máy tính; chương trình tiện ích trong trường dữ liệu của phần mềm ứng dụng của máy tính để kết nối với máy tính cá nhân, hệ thống máy tính, thiết bị viễn thông và phần mềm ứng dụng của hệ thống máy tính toàn cầu; thiết bị và hệ thống được điều khiển bằng máy tính bao gồm cả phần mềm trong hệ điều hành của máy tính, bộ điều biến (môđem), máy quay phim, bộ ống nghe đài điện, micrô (ống phóng thanh), cáp điện và bộ điều hợp; chương trình trò chơi của máy tính; máy tính điện tử; máy tính cầm tay; máy vi tính; mạch của bộ nhớ máy tính; bộ xử lý của máy tính; máy tính trợ giúp cá nhân kỹ thuật số; điện thoại mạng; điện thoại có chức năng quay số nhanh; máy tính cầm tay và máy tính xách tay dùng cho những người chuyên tổ chức nghiệp đoàn; thẻ,

đĩa, băng, dây điện, đĩa ghi âm, mạch điện tử siêu nhỏ và mạch điện tử dùng để ghi âm dữ liệu; bộ điều biến (môđem); thiết bị dùng để xử lý, lưu trữ, thu hồi, truyền, hiển thị, nhập, đưa ra, nén, làm giảm bớt sức nén, giảm bớt, truyền phát và in dữ liệu từ máy tính; đầu vào và đầu ra của máy tính; trạm làm việc trong mạng cục bộ của máy tính; bộ nhớ dữ liệu của máy tính; bộ lưu giữ thông tin của máy tính; phần cứng và phần mềm máy tính sử dụng trong hệ thống an ninh (để ngăn ngừa gián điệp); con vi mạch điện tử của máy tính; mạch in máy tính; bộ vi xử lý tiếng động trong máy tính; bộ vi xử lý nhanh các âm thanh, dữ liệu, hình và ảnh; bộ nhớ cực nhanh của máy tính; vỉ mạch bộ nhớ cực nhanh của máy tính; hệ thống bộ nhớ của máy tính điện tử; thiết bị và hệ thống máy tính sử dụng trong lĩnh vực viễn thông cụ thể là: hệ điều hành và bộ xử lý của máy tính; bộ ống nghe điện đài; con chuột máy tính; micrô (ống phóng thanh); cáp điện và bộ điều hợp của máy tính; máy in máy tính và đầu kẹp dây điện trong máy tính; bộ máy quay viđêô; máy phát viễn thông; phần cứng và phần mềm máy tính dùng để truyền và nhận bản fax; phần cứng và phần mềm máy tính dùng để phát triển, duy trì và sử dụng trong hệ thống máy tính ở khu vực rộng và hệ thống máy tính cục bộ; phần cứng và phần mềm máy tính đùng để phát triển, duy trì và sử dụng trong sự tương tác giữa hệ thống máy tính và thiết bị nghe nhìn trong hội nghị; phần cứng và phần mềm máy tính dùng để nhận, hiển thị và sử dụng để truyền phát thanh, hình ảnh và tín hiệu dữ liệu kỹ thuật số; cầu dẫn của máy tính điện tử; mạch trung tâm của máy tính điện tử; máy tính phục vụ việc lưu giữ chương trình và dữ liệu; bộ ngắt điện; thiết bị để chạy thử và lập trình trong mạch tổng hợp; thiết bị ngoại vi của bộ nhớ máy tính; chương trình cơ sở của máy tính cụ thể là: hệ thống phần mềm để điều hành máy tính; máy tính phục vụ việc lưu giữ các hàm số toán học cố định; hệ thống phần cứng máy tính; chất bán dẫn; phần cứng và phần mềm máy tính dùng để tạo lập, làm cho thuận tiện và quản lý việc truy cập từ xa và phát chương trình truyền hình với mạng cục bộ, mạng ảo của cá nhân, mạng toàn cục và hệ thống máy tính toàn cầu; phần mềm của máy tính phục vụ việc lưu giữ dữ liệu và phần mềm của cầu dẫn, của bộ ngắt điện, của mạch trung tâm của máy tính; phần mềm máy tính sử dụng để cung cấp cho người sử dụng truy cập vào hệ thống thông tin máy tính toàn cầu nhằm tìm kiếm, phục hồi, truyền, phổ biến và vận dụng các thông tin trong mọi lĩnh vực; phần mềm ứng dụng cho bên thứ ba; phần cứng và phần mềm máy tính dùng cho hệ thống viễn thông không dây; chương trình phần mềm máy tính điện tử được ghi bằng quang và bằng từ; chương tính phần mềm máy tính dùng để dạy học theo sách được bán và tải xuống từ hệ thống máy tính toàn cầu; giá phơi ráo dùng cho nhiếp ảnh; vỏ máy thu thanh và giá khung cho cuộn điện; thiết bị khoa học; thiết bị hàng hải; thiết bị đo; thiết bị quang học; thiết bị đĩa cân; thiết bị báo hiệu; thiết bị để điều chỉnh điện; thiết bị giải thoát con tin (dùng cho cảnh sát); thiết bị giảng dạy; máy quay băng (máy ghi âm); đĩa ghi âm; thiết bị điện để giám sát; bộ dò (máy rà); thiết bị phân tích không dùng cho ngành y; ổ đĩa mềm; thiết bị bảo vệ điện tử (để ngăn ngừa gián điệp); thiết bị giám sát; thiết bị điện tử sử dụng để nhận biết mật mã kỹ thuật số; bảng điều khiển điện; thiết bị hàng hải; thiết bị trắc địa; thiết bị quay phim; thiết bị để cân; thiết bị kiểm tra; trang thiết bị cứu hộ; thiết bị dùng để điều khiển, ngắt, biến thế, tích, điều chỉnh hoặc kiểm tra điện; thiết bị để ghi, truyền hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh; vật mang dữ liệu từ tính; đĩa ghi âm; máy bán hàng tự động và các cơ cấu dùng cho các thiết bị làm việc khi bỏ vào đó xu hay thẻ; máy tính tiền mặt; máy tính; thiết bị xử lý các dữ kiện và máy vi tính; thiết bị dập lửa.

(111) **4-0098046**
(210) 4-2006-05722
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BIO-TAKSYM

(151) 21.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ÂU VIỆT (VN)
C5, tổ 26, cụm 5, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098047**
(210) 4-2006-05730
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MIEDIL

(151) 21.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MIÊN ĐỊNH (VN)
331/1 bis Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098048**
(210) 4-2006-05731
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SOLRIL

(151) 21.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ DƯỢC HỢP TÁC (C-PHARMA CHEM CO., LTD) (VN)
C-404, RC Kimdo Office Building, 129A Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098049**
(210) 4-2006-05732
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OPDINESA

(151) 21.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ DƯỢC HỢP TÁC (C-PHARMA CHEM CO., LTD) (VN)
C-404, RC Kimdo Office Building, 129A Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098050**
(210) 4-2006-05733
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OPSAME

(151) 21.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ DƯỢC HỢP TÁC (C-PHARMA CHEM CO., LTD) (VN)
C-404, RC Kimdo Office Building, 129A Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098051**
(210) 4-2006-05734
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BRONCOSTÉINE

(151) 21.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ DƯỢC HỢP TÁC (C-PHARMA CHEM CO., LTD) (VN)
C-404, RC Kimdo Office Building, 129A Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098052**
(210) 4-2006-05735
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SINOXAPARIN

(151) 21.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH HOÁ DƯỢC HỢP TÁC (C-PHARMA CHEM CO., LTD) (VN)
C-404, RC Kimdo Office Building, 129A Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098053**
(210) 4-2006-17688
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CIKEBABY

(151) 21.03.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ MINH PHÁT (VN)
Số 20/67 ngõ 61, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098054**
(210) 4-2006-18307
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

COLDAWAY

(151) 21.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP NHẤT (VN)
Số 5, ngõ 168, đường Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0098055**
(210) 4-2006-18308
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SGOBANE

(151) 21.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM PHÚ HƯNG (VN)
Nhà số 5, ngõ 52, phố Quan Nhân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098056**
(210) 4-2006-18309
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

STERNOSE

(151) 21.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐẦU TƯ - PHÁT TRIỂN PHÚ GIA (PG INDECO CO., LTD) (VN)
Số 68, tổ 12, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, dung dịch rửa mắt chứa thuốc, thuốc nhỏ mắt.

---

(111) **4-0098057**
(210) 4-2006-19323
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KORULIN

(151) 21.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098058**
(210) 4-2006-19324
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NEWFAZIDIM

(151) 21.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098059**
(210) 4-2006-19325
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NEWMYTOBA

(151) 21.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098060**
(210) 4-2006-19326
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GASTIEU

(151) 21.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) SUHEUNG CAPSULE CO., LTD (KR)
6th Floor Jung-An Bldg, 435-5 jangan 3 Dong Dongdaemunu-Gu, Seoul
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098061**
(210) 4-2006-05710
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 21.03.2008
(220) 13.04.2006

(531) A5.3.15
(731) AVON PRODUCTS, INC. (US)
1345 Avenue of the Americas, New York, NY 10105-0196, U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 35: Dịch vụ bán lẻ mang hàng tới tận nhà; bán sản phẩm theo hợp đồng và giới hạn về dòng sản phẩm nhất định; dịch vụ cửa hàng bán lẻ; dịch vụ bán lẻ qua chào hàng trực tiếp tới các đại diện bán hàng độc lập; dịch vụ bán hàng tại nhà bằng cách gọi điện thoại; dịch vụ cung cấp theo thư yêu cầu các sản phẩm có trong danh mục; dịch vụ cửa hàng bán lẻ tương tác được thực hiện qua phương tiện mạng thông tin máy tính toàn cầu; tất cả các dịch vụ nêu trên liên quan đến sản phẩm thuộc lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp và thẩm mỹ viện và các sản phẩm quần áo, sản phẩm vệ sinh, mỹ phẩm, đồ trang sức, sản phẩm chăm sóc cơ thể, thức ăn bổ dưỡng, dụng cụ tập thể dục và làm đẹp cơ thể, hàng hóa cho thể thao, sách, băng đĩa thu thanh thu hình và các sản phẩm là quà tặng, không bao gồm các sản phẩm trong lĩnh vực thông tin liên lạc.

---

(111) **4-0098062**
(210) 4-2005-15745
(181) 22.11.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MODERN LIVING

(151) 21.03.2008
(220) 22.11.2005

(731) TARGET AUSTRALIA PTY LTD (AU)
12 - 14 Thompson Road, North Geelong, Victoria 3125, Australia
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 04: Nến (thắp sáng).

Nhóm 20: Khung tranh, ảnh; gương soi; đồ nghệ thuật bằng gỗ hoặc chất dẻo; đồ gỗ nội thất; đồ gỗ dùng ngoài trời như bàn, ghế, ghế băng dài, ghế bập bênh, cầu gỗ dùng trong vườn, kệ để hoa, đôn kê chậu hoa; giá nhiều ngăn để chai lọ; màn che cửa sổ trong nhà (đồ gỗ nội thất); bình đựng bằng gỗ hoặc chất dẻo.

Nhóm 21: Bộ đồ ăn (ngoài dao, nĩa và thìa) không làm bằng kim loại quý; cái tô; ca không làm bằng kim loại quý; đĩa lớn phẳng dùng để đựng thức ăn không làm bằng kim loại quý; lọ chứa không làm bằng kim loại quý; cốc thủy tinh; dụng cụ nhà bếp hoặc dùng trong nhà không làm bằng kim loại quý; đồ chứa dùng trong nhà bếp hoặc trong nhà không làm bằng kim loại quý; dụng cụ dùng trong nhà bằng thủy tinh, dụng cụ nhà bếp bằng thuỷ tinh, đồ pha lê (đồ thuỷ tinh), tượng bằng thuỷ tinh, đồ thuỷ tinh có trang trí hình vẽ, đồ sứ, đồ làm bằng đất nung; tất cả thuộc nhóm này.

(111) **4-0098063**
(210) 4-2006-16363
(181) 28.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

明治
グミチョコ
GUMMY CHOCO

(151) 21.03.2008
(220) 28.09.2006

(731) MEIJI SEIKA KAISHA, LTD. (JP)
No. 4-16, Kyobashi 2-Chome, Chuo-ku, Tokyo Japan
(740) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(511) Nhóm 30: Sôcôla; kẹo cao su; kẹo dính; kẹo dẻo; kẹo dẻo bọc sôcôla; kẹo dính bọc sôcôla.

---

(111) **4-0098064**
(210) 4-2006-02157
(181) 16.02.2016
(300) 78/695209 18.08.2005 US
(450) 25.04.2008 241
(540)

CABRUNNER

(151) 21.03.2008
(220) 16.02.2006

(731) THE GATES CORPORATION, DELAWARE CORPORATION (US)
1551 Wewatta Street, Denver, CO 80202 U.S.A.
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 07: Máy phát điện phụ dùng cho phương tiện giao thông đường bộ để cấp điện và năng lượng cơ khí dùng trong phương tiện giao thông đường bộ khi động cơ chính của phương tiện giao thông đường bộ không hoạt động.

---

(111) **4-0098065**
(210) 4-2006-17644
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

XUÂN PHƯƠNG
XUAN PHUONG
2006

(151) 21.03.2008
(220) 20.10.2006

(531) 26.1.1; 5.7.3; A26.4.6; A5.5.21; 2.9.14
(731) NGUYỄN THỊ XUÂN (VN)
Đội 1, thôn Xuân Thắng, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây

(511) Nhóm 16: Túi đựng hàng hóa bằng màng nhựa mỏng PE, PP.

---

(111) **4-0098066**
(210) 4-2006-18301
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TELODROP

(151) 21.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) PHIL - INTERNATIONAL CO., LTD (KR)
629-4, Yeoksam-Dong, Kangnam-Ku, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098067**
(210) 4-2006-19063
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 21.03.2008
(220) 07.11.2006

(531) A17.2.2; 17.2.17; A26.11.12; 26.3.23
(591) Vàng, xanh dương
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHÚ TRÌNH (VN)
60 đường số 2, chợ Đồng Xoài, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 35: Buôn bán vàng bạc, xe ôtô, xe môtô.

---

(111) **4-0098068**
(210) 4-2006-19104
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DELFLEET

(151) 21.03.2008
(220) 07.11.2006

(731) PPG INDUSTRIES OHIO, INC. (US)
3800 West 143rd Street, Cleveland, OH 44111, United States of America
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 02: Chất để phủ ngoài (sơn), chất để phủ ngoài (sơn) dùng cho xe cộ.

---

(111) **4-0098069**
(210) 4-2006-17344
(181) 16.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIA-ZOLIN

(151) 21.03.2008
(220) 16.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VIỆT ANH (VN)
Ngách 64/49, tổ 87, phố Nguyễn Lương Bằng, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098070**
(210) 4-2006-17684
(181) 20.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CEF-VINA

(151) 21.03.2008
(220) 20.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ASEAN (VN)
Tổ 17, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098071**
(210) 4-2006-18300
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

WAISAN

(151) 21.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT LÂM (VN)
Số 15, đường 7C, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098072**
(210) 4-2006-18303
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MATEYE

(151) 21.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CHÂU TUẤN (VN)
43 đường 16, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098073**
(210) 4-2006-18304
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

LITOXY

(151) 21.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CHÂU TUẤN (VN)
43 đường 16, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098074**
(210) 4-2006-18305
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ALLAST

(151) 21.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CHÂU TUẤN (VN)
43 đường 16, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098075**
(210) 4-2006-18306
(181) 27.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MATCY

(151) 21.03.2008
(220) 27.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM CHÂU TUẤN (VN)
43 đường 16, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098076**
(210) 4-2006-19320
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KORUTI

(151) 21.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098077**
(210) 4-2006-19321
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KORULIVE

(151) 21.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098078**
(210) 4-2006-19322
(181) 09.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KORUDOX

(151) 21.03.2008
(220) 09.11.2006

(731) PHARMAUNITY CO., LTD (KR)
901 Samjeong Bldg., 69-5, Taepyeongno 2-Ga, Jung-Gu, Seoul, Korea
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098079**
(210) 4-2006-19405
(181) 10.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NUTROZINC

(151) 21.03.2008
(220) 10.11.2006

(731) CÔNG TY DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I (VN)
356 đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098080**
(210) 4-2006-18421
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NGỌC HÀ

(151) 21.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ NGỌC HÀ (VN)
42A Quang Trung, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

(511) Nhóm 14: Vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức.

---

(111) **4-0098081**
(210) 4-2006-18575
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 31.10.2006

(531) 2.7.10; 5.5.15
(591) Đỏ, đen, trắng, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, da người
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Bột giặt chế phẩm và chất sử dụng cho giặt là quần áo; chế phẩm dùng để xử lý lần cuối vải sử dụng trong quá trình giặt; chất làm mềm vải; chế phẩm để tẩy trắng; chế phẩm dùng để tẩy sạch vết bẩn; chế phẩm dùng để khử mùi và làm thơm dùng cho quần áo và các loại vải dệt; xà phòng; xà phòng dùng để làm sáng, trắng đồ vải dệt; chế phẩm dùng để giặt tay; hồ bột để giặt là; chế phẩm dùng để mài, cọ chùi, đánh bóng và làm sạch.

---

(111) **4-0098082**
(210) 4-2006-18576
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 31.10.2006

(531) 2.7.10; 5.5.15
(591) Đỏ, đen, trắng, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, da người, hồng
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; chế phẩm và chất sử dụng cho giặt là quần áo; chế phẩm dùng để xử lý lần cuối vải sử dụng trong quá trình giặt; chất làm mềm vải; chế phẩm để tẩy trắng; chế phẩm dùng để tẩy sạch vết bẩn; chế phẩm dùng để khử mùi và làm thơm dùng cho quần áo và các loại vải dệt; xà phòng; xà phòng dùng để làm sáng, trắng đồ vải dệt; chế phẩm dùng để giặt tay; hồ bột để giặt là; chế phẩm dùng để mài, cọ chùi, đánh bóng và làm sạch.

---

(111) **4-0098083**
(210) 4-2006-18577
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 31.10.2006

(531) 2.5.1
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; chế phẩm và chất sử dụng cho giặt là quần áo; chế phẩm dùng để xử lý lần cuối vải sử dụng trong quá trình giặt; chất làm mềm vải; chế phẩm để tẩy trắng, chế phẩm dùng để tẩy sạch vết bẩn; chế phẩm dùng để khử mùi và làm thơm dùng cho quần áo và các loại vải dệt; xà phòng; xà phòng dùng để làm sáng, trắng đồ vải dệt; chế phẩm dùng để giặt tay; hồ bột để giặt là; chế phẩm dùng để mài, cọ chùi, đánh bóng và làm sạch.

---

(111) **4-0098084**
(210) 4-2005-05774
(181) 18.05.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 18.05.2005

(531) A5.1.5; 2.9.25; 26.4.2
(591) Trắng, vàng, xanh lá cây, xanh tím sẫm, đen, đỏ, đỏ sẫm, da cam
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGỌC KHÁNH (VN)
Xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098085**
(210) 4-2005-06917
(181) 10.06.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

ESSETAM

(151) 24.03.2008
(220) 10.06.2005

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9, H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098086**
(210) 4-2005-10148
(181) 11.08.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SILYAMINE

(151) 24.03.2008
(220) 11.08.2005

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐỨC MINH (VN)
Số 1 Đông Quan, Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Vĩnh Đạt (LACOM CO., LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098087**
(210) 4-2005-11650
(181) 06.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ATEHEXAL

(151) 24.03.2008
(220) 06.04.2006

(731) HEXAL AG (DE)
Industriestrasse 25, 83607 Holzkirchen, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098088**
(210) 4-2005-11651
(181) 22.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CLOMHEXAL

(151) 24.03.2008
(220) 22.03.2006

(731) HEXAL AG (DE)
Industriestrasse 25, 83607 Holzkirchen, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098089**
(210) 4-2005-11652
(181) 22.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GINKOHEXAL

(151) 24.03.2008
(220) 22.03.2006

(731) HEXAL AG (DE)
Industriestrasse 25, 83607 Holzkirchen, Germany
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098090**
(210) 4-2005-12181
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

MALDINI

(151) 24.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SANA (VN)
Phòng 808, tầng 8, 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu.

---

(111) **4-0098091**
(210) 4-2005-12184
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

CASANO

(151) 24.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SANA (VN)
Phòng 808, tầng 8, 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu.

---

(111) **4-0098092**
(210) 4-2005-12185
(181) 19.09.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

SATANO

(151) 24.03.2008
(220) 19.09.2005

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SANA (VN)
Phòng 808, tầng 8, 27 Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 03: Dầu gội đầu.

---

(111) **4-0098093**
(210) 4-2006-18451
(181) 30.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CaliMS
Audio

(151) 24.03.2008
(220) 30.10.2006

(731) CƠ SỞ GIANG TẤN TRUNG (VN)
197/96i Nguyễn Kim, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 09: Đầu máy đọc đĩa kỹ thuật số; máy tăng âm; loa; đầu máy hát karaoke; máy thu hình; ống nói (micrô).

---

(111) **4-0098094**
(210) 4-2006-18563
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIAPHARTON

(151) 24.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VIỆT ANH (VN)
Ngách 64/49, tổ 87, phố Nguyễn Lương Bằng, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098095**
(210) 4-2006-18564
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIAMAZIN

(151) 24.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VIỆT ANH (VN)
Ngách 64/49, tổ 87, phố Nguyễn Lương Bằng, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098096**
(210) 4-2006-18565
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VIAPADOL-F

(151) 24.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM VIỆT ANH (VN)
Ngách 64/49, tổ 87, phố Nguyễn Lương Bằng, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong y tế.

---

(111) **4-0098097**
(210) 4-2006-06540
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

INHIPRAZ

(151) 24.03.2008
(220) 26.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN Y (VN)
17 Thái Văn Lung, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098098**
(210) 4-2006-06542
(181) 26.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NHAN THANG Travel

(151) 24.03.2008
(220) 26.04.2006

(591) Xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DU LỊCH NHÂN THẮNG (VN)
161 Đào Duy Anh, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 39: Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; vận chuyển hành khách theo hợp đồng; cho thuê xe.

---

(111) **4-0098099**
(210) 4-2006-10684
(181) 10.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 10.07.2006

(531) 2.1.22; 26.4.2; 25.1.6; A25.1.10
(591) Đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, trắng
(731) CƠ SỞ TRẦN TÍN NGHĨA (VN)
533/1 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 03: Hương thắp (nhang).

---

(111) **4-0098100**
(210) 4-2006-14169
(181) 28.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 28.08.2006

(531) 26.4.2; 26.11.2; A26.11.7
(591) Nâu đỏ, xanh dương, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NGHĨA THÀNH (VN)
100 Bình Giã, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán: vật liệu xây dựng, hàng thực phẩm công nghệ, hàng thủy sản, văn phòng phẩm.

Nhóm 36: Mua bán nhà; cho thuê nhà ở.

Nhóm 39: Vận tải hàng hóa bằng đường thủy và đường bộ; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; cho thuê kho bãi.

---

(111) **4-0098101**
(210) 4-2004-01031
(181) 13.02.2014
(450) 25.04.2008 241
(540)

SANDROXIL

(151) 24.03.2008
(220) 13.02.2004

(731) XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 1 (VN)
160 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Thuốc và dược phẩm các loại.

---

(111) **4-0098102**
(210) 4-2006-18578
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 31.10.2006

(531) 2.7.10; A25.1.10
(731) UNILEVER N. V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, The Netherlands
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới (FRESHVIEW CO., LTD.)

(511) Nhóm 03: Bột giặt; chế phẩm và chất sử dụng cho giặt là quần áo; chế phẩm dùng để xử lý lần cuối vải sử dụng trong quá trình giặt; chất làm mềm vải; chế phẩm để tẩy trắng; chế phẩm dùng để tẩy sạch vết bẩn; chế phẩm dùng để khử mùi và làm thơm dùng cho quần áo và các loại vải dệt; xà phòng; xà phòng dùng để làm sáng, trắng đồ vải dệt, chế phẩm dùng để giặt tay; hồ bột để giặt là; chế phẩm dùng để mài, cọ chùi, đánh bóng và làm sạch.

---

(111) **4-0098103**
(210) 4-2006-18631
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 01.11.2006

(531) A1.1.10; 18.3.21; A25.1.10; A18.4.2
(591) Đen, trắng, đen nhạt
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NĂM SAO (VN)
Số 37/256 Đà Nẵng, phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư (CONCETTI)

(511) Nhóm 39: Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường bộ, đường thuỷ; dịch vụ vận chuyển hàng hoá bằng đường thuỷ, đường bộ; cho thuê kho hàng; cho thuê bãi đỗ xe; dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hoá; dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn.

---

(111) **4-0098104**
(210) 4-2006-18650
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 01.11.2006

(531) A24.15.13
(591) Trắng, đỏ, đen, vàng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ HẮC BỬU (VN)
306/353 Cách Mạng Tháng Tám, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 40: Dịch vụ in ấn.

---

(111) **4-0098105**
(210) 4-2006-18616
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 01.11.2006

(531) 26.3.3; A25.3.3
(591) Xanh dương, xanh tím, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 304 (VN)
0.01 chung cư 21-41 đường Tản Đà, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 37: Tư vấn thi công xây dựng hệ thống điện và lắp đặt các thiết bị công trình dân dụng, công trình công nghiệp, trạm điện, đường dây tải điện đến 220KV, chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, cầu đường, bến cảng, hệ thống cấp thoát nước, kỹ thuật hạ tầng đô thị - khu dân cư; xây dựng, sửa chữa, cải tạo, xây lắp thiết bị công trình dân dụng, công trình công nghiệp, trạm điện, đường dây tải điện đến 220KV, mạng thông tin liên lạc, chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, cầu đường, bến cảng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước và môi trường, kỹ thuật hạ tầng đô thị - khu dân cư; san lấp mặt bằng.

---

(111) **4-0098106**
(210) 4-2006-18617
(181) 01.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CHITO DEMAX®

(151) 24.03.2008
(220) 01.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI-SẢN XUẤT PHƯỚC HƯNG (VN)
D16/8D Nguyễn Cửu Phú, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
(740) DNTN Dịch vụ thương mại và sở hữu công nghiệp Song Ngọc (I.P.T.S.)

(511) Nhóm 01: Phân bón.

---

(111) **4-0098107**
(210) 4-2006-18992
(181) 06.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Nam Phú

(151) 24.03.2008
(220) 06.11.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN TÔN (VN)
Số nhà 185, tập thể Nguyễn ái Quốc, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 31: Thức ăn chăn nuôi gia súc, thức ăn chăn nuôi gia cầm, thức ăn cho thủy hải sản.

---

(111) **4-0098108**
(210) 4-2006-19018
(181) 23.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NGỌC TRÂN

(151) 24.03.2008
(220) 23.11.2006

(731) TRẦN LONG (VN)
12/22B đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thanh phố Cần Thơ
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 29: Lạp xưởng.

---

(111) **4-0098109**
(210) 4-2005-04953
(181) 29.04.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 29.04.2005

(531) A1.1.10
(731) CÔNG TY TNHH NGUYỄN SƠN (VN)
Số 17 phố Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 30: Bánh kẹo, bánh mì, mứt, kem lạnh, sô cô la.

Nhóm 35: Buôn bán bánh kẹo, bánh mì, mứt, kem lạnh, sô cô la.

---

(111) **4-0098110**
(210) 4-2006-01950
(181) 13.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 13.02.2006

(531) 5.7.3; 3.4.1
(591) Đen, trắng, xanh lá cây, xanh rêu, nâu, nâu nhạt, nâu hồng, vàng, đỏ, đỏ tươi, hồng phấn
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU ĐỒNG XANH (VN)
105 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 35: Mua bán thịt bò; mua bán rượu vang; mua bán lương thực thực phẩm; mua bán hàng nông sản; mua bán máy móc trang thiết bị ngành công nghiệp; mua bán máy móc trang thiết bị ngành nông nghiệp.

---

(111) **4-0098111**
(210) 4-2006-03684
(181) 16.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NHẬT NGUYỆT

(151) 24.03.2008
(220) 16.03.2006

(731) CÔNG TY TNHH MỸ NGHỆ GỖ NHẬT NGUYỆT (VN)
80/33 Trần Quang Diệu, phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 20: Tranh sơn mài.

Nhóm 41: Dịch vụ vui chơi giải trí gồm: hồ bơi; sân quần vợt; karaoke; bida.

Nhóm 43: Nhà hàng ăn uống; khách sạn.

---

(111) **4-0098112**
(210) 4-2006-09191
(181) 14.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

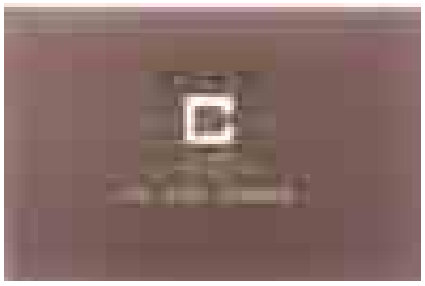

(151) 24.03.2008
(220) 14.06.2006

(531) 26.4.1; 25.1.25; 26.3.23
(591) Nâu, nhũ vàng, trắng
(731) HỘ KINH DOANH CÁ THỂ VÕ VIỆT CHUNG (VN)
Gian 20 số 101 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 25: Quần áo.

Nhóm 42: Thiết kế thời trang.

---

(111) **4-0098113**
(210) 4-2006-12042
(181) 27.07.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 27.07.2006

(531) A19.13.21; A25.3.3; 25.5.1
(591) Xanh nước biển đậm, vàng nhũ
(731) CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HOÀNG GIA (VN)
202 Hồ Văn Huê, phường 09, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 05: Chế phẩm Vitamin; thực phẩm chức năng được chiết xuất từ dược thảo thiên nhiên.

---

(111) **4-0098114**
(210) 4-2006-16894
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

GINGO

(151) 24.03.2008
(220) 09.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)
Số 08A, quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 34: Thuốc lá; thuốc lá điếu.

---

(111) **4-0098115**
(210) 4-2006-16896
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DUSONE

(151) 24.03.2008
(220) 09.10.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM 27/2 (VN)
90A/B54 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098116**
(210) 4-2006-16898
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

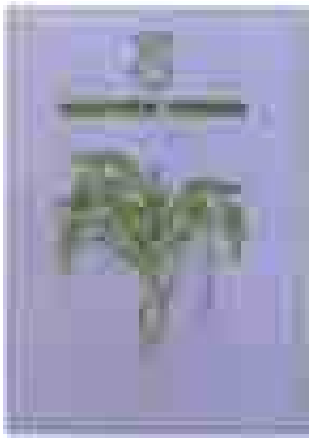

(151) 24.03.2008
(220) 09.10.2006

(531) 4.5.2; 4.5.3; 5.7.3
(591) Ghi nhạt, xanh lá mạ
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT MAI NGUYÊN (VN)
19 VSIP đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 30: Bún tươi ăn liền; bún khô ăn liền; bánh phở tươi ăn liền; phở khô ăn liền; miến ăn liền; mì sợi tươi ăn liền; mì khô ăn liền; hủ tiếu tươi ăn liền; hủ tiếu khô ăn liền; bánh canh tươi ăn liền (bánh canh là loại thực phẩm được chế biến từ bột gạo, bột củ); bánh canh khô ăn liền; cơm ăn liền; cháo ăn liền; hoành thánh ăn liền (hoành thánh là loại thực phẩm được chế biến từ gạo, mì, ngũ cốc); bánh mì; bánh mì nhân thịt; bánh mì nhân hải sản; bánh ngọt; chè ăn liền (chè ăn được nấu từ đậu, ngũ cốc, củ, quả và đường); mì ống tươi; mì ống khô; nui tươi (nui là loại thực phẩm được chế biến từ bột mì, bột gạo); nui khô; mì spagetti tươi (mì spagetti là mì nấu theo kiểu ý); mì spagetti khô; cà phê; bột ngũ cốc; gia vị; nước xốt chiết xuất từ hoa quả.

(111) **4-0098117**
(210) 4-2006-16910
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 09.10.2006

(591) Xanh dương, đỏ
(731) CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THANH QUẢNG (VN)
Tổ 20, ấp Cầu Hang, xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 37: Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp; xây dựng cầu; xây dựng đường.

---

(111) **4-0098118**
(210) 4-2006-20484
(181) 23.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

OP.CARYTIN

(151) 24.03.2008
(220) 23.11.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC (VN)
1017 Hồng Bàng, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098119**
(210) 4-2006-20701
(181) 27.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 27.11.2006

(531) 3.2.1; A3.2.4; 1.5.1; A1.5.2
(591) Vàng, đỏ, xanh lá cây, đen, tím nhạt
(731) CƠ SỞ TOÀN HƯƠNG (VN)
128/14 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 29: Chao.

---

(111) **4-0098120**
(210) 4-2006-22142
(181) 18.12.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 18.12.2006

(531) 26.1.2; 26.1.1; 26.7.25; 26.1.6
(591) Xanh dương, vàng, đỏ, trắng
(731) CÔNG TY TNHH KHÁNH SỸ (VN)
5/103A ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(511) Nhóm 02: Sơn.

---

(111) **4-0098121**
(210) 4-2006-07412
(181) 15.05.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

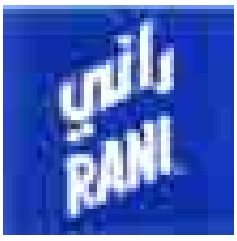

(151) 24.03.2008
(220) 15.05.2006

(531) 26.4.1
(591) Trắng, xanh da trời
(731) AUJAN INDUSTRIES CO. (S.J.C.) (SA)
P.O. Box 990 - Damam 31421 - Saudi Arabia.
(740) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước khoáng (đồ uống); nước uống có ga; đồ uống không chứa cồn; đồ uống từ trái cây không chứa cồn; nước ép trái cây; xi rô để làm đồ uống; chế phẩm để làm đồ uống.

---

(111) **4-0098122**
(210) 4-2006-02131
(181) 16.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DOROSAMIN

(151) 24.03.2008
(220) 16.02.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO (VN)
66 quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

(511) Nhóm 05: Dược phẩm dùng cho người.

---

(111) **4-0098123**
(210) 4-2006-02285
(181) 20.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

ZENTINO

(151) 24.03.2008
(220) 20.02.2006

(731) CÔNG TY TNHH TƯ VẤN CHIẾN LƯỢC S.A.G (VN)
51 bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 16: Bút.

Nhóm 18: Cặp da, túi xách, va li.

Nhóm 35: Mua bán đồng hồ, bút, cặp da, túi xách, va li, văn phòng phẩm.

---

(111) **4-0098124**
(210) 4-2006-05590
(181) 12.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

Ori-Decamin

(151) 24.03.2008
(220) 12.04.2006

(731) KWAN STAR CO., LTD. (TW)
21 F-1, No. 268, Sec.1, Wen Hwa Road, Pan Chiao City, Taipei Hsien, Taiwan
(740) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098125**
(210) 4-2006-08619
(181) 05.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KIDABION

(151) 24.03.2008
(220) 05.06.2006

(731) MERCK CONSUMER HEALTHCARE LIMITED (GB)
Hedon Road, Hull, East Yorkshire, HU9 5NJ, England
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(511) Nhóm 05: Dược chất và chế phẩm dược và y tế; thực phẩm cho trẻ em và người tàn tật; thực phẩm và đồ uống ăn kiêng dùng trong ngành y; chất bổ sung dinh dưỡng dùng trong

ngành y; chế phẩm có chứa thuốc dùng làm chất bổ sung cho thực phẩm; bánh kẹo có chứa thuốc; dầu thực vật và mỡ ăn và chất chiết xuất từ dầu thực vật và mỡ ăn dùng trong ngành y; dầu gan cá tuyết; vitamin; chất khoáng và muối khoáng (dùng cho mục đích ytế); chế phẩm chứa vitamin, chất khoáng và muối khoáng; thuốc bổ (dùng trong ngành y); axít béo omega 3 dùng trong ngành y.

Nhóm 29: Cá (không còn sống); dầu cá không dùng cho mục đích ytế, dầu thực vật và mỡ axit béo omega 3; thực phẩm thuộc thực phẩm thuộc nhóm này có chứa dầu thực vật và mỡ ăn và chất chiết xuất từ dầu thực vật và mỡ ăn; chất ăn kiêng thuộc nhóm này; chất bổ sung dinh dưỡng thuộc nhóm này.

---

(111) **4-0098126**
(210) 4-2006-02366
(181) 21.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 21.02.2006

(531) 3.7.7; A3.7.24; 26.1.2
(591) Đỏ boóc đô, xanh dương
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐÔNG NGUYÊN LAI (VN)
D21 Lê Đức Thọ, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Nam Việt và Liên danh (VIPCO)

(511) Nhóm 35: Mua bán gỗ mỹ nghệ, gốm mỹ nghệ, đá mỹ nghệ, túi xách, tranh nghệ thuật, cây cảnh nghệ thuật.

---

(111) **4-0098127**
(210) 4-2006-03776
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MAXIBOND A

(151) 24.03.2008
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY TERRACO VIỆT NAM (VN)
Xã Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (trừ sơn tĩnh điện, cách nhiệt).

---

(111) **4-0098128**
(210) 4-2006-03777
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

IPEKCY

(151) 24.03.2008
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY TERRACO VIỆT NAM (VN)
Xã Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (trừ sơn tĩnh điện, cách nhiệt).

---

(111) **4-0098129**
(210) 4-2006-03778
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

MARMORINO

(151) 24.03.2008
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY TERRACO VIỆT NAM (VN)
Xã Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (trừ sơn tĩnh điện, cách nhiệt).

---

(111) **4-0098130**
(210) 4-2006-03779
(181) 17.03.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VELVET - TEX

(151) 24.03.2008
(220) 17.03.2006

(731) CÔNG TY TERRACO VIỆT NAM (VN)
Xã Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

(511) Nhóm 02: Sơn (trừ sơn tĩnh điện, cách nhiệt).

---

(111) **4-0098131**
(210) 4-2006-04833
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VENUSIA

(151) 24.03.2008
(220) 03.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH DV TM & SX ANH SƠN (VN)
Thôn Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Bột bả tường trong và ngoài dùng cho xây dựng.

---

(111) **4-0098132**
(210) 4-2006-04834
(181) 03.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 03.04.2006

(531) 26.1.2; 3.7.17
(731) CÔNG TY TNHH DV TM & SX ANH SƠN (VN)
Thôn Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 19: Vật liệu xây dựng phi kim loại.

---

(111) **4-0098133**
(210) 4-2006-05713
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

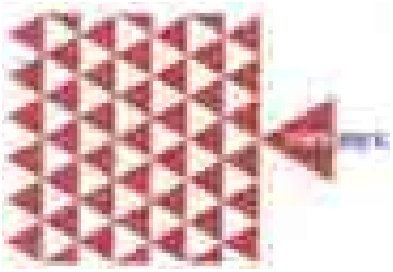

(151) 24.03.2008
(220) 13.04.2006

(531) 26.3.4; A25.7.5
(591) Trắng, đỏ, xanh da trời, đen
(731) CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QTC (VN)
17/33, khu phố 7, Linh Đông, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Tủ điện, tủ mạng điện.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, tiếp thị, quảng cáo sản phẩm: tủ điện, tủ mạng.

---

(111) **4-0098134**
(210) 4-2006-05717
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

NATHYMINE

(151) 24.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI MAY (VN)
Số 21, ngõ 68, đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

(111) **4-0098135**
(210) 4-2006-05718
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DROLPA

(151) 24.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI MAY (VN)
Số 21, ngõ 68, đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ và Công nghệ Thủ đô (CAPITAL IP&T CO.LTD.)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098136**
(210) 4-2006-05794
(181) 14.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 14.04.2006

(531) 2.3.1
(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHỊ SƠN (VN)
60/42 Phạm Hồng Thái, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 30: Trà.

---

(111) **4-0098137**
(210) 4-2006-06678
(181) 28.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

KINDAI
The Perfect Choice

(151) 24.03.2008
(220) 28.04.2006

(731) CƠ SỞ CÔNG NÔNG THƯƠNG (VN)
368A Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 12: Săm, lốp xe hai bánh.

---

(111) **4-0098138**
(210) 4-2006-05574
(181) 12.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 12.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH VÀ SẢN XUẤT HƯƠNG NGỌC (VN)
Số 64/2B Trần Đình Xu, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

(511) Nhóm 35: Giới thiệu sản phẩm, tổ chức triển lãm với mục đích thương mại hoặc quảng cáo, quảng cáo, hãng xuất nhập khẩu, buôn bán ký gửi hàng hoá, bán đấu giá.

Nhóm 44: Thẩm mỹ viện, làm tóc, xoa bóp, phẫu thuật thẩm mỹ, mỹ viện, phẫu thuật tạo hình.

---

(111) **4-0098139**
(210) 4-2006-08575
(181) 02.06.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 02.06.2006

(531) 18.1.21; 1.15.15
(591) Xanh lá cây đậm, xanh lá cây nhạt, trắng
(731) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VŨ QUỐC BẢO (QUOC BAO VU COMPANY LIMITED) (VN)
Số 18 Mạc Thanh Đạm, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(511) Nhóm 35: Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ; mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ; mua bán nhiên liệu khác dùng trong động cơ; mua bán xăm, lốp xe đạp.

---

(111) **4-0098140**
(210) 4-2007-06460
(181) 13.04.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

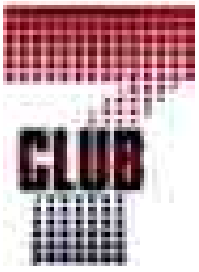

(151) 24.03.2008
(220) 13.04.2007

(531) A25.7.3; A25.7.4
(591) Đỏ, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN THÔNG I.M.P (VN)
Số 8 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 09: Băng, đĩa nhạc quảng cáo.

Nhóm 35: Mua bán các sản phẩm phần mềm ứng dụng trên internet, trên điện thoại và các phần mềm hỗ trợ doanh nghiệp; mua bán phim quảng cáo; tư vấn tiếp thị; tư vấn xây dựng các chiến lược truyền thông; quảng cáo thương mại; tổ chức các sự kiện thương mại; môi giới, xúc tiến thương mại; đại lý phát hành xuất bản phẩm.

Nhóm 40: Dịch vụ in ấn; dịch vụ tráng rửa phim ảnh.

Nhóm 41: Chụp ảnh quảng cáo; xuất bản sách báo.

Nhóm 42: Thiết kế tạo mẫu sản phẩm (không bao gồm thiết kế công trình).

---

(111) **4-0098141**
(210) 4-2007-18602
(181) 18.09.2017
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 18.09.2007

(531) 26.7.25; 26.1.1; 26.3.1; 26.5.1; 26.11.3
(591) Xanh tím, xanh da trời, vàng, trắng, đen
(731) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH LINH (KHALI CO., LTD) (VN)
299/8F Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(511) Nhóm 06: Cửa, tay vịn lan can, trụ cầu thang, cầu thang, kẹp kính, bản lề, tất cả làm bằng kim loại.

Nhóm 19: Cửa gỗ, lan can gỗ, cầu thang gỗ, kính xây dựng.

---

(111) **4-0098142**
(210) 4-2006-02399
(181) 22.02.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 22.02.2006

(531) 9.9.1; A3.6.11
(591) Nâu, đen, trắng
(731) HIỆP HỘI DA GIÀY VIỆT NAM (VN)
Số 7, phố Đào Duy Anh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 25: Giày, dép, đồ đi chân và quần áo.

---

(111) **4-0098143**
(210) 4-2005-14286
(181) 26.10.2015
(450) 25.04.2008 241
(540)

HERBALIFELINE

(151) 24.03.2008
(220) 26.10.2005

(731) HERBALIFE INTERNATIONAL, INC. (US)
1800 Century Park East, Los Angeles, California 90067, United States of America
(740) Công ty TNHH A.M.B.Y.S tại Hà Nội (AMBYS HA NOI BRANCH)

(511) Nhóm 05: Sản phẩm bổ sung chất dinh dưỡng cho cơ thể dùng khi ăn kiêng dưới dạng viên nén hay viên nhộng chứa dầu cá (một dạng sản phẩm cụ thể của dầu cá).

---

(111) **4-0098144**
(210) 4-2006-05662
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

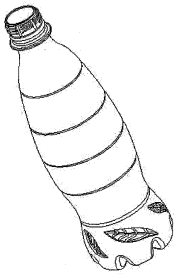

(151) 24.03.2008
(220) 13.04.2006

(531) 5.3.11; A5.3.15; 19.7.1
(731) BEVERAGE PARTNERS WORLDWIDE S.A. (CH)
In der Luberzen 42, Urdorf, Switzerland CH-8902
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè; cao cao; chất chiết xuất từ cà phê; đồ uống làm từ cà phê được chế biến sẵn; cà phê ướp lạnh; chất thay thế cà phê và chiết xuất từ chất thay thế cà phê; chất chiết xuất từ chè, đồ uống làm từ chè được chế biến sẵn; chè ướp lạnh; bột cà phê; bột cacao; bột sôcôla; đồ uống chế trên cơ sở cacao được chế biến sẵn; đồ uống chế trên cơ sở sôcôla được chế biến sẵn.

Nhóm 32: Đồ uống không chứa cồn; nước uống; nước uống có hương vị; nước khoáng và nước có ga; nước ngọt; nước uống tăng lực (nước giải khát không dùng cho mục đích y tế); đồ uống tăng cường sức lực dùng trong thể thao (không dùng cho mục đích y tế); đồ uống hoa quả và nước ép trái cây; sirô; chất cô đặc và bột dùng để làm đồ uống bao gồm cả nước uống có hương vị, nước khoáng và nước có ga, nước ngọt, nước uống tăng lực (nước giải khát không dùng cho mục đích y tế), đồ uống tăng cường sức lực dùng trong thể thao (không dùng cho mục đích y tế), đồ uống hoa quả và nước ép trái cây.

---

(111) **4-0098145**
(210) 4-2006-05663
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

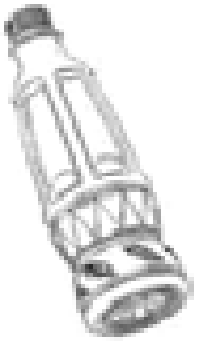

(151) 24.03.2008
(220) 13.04.2006

(531) 19.7.1; A19.7.16; 5.3.11; A5.3.15
(731) BEVERAGE PARTNERS WORLDWIDE S.A. (CH)
In der Luberzen 42, Urdorf, Switzerland CH-8902
(740) Văn phòng Luật sư Đoàn Hồng Sơn (VPLS DOANHONGSON)

(511) Nhóm 30: Cà phê; chè; cao cao; chất chiết xuất từ cà phê; đồ uống làm từ cà phê được chế biến sẵn; cà phê ướp lạnh; chất thay thế cà phê và chiết xuất từ chất thay thế cà phê; chất chiết xuất từ chè, đồ uống làm từ chè được chế biến sẵn; chè ướp lạnh; bột cà phê; bột cacao; bột sôcôla; đồ uống chế trên cơ sở cacao được chế biến sẵn; đồ uống chế trên cơ sở sôcôla được chế biến sẵn.

Nhóm 32: Đồ uống không chứa cồn; nước uống; nước uống có hương vị; nước khoáng và nước có ga; nước ngọt; nước uống tăng lực (nước giải khát không dùng cho mục đích y tế); đồ uống tăng cường sức lực dùng trong thể thao (không dùng cho mục đích y tế); đồ uống hoa quả và nước ép trái cây; sirô; chất cô đặc và bột dùng để làm đồ uống bao gồm cả nước uống có hương vị, nước khoáng và nước có ga, nước ngọt, nước uống tăng lực (nước giải khát không dùng cho mục đích y tế), đồ uống tăng cường sức lực dùng trong thể thao (không dùng cho mục đích y tế), đồ uống hoa quả và nước ép trái cây.

---

(111) **4-0098146**
(210) 4-2006-10840
(181) 02.08.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

VACUNA ORAL CASASCO

(151) 24.03.2008
(220) 02.08.2006

(731) CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT PHÁP (VN)
P9 H17, tổ 48, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098147**
(210) 4-2006-19061
(181) 07.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 07.11.2006

(531) 26.11.3; A26.11.9; 14.1.5; A14.1.22; 26.1.1
(591) Vàng, đỏ, xanh, đen, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ VẬT TƯ HẢI PHÒNG (VN)
Km 92, quốc lộ 5, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(740) Công ty TNHH Tư vấn quản trị thương hiệu Việt (V_MARQUE)

(511) Nhóm 06: Cáp thép công nghiệp, que hàn điện.

---

(111) **4-0098148**
(210) 4-2006-15525
(181) 15.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 15.09.2006

(531) 26.4.2
(731) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THU HẢO (VN)
72 Phạm Ngọc Thạch, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)

(511) Nhóm 32: Nước tinh khiết (đồ uống), nước khoáng (đồ uống), đồ uống không chứa cồn; nước ép trái cây; nước có gaz.

---

(111) **4-0098149**
(210) 4-2006-18816
(181) 02.11.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

DINKAI

(151) 24.03.2008
(220) 02.11.2006

(731) CÔNG TY TNHH CÔNG KỸ NGHỆ VIỆT NHẬT (VN)
Số 436A, phố Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 12: Phụ tùng xe máy: nhông, xích, đĩa.

---

(111) **4-0098150**
(210) 4-2006-05685
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

PHYTOCAN

(151) 24.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HOÁ SINH VÀ CÁC SẢN PHẨM TỰ NHIÊN (VN)
Số 68, Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Bột dinh dưỡng giàu canxi từ ngũ cốc (hỗ trợ phòng chống thiếu hụt canxi và bồi bổ thể lực) dùng cho trẻ em, người lớn, người già.

---

(111) **4-0098151**
(210) 4-2006-05686
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

CANOPHIN

(151) 24.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HOÁ SINH VÀ CÁC SẢN PHẨM TỰ NHIÊN (VN)
Số 68, Vân Hồ 3, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(511) Nhóm 05: Bột dinh dưỡng chế biến từ thực vật (hỗ trợ phòng chống các bệnh về mắt) cho trẻ em, người lớn, người già.

---

(111) **4-0098152**
(210) 4-2006-05711
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

SAIZEN

(151) 24.03.2008
(220) 13.04.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỆT - NHẬT (VN)
J8, cư xá Phú Lâm B, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 09: Máy tính điện tử, từ điển điện tử, máy chiếu, thiết bị dạy học nghe nhìn, máy vi tính.

---

(111) **4-0098153**
(210) 4-2006-05712
(181) 13.04.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 13.04.2006

(531) 26.4.3; 26.3.1
(591) Nâu, da cam
(731) CÔNG TY TNHH GẠCH MEN NHÀ Ý (VN)
Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 19: Gạch men.

Nhóm 35: Mua bán, xuất nhập khẩu, tiếp thị, quảng cáo sản phẩm gạch men.

---

(111) **4-0098154**
(210) 4-2006-16185
(181) 26.09.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

BODEGA PRIVADA

(151) 24.03.2008
(220) 26.09.2006

(731) RPB S.A. (AR)
Av. de mayo 633 (6th floor Of.24), (1084) Buenos Aires, Argentine Republic
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(511) Nhóm 33: Rượu vang; đồ uống có cồn (trừ bia); rượu.

---

(111) **4-0098155**
(210) 4-2006-16660
(181) 04.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 04.10.2006

(531) 26.1.1; 1.5.1; A1.5.2
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC TOÀN CẦU (VN)
Số 5, ngõ 62, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)

(511) Nhóm 35: Thông tin về thương mại; giới thiệu sản phẩm; xuất nhập khẩu; tổ chức hội chợ nhằm mục đích thương mại hoặc quảng cáo; siêu thị; bán đấu giá.

Nhóm 41: Giáo dục đào tạo; tổ chức và điều khiển hội nghị hội thảo; dịch vụ thư viện lưu động; xuất bản sách; dịch vụ câu lạc bộ giải trí hoặc giáo dục; dịch vụ về giáo dục giảng dạy.

Nhóm 42: Tư vấn thiết kế trong xây dựng; thiết kế phần mềm máy tính; tư vấn trong lĩnh vực phần cứng máy tính; nghiên cứu dự án kỹ thuật; kiểm định (đo lường); tư vấn và chuyển giao công nghệ.

---

(111) **4-0098156**
(210) 4-2006-16914
(181) 09.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 09.10.2006

(531) 7.1.24; 26.1.1; 26.3.23
(591) Nâu vàng, vàng, đỏ, đen
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ NGHỆ NỘI THẤT NAM HÀ (VN)
KM 104, quốc Lộ 10, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

(511) Nhóm 20: Đồ gỗ gia dụng và văn phòng cụ thể là các sản phẩm dùng cho nội, ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ, kệ, giá để đồ đạc làm bằng gỗ.

---

(111) **4-0098157**
(210) 4-2006-17424
(181) 17.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

(151) 24.03.2008
(220) 17.10.2006

(531) 26.4.4; 26.4.9
(591) Xanh, trắng
(731) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KIM NGÂN (VN)
Tầng 9, toà nhà CTM, 299 Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(740) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(511) Nhóm 06: Sắt (dạng thô hoặc bán thành phẩm); thép (dạng thô hoặc bán thành phẩm); ống thép.

Nhóm 35: Xuất nhập khẩu (trực tiếp và uỷ thác); mua bán vật liệu xây dựng, vật tư ngành thép; mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng; mua bán hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, đlện công nghiệp, hàng kim khí, điện máy; mua bán ô tô, tàu, thuyền chở khách mới và đã qua sử dụng.

Nhóm 37: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng; trang trí nội, ngoại thất.

Nhóm 39: Đại lý vận tải.

Nhóm 43: Dịch vụ ăn uống, giải khát do nhà hàng thực hiện.

---

(111) **4-0098158**
(210) 4-2006-18508
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

TV-Droxil

(151) 24.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM (VN)
27 Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098159**
(210) 4-2006-18509
(181) 31.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

EUCATUSDINE

(151) 24.03.2008
(220) 31.10.2006

(731) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM (VN)
27 Điện Biên Phủ, khóm 2, phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

(511) Nhóm 05: Dược phẩm.

---

(111) **4-0098160**
(210) 4-2006-17873
(181) 24.10.2016
(450) 25.04.2008 241
(540)

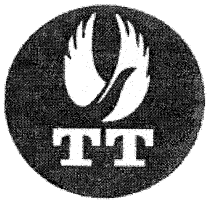

(151) 24.03.2008
(220) 24.10.2006

(531) 3.7.16; 26.1.1; A3.7.24
(731) NGUYỄN VĂN ĐOÀN (VN)
Thôn Dương Ổ, xã Phong Khê, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

(511) Nhóm 16: Giấy nhà vệ sinh, khăn ăn bằng giấy, hộp các tông bằng giấy, khăn giấy thơm.

PHẦN V

NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC BẢO HỘ TẠI VIỆT NAM THEO THOẢ ƯỚC MADRID

Phần này chỉ công bố các nhãn hiệu hàng hoá đăng ký theo Thoả ước Madrid và được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam. Trong đó, Danh mục hàng hoá, dịch vụ (mã số (511) chỉ công bố đến nhóm sản phẩm theo Bảng phân loại quốc tế về nhãn hiệu hàng hoá và dịch vụ. Mọi thông tin chi tiết hơn về hàng hoá, sản phẩm sẽ được Cục sở hữu công nghiệp thông báo riêng nếu có yêu cầu của người cần dùng tin.

A – NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ MỚI ĐĂNG KÝ

(111) **492286**
(822) 05.09.1981 947 324 ES
(171) 10 năm
(540)
ALMAX

(151) 08.04.1985
(831) 16.01.2007 VN
(450) 1985/4 LMi (01.06.1985)
(732) LABORATORIOS ALMIRALL S.A.
Ronda General Mitre, 151, E-08022 Barcelona (ES)

(511) 05.

---

(111) **509329**
(822) 18.08.1986 1 368 048 FR
(171) 10 năm
(540)
SAMALENS

(151) 02.02.1987
(831) 06.02.2007 VN
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) ARMAGNAC SAMALENS - STE DES VIEILLES EAUX-DE-VIE D'ARMAGNAC (société par actions simplifiée)
F-32110 Laujuzan (FR)

(511) 33.

---

(111) **547036**
(822) 14.06.1989 1 536 478 FR
(171) 20 năm
(540)
HIGHWARE

(151) 27.11.1989
(831) 25.01.2007 VN
(450) 1990/1 LMi (15.03.1990)
(732) EDITIONS HIGHWARE
43, rue Richer, F-75009 PARIS (FR)

(511) 09, 16, 35, 38, 41, 42.

---

(111) **583505**
(822) 21.08.1991 1 715 497 FR
(171) 20 năm
(540)

(151) 21.02.1992
(831) 19.01.2007 VN
(450) 1992/4 LMi (18.06.1992)
(531) 27.01.07, 27.05.01, 29.01.00
(591) Xanh lá cây, đỏ, đen và trắng
(732) ETESIA (Société par actions Simplifiée)
13 rue de l'Industrie, F-67160 WISSEMBOURG (FR)

(511) 07, 12.

---

(111) **650564**
(822) 23.08.1995 573.738 BX
(171) 20 năm
(540)

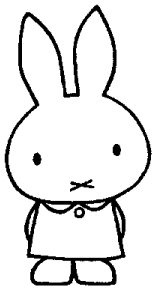

(151) 07.02.1996

(450) 1996/2 LMi (23.04.1996)
(531) 03.05.01
(732) MERCIS B.V.
3, Johannes Vermeerplein, NL-1071 DV AMSTERDAM (NL)

(511) 03, 06, 09, 14, 15, 16, 18, 21, 24, 25, 26, 27, 28.

---

(111) **657655**
(822) 16.11.1995 580.584 BX
(171) 10 năm
(540)

MIFFY

(151) 10.04.1996

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) MERCIS B.V.
Johannes Vermeerplein 3, NL-1071 DV AMSTERDAM (NL)

(511) 03, 06, 09, 14, 15, 16, 18, 21, 24, 25, 26, 27, 28.

---

(111) **736956**
(822) 10.04.2000 399 79 285.6/01 DE
(171) 10 năm
(540)

WEICON

(151) 20.05.2000
(831) 26.06.2006 VN
(450) 2000/15 Gaz (31.08.2000)
(732) WEICON GmbH & Co. KG
255, Königsberger Strasse, 48157 Münster (DE)

(511) 01, 02, 04, 08, 17.

---

(111) **762527**

(171) 10 năm

(540)

(511) 07, 09, 11, 12, 37.

(151) 27.04.2001
(831) 29.08.2006 VN
(450) 2001/19 Gaz (25.10.2001)
(531) 03.07.17, 26.11.03, 29.01.01
(732) Honda Motor Co., Ltd.
1-1, Minami-aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 (JP)

---

(111) **762837**

(171) 10 năm

(540)

HONDA

(511) 07, 09, 11, 12, 37.

(151) 27.04.2001
(831) 29.08.2006 VN
(450) 2004/8 Gaz (20.05.2004)
(531) 27.05.01, 29.01.01
(732) Honda Motor Co., Ltd.
1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 (JP)

---

(111) **795257**
(822) 13.09.2002 302 30 251.4/35 DE
(171) 10 năm
(540) Sotheby's International Realty

(511) 35, 36, 42.

(151) 20.12.2002
(831) 20.02.2007 VN
(450) 2003/2 Gaz (06.03.2003)
(732) Sotheby's
34-35 New Bond Street, London W1A 2AA (GB)

---

(111) **802010**
(822) 12.03.2003 884347 IT
(171) 10 năm
(540)

BRUNO PREMI

(511) 14, 18, 25.

(151) 12.03.2003
(831) 29.11.2006 VN
(450) 2003/10 Gaz (26.06.2003)
(732) BRUEL S.R.L.
61, Largo Parolini, I-36061 BASSANO DEL GRAPPA (Vicenza) (IT)

---

(111) **830486**
(822) 24.10.2003 516781 CH
(171) 10 năm
(540)

TOP GUN

(151) 03.05.2004
(831) 15.02.2007 VN
(450) 2004/26 Gaz (23.09.2004)
(732) Richemont International SA
Route des Biches 10, CH-1752 Villars-sur-Glâne (CH)

(511) 14.

---

(111) **834676**
(822) 30.03.2004 151843 PL
(171) 10 năm
(540)

Fitolizyna
Phytolysin
ФИТОЛИЗИН
ФІТОЛІЗИН

(151) 20.08.2004
(831) 24.11.2006 VN
(450) 2004/36 Gaz (02.12.2004)
(531) 26.01.18, 26.01.24, 27.05.01, 28.05.00
(732) Warszawskie Zaklady Zielarskie HERBAPOL
ul. Olówkowa 54, PL-05-800 Pruszków (PL)

(511) 05.

---

(111) **836596**
(822) 10.09.2002 504280 CH
(171) 10 năm
(540)

CAPSIBIOL - T

(151) 01.09.2004
(831) 12.12.2006 VN
(450) 2004/40 Gaz (30.12.2004)
(732) ACTIBIOL SA
Rue de la Scie 4-6, CH-1207 Genève (CH)

(511) 05, 42.

---

(111) **837810**
(171) 10 năm
(540)

FRAXEL

(151) 06.10.2004
(831) 07.03.2007 VN
(450) 2004/42 Gaz (13.01.2005)
(732) Reliant Technologies, Inc.
464 Ellis Street, Mountain View, CA 94043 (US)

(511) 10.

---

(111) **840495**
(822) 20.09.2004 526389 CH
(171) 10 năm
(540)

AFIRMIAN

(151) 05.11.2004
(831) 21.02.2007 VN
(450) 2005/5 Gaz (10.03.2005)
(732) Novartis AG
CH-4002 Basel (CH)
(750) NOVARTIS AG, Corporate Intellectual Property Global Trademark Section
CH-4002 Basel (CH)

(511) 05.

---

(111) **850377**
(822) 23.02.2005 305 00 823.4/05 DE
(171) 10 năm
(540)

Ringerfundin

(151) 01.04.2005
(831) 12.02.2007 VN
(450) 2005/23 Gaz (14.07.2005)
(732) B. Braun Melsungen Aktiengesellschaft
Carl-Braun-Strasse 1, 34212 Melsungen (DE)
(750) B. Braun Melsungen AG, Markenstelle PL-LA-DE08P
Postfach 1120, 34209 Melsungen (DE)

(511) 05.

---

(111) **860988**
(171) 10 năm
(540)

KRIS VAN ASSCHE

(151) 10.12.2004
(831) 22.02.2007 VN
(450) 2006/27 Gaz (10.08.2006)
(732) Kris VAN ASSCHE
8 rue de Trévise, F-75009 PARIS (FR)

(511) 03, 18, 25.

---

(111) **862270**
(171) 10 năm
(540)

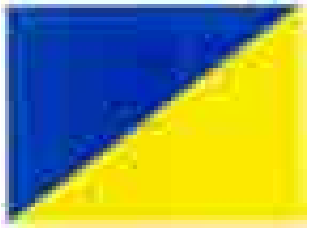

(151) 18.10.2004
(831) 26.01.2007 VN
(450) 2005/39 Gaz (03.11.2005)
(531) 25.05.03, 29.01.12
(732) SOHGO SECURITY SERVICES CO., LTD.
1-6-6, Moto Akasaka, Minato-ku, Tokyo 107-8511 (JP)

(511) 09, 12, 45.

---

(111) **876413**
(822) 03.01.2005 304 53 876.0/11 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 26.02.2005
(831) 08.02.2007 VN
(450) 2006/9 Gaz (06.04.2006)
(531) 03.05.01, 26.01.15, 26.04.04, 26.04.10, 29.01.13
(591) Xanh lá cây, đen, trắng
(732) Vaillant GmbH
Berghauser Str. 40, 42859 Remscheid (DE)
(750) Vaillant GmbH
42850 Remscheid (DE)

(511) 06, 07, 09, 11, 16, 17, 35, 37, 39, 40, 41, 42.

---

(111) **893741**
(822) 02.06.2005 305 18 789.9/09 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 29.09.2005
(831) 15.12.2006 VN
(450) 2006/35 Gaz (05.10.2006)
(531) 26.01.04, 29.01.12
(591) Đỏ và bạc
(732) AgfaPhoto Holding GmbH
Hohenzollernring 55, 50672 Köln (DE)

(511) 01, 09, 16, 17, 40, 41.

---

(111) **894340**
(822) 01.10.1996 396 16 683.0/04 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 31.05.2006
(831) 21.12.2006 VN
(450) 2007/37 Gaz (18.10.2007)
(531) 26.04.07, 26.04.10, 26.04.11, 26.11.03, 27.05.01, 29.01.04, 29.01.06
(591) Xanh da trời và trắng
(732) Ventilatorenfabrik Oelde GmbH
Robert-Schumann-Ring 21, 59302 Oelde (DE)

(511) 04, 07, 11.

---

(111) **901828**

(171) 10 năm

(540)

ADVAGRAF

(511) 05.

(151) 13.10.2006
(831) 28.02.2007 VN
(450) 2006/44 Gaz (07.12.2006)
(732) Astellas Pharma Inc.
3-11, Nihonbashi-Honcho 2 chome, Chuo-ku, Tokyo 103-8411 (JP)

---

(111) **903241**
(822) 11.01.2005 1037336 AU
(171) 10 năm
(540)

WILD OATS

(511) 33.

(151) 14.09.2006
(831) 01.02.2007 VN
(450) 2007/36 Gaz (11.10.2007)
(732) Oatley Family Wines Pty Ltd
Level 3, 100 Pacific Highway, St Leonards NSW 2065 (AU)

---

(111) **913719**
(822) 03.03.2006 305 67 469.2/05 DE
(171) 10 năm
(540)

WELLENZYM

(511) 03, 05, 29.

(151) 13.11.2006

(450) 2007/36 Gaz (11.10.2007)
(732) Lindopharm GmbH
Neustrasse 82, 40721 Hilden (DE)

---

(111) **913721**
(822) 16.06.2006 308668 RU
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 35, 38, 41.

(151) 23.06.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 26.04.02, 26.04.09, 27.05.01, 29.01.03, 29.01.06, 29.01.08
(591) Đen, trắng và xanh lá cây
(732) Autonomous nonprofit organization "TV-Novosti"
Zubovsky boulevard, 4, RU-119021 Moscow (RU)

---

(111) **913737**
(822) 25.07.2006 2698870-4 ES
(171) 10 năm
(540)

adoos

(511) 38.

(151) 25.07.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) ADOOS CLASSIFIEDS, S.L.
C/ Luis García, 5-1º E, E-28223 POZUELO DE ALARCÓN (MADRID) (ES)

---

(111) **913745**
(822) 19.12.2006 2.719.360 ES
(171) 10 năm
(540)

UROXACT

(511) 05.

(151) 22.12.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) LABORATORIOS S.A.L.V.A.T., S.A.
Gall, 30-36, E-08950 ESPLUGUES DE LLOBREGAT (BARCELONA) (ES)

---

(111) **913782**
(822) 10.01.2007 1033040 IT
(171) 10 năm
(540)

SBI Banca
SOCIETÀ DI BANCHE ITALIANE

(511) 35, 36, 41.

(151) 10.01.2007

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 24.17.02, 26.03.23
(732) UNIONE DI BANCHE ITALIANE SOCIETÀ COOPERATIVE PER AZIONI
Piazza V. Veneto, 8, I-24122 Bergamo (BG) (IT)

---

(111) **913788**
(822) 21.11.2006 306 32 989.1/35 DE
(171) 10 năm
(540)

BASE
TECHNOLOGIES

(511) 35, 36, 41, 42, 44.

(151) 23.11.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 26.04.18, 27.05.24
(732) BASE CONSULT GmbH
Steinsdorfstraße 19, 80538 München (DE)

---

(111) **913790**
(822) 21.11.2006 306 32 990.5/35 DE
(171) 10 năm
(540)

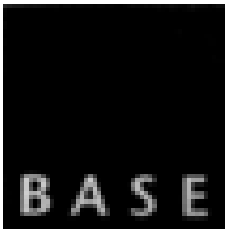

(511) 35, 36, 41, 42, 44.

(151) 23.11.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 27.05.24
(732) BASE CONSULT GmbH
Steinsdorfstraße 19, 80538 München (DE)

---

(111) **913814**
(822) 19.12.2006 1031912 IT
(171) 10 năm
(540)

roberto botticelli

(511) 03, 09, 14.

(151) 19.12.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) ERREBI SPA
scn, Strada Provinciale Brancadoro, I-63019 SANT'ELPIDIO A MARE (AP) (IT)

---

(111) **913816**
(822) 16.02.2006, 305 76 946.4/42 DE
(171) 10 năm
(540)

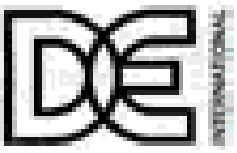

(511) 35, 36, 41 , 42, 45.

(151) 30.03.2006

(450) 2007/9 Gaz, 05.04.2007
(732) DIHK Service GmbH
Breite Strasse 29
10178 Berlin (DE)

---

(111) **913824**

(171) 10 năm
(540)

(511) 35, 43.

(151) 13.11.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 27.05.01, 27.07.01
(732) KABUSHIKI KAISHA HOTEL 1-2-3 (HOTEL 1-2-3 CO., LTD.)
5-7, Kawaramachi 3-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-0048 (JP)

---

(111) **913826**
(822) 03.08.2006 306 32 904.2/25 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 06.11.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 26.04.18, 27.05.24, 29.01.12
(591) Xám và trắng
(732) The Alba AG
Postfach 1618, FL-9490 Vaduz (LI), Kistlerhofstr. 168, München (DE)

(511) 16, 18, 25, 42.

---

(111) **913831**
(822) 30.05.2005 305 09 726.1/07 DE
(171) 10 năm
(540) Multivario

(151) 12.08.2005

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) Klaus Multiparking GmbH
Hermann-Krum-Straße 2, 88319 Aitrach (DE)

(511) 07, 37.

---

(111) **913835**
(822) 19.10.2006 306 34 214.6/40 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.11.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 27.05.01, 29.01.12
(591) Xanh lá cây và xanh da trời
(732) Schirm GmbH
Geschwister-Scholl-Str. 127, 39218 Schönebeck (DE)

(511) 35, 39, 40, 42.

---

(111) **913879**
(822) 26.06.2006 1013341 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.09.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 24.01.05
(732) Marco FANTINI MUZZARELLI
Viale dei Poggio Imperiale, 15/A, I-50125 FIRENZE (IT)

(511) 25.

---

(111) **913894**
(822) 28.07.2006 06 3 412 000 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.08.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 27.05.10, 29.01.12
(591) Đỏ và trắng
(732) COMPAGNIE GERVAIS DANONE
17 boulevard Haussmann, F-75009 PARIS (FR)

(511) 05, 29, 32.

---

(111) **913901**
(822) 30.05.2006 548340 CH
(171) 10 năm
(540)

(151) 25.08.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 03.01.15
(732) WWF-World Wide Fund for Nature (Formerly World Wildlife Fund)
Avenue du Mont-Blanc, CH-1196 Gland (CH)
(750) WWF International Attention Mrs Raphoz
Avenue du Mont-Blanc, CH-1196 Gland (CH)

(511) 14, 16, 25, 35, 41.

---

(111) **913928**
(822) 08.08.2006 2704450 ES
(171) 10 năm
(540)

CHIVITE 1647

(151) 11.09.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) HEREDEROS DE JULIAN CHIVITE, S.L.
Castello, 30 1° Dcha, E-28001 MADRID (ES)

(511) 33.

---

(111) **913934**
(822) 24.07.2006 2006-68764 JP
(171) 10 năm
(540)

Ninja Loan

(151) 02.10.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.09.2007)
(732) Mizuho Corporate Bank, Ltd.
1-3-3, Marunouchi,
Chiyoda, Tokyo 100-8210 (JP)

(511) 36.

---

(111) **913942**
(822) 22.08.1997 4047213 JP
(171) 10 năm
(540)

(511) 36.

(151) 08.09.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 05.03.11, 05.03.13, 24.17.25
(732) NOMURA HOLDINGS, INC.
9-1, Nihonbashi 1-chome, Chuuou-ku, Tokyo 103-8011 (JP)

---

(111) **913943**
(822) 13.10.2006 1024700 IT
(171) 10 năm
(540)

POWERCUBE

(511) 09.

(151) 13.10.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) ABB POWER TECHNOLOGIES S.p.A.
Via Vittor Pisani, 16, I-20124 MILANO (IT)

---

(111) **913975**
(822) 23.10.2006 180341 PL
(171) 10 năm
(540)

MELOXIPOL

(511) 05.

(151) 19.01.2007

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) ZAKŁADY FARMACEUTYCZNE "POLPHARMA" SPÓŁKA AKCYJNA
Ul. Pelplińska 19, PL-83-200 STAROGARD GDAŃSKI (PL)

---

(111) **913977**
(822) 02.08.2006 1016661 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 29, 30, 32.

(151) 18.08.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 25.03.01, 26.01.24, 27.05.24
(732) F.B.F. S.p.A.
Via degli Artigiani, I-26014 ROMANENGO (Cremona) (IT)

---

(111) **913978**
(822) 27.11.2006 1029163 IT
(171) 10 năm
(540)

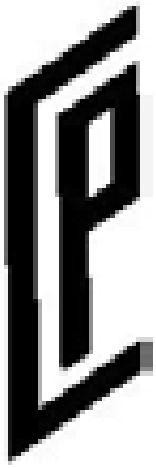

(511) 03, 09, 14, 16, 18, 20, 21, 24, 25, 34.

(151) 27.11.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 27.05.01
(732) CARLO PIGNATELLI S.P.A.
Via G. Reiss Romoli, 150, I-10148 TORINO (IT)

---

(111) **913995**
(822) 01.06.2000 659481 BX
(171) 10 năm
(540)

LEDÛB

(511) 25.

(151) 14.02.2007

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) Van Winkel Fashions B.V.
Gastelseweg 74, NL-6021 GM Budel (NL)

---

(111) **914010**
(822) 17.11.2006 06 3 434 921 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 35, 36, 39, 41, 42, 43, 44.

(151) 29.11.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 26.11.13, 27.05.11, 29.01.13
(591) Xanh da trời; cam
(732) CITADINES (Société Anonyme)
120 rue Jean Jaurès, F-92532 LEVALLOIS-PERRET CEDEX (FR)

---

(111) **914040**
(822) 01.12.2006 2.726.058 ES
(171) 10 năm
(540)

(511) 28.

(151) 11.12.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 09.07.01, 19.03.03, 21.01.01, 21.01.09, 21.01.16, 21.01.25, 29.01.15
(591) Vàng, đỏ, đen, trắng, xanh da trời và xám
(732) EDUCA BORRAS S.A.
Osona 1, Polig. Ind. Can Casablancas, E-08192 SANT QUIRZE DEL VALLES (Barcelona) (ES)

---

(111) **914046**

(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 36.

(151) 06.09.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 26.04.09, 26.04.19, 27.05.01
(732) Adjustit Pty Ltd
PO Box 5752, Brendale Business Centre, QLD 4520 (AU)

---

(111) **914062**
(822) 27.04.2006 2681620 ES
(171) 10 năm
(540)

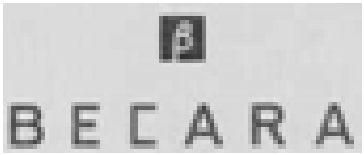

(511) 02, 03, 11, 14, 20, 21, 24, 35, 42.

(151) 18.05.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 26.04.01, 27.05.01
(732) BZ ASUNTOS DE FAMILIA, S.L.
Juan Bravo, 18, E-28006 MADRID (ES)

---

(111) **914084**
(822) 13.06.2006 306 22 641.3/42 DE
(171) 10 năm
(540)

Duet

(511) 09, 16, 35, 38, 41, 42.

(151) 13.06.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) SAP AG
Dietmar-Hopp-Allee 16, 69190 Walldorf (DE)

---

(111) **914089**
(822) 20.10.2006 1025067 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 15, 28, 38, 41.

(151) 20.10.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 26.04.04, 26.04.18
(732) S.I.SV.EL. Società Italiana per lo Sviluppo dell'Elettronica S.p.A.
Via Sestriere, 100, I-10060 NONE (TO) (IT)

---

(111) **914095**
(822) 21.04.2003 3026087 CN
(171) 10 năm
(540)

ODEER

(511) 11.

(151) 13.10.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) PAN ZHIBIAO
Xiangfeng North Village, Jiuzhouji, Xiaolan Town, Zhongshan City, 528415 Guangdong (CN)

---

(111) **914098**
(822) 15.08.2006 65429 UA
(171) 10 năm
(540)

SUN MILLE

(511) 29, 30.

(151) 25.10.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) LUDMILA RUSALINA
Luteranska str. 27/29, ap. 12, Kyiv 01024 (UA)

---

(111) **914113**
(822) 21.10.2004 3530788 CN
(171) 10 năm
(540)

Jiuli

(511) 06.

(151) 29.12.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) ZHEJIANG JIULI STAINLESS STEEL PIPE INCORPORATED CO., LTD
West Town Shuanglin Town, Huzhou, Zhejiang (CN)

---

(111) **914136**
(822) 07.08.2006 306 13 427.6/37 DE
(171) 10 năm
(540) MUEHLHAN

(511) 07, 37, 40.

(151) 25.08.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) Muehlhan AG
Schlinckstr. 3, 21107 Hamburg (DE)

---

(111) **914153**
(822) 23.05.2006 200670865 SI
(171) 10 năm
(540) ULCAMED

(511) 05.

(151) 15.11.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) KRKA, tovarna zdravil, d.d., Novo mesto
Šmarješka cesta 6, SI-8501 Novo mesto (SI)
(750) KRKA, d.d. (sluzba za industrijsko lastnino)
Šmarješka cesta 6, SI-8501 Novo mesto (SI)

---

(111) **914170**
(171) 10 năm
(540)

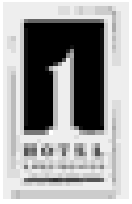

(511) 03, 36, 41, 43, 44.

(151) 01.08.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 25.01.09, 26.11.08, 27.07.24
(732) CGG, L.L.C.
Corporation Trust Center, 1209 Orange Street, Wilmington, Delaware 19801 (US)

---

(111) **914175**
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 36, 41, 43, 44.

(151) 01.08.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(531) 25.01.09, 26.11.08, 27.07.24
(732) CGG, L.L.C.
Corporation Trust Center, 1209 Orange Street, Wilmington, Delaware 19801 (US)

---

(111) **914181**
(822) 19.10.2005 305 52 842.4/30 DE
(171) 10 năm
(540)

sorry

(511) 16, 30, 33.

(151) 31.07.2006

(450) 2007/9 Gaz (05.04.2007)
(732) Dr. Markus Hess
Rheinstrasse 4, CH-8193 Eglisau (CH),
Drosselweg 5, Nersingen (DE)
(750) Dr. Markus Hess
Drosselweg 5, 89278 Nersingen (DE)

---

(111) **914212**
(822) 03.11.2006 06/3.431.675 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 19.

(151) 30.11.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 26.15.01, 27.05.08
(732) SOCIÉTÉ NOUVELLE EXTRUFLEX
Usine du Planet, F-05130 LA ROCHE DE RAME (FR)

---

(111) **914213**
(822) 28.06.2001 1594194 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 11.

(151) 09.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 03.05.20, 26.01.15
(732) CHAOANXIAN BAOSHAN DIANTONG YOUXIAN GONGSI
Zhongduan, Jinghu Road, Shaxi Town, Chaoan District, Guangdong (CN)

---

(111) **914223**
(822) 19.05.2006 05 3 397 845 FR
(171) 10 năm
(540)

EQUAREA

(511) 03, 05, 09, 10, 18, 20, 22, 24, 25, 27, 28.

(151) 13.06.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) PROJETCLUB
4, boulevard de Mons, F-59650 VILLENEUVE D'ASCQ (FR)

---

(111) **914257**
(822) 15.12.2006 06 3 440 073 FR
(171) 10 năm
(540)

EMERFLU

(151) 05.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Sanofi Pasteur, société anonyme
2, avenue du Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)
(750) Sanofi Pasteur, Département Marques, Mr Enguerrand Nardone
2, avenue du Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)

(511) 05.

---

(111) **914259**
(822) 15.12.2006 06 3 440 077 FR
(171) 10 năm
(540)

HUMENZA

(151) 05.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Sanofi Pasteur, société anonyme
2, avenue du Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)

(511) 05.

---

(111) **914266**
(822) 14.08.1997 1079489 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 11.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 26.01.16, 26.11.13, 28.03.00
(732) WENZHOU HENGDELI METAL MATERIALS CO., LTD.
518-2 Xishan west road, Wenzhou, 325000 Zhejiang (CN)

(511) 06.

---

(111) **914268**
(822) 15.12.2006 06 3 440 078 FR
(171) 10 năm
(540)

PANENZA

(151) 05.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Sanofi Pasteur, société anonyme
2, avenue du Pont Pasteur, F-69007 LYON (FR)

(511) 05.

---

(111) **914271**
(822) 15.12.2006 063440283 FR
(171) 10 năm
(540)

MASCULIN UNIQUE

(151) 10.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) BOURJOIS
12-14, rue Victor Noir, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)
(750) BOURJOIS, Département des Marques
12-14, rue Victor Noir, F-92521 NEUILLY-SUR-SEINE CEDEX (FR)

(511) 03.

---

(111) **914297**
(822) 26.01.2006 790227 BX
(171) 10 năm
(540)

ASML

(151) 20.07.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) ASML Netherlands B.V.
De Run 6501, NL-5504 DR Veldhoven (NL)

(511) 07, 09, 37, 40, 41, 42.

---

(111) **914306**
(822) 01.06.2006 306 01 791.1/07 DE
(171) 10 năm
(540)

WOLFFCRANE

(151) 11.07.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Wolffkran GmbH
Austrasse 72, 74076 Heilbronn (DE)

(511) 07, 36, 37, 38, 42.

---

(111) **914352**
(822) 28.12.2001 1688420 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 22.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 26.04.09
(732) QINGDAO YEBIO BIOENGINEERING CO., LTD.
J.10th Floor, Tianzhi International House, Qingdao Bonded Zone (CN)

(511) 05.

---

(111) **914379**
(822) 15.01.2007 1033496 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 35, 36, 41.

(151) 15.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 24.17.02, 26.03.23
(732) UNIONE DI BANCHE ITALIANE SOCIETÀ COOPERATIVE PER AZIONI
Piazza V. Veneto, 8, I-24122 Bergamo (BG) (IT)

---

(111) **914381**
(822) 08.09.1988 1357126 GB
(171) 10 năm
(540)

WALKRIGHT

(511) 18, 25.

(151) 30.11.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) SHOE ZONE LIMITED
Haramead Business Centre, Humberstone Road, LEICESTER LE1 2LH (GB)

---

(111) **914382**
(822) 28.01.2002 1705556 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 10.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 26.01.04, 26.01.16
(732) Weichai Power Co., Ltd.
197, Section A Fu Shou East Street, Hight Technology Industrial, Development Zone Weifang, Shandong (CN)

---

(111) **914485**

(171) 10 năm
(540)

(511) 01.

(151) 11.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 03.01.14, 25.01.09, 27.05.01
(732) KALTECH ENGINEERING & REFRIGERATION PTE LTD
9 Tuas Link 1, Singapore 638587 (SG)

---

(111) **914494**
(822) 12.09.2006 51302 RS
(171) 10 năm
(540)

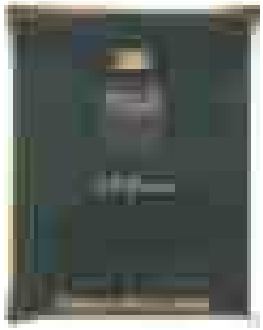

(511) 34.

(151) 28.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 10.01.25, 24.09.03, 29.01.12
(591) Vàng kim loại và đen
(732) MONUS d.o.o.
Aleksandra Dubčeka 3, 11080 ZEMUN (RS)

---

(111) **914571**
(822) 28.08.2006 3647150 CN
(171) 10 năm
(540)

PowerLand

(511) 25.

(151) 05.02.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 01.01.01, 26.11.12
(732) Guo Shunyuan
No. 8, West Unit, Police Building, Shahe Town, Baotou, Neimenggu (CN)

---

(111) **914572**
(822) 19.09.2006 306 47 935.4/03 DE
(171) 10 năm
(540)

Betty Barclay in LOVE

(511) 03.

(151) 29.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 27.05.10
(732) Betty Barclay GmbH
Heidelberger Strasse 9-11, 69226 Nußloch (DE)

---

(111) **914576**
(822) 28.03.2003 3034765 CN
(171) 10 năm
(540)

XING SHENG
兴盛

(511) 21.

(151) 22.02.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 27.01.01, 28.03.00
(732) Jiangsu Xingsheng Brush Co., Ltd
Xiaqiaocun, Wantouzhen, Yangzhou City, Jiangsu (CN)

---

(111) **914578**
(822) 10.04.2001 201260 RU
(171) 10 năm
(540)

RETINALAMIN

(511) 01, 05, 29.

(151) 03.11.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) OBSCHESTVO S OGRANICHENNOI OTVETSTVENNOSTIJU "KLINIKA INSTITUTA BIOREGULATSII I GERONTOLOGII"
ul. Ordinarnaya 12, Lit.A, Room 6-H, RU-197136 St. Petersburg (RU)

---

(111) **914581**
(822) 17.11.2006 06 3 434 920 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 35, 36, 39, 41, 42, 43, 44.

(151) 29.11.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 26.11.12, 27.05.01, 29.01.13
(591) Tím, vàng, cam
(732) CITADINES (Société Anonyme)
120 rue Jean Jaurès, F-92532 LEVALLOIS-PERRET CEDEX (FR)

---

(111) **914582**
(822) 17.11.2006 06 3 434 918 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 35, 36, 39, 41, 42, 43, 44.

(151) 29.11.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 26.11.12, 27.05.01, 29.01.04
(591) Xanh da trời
(732) CITADINES (Société Anonyme)
120 rue Jean Jaurès, F-92532 LEVALLOIS-PERRET CEDEX (FR)

---

(111) **914583**
(822) 17.11.2006 06 3 434 917 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 16, 35, 36, 39, 41, 42, 43, 44.

(151) 29.11.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 26.11.12, 27.05.01, 29.01.12
(591) Tím
(732) CITADINES (Société Anonyme)
120 rue Jean Jaurès, F-92532 LEVALLOIS-PERRET CEDEX (FR)

---

(111) **914601**
(822) 18.12.2006 814012 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 32.

(151) 12.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 01.01.01, 19.07.01, 19.07.09, 29.01.15
(591) Xanh lá cây đậm, xanh lá cây sáng, đen, trắng, đỏ và bạc
(732) Heineken Brouwerijen B.V.
2e Weteringplantsoen 21, NL-1017 ZD AMSTERDAM (NL)

---

(111) **914633**
(822) 09.11.2006 555104 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 34.

(151) 06.02.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 03.07.01, 03.07.16, 19.03.03, 26.11.08
(732) Japan Tobacco Inc.
2-2-1 Toranomon, Minato-ku, Tokyo (JP), JT International S.A., 14 Chemin Rieu, Genève 17 (CH)

---

(111) **914636**
(822) 09.11.2006 555103 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 34.

(151) 06.02.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 03.07.02, 03.07.16, 19.03.03, 26.11.08
(732) Japan Tobacco Inc.
2-2-1 Toranomon, Minato-ku, Tokyo (JP), JT International S.A., 14 Chemin Rieu, Genève 17 (CH)

---

(111) **914638**
(822) 10.11.2006 554163 CH
(171) 10 năm
(540)

(511) 34.

(151) 29.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 03.07.01, 03.07.16, 19.03.03, 26.11.08, 29.01.13
(591) Trắng, bạc, xanh da trời
(732) Japan Tobacco Inc.
2-2-1 Toranomon, Minato-ku, Tokyo (JP), JT International S.A., 14 Chemin Rieu, Genève 17 (CH)

---

(111) **914642**
(822) 05.10.2006 804547 BX
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 09, 16, 25, 28.

(151) 21.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 02.09.01, 24.05.01, 26.01.18, 27.05.04
(732) Mercurius Groep B.V.
Dubbelebuurt 10, NL-1521 DC Wormerveer (NL)

---

(111) **914648**
(822) 10.11.2006 554162 CH
(171) 10 năm
(540)

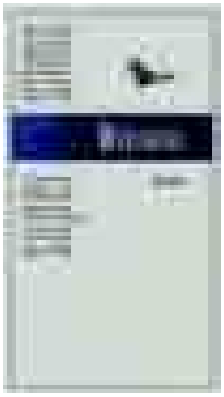

(511) 34.

(151) 29.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 03.07.01, 03.07.16, 19.03.03, 26.11.08, 29.01.13
(591) Trắng, bạc, xanh da trời
(732) Japan Tobacco Inc.
2-2-1 Toranomon, Minato-ku, Tokyo (JP), JT International S.A., 14 Chemin Rieu, Genève 17 (CH)

---

(111) **914650**

(171) 10 năm
(540)

DASHCODE

(511) 09.

(151) 19.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Apple Inc.
1 Infinite Loop, Cupertino, CA 95014 (US)

---

(111) **914680**
(822) 28.07.2006 185400 HU
(171) 10 năm
(540)

SULLACTIN

(511) 05.

(151) 28.07.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Richter Gedeon Nyrt.
Gyömrői út 19-21, H-1103 Budapest (HU)
(750) Richter Gedeon Nyrt.
Pf.: 27., H-1475 Budapest 10 (HU)

---

(111) **914681**
(822) 28.07.2006 185399 HU
(171) 10 năm
(540)

LACTINETTE

(511) 05.

(151) 28.07.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Richter Gedeon Nyrt.
Gyömrői út 19-21, H-1103 Budapest (HU)
(750) Richter Gedeon Nyrt.
Pf.: 27., H-1475 Budapest 10 (HU)

---

(111) **914682**
(822) 28.07.2006 185401 HU
(171) 10 năm
(540)

LACTILLA

(511) 05.

(151) 28.07.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Richter Gedeon Nyrt.
Gyömrői út 19-21, H-1103 Budapest (HU)
(750) Richter Gedeon Nyrt.
Pf.: 27., H-1475 Budapest 10 (HU)

---

(111) **914690**
(822) 26.01.2007 06 3 447 111 FR
(171) 10 năm
(540)

BEVUBB

(151) 29.01.2007
(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) SANOFI-AVENTIS
174 avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) SANOFI-AVENTIS, Département des Marques, Josée SANCHEZ
82 avenue Raspail, F-94255 Gentilly Cédex (FR)

(511) 05.

---

(111) **914692**
(822) 30.08.1999 99 809 802 FR
(171) 10 năm
(540)

DOMAINE DU GROLLET

(151) 05.02.2007
(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) GRANDE CHAMPAGNE PATRIMOINE
Domaine du Grollet, F-16720 SAINT-MÊME-LES-CARRIERES (FR)

(511) 33.

---

(111) **914701**
(822) 19.01.2007 063438768 FR
(171) 10 năm
(540)

EUROMOLD

(151) 19.01.2007
(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) NEXANS
16, rue de Monceau, F-75008 PARIS (FR)

(511) 09.

---

(111) **914705**
(822) 14.07.2006 06.25432 MC
(171) 10 năm
(540)

POWER BRONZE

(151) 08.01.2007
(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) BIOTHERM
"Le Neptune", 11 avenue Albert II, MC-98000 MONACO (MC)

(511) 03.

---

(111) **914728**

(171) 10 năm
(540)
SUPERA

(511) 10.

(151) 02.02.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) IDev Technologies, Inc.
1120 Nasa Parkway, Suite 600, Houston, TX 77058 (US)

---

(111) **914731**
(822) 17.01.2006 004073482 EM
(171) 10 năm
(540)
LERCARIL

(511) 05.

(151) 02.02.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Recordati Ireland Limited
Raheens East, Ringaskiddy, Co. Cork (IE)

---

(111) **914735**
(822) 20.05.2005 04 3 329 245 FR
(171) 10 năm
(540)
PLAYBALL

(511) 03.

(151) 30.11.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) L'OREAL
14, rue Royale, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **914741**
(822) 21.11.2006 004806873 EM
(171) 10 năm
(540)

(511) 14, 18, 25.

(151) 12.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 02.09.01, 27.03.02, 29.01.12
(591) Tím, đen
(732) LIU, Ruojin
43, rue du Caire, F-75002 Paris (FR)

---

(111) **914824**

(171) 10 năm
(540)

WOOAMI

(511) 20.

(151) 31.10.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) WOOAMI FUNITURE COMPANY
405-300, 159B 8L, Namdong Industrial Complex, #729-7, Gojan-dong, Namdong-ku, Inchon (KR)
(750) WOOAMI FUNITURE COMPANY
4th Floor 1627-10 Bongcheon-7-dong, Gwanak-gu, Seoul 151-818 (KR)

---

(111) **914839**
(822) 07.08.2003 3249104 CN
(171) 10 năm
(540)

WISECRAFT

(511) 08.

(151) 22.02.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 14.07.16
(732) CIXI GUANGHUA SHIYE YOUXIAN GONGSI
Qiaodongcun, Xiaolinzhen, Cixi, 315000 Zhejiang (CN)

---

(111) **914841**
(822) 14.08.2006 306 42 644.7/16 DE
(171) 10 năm
(540)

PATTEX GAFFER TAPE

(511) 16.

(151) 05.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Henkel KGaA
40589 Düsseldorf (DE)

---

(111) **914862**
(822) 18.07.2006 803442 BX
(171) 10 năm
(540)

FERRERO MOMENTS

(511) 30.

(151) 10.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 25.05.02, 29.01.12
(591) Vàng kim loại và đồng đậm
(732) SOREMARTEC S.A.
Drève de l'Arc-en-Ciel 102, B-6700 SCHOPPACH-ARLON (BE)

---

(111) **914869**
(822) 27.12.2006 1032207 IT
(171) 10 năm
(540)
FIBROLOGIE

(511) 05, 10, 44.

(151) 27.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) PROMOITALIA GROUP S.p.A.
Viale A. Gramsci n. 17/b, I-80122
NAPOLI (IT)

---

(111) **914884**
(822) 08.12.2006 06 3 438 356 FR
(171) 10 năm
(540)
Gangstar: Crime City

(511) 09.

(151) 27.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) GAMELOFT S.A.
81, rue Réaumur, F-75002 PARIS (FR)
(750) GAMELOFT S.A.
14, rue Auber, F-75009 PARIS (FR)

---

(111) **914894**
(822) 10.10.2006 1023847 IT
(171) 10 năm
(540)
TEKNOLUX

(511) 07, 11.

(151) 10.10.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) FILIPPI srl
Via Fornace, 1° Strada, I-35010
S.GIORGIO delle PERTICHE (PD) (IT)

---

(111) **914903**
(822) 23.03.2006 305 60 942.4/06 DE
(171) 10 năm
(540)
CDP

(511) 06.

(151) 08.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) MEC Holding GmbH
Gutenbergstrasse 10, 65830 Kriftel (DE)

---

(111) **914929**

(171) 10 năm
(540)

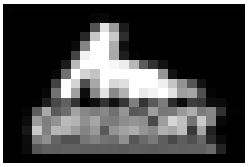

(511) 25.

(151) 12.02.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 26.13.25, 27.05.24
(732) Bianchi International
27969 Jefferson Avenue, Temecula, CA 92590 (US)

---

(111) **914938**
(822) 22.12.2006 553977 CH
(171) 10 năm
(540)

CIBA VISION

(511) 05, 09, 41, 44.

(151) 09.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 26.11.12, 26.15.01
(732) NOVARTIS AG
CH-4002 Basel (CH)
(750) NOVARTIS AG, Corporate Intellectual Property Global Trademark Section
CH-4002 Basel (CH)

---

(111) **914939**
(822) 22.12.2006 553978 CH
(171) 10 năm
(540)

CIBA VISION

(511) 05, 09, 41, 44.

(151) 09.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 26.11.12, 26.15.01
(732) NOVARTIS AG
CH-4002 Basel (CH)
(750) NOVARTIS AG, Corporate Intellectual Property Global Trademark Section
CH-4002 Basel (CH)

---

(111) **914956**
(822) 21.08.2006 550818 CH
(171) 10 năm
(540)

KIND OF MAGIC

(511) 16.

(151) 23.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Chopard International SA
Route de Promenthoux, CH-1197 Prangins (CH)

---

(111) **914960**
(822) 10.01.2007 1033046 IT
(171) 10 năm
(540) CARACTÈRE

(511) 14.

(151) 10.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) MIROGLIO S.P.A.
Via Santa Margherita, 23, I-12051 ALBA (CN) (IT)

---

(111) **914968**
(822) 08.12.2006 06 3 438 514 FR
(171) 10 năm
(540) ENERGY PROTECT

(511) 03.

(151) 19.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) L'OREAL
14 rue Royale, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **914969**
(822) 08.12.2006 06 3 438 509 FR
(171) 10 năm
(540) AMPLI TONIC

(511) 03.

(151) 19.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) L'OREAL
14 rue Royale, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **914981**
(822) 31.05.2000 00 3 033 565 FR
(171) 10 năm
(540) ViTiX

(511) 03.

(151) 11.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 27.05.11
(732) CRAWFORD HEALTHCARE LIMITED
Cheshire House, 164 main Road, Goostrey, Cheshire CW4 8JP (GB), 9 bis, Boulevard Jean Jaurès, BOULOGNE BILLANCOURT (FR)

---

(111) **915000**
(822) 18.12.2006 1031694 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 33.

(151) 18.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 25.01.15, 25.07.01, 29.01.13
(591) Màu hạt dẻ, đen, vàng kim loại, vàng kim loạiangộ và trắng
(732) FRATELLI BRANCA DISTILLERIE S.R.L.
Via Broletto, 35, I-20121 MILANO (IT)

---

(111) **915002**
(822) 18.12.2006 1031695 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 33.

(151) 18.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 25.01.15, 25.07.01, 29.01.13
(591) Xanh lá cây đậm, xanh lá cây sáng, xám và trắng
(732) FRATELLI BRANCA DISTILLERIE S.R.L.
Via Broletto, 35, I-20121 MILANO (IT)

---

(111) **915012**
(822) 07.12.2004 3322908 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 14.02.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 27.05.11
(732) ZHEJIANG MUTONG XIEYE YOUXIAN GONGSI
Pujiang Jingjikaifaqu, Zhejiang (CN)
(750) ZHEJIANG MUTONG XIEYE YOUXIAN GONGSI
1001 Haiyang Shangwulou, Yiwu, Zhejiang (CN)

---

(111) **915032**
(822) 07.09.2006 306 43 158.0/09 DE
(171) 10 năm
(540)

OpenStage

(511) 09.

(151) 11.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Siemens Enterprise Communications GmbH & Co. KG
Hofmannstr. 51, 81379 München (DE)

---

(111) **915042**
(822) 31.07.2006 1015740 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 18, 25, 35.

(151) 23.01.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 24.17.02, 29.01.12
(591) Xám và đỏ
(732) Ittierre S.p.A.
Zona Industriale, I-86090 Pettoranello di Molise (Isernia) (IT)

---

(111) **915072**
(822) 27.11.2006 1029178 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 18.

(151) 27.11.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 27.05.04
(732) CONCERIA MONTEBELLO SPA
Via Lungochiampo, 123, I-36054 Montebello Vicentino (VI) (IT)

---

(111) **915094**

(171) 10 năm
(540)

CALL ME SOCIAL ANIMAL

(511) 38.

(151) 08.11.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) MyBlueZebra, LLC
132 East 43rd Street, Suite 347, New York, NY 10017 (US)

---

(111) **915095**

(151) 08.11.2006

(171) 10 năm

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)

(540)

(531) 03.03.03, 03.03.24

(732) MyBlueZebra, LLC
132 East 43rd Street, Suite 347, New York, NY 10017 (US)

(511) 38.

---

(111) **915112**

(151) 27.12.2006

(822) 20.10.2000 2249488 GB

(171) 10 năm

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)

(540) AMSED

(732) Special Products Limited
8-10 New Fetter Lane, London EC4A 1RS (GB)

(511) 05.

---

(111) **915126**

(151) 05.12.2006

(822) 10.11.2006 06 3 432 836 FR

(171) 10 năm

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)

(540) DREAMSKIN

(732) PARFUMS CHRISTIAN DIOR
33 avenue Hoche, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **915142**

(151) 24.01.2007

(171) 10 năm

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)

(540) voke

(732) Voke Media, LLC
60 East Simpson Ave., Jackson, WY 83001 (US)

(511) 35, 42.

---

(111) **915160**
(822) 12.10.2006 234 928 AT
(171) 10 năm
(540)

(151) 27.12.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(531) 02.01.20, 24.01.05, 24.01.09, 24.09.03, 29.01.13
(732) SPANISCHE HOFREITSCHULE - BUNDESGESTÜT PIBER
Michaelerplatz 1, Hofburg, A-1010 Wien (AT)

(511) 03, 16, 18, 21, 31, 41.

---

(111) **915179**

(171) 10 năm
(540) CREATING YOUR SOLUTION DYSPORT

(151) 09.02.2007

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) Ipsen Biopharm Limited
Ash Road, Wrexham Industrial Estate, Wrexham LL13 9UF (GB)

(511) 03, 05, 16, 41.

---

(111) **915196**
(822) 18.09.2006 1021310 IT
(171) 10 năm
(540) MARIO BRUNI

(151) 18.09.2006

(450) 2007/10 Gaz (12.04.2007)
(732) CALZATURIFICIO SPRING SRL
Via Filippo Turati, 4, I-63014 MONTEGRANARO (AP) (IT)

(511) 25.

---

(111) **915199**
(822) 29.05.2006 004538674 EM
(171) 10 năm
(540)

(151) 19.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 01.15.11, 01.15.19, 26.05.01, 26.05.18, 27.05.21
(732) CRISTALINE
Zone Industrielle Gavé, F-42330 Saint-Galmier (FR)

(511) 06, 11, 19.

---

(111) **915219**
(822) 15.09.2006 306 32 297.8/11 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 10.11.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 27.05.01
(732) Dr.Ing.h.c.F.Porsche AG
Porscheplatz 1, 70435 Stuttgart (DE)

(511) 03, 07, 08, 09, 11, 14, 16, 18, 20, 22, 25, 28, 34.

---

(111) **915237**
(822) 28.07.2006 306 17 873.7/11 DE
(171) 10 năm
(540)

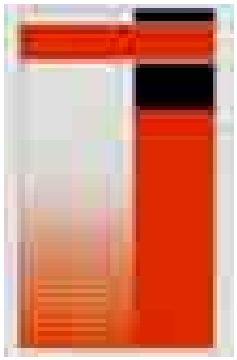

(151) 04.01.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 24.17.02, 26.04.02, 26.07.25, 26.11.06, 29.01.13
(591) Da cam, xanh da trời, và trắng
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

(511) 11.

---

(111) **915239**
(822) 28.07.2006 306 17 871.0/11 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 04.01.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 24.17.02, 26.04.02, 26.07.25, 26.11.06, 29.01.14
(591) Cam , xanh lá cây, xanh da trời và trắng
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

(511) 11.

---

(111) **915240**
(822) 28.07.2006 306 17 869.9/11 DE
(171) 10 năm
(540)

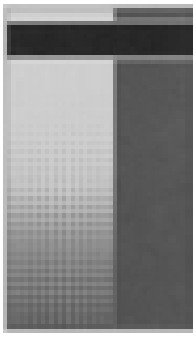

(511) 11.

(151) 15.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 24.17.02, 24.17.25, 26.11.06
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

---

(111) **915241**
(822) 28.07.2006 306 17 867.2/11 DE
(171) 10 năm
(540)

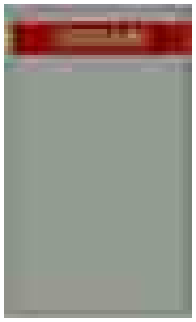

(511) 11.

(151) 15.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 25.01.01, 26.11.06, 27.05.24, 29.01.12
(591) Cam và trắng
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

---

(111) **915242**
(822) 21.06.2006 305 77 436.0/11 DE
(171) 10 năm
(540)

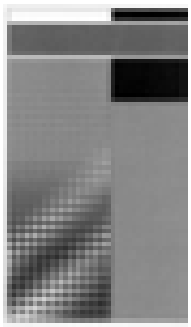

(511) 11.

(151) 14.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 24.17.02, 25.07.06, 26.04.02, 26.11.12
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

---

(111) **915243**
(822) 28.07.2006 306 17 870.2/11 DE
(171) 10 năm
(540)

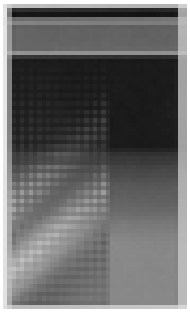

(511) 11.

(151) 14.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 24.17.02, 25.07.06, 26.04.02, 26.11.06
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

---

(111) **915254**
(822) 30.01.2007 1035802 IT
(171) 10 năm
(540)

vibram

(511) 12, 26, 28.

(151) 30.01.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 27.05.02
(732) VIBRAM S.p.A.
Via Cristoforo Colombo, 5, I-21041 ALBIZZATE (VA) (IT)

---

(111) **915263**
(822) 21.10.2002 1940050 CN
(171) 10 năm
(540)

LKD

(511) 25.

(151) 06.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) KE SHIKU
Room 302, 7 Zhuang, Qunshenggongyu, Donghu Xiaoqu, Fengze District, Quanzhou, 362000 Fujian (CN)

---

(111) **915266**
(822) 03.04.2006 004236402 EM
(171) 10 năm
(540)

LERCAPREL

(511) 05.

(151) 02.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Recordati Ireland Limited
Raheens East, Ringaskiddy, Co. Cork (IE)

---

(111) **915267**
(822) 25.01.2007 1035267 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 11, 30.

(151) 25.01.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 01.15.11, 27.05.11, 27.05.24
(732) LUIGI LAVAZZA S.P.A.
Corso Novara, 59, I-10154 TORINO (IT)

---

(111) **915272**
(822) 30.01.2007 1035803 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 12, 26, 28.

(151) 30.01.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 26.05.18
(732) VIBRAM S.p.A.
Via Cristoforo Colombo, 5, I-21041 ALBIZZATE (VA) (IT)

---

(111) **915274**

(171) 10 năm
(540)

(511) 08, 09.

(151) 15.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Phoenix Contact GmbH & Co. KG
Flachsmarktstrasse 8, 32825 Blomberg (DE)

---

(111) **915275**

(171) 10 năm
(540)

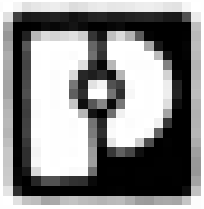

(511) 08, 09.

(151) 15.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 26.04.18, 27.05.21
(732) Phoenix Contact GmbH & Co. KG
Flachsmarkstraße 8, 32825 Blomberg (DE)

---

(111) **915292**
(822) 19.07.2006 400129 PT
(171) 10 năm
(540)

Jose Tapas

(151) 18.09.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Adriano Manuel Peixoto Casal Ribeiro
Passeio Jacarandas, Lote 4.15.01E 3°A,
P-1990-385 MOSCAVIDE (PT)

(511) 43.

---

(111) **915294**
(822) 16.02.2007 06 3 446 789 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 05.05.04, 19.03.03, 24.17.15, 29.01.14
(732) BIOGARAN
15 bld Charles de Gaulle, F-92700 COLOMBES (FR)

(511) 05.

---

(111) **915295**
(822) 16.02.2007 06 3 446 790 FR
(171) 10 năm
(540)

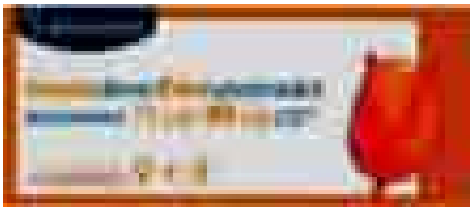

(151) 16.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 05.05.03, 19.03.03, 24.17.15, 29.01.13
(732) BIOGARAN
15 bld Charles de Gaulle, F-92700 COLOMBES (FR)

(511) 05.

---

(111) **915296**
(822) 16.02.2007 06 3 446 791 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 05.05.19, 19.03.03, 24.17.15, 29.01.14
(732) BIOGARAN
15 bld Charles de Gaulle, F-92700 COLOMBES (FR)

(511) 05.

---

(111) **915300**
(822) 16.02.2007 06 3 446 786 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 05.05.03, 19.03.03, 24.17.15, 29.01.13
(732) BIOGARAN
15 bld Charles de Gaulle, F-92700 COLOMBES (FR)

(511) 05.

---

(111) **915301**
(822) 16.02.2007 06 3 446 787 FR
(171) 10 năm
(540) 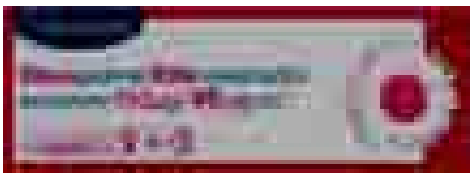

(151) 16.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 05.05.04, 19.03.03, 24.17.15, 29.01.13
(732) BIOGARAN
15 bld Charles de Gaulle, F-92700 COLOMBES (FR)

(511) 05.

---

(111) **915337**
(822) 16.02.2007 06 3 446 788 FR
(171) 10 năm
(540) 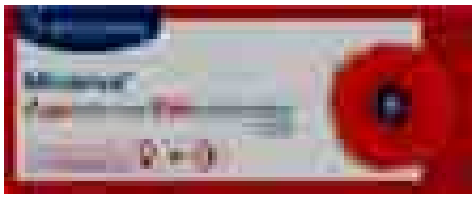

(151) 16.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 05.05.13, 19.03.03, 24.17.15, 29.01.13
(732) BIOGARAN
15 bld Charles de Gaulle, F-92700 COLOMBES (FR)

(511) 05.

---

(111) **915350**

(171) 10 năm
(540)

SECERNO

(151) 16.08.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Secerno Limited
OCFI, Mill Street, Oxford OX2 0JX (GB)

(511) 09, 42.

---

(111) **915390**
(822) 24.01.2007 1035086 IT
(171) 10 năm
(540) FEDERICO FELLINI

(151) 24.01.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Francesca Fabbri Fellini
Via Oberdan, 1, Rimini (IT)

(511) 03, 14, 21, 25, 35, 41, 43.

---

(111) **915488**
(822) 29.08.2005 003814142 EM
(171) 10 năm
(540) PLASTIC OMNIUM

(151) 11.10.2006

(450) ()
(732) COMPAGNIE PLASTIC OMNIUM
19, avenue Jules Carteret, F-69007 LYON (FR)

(511) 01, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 16, 17, 19, 20, 21, 40.

---

(111) **915490**

(171) 10 năm
(540)

(151) 12.09.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 05.03.15, 26.11.03, 27.05.10, 29.01.15
(732) SERIM PAPER MFG. CO., LTD.
720 Sang-ri, Yoga-myeon, Dalseong-gun, Daegu 711-883 (KR)
(750) SERIM PAPER MFG. CO., LTD.
2Fl., Ganglim Bldg., 734-5, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul (KR)

(511) 16.

---

(111) **915496**
(822) 04.12.1998 4217251 JP
(171) 10 năm
(540) RIMATIL

(151) 27.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) SANTEN PHARMACEUTICAL CO., LTD.
9-19, Shimoshinjo 3-chome, Higashiyodogawa-ku, Osaka-shi, Osaka-fu 533-8651 (JP)

(511) 05.

---

(111) **915516**

(171) 10 năm
(540)

MG OPTIMUL

(511) 29.

(151) 06.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Murray Goulburn Co-Operative Co Limited
140 Dawson Street, BRUNSWICK VIC 3056 (AU)

---

(111) **915534**
(822) 21.06.2006 306 10 280.3/05 DE
(171) 10 năm
(540)

VENTATEC

(511) 05.

(151) 30.01.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Nycomed GmbH
Byk-Gulden-Str. 2, 78467 Konstanz (DE)

---

(111) **915563**
(822) 06.09.2006 306 24 427.6/07 DE
(171) 10 năm
(540)

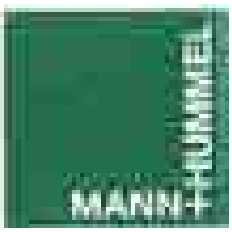

(511) 07, 11.

(151) 02.10.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 24.17.05, 26.04.18, 27.05.08, 29.01.12
(591) Xanh lá cây và trắng
(732) MANN+HUMMEL GMBH
Hindenburgstr. 45, 71638 Ludwigsburg (DE)

---

(111) **915651**
(822) 12.01.2005 30438202.7/05 DE
(171) 10 năm
(540)

KA-VIT

(511) 05.

(151) 05.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) medphano Arzneimittel GmbH
Maienbergstraße 10-12, 15562 Rüdersdorf (DE)
(750) medphano Arzneimittel GmbH
Postfach 8, Rüdersdorf, 15558 Berlin (DE)

---

(111) **915667**
(822) 09.11.2006 215555 SK
(171) 10 năm
(540)

(511) 07, 08, 09.

(151) 09.11.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 27.05.01
(732) KINEX, a.s.
1. mája 71/36, SK-014 83 Bytča (SK)

---

(111) **915680**
(822) 15.12.2006 06 3 440 017 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 06, 19.

(151) 26.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 01.05.01, 29.01.13
(732) PROFILS SYSTEMES S.A.S.
Parc d'activités de Massane, Rue Alfred Sauvy, F-34670 BAILLARGUES (FR)

---

(111) **915739**

(171) 10 năm
(540)

GNUF

(511) 03, 09, 14, 16, 25, 28, 35, 38, 41.

(151) 08.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Gnuf Limited
90/91 Psaila Street, Birkirkara BKR 02 (MT)

---

(111) **915740**

(171) 10 năm
(540)

(511) 43.

(151) 19.12.2006

(450) 2007/37 Gaz (18.10.2007)
(531) 27.05.01, 28.03.00
(732) LOY KEE MANAGEMENT SERVICES PTE LTD
24 Woodlands Terrace, Singapore 738448 (SG)

---

(111) **915768**
(822) 23.01.2007 306 67 008.9/30 DE
(171) 10 năm
(540)

OVESO

(151) 25.01.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) SCHERING AKTIENGESELLSCHAFT
Müllerstrasse 178, 13353 Berlin (DE)
(750) SCHERING AKTIENGESELLSCHAFT
Global Trademark Center
13343 Berlin (DE)

(511) 05, 10.

---

(111) **915795**
(822) 20.12.2006 1032148 IT
(171) 10 năm
(540)

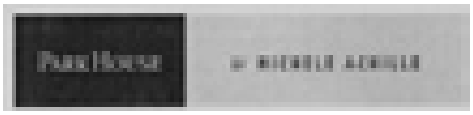

(151) 20.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 25.05.01
(732) P.R.I.A.M.O. Srl
Traversa Torre d'Agera n.c., I-70032 BITONTO (BA) (IT)

(511) 25.

---

(111) **915807**
(822) 01.12.2006 063437340 FR
(171) 10 năm
(540)

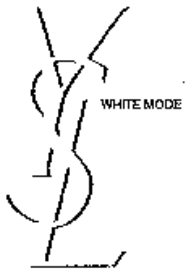

(151) 11.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 27.05.19
(732) YVES SAINT LAURENT PARFUMS
28/34, Boulevard du Parc, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

(511) 03.

---

(111) **915808**
(822) 26.05.2006 053397528 FR
(171) 10 năm
(540)

MADE IN INNOVATION

(151) 09.10.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) COMPAGNIE PLASTIC OMNIUM
19 avenue Jules Carteret, F-69007 LYON (FR)

(511) 01, 16, 35, 39.

---

(111) **915847**
(822) 11.08.2006 06 3 414 337 FR
(171) 10 năm
(540)

KIPSTA

(511) 01, 08, 21, 25, 27, 28.

(151) 04.09.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) DECATHLON
4 boulevard de Mons, F-59650 VILLENEUVE D'ASCQ (FR)

---

(111) **915867**
(822) 24.01.2006 3049042 US
(171) 10 năm
(540)

(511) 10, 42.

(151) 31.01.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Sensitron Inc.
1300 S. El Camino Real, Suite 502, San Mateo, CA 94402 (US)

---

(111) **915899**
(822) 20.10.2006 1025066 IT
(171) 10 năm
(540)

MP3 PATENTS LICENSED BY SISVEL AUDIO MPEG

(511) 09, 15, 28, 38, 41.

(151) 20.10.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) S.I.SV.EL. Società Italiana per lo Sviluppo dell'Elettronica S.p.A.
Via Sestriere, 100, I-10060 NONE (TO) (IT)

---

(111) **915900**
(822) 10.05.2000 834748 AU
(171) 10 năm
(540)

APEX

(511) 13.

(151) 13.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Orica Explosives Technology Pty Ltd
1 Nicholson Street, MELBOURNE VIC 3000 (AU)

---

(111) **915959**
(822) 21.12.1976 952823/34 DE
(171) 10 năm
(540)

Mac Cartney

(151) 28.11.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) Alois Pöschl GmbH & Co. KG
Dieselstrasse 1, 84144 Geisenhausen (DE)

(511) 34.

---

(111) **915961**
(822) 28.12.2006 1032239 IT
(171) 10 năm
(540)

ILSA

(151) 28.12.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) ILSA S.P.A.
Via Roveggia, 31, I-37136 VERONA (VR) (IT)

(511) 01.

---

(111) **915962**
(822) 11.05.2004 VR 2004 01486 DK
(171) 10 năm
(540)

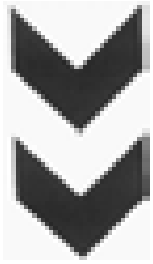

(151) 13.12.2006

(450) 2007/23 Gaz (12.07.2007)
(531) 26.03.23
(732) HUMMEL A/S
Kraftcentralen, Sønderhøj 10, DK-8260 Viby J (DK)

(511) 03, 05, 09, 14, 18, 20, 24, 25, 28, 29, 30, 32, 35.

---

(111) **915963**
(822) 28.08.2004 3461280 CN
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 27.05.22
(732) NINESTAR TECHNOLOGY CO., LTD.
No. 63, Mingzhubei Road, Xiangzhou District,Zhuhai, 519075 Guangdong (CN)

(511) 09.

---

(111) **915975**
(822) 28.07.2006 306 17 872.9/11 DE
(171) 10 năm
(540)

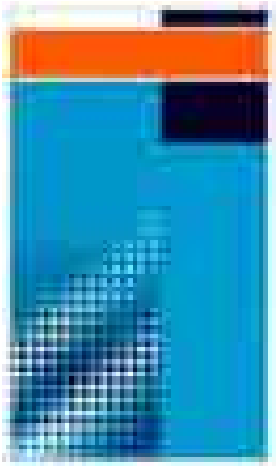

(511) 11.

(151) 04.01.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 24.17.02, 26.04.02, 26.07.25, 26.11.06, 29.01.14
(591) Cam, xanh da trời và trắng
(732) OSRAM Gesellschaft mit beschränkter Haftung
Hellabrunner Strasse 1, 81543 München (DE)

---

(111) **915978**
(822) 17.03.2005 40-0611661-0000 KR
(171) 10 năm
(540)

Paroma

(511) 20.

(151) 31.10.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 05.03.14, 29.01.12
(732) PAROMA TDS CO., LTD.
159B 8L, Namdong Industrial Complex, #729-7, Gojan-dong, Namdong-ku, Inchon City 405-310 (KR)

---

(111) **915990**
(822) 28.12.1996 922312 CN
(171) 10 năm
(540)

JUNYOU
君友

(511) 12.

(151) 05.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(531) 26.03.05, 28.03.00
(732) JIANGSU MINGXING JIANZHENQI YOUXIAN GONGSI
Jiegou Zhadong, Jiulong Zhen, Taizhou, 225300 Jiangsu (CN)

---

(111) **915997**
(822) 16.02.2007 063450446 FR
(171) 10 năm
(540)

PEPTILYS

(511) 03.

(151) 16.02.2007

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) LABORATOIRES DERMATOLOGIQUES D'URIAGE
(Société par actions simplifiée)
98, avenue de la République, F-92400 COURBEVOIE (FR)

---

(111) **916009**
(822) 01.08.2006 1016133 IT
(171) 10 năm
(540)

RWV

(511) 06, 07, 11.

(151) 25.09.2006

(450) 2007/11 Gaz (19.04.2007)
(732) VIR VALVOINDUSTRIA ING. RIZZIO S.P.A.
Via Circonvallazione, 10, I-13018 Valduggia (VC) (IT)

---

(111) **916060**

(171) 10 năm
(540)

KIKKSOKKE

(511) 25.

(151) 21.02.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(732) Uhlsport GmbH
Klingenbachstr. 3, 72336 Balingen (DE)

---

(111) **916079**

(171) 10 năm
(540)

(511) 09.

(151) 07.02.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 27.05.21
(732) Martin Audio Limited
Centrury Point, Halifax Road, Business Park, High Wycombe, Buckinghamshire HP 12 3SL (GB)

---

(111) **916082**

(171) 10 năm
(540)

(511) 12, 37, 39.

(151) 31.01.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 01.01.02, 01.01.13, 29.01.12
(591) Đỏ và xanh da trời
(732) CMA CGM, société anonyme
4, quai d'Arenc, F-13002 MARSEILLE (FR)

---

(111) **916134**
(822) 19.05.2006 05 3 397 064 FR
(171) 10 năm
(540)

NOVADRY

(511) 18, 20, 22, 24, 25.

(151) 09.06.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(732) DECATHLON
4 boulevard de Mons, F-59650 VILLENEUVE D'ASCQ (FR)

---

(111) **916149**
(822) 12.08.2004 T04/13265H SG
(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 18.12.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 01.03.02, 27.05.01
(732) Lynn Lim Lian Wei & Joanne Rose Bruce trading as BIOSSENTIALS Attn: Lynn Lim Lian Wei Attn: Joanne Rose Bruce
6 Serenade Walk, Singapore 575755 (SG)

---

(111) **916155**

(171) 10 năm
(540)

Xtreme Lashes

(511) 03.

(151) 16.10.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(732) Joumana Mousselli
19314 Diamond Park Circle, Spring, TX 77373 (US)

---

(111) **916166**

(171) 10 năm
(540)

(151) 31.01.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 25.07.20, 25.07.21, 26.04.18, 26.11.03, 26.11.07, 26.13.25
(732) Daishowa Seiki Kabushiki Kaisha (Big Daishowa Seiki Co., Ltd.)
3-3-39 Nishiishikiricho, Higashi-Osaka-shi, Osaka 579-8013 (JP)

(511) 07.

---

(111) **916170**

(171) 10 năm
(540)

BIG-PLUS

(151) 31.01.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 27.05.17
(732) Daishowa Seiki Kabushiki Kaisha (Big Daishowa Seiki Co., Ltd.)
3-3-39 Nishiishikiricho, Higashi-Osaka-shi, Osaka 579-8013 (JP)

(511) 07.

---

(111) **916188**
(822) 25.10.2006 56042 BG
(171) 10 năm
(540)

(151) 25.10.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 06.01.02, 27.05.01
(732) KOSTADINOV, Ivan Kostadinov
BG-8000 kv. Izgrev, bl.53, entr. 7, fl.3 (BG)

(511) 08, 09, 13, 18, 25.

---

(111) **916231**
(822) 27.02.2006 305 62 411.3/35 DE
(171) 10 năm
(540)

EMILIA LAY

(151) 10.04.2006

(450) 2007/38 Gaz (25.10.2007)
(732) TriStyle Mode GmbH & Co. KG
Im Pinderpark 4, 90513 Zirndorf (DE)

(511) 03, 04, 05, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 18, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 38, 39, 40, 41, 43, 44.

---

(111) **916239**
(822) 21.12.2001 1685542 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 10.

(151) 14.02.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 27.05.01
(732) NINGBO XINGAOYI MAGNETISM CO., LTD (ningbo xin gao yi cicai youxian gongsi)
Tanjialing East Road, Nan Qu Jingji Kaifa Qu, 315400 Yuyao City, Zhejiang (CN)

---

(111) **916251**
(822) 20.07.2006 200671206 SI
(171) 10 năm
(540)

ZONIXEM

(511) 05.

(151) 17.01.2007

(450) 2007/39 Gaz (01.11.2007)
(732) KRKA, tovarna zdravil, d.d., Novo mesto
Šmarješka cesta 6, SI-8501 Novo mesto (SI)
(750) KRKA, d.d. (Služba za industrijsko lastnino)
Šmarješka cesta 6, SI-8501 Novo mesto (SI)

---

(111) **916252**
(822) 27.04.2006 551052 CH
(171) 10 năm
(540)

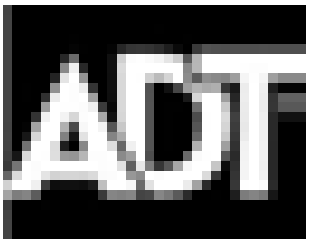

(511) 35, 37, 45.

(151) 12.10.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 27.05.19
(732) ADT Services AG
Bahnhofstrasse 29, CH-8200 Schaffhausen (CH)

---

(111) **916254**

(151) 14.02.2007

(171) 10 năm

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)

(540)

(531) 26.03.01, 26.03.07

(732) Beecham Group p.l.c.
980 Great West Road, Brentford, Middlesex, TW8 9GS (GB)

(511) 03, 05, 21.

---

(111) **916260**

(151) 18.07.2006

(822) 17.05.2006 548241 CH

(171) 10 năm

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)

(540)

(531) 04.05.05, 21.03.01, 26.11.03

(732) Fédération Internationale de Football Association (FIFA)
FIFA-Strasse 20, CH-8044 Zürich (CH)

(511) 01, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 18, 20, 21, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43.

---

(111) **916265**

(151) 14.02.2007

(822) 04.09.2006 806205 BX

(171) 10 năm

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)

(540)

(531) 27.05.19, 29.01.13

(591) Vàng vàng kim loạiangộ, xanh da trời, xanh lá cây

(732) NXP B.V.
High Tech Campus 60, NL-5656 AG EINDHOVEN (NL)

(511) 09.

---

(111) **916297**
(822) 11.12.2006 187736 HU
(171) 10 năm
(540)

(511) 05.

(151) 11.12.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 19.03.24, 29.01.15
(591) Xanh da trời, xanh lá cây và vàng
(732) Richter Gedeon Nyrt.
Gyömrői út 19-21, H-1103 Budapest (HU)
(750) Richter Gedeon Nyrt.
Pf.: 27., H-1475 Budapest 10 (HU)

---

(111) **916300**
(822) 23.06.1989 2144211 JP
(171) 10 năm
(540)

SOA-TECH

(511) 09, 21.

(151) 17.01.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 27.05.01
(732) SHOWA GLOVE CO.
565, Tohori, Himeji-shi, Hyogo 670-0802 (JP)

---

(111) **916304**
(822) 08.08.2006 306 20 791.5/03 DE
(171) 10 năm
(540)

Pierce-Arrow

(511) 12.

(151) 08.09.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(732) Olaf vom Heu
Lotter Kirchweg 86b, 49078 Osnabrück (DE)

---

(111) **916325**
(822) 10.11.2006 06 3 433 513 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 19.

(151) 01.12.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 15.01.13, 26.11.12, 29.01.13
(591) Đen và xanh
(732) KERNEOS
8 rue des Graviers, F-92200 NEUILLY-SUR-SEINE (FR)

---

(111) **916336**
(822) 18.07.2000 2367328 US
(171) 10 năm
(540)

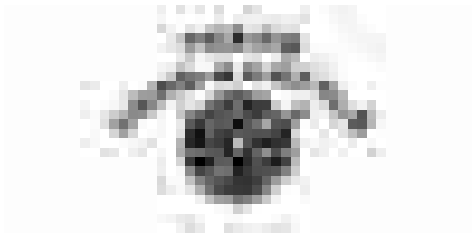

(511) 43.

(151) 02.02.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 01.17.13, 03.04.13, 26.01.24, 27.01.12
(732) TX.C.C. INC.
224 East Douglas Suite 700, Wichita, KS 67202 (US)

---

(111) **916367**

(171) 10 năm
(540)

(511) 07.

(151) 31.01.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 25.07.20, 25.07.21, 26.04.18, 26.11.03, 26.11.07, 26.13.25
(732) Daishowa Seiki Kabushiki Kaisha (Big Daishowa Seiki Co., Ltd.)
3-3-39 Nishiishikiricho, Higashi-Osaka-shi, Osaka 579-8013 (JP)

---

(111) **916426**
(822) 16.02.2007 06 3 449 446 FR
(171) 10 năm
(540)

ONEDRIM

(511) 05.

(151) 16.02.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(732) PLANTES ET MEDECINES
29, avenue du Sidobre, F-81000 CASTRES (FR)

---

(111) **916432**
(822) 21.12.2006 236 129 AT
(171) 10 năm
(540)

CC-GRP

(511) 07, 19, 42.

(151) 27.12.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(732) HOBAS Engineering GmbH
Pischeldorfer Straße 128, A-9020 Klagenfurt (AT)

---

(111) **916490**
(822) 14.02.2007 306 73 464.8/39 DE
(171) 10 năm
(540)

DPD EXPRESS

(511) 16, 36, 39.

(151) 14.02.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(732) DPD Deutscher Paket Dienst GmbH & Co. KG
Wailandtstraße 1, 63741 Aschaffenburg (DE)

---

(111) **916568**

(171) 10 năm
(540)

(511) 20.

(151) 31.10.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 03.13.04, 29.01.12
(732) PAROMA TDS CO., LTD.
159B 8L, Namdong Industrial Complex, #729-7, Gojan-dong, Namdong-ku, Inchon City 405-310 (KR)

---

(111) **916588**
(822) 21.12.2004 3562195 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 12.

(151) 14.12.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 01.01.08, 24.11.25, 26.13.25
(732) CHINA NATIONAL HEAVY DUTY TRUCK GROUP CO., LTD.
No.53, Wuyingshan Zhong Road, Jinan, Shandong Province (CN)
(750) CHINA NATIONAL HEAVY DUTY TRUCK GROUP CO., LTD.
165 Yingxiongshan Road, Jinan, Shandong Province (CN)

---

(111) **916589**
(822) 09.04.1997 397 04 866.1/08 DE
(171) 10 năm
(540) RAUTOOL

(151) 22.01.2007

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(732) REHAU AG + Co.
Rheniumhaus, 95111 Rehau (DE)

(511) 08.

---

(111) **916605**
(822) 07.03.2005 3552545 CN
(171) 10 năm
(540) 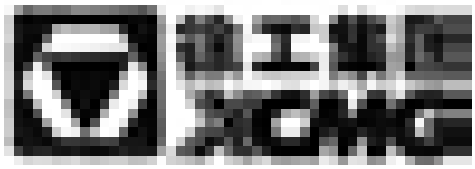

(151) 25.04.2006

(450) 2007/12 Gaz (26.04.2007)
(531) 26.04.10, 27.05.01, 28.03.00
(732) XUGONG GROUP CONSTRUCTION MACHINERY CO. LTD
No.5 Sudibei Road, Xuzhou City, Jiangsu Province (CN)

(511) 07.

B – NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ TỪ TRƯỚC, NAY ĐƯỢC GIA HẠN

(111) **198154**
(822) 31.10.1956 80 761 FR
(171) 10 năm
(540)
HYDROCORTANCYL

(151) 30.01.1957
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) AVENTIS PHARMA S.A.
20, avenue Raymond Aron, F-92160 ANTONY (FR)

(511) 05.

---

(111) **198162**
(822) 21.12.1956 83 034 FR
(171) 10 năm
(540)
AÉRAZUR

(151) 30.01.1957
(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) AERAZUR société par actions simplifiée
2, rue Maurice Mallet, F-92130 ISSY LES MOULINEAUX (FR)

(511) 07, 09, 12, 22.

---

(111) **198707**
(822) 03.10.1954 476 689 DT
(171) 10 năm
(540)
„WELLIN“

(151) 25.02.1957
(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(531) 27.05.01
(732) WELLA AKTIENGESELLSCHAFT
Berliner Allee 65, 64274 DARMSTADT (DE)

(511) 03.

---

(111) **198708**
(822) 23.05.1955 481 356 DT
(171) 10 năm
(540)
WELLAPON

(151) 25.02.1957
(450) ()
(732) WELLA AKTIENGESELLSCHAFT
Berliner Allee 65, 64274 DARMSTADT (DE)

(511) 03.

---

(111) **198712**
(822) 13.03.1956 688 565 DT
(171) 10 năm
(540)

RUGARD

(511) 05.

(151) 25.02.1957

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) Dr. Bruno Scheffler Nachf. GmbH & Co. KG
Senefelderstrasse 44, 51469 Bergisch Gladbach (DE)

---

(111) **198936**
(822) 29.09.1956 79 701 FR
(171) 10 năm
(540)

BIOTHERM

(511) 03.

(151) 04.03.1957

(450) ()
(732) BIOTHERM, Société anonyme monégasque
Avenue du Prince Héréditaire Albert, MONACO (MC)

---

(111) **199006**
(822) 02.11.1956 696 685 DT
(171) 10 năm
(540)

Androcur

(511) 01, 05.

(151) 08.03.1957

(450) ()
(732) SCHERING AKTIENGESELLSCHAFT BERLIN et BERGKAMEN (DE)
(750) SCHERING AKTIENGESELLSCHAFT Müllerstrasse 170-172, 13353 BERLIN (DE)

---

(111) **199104**
(822) 10.09.1947 497 837 DT
(171) 10 năm
(540)

Sichozell

(511) 01, 02, 16.

(151) 13.03.1957

(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(732) Henkel Sichel-Werke GmbH
Sichelstrasse 1, 30453 Hannover (DE)
(750) Henkel KGaA
40191 Düsseldorf (DE)

---

(111) **199139**
(822) 23.02.1951 489 574 FR
(171) 10 năm
(540)

EDOUARD ARTZNER
STRASBOURG

(151) 14.03.1957

(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(531) 27.05.01
(732) FEYEL-ARTZNER, Société anonyme
Rue Jean-Pierre Clause, F-67300 SCHILTIGHEIM (FR)

(511) 29.

---

(111) **314509**
(822) 01.08.1962 449 960 DT
(171) 10 năm
(540)

Kieselit

(151) 06.06.1966
(831) 15.10.1986 VN
(450) 1966/6 LMi (01.08.1966)
(732) Deutsche Amphibolin-Werke von Robert Murjahn Stiftung & Co KG
Roßdörfer Strasse 50, 64372 Ober-Ramstadt (DE)

(511) 01, 02.

---

(111) **328550**
(822) 03.05.1956 161 346 CH
(171) 10 năm
(540)

ISODINE

(151) 28.11.1966
(831) 09.08.1994 VN
(450) 1966/11 LMi (01.01.1967)
(732) MUNDIPHARMA AG
St. Alban-Rheinweg 74, Postfach, CH-4006 BÂLE (CH)

(511) 03, 05.

---

(111) **330740**
(822) 16.11.1957 93 931 CS
(171) 10 năm
(540)

AMICA

(151) 13.12.1966
(831) 10.11.1986 VN
(450) 1966/12 LMi (01.02.1967)
(732) ALPA, s.r.o. ALPA, a.s.
Hornoměstská 378, CZ-594 25 Velké Meziříčí (CZ),
Hornoměstská 378, CZ-594 25 Velké Meziříčí (CZ)

(511) 03, 04, 33.

---

(111) **331904**
(822) 19.08.1966 714 397 FR
(171) 10 năm
(540)

BABYBEL

(151) 02.02.1967

(450) 1967/2 LMi (01.04.1967)
(732) FROMAGERIES BEL, Société anonyme
16, boulevard Malesherbes, F-75008 Paris (FR)

(511) 29.

---

(111) **332090**
(822) 16.12.1966 221 843 CH
(171) 10 năm
(540)

(151) 03.02.1967
(831) 02.03.1987 VN
(450) 1967/2 LMi (01.04.1967)
(531) 27.05.01, 27.07.11
(732) Novartis AG
CH-4002 Bâle (CH)
(750) Novartis AG, Patent- und Markenabteilung
CH-4002 Bâle (CH)

(511) 05.

---

(111) **332200**
(822) 29.06.1965 254 089 FR
(171) 10 năm
(540)

RHODIAROME

(151) 07.02.1967
(831) 19.03.1987 VN
(450) 1967/3 LMi (01.05.1967)
(732) RHODIA CHIMIE
40, rue de la Haie Coq, F-93300 AUBERVILLIERS (FR)

(511) 01, 03, 05, 30.

---

(111) **332292**
(822) 08.11.1966 221 778 CH
(171) 10 năm
(540)

AQUATIMER

(151) 24.02.1967

(450) 1967/3 LMi (01.05.1967)
(732) RICHEMONT INTERNATIONAL S.A.
Route des Biches 10, CH-1752 Villars-sur-Glâne - Fribourg (CH)

(511) 14.

---

(111) **332293**
(822) 08.11.1966 221 779 CH
(171) 10 năm
(540)

YACHT CLUB

(151) 24.02.1967

(450) 1967/3 LMi (01.05.1967)
(732) RICHEMONT INTERNATIONAL S.A.
Route des Biches 10, CH-1752 Villars-sur-Glâne - Fribourg (CH)

(511) 14.

---

(111) **332369**
(822) 16.05.1966 819 537 DT
(171) 10 năm
(540)

AEROSIL

(151) 11.02.1967

(450) 1967/3 LMi (01.05.1967)
(732) Degussa GmbH
Bennigsenplatz 1, 40474 Düsseldorf (DE)
(750) Degussa GmbH
Rodenbacher Chaussee 4, 63457 Hanau-Wolfgang (DE)

(511) 01.

---

(111) **332402**
(822) 12.01.1953 4162 FR
(171) 10 năm
(540)

BONBEL

(151) 08.02.1967

(450) 1967/3 LMi (01.05.1967)
(732) FROMAGERIES BEL, Société anonyme
16, boulevard Malesherbes, F-75008 Paris (FR)

(511) 29.

---

(111) **332828**
(822) 16.01.1967 161 969 BX
(171) 10 năm
(540)

CEDOCARD

(151) 20.02.1967

(450) 1967/3 LMi (01.05.1967)
(732) Nycomed B.V.
Jupiterstraat 250, NL-2132 HK Hoofddorp (NL)
(750) Nycomed GmbH
Byk-Gulden-Str. 2, 78467 Konstanz (DE)

(511) 05.

---

(111) **333019**
(822) 20.02.1959 247 398 DT
(171) 10 năm
(540)

SUMA

(511) 01, 03.

(151) 10.02.1967
(831) 19.03.1987 VN
(450) 1967/3 LMi (01.05.1967)
(732) Diversey IP International B.V.
Schiphol Boulevard 209, Tower B 8th floor, NL-1118 BH Luchthaven Schiphol (NL)

---

(111) **333147**
(822) 01.03.1967 2361 BX
(171) 10 năm
(540)

TAPERCUT

(511) 10.

(151) 09.03.1967
(831) 02.11.1993 VN
(450) 1967/4 LMi (01.06.1967)
(732) JANSSEN PHARMACEUTICA, Naamloze vennootschap
Turnhoutsebaan 30, B-2340 BEERSE (BE)

---

(111) **333312**
(822) 18.08.1966 823 093 DT
(171) 10 năm
(540)

Begrivac

(511) 05.

(151) 03.03.1967
(450) 1967/4 LMi (01.06.1967)
(732) Novartis Vaccines and Diagnostics GmbH & Co. KG
Emil-Von-Behring Straße 76, 35041 Marburg (DE)
(750) Steven H. Hartman, Esq., Vice President and General Counsel, Novartis AG, Corporate Intellectual Property
One Health Plaza - Bldg. 104, East Hanover, NJ 07936 (US)

---

(111) **333315**
(822) 07.11.1966 825 777 DT
(171) 10 năm
(540)

Rabivak

(151) 03.03.1967
(450) 1967/4 LMi (01.06.1967)
(732) Novartis Vaccines and Diagnostics GmbH & Co. KG
Emil-Von-Behring Straße 76, 35041 Marburg (DE)
(750) Steven H. Hartman, Esq., Vice President and General Counsel, Novartis AG, Corporate Intellectual Property
One Health Plaza - Bldg. 104, East Hanover, NJ 07936 (US)

(511) 05.

---

(111) **333387**
(822) 27.02.1967 162 401 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.03.1967
(831) 20.08.1987 VN
(450) 1967/4 LMi (01.06.1967)
(531) 24.01.19, 26.04.01, 26.04.16, 26.04.18, 26.04.24, 27.05.24
(732) Turmac Tobacco Company B.V.
De Boelelaan 32, NL-1083 HJ Amsterdam (NL)

(511) 34.

---

(111) **333662**
(822) 17.03.1966 712 246 FR
(171) 10 năm
(540)

GENERALE CONSERVE

(151) 14.03.1967
(450) 1967/4 LMi (01.06.1967)
(531) 05.05.20, 26.04.15, 27.05.01, 29.01.03
(591) Xanh lá cây
(732) Société anonyme coopérative d'intérêt collectif agricole dite: COMPAGNIE GENERALE DE CONSERVE
Kerlurec - Saint-Léonard-Nord, F-56450 THEIX (FR)

(511) 05, 29, 30, 31, 32.

---

(111) **427263**
(822) 12.08.1976 947 955 DT
(171) 10 năm
(540)
Grasovka

(511) 33.

(151) 10.12.1976

(450) 1977/1 LMi (01.03.1977)
(732) Underberg AG
Industriestrasse 31, CH-8305 Dietlikon (CH)

---

(111) **428037**
(822) 27.03.1975 920 715 FR
(171) 10 năm
(540)
PROCTOSEDYL

(511) 05.

(151) 09.02.1977

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) AVENTIS PHARMA S.A.
20 avenue Raymond Aron, F-92160 ANTONY (FR)

---

(111) **428056**
(822) 04.02.1977 954 521 DT
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 04.02.1977

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(531) 03.07.17, 05.03.11, 27.03.11, 27.05.08, 27.05.14, 27.05.22, 27.05.24
(732) erima Sportbekleidungs GmbH
Carl-Zeiss-Strasse 10, 72793 Pfullingen (DE)

---

(111) **428057**
(822) 04.02.1977 954 522 DT
(171) 10 năm
(540)
erima

(511) 25.

(151) 04.02.1977

(450) 1977/2 LMi (01.04.1977)
(732) erima Sportbekleidungs GmbH
Carl-Zeiss-Strasse 10, 72793 Pfullingen (DE)

---

(111) **428139**
(822) 03.02.1977 954 508 DT
(171) 10 năm
(540) KAMEI
(511) 12, 17, 20.

(151) 03.02.1977
(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(531) 27.05.01
(732) KAMEI GmbH & Co. KG
Stiftstrasse 18, 65183 Wiesbaden (DE)

---

(111) **428211**
(822) 18.05.1971 31 189 BX
(171) 10 năm
(540) SUPER LUX
(511) 11.

(151) 04.02.1977
(831) 21.03.1994 VN
(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(732) Koninklijke Philips Electronics N.V.
Groenewoudseweg 1, NL-5621 BA
Eindhoven (NL)

---

(111) **428369**
(822) 09.06.1976 945 402 DT
(171) 10 năm
(540) MAK
(511) 07, 12.

(151) 12.02.1977
(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(531) 27.05.01
(732) Caterpillar Motoren GmbH & Co. KG
Falckensteiner Strasse 2, 24159 Kiel (DE)

---

(111) **428451**
(822) 14.05.1974 702 282 ES
(171) 10 năm
(540) VINCIDERMO
(511) 10.

(151) 25.02.1977
(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(732) JOSÉ MARÍA MASSO REMIRO
11, Sor Eulalia de Anzizu,
BARCELONA 17 (ES)

---

(111) **428512**
(822) 22.10.1976 341 090 BX
(171) 10 năm
(540) FLUMOXAL
(511) 05.

(151) 09.03.1977
(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(732) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V.
Turnhoutsebaan 30, B-2340 BEERSE (BE)

---

(111) **428521**
(822) 22.09.1962 43 195 ES
(171) 10 năm
(540)

LACASA

(151) 10.03.1977

(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(732) LACASA S.A.
Carretera Logroño, Km. 14, UTEBO, Zaragoza (ES)

(511) 30.

---

(111) **428548**
(822) 16.11.1976 1 000 110 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 04.03.1977

(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(531) 02.03.01, 26.04.02, 26.04.09, 27.05.01
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **428737**
(822) 13.05.1976 944 490 DT
(171) 10 năm
(540)

(151) 09.02.1977
(831) 28.10.1986 VN
(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(531) 05.13.04, 27.05.01
(732) MCM Holding AG
Lauriedstrasse 10, CH-6304 Zug (CH)

(511) 18, 25, 28.

---

(111) **428764**
(822) 11.02.1977 816 702 ES
(171) 10 năm
(540)

QUORUM

(151) 25.02.1977

(450) ()
(732) ANTONIO PUIG, S.A.
Travesera de Gracia, 6, E-08021 BARCELONA (ES)

(511) 03.

---

(111) **428863**
(822) 21.06.1972 894 504 DT
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 11, 21.

(151) 03.03.1977

(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(531) 02.03.01, 02.03.02, 26.04.02, 26.11.03
(732) WELLA AKTIENGESELLSCHAFT
Berliner-Allee 65, 64274 Darmstadt (DE)

---

(111) **428869**
(822) 19.08.1975 934 518 DT
(171) 10 năm
(540) Mucofalk

(511) 05.

(151) 09.02.1977

(450) 1977/3 LMi (01.05.1977)
(732) Dr. FALK PHARMA GMBH
Leinenweberstrasse 5, 79108 FREIBURG (DE)

---

(111) **429008**
(822) 24.11.1976 951 640 DT
(171) 10 năm
(540) BAYHIBIT

(511) 01, 02.

(151) 12.03.1977
(831) 21.03.1997 VN
(450) 1977/4 LMi (01.06.1977)
(732) BAYER AKTIENGESELLSCHAFT
51368 LEVERKUSEN (DE)

---

(111) **429024**
(822) 07.02.1977 954 604 DT
(171) 10 năm
(540) Kleindienst

(511) 07, 09, 12, 20.

(151) 07.02.1977

(450) ()
(732) WashTec Holding GmbH
Argonstrasse 7, 86153 Augsburg (DE)

---

(111) **429024A**
(822) 07.02.1977 954 604 DT
(171) 10 năm
(540) Kleindienst

(511) 09.

(151) 07.02.1977

(450)
(732) Kleindienst Datentechnik AG
Brixener Str. 8, 86165 Augsburg (DE)

---

(111) **507348**
(822) 13.10.1986 452 637 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.10.1986

(450) 1986/12 LMi (01.02.1987)
(531) 26.05.19, 27.05.01
(732) CAFFARO CHIMICA S.r.l.
Via Vittor Pisani, 22, I-20124 MILANO (IT)

(511) 01, 03, 05, 17, 31.

---

(111) **508105**
(822) 27.09.1983 1 053 994 DT
(171) 10 năm
(540)

(151) 28.11.1986
(831) 08.05.1987 VN
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(531) 01.15.07, 26.04.01, 26.04.03, 26.04.07, 26.04.13, 26.04.16, 26.04.18
(732) TELEFUNKEN Licenses GmbH
Bockenheimer Landstrasse 101, 60325 Frankfurt am Main (DE)

(511) 01, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 14, 16, 17, 19, 20, 21, 35, 37, 41, 42.

---

(111) **508106**
(822) 21.03.1984 1 061 306 DT
(171) 10 năm
(540)

TELEFUNKEN

(151) 28.11.1986
(831) 08.05.1987 VN
(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) TELEFUNKEN Licenses GmbH
Bockenheimer Landstrasse 101, 60325 Frankfurt am Main (DE)

(511) 01, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 14, 16, 17, 19, 20, 21, 35, 37, 41, 42.

---

(111) **508177**
(822) 29.10.1982 321 944 CH
(171) 10 năm
(540)

OLFEN

(151) 26.11.1986

(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) MEPHA AG
Dornacherstrasse 114, CH-4147 Neu-Aesch (CH)
(750) MEPHA AG
Case postale 137, CH-4143 Dornach 1 (CH)

(511) 05.

---

(111) **508478**
(822) 24.11.1986 457 725 IT
(171) 10 năm
(540)

HEALTH DIVISION

(151) 29.01.1987

(450) 1987/1 LMi (01.03.1987)
(732) PERFETTI VAN MELLE S.P.A.
Via XXV Aprile, 7, I-20020 LAINATE (IT)

(511) 05, 30.

---

(111) **508818**
(822) 09.12.1986 1 100 104 DT
(171) 10 năm
(540)

Schneider
KREUZNACH

(151) 14.01.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(531) 26.01.01, 27.05.11
(732) Jos. Schneider Optische Werke GmbH
Ringstrasse 132, 55543 Bad Kreuznach (DE)

(511) 09.

---

(111) **509079**
(822) 22.08.1986 1 368 339 FR
(171) 10 năm
(540)

SOLIGOM

(151) 18.11.1986

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(531) 27.05.01
(732) STANDARD INDUSTRIE S.A
139-141, rue du Luxembourg, F-59100 ROUBAIX (FR)

(511) 07.

---

(111) **509257**
(822) 22.09.1986 1 371 528 FR
(171) 10 năm
(540)
TERPINE GONNON

(511) 05.

(151) 16.02.1987

(450) 1987/2 LMi (01.04.1987)
(732) GONNON (société par actions simplifiées)
37, rue Saint Romain, F-69008 LYON (FR)

---

(111) **509415**
(822) 31.10.1986 1 377 411 FR
(171) 10 năm
(540)
MENINA

(511) 33.

(151) 02.02.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) ROZÈS, S.A.
Quinta de Monsul, Cambres, P-5100 Lamego (PT)

---

(111) **509437**
(822) 07.11.1986 1 378 338 FR
(171) 10 năm
(540)
AVENGER

(511) 03.

(151) 10.03.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) PARFUMS ROCHAS, Société anonyme
33, rue François 1er, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **509565**
(822) 03.10.1986 349 947 CH
(171) 10 năm
(540)
FLIK FLAK

(511) 14.

(151) 30.01.1987

(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) ETA SA MANUFACTURE HORLOGERE SUISSE
CH-2540 GRENCHEN (CH)

---

(111) **509729**
(822) 20.11.1986 1 380 676 FR
(171) 10 năm
(540)
CANAL PLUS

(511) 09, 16, 35, 38, 41.

(151) 16.03.1987
(831) 07.03.1994 VN
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) GROUPE CANAL +
1 Place du Spectacle, F-92130 ISSY LES MOULINEAUX (FR)

---

(111) **509843**
(822) 24.09.1986 349 781 CH
(171) 10 năm
(540) Nutriflex

(151) 05.02.1987
(831) 20.06.1997 VN
(450) 1987/3 LMi (01.05.1987)
(732) B. Braun Melsungen Aktiengesellschaft
Carl-Braun-Strasse 1, 34212 Melsungen (DE)

(511) 05.

---

(111) **510193**
(822) 13.02.1987 465 019 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.02.1987
(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 02.01.20, 25.01.10, 26.04.03
(732) GILMAR S.P.A.
Via Malpasso, 723/725, I-47048 SAN GIOVANNI IN MARIGNANO (IT)

(511) 03, 09, 14, 18, 25.

---

(111) **510193A**
(822) 13.02.1987 465 019 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.02.1987
(450)
(531) 02.01.20, 25.01.10, 26.04.03
(732) SEMINVEST INVESTMENTS B.V.
Baronielaan 139, NL-4818 PD Breda (NL)

(511) 03, 09, 14, 25.

---

(111) **510193**
(822) 13.02.1987 465 019 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 13.02.1987
(450) 1987/4 LMi, 01.06.1987
(531) 02.01.20, 25.01.10, 26.04.03
(732) GILMAR S.P.A.
Via Malpasso, 723/725
I-47048 SAN GIOVANNI
IN MARIGNANO (IT)

(511) 03, 09, 14, 18, 25.

---

(111) **510205**
(822) 13.02.1987 465 301 IT
(171) 10 năm
(540)

(511) 25.

(151) 13.02.1987
(831) 30.03.1990 VN
(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 18.05.01, 26.11.02, 27.05.01, 27.05.23
(732) G.B. PEDRINI S.P.A.
Via S. Jacopo, 25, I-50047 PRATO (IT)

---

(111) **510218**
(822) 13.02.1987 465 018 IT
(171) 10 năm
(540)

POCKET ESPRESSO

(511) 30.

(151) 13.02.1987

(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(732) FERRERO S.P.A.
Piazzale Pietro Ferrero, I-12051 ALBA (CN) (IT)

---

(111) **510361**
(822) 16.01.1985 1 339 113 FR
(171) 10 năm
(540)

EMULSION SVR

(511) 03, 05.

(151) 26.02.1987

(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(732) LABORATOIRES SVR SAS
La Tremblaie, rue de la Mare à Blot, F-91220 LE PLESSIS PATE (FR)

---

(111) **510615**
(822) 04.02.1985 1 073 284 DT
(171) 10 năm
(540)

DYHARD

(511) 01.

(151) 20.03.1987
(831) 26.01.2005 VN
(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(732) Degussa AG
Bennigsenplatz 1, 40474 Düsseldorf (DE)
(750) Degussa AG
Dr.-Albert-Frank-Strasse 32, 83308 Trostberg (DE)

---

(111) **510635**
(822) 26.11.1986 1 381 562 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 05.

(151) 09.03.1987

(450) 1987/4 LMi (01.06.1987)
(531) 26.07.15, 27.05.01
(732) L'OREAL, Société anonyme
14, rue Royale, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **510928**
(822) 19.12.1986 351 788 CH
(171) 10 năm
(540) PORTALIFT

(511) 07, 09.

(151) 18.03.1987

(450) 1987/5 LMi (01.07.1987)
(732) Bühler AG
CH-9240 Uzwil (CH)

---

(111) **510929**
(822) 19.12.1986 351 789 CH
(171) 10 năm
(540) PORTALINK

(511) 07, 09.

(151) 18.03.1987

(450) 1987/5 LMi (01.07.1987)
(732) Bühler AG
CH-9240 Uzwil (CH)

---

(111) **511051**
(822) 16.05.1986 419 020 BX
(171) 10 năm
(540) 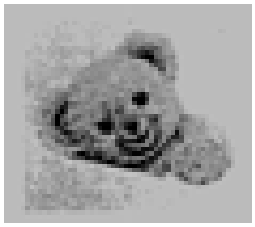

(511) 03, 05, 16, 21, 24, 25, 28.

(151) 12.03.1987
(831) 24.07.2003 VN
(450) 1987/5 LMi (01.07.1987)
(531) 03.01.14
(732) Unilever N.V.
Weena 455, NL-3013 AL Rotterdam (NL)

---

(111) **511300**
(822) 27.02.1987 1 102 985 DT
(171) 10 năm
(540)
Rumland

(151) 07.03.1987
(450) 1987/5 LMi (01.07.1987)
(732) Barry Callebaut AG
Westpark, Pfingstweidstrasse 60, CH-8005 Zurich (CH)

(511) 05, 29, 30.

---

(111) **513275**
(822) 11.08.1986 1 375 588 FR
(171) 10 năm
(540)
VitalAire

(151) 06.02.1987
(831) 23.06.2005 VN
(450) 1987/7 LMi (01.09.1987)
(732) L'Air Liquide, Société Anonyme pour l'Etude et l'Exploitation des Procédés Georges Claude
75, quai d'Orsay, F-75007 PARIS (FR)
(750) L'AIR LIQUIDE SA
Service Marques, 75 Quai d'Orsay, F-75321 PARIS CEDEX 07 (FR)

(511) 01, 06, 07, 10, 42.

---

(111) **661727**
(822) 08.07.1996 396 12 969 DE
(171) 10 năm
(540)
ZENAS

(151) 03.09.1996
(450) 1996/16 Gaz (10.01.1997)
(732) Bayer Aktiengesellschaft
51368 Leverkusen (DE)

(511) 05.

---

(111) **661901**
(822) 30.03.1995 429 731 CH
(171) 10 năm
(540)
ARTHUR'S

(151) 23.10.1996
(450) ()
(732) GLOBEHOLDING S.A.
29, rue du Rhône, CH-1204 Genève (CH)

(511) 25, 35, 38, 41, 42.

---

(111) **663243**
(822) 15.04.1994 23 100 BG
(171) 10 năm
(540)

(511) 05, 30, 32.

(151) 18.10.1996

(450) 1996/17 Gaz (21.01.1997)
(531) 26.04.04, 27.05.01
(732) KENDY SUISSE AG
Grendel 8, CH-6000 LUCERNE 5 (CH)

---

(111) **664168**
(822) 07.10.1996 876966 CN
(171) 10 năm
(540)

(511) 34.

(151) 19.11.1996

(450) 1996/18 Gaz (31.01.1997)
(531) 06.01.02, 25.01.15, 27.05.01, 28.03.00
(732) BENG BU CIGARETTE FACTORY
No. 10, Donghai Road, CN-233010 Bengbu City Anhui Province (CN)

---

(111) **666608**
(822) 13.06.1996 395 00 951 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 30, 32, 33.

(151) 28.11.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 19.07.01, 29.01.07
(591) Xám, đen, đồng
(732) Underberg KG
Underbergstrasse 1-3, 47495 Rheinberg (DE)

---

(111) **666782**
(822) 17.07.1996 96.634.713 FR
(171) 10 năm
(540)

TWIST

(151) 16.01.1997

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(732) COMPAGNIE DES ARTS DE LA TABLE (Société par actions simplifiée)
23, rue Boissy d'Anglas, F-75008 PARIS (FR)
(750) HERMES INTERNATIONAL - Jean-Claude MASSON
24, rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

(511) 08.

---

(111) **666785**
(822) 17.07.1996 96.634.713 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 16.01.1997

(450) 1997/9 Gaz (14.03.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL
(Société en commandite par actions)
23, rue du Faubourg Saint honore',
F-75008 PARIS (FR)

(511) 16,21,35,37,38,41,42.

---

(111) **667230**
(822) 12.04.1996 395 51 671 DE
(171) 10 năm
(540)

TWINPOINT

(151) 13.12.1996

(450) 1997/2 Gaz (14.03.1997)
(531) 26.01.01, 27.01.01, 27.05.01
(732) Berker GmbH & Co. KG
Klagebach 38, 58579 Schalksmühle (DE)

(511) 09, 37, 42.

---

(111) **667397**
(822) 12.09.20076 395 51 671 CH
(171) 10 năm
(540)

DOG COLLAR

(151) 07.01.1997

(450) 2007/9 Gaz (14.09.2007)
(531) 26.01.01, 27.01.01, 27.05.01
(732) LA MONTRE HERMES SA
Erlenstrasse 31A
CH-2555 Brugg BE (CH)

(511) 14.

---

(111) **667617**
(822) 02.08.1996 96 637 217 FR
(171) 10 năm
(540)

BRAZZA

(511) 16, 18.

(151) 27.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 27.05.01
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **667860**
(822) 02.08.1996 96 637 216 FR
(171) 10 năm
(540)

CRIN NOIR

(511) 16, 18.

(151) 27.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **667862**
(822) 02.08.1996 96 637 215 FR
(171) 10 năm
(540)

CRIN BLANC

(511) 16, 18.

(151) 27.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **667983**
(822) 06.08.1996 96637639 FR
(171) 10 năm
(540)

PRO-LOCK

(511) 05, 10.

(151) 05.02.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 27.05.01
(732) sanofi-aventis
174, avenue de France, F-75013 PARIS (FR)
(750) sanofi-aventis - Direction Juridique Marques
82, avenue Raspail, F-94110 GENTILLY (FR)

---

(111) **668079**
(822) 30.07.1996 96/636.641 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 03.02.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 03.01.08, 03.01.14, 05.01.03, 25.01.15, 27.05.01, 29.01.15
(591) Đỏ: vàng, trắng, xanh lá cây ,trắng, hồng, đen
(732) COMPAGNIE GERVAIS DANONE
17 boulevard Haussmann, F-75009 PARIS (FR)

(511) 05, 29, 30, 32.

---

(111) **668134**
(822) 29.01.1997 703.283 IT
(171) 10 năm
(540) POLIMERI EUROPA

(151) 29.01.1997

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) POLIMERI EUROPA S.p.A.
Via E. Fermi 4, I-72100 BRINDISI (IT)

(511) 01.

---

(111) **668140**
(822) 05.01.1990 378 665 CH
(171) 10 năm
(540) BE HAPPY

(151) 19.12.1996

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(732) Chopard International S.A.
Route de Promenthoux, CH-1197 PRANGINS (CH)

(511) 14.

---

(111) **668248**
(822) 22.04.1996 395 32 493 DE
(171) 10 năm
(540) Berker MODUL® 2

(151) 13.12.1996

(450) 1997/3 Gaz (27.03.1997)
(531) 27.05.01, 27.07.01
(732) Berker GmbH & Co. KG
Klagebach 38, 58579 Schalksmühle (DE)

(511) 09, 37, 42.

---

(111) **668300**
(822) 14.08.1996 96/638.703 FR
(171) 10 năm
(540) DESPERADOS

(151) 10.02.1997

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 26.04.04, 27.05.01
(732) BRASSERIE FISCHER
7, route de Bischwiller, F-67300 SCHILTIGHEIM (FR)

(511) 32, 33, 42.

---

(111) **668378**
(822) 18.09.1996 96 642140 FR
(171) 10 năm
(540) E.SOUDRAY

(151) 13.02.1997

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 27.01.01
(732) BREMA FRANCE (Société Anonyme)
3, rue de la Boétie, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **668406**
(822) 12.08.1996 96638376 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 11.02.1997
(831) 24.11.2004 VN
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 02.09.01, 19.07.01, 19.07.25, 26.04.02, 29.01.02, 29.01.04, 29.01.05
(591) Tím, xanh da trời, màu vàng rực
(732) PACIFIC CREATION (Société par actions simplifiée)
6/8 rue Caroline, F-75017 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **668421**
(822) 23.06.1995 95 577 367 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 06.02.1997
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 26.01.01, 26.07.01, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.04
(591) Xanh da trời, đỏ
(732) CARREFOUR
26, quai Michelet, F-92300 Levallois-Perret (FR)

(511) 03, 16, 21, 29, 30, 31, 32, 33.

---

(111) **668452**
(822) 03.12.1987 1 438 457 FR
(171) 10 năm
(540)

MORIA

(151) 07.02.1997
(831) 25.11.1997 VN
(450) ()
(732) MORIA SA (Société Anonyme)
15 rue Georges Besse, F-92160 ANTONY (FR)

(511) 10.

---

(111) **668473**
(822) 30.01.1997 703308 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 30.01.1997
(831) 31.10.2000 VN
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 18.03.21, 26.01.01, 27.05.01
(732) Fronsac SW S.A.
29, avenue Monterey, L-2163 Luxembourg, Grand Duché de Luxembourg (LU)

(511) 09, 12, 14.

---

(111) **668497**
(822) 05.02.1997 703842 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 05.02.1997
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 26.04.02, 27.05.01
(732) GILMAR S.p.A.
Via Malpasso, 723-725, I-47048 SAN GIOVANNI IN MARIGNANO (RN) (IT)

(511) 03, 09, 14, 18, 25.

---

(111) **668509A**
(822) 23.10.1996 396 38 751 DE
(171) 10 năm
(540)

Pelle Pelle

(151) 23.01.1997
(450)
(732) Pelle Pelle, Inc.
2903 Technology Drive, Rochester Hills, MI48309 (US)
(750) Pelle Pelle, Inc.
29 W. Lawrence Street, Suite 210, Pontiac, Michigan 48362 (US)

(511) 09, 14, 18, 25.

---

(111) **668537**
(822) 29.01.1997 703.298 IT
(171) 10 năm
(540)

Fiorinda
by
Carlo Pignatelli

(151) 29.01.1997
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 27.05.01
(732) CARLO PIGNATELLI S.P.A.
Via G. Reiss Romoli, 150, I-10148 TORINO (IT)

(511) 25.

---

(111) **668551**
(822) 28.08.1996 436 641 CH
(171) 10 năm
(540)

REVIVE

(151) 07.02.1997
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) Sony Overseas SA
Rütistrasse 12, CH-8952 Schlieren (CH)

(511) 09.

---

(111) **668686**
(822) 06.02.1997 703869 IT
(171) 10 năm
(540)

SUPERGA

(151) 06.02.1997
(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) FORMULA SPORT GROUP S.R.L. IN LIQUIDAZIONE
Via Domodossola, 17, MILANO (IT)

(511) 25.

---

(111) **668886**
(822) 06.12.1996 FL-No.10029 LI
(171) 10 năm
(540)

(511) 05, 28, 30.

(151) 06.03.1997

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 02.01.01, 02.01.08, 02.01.25, 26.04.02
(732) WM. WRIGLEY, JR. Company
410 N. Michigan Avenue, Chicago, Illinois, 60611 (US), Bibergerstrasse 18, Unterhaching (DE)

---

(111) **668903**
(822) 09.09.1996 436568 CH
(171) 10 năm
(540) SUPER CDit II

(511) 09.

(151) 06.02.1997

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(531) 25.05.02, 26.04.02, 26.04.07, 27.05.01, 27.07.01
(732) Sony Overseas SA
Rütistrasse 12, CH-8952 Schlieren (CH)

---

(111) **668906**
(822) 10.09.1996 436569 CH
(171) 10 năm
(540) Power HAD

(511) 09.

(151) 06.02.1997

(450) 1997/4 Gaz (11.04.1997)
(732) Sony Overseas SA
Rütistrasse 12, CH-8952 Schlieren (CH)

---

(111) **668972**
(822) 04.09.1996 435 037 CH
(171) 10 năm
(540) MEDOR

(511) 14.

(151) 14.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 27.05.01
(732) La Montre Hermes SA
Erlenstrasse 31A, CH-2555 Brügg BE (CH)

---

(111) **668981**
(822) 16.09.1996 96 642 260 FR
(171) 10 năm
(540)

Sescoi WorkPLAN

(151) 12.02.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) SESCOI
Boulevard du Général de Gaulle, Sancé, F-71000 MÂCON (FR)

(511) 09, 16, 35, 38, 42.

---

(111) **669026**
(822) 19.07.1996 96.635.171 FR
(171) 10 năm
(540)

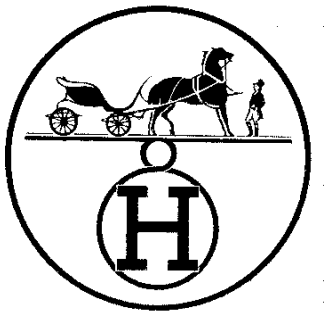

(151) 16.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 02.01.21, 03.03.01, 18.01.01, 26.01.01, 26.01.05, 26.01.06, 27.05.01
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03, 08, 09, 14, 16, 18, 20, 21, 24, 25, 28, 34, 35, 37, 38, 39, 41, 42.

---

(111) **669081**
(822) 18.09.1996 96642110 FR
(171) 10 năm
(540)

ESTALIS

(151) 03.02.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) AVENTIS PHARMA S.A.
20 avenue Raymond Aron, F-92160 ANTONY (FR)

(511) 05.

---

(111) **669153**
(822) 07.12.1994 94/548.723 FR
(171) 10 năm
(540)

REFLEXE CONTOUR

(151) 25.02.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) LANCOME PARFUMS ET BEAUTE & CIE société en nom collectif
29 rue du Faubourg Saint-Honoré, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **669175**
(822) 17.07.1996 96.634.717 FR
(171) 10 năm
(540)

TIGIDIT

(511) 16, 18.

(151) 16.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **669177**
(822) 17.07.1996 96.634.715 FR
(171) 10 năm
(540)

BOLIDADO

(511) 16, 18.

(151) 16.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **669237**
(822) 30.01.1990 510817 CN
(171) 10 năm
(540)

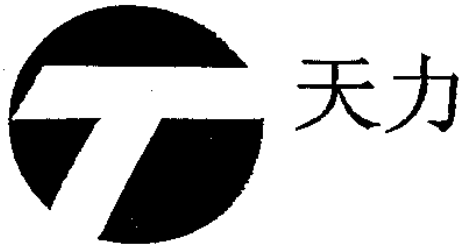

(511) 12.

(151) 30.01.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 26.01.01, 26.01.10, 27.05.01, 28.03.00
(732) TIANJIN UNITED TIRE & RUBBER INTERNATIONAL CO. LTD.
No. 50 Dongjiangdao Hexiqu, 300220 Tianjin (CN)

---

(111) **669356**
(822) 21.11.1996 437 375 CH
(171) 10 năm
(540)

GLENIUM

(511) 01.

(151) 28.02.1997
(831) 11.07.2006 VN
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Construction Research & Technology GmbH
Dr.-Albert-Frank-Strasse 32, 83308 Trostberg (DE)

---

(111) **669361**
(822) 26.01.2007 473 AT
(171) 10 năm
(540)

(511) 07. 11.

(151) 03.02.1997
(831) 03.02.2007 VN
(450) 2007/9 Gaz (24.09.2007)
(732) C.A. GREINER &SOHNE Gesellschaft m.b.H.
Greiner Strasse 70
A-4550 Kremsmunster (AT)

---

(111) **669424**
(822) 13.09.1996 96641811 FR
(171) 10 năm
(540)

PLENITUDE
MOISTURE ABSOLUTE

(511) 03.

(151) 07.03.1997
(450) ()
(531) 27.05.01
(732) L'OREAL, Société Anonyme
14 rue Royale, F-75008 PARIS (FR)
(750) L'OREAL, Société Anonyme
Département des Marques
41 rue Martre, F-92117 CLICHY (FR)

---

(111) **669438**
(822) 23.09.1996 96 642 632 FR
(171) 10 năm
(540)

JOHN GALLIANO

(511) 40, 42.

(151) 24.02.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) JOHN GALLIANO S.A.
60, rue d'Avron, F-75020 PARIS (FR)

---

(111) **669511**
(822) 02.08.1996 96.637.210 FR
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 08, 09, 14, 16, 18, 20, 21, 24, 25, 28, 34, 35, 37, 38, 39, 41, 42.

(151) 27.01.1997
(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 02.01.25, 03.03.01, 18.01.01, 25.01.15, 29.01.01, 29.01.07
(591) Cam và màu hạt dẻ đậm
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **669571**
(822) 24.09.1996 96642884 FR
(171) 10 năm
(540) VICHY Célestins ORIGINAL

(511) 32.

(151) 07.03.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(531) 25.03.01, 27.05.01
(732) ETAT FRANCAIS Service des Domaines
92 allée de Bercy, F-75012 PARIS (FR)

---

(111) **669661**
(822) 26.02.1997 LU
(171) 10 năm
(540) Miss Sixty

(511) 03,09,14,16,25..

(151) 26.02.1997

(450) 1997/2 Gaz (26.02.2007)
(531)
(732) FRONSAC TMS.A.
29, avenue Monterey
L-2163 Luxembourg, Grand Duche' de Luxxembourg (LU)

---

(111) **669674**
(822) 11.07.1995 395 04 444 DE
(171) 10 năm
(540) P 40

(511) 05.

(151) 15.02.1997

(450) 1997/5 Gaz (24.04.1997)
(732) Nycomed GmbH
Byk-Gulden-Str. 2, 78467 Konstanz (DE)

---

(111) **669779**
(822) 23.09.1996 96 642 659 FR
(171) 10 năm
(540) YSL POUDRE D'ÉTÉ

(511) 03.

(151) 14.03.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 26.04.02, 26.04.09, 27.05.01
(732) YVES SAINT LAURENT PARFUMS (Société Anonyme)
28/34, Boulevard du Parc, F-92521 Neuilly Cedex (FR)

---

(111) **669791**
(822) 14.02.1997 438341 CH
(171) 10 năm
(540) RONOZYME

(151) 19.03.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 26.01.02, 26.07.03, 27.01.01, 27.05.01
(732) DSM IP Assets B.V.
Het Overloon 1, NL-6411 TE Heerlen (NL)

(511) 31.

---

(111) **669792**
(822) 18.10.1996 436 689 CH
(171) 10 năm
(540)

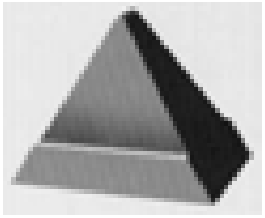

(151) 07.02.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 08.01.19, 26.15.07
(732) KRAFT FOODS SCHWEIZ HOLDING AG
Bellerivestr. 203, CH-8008 Zürich (CH)

(511) 30.

---

(111) **670023**
(822) 12.05.1995 95.571.348 FR
(171) 10 năm
(540)

AIR LIQUIDE

(151) 04.03.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) L'Air Liquide, Société Anonyme pour l'Etude et l'Exploitation des Procédés Georges Claude
75, quai d'Orsay, F-75007 PARIS (FR)
(750) L'AIR LIQUIDE SA
Service Marques, 75 Quai d'Orsay, F-75321 PARIS CEDEX 07 (FR)

(511) 05, 10, 42.

---

(111) **670063**
(822) 06.03.1997 705182 IT
(171) 10 năm
(540)

SOLOTEMPO

(151) 06.03.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(732) BULGARI S.p.A.
Lungotevere Marzio, 11, I-00186 Roma (IT)

(511) 14.

---

(111) **670121**
(822) 03.10.1996 96 644 716 FR
(171) 10 năm
(540) rive gauche

(151) 06.02.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 27.05.01
(732) YVES SAINT LAURENT (Société par Actions Simplifiée)
7 avenue George V, F-75008 PARIS (FR)

(511) 25.

---

(111) **670238**
(822) 24.10.1996 96 647 665 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 10.02.1997

(450) 1997/6 Gaz (12.05.1997)
(531) 02.01.20, 03.03.01, 18.01.01, 25.01.09, 27.01.01
(732) HERMES INTERNATIONAL (Société en commandite par actions)
24, rue du Faubourg Saint Honoré, F-75008 PARIS (FR)

(511) 03.

---

(111) **670398**
(822) 10.03.1997 705.937 IT
(171) 10 năm
(540)

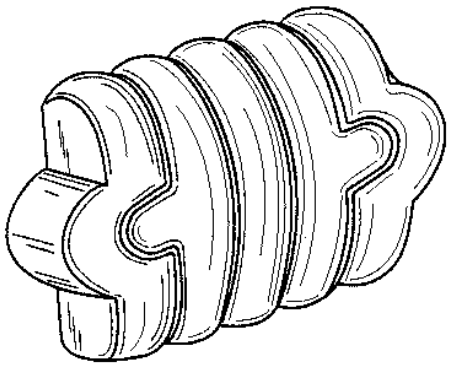

(151) 10.03.1997

(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(531) 26.13.25, 26.15.25
(732) BULGARI S.p.A.
Via Lungotevere Marzio, 11, I-00186 ROMA (IT)

(511) 14.

---

(111) **670399**
(822) 10.03.1997 705.936 IT
(171) 10 năm
(540)

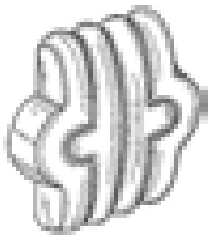

(511) 14.

(151) 10.03.1997

(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(531) 26.13.25, 26.15.25
(732) BULGARI S.p.A.
Via Lungotevere Marzio, 11, I-00186 ROMA (IT)

---

(111) **670427**
(822) 10.03.1997 705.938 IT
(171) 10 năm
(540)

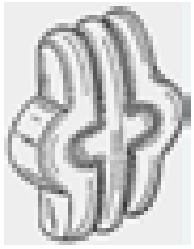

(511) 14.

(151) 10.03.1997

(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(531) 24.13.25, 26.15.25
(732) BULGARI S.p.A.
Via Lungotevere Marzio, 11, I-00186 ROMA (IT)

---

(111) **670540**
(822) 21.02.1997 396 54 471 DE
(171) 10 năm
(540)

ORESTEC

(511) 05.

(151) 22.02.1997

(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) Nycomed GmbH
Byk-Gulden-Str. 2, 78467 Konstanz (DE)

---

(111) **670542**
(822) 29.11.1996 396 28 954 DE
(171) 10 năm
(540)

ALVARESC

(511) 05.

(151) 22.02.1997

(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) Nycomed GmbH
Byk-Gulden-Str. 2, 78467 Konstanz (DE)

---

(111) **670611**
(822) 24.03.1995 436 606 CH
(171) 10 năm
(540) HOLDERBANK

(151) 07.02.1997

(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) Holcim IP Ltd
Zürcherstrasse 156, CH-8645 Jona (CH)

(511) 01, 09, 17, 19, 35, 36, 37, 41, 42.

---

(111) **670613**
(822) 03.04.1996 1942025 ES
(171) 10 năm
(540) MONDRAGON

(151) 07.03.1997
(831) 21.06.2000 VN
(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(531) 26.04.04, 26.04.07, 26.04.11, 27.01.01, 27.05.01, 29.01.01
(591) Đỏ và đen
(732) PLASTICOS MONDRAGON, S.A.
Polígono Industrial, del Mediterráneo, C/ De la Fila, Parcela 8, E-46550 ALBUIXECH (VALENCIA) (ES)

(511) 01, 09, 16, 17.

---

(111) **670622**
(822) 02.04.1996 436 232 CH
(171) 10 năm
(540) OSTENIL

(151) 04.02.1997
(831) 07.12.2004 VN
(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) TRB Chemedica SA
Chemin St. Marc 3, CH-1896 Vouvry (CH)

(511) 05.

---

(111) **670763**
(822) 15.10.1996 96646008 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.03.1997

(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(531) 26.04.04, 27.05.01, 29.01.01, 29.01.02, 29.01.06
(591) Hồng, vàng kim loại, xám đậm, đỏ
(732) L'OREAL, société anonyme
14 rue Royale, F-75008 PARIS (FR)
(750) L'OREAL - Département des Marques
41 rue Martre, F-92117 CLICHY (FR)

(511) 03.

---

(111) **670856**
(822) 11.11.1996 436 799 CH
(171) 10 năm
(540) CARBODUR

(151) 13.02.1997
(831) 16.07.2003 VN
(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(732) Sika AG
Zugerstrasse 50, CH-6341 Baar (CH)

(511) 01, 19.

---

(111) **670973**
(822) 20.09.1996 595.756 BX
(171) 10 năm
(540)

(151) 26.02.1997
(831) 05.07.2000 VN
(450) 1997/7 Gaz (26.05.1997)
(531) 25.03.01, 26.04.01, 27.05.01, 29.01.14
(591) Vàng, đỏ, xanh da trời, xanh da trời ombre, trắng
(732) General Biscuits België
De Beukelaer-Pareinlaan 1, B-2200 Herentals (BE)

(511) 29, 30, 31.

---

(111) **671190**
(822) 26.02.1997 396 23 165 DE
(171) 10 năm
(540)

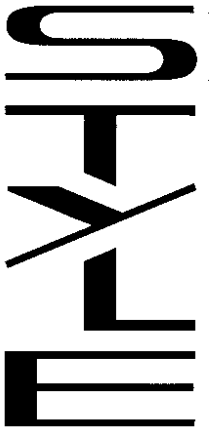

(151) 26.02.1997

(450) 1997/8 Gaz (04.06.1997)
(531) 27.05.01
(732) Hans Schwarzkopf & Henkel GmbH & Co. KG
Südliche Münchener Straße 1, 82031 Grünwald (DE)

(511) 03.

---

(111) **671489**
(822) 19.09.1995 583.311 BX
(171) 10 năm
(540)

WINDMILL

(511) 30.

(151) 11.03.1997

(450) 1997/17 Gaz (09.10.1997)
(732) B.V. Meelunie
Claude Debussylaan 40, Vinoly Tower, 18th Floor, NL-1082 MD Amsterdam (NL)

---

(111) **671514**
(822) 22.02.1996 395 52 642 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 03.

(151) 24.02.1997
(831) 11.08.1999 VN
(450) ()
(531) 03.01.08, 29.01.15
(591) Đỏ, be, xanh da trời, trắng, vàng
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40191 Düsseldorf (DE)

---

(111) **671698**
(822) 09.09.1996 597.501 BX
(171) 10 năm
(540)

EVERYTHING RUBBERMAID

(511) 42.

(151) 05.03.1997

(450) 1997/8 Gaz (04.06.1997)
(732) RUBBERMAID EUROPE S.A.
13, Rue Robert Stumper, L-2557 LUXEMBOURG (LU)

---

(111) **671761**
(822) 12.12.1996 396 43 957 DE
(171) 10 năm
(540)

Walter Knoll

(511) 20.

(151) 12.03.1997
(831) 08.02.2002 VN
(450) 1997/8 Gaz (04.06.1997)
(732) Walter Knoll GmbH & Co. KG
Bahnhofstrasse 25, 71083 Herrenberg (DE)

---

(111) **671842A**
(822) 26.08.1996 396 32 295 DE
(171) 10 năm
(540)

HOMEBOY

(511) 25.

(151) 16.01.1997

(450)
(732) Ombudsman Westernboots GmbH & Co. Schuheinzelhandel KG
Marktplatz 6, 40213 Düsseldorf (DE)

---

(111) **671972**
(822) 21.11.1996 438 007 CH
(171) 10 năm
(540)

OPTOFIL

(511) 09.

(151) 14.03.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) Dätwyler AG, Schweizerische Kabel-, Gummi- und Kunststoffwerke
CH-6460 Altdorf (CH)

---

(111) **672067**
(822) 06.11.1996 396 39 075 DE
(171) 10 năm
(540)

MESSER

(511) 01.

(151) 27.02.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(531) 26.01.01, 26.01.10, 26.03.04, 27.05.01
(732) MESSER GROUP GMBH
Otto-Volger-Strasse 3c, 65843 Sulzbach (DE)
(750) MESSER GROUP GMBH / Dept. of Patents/Licenses/trademarks
Otto-Volger-Strasse 3c, 65843 Sulzbach (DE)

---

(111) **672124**
(822) 17.10.1996 436 655 CH
(171) 10 năm
(540)

NOVARSOURCE

(511) 05.

(151) 07.02.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) Société des Produits Nestlé S.A.
CH-1800 Vevey (CH)

---

(111) **672253**
(822) 01.03.1977 343.923 BX
(171) 10 năm
(540)

FYRQUEL

(151) 21.03.1997
(831) 21.08.2002 VN
(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) Akzo Nobel Chemicals B.V.
Stationsplein 4, NL-3818 LE Amersfoort (NL)

(511) 01, 04.

---

(111) **672343**
(822) 19.11.1996 396 42 857 DE
(171) 10 năm
(540)

FILIGRAN

(151) 06.03.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) FILIGRAN Trägersysteme GmbH & Co. KG
6, Am Zappenberg, 31633 Leese/Weser (DE)

(511) 06, 19.

---

(111) **672317**
(822) 23.01.1997 DE
(171) 10 năm
(540)

Marc buchanan pelle pelle

(151) 23.01.1997

(450) 1997/1 Gaz (19.01.1997)
(732) FACTORY TEXTILVERTRIEB GMBH.
HAUPTSTRASSE 20 73033 GOPPINGEN (DE)

(511) 09, 14. 18 , 25.

---

(111) **672344**
(822) 21.02.1997 396 54 479 DE
(171) 10 năm
(540)

VENTACUT

(151) 22.02.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) Nycomed GmbH
Byk-Gulden-Str. 2, 78467 Konstanz (DE)

(511) 05.

---

(111) **672346**
(822) 21.02.1997 396 54 478 DE
(171) 10 năm
(540)

VENTATEC

(511) 05.

(151) 22.02.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) Nycomed GmbH
Byk-Gulden-Str. 2, 78467 Konstanz (DE)

---

(111) **672350**
(822) 10.07.1996 396 05 161 DE
(171) 10 năm
(540)

VENTICUTE

(511) 05.

(151) 22.02.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) Nycomed GmbH
Byk-Gulden-Str. 2, 78467 Konstanz (DE)

---

(111) **672443**
(822) 10.12.1996 396 49 889 DE
(171) 10 năm
(540)

Stabilit

(511) 01, 02, 07, 08, 24, 27.

(151) 24.02.1997
(831) 03.05.2004 VN
(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40191 Düsseldorf (DE)

---

(111) **672546**
(822) 13.08.1996 435 927 CH
(171) 10 năm
(540)

MULTICART

(511) 05, 10.

(151) 30.01.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(732) Gambro Hospal (Schweiz) AG (Gambro Hospal (Suisse) SA) (Gambro Hospal (Switzerland) LTD)
Dornacherstrasse 8, CH-4053 Basel (CH)

---

(111) **672561**
(822) 11.10.1996 598.265 BX
(171) 10 năm
(540)

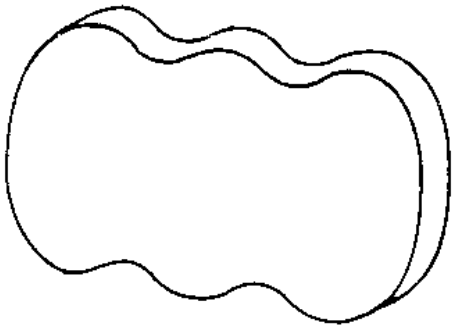

(151) 20.03.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(531) 26.13.25, 26.15.25
(732) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 03, 05.

---

(111) **672563**
(822) 11.10.1996 598.455 BX
(171) 10 năm
(540)

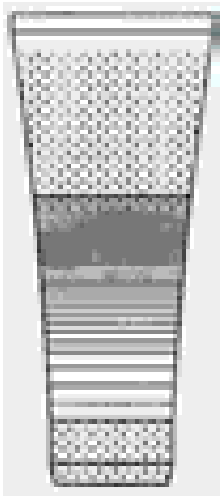

(151) 20.03.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(531) 11.03.01, 25.07.01, 25.07.20, 26.04.04, 26.04.09
(732) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 03.

---

(111) **672564**
(822) 11.10.1996 598.456 BX
(171) 10 năm
(540)

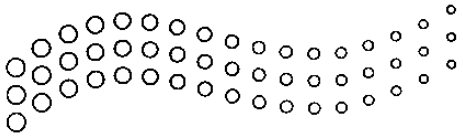

(151) 20.03.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(531) 25.07.01, 26.01.01, 26.01.06, 26.11.03
(732) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

(511) 03.

---

(111) **672567**
(822) 11.10.1996 598.264 BX
(171) 10 năm
(540)

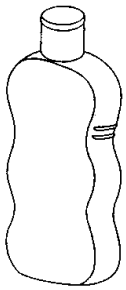

(511) 03, 05.

(151) 20.03.1997

(450) 1997/9 Gaz (19.06.1997)
(531) 19.07.01
(732) JANSSEN PHARMACEUTICA N.V.
Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse (BE)

---

(111) **673032**
(822) 20.01.1997 396 50 532 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 42.

(151) 21.03.1997

(450) 1997/10 Gaz (03.07.1997)
(531) 25.01.15, 26.01.01, 26.01.05, 27.05.01, 29.01.15
(591) Xanh lá cây, xanh da trời, trắng, hồng, vàng
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40191 Düsseldorf (DE)

---

(111) **673033**
(822) 20.12.1996 396 50 525 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 03, 42.

(151) 21.03.1997

(450) 1997/10 Gaz (03.07.1997)
(531) 01.15.15, 25.01.15, 26.01.01, 26.01.05, 27.05.01, 29.01.14
(591) Vàng, xanh da trời, đỏ, trắng
(732) Henkel KGaA
Henkelstrasse 67, 40191 Düsseldorf (DE)

---

(111) **673038**
(822) 18.12.1986 351 915 CH
(171) 10 năm
(540)

GLOOR

(151) 04.03.1997

(450) 1997/10 Gaz (03.07.1997)
(732) Gebr. Gloor AG
Kirchbergstrasse 111, CH-3400 Burgdorf (CH)
(750) Gebr. Gloor AG
Postfach 576, CH-3400 Burgdorf (CH)

(511) 07.

---

(111) **673395**
(822) 03.03.1993 1.500.194 ES
(171) 10 năm
(540)

RAGAZZA A LA ULTIMA

(151) 14.03.1997

(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(732) HACHETTE FILIPACCHI, S.A.
Santa Engracia, 23, E-28010 MADRID (ES)

(511) 16.

---

(111) **673766**
(822) 31.01.1997 94162 PL
(171) 10 năm
(540)

(151) 31.01.1997

(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(531) 01.05.01, 11.03.01, 27.05.01, 29.01.04, 29.01.06
(591) Xanh da trời, trắng
(732) STALEXPORT, Spółka Akcyjna
ul. Mickiewicza 29, PL-40-085 KATOWICE (PL)

(511) 01, 04, 06, 07, 09, 10, 12, 14, 17, 19, 35, 37, 39, 40, 42.

---

(111) **673783**
(822) 19.12.1988 1 548 812 FR
(171) 10 năm
(540)

AFAQ

(151) 03.02.1997
(831) 24.04.2001 VN
(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(732) AFNOR - Association Française de Normalisation
11, avenue Francis de Pressensé, F-93210 LA PLAINE-SAINT-DENIS (FR)

(511) 35, 42.

---

(111) **674011**
(822) 20.12.1996 395 49 911 DE
(171) 10 năm
(540)

WPB

(151) 20.12.1996
(450) 1997/11 Gaz (17.07.1997)
(732) WPB Water Pump Bearing GmbH & Co. KG
Industriestraße 1 - 3, 91074 Herzogenaurach (DE)
(750) SKF GmbH, Patente
Gunnar-Wester-Str. 12, 97421 Schweinfurt (DE)

(511) 06, 07, 12, 17.

---

(111) **674154**
(822) 29.01.1997 703274 IT
(171) 10 năm
(540)

(151) 29.01.1997
(831) 23.10.1997 VN
(450) 1997/15 Gaz (11.09.1997)
(531) 26.04.02, 27.05.01
(732) CIFA S.p.A.
Via Stati Uniti d'America, 26, I-20030 Senago (Milano) (IT)

(511) 06, 07, 09, 11, 12.

---

(111) **674343**
(822) 17.09.1996 96 641 841 FR
(171) 10 năm
(540)

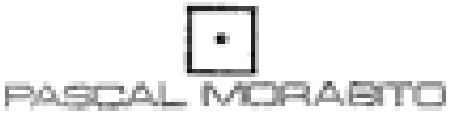

(151) 07.03.1997
(450) 1997/12 Gaz (31.07.1997)
(531) 26.01.01, 26.04.01, 26.04.10, 27.05.01
(732) MORABITO Pascal
1, Impasse Michel, F-13007 MARSEILLE (FR)

(511) 09, 20, 25, 26, 33.

---

(111) **674515**
(822) 17.12.1996 396 45 112 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 21.03.1997
(450) 1997/12 Gaz (31.07.1997)
(531) 09.01.11, 26.11.03, 27.05.01
(732) Hans Schwarzkopf & Henkel GmbH & Co. KG
Südliche Münchener Straße 1, 82031 Grünwald (DE)

(511) 01, 03, 05, 14, 21.

---

(111) **674620**
(822) 17.12.1996 396 45 118 DE
(171) 10 năm
(540)

(151) 07.03.1997

(450) 1997/12 Gaz (31.07.1997)
(531) 02.01.01, 02.03.01, 26.11.02, 27.05.01
(732) Hans Schwarzkopf & Henkel GmbH & Co. KG
Südliche Münchener Straße 1, 82031 Grünwald (DE)

(511) 01, 03, 05, 14, 21.

---

(111) **674854**
(822) 06.08.1996 96 637 620 FR
(171) 10 năm
(540)

(151) 05.02.1997

(450) 1997/12 Gaz (31.07.1997)
(531) 26.02.01, 27.01.01, 27.05.01, 29.01.04
(591) Xanh da trời
(732) SAFRAN
2 boulevard du Général Martial Valin, F-75015 PARIS (FR)

(511) 07, 09, 37.

---

(111) **675365**
(822) 12.05.1995 2 906 276 DE
(171) 10 năm
(540)

Huppmann

(151) 31.01.1997

(450) 1997/13 Gaz (14.08.1997)
(732) Huppmann AG
Heinrich-Huppmann-Strasse 1, 97318 Kitzingen (DE)

(511) 06, 07, 09, 11, 20, 42.

---

(111) **675727**
(822) 20.06.1994 1.646.821 ES
(171) 10 năm
(540)

(151) 10.03.1997
(831) 23.03.2000 VN
(450) 1997/14 Gaz (28.08.1997)
(531) 26.01.02, 27.05.01
(732) PAULE CHEMICAL, S.L.
ARNEDO 1, P.I. CARRUS, E-03201 ELCHE (ALICANTE) (ES)

(511) 01, 02, 39.

---

(111) **675870**
(822) 28.09.1995 395 21 699 DE
(171) 10 năm
(540) Peha-crepp
(511) 05, 10.

(151) 28.11.1996
(450) 1997/14 Gaz (28.08.1997)
(732) Paul Hartmann AG
Paul-Hartmann-Strasse 12, 89522 Heidenheim (DE)

---

(111) **675926**
(822) 26.11.1996 396 46 268 DE
(171) 10 năm
(540) SICUBE
(511) 09, 20.

(151) 04.03.1997
(450) 1997/14 Gaz (28.08.1997)
(732) Siemens Aktiengesellschaft
Wittelsbacherplatz 2, 80333 München (DE)

---

(111) **676470**
(822) 22.10.1996 96648100 FR
(171) 10 năm
(540) ADEQUAT
(511) 05.

(151) 17.03.1997
(450) 1997/15 Gaz (11.09.1997)
(732) PIERRE FABRE S.A.
12, avenue Hoche, F-75008 PARIS (FR)

---

(111) **676813**
(822) 06.03.1997 705184 IT
(171) 10 năm
(540) GIRAMONDO
(511) 36, 39, 41, 42.

(151) 06.03.1997
(831) 11.03.1998 VN
(450) 1997/15 Gaz (11.09.1997)
(732) GIRAMONDO S.r.l.
12, Via Roma, I-37121 VERONA (IT)

---

(111) **676949**
(822) 17.12.1996 396 45 110 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 01, 03, 05, 06, 14, 21.

(151) 10.03.1997
(450) 1997/15 Gaz (11.09.1997)
(531) 02.01.01, 02.03.01, 27.05.01
(732) Hans Schwarzkopf & Henkel GmbH & Co. KG
Südliche Münchener Straße 1, 82031 Grünwald (DE)

---

(111) **678226**
(822) 21.10.1996 396 40 500 DE
(171) 10 năm
(540)

(511) 09, 16, 18.

(151) 04.03.1997

(450) 1997/17 Gaz (09.10.1997)
(531) 26.04.02, 27.05.01, 29.01.14
(591) Cam, xanh da trời, đỏ, xanh lá cây, đen, trắng
(732) Hama GmbH & Co. KG
Dresdner Strasse 9, 86653 Monheim (DE)

---

(111) **678600**
(822) 27.02.1976 941 667 DE
(171) 10 năm
(540)

CAMBOZOLA

(511) 29.

(151) 05.03.1997

(450) 1997/18 Gaz (23.10.1997)
(732) Hofmeister Vermögensverwaltungs GmbH & Co. KG
Maria-Eich-Straße 66, 82166 Gräfelfing (DE)

---

(111) **682389**
(822) 26.09.1996 436 884 CH
(171) 10 năm
(540)

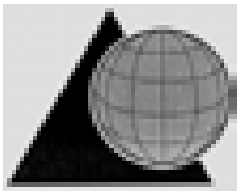

(511) 07, 09, 10, 16, 35, 41, 42.

(151) 14.02.1997
(831) 21.01.2000 VN
(450) 1998/4 Gaz (08.04.1998)
(531) 01.05.01, 26.03.01
(732) AO Technology AG
Grabenstrasse 15, CH-7002 Chur (CH)

---

(111) **775679**

(171) 10 năm
(540)

Shin-Etsu Silicone

(511) 01, 04, 17, 19.

(151) 18.10.2001
(831) 03.10.2006 VN
(450) 2002/5 Gaz (18.04.2002)
(732) Shin-Etsu Chemical Co., Ltd.
6-1, Ohtemachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0004 (JP)

PHẦN VI

SỬA ĐỔI, GIA HẠN, ĐÌNH CHỈ, HUỶ BỎ HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

I - SỬA ĐỔI VĂN BẰNG BẢO HỘ

a - Sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế

Quyết định sửa đổi số: 4518/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008
(11) Số Văn bằng: 1-0003336 (24) Ngày cấp: 19.02.2003
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) Kirin Holdings Kabushiki Kaisha (JP)
10-1, Shinkawa 2-chome Chuo-ku, Tokyo 104-8288, Japan

---

b - Sửa đổi Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Quyết định sửa đổi số: 3324/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008
(11) Số Văn bằng: 3-0010819 (15) Ngày cấp: 30.07.2007
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH QUỐC (VN)
451 Lý Thường Kiệt, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3766/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008
(11) Số Văn bằng: 3-0005176 (15) Ngày cấp: 09.07.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(73) CÔNG TY DỊCH VỤ - CÔNG NGHIỆP VÀ THUỐC LÁ BÌNH DƯƠNG (VN)
609 Lê Hồng Phong, phường Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 4595/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007618 (15) Ngày cấp: 22.03.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC. (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebec, H4N1A3, Canada

Quyết định sửa đổi số: 4852/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007780 (15) Ngày cấp: 09.06.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(73) CÔNG TY CỔ PHẦN KY VY (VN)
Lô II-7, nhóm công nghiệp II, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

c - Sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa

Quyết định sửa đổi số: 3280/QĐ-SHTT, ngày: 27.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0010865	25.01.1994
4-0010866	25.01.1994
4-0010867	25.01.1994

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Copeland Corporation LLC (US)
1675 W. Campbell Road, City of Sidney, State of Ohio 45365-0669, U.S.A

Quyết định sửa đổi số: 3323/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0026458 (151) Ngày cấp: 23.02.1998

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 3325/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0029538 (151) Ngày cấp: 03.02.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) NHÀ THUỐC HỒNG HUỆ (VN)

250/13 Trần Hưng Đạo, Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 3328/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0003759	30.11.1991
4-0004930	12.05.1992

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CƠ SỞ KIM NGÂN (VN)

422 Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3329/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034404 (151) Ngày cấp: 17.07.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CƠ SỞ KIM NGÂN (VN)

422 Tân Kỳ Tân Quý, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3331/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034047 (151) Ngày cấp: 22.05.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY LIÊN DOANH AMERICAN HOME (VN)

Xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Quyết định sửa đổi số: 3335/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030918	17.05.1999
4-0030919	17.05.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) ALPARGATAS S.A.I.C. (AR)
Azara 841, 1267 Buenos Aires, Argentina

Quyết định sửa đổi số: 3336/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031391 (151) Ngày cấp: 06.07.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN MAY ĐỒNG NAI (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hoà1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

---

Quyết định sửa đổi số: 3338/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0076444	30.10.2006
4-0088741	17.09.2007
4-0088742	17.09.2007
4-0088743	17.09.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH QUỐC (VN)
451 Lý Thường Kiệt, phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3339/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0036425	21.02.2001
4-0045494	12.03.2003
4-0063509	09.06.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TÂN NAM ĐÔ (VN)
14 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3340/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0033817	21.04.2000
4-0034848	12.09.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THIÊN LONG (VN)
Lô 6-8-10-12, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3489/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0080922 (151) Ngày cấp: 11.04.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT HỮU HÀN (VN)
58 Bàu Cát 7, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3490/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0095190 (151) Ngày cấp: 24.01.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU (VN)
134/1/5B Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3491/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0043262 (151) Ngày cấp: 18.09.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Wyeth (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940-0874, U. S. A.

Quyết định sửa đổi số: 3492/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0046425 (151) Ngày cấp: 29.04.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH NUPLEX RESINS (VIỆT NAM) (VN)
Số 1, đường 9A, khu công nghiệp Biên Hoà II, tỉnh Đồng Nai

Quyết định sửa đổi số: 3493/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0045602	20.03.2003
4-0082129	16.05.2007
4-0082130	16.05.2007
4-0082358	23.05.2007
4-0086046	14.08.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN (VN)
Số 9 đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 3494/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031844	19.08.1999
4-0032829	14.12.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX (VN)
Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3496/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031162 (151) Ngày cấp: 05.06.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ CỬU LONG (VN)
Số 4D Nguyễn Trung Trực, phường 8, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

---

Quyết định sửa đổi số: 3498/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030276 (151) Ngày cấp: 19.03.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) LogicaCMG Plc. (GB)

75 Hampstead Road, London, NW1 2PL, United Kingdom

Quyết định sửa đổi số: 3500/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0090434 (151) Ngày cấp: 17.10.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ GIA TOÀN YMH (VN)

27 đường số 4, khu dân cư Bình Hưng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, T.P. Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3501/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0090389	15.10.2007
4-0090390	15.10.2007
4-0090391	15.10.2007
4-0093307	18.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH AN PƠ (VN)

Số 10 B6, phố Tây Kết, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 3502/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0033048	06.01.2000
4-0033049	06.01.2000
4-0033050	06.01.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Sierra Entertainment, Inc. (US)

6060 Center Drive, 5th floor Los Angeles, California 90045, USA

Quyết định sửa đổi số: 3504/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0035212	20.10.2000
4-0093889	31.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯNHÂN KEM THỊNH PHÁT (VN)
284/9 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3506/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0001768	25.09.1990
4-0001804	10.10.1990
4-0005287	20.07.1992
4-0005917	18.09.1992
4-0005918	18.09.1992
4-0005919	18.09.1992
4-0006908	27.11.1992
4-0008194	06.05.1993
4-0012652	25.07.1994
4-0014931	06.01.1995
4-0016062	27.03.1995
4-0017436	27.07.1995
4-0017708	16.08.1995
4-0021617	22.07.1996
4-0021688	26.07.1996
4-0027264	15.06.1998
4-0027803	01.08.1998
4-0029636	08.02.1999
4-0031593	24.07.1999
4-0034635	21.08.2000
4-0045423	04.03.2003
4-0050487	13.11.2003
4-0050497	13.11.2003
4-0050650	24.11.2003
4-0051361	12.12.2003
4-0076304	23.10.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) SEIKO HOLDINGS KABUSHIKI KAISHA (trading as Seiko Holdings Corporation) (JP)
5 - 11, Ginza 4 - chome, Chuo - ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 3507/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031787	12.08.1999
4-0031788	12.08.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CARL KARCHER ENTERPRISE, INC. (US)
6307 Carpinteria Ave. Suite A, Carpinteria, CA 93013-2901 USA

Quyết định sửa đổi số: 3509/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0037335 (151) Ngày cấp: 24.05.2001
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) INEOS Silicas Netherlands B.V. (NL)
Ingenieur Rocourstraat 28, Eijsden 6245 AD, The Netherlands

Quyết định sửa đổi số: 3510/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0000668 (151) Ngày cấp: 17.06.1987
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) X/OPEN COMPANY LIMITED (GB)
Thames Tower, 37-45 Station Road, Reading, Berkshire RG1 1LX, United Kingdom

---

Quyết định sửa đổi số: 3511/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0024475 (151) Ngày cấp: 17.06.1997
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) SCA Hygiene Malaysia Sdn. Bhd. (MY)
3 Jalan Gicing Hulu 28/33, Hicom Industrial Estate Sector C, 40400 Shah Alam, Selangor, Malaysia

---

Quyết định sửa đổi số: 3587/QĐ-SHTT, ngày: 03.03.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0030095 (151) Ngày cấp: 11.03.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) BEECHAM GROUP P.L.C. (GB)
980 Great West Road, Brentford, Middlesex, TW8 9GS England

Quyết định sửa đổi số: 3609/QĐ-SHTT, ngày: 03.03.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0033422 (151) Ngày cấp: 03.03.2000
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Nortel Networks Limited (CA)
2351 Boulevard Alfred-Nobel, St. Laurent, Quebec H4S 2A9, Canada

---

Quyết định sửa đổi số: 3611/QĐ-SHTT, ngày: 03.03.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0032780 (151) Ngày cấp: 07.12.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY TNHH ĐỈNH VÀNG (VN)
Số 1166 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, T.P. Hải Phòng

---

Quyết định sửa đổi số: 3613/QĐ-SHTT, ngày: 03.03.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0029747 (151) Ngày cấp: 22.02.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) AMCOR LIMITED (AU)
679 Victoria Street, Abbotsford, Victoria 3067, Australia

Quyết định sửa đổi số: 3725/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0059566 (151) Ngày cấp: 06.01.2005
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ MINH RỒNG (VN)
Khu IB, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng

Quyết định sửa đổi số: 3769/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0028652	02.11.1998
4-0071011	29.03.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT - DỊCH VỤ HÒA THỊNH (VN)
226/51 An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3770/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0088396 (151) Ngày cấp: 13.09.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI AVS (VN)
4/201 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 3771/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031585 (151) Ngày cấp: 24.07.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH (BDC., JSC) (VN)
59-61 Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 3772/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032192 (151) Ngày cấp: 05.10.1999

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 3774/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0066950	29.09.2005
4-0067257	17.10.2005
4-0068053	15.11.2005
4-0068054	15.11.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) SANOFI-AVENTIS (FR)
174, Avenue de France, 75013 PARIS, France

Quyết định sửa đổi số: 3775/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030857	12.05.1999
4-0031113	25.05.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) PIONEER HI-BRED INTERNATIONAL, INC. (US)
7100 N.W. 62nd Avenue, P.O. Box 1014, Johnston, Iowa 50131-1014 USA

Quyết định sửa đổi số: 3777/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0091581 (151) Ngày cấp: 13.11.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI PHÙNG THỊNH (VN)
322 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3778/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0041571 (151) Ngày cấp: 10.06.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC (VN)
Km9 xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3779/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031422 (151) Ngày cấp: 06.07.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) GREAT OVERSEAS INDUSTRIAL CORPORATION (TW)
18th Fl., No. 6, Section 4, Hsin-Yi Rd., Taipei 106, Taiwan

Quyết định sửa đổi số: 3781/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0000703	17.06.1987
4-0084900	24.07.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM (CADIVI) (VN)
70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3782/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0066710 (151) Ngày cấp: 20.09.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT MỸ LAN (VN)
35 đường 50, khu phố 9, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 3783/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0094461 (151) Ngày cấp: 10.01.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DAIICHI SANKYO COMPANY, LIMITED (JP)
5-1, 3-chome, Nihonbashi-honcho, Chuo-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 3784/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0052438 (151) Ngày cấp: 03.02.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) NETISHION.COM CO., LTD. (KR)
23-1, Ogeum-Dong, Songpa-Gu, Seoul, Korea

Quyết định sửa đổi số: 3785/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033199 (151) Ngày cấp: 28.01.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN (VICADI) (VN)
991A Tôn Đức Thắng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Quyết định sửa đổi số: 3788/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031289 (151) Ngày cấp: 19.06.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) MITSUBISHI ELECTRIC CORPORATION (JP)
7-3 Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 3789/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0091575 (151) Ngày cấp: 13.11.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Seiko Instru Kabushiki Kaisha also trading as Seiko Instruments Inc. (JP)
8, Nakase 1-chome, Mihama-ku Chiba-shi, Chiba, Japan

Quyết định sửa đổi số: 3790/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030872	13.05.1999
4-0031942	01.09.1999
4-0031943	01.09.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) MORTON'S OF CHICAGO, INC. (US)
Suite 500, 325 N. LaSalle Street, Chicago, Illinois 60610, USA

Quyết định sửa đổi số: 3792/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0092386 (151) Ngày cấp: 03.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Catalyst Paper Corporation (CA)

2nd Floor, 3600 Lysander Lane, Richmond, British Columbia, Canada, V7B 1C3

Quyết định sửa đổi số: 3876/QĐ-SHTT, ngày: 05.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0067901	10.11.2005
4-0085167	31.07.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH SANA WMT (VN)

Số 210 phố Yên Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây

---

Quyết định sửa đổi số: 3957/QĐ-SHTT, ngày: 06.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0047089	29.05.2003
4-0048395	20.06.2003
4-0049672	20.06.2003
4-0053430	17.03.2004
4-0058922	06.12.2004
4-0058923	06.12.2004
4-0058924	06.12.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY XÂY LẮP ĐIỆN QUẢNG NAM (VN)

Khu công nghiệp Thuận Yên, đường Trần Phú, phường Hoà Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

---

Quyết định sửa đổi số: 4142/QĐ-SHTT, ngày: 10.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0029611 (151) Ngày cấp: 06.02.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) NHÀ THUỐC HỒNG HUỆ (VN)

250/13 Trần Hưng Đạo, Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 4143/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0017350 (151) Ngày cấp: 18.07.1995

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Cummins Filtration Inc. (US)

500 Jackson Street, Columbus, Indiana, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 4189/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0046934 (151) Ngày cấp: 26.05.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Eastland Shoe Corp. (US)

4 Meetinghouse Road, Freeport, Maine 04032, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 4192/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0038848 (151) Ngày cấp: 12.11.2001

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) BATMARK LIMITED (GB)

Globe House, 4 Temple Place, London WC2R 2PG, England

Quyết định sửa đổi số: 4215/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030881	17.05.1999
4-0030882	17.05.1999
4-0030914	17.05.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) COLONIAL SERVICES PTY LTD. (AU)

Level 7, 48 Martin Place, Sydney, New South Wales 2000, Australia

---

Quyết định sửa đổi số: 4260/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0030813	07.05.1999
4-0030814	07.05.1999
4-0033421	03.03.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Sanofi Pasteur Limited / Sanofi Pasteur Limitée (CA)
1755 Steeles Avenue West, Toronto, Ontario, M2R 3T4 Canada

Quyết định sửa đổi số: 4261/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031012	18.05.1999
4-0031014	18.05.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) Kabushiki Kaisha Sega d/b/a Sega Corporation (JP)
2-12, Haneda 1-chome, Ohta-ku, Tokyo 144-0043, Japan

Quyết định sửa đổi số: 4303/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0033881 (151) Ngày cấp: 25.04.2000
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) FOSROC INTERNATIONAL LIMITED (GB)
11 Grosvenor Crescent London, SW1X7EE

Quyết định sửa đổi số: 4305/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008
(111) Số Văn bằng: 4-0034171 (151) Ngày cấp: 05.06.2000
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:
(732) RYOHIN KEIKAKU CO., LTD. (JP)
4-26-3, Higashi-Ikebukuro, Toshima-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 4519/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0076794	08.11.2006
4-0079686	02.03.2007
4-0081771	07.05.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPV (VN)
Khu công nghiệp Biên Hoà 2, tỉnh Đồng Nai

Quyết định sửa đổi số: 4520/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0088684 (151) Ngày cấp: 14.09.2007
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP BÁCH KHOA (VN)
106 K1 tập thể Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 4521/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032505 (151) Ngày cấp: 02.11.1999
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHƯỚC HỒNG (VN)
Số 44, khu phố I, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 4523/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0052672 (151) Ngày cấp: 11.02.2004
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM AN THÁI (VN)
27/9 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 4524/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0052672 (151) Ngày cấp: 11.02.2004

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 4525/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031428	06.07.1999
4-0032236	12.10.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG (VN)
Lô CII-3, khu công nghiệp C, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Quyết định sửa đổi số: 4527/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0012450	02.07.1994
4-0024973	25.08.1997
4-0024974	25.08.1997

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM VITOURS (VN)
83 Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Quyết định sửa đổi số: 4528/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0026948	08.05.1998
4-0027165	06.06.1998

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) SANYO AGRO COMPANY, LIMITED (JP)
5-2, Higashi-Shimbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan

Quyết định sửa đổi số: 4529/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031834	14.08.1999
4-0032113	19.09.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) UNZA INTERNATIONAL LIMITED (VG)
Craigmuir Chambers, P.O. Box 71, Road Town, Tortola, The British Virgin Islands

---

Quyết định sửa đổi số: 4531/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0086559 (151) Ngày cấp: 17.08.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT THƯỜNG (VN)
31 Ngô Gia Tự, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Quyết định sửa đổi số: 4532/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0094058 (151) Ngày cấp: 04.01.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH (VN)
Lô B 3-1 khu CN Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải (D3), xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 4533/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0015976 (151) Ngày cấp: 25.03.1995

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DOCTOR'S ASSOCIATES, INC. (US)

300 South Pine Island Road, Suite 306, Plantation, FL 33324, U.S.A.

Quyết định sửa đổi số: 4597/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031132	30.05.1999
4-0048234	20.06.2003
4-0048235	20.06.2003
4-0048236	20.06.2003
4-0050385	06.11.2003
4-0050753	26.11.2003
4-0057741	04.10.2004
4-0061464	31.03.2005
4-0061466	31.03.2005
4-0061841	14.04.2005
4-0062966	24.05.2005
4-0062967	24.05.2005
4-0062981	24.05.2005
4-0062982	24.05.2005
4-0062983	24.05.2005
4-0063805	16.06.2005
4-0064221	29.06.2005
4-0077141	22.11.2006
4-0078180	04.01.2007
4-0082294	22.05.2007
4-0082295	22.05.2007
4-0082296	22.05.2007
4-0083177	18.06.2007
4-0083178	18.06.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN (VN)

268 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

---

Quyết định sửa đổi số: 4599/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0001993	28.12.1990
4-0052287	29.01.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỆT KIM ĐÔNG XUÂN
524 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 4602/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0043877 (151) Ngày cấp: 04.11.2002

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CƠ KHÍ Ô TÔ QUYỀN (VN)
721 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 4603/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0095074 (151) Ngày cấp: 22.01.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÓA NÔNG Á CHÂU (VN)
230A Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 4604/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0039133	05.12.2001
4-0039977	19.02.2002
4-0040486	28.03.2002
4-0052151	16.01.2004
4-0052152	16.01.2004
4-0052778	13.02.2004
4-0054896	18.06.2004
4-0055336	01.07.2004
4-0055452	06.07.2004
4-0055801	21.07.2004
4-0056022	02.08.2004
4-0073728	18.07.2006
4-0073729	18.07.2006

4-0073748	18.07.2006
4-0075108	12.09.2006
4-0075110	12.09.2006
4-0075360	20.09.2006
4-0076249	20.10.2006
4-0076250	20.10.2006
4-0076417	30.10.2006
4-0077785	18.12.2006
4-0078379	10.01.2007
4-0079002	30.01.2007
4-0079003	30.01.2007
4-0079049	02.02.2007
4-0079069	02.02.2007
4-0079070	02.02.2007
4-0079071	02.02.2007
4-0079072	02.02.2007
4-0082839	06.06.2007
4-0082840	06.06.2007
4-0083536	27.06.2007
4-0083876	03.07.2007
4-0083877	03.07.2007
4-0084899	24.07.2007
4-0085670	09.08.2007
4-0085754	10.08.2007
4-0085862	10.08.2007
4-0086037	13.08.2007
4-0086260	17.08.2007
4-0087077	24.08.2007
4-0087457	27.08.2007
4-0088156	10.09.2007
4-0088879	17.09.2007
4-0088956	18.09.2007
4-0089555	26.09.2007
4-0091264	07.11.2007
4-0092549	04.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH HOÁ NÔNG Á CHÂU (VN)
230A Lê Văn Sỹ, phường 1, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 4605/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0079941 (151) Ngày cấp: 09.03.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHẦN MỀM TRÒ CHƠI VI NA (VN)
722 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 4606/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0079942 (151) Ngày cấp: 09.03.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHẦN MỀM TRÒ CHƠI VI NA (VN)
722 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 4607/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0031252	19.06.1999
4-0031253	19.06.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) JAPE & EZE SDN. BHD. (MY)
35, Jalan Tabla 33/21, Shah Alam Technology Park, Seksyen 33, 40400, Shah Alam, Selangor, Malaysia

---

Quyết định sửa đổi số: 4629/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032259 (151) Ngày cấp: 12.10.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) Summit Footwear Co., Ltd. (TH)
5/4 Mu.1 Bangna-Trad Km. 16 Bangchalong, Bangplee, Samutprakarn, Thailand

---

Quyết định sửa đổi số: 4631/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0001104	17.03.1989
4-0001105	17.03.1989

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CƠ SỞ KIM TINH (VN)
62D An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 4632/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0036544 (151) Ngày cấp: 12.03.2001
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) S.I.A (TENAMYD CANADA) INC. (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebec, H4N1A3, Canada

Quyết định sửa đổi số: 4633/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0044683 (151) Ngày cấp: 31.12.2002
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THUẬN PHÁT (VN)
51/4 đường Hoà Bình, phường Tân Thới Hoà, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 4634/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0095683 (151) Ngày cấp: 05.02.2008
Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng
Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TIPHARCO (VN)
15 Đốc Binh Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 4655/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0064818 (151) Ngày cấp: 18.07.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY XÂY LẮP ĐIỆN QUẢNG NAM (VN)

Khu công nghiệp Thuận Yên, đường Trần Phú, phường Hoà Thuận, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

---

Quyết định sửa đổi số: 4656/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0078664 (151) Ngày cấp: 18.01.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP HOÀ PHÁT (VN)

Số 63A đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 4657/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032393 (151) Ngày cấp: 22.10.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) TGI FRIDAY'S OF MINNESOTA, INC. (US)

4201 Marsh Lane, Carrollton, Texas 75007, United States of America

---

Quyết định sửa đổi số: 4659/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0050344 (151) Ngày cấp: 04.11.2003

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH DU LỊCH THIÊN MINH (VN)

Số 9B Hàng Muối, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 4680/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0052287 (151) Ngày cấp: 29.01.2004

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 4681/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0001993 (151) Ngày cấp: 28.12.1990

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 4831/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0004041	06.01.1992
4-0010760	05.01.1994
4-0010761	05.01.1994

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) NHÀ THUỐC HỒNG HUỆ (VN)

250/13 Trần Hưng Đạo, Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 4853/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0032399	22.10.1999
4-0033154	20.01.2000
4-0033886	28.04.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY DỊCH VỤ - CÔNG NGHIỆP VÀ THUỐC LÁ BÌNH DƯƠNG (VN)
609 Lê Hồng Phong, phường Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định sửa đổi số: 4855/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0067382 (151) Ngày cấp: 19.10.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN GIA SÚC RỒNG VÀNG (VN)
A10/40 ấp 1 Mai Bá Hương, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, T.P. Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 4856/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0042419	30.07.2002
4-0042809	14.08.2002
4-0046436	02.05.2003
4-0059983	24.01.2005
4-0059984	24.01.2005
4-0063157	30.05.2005
4-0079650	02.03.2007
4-0079864	08.03.2007
4-0090321	12.10.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN KY VY (VN)
Lô II-7, nhóm công nghiệp II, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 4857/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0080478 (151) Ngày cấp: 27.03.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH GỐM NHUNG (VN)

Thôn Phấn Trung, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Quyết định sửa đổi số: 4858/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0033450	08.03.2000
4-0033451	08.03.2000
4-0033452	08.03.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH NHỰA DUY TÂN (VN)

298 Hồ Học Lãm, khu phố 3, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 4860/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0095052 (151) Ngày cấp: 22.01.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH MỰC IN VIỆT (VN)

19 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 4861/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0005779 (151) Ngày cấp: 01.09.1992

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) JCB CO., LTD. (JP)

5-1-22 Minami Aoyama, Minato-ku, Tokyo 107-8686, Japan

Quyết định sửa đổi số: 4924/QĐ-SHTT, ngày: 19.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032743 (151) Ngày cấp: 29.11.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) AMERICAN-CIGARETTE COMPANY (OVERSEAS) LIMITED (CH)
Zahlerweg 4, 6300 Zug, Switzerland

Quyết định sửa đổi số: 5033/QĐ-SHTT, ngày: 20.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0063482 (151) Ngày cấp: 09.06.2005

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO (VN)
Số 99 Hùng Vương (cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

---

Quyết định sửa đổi số: 5034/QĐ-SHTT, ngày: 20.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0063482 (151) Ngày cấp: 09.06.2005

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 5098/QĐ-SHTT, ngày: 21.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0097780 (151) Ngày cấp: 18.03.2008

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NHẬT (VN)
Phòng 1225, toà nhà CT5, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, T.P. Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 5099/QĐ-SHTT, ngày: 21.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0032689	25.11.1999
4-0032690	25.11.1999

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) ROYAL & SUN ALLIANCE INSURANCE GROUP PLC (GB)
9th Floor One Plantation Place 30 Fenchurch Street London EC3M 3BD, United Kingdom

---

Quyết định sửa đổi số: 5142/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0010013	14.12.1993
4-0023633	10.01.1997
4-0033290	18.02.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) DIAL HOLDINGS, INC. (US)
615 South DuPont Highway, City of Dover, County of Kent, State of Delaware, U.S.A.

Quyết định sửa đổi số: 5143/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0071021 (151) Ngày cấp: 30.03.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CƠ SỞ HÙNG LAN (VN)
25A/3 Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 5203/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0059319 (151) Ngày cấp: 24.12.2004

Mục sửa đổi: Sửa đổi mẫu nhãn hiệu hàng hoá

Nội dung mới:

(540)

Quyết định sửa đổi số: 5223/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0058896 (151) Ngày cấp: 06.12.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TI TI (VN)

33 đường 281, Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 5224/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0067294	17.10.2005
4-0075171	14.09.2006
4-0085473	06.08.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TI TI (VN)

33 đường 281, Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 5225/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0093467 (151) Ngày cấp: 20.12.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN TI TI (VN)

33 đường 281, Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 5226/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034149 (151) Ngày cấp: 31.05.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN (VN)

134 Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 5228/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0090372 (151) Ngày cấp: 15.10.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THƯ THỤC (VN)
001 lô O, chung cư Nguyễn Kim, đường Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 5230/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0086439 (151) Ngày cấp: 17.08.2007

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SONG GIAO HAI BỐN (VN)
77-79 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định sửa đổi số: 5231/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0070165 (151) Ngày cấp: 16.02.2006

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY LUẬT TNHH HỒNG HÀ (VN)
Số 8 phố Đình Ngang, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

Quyết định sửa đổi số: 5232/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0052964 (151) Ngày cấp: 24.02.2004

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG ZINNIA (VN)
Số 286 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Quyết định sửa đổi số: 5233/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0025460 (151) Ngày cấp: 04.11.1997

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ SÀI GÒN (VN)
152 Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định sửa đổi số: 5235/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng	(151) Ngày cấp
4-0010001	14.12.1993
4-0033742	05.04.2000

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng

Nội dung mới:

(732) WIX FILTRATION CORP LLC (US)
1 Wix Way Gastonia, NC 28054 U.S.A.

II - GIA HẠN HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

a - Gia hạn Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Quyết định gia hạn số: 3321/QĐ-SHTT, ngày: 27.02.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005613	10.01.2013
3-0007683	17.06.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH HẢI HÀ - KOTOBUKI (VN)
25 Trương Định, Hà Nội

Quyết định gia hạn số: 3342/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005103	04.03.2013
3-0005104	04.03.2013
3-0005105	04.03.2013
3-0005106	04.03.2013
3-0005580	04.03.2013
3-0005647	24.04.2013
3-0005648	24.04.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ SONG LONG (VN)
307B Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 3364/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0010371 (18) Gia hạn đến ngày: 14.02.2013
(73) Chủ Văn bằng:
Bose Corporation (US)
The Mountain, Framingham, Massachusetts 01701-9168, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 3365/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005455 (18) Gia hạn đến ngày: 23.02.2013
(73) Chủ Văn bằng:
MATSUSHITA ELECTRIC INDUSTRIAL CO., LTD. (JP)
No.1006, Oaza-Kadoma, Kadoma-shi, Osaka, Japan

Quyết định gia hạn số: 3366/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0008567 (18) Gia hạn đến ngày: 10.02.2013
(73) Chủ Văn bằng:
Shiseido Co., Ltd. (JP)
5-5, Ginza, 7-chome, Chuo-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 3371/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007611 (18) Gia hạn đến ngày: 07.08.2013
(73) Chủ Văn bằng:
GILLETTE CANADA INC. (CA)
16700 Trans Canada Kirkland Quebec, H9H 4Y8 Canada

Quyết định gia hạn số: 3373/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005622 (18) Gia hạn đến ngày: 12.02.2013
(73) Chủ Văn bằng:
KABUSHIKI KAISHA SONY COMPUTER ENTERTAINMENT (SONY COMPUTER ENTERTAINMENT INC.) (JP)
1-1, Akasaka 7-chome, Minato-ku, Tokyo, 107-0052, Japan

Quyết định gia hạn số: 3374/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007729 (18) Gia hạn đến ngày: 24.02.2013
(73) Chủ Văn bằng:
UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam, Netherlands

Quyết định gia hạn số: 3375/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0004571	17.11.2012
3-0004572	17.11.2012
3-0004574	17.11.2012

(73) Chủ Văn bằng:
NGUYỄN TRỌNG PHÚ (VN)
9 công trường Lam Sơn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 3767/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005176 (18) Gia hạn đến ngày: 07.04.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY DỊCH VỤ - CÔNG NGHIỆP VÀ THUỐC LÁ BÌNH DƯƠNG (VN)
609 Lê Hồng Phong, phường Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định gia hạn số: 3793/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005625 (18) Gia hạn đến ngày: 30.09.2013
(73) Chủ Văn bằng:
ĐOÀN TRỌNG TRÚC (VN)
38/76 Nhiêu Tâm, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định gia hạn số: 3794/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005822 (18) Gia hạn đến ngày: 25.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
JUKI CORPORATION (JP)
8-2-1, KOKURYO-CHO, CHOFU-SHI, TOKYO, JAPAN

Quyết định gia hạn số: 3795/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007707 (18) Gia hạn đến ngày: 20.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)
30-2, Shimomaruko 3-chome, Ohta-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 3796/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007808 (18) Gia hạn đến ngày: 07.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
Rohto Pharmaceutical Co., Ltd. (JP)
1-8-1, Tatsumi-nishi, Ikuno-ku, Osaka-shi, Osaka, Japan.

Quyết định gia hạn số: 4307/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0007582	28.03.2013
3-0007621	28.03.2013
3-0007680	02.06.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ (VN)
25 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Quyết định gia hạn số: 4308/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005044 (18) Gia hạn đến ngày: 03.01.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI LIÊN HIỆP THÀNH (VN)
105D Lò Siêu, phường16, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 4309/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0009235 (18) Gia hạn đến ngày: 08.04.2013
(73) Chủ Văn bằng:
Honda Giken Kogyo Kabushiki Kaisha (JP)
1-1, Minami Aoyama 2-chome, Minato-ku Tokyo 107-8556, Japan

Quyết định gia hạn số: 4356/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005651 (18) Gia hạn đến ngày: 27.08.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ DẦU GIÓ TRUNG TÂM (VN)
180 Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 4357/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0009093 (18) Gia hạn đến ngày: 21.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
KONINKLIJKE PHILIPS ELECTRONICS N.V. (NL)
Groenewoudseweg 1, 5621 BA EINDHOVEN, THE NETHERLANDS

Quyết định gia hạn số: 4358/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0007921	11.09.2013
3-0007922	11.09.2013
3-0007924	11.09.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM THIÊN HƯƠNG (VN)
Số 1 Lê Đức Thọ, khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 4359/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005354 (18) Gia hạn đến ngày: 16.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
BP OIL INTERNATIONAL LIMITED (GB)
Britannic House, 1 Finsbury Circus, London EC2M 7BA, England

Quyết định gia hạn số: 4489/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007745 (18) Gia hạn đến ngày: 02.06.2013
(73) Chủ Văn bằng:
DNTN NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ (VN)
Lô số 47-48 khu chế biến nước mắm, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

---

Quyết định gia hạn số: 4510/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007689 (18) Gia hạn đến ngày: 28.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
UNILEVER N.V. (NL)
Weena 455, 3013 AL Rotterdam Netherlands

Quyết định gia hạn số: 4596/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007618 (18) Gia hạn đến ngày: 23.05.2013
(73) Chủ Văn bằng:
S.I.A (TENAMYD CANADA) INC. (CA)
242, Varry Street, St.Laurent, Quebec, H4N1A3, Canada

Quyết định gia hạn số: 4702/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0008838 (18) Gia hạn đến ngày: 13.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
Kimberly-Clark Worldwide, lnc. (US)
401 North Lake Street, Neenah, Wisconsin 54956, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 4703/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0008879 (18) Gia hạn đến ngày: 21.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
Kimberly-Clark Worldwide, Inc. (US)
401 North Lake Street, Neenah, Wisconsin 54956, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 4704/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007959 (18) Gia hạn đến ngày: 31.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
PLUS STATIONERY CORPORATION (JP)
20-11, Otowa 1-Chome, Bunkyo-Ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 4818/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005376	23.10.2013
3-0005377	11.11.2013

(73) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ KIỀN KHÔN (VN)
115/84 Lò Siêu, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 4819/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005200	27.12.2012
3-0005314	09.04.2013

(73) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯNHÂN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HIỆP THÀNH (VN)
564 Trần Hưng Đạo B, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 4820/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007958 (18) Gia hạn đến ngày: 26.12.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠI ĐỒNG TIẾN (VN)
213 Tân Thành, phường 15, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 4821/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005678 (18) Gia hạn đến ngày: 18.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
LEE TE LUNG (TW)
No.33, Lane 1020, Ta Wan Road, Yung Kang Shih, Tainan Hsien, Taiwan

---

Quyết định gia hạn số: 4822/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007614 (18) Gia hạn đến ngày: 28.02.2013
(73) Chủ Văn bằng:
TOKAI CORPORATION (JP)
1-48-3 Sasazuka, Shibuya-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 5144/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(11) Số Văn bằng	(18) Gia hạn đến ngày
3-0005049	20.03.2013
3-0005202	20.03.2013

(73) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT TIẾN THÀNH. (VN)
11 Nguyễn Thi, phường 13, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 5145/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005442 (18) Gia hạn đến ngày: 26.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ HUỲNH DIỆU KỲ (VN)
330/6 Nguyễn Chí Thanh, phường 7, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 5173/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0005032 (18) Gia hạn đến ngày: 18.12.2012
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-VẬT TƯ Y TẾ THÁI BÌNH (VN)
Km4 đường 10, phường Phú Khánh, thị xã Thái Bình

Quyết định gia hạn số: 5196/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007616 (18) Gia hạn đến ngày: 07.03.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NGỌC LONG (VN)
Tổ 2, cụm 3, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Quyết định gia hạn số: 5197/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(11) Số Văn bằng: 3-0007634 (18) Gia hạn đến ngày: 12.05.2013
(73) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HỒNG THẢO (VN)
Quốc lộ 13, xã Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

---

b - Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa

Quyết định gia hạn số: 3322/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034912 (186) Gia hạn đến ngày: 02.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
INTEL CORPORATION (US)
2200 Mission College Boulevard, Santa Clara, California 95052-8119, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 3326/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0029538 (186) Gia hạn đến ngày: 06.09.2017
(732) Chủ Văn bằng:
NHÀ THUỐC HỒNG HUỆ (VN)
250/13 Trần Hưng Đạo, Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 3327/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0000931 (186) Gia hạn đến ngày: 11.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
SMITHKLINE BEECHAM P.L.C (GB)
New Horizons Court, Brenford, Middlesex TW 8 9EP, England
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 3330/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0000926	11.03.2018	05
4-0000936	11.03.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
SMITHKLINE BEECHAM P.L.C (GB)
New Horizons Court, Brentford, Middlesex TW8 9EP, England

Quyết định gia hạn số: 3332/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034047 (186) Gia hạn đến ngày: 20.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY LIÊN DOANH AMERICAN HOME (VN)
Xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 19

Quyết định gia hạn số: 3333/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030918	09.01.2018	25
4-0030919	09.01.2018	25

(732) Chủ Văn bằng:
ALPARGATAS S.A.I.C. (AR)
Azara 841, 1267 Buenos Aires, Argentina

Quyết định gia hạn số: 3334/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030340	19.11.2017	03
4-0032025	19.11.2017	03

(732) Chủ Văn bằng:
PZ CUSSONS (INTERNATIONAL) LIMITED (GB)
Cussons House, Bird Hall Lane, Stockport Cheshire SK3 OXN, England

---

Quyết định gia hạn số: 3337/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033006 (186) Gia hạn đến ngày: 01.09.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ PHONG HẢO (VN)
71/4b Thái Phiên, phường 9, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 3341/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030989 (186) Gia hạn đến ngày: 28.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
MICROSOFT CORPORATION (US)
One Microsoft Way, Redmond, Washington 98052-6399, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09, 16

Quyết định gia hạn số: 3343/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033700 (186) Gia hạn đến ngày: 23.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
JOHNSONDIVERSEY, INC. (US)
8310 16th Street Sturtevant, Wisconsin 53177-0902, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 3367/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031458	19.02.2018	19
4-0031459	19.02.2018	19
4-0033252	18.08.2018	19
4-0033332	12.10.2018	19

(732) Chủ Văn bằng:
HUME CEMBOARD INDUSTRIES SDN.BHD. (MY)
Level 9, Wisma Hong Leong, No.18, Jalan Perak, 50450 Kuala Lumpur, Malaysia

---

Quyết định gia hạn số: 3368/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032158 (186) Gia hạn đến ngày: 15.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA NƯỚC GIẢI KHÁT CẦN THƠ (VN)
152 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 32, 33

Quyết định gia hạn số: 3369/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0001045	02.08.2018	03
4-0033341	18.07.2018	03
4-0033989	24.07.2018	03

(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ DƯ KIM BÃO (VN)
241/25/52 Tân Hoà Đông, Phường 14, Quận 6, TP Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 3370/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031326 (186) Gia hạn đến ngày: 27.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LÂM TRÍ THÀNH (VN)
170/2 Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 3372/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031298 (186) Gia hạn đến ngày: 26.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
MEI, INC. (US)
1301 Wilson Drive, West Chester, Pennsylvania 19380, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 3376/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032390 (186) Gia hạn đến ngày: 28.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
LAM SOON (M) BHD (MY)
Lot 5, Jalan 205, 46050 Petaling Jaya, Selangor, Malaysia
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 3377/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034033 (186) Gia hạn đến ngày: 23.11.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÂN CÔNG QUANG (VN)
146/19 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35

Quyết định gia hạn số: 3418/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034500 (186) Gia hạn đến ngày: 07.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
OTSUKA KAGU, LIMITED (JP)
3-1, Ariake, Koto-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 20

Quyết định gia hạn số: 3419/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032110 (186) Gia hạn đến ngày: 29.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
SMARTMONEY (US)
1755 Broadway, New York, New York 10019
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16, 41

Quyết định gia hạn số: 3420/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031898	23.06.2018	09, 12
4-0031899	23.06.2018	12

(732) Chủ Văn bằng:
MITKAMMAKON (BANGKOK) LTD. PART. (TH)
601/149 Baeng Thong Villa Moo10, Petchkasem Road, Bangkae, Bangkae Bangkok 10160, Thailand

---

Quyết định gia hạn số: 3421/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032300 (186) Gia hạn đến ngày: 15.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
SANYO ELECTRIC CO., LTD. (JP)
5-5, Keihan-hondori 2-chome, Moriguchi City, Osaka, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07

Quyết định gia hạn số: 3442/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031258 (186) Gia hạn đến ngày: 17.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (Also Trading As Toyota Motor Corporation) (JP)
1, Toyota-cho, Toyota-shi, Aichi-ken, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 3443/QĐ-SHTT, ngày: 28.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033302 (186) Gia hạn đến ngày: 17.10.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (TOYOTA MOTOR CORPORATION) (JP)
1, Toyota-cho, Toyota-shi, Aichi-ken, Japan.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12, 40, 42

Quyết định gia hạn số: 3444/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032030	29.04.2018	12
4-0032753	29.04.2018	12

(732) Chủ Văn bằng:
TOYO TIRE & RUBBER CO., LTD. (JP)
17-18, Edobori 1-Chome, Nishi-Ku, Osaka, Japan

Quyết định gia hạn số: 3445/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0001075	07.09.2018	34
4-0001092	05.10.2018	34
4-0031615	28.03.2018	12
4-0031764	24.04.2018	35
4-0034509	21.09.2018	26, 28
4-0036178	13.07.2018	34

(732) Chủ Văn bằng:
British American Tobacco (Brands) Limited (GB)
Globe House, 4 Temple Place, London WC 2R 2PG, England

Quyết định gia hạn số: 3446/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030808 (186) Gia hạn đến ngày: 06.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
ASTRAZENECA AB (SE)
Vastra Malarehamnen 9, S-151 85 Sodertalje, Sweden
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 3447/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033754 (186) Gia hạn đến ngày: 24.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TIẾN PHÁT (VN)
D22/18A Phan Anh, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 3488/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032311 (186) Gia hạn đến ngày: 23.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
COMPUTERIZED SECURITY SYSTEMS, INC. (US)
1950 Austin Drive, Troy, Michigan, 48083, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 3495/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031844 (186) Gia hạn đến ngày: 21.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX (VN)
Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 3497/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031162 (186) Gia hạn đến ngày: 12.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ CỬU LONG (VN)
Số 4D Nguyễn Trung Trực, phường 8, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 34

Quyết định gia hạn số: 3499/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030276 (186) Gia hạn đến ngày: 06.11.2017
(732) Chủ Văn bằng:
LogicaCMG Plc. (GB)
75 Hampstead Road, London, NW1 2PL, United Kingdom
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09, 16, 37, 38, 42

Quyết định gia hạn số: 3503/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0033048	29.10.2018	09
4-0033049	29.10.2018	41
4-0033050	29.10.2018	42

(732) Chủ Văn bằng:
Sierra Entertainment, Inc. (US)
6060 Center Drive, 5th floor Los Angeles, California 90045, USA

Quyết định gia hạn số: 3505/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0035212 (186) Gia hạn đến ngày: 29.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KEM THỊNH PHÁT (VN)
284/9 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 3508/QĐ-SHTT, ngày: 29.02.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031787	19.05.2018	42
4-0031788	19.05.2018	42

(732) Chủ Văn bằng:
CARL KARCHER ENTERPRISE, INC. (US)
6307 Carpinteria Ave. Suite A, Carpinteria, CA 93013-2901 USA

Quyết định gia hạn số: 3588/QĐ-SHTT, ngày: 03.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030095 (186) Gia hạn đến ngày: 15.10.2017
(732) Chủ Văn bằng:
BEECHAM GROUP P.L.C. (GB)
980 Great West Road, Brentford, Middlesex, TW8 9GS England
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03, 05, 21

Quyết định gia hạn số: 3610/QĐ-SHTT, ngày: 03.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033422 (186) Gia hạn đến ngày: 13.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
Nortel Networks Limited (CA)
2351 Boulevard Alfred-Nobel, St. Laurent, Quebec H4S 2A9, Canada
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 3612/QĐ-SHTT, ngày: 03.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032780 (186) Gia hạn đến ngày: 27.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH ĐỈNH VÀNG (VN)
Số 1166 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 3614/QĐ-SHTT, ngày: 03.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0029747 (186) Gia hạn đến ngày: 28.08.2017
(732) Chủ Văn bằng:
AMCOR LIMITED (AU)
679 Victoria Street, Abbotsford, Victoria 3067, Australia
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16, 39

Quyết định gia hạn số: 3635/QĐ-SHTT, ngày: 03.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0029950	30.09.2017	05
4-0029951	30.09.2017	05

(732) Chủ Văn bằng:
E.I. DU PONT DE NEMOURS AND COMPANY (US)
1007 Market Street, Wilmington, Delaware 19898, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 3723/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030760 (186) Gia hạn đến ngày: 19.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
GUINNESS UNITED DISTILLERS & VINTNERS AMSTERDAM B.V. (NL)
Monlenwerf 10-12, 1014 BG Amsterdam, the Netherlands
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 33

Quyết định gia hạn số: 3724/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0049621 (186) Gia hạn đến ngày: 19.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
GUINNESS UNITED DISTILLERS & VINTNERS AMSTERDAM B.V. (NL)
Molenwerf 10-12, 1014 BG Amsterdam, The Netherlands
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 33

Quyết định gia hạn số: 3768/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0028652 (186) Gia hạn đến ngày: 31.05.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT - DỊCH VỤ HÒA THỊNH (VN)
226/51 An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 3773/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032192 (186) Gia hạn đến ngày: 02.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY PHÂN BÓN MIỀN NAM (VN)
125B Cách Mạng Tháng Tám, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 3776/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030857	25.02.2018	31
4-0031113	26.02.2018	31

(732) Chủ Văn bằng:
PIONEER HI-BRED INTERNATIONAL, INC. (US)
7100 N.W. 62nd Avenue, P.O. Box 1014, Johnston, Iowa 50131-1014 USA

Quyết định gia hạn số: 3780/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031422 (186) Gia hạn đến ngày: 29.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
GREAT OVERSEAS INDUSTRIAL CORPORATION (TW)
18th Fl., No. 6, Section 4, Hsin-Yi Rd., Taipei 106, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 3786/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033199 (186) Gia hạn đến ngày: 17.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN (VICADI) (VN)
991A Tôn Đức Thắng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09, 17, 27

Quyết định gia hạn số: 3787/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031289 (186) Gia hạn đến ngày: 28.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
MITSUBISHI ELECTRIC CORPORATION (JP)
7-3 Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 3791/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030872	19.02.2018	42
4-0031942	19.02.2018	42
4-0031943	19.02.2018	42

(732) Chủ Văn bằng:
MORTON'S OF CHICAGO, INC. (US)
Suite 500, 325 N. LaSalle Street, Chicago, Illinois 60610, USA

Quyết định gia hạn số: 3797/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032241 (186) Gia hạn đến ngày: 28.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER - BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 3798/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033079 (186) Gia hạn đến ngày: 03.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
KABUSHIKI KAISHA TAKASHIMAYA (TAKASHIMAYA CO., LTD.) (JP)
1-5, Nanba 5-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka-fu, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03, 12, 14, 18, 20, 21, 24, 25, 27, 29

Quyết định gia hạn số: 3799/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0000972 (186) Gia hạn đến ngày: 14.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ NAM PHÁT (VN)
18/5 Hương Lộ 14, Phường 20, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 3800/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0001193	15.03.2018	07, 12
4-0001194	15.03.2018	07, 12

(732) Chủ Văn bằng:
KUBOTA CORPORATION (JP)
2-47, SHIKITSUHIGASHI 1-CHOME, NANIWA-KU OSAKA, JAPAN

Quyết định gia hạn số: 3801/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031470	02.04.2018	16
4-0031472	02.04.2018	16
4-0031473	02.04.2018	16
4-0031474	02.04.2018	16
4-0031475	02.04.2018	16
4-0031476	02.04.2018	16
4-0031477	02.04.2018	16
4-0031478	02.04.2018	16
4-0031479	02.04.2018	16
4-0031480	02.04.2018	16
4-0031481	02.04.2018	16
4-0031482	02.04.2018	16
4-0031483	02.04.2018	16
4-0031484	02.04.2018	16
4-0031485	02.04.2018	16
4-0031486	02.04.2018	16
4-0031487	02.04.2018	16
4-0031488	02.04.2018	16
4-0031489	02.04.2018	16
4-0031490	02.04.2018	16
4-0031491	02.04.2018	16
4-0031695	02.04.2018	16, 25
4-0031696	02.04.2018	16, 25
4-0031697	02.04.2018	16, 25
4-0031698	02.04.2018	16
4-0031699	02.04.2018	16
4-0031700	02.04.2018	16
4-0031701	02.04.2018	16
4-0031702	02.04.2018	16
4-0031703	02.04.2018	16
4-0031704	02.04.2018	16
4-0031705	02.04.2018	16
4-0031706	02.04.2018	16
4-0031707	02.04.2018	16
4-0031708	02.04.2018	16
4-0031709	02.04.2018	16

(732) Chủ Văn bằng:
NFL PROPERTIES LLC. (US)
280 Park Avenue, New York, New York 10017, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 3802/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030878	02.03.2018	05
4-0030879	02.03.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
MORINAGA MILK INDUSTRY CO., LTD. (JP)
No. 5-33-1, Shiba, Minato-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 3803/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032298 (186) Gia hạn đến ngày: 15.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER - BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 3804/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032586 (186) Gia hạn đến ngày: 03.09.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER - BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 3805/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032764 (186) Gia hạn đến ngày: 08.09.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER - BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 3806/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032466	22.08.2018	05
4-0032467	22.08.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY LIÊN DOANH MEYER - BPC (VN)
6A3 quốc lộ 60, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

---

Quyết định gia hạn số: 3807/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030940 (186) Gia hạn đến ngày: 04.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
KABUSHIKI KAISHA SONY COMPUTER ENTERTAINMENT, Also trading as SONY COMPUTER ENTERTAINMENT INC. (JP)
1-1, Akasaka, 7-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 3808/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032614 (186) Gia hạn đến ngày: 08.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
M.S. UNION ENTERPRISE CO., LTD. (TH)
670/383 Asoke-Dindaeng Rd., Dindaeng, Bangkok, Thailand 10320
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 3809/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032398 (186) Gia hạn đến ngày: 30.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CADBURY IRELAND LTD. (IR)
Malahide Road, Coolock, Dublin 5, Ireland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 3810/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031932 (186) Gia hạn đến ngày: 08.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
OVERSEAS COURIER SERVICE CO., LTD. (JP)
9, Shibaura 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 39

Quyết định gia hạn số: 3811/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033447 (186) Gia hạn đến ngày: 25.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
BAUSCH & LOMB INCORPORATED (US)
One Bausch & Lomb Place, Rochester, New York 14604-2701, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 3812/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031558	24.04.2018	01, 42
4-0031559	24.04.2018	01, 42
4-0032198	25.06.2018	01

(732) Chủ Văn bằng:
BOREALIS A/S (DK)
Lyngby Hovedgade 96, DK-2800 Lungby, Denmark

Quyết định gia hạn số: 3813/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032836 (186) Gia hạn đến ngày: 08.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
MR. PRACHA DEERITDECHA (TH)
462/1 Sawang Road, Bangrak District, Bangkok, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 3814/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032415 (186) Gia hạn đến ngày: 12.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
BAYER AKTIENGESELLSCHAFT (DE)
Leverkusen, Federal Republic of Germany
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 3815/QĐ-SHTT, ngày: 04.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0000900 (186) Gia hạn đến ngày: 03.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
BAYER AG (DE)
D-51368 Leverkusen, Germany
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 4101/QĐ-SHTT, ngày: 10.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032714	25.02.2018	07, 09, 11
4-0032715	25.02.2018	07, 09, 11

(732) Chủ Văn bằng:
MAYTAG WORLDWIDE N.V. (AN)
Ruyterkade 62, Curacao, Netherlands Antilles

Quyết định gia hạn số: 4163/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032876 (186) Gia hạn đến ngày: 04.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
JOHNSONDIVERSEY, INC. (US)
8310 16th Street, Sturtevant, Wisconsin 53177-0902, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 4190/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0037983 (186) Gia hạn đến ngày: 07.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
AMERICAN AIRLINES, INC. (US)
M.D.5675, P.O.Box 619696, DFW Airport, Texas 75261-9616, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 39

Quyết định gia hạn số: 4191/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0038848 (186) Gia hạn đến ngày: 16.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
BATMARK LIMITED (GB)
Globe House, 4 Temple Place, London WC2R 2PG, England
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 34

Quyết định gia hạn số: 4213/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031611	18.02.2018	34
4-0031613	18.03.2018	34

(732) Chủ Văn bằng:
ARDATH TOBACCO COMPANY LIMITED (GB)
Globe House, 4 Temple Place, London WC2R 2PG, England

Quyết định gia hạn số: 4214/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030881	07.01.2018	36
4-0030882	07.01.2018	36
4-0030914	07.01.2018	36

(732) Chủ Văn bằng:
COLONIAL SERVICES PTY LTD. (AU)
Level 7, 48 Martin Place, Sydney, New South Wales 2000, Australia

---

Quyết định gia hạn số: 4256/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032731	13.08.2018	05
4-0032732	13.08.2018	05
4-0032735	21.08.2018	05
4-0032749	13.08.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
NHÀ THUỐC ĐỨC THÀNH (VN)
ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Quyết định gia hạn số: 4257/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032660 (186) Gia hạn đến ngày: 19.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY DỆT SÀI GÒN (SAGOTEX) (VN)
40 hương lộ 14, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 24

Quyết định gia hạn số: 4258/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031282 (186) Gia hạn đến ngày: 11.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
GS DEVELOPMENT (SE)
Jagershillgatan 15, S-213 75 Malmo, Sweden
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 13

Quyết định gia hạn số: 4259/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030813	06.02.2018	05
4-0030814	06.02.2018	05
4-0033421	06.02.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
Sanofi Pasteur Limited / Sanofi Pasteur Limitée (CA)
1755 Steeles Avenue West, Toronto, Ontario, M2R 3T4 Canada

Quyết định gia hạn số: 4262/QĐ-SHTT, ngày: 11.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031012	13.03.2018	41
4-0031014	13.03.2018	41

(732) Chủ Văn bằng:
Kabushiki Kaisha Sega d/b/a Sega Corporation (JP)
2-12, Haneda 1-chome, Ohta-ku, Tokyo 144-0043, Japan

Quyết định gia hạn số: 4304/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033881 (186) Gia hạn đến ngày: 23.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
FOSROC INTERNATIONAL LIMITED (GB)
11 Grosvenor Crescent London, SW1X7EE
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01, 02, 17, 19

Quyết định gia hạn số: 4306/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034171 (186) Gia hạn đến ngày: 07.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
RYOHIN KEIKAKU CO., LTD. (JP)
4-26-3, Higashi-Ikebukuro, Toshima-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03, 09, 16, 20, 21, 25, 26, 41

Quyết định gia hạn số: 4310/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031263	24.04.2018	30
4-0031264	24.04.2018	30

(732) Chủ Văn bằng:
YAMAZAKI BAKING CO., LTD. (JP)
10-1, Iwamoto-cho 3-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 4331/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031172	11.03.2018	30
4-0031173	11.03.2018	30
4-0031174	11.03.2018	30
4-0031175	11.03.2018	30
4-0031176	11.03.2018	30
4-0031177	11.03.2018	30
4-0031997	10.06.2018	30
4-0032177	18.07.2018	30
4-0032178	18.07.2018	30
4-0032179	18.07.2018	30
4-0032180	18.07.2018	30
4-0032181	18.07.2018	30
4-0032182	18.07.2018	30
4-0032535	08.07.2018	31
4-0032536	08.07.2018	31
4-0032707	29.09.2018	30
4-0032867	01.10.2018	30
4-0033527	11.03.2018	30
4-0033937	11.12.2018	16, 29, 30, 31
4-0037500	31.03.2018	30

(732) Chủ Văn bằng:
MARS, INCORPORATED (US)
6885 Elm Street, McLean Virginia 22101-3883, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 4352/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031918 (186) Gia hạn đến ngày: 03.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LAN (VN)
129 Âu Cơ, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05, 16

Quyết định gia hạn số: 4353/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0033928	04.05.2018	18, 25
4-0033929	04.05.2018	18, 25
4-0033931	04.05.2018	21
4-0033933	16.06.2018	05
4-0033934	16.06.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
PLAYBOY ENTERPRISE INTERNATIONAL, INC. (US)
680 N.Lake Shore Drive, Chicago, Illinois 60611, United States of America

---

Quyết định gia hạn số: 4354/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031249 (186) Gia hạn đến ngày: 03.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
Bosch Corporation (JP)
3-6-7, Shibuya, Shibuya-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07

Quyết định gia hạn số: 4355/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0029810 (186) Gia hạn đến ngày: 30.08.2017
(732) Chủ Văn bằng:
ASTRAZENECA AB (SE)
Vastra Malarehamnen 9, S-151 85 Sodertalje, Sweden
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 4360/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032238	27.07.2018	09
4-0032239	27.07.2018	09

(732) Chủ Văn bằng:
GAULME (FR)
325 Rue Saint Martin 75003 Paris, France

Quyết định gia hạn số: 4361/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0029065 (186) Gia hạn đến ngày: 11.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ ĐÔNG ĐÔ (VN)
906 Trương Định, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 4362/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0029971	03.10.2017	05
4-0030331	17.11.2017	05
4-0033425	08.06.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
J.B. CHEMICALS & PHARMACEUTICALS LTD. (IN)
Neelam Centre' B'Wing, 4th Flr., Hind Cycle Road, Worli, Mumbai-400 025 India

---

Quyết định gia hạn số: 4363/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032502 (186) Gia hạn đến ngày: 06.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM Á CHÂU TNHH (VN)
ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 4424/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031571	20.03.2018	37
4-0031572	20.03.2018	04
4-0031693	20.03.2018	04

(732) Chủ Văn bằng:
SHELL BRANDS INTERNATIONAL AG (CH)
Baarermatte, 6340 Baar, Switzerland

Quyết định gia hạn số: 4425/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0033393	17.11.2018	01
4-0034665	03.12.2018	01

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HOÀ THÁI (VN)
D6/29 tỉnh lộ 10, xã Tân Tạo, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 4426/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031741 (186) Gia hạn đến ngày: 02.01.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ (VN)
Km 14, quốc lộ 91, Phước Thới, Ô Môn, thành phố Cần Thơ
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 05

Quyết định gia hạn số: 4427/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033583 (186) Gia hạn đến ngày: 29.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
LION CORPORATION (JP)
No. 3-7, Honjo 1-chome, Sumida-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 03

Quyết định gia hạn số: 4428/QĐ-SHTT, ngày: 12.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031908	29.04.2018	21
4-0031909	29.04.2018	03

(732) Chủ Văn bằng:
LION CORPORATION (JP)
No.3-7, Honjo 1-chome, Sumida-ku, Tokyo, Japan

Quyết định gia hạn số: 4511/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032228 (186) Gia hạn đến ngày: 30.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TAH HSIN INDUTRIAL CORP. (TW)
No.51, 35 th Road, Taichung Industrial Parlk, Taichung City, Taiwan.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 4512/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032868	02.10.2018	11
4-0032869	02.10.2018	11

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ LÂM HƯNG PHÁT (LÂM HƯNG PHÁT PRODUCING & TRADING CO., LTD.) (VN)
D9/11A, quốc lộ 1A, ấp 4, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 4513/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032501 (186) Gia hạn đến ngày: 04.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ LIÊN HÒA (VN)
135/15 Hùng Vương, phường 6, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 4514/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0039731 (186) Gia hạn đến ngày: 09.12.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY NORFOLK DEVELOPMENT GROUP (VIỆT NAM) CO., LTD. (VN)
17-19-21 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 35, 36, 42

Quyết định gia hạn số: 4515/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030489 (186) Gia hạn đến ngày: 01.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH THỜI GIAN (TIME-CO, LTD.) (VN)
57 đường Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 20

Quyết định gia hạn số: 4516/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033212 (186) Gia hạn đến ngày: 04.12.2018
(732) Chủ Văn bằng:
HONG JIN CROWN CORPORATION LIMITED (KR)
54-2, Seo-ri, Ridong-myun, Yongin-kun, Kyungki-do, Republic of Korea
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 4517/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031094 (186) Gia hạn đến ngày: 21.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
EBARA CORPORATION (JP)
11-1, Haneda Asahi-cho, Ota-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 37, 42

Quyết định gia hạn số: 4522/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032505 (186) Gia hạn đến ngày: 27.08.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHƯỚC HỒNG (VN)
Số 44, khu phố I, thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 4526/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031428	12.05.2018	30
4-0032236	25.07.2018	35

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG (VN)
Lô CII-3, khu công nghiệp C, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

Quyết định gia hạn số: 4530/QĐ-SHTT, ngày: 13.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031834	12.06.2018	03
4-0032113	12.06.2018	03

(732) Chủ Văn bằng:
UNZA INTERNATIONAL LIMITED (VG)
Craigmuir Chambers, P.O. Box 71, Road Town, Tortola, The British Virgin Islands

---

Quyết định gia hạn số: 4534/QĐ-SHTT, ngày: 14.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031391 (186) Gia hạn đến ngày: 20.04.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY ĐỒNG NAI (VN)
Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 4598/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031132 (186) Gia hạn đến ngày: 12.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ TRUNG NGUYÊN (VN)
268 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 4628/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0031252	20.03.2018	03
4-0031253	20.03.2018	05

(732) Chủ Văn bằng:
JAPE & EZE SDN. BHD. (MY)
35, Jalan Tabla 33/21, Shah Alam Technology Park, Seksyen 33, 40400, Shah Alam, Selangor, Malaysia

---

Quyết định gia hạn số: 4630/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032259 (186) Gia hạn đến ngày: 27.06.2018
(732) Chủ Văn bằng:
Summit Footwear Co., Ltd. (TH)
5/4 Mu.1 Bangna-Trad Km. 16 Bangchalong, Bangplee, Samutprakarn, Thailand
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 25

Quyết định gia hạn số: 4658/QĐ-SHTT, ngày: 17.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032393 (186) Gia hạn đến ngày: 12.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TGI FRIDAY'S OF MINNESOTA, INC. (US)
4201 Marsh Lane, Carrollton, Texas 75007, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 4705/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032516 (186) Gia hạn đến ngày: 25.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
SCHWAN-STABILO SCHWANHAUBER GMBH & CO. (DE)
Schwanweg 1, D-90562 Heroldsberg, Germany.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 4823/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0030933	12.02.2018	25, 35
4-0030934	12.02.2018	25, 35

(732) Chủ Văn bằng:
LI & FUNG (B.V.I.) LIMITED (VG)
P.O. Box 957, Offshore Incorporations Centre, Road Town, Tortola, British Virgin Islands

---

Quyết định gia hạn số: 4824/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030937 (186) Gia hạn đến ngày: 12.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
GENERAL MORTORS CORPORATION (US)
West Grand Boulevard and Cass Avenue, City of Detroit, State of Michigan 48202, United States of America
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 4825/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031011 (186) Gia hạn đến ngày: 12.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
TORAY KABUSHIKI KAISHA (TORAY INDUSTRIES, INC.) (JP)
No. 2-1, 2-chome, Nihonbashi-Muromachi, Chuo-ku, Tokyo, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 4826/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0028014	02.04.2017	05
4-0028284	02.05.2017	05
4-0029503	04.09.2017	05
4-0029504	04.09.2017	05
4-0029506	04.09.2017	05
4-0029507	04.09.2017	05
4-0029508	04.09.2017	05
4-0029509	04.09.2017	05
4-0030060	04.09.2017	05
4-0030527	09.12.2017	05
4-0030609	02.04.2017	05
4-0031292	04.09.2017	05
4-0032615	26.05.2018	16
4-0033456	28.11.2018	05
4-0033829	18.03.2017	05

(732) Chủ Văn bằng:
Merck & Co.,Inc (US)
One Merck Drive, P.O.Box 100, Whitehouse Station, New Jersey, USA

Quyết định gia hạn số: 4827/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034080 (186) Gia hạn đến ngày: 11.12.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ MINH TIẾN (VN)
Lô H10G - H10F đường số 10, khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 4828/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033362 (186) Gia hạn đến ngày: 25.02.2018
(732) Chủ Văn bằng:
PANS & COMPANY INTERNATIONAL , S.L. (ES)
Aribau 185, E-08021 Barcelona (Spain)
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30, 35, 42

Quyết định gia hạn số: 4829/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030251 (186) Gia hạn đến ngày: 07.10.2017
(732) Chủ Văn bằng:
FOGA SYSTEM INTERNATIONAL AB (SE)
Torgny Segerstedtsgatan 44, S-426 69 Vastra Frolunda, Sweden
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06

Quyết định gia hạn số: 4830/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033127 (186) Gia hạn đến ngày: 16.10.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ VĨNH THÀNH (VN)
124/51A Xóm Đất, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 06

Quyết định gia hạn số: 4854/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032399	27.04.2018	34
4-0033154	31.10.2018	34
4-0033886	19.10.2018	34

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY DỊCH VỤ - CÔNG NGHIỆP VÀ THUỐC LÁ BÌNH DƯƠNG (VN)
609 Lê Hồng Phong, phường Phú Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

---

Quyết định gia hạn số: 4859/QĐ-SHTT, ngày: 18.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0033450	31.10.2018	09, 11, 12
4-0033451	31.10.2018	09, 11, 12
4-0033452	31.10.2018	09, 11, 12, 28

(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH NHỰA DUY TÂN (VN)
298 Hồ Học Lãm, khu phố 3, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

---

Quyết định gia hạn số: 4922/QĐ-SHTT, ngày: 19.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032746	19.09.2018	34
4-0033304	22.10.2018	34

(732) Chủ Văn bằng:
ROTHMANS OF PALL MALL LIMITED (CH)
Zaehlerweg 4, 6300 Zug, Switzerland

Quyết định gia hạn số: 4923/QĐ-SHTT, ngày: 19.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032743 (186) Gia hạn đến ngày: 19.09.2018
(732) Chủ Văn bằng:
AMERICAN-CIGARETTE COMPANY (OVERSEAS) LIMITED (CH)
Zahlerweg 4, 6300 Zug, Switzerland
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 16

Quyết định gia hạn số: 5055/QĐ-SHTT, ngày: 20.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032987 (186) Gia hạn đến ngày: 01.09.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ HIỆP LOAN (VN)
62/12A đường số 9, phường 18, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 21

Quyết định gia hạn số: 5056/QĐ-SHTT, ngày: 20.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033333 (186) Gia hạn đến ngày: 26.10.2018
(732) Chủ Văn bằng:
ARDATH TOBACCO COMPANY LIMITED (GB)
Globe House, 4 Temple Place, London WC2R 2PG, England
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 34

Quyết định gia hạn số: 4985/QĐ-SHTT, ngày: 20.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0001104	27.10.2018	02, 30
4-0001105	27.10.2018	30

(732) Chủ Văn bằng:
CƠ SỞ KIM TINH (VN)
62D An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định gia hạn số: 5077/QĐ-SHTT, ngày: 21.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032371 (186) Gia hạn đến ngày: 31.12.2017
(732) Chủ Văn bằng:
Viacom International Inc. (US)
1515 Broadway New York NY 10036, U.S.A
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 38, 41

Quyết định gia hạn số: 5100/QĐ-SHTT, ngày: 21.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0032689	03.07.2017	35, 36, 42
4-0032690	03.07.2017	35, 36, 42

(732) Chủ Văn bằng:
ROYAL & SUN ALLIANCE INSURANCE GROUP PLC (GB)
9th Floor One Plantation Place 30 Fenchurch Street London EC3M 3BD, United Kingdom

---

Quyết định gia hạn số: 5121/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0030954 (186) Gia hạn đến ngày: 04.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
BAU SAN ELECTRIC WORK CO., LTD. (TW)
No. 20, Lane 486, Wei Gong Rd., Chia Sheng Li, Miau Lih, Taiwan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 09

Quyết định gia hạn số: 5149/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng	(186) Gia hạn đến ngày	(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ
4-0033485	07.11.2017	33
4-0033486	07.11.2017	33

(732) Chủ Văn bằng:
DIAGEO NORTH AMERICA, INC. (US)
801 Main Avenue, Norwalk CT 06851-1127, U.S.A.

Quyết định gia hạn số: 5172/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031250 (186) Gia hạn đến ngày: 13.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT KIẾT TƯỜNG (VN)
08 ấp Bắc, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 42

Quyết định gia hạn số: 5174/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0033022 (186) Gia hạn đến ngày: 15.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
AJINOMOTO CO., INC. (JP)
15-1, Kyobashi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 104, Japan
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 5175/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031318 (186) Gia hạn đến ngày: 06.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
DYNAMIC LIFTER BRANDS PTY LIMITED (AU)
244-254 Horsley Road, Milperra, NSW, Australia
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 01

Quyết định gia hạn số: 5198/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031191 (186) Gia hạn đến ngày: 10.03.2018
(732) Chủ Văn bằng:
FORD MOTOR COMPANY (US)
The American Road, City of Dearborn, State of Michigan 48121, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 12

Quyết định gia hạn số: 5200/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032402 (186) Gia hạn đến ngày: 24.07.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY NÔNG SÚC SẢN XUẤT NHẬP KHẨU CẦN THƠ (VN)
8 Ngô Hữu Hạnh, TP. Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 29

Quyết định gia hạn số: 5201/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0032195 (186) Gia hạn đến ngày: 11.05.2018
(732) Chủ Văn bằng:
GOSS INTERNATIONAL ASIA-PACIFIC, INC (US)
3 Territorial Court, Bolingbrook, IL, U.S.A.
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 07

Quyết định gia hạn số: 5202/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0031919 (186) Gia hạn đến ngày: 16.09.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH GIỐNG RAU BÌNH MINH (VN)
Số 101 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 31, 35

Quyết định gia hạn số: 5227/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0034149 (186) Gia hạn đến ngày: 16.09.2018
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN (VN)
134 Nguyễn Tri Phương, phường 9, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 30

Quyết định gia hạn số: 5234/QĐ-SHTT, ngày: 24.03.2008

(111) Số Văn bằng: 4-0025460 (186) Gia hạn đến ngày: 08.08.2016
(732) Chủ Văn bằng:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ SÀI GÒN (VN)
152 Trần Phú, phường 4, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
(511) Nhóm sản phẩm/dịch vụ: 34

CHẤM DỨT HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ

Chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa

Theo Quyết định số 235/ QĐ-SHTT, ngày 27 tháng 02 năm 2008

Chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 11811 cấp ngày 16.05.1994 kể từ ngày 31/01/2008.

Theo Quyết định số 294/ QĐ-SHTT, ngày 04 tháng 03 năm 2008

Chấm dứt toàn bộ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 53256 cấp ngày 08.03.2004 kể từ ngày 20/12/2007.

PHẦN VII

CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

I . CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3253/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 159/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 23/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **AMERON B.V (NL)**
7 Tielerweg, NL1-4191 NE Geldermalsen (Pays-Bas), The Netherlands.

Bên được chuyển nhượng: **PPG INDUSTRIES OHIO, INC. (US)**
3800 West 143rd Street, Cleveland, Ohio 44111, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	AMERSHIELD	27550	13/07/1998	19/03/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3254/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 160/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 18/05/2007.

Bên chuyển nhượng: **AMERON INTERNATIONAL CORPORATION (US)**
245 South Los Robles Avenue, Pasadena, California 91101-2894, U.S.A

Bên được chuyển nhượng: **PPG INDUSTRIES OHIO, INC. (US)**
3800 West 143rd Street, Cleveland, Ohio 44111, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TIDEGUARD	9620	22/11/1993	19/03/2013
2	AMERLOCK	9838	06/12/1993	19/03/2013
3	AMERCOAT	9842	06/12/1993	19/03/2013
4	DIMETCOTE	20679	09/05/1996	19/03/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3255/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 161/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 24/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)**
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (ID)**
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400701 India.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MINIPAN	91168	06/11/2007	14/12/2015
2	SUPRAFLAM	91169	06/11/2007	14/12/2015
3	MINIKETO	91170	06/11/2007	14/12/2015
4	FLAMETRO	91171	06/11/2007	14/12/2015
5	MEDCARB	91172	06/11/2007	14/12/2015
6	CESSNARI	91173	06/11/2007	14/12/2015
7	HEALZ	91174	06/11/2007	14/12/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3256/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 162/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 21/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **COLTEC NORTH COROLINA INC. (US)**
3 Coliseum Centre, 2550 West Tyvola Road, Charlotte, North Corolina 29217, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **GARLOCK SEALING TECHNOLOGIES LLC. (US)**
1666 Division Street, Palmyra, New York, 14522, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	GARLOCK	30086	11/03/1999	14/10/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3257/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 163/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 05/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HƯƠNG NGỌC (VN)**
64/2B Trần Đình Xu, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **ĐỖ MINH TÂM (VN)**
Số 40 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Hộp kem dưỡng da	10083	09/01/2007	06/02/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3258/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 164/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 05/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HƯƠNG NGỌC (VN)**
258/447 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
(Nay ở 64/2B Trần Đình Xu, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh).

Bên được chuyển nhượng: **ĐỖ MINH TÂM (VN)**
Số 40 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	RICTONRIA, hình	77059	20/11/2006	23/06/2015
2	H N, hình	77060	20/11/2006	23/06/2015
3	LEIYAS , hình	79214	06/02/2007	23/06/2015
4	NEXTLEILANESA	84541	16/07/2007	13/01/2016
5	LEILANESA	84542	16/07/2007	13/01/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3259/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 165/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 20/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐẠI BẮC (VN)**
Số 65 Vũ Ngọc Phan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3 (FORIPHARM) (VN)**
Số 16 Lê Đại Hành, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MAGASOL	48406	20/06/2003	23/04/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3260/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 166/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 03/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ (VN)**
Số 18 (G14), ngách 23, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **BIOTON S.A. (PL)**
5 Staros cin ska, 02-516 Warsaw, Poland.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BIOFAZOLIN	72721	12/06/2006	03/12/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3261/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 167/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 23/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ THANH NGÂN (VN)**
569 đường 3 tháng 2, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐIỆN TỬ THANH NGÂN (VN)**
569 đường 3/2, phường 8, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BELBA	21027	12/06/1996	17/07/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3262/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 168/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Thoả thuận chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 04/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **KWAN STAR CO., LTD. (TW)**
21 F-1, No. 268, Sec. 1, Wen Hwa Road, Pan Chiao City, Taipei Hsien, Taiwan.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH EVD DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ (VN)**
Phòng 401, Chung cư 8C Đại Cồ Việt, số 30 Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	POMULIN	82871	07/06/2007	27/07/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3263/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 169/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 16/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH XE VÀ MÁY FMC (VN)**
24 Nguyễn Thị Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ GIA TOÀN YMH (VN)**
27 đường số 4, khu dân cư Bình Hưng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng**:** toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	PLASMA	77503	04/12/2006	28/04/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3264/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 170/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 17/07/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 17/01/2008.

Bên chuyển nhượng: **TAIWAN URE-TECH CO., LTD. (TW)**
No. 1-8, Kong Hsi 1 Rd., Shen-Kang Hsiang, Chang Hua, Taiwan.

Bên được chuyển nhượng: **BAYER AG (DE)**
D-51368 Leverkusen, Federal Republic of Germany.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	UTECHLLAN, chữ Trung Quốc	73981	31/07/2006	28/12/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3265/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 171/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 17/07/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 17/01/2008.

Bên chuyển nhượng: **TAIWAN URE-TECH CO., LTD. (TW)**
No. 1-8, Kong Hsi 1 Rd., Shen-Kang Hsiang, Chang Hua, Taiwan.

Bên được chuyển nhượng: **BAYER AG (DE)**
D-51368 Leverkusen, Federal Republic of Germany.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	U, hình	73970	28/07/2006	28/12/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3266/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 172/QĐ-SHTT, ngày 18 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 25/02/2005.

Bên chuyển nhượng: **SUN WORLD INTERNATIONAL, INC. (A DELAWARE CORPORATION) (US)**
16350 Drive Road, P.O.Box 80298, Bakersfield, California 93380-0298, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **SUN WORLD INTERNATIONAL, LLC (US)**
16350 Driver Road, Bakersfield, California 93308, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	MIDNIGHT BEAUTY	38139	29/08/2001	23/05/2010
2	SUPERIOR SEEDLESS BY SUN WORLD	49087	20/06/2003	15/05/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3267/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 219/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao.

Ngày ký: 01/09/2001.

Bên chuyển nhượng: **ACTUANT CORPORATION (US)**
6100 North Baker Road, Milwaukee, Wisconsin 53209, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **SNAP-ON INCORPORATED (US)**
2801 80th Street, Kenosha, WI 53141-1410 U.S.A..

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BLACKHAWK	11495	11/04/1994	11/06/2013
2	BLACKHAWK	29291	19/01/1999	19/05/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3268/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 220/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá và tên miền.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 19/12/2006; Phụ lục hợp đồng ký ngày 10/12/2007.

Bên chuyển nhượng: THE WARD GROUP PTY LTD. (AU)
Level 10, 63 Exhibition Street, Melbourne 3000, Australia.

Bên được chuyển nhượng: COMBE ASIA-PACIFIC PTY LTD. (AU)
Level 10, 63 Exhibition Street, Melbourne, Victoria 3000, Australia.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	RESTORIA	28106	03/09/1998	15/04/2017
2	RESTORIA EXPRESS	28107	03/09/1998	15/04/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3269/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 221/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá và tên miền.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 01/03/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 10/12/2007.

Bên chuyển nhượng: COMBE ASIA-PACIFIC PTY LTD. (AU)
Level 10, 63 Exhibition Street, Melbourne, Victoria 3000, Australia.

Bên được chuyển nhượng: COMBE INTERNATIONAL LTD. (US)
1101 Westchester Avenue, White Plains, New York 106043597, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	RESTORIA	28106	03/09/1998	15/04/2017
2	RESTORIA EXPRESS	28107	03/09/1998	15/04/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3270/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 222/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 11/12/2006.

Bên chuyển nhượng: SOLIDMARKET LTD (VG)
Unit 18, Mill Mall, Wickham's Cay, Road Town, Tortola, British Virgin Islands.

Bên được chuyển nhượng: D AND MC CO LTD (GB)
60 Constitution Street, Leith, Edinburgh, EH6 6RR, Scotland.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ETERNITY, hình	30568	30/03/1999	05/06/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3271/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 223/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 30/10/2007.

Bên chuyển nhượng: THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati, Ohio 45202-3315, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: DAIO PAPER CORPORATION (JP)
2-60, Mishima-kamiya-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken, Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ATTENTO	18857	06/11/1995	08/07/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3272/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 224/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 29/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NHẬT LAN (VN)**
73 đường 4 Khu báo chí, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THUẬN HOÀ PHÁT (VN)**
388 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HANA	57536	28/09/2004	03/07/2013
2	HANA, hình	59490	04/01/2005	03/07/2013
3	MIO.MIO, hình	70338	24/02/2006	29/09/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3273/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 225/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 03/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO (VN)**
Nhà 28, ngõ 178 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **BIOTON S.A. (PL)**
5 Staros cin ska Str., 02-516 Warsaw, Poland.

Đối tượng được chuyển nhượng**:** toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	BIOCETUM	58940	06/12/2004	17/06/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3274/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 226/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 10/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **DƯƠNG HUỆ DÂN (VN)**
2/9/6 Kênh Hiệp Tân, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CƠ SỞ TRÀ SONG PHỤNG (VN)**
99/9/13 (số cũ:2/9/6) Tô Hiệu, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TRÀ SONG PHỤNG, hình	15729	13/03/1995	09/07/2014
2	KẮC KÈ, chữ Trung Quốc và hình	28469	15/10/1998	20/05/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3275/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 227/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 07/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **CONTINENTAL AUDIO ELECTRONIC GMBH (DE)**
Kellerstrabe 14, 25474 Ellerbek, Germany.

Bên được chuyển nhượng: **DYNAUDIO HOLDING A/S (DK)**
Sverigesvej 18, 8660 Skanderborg, Denmark.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	DYNAUDIO, hình	13589	06/10/1994	03/12/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3276/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 228/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 14/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TÂN NGUYÊN VŨ (VN)**
201 Lãnh Binh Thăng, phường 12, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM NGUYÊN (VN)**
165B Lương Nhữ Học, phường 11, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SHIN LUNG	58214	02/11/2004	18/07/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3277/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 229/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu.

Ngày ký: 25/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐOÀN PHÁT (VN)**
73/6 Trần Đình Xu, phường Cầu Kho, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
(Nay ở 263/8 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh).

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH NAM HUẤT (VN)**
263/8 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, T.P. Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	GS GRANDEUR SHOE, hình	68572	05/12/2005	28/06/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3278/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 230/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 20/09/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRẠC TÚ (VN)**
17 Tôn Đức Thắng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÚ TUẤN (VN)**
76 Trần Hưng Đạo, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	17 SEVENTEEN SALOON, hình	63021	25/05/2005	08/12/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3279/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 231/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 11/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG - TIN HỌC ÁNH DƯƠNG (VN)**
41 đường số 2, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG ÁNH DƯƠNG (VN)**
38 đường số 11, cư xá Đài Ra Đa, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ADSUN, hình	72964	16/06/2006	05/12/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3280/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 232/QĐ-SHTT, ngày 26 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 30/12/2004.

Bên chuyển nhượng: **UNIGLOBE TRAVEL (INTERNATIONAL) INC (CA)**
1199 West Pender Street, Suite 900, Vancouver, British Columbia V6E 2R1, Canada.

Bên được chuyển nhượng: **UNIGLOBE TRAVEL INTERNATIONAL LIMITED PARTNERSHIP (CA)**
1199 West Pender Street, Suite 900, Vancouver, British Columbia V6E 2R1, Canada.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	UNIGLOBE	17299	14/07/1995	23/11/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3281/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 236/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 10/10/2006; Phụ lục hợp đồng ký ngày 23/01/2008.

Bên chuyển nhượng: **REFCO GROUP LTD., LLC (US)**
One World Financial Center, 200 Liberty Street, Tower A, New York, New York 10281, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **MAN FINANCIAL, INC. (US)**
717 Fifth Avenue, 9th Floor, New York, New York 10022, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	REFCO, hình	44301	03/12/2002	06/04/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3282/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 237/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 01/01/2006; Phụ lục hợp đồng ký ngày 14/08/2007.

Bên chuyển nhượng: PHARMALINK ASIA PACIFIC PTE. LTD. (SG)
One Marina Boulevard #28-00, Singapore 018989.

Bên được chuyển nhượng: ASIA PACIFIC PHARMACEUTICAL INVESTMENTS PTE. LTD. (SG)
One Marina Boulevard #28-00, Singapore 018989.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	PharmaLink	42125	17/07/2002	05/06/2011
2	TRANSFARMA	47709	17/06/2003	24/05/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3283/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 238/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 17/09/2003; Phụ lục hợp đồng ký ngày 22/01/2008.

Bên chuyển nhượng: SUSHI KIN SDN. BHD. (MY)
Level 16, Menara PSCI, 39 Jalan Sultan Ahmad Shah, 10050 Penang, Malaysia.

Bên được chuyển nhượng: TEXCHEM CORPORATION SDN. BHD. (MY)
Level 18, Menara Boustead Penang, 39 Jalan Sultan Ahmad Shah, 10050 Penang, Malaysia.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	SUSHI KING, hình	29856	27/02/1999	23/09/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3284/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 239/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 30/03/2007.

Bên chuyển nhượng: **LEE MENG BROTHERS (S) PTE LTD (SG)**
613 Aljunied Road, Singapore 389831.
(Công ty quản lý tài sản: **STONE FOREST CORPORATE ADVISORY PTE LTD (SG)**, 18 Cross Street #08-01, Marsh & McLennan Centre, Singapore 048423).

Bên được chuyển nhượng: **LEE GLOBAL PTE LTD (SG)**
11A Jalan Bangket, Singapore 588957.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ICHIBAN FOREVER WITH YOU	58082	25/10/2004	22/04/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3285/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 240/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 30/03/2007.

Bên chuyển nhượng: **LEE GLOBAL PTE LTD (SG)**
11A Jalan Bangket, Singapore 588957.

Bên được chuyển nhượng: **HORNCO INTERNATIONAL PTE LTD (SG)**
80 Marine Parade #08-05, Parkway Parade, Singapore 449269.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ICHIBAN FOREVER WITH YOU	58082	25/10/2004	22/04/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3286/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 241/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 16/10/2000.

Bên chuyển nhượng: **CONE MILLS CORPORATION (US)**
3101 North Elm Street, Suite 220, Greensboro, North Carolina 27415 U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **CIPCO S.C., INC. (US)**
3863 Carlisle/Chester Highway, Carlisle, South Carolina 29031 U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CONE	8840	05/08/1993	28/12/2012
2	Hình	8841	05/08/1993	28/12/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3287/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 242/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 15/12/2005.

Bên chuyển nhượng: **CIPCO S.C., INC. (US)**
3863 Carlisle/Chester Highway, Carlisle, South Carolina 29031 United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **WLR CONE MILLS IP, INC. (US)**
804 Green Valley Road, Suite 300, Greensboro, North Carolina 27408, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CONE	8840	05/08/1993	28/12/2012
2	Hình	8841	05/08/1993	28/12/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3288/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 243/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 22/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **CIGNA CORPORATION (US)**
One Liberty Place, City of Philadelphia, Pennsylvania 19192-1520, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **CIGNA INTELLECTUAL PROPERTY, INC. (US)**
590 Naamans Road, Claymont, Delaware 19703, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CIGNA	11799	16/05/1994	22/06/2013
2	CIGNA, hình	11800	16/05/1994	22/06/2013
3	CIGNA-A BUSINESS OF CARING	14531	07/12/1994	17/03/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3289/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 244/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 15/10/2007.

Bên chuyển nhượng: **ZIMMER AG (DE)**
Borsigallee 1, 60388 Frankfurt am Main Germany.

Bên được chuyển nhượng: **LURGI ZIMMER GMBH (DE)**
Lurgiallee 5, 60295 Frankfurt am Main Germany.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp
1	Đầu vòi để sản xuất sợi xe và sợi tổng hợp	6458	16/07/2007

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3290/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 245/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Văn bản chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 13/11/2007.

Bên chuyển nhượng: **NOVARTIS AG (CH)**
4002 Basel, Switzerland.

Bên được chuyển nhượng: **SOCIÉTÉ DES PRODUITS NESTLÉ S.A., (CH)**
Vevey, Switzerland.

Đối tượng được chuyển nhượng**:** toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	NUTRAMENT	6201	19/09/1992	20/03/2012
2	ISOCAL	6210	19/09/1992	20/03/2012
3	SUSTACAL	6211	19/09/1992	20/03/2012
4	HEPATICAL	13142	27/08/1994	22/10/2013
5	COMPLEAT	47332	10/06/2003	25/01/2012

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3291/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 246/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 29/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **BARON PHILIPPE DE ROTHSCHILD MAIPO CHILE S.A. (CL)**
Fundo Vin a Maipo, Lote A, Hijuelas Norte, Buin, Stgo., Chile.

Bên được chuyển nhượng: **VIN A ERRAZURIZ S.A. (CL)**
Av. Nueva Tajamar N° 481, Of. 503, Las Condes, Stgo., Chile.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CAI CAI, hình	81762	07/05/2007	13/08/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3292/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 247/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 27/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DUY TÂN (VN)**
72/17 Trần Quốc Toản, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **FLAMINGO PHARMACEUTICALS LIMITED (ID)**
R-662 T.T.C. Ind Area Rabale Navi Mumbai 400701 India.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	DEXAFLAM	90670	23/10/2007	14/12/2015
2	MINIDOM	90698	23/10/2007	14/12/2015
3	GLIFLAM	90699	23/10/2007	14/12/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3293/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 248/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 28/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CHEVRON CORPORATION (US)**
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **CHEVRON INTELLECTUAL PROPERTY LLC (US)**
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CHEVRON, hình	5531	18/08/1992	20/02/2012
2	CHEVRON, hình	5532	18/08/1992	20/02/2012
3	TECHRON	9103	14/09/1993	12/02/2013
4	CLARITY	37809	23/07/2001	10/03/2010
5	HDAX	44034	15/11/2002	14/03/2011
6	ILS	58152	29/10/2004	30/07/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3294/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 249/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 28/08/2007.

Bên chuyển nhượng: CHEVRON CORPORATION (US)
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: CHEVRON INTELLECTUAL PROPERTY LLC (US)
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CHEVRON	5533	18/08/1992	20/02/2012
2	CHEVRON, hình	81080	13/04/2007	27/07/2015
3	CHEVRON, hình	82806	06/06/2007	23/06/2015
4	CHEVRON, hình	82807	06/06/2007	23/06/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3295/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 250/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 28/08/2007.

Bên chuyển nhượng: CHEVRON ORONITE COMPANY LLC. (US)
575 Market Street, San Francisco, California 94105, United States of America.
(Nay ở 6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America).

Bên được chuyển nhượng: CHEVRON INTELLECTUAL PROPERTY LLC (US)
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	ORONITE	10881	27/01/1994	04/05/2013
2	OLOA	10882	27/01/1994	04/05/2013
3	ODA	10883	27/01/1994	04/05/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3296/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 251/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 28/08/2007.

Bên chuyển nhượng: CHEVRON ORONITE COMPANY LLC. (US)
575 Market Street, San Francisco, California 94105, United States of America.
(Nay ở 6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America).

Bên được chuyển nhượng: CHEVRON INTELLECTUAL PROPERTY LLC (US)
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	***Số GCN***	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	OGA	10884	27/01/1994	04/05/2013
2	ORONITE D-TECT	34245	19/06/2000	10/02/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3297/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 252/QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 28/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **CHEVRON GLOBAL ENERGY INC (US)**
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Bên được chuyển nhượng: **CHEVRON INTELLECTUAL PROPERTY LLC (US)**
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	OLASYN, hình	84286	13/07/2007	03/07/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3298/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 307/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhãn hiệu độc quyền.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 05/11/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 19/02/2008.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỜI TRANG AN TRẦN (VN)**
229 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH LƯƠNG AN NGÔ (VN)**
Số 41 Mạc Thị Bưởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	T SIGNATURE JESS J S, hình	79306	07/02/2007	31/05/2015
2	IT, hình	89245	20/09/2007	02/12/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3299/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 308/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 15/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SUNG YU (VN)**
Lô 35-37, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH HIỆP TỈNH (VN)**
Nhà xưởng ô số 1, lô 26D, đường số 7, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Y@DOOR	85197	31/07/2007	15/04/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3300/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 309/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng đăng ký nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 28/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **LOVEDALE CORPORATION PTE LTD (SG)**
135 Cecil Street, LKN Building, #10-04 Singapore 069536.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ THIÊN ĐAN (VN)**
90A/D19 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	CARTILAMINE	69797	24/01/2006	08/09/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3301/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 310/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp.

Ngày ký: 11/01/2008.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ ĐÔNG NAM Á (VN)**
16/48-50 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CON KIẾN ĐỎ (VN)**
16/48-50 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Nắp hộp đựng bu long	5791	10/04/2000	09/12/2008

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3302/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 311/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 11/01/2008.

Bên chuyển nhượng: **CƠ SỞ ĐÔNG NAM Á (VN)**
16/48-50 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CON KIẾN ĐỎ (VN)**
16/48-50 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	WELLSTAR, hình	55483	07/07/2004	19/03/2013
2	UNCLE, hình	56382	18/08/2004	19/03/2013
3	POWERFUL, hình	56401	18/08/2004	19/03/2013
4	JACKSPEED, hình	61767	11/04/2005	21/04/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3303/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 312/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Chứng thư chuyển nhượng.

Ngày ký: 24/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **WHITE DOVE (GROUP) COMPANY, LIMITED (CN)**
78 Huashan Road, Zhengzhou, Henan Province, China.

Bên được chuyển nhượng: **WHITE DOVE ABRASIVES CO., LTD. (CN)**
78 Huashan Road, Zhengzhou, China.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	Hình	15448	25/02/1995	04/06/2014

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3304/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 313/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 03/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **KANEBO, LIMITED (JP)**
17-4, Sumida 5-chome, Sumida-ku, Tokyo 131-0031, Japan.
KANEBO GOHSEN LIMITED (JP)
2-2, Umeda 1-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka 530-0001, Japan.

Bên được chuyển nhượng: **KB SEIREN, LTD. (JP)**
6-1-1, Shimokoubata-cho, Sabae-city, Fukui, Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số BĐQ*	Ngày cấp
1	Sợi dẫn điện composit có lõi được bọc	4210	06/04/2004

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3305/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 314/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 25/12/2007.

Bên chuyển nhượng: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN MÚT XỐP VIỆT THẮNG (VN)**
Khu mỳ sợi, đường Thiên Lôi, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Bên được chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MÚT XỐP VIỆT THẮNG (VN)**
Số 80 Quang Trung, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	VT MATTRESS P.U FOAM, hình	91534	13/11/2007	17/10/2016

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệ số 3306/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 315/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Thỏa thuận chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 06/06/2007.

Bên chuyển nhượng: **CÔNG TY TNHH MAY HẢI HỒ (VN)**
Số 26, phố Ngô Thì Nhậm, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Bên được chuyển nhượng: **NHÀ MAY HẢI HỒ (VN)**
Số 26, phố Ngô Thì Nhậm, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	HẢI HỒ, hình	54675	10/06/2004	10/03/2013
2	HẢI HỒ, hình	55228	29/06/2004	11/04/2013

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3307/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 316/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 27/07/2007.

Bên chuyển nhượng: **EARL JEAN, INC. (US)**
1755 North Main Street, Los Angeles, California 90031, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **EARL JEAN INTERNATIONAL, LTD. (HK)**
Room 901 Wing on Plaza, 62 Mody Road, Tsim Sha Tsui East, Kowloon, Hong Kong.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	EARL JEAN	34917	19/09/2000	10/05/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3308/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 317/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 28/08/2007.

Bên chuyển nhượng: **TEXACO INC. (US)**
2000 Westchester Avenue, City of White Plains, State of New York 10650, United States of America.
(Nay ở 6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America).

Bên được chuyển nhượng: **CHEVRON INTELLECTUAL PROPERTY LLC (US)**
6001 Bollinger Canyon Road, San Ramon, California 94583, United States of America.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	TEXACO	4237	30/01/1992	05/08/2011
2	T, hình	4238	30/01/1992	05/08/2011
3	COMPUTEX	43837	31/10/2002	20/04/2011

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3309/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 318/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu.

Ngày ký: 17/05/2007.

Bên chuyển nhượng: **INVERNESS MEDICAL SWITZERLAND GMBH (CH)**
Bahnhofstrasse 28, CH-6300 Zug, Switzerland.

Bên được chuyển nhượng: **PROCTER & GAMBLE INTERNATIONAL OPERATIONS, S.A. (CH)**
47 Route de Saint Georges, 1213 Petit Lancy 1, Switzerland.

Đối tượng được chuyển nhượng**:** toàn bộ quyền sở hữu nhãn hiệu đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	FACT PLUS	36512	02/03/2001	28/10/2009

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3310/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 319/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng.

Ngày ký: 16/11/2004.

Bên chuyển nhượng: **THE CLOROX COMPANY (US)**
1221 Broadway, Oakland, California 94612, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: **SPLITCO, INC. (US)**
1209 Orange Street, Wilmington, Delaware 19801, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	COMBAT	10013	14/12/1993	20/03/2013
2	SOFTSCRUB	23633	10/01/1997	06/04/2016
3	COMBAT GOLD	33290	18/02/2000	11/11/2008

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3311/ĐKHĐSH

Cấp theo Quyết định số 320/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 30/05/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 31/10/2007.

Bên chuyển nhượng: AT & T CORP. (US)
32 Avenue of the Americas, New York, New York 10013-2412, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: AT&T PROPERTIES, LLC (US)
645 East Plumb Lane, #B132, Reno, Nevada 89502, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	AT&T, hình	5838	08/09/1992	10/03/2012
2	USA DIRECT	5922	10/09/1992	10/03/2012
3	ACCUNET	9970	10/12/1993	19/03/2013
4	AT&T	14359	28/11/1994	10/03/2012
5	AT&T	20838	30/05/1996	28/07/2014
6	AT & T, hình	20839	30/05/1996	28/07/2014
7	AT&T DIRECT	23177	19/11/1996	21/11/2015
8	WEBPRESENCE	28873	02/12/1998	18/03/2017
9	AT & T WEBPRESENCE	28875	02/12/1998	18/03/2017
10	AT&T BUSINESS. INNOVATIVE NETWORKS. INNOVATIVE THINKING	43405	24/09/2002	25/06/2011

11	Hình	47323	10/06/2003	11/12/2011
12	AT & T, hình	47324	10/06/2003	11/12/2011
13	AT & T WORLDNET	49899	20/06/2003	10/03/2017
14	AT & T WORLDNET, hình	49900	20/06/2003	10/03/2017

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp số 3312/ĐKHĐSH
Cấp theo Quyết định số 321/QĐ-SHTT, ngày 07 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu hàng hóa.

Ngày ký: Hợp đồng chính ký ngày 30/05/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 31/10/2007.

Bên chuyển nhượng: AT & T CORP. (US)
32 Avenue of the Americas, New York, New York 10013-2412, U.S.A.

Bên được chuyển nhượng: AT & T PROPERTIES, LLC (US)
645 East Plumb Lane, #B132, Reno, Nevada 89502, U.S.A

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	AT & T WEBPARTNER	28876	02/12/1998	18/03/2017
2	AT& T VIRTUAL CLASSROOM, hình	29024	16/12/1998	20/05/2017
3	AT & T DIRECT COLLECT	29028	16/12/1998	23/05/2017

II . CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP (HỢP ĐỒNG LI-XĂNG)

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1586/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 201/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Li-xăng nhãn hiệu hàng hoá Việt Nam.

Ngày ký: 02/10/2007.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: **BURGER KING CORPORATION (US)**
5505 Blue Lagoon Drive, Miami, Florida 33126, United States of America

Bên nhận chuyển giao: **BK ASIAPAC, PTE., LTD. (SG)**
538 Orchard Road, Forum #16-01-17-01, Singapore 238884

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây:

TT	Tên đối tượng	*Số GCN*	Ngày cấp	Ngày hết hạn
1	WHOPPER	21017	12/06/1996	15/09/2015
2	BURGER KING	29721	20/02/1999	15/09/2015
3	BURGER KING và hình	29722	20/02/1999	15/09/2015

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 22/06/2006 đến ngày 15/09/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1587/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 202/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 04/12/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (TRIBECO) (VN)**
12 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRI BE CO BÌNH DƯƠNG (VN)**
Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "TRIBECO và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 1523, cấp ngày 30/05/1990.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 25/02/2008 đến ngày 12/12/2009.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1588/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 203/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 25/11/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (TRIBECO) (VN)**
12 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRIBECO MIỀN BẮC (VN)**
Km22, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "TRIBECO và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 1523, cấp ngày 30/05/1990.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 25/02/2008 đến ngày 12/12/2009.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1589/ ĐKHĐSD
Cấp theo Quyết định số 204/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 25/11/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (TRIBECO) (VN)**
12 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRIBECO MIỀN BẮC (VN)**
Km 22, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "TRIBECO" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 13610, cấp ngày 08/10/1994.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 25/02/2008 đến ngày 06/12/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1590/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 205/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 04/12/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN (TRIBECO) (VN)**
12 Kỳ Đồng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRI BE CO BÌNH DƯƠNG (VN)**
Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "TRIBECO" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 13610, cấp ngày 08/10/1994.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 25/02/2007 đến ngày 06/12/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1591/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 253/ QĐ-SHTT, ngày 28 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 24/09/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **SIEMENS AKTIENGESELLSCHAFT (DE)**
Wittelsbacherplatz 2, 80333 Munich, Federal Republic of Germany

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH SIEMENS AUTOMATION SYSTEMS (VN)**
Số 2 VSIP, đường số 10, khu công nghiệp Việt Nam Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "SIEMENS" đang được bảo hộ theo Đăng ký quốc tế số 637074, đăng ký ngày 31/03/1995.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: theo thoả thuận giữa các bên như nêu tại Điều 8 của Hợp đồng nhưng không được vượt quá ngày 31/03/2015

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1592/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 254/ QĐ-SHTT, ngày 25 tháng 02 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 29/11/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **OPEL EISENACH GMBH (DE)**
Adam-Opel-Strasse 100, 99817 Eisenach, Germany

Bên nhận chuyển giao: **ADAM OPEL GMBH (DE)**
65423 Russelsheim, Germany

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây.

Thời hạn chuyển giao: theo thoả thuận giữa các bên như nêu tại Điều 5 của Hợp đồng nhưng không được vượt quá các ngày tương ứng nêu tại cột (5) dưới đây:

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số GCN* *(3)*	Ngày cấp (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	OMEGA	9111	14/09/1993	12/02/2013
2	VECTRA	9112	14/09/1993	12/02/2013
3	ASTRA	9172	18/09/1993	12/02/2013
4	Z và hình	9516	15/11/1993	12/02/2013
5	OPEL	9517	15/11/1993	12/02/2013
6	COMBO	30915	17/05/1999	09/01/2018
7	FRONTERA	30916	17/05/1999	09/01/2018
8	OK và hình	32517	03/11/1999	13/04/2008
9	AGILA	32789	07/12/1999	30/09/2008
10	ZAFIRA	35099	04/10/2000	21/05/2009
11	TIGRA	38749	05/11/2001	09/01/2018
12	CVTronic	45462	10/03/2003	28/11/2011
13	CORSA	46271	23/04/2003	09/01/2018
14	MERIVA	50725	26/11/2003	03/07/2012

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1593/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 295/ QĐ-SHTT, ngày 04 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 01/12/2007.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: UNITED LABORATORIES, INC. (PH)
66 United St., Mandaluyong, Metro Manila, Philippines

Bên nhận chuyển giao: CÔNG TY UNITED PHARMA VIỆT NAM
(UNITED PHARMA (VIETNAM), INC.) (VN)
Xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "ODIRON-C" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 30068, cấp ngày 10/03/1999.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 04/03/2008 đến ngày 11/10/2017.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1594/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 296/ QĐ-SHTT, ngày 04 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng cho phép quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 25/12/2007.

Dạng hợp đồng: độc quyền.

Bên chuyển giao: CÔNG TY TNHH LONG NHIÊN (VN)
81/4B Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12,
thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển giao: CÔNG TY TNHH BỒN NƯỚC THIÊN THÀNH (VN)
280/128 đường ĐT2, ấp 2, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "THIÊN THÀNH và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 38162, cấp ngày 30/08/2001.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 04/03/2008 đến ngày 23/06/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1595/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 297/ QĐ-SHTT, ngày 04 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng cho phép quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá.

Ngày ký: 14/01/2008.

Dạng hợp đồng: Độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY TNHH ĐỒ CHƠI TRẺ EM PHÚC HƯNG XANH (VN)**
272 Lê Thánh Tôn, phường Bến Thành, quận I, thành phố Hồ Chí Minh

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÚC HƯNG XANH (VN)**
451/2 Huỳnh Văn Bánh, phường 13, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "SACH GIAO KHOA KY DIEU KINDER GABE PHUC HUNG XANH, hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 71963, cấp ngày 11/05/2006.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 04/03/2008 đến ngày 27/05/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1596/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 299/ QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 02/01/2008.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)**
08A quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ AN GIANG (VN)**
23/2A Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "BASTION B và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 41429, cấp ngày 03/06/2002.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 02/01/2008 đến ngày 31/12/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1597/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 300/ QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 02/01/2008.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)**
08A quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ ĐỒNG THÁP (VN)**
59/4 quốc lộ 80, xã Tân Phú Đông, thị xã Sa Đéc,
tỉnh Đồng Tháp

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "BASTION B và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 41429, cấp ngày 03/06/2002.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 02/01/2008 đến ngày 31/12/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1598/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 301/ QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

Ngày ký: 02/01/2008.

Dạng hợp đồng: không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN)**
08A quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ BẾN TRE (VN)**
90A3 đại lộ Đồng Khởi, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "BASTION B và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 41429, cấp ngày 03/06/2002.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 02/01/2008 đến ngày 31/12/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1599/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 302/ QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.
Ngày ký:	02/01/2008.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ LONG AN (VN) 08A quốc lộ 1A, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
Bên nhận chuyển giao:	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC LÁ CỬU LONG (VN) 4D Nguyễn Trung Trực, phường 8, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "BASTION B và hình" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 41429, cấp ngày 03/06/2002.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: từ ngày 02/01/2008 đến ngày 31/12/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1600/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 303/ QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng:	Hợp đồng li-xăng nhãn hiệu hàng hoá và tên thương mại.
Ngày ký:	Hợp đồng chính ký ngày 18/05/2006; Phụ lục hợp đồng ký ngày 08/06/2007; Phụ lục hợp đồng ký ngày 11/02/2008.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	CEREBOS PACIFIC LIMITED (SG) 400 Orchard Road #11-12, Orchard Towers, Singapore 238875.
Bên nhận chuyển giao:	CEREBOS (THAILAND) LIMITED (TH) 15th Floor, Kian Gwan Building II, 140/1 Wireless Road, Kwaeng Lumpinee, Khet Patumwan, Thailand.

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng các nhãn hiệu đang được bảo hộ theo các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá tương ứng dưới đây.

Thời hạn chuyển giao: theo thoả thuận giữa các bên như nêu tại Điều 1 của Phụ lục hợp đồng ký ngày 11/02/2008 nhưng không vượt quá các ngày tương ứng nêu tại cột (5) dưới đây:

TT (1)	Tên đối tượng (2)	*Số GCN* *(3)*	Ngày cấp (4)	Thời hạn chuyển giao (5)
1	CEREBOS	5285	22/07/1992	24/01/2012
2	Chữ Trung Quốc	19639	04/01/1996	09/06/2015
3	BRAND'S	24526	30/06/1997	25/05/2015
4	Chữ Trung Quốc	36821	11/04/2001	07/12/2009
5	BRAND'S và hình	40299	14/03/2002	20/10/2010
6	BRAND'S và hình	40323	18/03/2002	20/10/2010
7	BRAND'S và hình	40324	18/03/2002	20/10/2010
8	BRAND'S	41927	08/07/2002	07/12/2009
9	Hình	48015	19/06/2003	20/10/2010
10	Hình	48016	19/06/2003	20/10/2010
11	Hình	48083	19/06/2003	20/10/2010

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1601/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 304/ QĐ-SHTT, ngày 06 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng: Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu.

Ngày ký: 01/03/2007.

Dạng hợp đồng: Không độc quyền.

Bên chuyển giao: **CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KINH TẾ QUỐC TẾ ANH VŨ (VN)**
44B Hàng Bún, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bên nhận chuyển giao: **CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM (VN)**
Phúc Thắng, huyện Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng nhãn hiệu "NAGAKAWA" đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 46576, cấp ngày 07/05/2003.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: Theo thoả thuận giữa các Bên như nêu tại Điều 7 của Hợp đồng nhưng không được vượt quá ngày 08/10/2011.

Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp số 1602/ ĐKHĐSD

Cấp theo Quyết định số 354/ QĐ-SHTT, ngày 10 tháng 03 năm 2008

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.
Ngày ký:	03/03/2008.
Dạng hợp đồng:	không độc quyền.
Bên chuyển giao:	PHAN ĐỨC TÁC (VN) Thôn Tô Khê, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Bên nhận chuyển giao:	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN CÔNG NGHỆ KÈ BỜ MINH TÁC (VN) 649/56/12 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng chuyển giao: quyền sử dụng sáng chế "Mái bê tông lắp ghép tự chèn có cốt dẫn hướng dùng cho các công trình bảo vệ bờ" đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế số 5874, cấp ngày 15/09/2006.

Phạm vi chuyển giao: lãnh thổ Việt Nam.

Thời hạn chuyển giao: 10 năm tính từ ngày 10/03/2008.

ĐÍNH CHÍNH

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 81408 cấp ngày 23.04.2007
Nội dung đính chính: Tên và địa chỉ của Chủ Văn bằng được sửa thành:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ THÚ Y AN VIỆT
124A Xuân Thủy, khu phố 2, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 84400 cấp ngày 13.07.2007
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm được sửa thành:
Nhóm 06: Hàng ngũ kim; đinh vít bằng kim loại; đinh chốt bằng kim loại; đai ốc bằng kim loại; vòng đệm bằng kim loại và xích bằng kim loại; bộ đồ bằng kim loại dùng cho đồ gỗ; bản lề bằng kim loại; khóa bằng kim loại (ngoài loại khóa điện); chìa khóa; vòng đeo chìa khóa bằng kim loại; đinh dùng cho leo núi; lõi cuốn bằng kim loại; dây kim loại dùng cho đồ gỗ; vòng bằng kim loại; chuông; biểu tượng bằng kim loại cho xe cộ; chữ cái và chữ số bằng kim loại; mỏ neo; tay quay bằng kim loại dùng cho các thiết bị; bộ phận bằng kim loại của cửa sổ và cửa ra vào.

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 84493 cấp ngày 16.07.2007
Nội dung đính chính: Tên của Chủ Văn bằng được sửa thành:

HARN PRODUCTS COMPANY LIMITED

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 85919 cấp ngày 13.08.2007
Nội dung đính chính: Tên của Chủ Văn bằng được sửa thành:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN SPANYC

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 86709, 86710, 86712, 86713, 86714, 86715, 86716 cấp ngày 21.08.2007
Nội dung đính chính: Tên của Chủ Văn bằng được sửa thành:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN SPANYC

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 87223 cấp ngày 24.08.2007
Nội dung đính chính: Địa chỉ của Chủ Văn bằng được sửa thành:

35, Selegie Road, #04-07, Parklane Shopping Mall, Singapore 188307

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 89304 cấp ngày 20.09.2007
Nội dung đính chính: Địa chỉ của Chủ Văn bằng được sửa thành:

7th Floor, Jollibee Plaza Building, #10 Emerald Avenue, Ortigas Center Pasig City, Philippines

---

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 89979 cấp ngày 05.10.2007
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm được sửa thành:
Nhóm 03: Các loại xà phòng; chất tẩy rửa; các chế phẩm dùng để tẩy trắng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; nước dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm; các chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa colonhơ; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc và da đầu; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; thuốc nhuộm tóc; chất tạo kiểu tóc; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; các chế phẩm chăm sóc răng miệng; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 92175 cấp ngày 28.11.2007
Nội dung đính chính: Tên và địa chỉ của Chủ Văn bằng được sửa thành:

CÔNG TY TNHH NỮ VƯƠNG
84 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 90747, 90748 cấp ngày 25.10.2007
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm được sửa thành:
Nhóm 03: Các loại xà phòng; chất tẩy rửa; các chế phẩm dùng để tẩy trắng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; nước dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm; các chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa colonhơ; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc và da đầu; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; thuốc nhuộm tóc; chất tạo kiểu tóc; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; các chế phẩm chăm sóc răng miệng; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

Nhóm 03: Các loại xà phòng; chất tẩy rửa; các chế phẩm dùng để tẩy trắng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; nước dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm; các chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa colonhơ; tinh dầu; mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc và da đầu; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; thuốc nhuộm tóc; chất tạo kiểu tóc; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; các chế phẩm chăm sóc răng miệng; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 91324 cấp ngày 07.11.2007
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm được sửa thành:
Nhóm 03: Các loại xà phòng; chất tẩy rửa; các chế phẩm dùng để tẩy trắng; các chế phẩm làm sạch; nước hoa; nước dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm; các chế phẩm dùng sau khi cạo râu; nước hoa colonhơ; tinh dầu, mỹ phẩm làm thơm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng khi massage (mát xa) không chứa dược chất; các chất khử mùi dùng cho cá nhân và chất chống làm ra mồ hôi không chứa dược chất; mỹ phẩm dùng để chăm sóc tóc và da đầu; dầu gội đầu; dầu dưỡng tóc; thuốc nhuộm tóc; chất tạo kiểu tóc; kem đánh răng; chế phẩm làm sạch miệng không dùng trong ngành y; các chế phẩm chăm sóc răng miệng; các chế phẩm dùng để vệ sinh nhằm mục đích trang điểm không chứa dược chất; các chế phẩm dùng để tắm bồn và tắm vòi hoa sen; mỹ phẩm chăm sóc da; các loại dầu, kem và nước thơm dùng cho da; các chế phẩm dùng để cạo râu; các chế phẩm dùng trước và sau khi cạo râu; các chế phẩm tẩy lông; các chế phẩm làm rám

nắng và làm nâu da; các chế phẩm chống nắng; các loại mỹ phẩm; các chế phẩm dùng để trang điểm và tẩy trang; dầu dưỡng da; các chế phẩm dưỡng môi; bột tan dùng để đắp lên da; bông trang điểm; chổi trang điểm (đi kèm với bộ đồ mỹ phẩm); các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau dùng để trang điểm; các miếng đệm lót, giấy lau, bông lau đã được làm ẩm hoặc được ngâm tẩm các chất dùng làm sạch; mặt nạ trang điểm; kem dùng để đắp mặt.

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 92761 cấp ngày 07.12.2007
Nội dung đính chính: Tên của Chủ Văn bằng được sửa thành:

L'OREAL, SOCIETE ANONYME

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 93965 cấp ngày 03.01.2008
Nội dung đính chính: Danh mục sản phẩm được sửa thành:
Nhóm 01: Các sản phẩm hoá học sử dụng trong công nghiệp, nông nghiệp, nghề làm vườn và lâm nghiệp ngoại trừ chất diệt nấm, chất diệt cỏ dại, thuốc diệt sâu và chất diệt ký sinh trùng; phân bón; hóa chất công nghiệp, cụ thể là hóa chất từ nitơ boa gồm amoniac, ammoni bicacbonat, ammoni nitrat, đinitơ tetroxit, axit nitric, axit clohyđric, axit phosphoric, ure, canxi cacbonat, canxi nitrat, kali nitrat; natri nitrat; axit formic và muối của nó; chất keo tụ; khí công nghiệp, khí chuyên dụng và khí dùng để hàn, bao gồm axetylen, metyl acetylen, oxy, nitơ, argon, cacbon đioxit, cacbon monoxit, heli, hyđro, neon, krypton, xenon, metan, đơteri và hỗn hợp các khí trên, tất cả ở thể khí, lỏng hoặc rắn; chất xúc tác; các chất để làm đông lạnh; Amoni nitrat để sản xuất thuốc nổ nhũ tương.

Nhóm 13: Thuốc nổ amoni nitrat dạng dầu (ANFO), tất cả cho mục đích dân dụng.

Nhóm 44: Cho thuê trang thiết bị nông nghiệp; tư vấn và cố vấn chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp, làm vườn và lâm nghiệp.

Văn bằng bảo hộ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 95659 cấp ngày 04.02.2008
Nội dung đính chính: Tên của Chủ Văn bằng được sửa thành:

CÔNG TY THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ